Pháp Ngữ của Thiền Sư Hư Vân

Thích Hằng Đạt

Mục Lục
Lời Giới Thiệu

Mục Lục

Phần IV

Phần V

Phần VI

Phần VII

Phần VIII

Phần IX

2/ Nhân duyên của quyển Tăng Đính Phật Tổ Đạo Ảnh.

Lời Giới Thiệu [^]

Tuy thuyết pháp trong bốn mươi chín năm trường mà đức Phật Thích Ca tự bảo rằng Ta chưa từng nói một lời nào. Tuy truyền trao tâm ấn cho tôn giả Ma Ha Ca Diếp qua hình ảnh "Niêm Hoa Vi Tiếu", mà đức Phật cũng chưa hề nói một chữ "Thiền". Tuy bao đời lịch đại tổ sư, thầy trò "Dĩ Tâm Truyền Tâm" với nhau, nhưng chưa từng nói rằng có một pháp nào để truyền thừa. Tiếp nối tông chỉ này, thiền sư Hư Vân, bậc minh nhãn thiện tri thức thời cận đại, tuy giảng kinh thuyết pháp, hoằng truyền tông giáo, khơi dậy mạch nguồn Thiền tông, tiếp thừa hệ phái ngũ gia (Lâm Tế, Tào Động, Vân Môn, Pháp Nhãn, Quy Ngưỡng), hóa độ hàng chục ngàn tăng ni và hàng triệu cư sĩ tại gia trải qua một thế kỶ, mà chính tự tay Ngài chưa từng viết một quyển khai thị hay pháp ngữ nào. Mãi cho đến khi Ngài bị công an Cộng Sản Trung Quốc tra tấn dã man trong hai lần liên tục, chư đệ tử mới khẩn thỉnh Ngài tự thuật lại cuộc đời tu hành, hoằng pháp lợi sanh, hầu mong làm tấm gương sáng cho hậu thế. Vì lòng từ bi quảng đại, tuy bị trọng thương qua hai lần bị tra tấn cực hình, Ngài vẫn cố gượng kể lại cuộc đờI tu hành của mình, mà sau này chư đệ tử viết lại thành quyển "Biên Niên Tự Thuật" (đã được chúng tôi và anh Nguyên Phong phiên dịch cùng phóng tác ra Việt ngữ, qua quyển "Đường Mây Trên Đất Hoa"). Lại nữa, vì hương thơm đức hạnh tu hành của Ngài lan truyền khắp nơi, khiến chư đệ tử phải thâu thập những bài giảng thuyết, khai thị, pháp ngữ của Ngài, rải rác trong bao thập niên, rồi gom lại thành tập "Pháp Ngữ", để lưu truyền hậu thế. Tuy bị công an Cộng Sản Trung Quốc tra tấn, chết đi sống lại hai lần, nhưng xuyên qua những bài pháp ngữ cùng trong quyển "Biên Niên Tụ Thuật", Ngài chưa từng đả kích hay lên án chế độ Cộng Sản, mà chỉ bảo là do nghiệp duyên tiền kiếp, nên nhẫn nhịn gánh chịu. Lịch đại tổ sư đã từng bị bao nghịch duyên oan trái như tôn giả Mục Kiền Liên bị ngoại đạo đánh chết, tổ Sư Sử bị vua Di La Quật chém đầu, tổ Bồ Đề Đạt Ma bị người hãm hại bằng thuốc độc, nhưng các ngài chẳng hề oán trách ai, mà chỉ vui lòng thọ nhận oan khiên tiền kiếp, vì đã nhận ra "Bổn Lai Diện Mục", tức chủ nhân ông trong thân tứ đại bọt bèo huyễn hóa. Ngược lại, phàm phu vừa bị một trong tám gió thổi đến, thì tham sân si bèn nổi lên.

Quyển Pháp Ngữ mà hiện tại quý độc giả đang cầm trên tay, được chúng tôi phiên dịch từ quyển "Hư Vân Hòa Thượng Khai Thị Lục" do pháp sư Tịnh Huệ, và một phần trong quyển "Hư Vân Văn Tập" do hai cư sĩ Hồng Khánh Sùng cùng Hoàng Khánh Lâm biên tập ghi chép lại.

Đối với hành giả Thiền Tông nói riêng và hàng Phật Tử thành tâm cầu đạo giải thoát nói chung, sẽ thấy quyển này vô vàn quý giá vì là kim chỉ nam và cẩm nang cho người tu tập pháp Tổ Sư Thiền, như những bài "Điều kiện tiên quyết khi tu thiền", hay "Phương pháp quán thoại đầu cùng phản văn văn tự tánh", mà chính thiền sư Hư Vân đã "Thật Tu Thật Chứng". Lại nữa, nếu muốn thâm nhập vào ba môn vô lậu học, tức giới định huệ của Phật giáo Đại Thừa, hành giả phải nên đọc qua quyển Pháp Ngữ này, vì trong đây thiền sư Hư Vân giảng sâu rộng về phương thức trì giới thanh tịnh, thâm nhập chánh định, phát khởi trí huệ vô sư.

Ngoài ra, có đọc qua những bài pháp ngữ này, chúng ta mới cảm kích thâm sâu hạnh nguyện nhẫn nhục, tâm hồn vị tha vô ngã, đạo tâm kiên cố trường viễn, hành tung bình dị, hạnh tu đầu đà của thiền sư Hư Vân, một vị thánh tăng trong đời cận đại, cho dầu thế sự có đảo điên, hay "Nội Ưu Ngoại Hạn" của quốc gia dân tộc.

Phiên dịch quyển Pháp Ngữ này, chúng tôi hy vọng quý độc giả mến chuộng tu thiền sẽ nghiền ngẫm và áp dụng những lời vàng ngọc của thiền sư Hư Vân vào cuộc sống tu tập hằng ngày, hầu mong ly khổ đắc lạc, và sống lại với tự tánh thanh tịnh bản nhiên của mình.

Kế đến, chúng con thành tâm đốt nén tâm hương kính lễ đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni, ba đời mười phương chư Phật, chư Bồ Tát chư hiền thánh Tăng, đại lão hòa thượng Hư Vân, ân sư đại lão hòa thượng Tuyên Hóa trong cõi Niết Bàn thấu rõ và chứng minh cho bản dịch Pháp Ngữ này.

Trong kinh thường dạy: "Hãy chí thành viết một chữ hay truyền cho kẻ khác chừng một câu thì công đức phước báu vô lượng". Vậy có bao nhiêu công đức do dịch quyển Pháp Ngữ này, chúng con thành tâm hồi hướng cầu nguyện cho quê mẹ Việt Nam và thế giới được thanh bình; Phật giáo Việt Nam và Thế Giới mãi được trường tồn; tất cả chúng sanh đồng phát tâm Bồ Đề chứng quả vị Phật.

Cuối cùng, chúng con thành tâm cầu xin chư vị thiện tri thức trong mười phương từ bi xá tội và chỉ dạy những lỗi lầm sơ suất trong bản dịch này.

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Mùa xuân năm 2000.
Tỳ kheo Thích Hằng Đạt kính bút.

Phần I

I. Quý cư sĩ tại Thượng Hải thỉnh giảng năm 1911 [^]

Hôm nay, tôi được quý cư sĩ yêu cầu lược giảng Phật pháp. Bàn về việc này, lão nạp thật hổ thẹn muôn phần. Chướng duyên che lấp, tự mình chẳng có chút tu hành chân thật. Tuy đàm luận những lời thô thiển, nhưng không ngoài việc nhắc lại những lời dư thừa của cổ nhân mà chẳng có chút gì liên hệ với mình.

Nhớ lại khi xưa, đức Phật vì đại sự nhân duyên mà giáng thế, giáo huấn, và dạy bảo hơn tám mươi bốn ngàn pháp môn. Tất cả đều nhằm vào mục đích tùy theo căn bịnh mà cho thuốc. Thật ra, nếu không có bịnh thì dùng thuốc để làm gì ? Tuy nhiên, một khi còn bịnh thì chẳng thể không dùng thuốc. Các phương thuốc tại cõi Hoa Mạn này là những toa linh dược rất linh nghiệm mà không ngoài: Thiền-tông, Luật-tông, Giáo-tông, Tịnh-độ-tông, Mật-tông. Những phương thuốc đó đã từng một thời phát triển rạng rỡ ở phương này. Ngoài ra, có những tông phái được xem là hưng thịnh một thời như tông Thiên Thai, tông Hiền Thủ, tông Duy Thức, Đông Mật, Tây Mật . Các tông phái đó tuy thù thắng vi diệu, nhưng chỉ có Thiền-tông và Luật-tông là nhiều người không chú ý đến.

Tuy nay là đời mạt pháp, nhưng thực ra pháp không mạt tận, mà chỉ tại do người. Tại sao ? Người người chỉ lo đàm luận suông thiền này Phật nọ. Giảng Phật học rất nhiều, nhưng không chịu học Phật. Xem thường hạnh Phật, chẳng rõ nhân quả, phá giới luật Phật chế. Những tệ đoan xấu xa, đại khái phát xuất từ những nguyên nhân

đó. Vì vậy, chúng ta, những người chân chánh vì sanh tử mà học Phật, phải cẩn thận chú ý, chớ xem thường bỏ qua.

Pháp môn tuy nhiều, nhưng mỗi mỗi đều vì cắt đứt sanh tử luân hồi. Kinh Lăng Nghiêm thuyết: "Xoay về nguồn tánh thì không hai, nhưng phương tiện lại có nhiều".

Trong hai mươi lăm vị thánh, mỗi vị chuyên môn tu một pháp môn. Do đó, chư Tổ bảo rằng phải thâm nhập một pháp môn. Chư thánh hiền nếu tham tu tập nhiều pháp môn thì e rằng không thể chứng đắc đạo viên thông. Vì vậy, thọ trì sáu mươi hai ức hằng sa danh tự của các vị Pháp Vương Tử , không bằng thọ trì một danh tự Quán Âm Bồ Tát.

Người học Phật quý tại chân thật, chứ không biểu diễn tu đạo; phải thường dẹp trừ những tâm kiêu ngạo giả dối; chí nguyện phải kiên cố; chẳng tham đắm thần thông diệu dụng; tin sâu lý nhân quả; kiên trì giữ giới như giữ hạt sương mai buổi sớm; tận lực hành trì chẳng phạm giới pháp thì sẽ có ngày thành Phật mà tuyệt nhiên không có gì là kỳ lạ. Tâm, Phật, chúng sanh vốn không sai biệt. Tự tâm là Phật. Tự tâm làm Phật. Sao có tu chứng ? Vì do sự khác biệt giữa mê và ngộ, cùng tình ái, tập khí nặng nề, mới tạm phân thành mười pháp giới. Phải nên hiểu rằng mười pháp giới xuất phát từ một nguồn tâm, hay gọi là Phật. Vì thế, phải tận lực hành trì, tiêu diệt hoặc nghiệp. Tập khí và tật bịnh nếu được trừ hết thì tự nhiên không cần dùng đến thuốc. Người xưa bảo:

- Dẹp hết tâm phàm, thật không có chư thánh giải thoát.

Ví như khi nước dơ nếu bỏ phèn vào thì trở nên lắng trong. Tu đạo cũng như thế. Tập khí và tình ái như bụi trần; nước như tự tâm; phèn lọc nước dơ, khiến nước đó liền được lắng trong. Lúc tu hành, người phàm phu hãy cố gắng chuyển tánh phàm

thành tánh thánh. Tuy nhiên, phải phân rõ gì là chánh, và gì là phụ. Hoặc niệm Phật là chánh, còn các pháp môn khác là phụ trợ, rồi hồi hướng công đức tu hành về cõi Tịnh Độ. Niệm Phật quý nơi tâm và khẩu không khác biệt. Niệm niệm không gián đoạn. Niệm đến lúc không niệm mà niệm. Thức ngủ luôn nhất như. Dụng công như vầy, sao lo gì không đến cõi Cực Lạc ?

Tham thiền vốn là pháp môn siêu vượt hơn các pháp môn khác. Dâng cành hoa mỉm cười, khiến xuất sanh biết bao bậc minh tâm kiến tánh. Đây thật là tông chỉ truyền ngoài giáo lý của đức Như Lai mà phàm phu không thể hiểu nổi. Nếu chưa gặp được bậc minh tâm kiến tánh, chỉ nên nỗ lực tham quán một câu thoại đầu. Chớ nên đem tâm cầu giác ngộ, hay để tâm trống không, rồi ngồi khởi vọng tưởng, cùng tham nghĩa huyền diệu, công án, thần thông, v.v... Phải nên quét sạch tri kiến, chỉ trụ một câu thoại đầu, rời ngoài niệm ý thức. Lúc một niệm chưa sanh, hãy nhìn thẳng vào, dầu lâu chẳng thối và chẳng màng ngộ hay không ngộ. Khi nghi tình hiện rõ, tâm tự kết thành phiến. Lúc động tịnh nhất như , nếu gặp được cơ duyên, ngồi thiền liền cắt đứt mạng căn, như quả đã chín thì phải rụng, rồi mới thật tin rằng mình cùng Phật không khác. Ngài Quy Sơn bảo:

- Đời đời nếu không thối chuyển, quyết sẽ có kỳ đạt đến quả vị Phật.

Sao tự khi dối mình ! Mỗi suy nghĩ và cách nhìn đều không biết tông chỉ của Thiền-tông, nên lầm chấp giữ tà tín xằng bậy. Dùng cuồng thiền tà định, chế nhiễu hủy báng và bảo rằng Thiền-tông như thế này hay như thế nọ mà chẳng biết việc tốt xấu. Nào biết đâu, từ xưa đến nay, thành Phật làm Tổ như lột vỏ lúa, đơn độc chỉ có tông này siêu vượt hơn những pháp môn khác.

Luận về đời nay, trong Thiền-tông những bậc ngoại hộ thật ích sư tử hống thật rất hiếm có. Những tông phái khác cũng đều tệ hại như thế. Người đời nay chẳng có

chút sự tinh tấn tu hành; cứ mắc bịnh nơi bảo ăn mà chịu không ăn, hay chỉ lo đếm trân bảo cho người khác, hoặc vứt bỏ luật nghi nhân quả, thật tệ hại quá lắm !

Nếu thiền gia dùng công phu tu thiền mà niệm Phật thành phiến, thì vẫn giống như người thường niệm Phật, sao lo gì không gặp Phật Di Đà ? Nếu người niệm Phật dùng tâm niệm đến lúc không niệm mà niệm, thức ngủ như nhau, để tham thiền như thiền gia thì lo gì không ngộ đạo ?

Tổng quát, phải nên dốc tâm hành trì thâm sâu vào một pháp môn. Tu pháp môn nào cũng đều như thế. Nếu dụng công tu hành như vậy thì tôi dám bảo đảm rằng ai ai cũng sẽ thành Phật. Sao sợ nghiệp căn sâu dầy, tập khí thâm sâu, mà không được đốn ngộ giải thoát ? Ngoài những pháp này ra, nếu có những pháp thuật khác hay hơn, thật tôi không biết đến !

Những người học đạo khó tinh tấn hay khó đạt được ích lợi, phần nhiều vì tâm làm biếng và tham lam chưa dứt. Nay tham thiền, mai niệm Phật, rồi mốt lại trì mật chú, cùng tu bao loại pháp môn khác mà không phân biệt môn nào chánh, môn nào phụ. Luôn luôn thay đổi cửa ngõ môn đình mà vọng cầu thành Phật; chẳng hành chút hạnh Phật, chỉ tạo bao nghiệp ma, nên thường làm quyến thuộc ma. Tu đến khi tóc bạc mà chẳng thành, bèn trở lại phỉ báng chế giễu chánh pháp. Người xưa bảo:

- Nếu không muốn bị đọa vào ngục vô gián, chớ phỉ báng chánh pháp của Như Lai.

Hôm nay gặp thắng hội Đại Sĩ, mọi người đồng tâm làm lễ, và phải tự nhận ra đại sĩ Quán Tự Tại trong nhà mình. Đại sĩ Quán Tự Tại từ văn, tư, tu, rồi nhập vào tam ma địa. Ngài A Nan vì Ỷ trí nhớ hay, nên không tránh khỏi tà tư. Dùng tánh nghe để trì danh hiệu Phật, sao không tự biết cái nghe ? Nghe lại tự tánh, tánh liền thành đạo vô thượng.

Hư Vân tôi vốn là kẻ nương núi rừng hoang dã, tri thức cạn cợt, chỉ vì do ý tốt của quý vị, thỉnh mời đến đây, để lược bày những việc hành trì thối thất và tăng ích của sự tu hành.

Hôm nay là ngày mười chín tháng chín, cùng với quý vị, dùng miệng thô tục niệm danh hiệu Quán Âm. Đại sĩ Quán Âm do từ cái nghe mà nhập vào cửa pháp, rồi xả bỏ mọi mắt, mũi, thân, ý, các vật sở hữu, và quên hết có, không, nơi chốn, thân mạng. Quý vị hãy tự tại mà quán tâm niệm !

II. Khai thị trong kỳ Phật thất tại Phước Kiến Công Đức Lâm, năm 1933 [^]

Tu hành trong Phật thất quý tại nhất tâm. Tâm nếu không chuyên nhất thì mắt nhìn đông, hay tai nghe tây. Tu hành cách đó, cho đến Phật Di Lặc hạ sanh, nghiệp chướng vẫn còn ràng buộc nơi thân. Phật pháp hay thế gian pháp cũng đều giống nhau. Chẳng chú tâm làm việc pháp thế gian còn không được, hà huống tu Phật pháp ! Đối với người niệm Phật, từ đầu đến cuối, phải liên tục niệm thầm lặng; phải niệm rõ ràng mỗi câu mỗi chữ, không thể lầm lộn. Phật đến cũng niệm hay ma đến cũng niệm. Niệm đến lúc gió thổi không vào thân, hay mưa rơi không ướt mình thì mới có ngày thành tựu. Tại sao ? Phật là bậc giác ngộ. Nếu muốn giác ngộ thì phải tự biết dùng sự chuyên tâm mà niệm. Ma tức là phiền não. Chúng não hại huệ mạng của chúng sanh. Biết ma vốn thường não hại huệ mạng, đương nhiên phải nên dụng công lực, chuyên tâm niệm Phật để hàng phục chúng. Thế nên, khi giác ngộ viên mãn thì thường thấy Phật. Khi bị tổn hại thì đó là gặp ma.

Trong đạo tràng niệm Phật, nếu ngồi bất động và liên tục niệm Phật thì chắc chắn sẽ gặp Phật. Khi tôi đến, quý vị ra đón tiếp lễ bái. Quý vị đón tiếp để làm gì ? Thật có uổng phí thời gian lắm không ? Làm sao chứng đắc được gì ? Có phải khi tôi

đến, khiến làm não hại tịnh nghiệp nhất tâm của quý vị không ? Việc này, cũng vì quý vị đặt tôi vào điện Diêm Ma La. Thật buồn thay !

Thương thay cho người thế tục ! Họ không biết cung kính Tam Bảo. Họ đem heo quay, gà quay, cá nướng đến cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm; đó là phạm giới giết hại, lại không biết cung kính Ngài. Lần nọ, tôi ở Thượng Hải, gặp lúc bọn ca múa hát xướng đến ca diễn. Một vị cư sĩ nọ mua vé cho vài chỗ ngồi, mất cả trăm đồng. Ông ta mời tôi đi xem ca diễn. Tôi bèn bảo ông ta rằng hãy nói thử xem, đệ tử tại gia khi thọ tám giới quan trai, không được đi xem ca diễn, hà huống tôi là người xuất gia ! Ông mời tôi đi xem diễn kịch, cũng giống như đem heo quay cúng Bồ Tát. Ông ta liền cúi đầu sám hối, và thưa rằng hôm nay bỏ ra cả trăm đồng mới được nghe lời giáo huấn, cùng biết cách thức cung kính chư tăng.

Phật pháp vô thượng, quý tại dụng tâm.

III. Thư đáp tướng Tưởng Giới Thạch [^]

...Ngày nay, Phật giáo lan truyền khắp thế giới. Phật giáo tiên phong mở đường cho chủ nghĩa đại đồng. Trên thế giới, xem xét kỸ càng, nhận thấy có hai luồng tư tưởng: Luận Duy Thần và luận Duy Vật. Tuy nhiên, chủ thuyết quả báo luân hồi ảnh hưởng phổ cập khắp nơi; đây là điều không thể nghĩ bàn ! Theo luận Duy Thần của đạo Cơ Đốc thì Thần thường ban an vui cho người hiền, nhưng lại trừng phạt những kẻ ác. Vì vậy mà chấp nhận sự tồn tại của thần linh, và cho đó là lẽ tự nhiên. Tuy nhiên, những nhà Duy Thần đó chẳng biết giáo điều như thế, không thể khiến người đời tin sâu, nên đưa đến việc họ cùng những nhà Duy Vật tranh cãi bài bác. Do đó, đạo Cơ Đốc không thể duy trì nền hòa bình cho thế giới. Thật ra, thần tức là vật. Vật tức là tâm. Tâm cũng là thần. Tuy nhiên, thần cũng không phải thần, hay

vật cũng không phải vật, và tâm cũng không phải tâm. Đức Phật giải thích rõ rằng ba cõi vốn không có một pháp nào cả, mà chúng đều là vọng khởi từ chân tâm. Từ chân tâm này sanh ra muôn pháp. Tuy gọi là "Chân Tâm", nhưng thực ra vì có vật chất hư vọng đối đãi nên mới giả lập danh tự. Bàn đến lẽ cùng tột, gọi là "Chân Tâm" cũng không đúng.

Ví như trong biển cả, tâm là nước, và muôn pháp (muôn sự vật) là sóng. Khi biển êm gió lặng thì gọi là nước biển. Khi gió thổi biển động thì gọi là sóng biển. Khi sóng lặng thì là nước biển. Lúc nước biển khởi dậy thì biến thành sóng biển. Giả sử không có tướng nước chảy cuồn cuộn thì không thể lập danh từ hư giả là sóng biển. Nếu không có danh từ sóng biển thì danh từ nước biển hư giả do đâu mà sanh ra ! Những danh từ hư giả này, chỉ do chúng ta tùy tiện lập ra. Vì vậy, vật tức là tâm. Hữu vi tức là vô vi. Sắc tức là không. Vọng tức là chân. Phiền não tức là Bồ Đề. Chúng sanh tức là chư Phật. Lúc một niệm bị mê hoặc thì tâm trở thành vật; vô vi biến thành hữu vi; không biến thành sắc; chân biến thành vọng; Bồ Đề biến thành phiền não; chư Phật biến thành chúng sanh; nước biển chảy cuồn cuộn thì biến thành sóng biển. Khi có một niệm giác ngộ thì vật chẳng khác tâm; hữu vi chẳng khác vô vi; sắc chẳng khác không; vọng chẳng khác chân; phiền não chẳng khác Bồ Đề; chúng sanh chẳng khác chư Phật; sóng biển lặng thì là nước biển. Lại nữa, vì tâm khởi mê hoặc nên mới giả lập ra vật chất, hữu vi, sắc tướng, vọng không, phiền não, chúng sanh, v.v... để đối đãi với chân tâm, vô vi, chân không, Bồ Đề, chư Phật. Vì thế, dẫu gọi là duy tâm, duy vật, hữu thần, hay vô thần, tất cả đều do tâm thức phân biệt đặt để. Có người bảo:

- Nếu như thế thì Phật giáo cũng theo luận Duy Tâm !

Nhà Phật tuy nói duy tâm, nhưng khác hẳn với luận lý Duy Tâm của các nhà triết học. Luận Duy Tâm của triết học là nơi tâm chấp có và nơi vật chấp không. Vì vậy,

Phật Thích Ca bảo rằng chúng sanh chấp tâm suy tính so đo làm tự tánh và chấp vọng tưởng sanh tử làm thật thể. Người theo chủ nghĩa duy vật, chấp vật thể là có thật và chấp tâm là hư vô. Phật Thích Ca bảo rằng những người này thường làm những việc điên đảo, vì ngộ nhận vật chất mà cho là mình, nên mãi mãi lưu chuyển trong dòng sanh tử. Luận Duy Thần phân tách rõ ràng giữa thật thể của vật chất và thật thể của thần linh. Vì thế, luận Duy Thần và Duy Vật phân biệt thành hai thế giới riêng biệt. Phật Thích Ca bảo rằng khi tâm thức bị mê hoặc thì nhận lầm bọt biển làm biển cả. Đó gọi là sự hiểu biết sai lầm. Hoặc vì gần gũi, thấy hình trâu mà cho là trâu thật. Hoặc nhìn sơ qua sừng trâu mà lầm nhận sừng trâu là con trâu. Hoặc do thấy đầu trâu mà cho đầu trâu là con trâu. Thật ra, chẳng phải như thế ! Họ không nhìn thấy toàn thể tướng chân thật của con trâu. Phật giáo đàm luận cùng tận cội nguồn và thấu triệt chân lý qua việc chỉ rõ con trâu trắng chân thật. Nếu chỉ xem sơ qua mà chưa thật thấy toàn thể con trâu, đó là lạc vào thiên chấp của luận Duy Tâm và Duy Vật.

Biệt danh chân lý của nhà Phật là minh tâm kiến tánh, bản nhiên thanh tịnh, chân tâm thường trụ, giác tánh chân như, thật tướng pháp thân, v.v... Rời các danh tướng thì không có nơi chốn định nghĩa chân lý. Thể tánh tự giác vốn tự sáng soi và là đức tánh bổn hữu mà không có năng và sở đối đãi. Gốc vốn không có gì gọi là mười phương hay ba đời. Lại nữa, chẳng có chi gọi là đất đai, con người, thú vật, cây cỏ, ngói đá, địa ngục, thiên đường, v.v...Thật ra, chỉ vì một vọng niệm mà khởi ra pháp hữu vi.

Trong kinh Lăng Nghiêm, ngài Phú Lâu Na bạch hỏi Phật:

- Bạch đức Thế Tôn ! Tánh giác vốn tự thanh tịnh, nhưng vì cớ sao lại đột nhiên sanh ra đất đai núi sông ?

Phật đáp:

- Này Phú Lâu Na ! Ông hỏi rằng chân tâm đã vốn thanh tịnh, vì sao bỗng nhiên lại sanh ra núi, sông, đất liền ? Vậy ông có thường nghe Như Lai chỉ dạy rằng chân tâm nhiệm mầu vắng lặng mà thường sáng suốt chiếu soi không ?

- Bạch đức Thế Tôn ! Con có thường nghe Phật dạy nghĩa ấy.

- Vậy chân tâm này, ông cho nó tự có tánh sáng suốt phân biệt chiếu soi hay là không có sáng suốt phân biệt chiếu soi ?

- Bạch đức Thế Tôn ! Nó sẵn có tánh sáng suốt phân biệt chiếu soi nên mới gọi là tâm. Nếu không có tánh sáng suốt phân biệt chiếu soi thì không gọi là tâm, vì nó không phân biệt được cái gì cả.

- Ông nói rằng nếu nó không sáng suốt phân biệt chiếu soi thì không phải là tâm, vì nó không phân biệt được cái gì cả. Vậy ông có hiểu chăng: Nếu có chiếu soi phân biệt thì không phải là chơn, còn không có chiếu soi thì chẳng phải là tâm. Nếu tâm mà không sáng suốt thì không phải là chân tâm thanh tịnh rồi.

Ông nên hiểu rằng chân tâm vẫn sáng suốt; vì ông vọng chấp cái Sáng Suốt Phân Biệt làm tâm, nên thành ra có năng phân biệt (tâm) và bị phân biệt (cảnh).

Chân tâm của ông không phải cái bị phân biệt, nhưng vì ông khởi ra cái năng phân biệt nên nó (chân tâm) trở thành cái bị phân biệt (cảnh). Đã vọng thành cái bị phân biệt thì dĩ nhiên ở nơi ông phải vọng sanh ra cái năng phân biệt.

Thế là ở nơi chân tâm của ông vẫn thanh tịnh, không có năng và sở, mà thoạt nhiên thành ra có năng và sở.

Thể tánh chân tâm vốn không khác biệt. Do vọng niệm phân biệt có năng sở và bỉ thử sai khác, nên hiện ra có hư không và thế giới. Do có hư không và thế giới nên mới có chúng sanh. Đã có thế giới và chúng sanh lăng xăng đối đãi lẫn nhau nên khởi lên vô số vọng tưởng phân biệt: Tốt xấu, phải trái, v.v... Vì vậy mà sanh ra đủ các phiền não trần lao nhiễm ô. Cái có hình tướng và sanh diệt là thế giới; cái không có hình tướng và yên tịnh là hư không. Khác với hư không và thế giới là chúng sanh.

Ngay trong chân tâm, do vô minh vọng động mà có hư không. Hư không mờ mịt vì vô minh sanh ra. Trong hư không có chất động, vì nó là vọng. Do đó, trong hư không có gió (phong luân) để duy trì thế giới.

Do hư không sanh ra gió và do nơi tâm chúng sanh có tánh cố chấp phân biệt, nên ứng hiện ra ngoài thế giới có những chất cứng chắc là vàng ngọc (vàng ngọc cứng chắc là vì tâm cố chấp sanh ra. Nó sáng ngời là do tâm phân biệt sanh ra). Đây là nguyên nhân có chất kim khí để bảo trì thế giới.

Vì tâm chúng sanh có tánh cố chấp phân biệt nên sanh ra chất cứng chắc là kim khí, và vì có vọng động mà thành ra gió. Rồi gió thổi kim khí và cọ xát mãi, khiến kim khí đó nóng lên, nên nháng sanh ra ánh sáng là lửa. Đây là nguyên nhân có lửa để nấu đốt các vật.

Chất vàng ngọc vừa sáng ngời và đượm mát. Do lửa xông lên nên có hơi nước rịn ra. Đây là nguyên nhân có nước để bao bọc cả mười phương thế giới.

Vì tánh lửa bốc lên, còn nước thì lại chảy xuống, nên chỗ có thấp ướt thì là sông biển, chỗ cao nổi lên là cồn đảo. Bởi lửa và nước dung hòa nhau, cho nên trong biển thỉnh thoảng bốc lên ánh sáng của lửa, và trong cồn đảo lại có sông rạch thường chảy ra nước.

Vì thế lực của nước yếu hơn lửa, nên bị lửa bốc lên kết thành núi cao. Do đó, đập đá thì có lửa, còn đốt quá nóng thì nó chảy ra nước.

Vì thế lực của đất yếu hơn nước, nên nó bị nước rút lên làm cỏ cây. Vì vậy, nếu đốt cỏ cây thì chúng trở thành tro, còn vò ép thì chúng lại ra nước.

Tóm lại, vì trong tâm chúng sanh có các vọng tưởng xen nhau phát sanh, nên ứng hiện ra ngoài thế giới có các cảnh vật. Do nhân duyên này mà thế giới tiếp nối nhau sanh ra mãi không dứt.

Lại nữa, nầy Phú Lâu Na ! Cái Hư Vọng Phân Biệt đó không có gì lạ, chỉ vì ông chấp cái Phân Biệt Chiếu Soi làm tâm. Đã có cái Phân Biệt thì dĩ nhiên phải có cái Bị Phân Biệt đối đãi lẫn nhau. Vì vậy, cái Năng Phân Biệt không vượt ra ngoài cảnh Bị Phân Biệt. Do nhân duyên này mà nghe không ngoài tiếng, thấy không ngoài sắc, ngửi không ngoài mùi, nếm không ngoài vị, v.v... rồi vọng thành sáu căn và sáu trần đối đãi nhau, nên phân ra có: Thấy, nghe, hiểu, biết.

Đồng nghiệp trói buộc lẫn nhau mà có hợp, có tan, có thành, có hóa. Khi thấy sáng tỏ thì thấy các màu sắc phát ra. Nhận rõ sự thấy thì kiến chấp thành tư tưởng; ý kiến khác nhau thì thành ra ghen ghét; tư tưởng đồng nhau thì thành ra yêu thương.

Dòng ái lan ra làm thành hạt giống, rồi do giao cấu phát sanh, khiến thu nạp tưởng thành bào thai, tức là chiêu dẫn chúng sanh đồng nghiệp, nên có nhân duyên sinh yết la lam, át bồ đàm, v.v...

Thai sinh, noãn sinh, thấp sinh, hay hóa sinh, tùy chỗ của các loài ấy mà ứng hiện. Loài noãn sanh chỉ do tâm tưởng mà sinh; loài thai sinh do tình dục mà ứng hiện; loài thấp sinh do tâm hợp mà cảm sanh; loài hóa sinh do phân ly mà hiện ra.

Khi tình, khi tưởng, khi hợp, khi ly, thay đổi lẫn nhau, nên các loài thọ nghiệp báo và theo đó mà có thăng trầm, lên xuống. Do nhân duyên ấy mà chúng sanh tiếp nối sanh sản không ngừng.

Này Phú Lâu Na ! Tư tưởng yêu thương ràng buộc lẫn nhau, khiến mến luyến mãi không rời. Thế nên, trong thế gian, cha mẹ con cháu nương nhau sinh ra tiếp nối không dứt. Những việc như thế, đều do tham dục làm gốc.

Lòng tham và yêu mến cùng tăng trưởng. Tham mãi không dừng, nên trong thế gian, các loài noãn sinh, hóa sinh, thấp sinh, thai sinh, tùy theo sức mạnh yếu mà ăn nuốt lẫn nhau. Những việc như thế, đều do tâm tham giết hại làm gốc.

Người ăn thịt dê; dê chết làm người và người chết làm dê. Như thế cho đến mười loài chúng sanh, chết sống và sống chết ăn nuốt lẫn nhau, khiến đồng tạo ác nghiệp, suốt đời vị lai. Những việc như thế, đều do tâm tham lam trộm cắp làm gốc.

Loài này cướp giựt thân mạng loài kia; loài kia giết hại lại loài này; trả vay, vay trả lẫn nhau đến trăm ngàn kiếp không thể ra khỏi sanh tử.

Trai mê sắc gái; gái thương tình trai; vì tình ân ái thương yêu lẫn nhau, nên trăm ngàn kiếp bị triền phược trói buộc mãi trong vòng luân hồi.

Tóm lại, chỉ có ba thứ như giết hại, trộm cắp, dâm dục làm cội gốc, nên nghiệp (nhân) và quả tiếp nối không ngừng.

Này Phú Lâu Na ! Ba thứ điên đảo (thế giới, chúng sanh, nghiệp quả) đều nằm trong chân tâm; vì vô minh vọng động sanh ra Năng Phân Biệt và Sở Phân Biệt đối đãi lẫn nhau, nên vọng thấy có núi sông đất đá, thế giới, chúng sanh, rồi tiếp tục sanh diệt biến hóa, vô cùng hư vọng...

Trong tánh giác thể chân như bỗng nhiên sanh ra chân và vọng. Từ đó lại phân thành tướng bất biến và tùy duyên. Thể tánh bình đẳng bất biến, vượt ngoài những tướng sai biệt, chẳng phàm chẳng thánh, không thiện không ác, chân thật như thường, vốn là chân như bất biến.

Tùy duyên sanh diệt mà khởi tướng sai biệt, có phàm có thánh, có thiện có ác, đó là chân như tùy duyên. Lại nữa, gọi là chân như bất biến vì muôn pháp vốn là chân như, chứ chẳng phải tâm, vật, thần. Gọi là chân như tùy duyên vì chân như này vốn là muôn pháp, tức là tâm, vật, thần. Luận duy tâm lầm nhận thần linh, tức là chân như tùy duyên, mà cho đó là chân tâm.

Nhà Duy Vật đề xướng luận vô thần lại hẹp hòi biên kiến; triết lý của họ thuộc về chân như tùy duyên, tức chỉ thấy có vật chất. Người theo chủ thuyết Duy Vật lại căn cứ theo vật chất mà đề xướng luận vô thần. Người theo luận Duy Thần cũng hẹp hòi biên kiến, vọng sanh phân biệt, lầm nhận vật chất và thần linh, tức là chân như tùy duyên.

Người đề xướng luận Duy Thần nào biết tâm tức là vật, và vật tức là thần ! Tâm, vật, và thần đồng một thể tánh. Có tâm tức có vật. Có vật tức có thần. Vô tâm tức vô vật. Vô vật tức vô thần. "Có" không phải có trong cái "có, không", lại chẳng có mà có trong diệu hữu. Cái "không" chẳng phải cái không đoạn diệt, lại vượt ngoài cái diệu không của cái "có không".

Luận Duy Tâm, Duy Vật, Duy Thần chưa từng hiểu rõ nghĩa lý này, nên cùng nhau công kích đả phá. Thật ra, họ đều đúng và đều sai. Người nghiên cứu học Phật pháp, hãy nên phá vỡ những tảng băng đá này !

Đối với việc nghiên cứu bản thể vũ trụ của nhà Phật, tôi đã tường thuật rõ ràng như bên trên rồi. Ngoài ra, những việc như sự cấu tạo hay thành hoại của thế giới, hệ

thống khí quản của thân người, cùng bao vấn đề khác, trong kinh Lăng Nghiêm và những bộ kinh luận khác đều đã thuyết minh, luận bàn tường tận rõ ràng. Đa số, những điều này đều phù hợp với những phát minh của các học giả, triết gia, khoa học gia trong hiện thời và tương lai.

Tuy nhiên, đối với giá trị nhân sanh, pháp tắc và hạnh nguyện của chư đại Bồ Tát, chỉ có chư thánh hiền mới biết được. Những điều này, trong kinh điển thường nhắc đến. Vì vậy, nên biết rằng Phật giáo rất thần diệu và vĩ đại. Tuy nhiên, Phật giáo tuyệt không khoe khoang những điều kỳ lạ, lại cũng không làm những việc hư dối, khiến mê hoặc quần chúng. Mỗi lời nói và hành vi đều y theo ba môn vô lậu học giới định huệ, mà thi hành thực tiễn.

Sao gọi là giới định huệ ? Phòng phi chỉ ác gọi là giới. Khi sáu căn tiếp xúc với cảnh, tâm không tùy duyên (mà khởi) nên gọi là định. Tâm và cảnh tròn đầy như hư không, và thường giác chiếu mà không mê hoặc, đó gọi là huệ. Phòng ngừa việc xấu, và đình chỉ việc ác của ba nghiệp, khiến dòng nước tâm tự lắng đọng trong sáng, tức do giới mà sanh định. Nước tâm lắng đọng trong sáng, khiến tự tánh chiếu soi khắp xum la vạn tượng, tức do định mà sanh huệ. Nhà nho cũng có câu:

- Sau khi định tâm thì sẽ được tĩnh lặng; tĩnh lặng rồi sẽ được an lạc; an lạc rồi sẽ có khả năng suy xét quán chiếu; suy xét quán chiếu rồi sẽ có thể đắc đạo.

Các nhà triết gia cũng thường suy gẫm về sự tướng cùng sở học của họ. Tuy nhiên, nhà nho, nhà triết học, và nhà khoa học đều dùng tâm phan duyên (phân biệt) để suy tư về vạn vật và vũ trụ. Họ nào biết đâu vũ trụ và vạn vật cũng do từ tâm phan duyên tạo thành ! Năng tư sở lự đều bắt nguồn từ tâm phan duyên. Nếu muốn cầu chân lý thâm sâu phải ngồi thiền tĩnh lự. Các nhà triết học hiện nay, đối với sự nhận thức về các luận lý, thường lao xao tranh cãi, mãi không kết thúc.

Phật pháp rời ngôn từ và dứt đường tư lự (suy nghĩ), nên khiến trí huệ giác chiếu khắp vũ trụ cùng muôn vật muôn sự.

Nếu ngồi xuống, ung dung tự tại mà bàn luận, thì thấy rằng Phật giáo vốn tiên tri tiên giác, và bao hàm cả triết học, khoa học, tôn giáo. Lò nào cũng cùng một xưởng.

Nhật Bổn tôn sùng Phật giáo làm quốc giáo, nên thời cận đại đạo Phật rất hưng thịnh. Những nhà duy tân và hiền sĩ anh tài xuất thân từ thiền học không ít. Đối với những việc của dân chúng, các ngài đều hiểu thấu. Nếu không dùng võ lực quân phiệt mê muội, không dùng sức mạnh bạo lực để giết chóc, và không dùng chính sách xâm lược khiến trái ngược với đạo, thì ngày nay được an ổn, đâu đến nỗi phải bị thảm bại.

Có người nghi rằng Phật giáo rất tiêu cực và mê tín, nên không xứng đáng làm quốc giáo; đây là vọng tưởng của những người chưa hiểu gì về đạo Phật. Thật ra, Phật giáo không hủy hoại tướng của thế gian, cớ sao gọi là tiêu cực ? Đạo Phật dẫn dắt con người đi từng bước để bỏ mê hợp với tánh giác thì cớ sao gọi là mê tín ? Suy nghiệm lại chữ Phật, theo tiếng Phạn phải nói cho đủ là Phật đà, và được dịch là bậc tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn. Bồ Tát, tiếng Phạn gọi là Bồ Đề Tát Đỏa, dịch là giác hữu tình và hữu tình giác. Bồ tát có hai hạng là xuất gia và tại gia. Bồ Tát thường phát tâm rộng lớn vì chúng sanh mà cầu đạo Bồ Đề vô thượng. Các ngài vừa tự tu hành, vừa giáo hóa tha nhân. Đó là hạnh chánh tín và tích cực của chư Bồ Tát. E rằng trên thế gian hiếm có ai phát được những hạnh nguyện này.

Phật giáo y theo hai nghĩa "chiết" và "nhiếp" mà lập nhiều môn phương tiện. Sao gọi là chiết ? Chiết tức là chiết phục kẻ ác. Xưa kia, khi Thạch Lặc hỏi về giới cấm giết hại, thì ngài Phật Đồ Trừng đáp:

- Ông là vua trăm họ, chớ nên giết hại chúng dân bừa bãi. Đó là nghĩa của giới cấm giết hại.

Lại nữa, chư Bồ Tát quyền thừa tại gia phải chiết phục kẻ ác để lợi sanh. Tuy cầm đao trượng, cho đến chặt đầu kẻ ác, mà không thật phạm giới cấm giết hại; ngược lại còn sanh thêm công đức. Nếu ác ý mà giết người, thì biết là không thể được. Vì thiện ý mà giết người, đó là thủ nhãn thiện xảo của đại Bồ Tát Kim Cang quyền thừa.

Sao gọi là nhiếp ? Nhiếp tức là nhiếp thọ người hiền. Chư Phật Bồ Tát vì lợi ích của chúng sanh, nên không quản ngại gian nan hiểm nạn. Có bốn pháp nhiếp thọ. Thứ nhất, bố thí nhiếp, tức là nếu có chúng sanh muốn tiền tài thì Bồ Tát bố thí tiền tài. Nếu chúng sanh muốn nghe pháp thì Bồ Tát bèn thuyết pháp bố thí, để khiến cho họ sanh tâm thân ái mà thọ đạo. Thứ hai, ái ngữ nhiếp, tức là tùy theo căn tánh của chúng sanh, Bồ Tát ban những lời khuyên nhủ, thí dụ ngọt ngào, để khiến cho họ sanh tâm thân ái mà thọ đạo. Thứ ba, lợi hành nhiếp, tức là thân miệng ý của Bồ Tát luôn hành thiện nghiệp, làm lợi ích chúng sanh, khiến họ sanh tâm thân ái mà thọ đạo. Thứ tư, đồng sự nhiếp, tức là dùng pháp nhãn mà quan sát căn tánh của chúng sanh; tùy theo sở thích của họ mà Bồ Tát phân hình thị hiện, và cùng họ làm những việc ích lợi, để họ phát tâm thọ đạo. Đó là những hạnh tích cực của chư Phật và Bồ Tát.

Sao gọi là phương tiện ? Tức là các ngài tùy theo căn tánh của chúng sanh mà cứu độ bằng những phương tiện quyền xảo.

Bên trên đã bàn về bốn pháp nhiếp thọ, đó cũng là những môn phương tiện quyền xảo. Phẩm Hóa Thành Dụ trong kinh Pháp Hoa thuyết:

"...Ví như trong đường hiểm

Chỉ toàn loài ác thú
Lại chẳng có cỏ nước
Nơi người thường sợ hãi.
Vô số trăm ngàn chúng
Muốn thoát đường hiểm đó.
Đường ấy rất rộng dài.
Qua năm trăm do tuần
Có một vị đạo sư
Mạnh khỏe có trí huệ
Tâm sáng suốt cương quyết
Tại đường hiểm cứu nạn.
Chúng nhân đều mỏi mệt
Mà bạch đạo sư rằng:
Chúng con đều mệt nhọc
Nơi đây muốn thối lui.
Đạo sư bèn suy nghĩ:
Bọn trẻ thật đáng thương
Sao lại muốn thối bước
Bỏ mất châu báu lớn ?
Nên nghĩ kế phương tiện
Mà thiết lực thần thông
Hóa ra thành ấp lớn
Các phòng xá nguy nga.
Chung quanh có vườn rừng
Sông ngòi cùng ao tắm
Lầu gác cao, cửa lớn,
Trai gái đều đầy đủ.

Liền hóa làm thế rồi
An ủi chúng đừng sợ.
Các ngươi hãy vào thành
An trú tùy sở thích.
Chúng nhân liền vào thành
Tâm đều mừng vô ngần
Đều sinh tưởng an vui,
Tự cho là được độ.
Đạo sư biết đã nghỉ
Hợp chúng lại bảo rằng:
Đây chỉ là hóa thành
Thấy các ông quá mệt
Giữa đường muốn thối lui
Nên quyền thiết hóa thành.
Nay đương cần tinh tấn
Phải cùng đến bảo sở..."

Xem qua bài kệ này, chúng ta biết rõ thâm ý của Phật Thích Ca phân thời lập giáo, quyền thuyết phương tiện. Thế nên, những bậc thượng thiện căn thường hợp với thiền và giáo. Người chú trọng sự phân chiết thì hợp với Duy Thức học. Pháp môn phổ cập trong quần chúng là Tịnh Độ. Người xuất gia hay kẻ tại gia, dẫu tu theo Đại Thừa hay Tiểu Thừa, đều vì nhiệm vụ cứu độ giáo hóa rộng khắp quần sanh, khiến cho tất cả chúng sanh đều thọ pháp ích lợi.

Gần đây, có những người theo lập trường vô thần, thấy các Phật tử lễ bái hay trì danh niệm Phật, thì họ cho là mê tín. Họ không biết rằng lễ bái chư Phật chư Bồ Tát nào khác gì với sự cung kính các bậc trưởng thượng ! Sự niệm Phật, đối với việc tu tâm, chẳng phải là công phu tu hành sao ? Vả lại, trì danh niệm Phật, bất

quá chỉ là một pháp môn phương tiện giản dị cho người sơ cơ. Ngoài ra, trong tông Tịnh Độ còn có các pháp môn như quán tượng niệm Phật, quán tưởng niệm Phật, thật tướng niệm Phật, v.v... Tông Tịnh Độ vốn rất diệu dụng vô cùng tận, mà họ tự không hiểu rõ, lại cho là mê tín.

Lại nữa, có người bảo rằng đạo Cơ Đốc cũng thoát thai từ tông Tịnh Độ. Xem xét chúa Giê Su mặc y phục cũng tương đồng với Phật. Trong kinh "Phật Thuyết A Di Đà" thường nhắc đến thế giới Cực Lạc ở Tây Phương. Tín đồ đạo Cơ Đốc cũng thường nói đến Thiên Quốc Cực Lạc. Cõi Tịnh Độ được phân thành chín phẩm. Gia giáo Lý Lâm Thiên Thần Phổ cũng nói là có chín phẩm vị thiên thần. Trong kinh A Di Đà, Phật Thích Ca nói rằng không thể dùng chút ít nhân duyên phước đức thiện căn mà được sanh qua cõi Cực Lạc. Đạo Cơ Đốc cũng nói rằng nếu ở tại nhân gian mà không lập công bồi đức thì Thiên Chúa sẽ không rước về Thiên Quốc. Người tu theo tông Tịnh Độ, phải niệm danh hiệu Phật A Di Đà trong sáu thời, khẩn cầu Phật tiếp dẫn. Đạo Cơ Đốc cũng bảo tín đồ rằng ngày đêm sáng tối phải thường cầu khẩn Thượng Đế gia hộ. Trong nhà Phật có pháp quán đảnh. Đạo Cơ Đốc có lễ rửa tội. Xem xét những điều như trên, thấy rằng tông chỉ của đạo Cơ Đốc và tông Tịnh Độ thật rất tương đồng. Giê Su giáng sanh sau Phật Thích Ca hơn năm trăm năm. Ngài đã từng thọ giáo huấn của Phật Thích Ca, nên mới được kinh A Di Đà, rồi y cứ theo đó, mà sáng lập tôn giáo mới. Điều này không thể nào nghi ngờ được. Lại nữa, Giê Su đã từng qua Ấn Độ ẩn tích ba năm để tham học. Sự tuy vô căn cứ, mà dấu tích vẫn còn tồn tại.

Đạo Cơ Đốc tuy tựa như pháp môn trì danh niệm Phật của tông Tịnh Độ, nhưng rất kém xa. Tín đồ Cơ Đốc chỉ cầu tha lực. Tuy tin tha lực như thế, mà họ lại không hiểu tại sao phải tin. Gần đây, có những người miễn cưỡng trì danh niệm Phật, chỉ chú trọng vào tha lực, tự bảo là phù hợp với đạo.

Chương Đại Thế Chí Niệm Phật Viên Thông trong kinh Lăng Nghiêm viết:

"...Chư Phật trong mười phương thường lân mẫn thương xót nghĩ nhớ chúng sanh như mẹ nhớ con. Nếu con cứ chạy lẫn trốn thì mẹ có thương nhớ cũng vô ích. Nếu con nhớ mẹ như mẹ nhớ con, thì đời đời mẹ con đều không cách xa. Nếu tâm chúng sanh thường nhớ Phật niệm Phật, thì hiện tiền và tương lai, tất sẽ thấy Phật, và không xa cách Phật. Không cần giả lập phương tiện, tâm vẫn tự được khai ngộ... Nhân địa của con, dùng tâm niệm Phật mà nhập vào vô sanh pháp nhẫn. Hôm nay tại nơi đây, nhiếp thọ người thường niệm Phật, quy nơi Tịnh Độ".

Có nhân thì có quả, tức là sự và lý không chướng ngại nhau. Đạo Cơ Đốc bảo rằng người hiền lương sẽ sanh qua Thiên Quốc vĩnh viễn. Giáo lý của tông Tịnh Độ bảo rằng vãng sanh Tịnh Độ thì mãi sanh nơi cõi Phật, thấy Phật nghe pháp, liễu ngộ vô sanh pháp nhẫn. Dùng diệt mà hiển thị sanh, nên có sanh diệt đối đãi. Cuối lúc diệt, sanh trong cái vô sanh, tức vốn tự vô sanh, nên không có diệt. Vì vậy, gọi là Vô Lượng Thọ.

Y theo hạnh nguyện của Bồ Tát, chẳng phải chỉ có người xuất gia mới cầu đạo vô thượng, mà người tại gia cũng hành được. Bất quá, người xuất gia chỉ sống xa quốc chủ, rời thân bằng quyến thuộc, xả bỏ ân ái gia đình, ý tại thoát ly tình dục trói buộc. Người xuất gia xả bỏ tình riêng mà phát triển đồng tình Phật tánh. Xả bỏ ân ái riêng tư để trở thành bậc bác ái vĩ đại. Lấy việc cứu độ tất cả chúng sanh làm trung. Dùng sự nhiếp thọ chúng sanh làm hiếu. Đó là ý nghĩa của chủ nghĩa đại đồng. Tiên sinh Tôn Trung Sơn thường nói:

- Phật giáo lấy việc cứu thế gian làm nhân đức. Phật học là mẹ của mọi ngành triết học. Tôn giáo tạo thành nền văn hóa và duy trì hùng khí cùng thiên tánh tự nhiên

của dân tộc. Nhân dân chẳng nên không có tư tưởng tôn giáo. Nghiên cứu Phật học giúp bổ xung vào những điểm khiếm khuyết của triết học.

Hôm nay, Ngài (Tưởng Giới Thạch) đã cho phép kết hợp Phật giáo vào nền văn hóa, tức là bổ ích thêm cho tư tưởng học thuật của nước nhà. Hiện tại, Phật giáo đang lan truyền rộng rãi khắp thế giới. Phật giáo luôn chủ trương khuyến tấn đại giáo đại đồng duy nhất. Đây không phải là lời trống rỗng.

Vả lại, ngày nay tự do tôn giáo, chẳng nên cưỡng ép người theo những đạo mê tín, thì mới khiến nhân tâm trung thành khâm phục mà sanh chánh tín. Nếu bỏ Phật giáo thì quy ngưỡng vào nơi nào ?

IV. Khai thị tại chùa Từ Vân ở Trùng Khánh vào ngày mười bảy tháng giêng, năm 1943 [^]

Hôm nay, quý vị phát tâm quy y Tam Bảo. Lão nạp rất vui mừng. Quý vị không quản đường xa, băng sông lội suối đến đây, không ngoài việc hy vọng đạt được sự lợi ích này. Tuy nhiên, nếu muốn đạt được lợi ích, phải tự thuận theo tự tướng mà hành trì. Nếu chỉ quảy đeo hư danh trống rỗng, sẽ không đạt được gì. Quý vị nên biết rằng hôm nay thọ giới quy y, tức là làm đệ tử Phật. Quý vị đã giống như được sinh vào nhà đế vương, tức là làm con cháu đế vương, nhưng phải cố gắng đôn đúc tu hành, đừng để bị trục đuổi, thì mới thật là phượng các loan đài, có phần lợi ích.

Từ nay về sau, phải y chiếu theo lời di giáo của Phật mà hành trì. Phải sớm biết muôn sự trên thế gian này như huyễn hóa. Suốt cuộc đời của con người, làm này tạo nọ, chỉ giống như ong hút mật, tằm dệt lưới. Do một niệm động khởi, nên chúng ta nhập bào thai. Được sanh ra đời xong, lại từ từ biết phân biệt mình người,

khởi niệm tham sân si. Lớn lên, dần dần tiếp xúc với xã hội. Mọi toan tính đều vì lợi ích cho mình; tích lũy tiền tài riêng tư cho quyến thuộc. Bận rộn cả đời, chỉ lo chuyện vợ con. Kết quả, không một giây phút rảnh rỗi. Tự mình trói buộc không lối thoát, có khác gì ong hút mật ! Cả đời làm lụng này nọ, tạo bao nghiệp chướng, nên phải chịu quả xấu, phá vỡ chẳng được, nào khác chi tầm tự quấn tơ ! Cuối đời bị đọa lạc vào vạc lửa dầu sôi, ba đường ác. Hãy suy nghĩ kỸ càng !

Vì thế, mọi người phải y chiếu theo lời Phật dạy. Phải ăn chay trường suốt đời, chớ chỉ ăn chay tạm. Chẳng nên giết hại sinh mạng loài khác. Sao nhẫn tâm giết hại sinh mạng loài vật để bổ dưỡng cho thân mình ? Thử xem lúc giết gà, nó tất phải cố kêu la bỏ chạy. Chỉ vì chúng ta mạnh nó yếu, không đủ sức đề kháng chống cự, nên phải chịu nhẫn thọ, nhưng lại tích oán trong tâm, để đợi đến đời sau, nếu có dịp sẽ báo thù. Hiện tại, các cường quốc dùng các loại vũ khí ác độc, hủy diệt các dân tộc nhược tiểu, cùng việc giết gà đồng nhau không khác.

Quý vị đã là Phật tử, nếu việc gì trái với sự lý, chớ nên làm càn. Phật pháp vốn chẳng có gì kỳ lạ, vì luôn tuân theo chánh tâm, thuận theo lý đạo.

Có nhiều người thấy tôi tuổi lớn cơ tuần, nên mỗi lần gặp mặt thì tham thảo tìm tòi thần thông tình tự; họ kiểm nghiệm coi tôi có biết đời quá khứ vị lai của người khác hay không, hoặc thường hỏi chiến tranh bao giờ kết thúc, thế giới bao giờ hòa bình ! Thật ra, không những thiên ma ngoại đạo, mà ngay cả quỶ thần súc sanh cũng có năm loại thần thông. Những thần thông này, trong tự tánh vốn có đủ, chớ nên để tâm chú ý. Chúng ta học Phật pháp, phải vì việc minh tâm kiến tánh, giải thoát sanh tử, phát tâm Bồ Đề, hành đạo Bồ Tát. Lời cạn cợt thô thiển của tôi:

- Các việc ác chớ làm. Hãy nên hành các việc lành.

Không nên làm tổn hại người để lợi mình, mà phải tổn mình lợi người. Phải thường thiết thật hành trì giới; do giới sanh định, rồi do định sanh huệ. Tất cả việc đều tự biết tự thấy, thì việc quy y hôm nay chẳng phí uổng.

Vừa rồi có vài vị hỏi về yếu chỉ của kinh Lăng Nghiêm. Thể theo cơ duyên của đại chúng nơi đây, nay lược thuyết đại khái.

Ở Ấn Độ, bộ kinh này vốn có một trăm quyển, nhưng tại cõi này, chỉ phiên dịch có mười quyển. Bốn quyển đầu nói về việc kiến đạo. Quyển thứ năm, thứ sáu, và thứ bảy nói về việc tu hành. Quyển thứ tám và thứ chín bàn về chứng quả của cách tu tiệm thứ. Quyển cuối cùng nói về những vọng tưởng phát xuất từ các ấm ma. Tôn giả A Nan vì đại chúng mà thị hiện hỏi đạo. Đầu tiên, đức Phật chứng minh các pháp đều do tâm mà sinh ra. Vì tôn giả A Nan thấy Phật có ba mươi hai tướng tốt, như các màu sắc vàng tím hội tụ, nên sanh tâm thích mến. Phật hỏi:

- Những tướng này dùng vật gì để thấy ?

Ngài A Nan đáp:

- Con dùng mắt để xem thấy tướng hảo thù thắng của Như Lai.

- Tâm và mắt trú tại nơi nào ?

- Con quán thấy Như Lai, mắt xanh biếc như hoa sen, tại trên mặt của Ngài. Nay con quán thấy bốn căn phù trần ngay nơi trước mặt. Tâm thức này, thật trú tại trong thân.

Tâm chẳng ở trong, ở ngoài, hay chính giữa. Nếu không chấp trước mọi việc thì tâm không trụ nơi nào hết. Những vị tu hành không thể đắc được đạo Bồ Đề vô thượng chỉ vì không biết hai việc căn bản. Thứ nhất là cội gốc của sinh tử từ xưa

đến nay; chúng sanh thường dùng tâm phan duyên làm tự tánh của mình. Thứ hai là vô thủy Bồ Đề Niết Bàn, thể vốn thanh tịnh. Tuy nhiên, ngay nơi tánh thức sáng soi lại sanh ra các duyên. Do những duyên này, nên chúng sanh quên cội gốc tròn đầy trong sáng. Tuy cả ngày thường mang theo tánh giác mà chẳng tự giác, nên oan uổng đi vào ba con đường ác. Phải biết sanh ra các pháp, vì do tâm ảnh hiện. Mọi nhân quả thế giới vi trần đều do tâm tạo ra. Chúng sanh không thể thành tựu đạo Bồ Đề chỉ vì ngộ nhận khách trần phiền não là mình. Sáu trần là màu sắc, âm thanh, hương thơm, mùi vị, xúc chạm, pháp. Sáu căn là mắt tai mũi lưỡi thân ý. Đó là mười hai xứ. Lại thêm nhãn thức, nhĩ thức, tỉ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức; tất cả cộng thành mười tám giới. Đất nước gió lửa hợp với không đại, kiến đại, thức đại, làm thành bảy đại. Gom hết lại thành số hai mươi lăm. Từ đây, mỗi vị trong hai mươi lăm vị Thánh tự trần thuật và nói rõ nhân duyên cũng như đường lối tu hành nhập đạo thuở xưa.

Sống trong sáu đường luân hồi, dâm dục là gốc. Lưu chuyển trong ba cõi do ái làm căn bổn. Ngài A Nan vì chúng sanh mà thị hiện tướng: Tuy bao kiếp tu hành, nhưng không thoát được nạn Ma Đăng Già. Trong các tội chướng, dâm dục đứng đầu. Vì dâm dục nhiều khiến tổn hại thân thể, nên giết hại sanh mạng chúng sanh để bổ dưỡng. Những tội ăn cắp nói láo v.v..., cũng theo đó mà phát sanh.

Ngài A Nan thấy ba mươi hai tướng tốt của đức Như Lai, như ánh sáng vàng tím hội tụ, nên đối với sắc đẹp của Ma Đăng Già chẳng ưa thích. Trai thích nhìn gái đẹp, hay nghĩ tưởng mình là thân gái. Gái thích nhìn trai, hay nghĩ tưởng mình là thân trai. Những vọng tưởng điên rồ này, cả ngày cứ xoay vần trong tâm niệm. Ví như lúc nhỏ khi còn ở nhà chưa xuất gia, tôi thường để râu tóc, mặc đồ thế tục. Cả ngày giao tế, nghĩ tưởng những việc thế tục. Tối đến lại mộng thấy cha mẹ nội ngoại, quyến thuộc, và bao việc thế tục. Từ khi xuất gia, những việc làm và suy

nghĩ không ngoài việc Phật sự. Tối ngủ, mơ thấy những sự không ngoài việc niệm Phật, v.v...

Lại nữa, năm loại hành tỏi không thể ăn được, vì muốn tránh sự kích thích dục niệm. Trừ dẹp những trợ nhân đó rồi tu chánh tánh, tinh tấn chuyên cần, tự có thể từ từ thành tựu. Tự mình chuyên cần phấn tấn mà không Ỷ lại người khác.

Ngài A Nan là hoàng tử, cũng là em Phật. Ngài xả bỏ vinh hoa phú quý, theo Phật xuất gia, và hy vọng Phật sẽ tiếp tay giúp sức, chứng đắc quả vị. Tuy nhiên, nên biết phải tự tu tự chứng mà không thể nương nhờ người khác. Chúng ta nếu không làm biếng giải đãi, luôn phát tâm cần tu tinh tấn, thì sẽ chứng đắc các quả vị Bồ Tát như thập tín, thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng, tứ gia hạnh, thập địa, cho đến đẳng giác, diệu giác. Ba cõi và sáu đường đều là huyễn hóa, và vốn không ngoài một tâm. Tất cả tánh giác vi diệu trong sáng của chư Phật cũng không ngoài một tâm. Thế nên, tâm, Phật, chúng sanh, cả ba không khác biệt. Đồng Tử Hương Nghiêm cũng có thể gọi là mũi của chúng ta. Bồ Tát Kiều Phạm cũng có thể gọi là lưỡi của chúng ta. Nhân địa và cách thức tu hành của hai mươi lăm vị hiền thánh tuy không đồng, nhưng sự tu hành chứng ngộ vốn không hơn kém.

Hiện tại, những người sơ phát tâm tu đạo có thể theo pháp tu của Bồ Tát thứ hai mươi bốn và hai mươi lăm, tức là ngài Đại Thế Chí và Quán Thế Âm mà hỗ tương dụng công. Bồ Tát Quán Thế Âm sẽ là vị Phật kế tiếp sau Phật A Di Đà ở cõi Tây Phương Cực Lạc. Sau Bồ Tát Quán Thế Âm, ngài Đại Thế Chí sẽ làm Phật tại cõi đó. Ngài Đại Thế Chí dùng pháp môn niệm Phật tu hành chứng được viên thông. Chúng ta cũng phải tu tập, niệm Phật để nhiếp thọ sáu căn, đạt được tịnh niệm tương tục, đắc tam ma địa (chánh định). Mười phương chư Như Lai đều lân mẫn thương xót chúng sanh, như mẹ thương con. Tuy nhiên, nếu con cứ chạy trốn mãi thì mẹ nhớ cũng chẳng có ích gì ! Nếu con nhớ mẹ như mẹ nhớ con thì mẹ con đời

đời không xa cách. Nếu tâm chúng sanh thường nhớ Phật và niệm Phật thì đời này đời sau, quyết định sẽ thấy Phật. Bồ Tát Quán Thế Âm từ văn tư tu mà nhập vào tam ma địa; trên hợp với mười phương chư Phật, đồng một lực từ; dưới hợp với chúng sanh trong sáu đường, đồng một bi ngưỡng. Nếu gặp thiện nam tử thường trì năm giới thì Ngài sẽ hiện thân nam mà vì người đó thuyết pháp, khiến cho được thành tựu đạo Bồ Đề. Nếu gặp người nữ thường thọ trì năm giới, Ngài cũng sẽ hiện thân nữ mà vì họ thuyết pháp, khiến được thành tụu đạo Bồ Đề. Cứ như thế, trong ba mươi hai ứng thân hoặc hiện thân trời người, Thanh Văn, Duyên Giác, cho đến thân Phật, cùng mười bốn lực vô úy, bốn pháp bất tư nghị, trải qua vô lượng kiếp, Ngài độ vô lượng chúng sanh. Chúng sanh vô tận, bi nguyện vô tận. Quý vị hãy tự suy gẫm !

V. Khai thị tại chùa Từ Vân ở Trùng Khánh vào ngày mười tám tháng giêng, năm 1943 [^]

Hôm nay cùng quý vị đàm luận. Đối với hai chữ khai thị, thật tình tôi rất xấu hổ, không dám đảm nhận. Hư Vân tôi, ngay chính mình cũng chẳng rõ, sao dám hàm hồ dạy người !

Lời Phật dạy trong các kinh điển, nhiều vô số. Tại các tùng lâm những lúc tọa hương ngồi thiền, đả Quán Âm thất, Phật thất v.v..., các vị ban thủ luân phiên khai thị. Tuy nhiên, việc bái sám lễ lạy thì không như ngồi thiền đả thất. Khi lễ sám, năm thể phải chạm đất và ba nghiệp phải thanh tịnh mà không nên tăng thêm những lời tán ngôn loạn ngữ. Trên đàn sám không ban những lời khai thị. Lúc lễ sám phải quán tưởng: "Người lễ, bậc thọ lễ, tánh không tịch. Cảm ứng đạo giao

không thể nghĩ bàn. Nay con đảnh lễ Bồ Tát Quán Thế Âm, cảm ứng đạo giao tự hiện tiền".

Thân tâm mình lễ. Phật và Bồ Tát là những vị thọ nhận lễ. Tâm mình vừa lễ vừa quán tưởng thâm sâu về quá khứ, hiện tại, vị lai, nơi mọi thời, đều không thể đắc được. Tất cả đều không tịch, thì tạng tánh Như Lai sẵn có, tự nhiên hiển lộ. Kinh Kim Cang nói: "Nếu lấy sắc cầu Ta, lấy âm thanh cầu Ta, người này hành tà đạo, không thể thấy Như Lai... Nếu thấy các tướng mà không phải tướng, tức thấy Như Lai".

Đây là hai ý nghĩa vừa ẩn vừa hiển. Không chẳng phải không và sắc chẳng phải sắc, thì mới là không chân thật và là sắc chân thật.

Chúng ta đều là những người xuất gia. Nơi trong lửa bỏng dầu sôi, nước non loạn lạc, không gặp đạn dược cũng gặp phi cơ. Thật không may mắn. Tuy nhiên, trong việc không may mắn lại có những sự may mắn. Vì sao ? Người xuất gia vốn: "Một bình bát, ăn cơm ngàn nhà. Thân đơn độc, đi muôn vạn dặm".

Tuy nhiên, hiện tại không thể hành được những hạnh này.

Chúng ta phải nên xả bỏ tất cả, cùng thúc liễm thân tâm. Thân vốn là gốc khổ. Tâm nguyên là nguồn tội. Hiện tại, nếu không nỗ lực tu hành thì đợi đến chừng nào ? Một khi mất thân này thì muôn kiếp khó hoàn phục. Xả bỏ vọng tưởng thì bản tâm như như; muốn được như thế, phải tu hành ngay từ tự tâm, chứ không thể hành từ bên ngoài mà đắc được. Nếu luôn tinh cần tu trì thì lo gì không cắt đứt dòng sanh tử ? Nhà Nho có câu: "Từ thiên tử (nhà vua) đến thứ dân, mọi người phải lấy việc tu thân làm gốc".

Tâm người đời hiện nay khác xưa. Họ không biết sự quan hệ giữa chánh trị và tôn giáo. Dùng chánh trị để sửa thân. Dùng tôn giáo để chuyển hóa nội tâm. Những ý nghĩa này, họ đều không biết đến. Gần đây, chắc có nhiều vị trí thức biết rõ rằng nếu không nhờ sự nỗ lực nhất chí của chánh phủ và tôn giáo thì không thể cứu tế được thiên tai hoạn nạn trong đại kiếp nầy. Hiện tại, tổng thống cùng các vị bộ trưởng, đồng phát tâm kiến lập pháp hội Đại Bi Hộ Quốc Giải Trừ Thiên Tai Hoạn Nạn, cũng không ngoài ý này.

Xưa kia, việc kiến lập pháp hội là việc thường. Đối với pháp hội Thập Luân, Kim Cang v.v..., tôi nhớ không hết, nhưng biết rõ rằng sự dụng tâm tại những pháp hội đó không giống nhau. Các vị Lạt Ma Tây Tạng gần đây hoằng pháp tại Trung Nguyên rất nhiều. Chánh phủ rất mực tôn sùng kính trọng. Không biết có phải là tín ngưỡng đặc biệt của chánh phủ hay không ? Tăng sĩ áo xanh ngày càng lộng hành. Họ phá chùa đuổi tăng áo vàng. Tăng chúng áo xanh hay áo vàng đều là đệ tử Phật. Mật tông được truyền từ Nhật Bổn gọi là Đông Mật. Mật tông được truyền từ Tây Tạng, gọi là Tạng Mật. Những năm gần đây, Mật giáo tại Trung Quốc được thịnh hành một thời, vì đều có thể hiển hiện bao loại thần thông biến hóa. Tuy nhiên, vào lúc nhàn rỗi không chịu thắp hương. Gặp lúc khẩn cấp mới chạy đến ôm chân Phật thì không thể nào thành tựu được.

Hư Vân tôi đi khất thực khắp nhân gian; những nước lân cận hầu như đã đến. Tôi vốn là phàm phu, không có thần thông, không biết biến hóa, nên không dám ăn thịt, cũng không dám ăn quá giờ. Có một số người chẳng hiểu Phật pháp, chưa quên danh lợi, và thường cầu thần thông biến hóa. Tồn trữ những vọng tưởng như thế, chẳng là tà cũng tức là ma. Phải nên biết rằng Phật pháp tại tâm mình, nên không thể đem tâm hướng ngoại cầu pháp. Thần thông phát khởi do trình độ dụng công thì cớ sao khởi tâm hy vọng mong cầu ? Dụng tâm như thế, làm sao khế hợp với chân lý vô sở trụ ? Đức Phật bảo rằng những người này thật đáng thương hại !

Hiện tại, quý vị Bồ Tát đại tâm phát nguyện tu trì Đại Bi Sám Pháp, vì muốn hộ quốc tiêu tai, nên yêu cầu Hư Vân tôi ra làm chủ trì. Công đức Hộ Quốc Tiêu Tai, mọi người đều nên thành tâm nhất ý, cùng làm cùng tạo. Chúng ta bái sám, xưng dương thánh hiệu; Bồ Tát Quán Âm linh cảm vô vàn. Duyên lành của ngài Quán Âm đối với cõi này thật rất thâm sâu. Tuy nhiên, tâm nếu không chân thành thì không thể đạt được cảm ứng. Nếu thành tâm xưng thánh hiệu thì Bồ Tát Quán Âm sao không tầm thanh cứu khổ ? Giữa hai mươi lăm vị thánh trong kinh Lăng Nghiêm, duy chỉ có Bồ Tát Quán Âm là chứng quả vị viên thông vi diệu nhất.

Trong kinh Lăng Nghiêm, Bồ Tát Quán Âm trình bày cách tu chứng viên thông của mình:

- Đức Phật kia (Phật Quán Âm) dạy con từ văn tư tu để nhập vào tam ma địa. Ngay trong cái nghe, không chạy theo âm thanh của trần cảnh, mà xoay cái nghe trở vào chân tánh. Nhập vào liền được tịch tĩnh, khiến hai tướng động tịnh, chấm dứt không sanh.

Thứ nhất, bên trên khế hợp và đồng một lực từ với mười phương chư Phật. Thứ hai, bên dưới đồng một bi ngưỡng với mọi loài chúng sanh. Bồ Tát Quán Thế Âm thật đại vô úy. Ngài luôn dùng ba mươi hai ứng thân để hóa độ chúng sanh. Kinh lại bảo: "Giáo thể chân thật này, thanh tịnh tại âm thanh".

Niệm danh hiệu của sáu mươi ức hằng hà sa Pháp Vương Tử cũng đồng niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm.

Bộ "Đại Bi Sám Pháp" do đại sư Tứ Minh Pháp Trí soạn. Bi nguyện thật không thể nghĩ bàn. Năng lực cảm ứng cũng không thể nghĩ bàn. Những câu chuyện cảm ứng được ghi trong sử sách rõ ràng tường tận. Từ sáng đến tối, năm thể chạm đất lễ sám, ba nghiệp thanh tịnh, thì đoạn được tội giết hại, ăn cắp, tà dâm, tham sân si,

và chuyển mười việc ác thành mười việc lành. Tất cả đều phải phù hợp với diệu lý của sám pháp. Lại nữa, phát bốn lời đại nguyện, rồi dùng hương hoa, tự trang nghiêm phước đức trí huệ. Những sự lợi lạc như thế, sao lại không làm ? Lời nói là giả mà hành trì mới là chân. Hôm nay, đại khái đàm luận Phật pháp đôi chút. Phải nhớ rằng đức Phật là đấng trượng phu và mình cũng sẽ như thế. Tự tôn tự quý thì tự nhiên sẽ được cảm ứng.

Đời vua Khang Hy, hòa thượng Nguyên Thông trụ trì chùa Tây Vực. Ngày nọ, một vị tăng đắp y vàng đến chùa. Nhà vua rất tôn sùng kính trọng mà bảo hòa thượng Nguyên Thông ra tiếp đãi. Hòa thượng Nguyên Thông bảo rằng đó chẳng phải là tăng hay người, mà là con nhái tinh. Nó có thần thông vi diệu. Bấy giờ, gặp lúc trời hạn hán. Nhà vua ra lịnh cho vị tăng mặc áo vàng kia cầu mưa. Quả nhiên có mưa, nên nhà vua lại càng cung kính. Hòa thượng Nguyên Thông bảo:

- Hãy lấy nước mưa mà đem so với cức rái của các con nhái !

Quả nhiên thật giống nhau; tà chánh rõ ràng. Phải biết rõ ràng về năm mươi ấm ma trong kinh Lăng Nghiêm, bằng không thì sẽ bị chúng chuyển, khiến nhập vào đường ma. Xin đại chúng hãy lưu ý !

VI. Khai thị tại chùa Từ Vân ở Trùng Khánh vào ngày mười chín tháng giêng, năm 1943 [^]

Chư Bồ Tát ! Trong pháp hội này, Hư Vân tôi thật không biết tự lượng sức mình, lại không biết quý vị lên chánh điện, đến tổ đường, làm việc Phật sự, khổ nhọc muôn phần. Tối đến, lại thỉnh quý vị ra niệm Phật, nghe khai thị. Tôi có thật cản trở sự tu hành của quý vị không ? Trong lòng tôi còn vài việc, chưa thổ lộ được. Có

một số cư sĩ tại pháp hội này, muốn nghe khai thị. Chư Phật và chư Bồ Tát khó làm mãn nguyện chúng sanh.

Tối hôm qua, tôi đã nói về sự khác biệt giữa bái sám và hành Phật thất, nhưng chưa bàn về những điểm then chốt. Quý cư sĩ đó phát tâm thật khó ai bì được. Hiện tại, tôi không phải là Hư Vân mà trở thành Hư Danh; thật tình thổ lộ không ra lời. Tôi đã từng nói với thầy trụ trì rằng kỳ pháp hội này, quý vị thọ khổ rất nhiều. Ngày ngày, ai ai cũng tự tu đạo và tạo công đức, như dự các tịnh thất và làm công quả, nên không có thời gian nghỉ ngơi. Nơi ngôi chùa này, không có một mảnh ruộng, miếng ngói. Nếu không làm Phật sự thì không thể thành công. Tuy nhiên, nếu làm Phật sự thì không thể dụng công, đả Thiền thất. Vì Phật sự quá bận rộn, nên đến tối mới làm lễ Phóng Diệm Khẩu tại đại điện. Thế nên, tại nơi đây tôi thiết phương tiện giảng kinh thuyết pháp trong ban ngày, để quý vị cư sĩ có thể băng sông, trở về nhà sớm. Trên đàn sám có bốn mươi chín người bái sám. Họ không thể dừng lại nửa chừng để nghỉ ngơi, mà phải cần có người khác đến luân phiên. Thường trụ lại quá bận rộn, nên hai mươi bốn người không thể xuống đàn.

Bàn về chữ khai thị. Khai tức là khai khải. Thị nghĩa là biểu thị, tức giảng giải việc thiện ác của con người, cùng khai mở bổn lai diện mục của mọi người. Tuy nhiên, sắc tướng vốn không có tướng lớn nhỏ, vuông tròn, phàm thánh, nam nữ, v.v... Phàm tất cả tướng đều là hư vọng. Nếu thấy tướng mà không phải tướng, tức là thấy Như Lai. Dẹp hết tình phàm, thật không có giải thoát của chư thánh. Người học đạo phải chân thật, chớ treo đầu dê mà bán thịt chó. Phải tự tầm cầu bên trong, chớ tìm tòi bên ngoài. Lời nói không có nghĩa chân thật, đều giả dối. Hành trì mới là chân thật. Nếu được như thế thì triển chuyển dây chuyền, từ một người đến nhiều người, từ một nhà đến một quốc gia, từ một quốc gia đến nhiều quốc gia, toàn thế giới không cần trị mà an.

Không luận tu học pháp môn nào, phải lấy việc trì giới làm căn bản. Nếu không trì giới mà trí huệ lại tinh xảo, thì tất cả việc làm đều là việc ma. Hai mươi lăm pháp môn trong kinh Lăng Nghiêm đều có thể tu chứng viên thông. Vì vậy bảo rằng phương tiện thì nhiều pháp môn, nhưng quy về cội nguồn thì không hai.

Tự mình chọn lấy một pháp môn làm chánh hạnh, còn những hạnh khác thì chỉ làm phụ. Phải tu cả hai phước và huệ. Nếu chỉ tu phước thì sẽ hưởng phước hữu lậu ở cõi trời người. Nếu chỉ lo tu trí huệ thì sẽ thành trí huệ khô khan. Tu hành mà không đoạn trừ tâm giết hại, đời sau nếu không làm thành hoàng thì sẽ làm thổ địa. Tôi thấy rất nhiều người, nửa ăn chay nửa ăn mặn. Tu học Mật tông lại ăn thịt. Thật rất đau lòng vì hoàn toàn trái ngược với tâm từ bi. Mạnh Tử nói:

- Nghe âm thanh, không nhẫn ăn thịt của chúng.

Mạnh Tử còn nói như thế, huống hồ gì chúng ta đã là Phật Tử ! Cướp giựt sanh mạng của loài vật để thỏa lòng mình sao ? Miệng chỉ hưởng được chút ít vị ngon, mà tạo vô biên nghiệp ác. Gì là giữ và gì là xả ? Gì là nhẹ và gì là nặng ? Tôi thấy không ít các người Thích Tử xuất gia thường ăn thịt. Miệng mồm tôi không được hay, nên mỗi lần thấy những việc như thế thì không thể chẳng nói được. Xin quý vị hãy cố gắng tu hành!

VII. Khai thị tại chùa Kiềm Minh, Quý Dương, vào mồng một tháng hai, năm 1943 [^]

Hư Vân tôi lại y theo lời thỉnh mời của thủ tướng chánh phủ cùng quý đại cư sĩ để đến đây giảng thuyết và chủ trì pháp hội Đại Bi Hộ Quốc Tiêu Tai. Vì thời gian có

hạn, nên không thể đến các đạo tràng khác bái kiến vấn đáp. Xin hãy niệm tình bỏ qua !

Quý vị đều là các bậc thượng tọa tu hành lâu năm. Đối với Phật pháp đã từng nghiên cứu tu học thâm sâu, đâu cần nghe nhiều lời của tôi. Tuy nhiên, vì quý vị nhất định muốn tôi ra thuyết giảng, nên không thể chẳng nói vài lời.

Hiện tại, các nước trên thế giới đang gây chiến tranh, giết hại lẫn nhau. Nhân dân đang sống trong cảnh dầu sôi lửa bỏng. Vì vậy nói: "Nhân dân không biết nương đâu mà sống".

Nơi đây may mắn có hòa thượng Quảng Diệu đang hoằng dương Phật pháp, độ khắp chúng sanh.

Hôm nay, Hư Vân tôi cùng quý vị hợp mặt tại chánh điện này thật chẳng phải là nhân duyên ngẫu nhiên. Tuy nhiên, bất quá Hư Vân tôi chỉ lớn tuổi hơn quý vị đôi chút, còn những việc khác thì chẳng hay ho chút nào.

Sau khi thành lập Dân Quốc, chánh phủ vốn đã chấp thuận cho tự do tín ngưỡng. Lời di chúc của Quốc Phụ (Tôn Trung Sơn) đã được ban bố rõ ràng. Nhận thấy những tôn giáo khác như Thiên Chúa giáo, Gia Tô giáo, Hồi Giáo đều được chánh phủ bảo hộ. Tuy nhiên, việc phá chùa đuổi tăng lại xảy ra trong toàn quốc. Bị oan ức, sao chẳng có nơi giải bày ? Việc này quý vị hãy suy nghĩ đôi chút. Họ phá chùa đuổi tăng cố nhiên là không đúng. Nhưng vì vật tự thúi rữa, nên mới sanh ra trùng. Hiện tại, các Phật tử phần nhiều bỏ bê trách nhiệm, không biết rằng nếu là người Phật tử thì phải luôn làm Phật sự. Phật sự là gì ? Phật sự tức giới định huệ, là việc mà Phật tử phải tu hành. Nếu nhận chân tu trì, thì tự nhiên sẽ biết cách cảm hóa bọn ác ma, chuyển chúng thành những người hộ trì Phật pháp.

Ngày nay, các tăng ni phạm luật pháp thế gian, khiến làm lụy đến chư Phật. Chánh quyền chiếm chùa miếu, đuổi tăng ni. Họ không biết chùa chiền đâu có can hệ chi với những tăng ni bất hảo ! Một đảng viên bất hảo, đâu có can hệ gì với toàn đảng. Nếu một tăng ni bất hảo thì đi phá chùa chiền, còn nếu một đảng viên bất hảo thì có nên hủy diệt toàn đảng không ? Lý này, tôi hy vọng mọi người đều nên hiểu rõ. Mọi người hãy giúp một tay, lật đổ bồn cát này. Chớ nên bảo người Quý Châu chỉ lo Phật pháp ở Quý Châu. Phải nên biết Phật giáo là một hợp nhất. Mọi người không nên phân biệt oán thù hay thân thuộc, như đất chẳng phân biệt biên cương. Phải nên vì chủ nghĩa đại đồng chân chánh. Phải tự nhớ rằng sanh tử là việc lớn. Từ văn tư tu, nhập tam ma địa. Mọi người phải tự tinh tấn tiến bước. Chớ để một đời trôi qua vô ích.

Chương II

VIII. Khai thị tại Đại Hội Hoan Nghinh Các Giới Chức, tại hội quán Trung Sơn ở Quảng Châu vào ngày 18-8-1946 [^]

Lần này, bốn chúng cùng quý vị đại hộ pháp tại các tỉnh hội mời Hư Vân tôi đến đây để hoằng dương Phật pháp. Hư Vân tôi tri thức cạn cợt, thẹn thùng chẳng dám đảm nhận. Hôm nay cùng quý vị đại biểu phân rõ ba điều: Thứ nhất, cung kính hoan nghinh quý vị đến đây. Thứ hai cám ơn quý vị đã cúng dường trai tăng. Thứ ba, không thể ở đây lâu được. Do quý vị đại biểu yêu cầu, Hư Vân tôi mới xuống

núi. Đến đây, lại được sự ân cần tiếp đãi của quý vị. Chùa Lục Dong nhỏ hẹp. Người đến đây không phải ai ai cũng được tiếp đón nồng hậu. Hôm nay, đại chúng đồng thỉnh tôi đến đây giảng vài lời. Có vị bảo rằng người như Hư Vân tôi thật rất khó gặp. Thật ra, tôi chỉ là một cây gỗ già nua mục nát rất vô dụng, chẳng có tài cán, lời hay ho, hoặc pháp gì để nói.

Hôm nay, các giới chức đồng phát tâm kiến lập pháp hội Thủy Lục để truy điệu các chiến sĩ trận vong, đồng bào tử nạn. Vì vậy, tôi sẽ giảng thuyết sơ về duyên khởi của sự kiến lập đàn tràng Thủy Lục.

Sao gọi là Thủy Lục ? Thủy tức là nước tại sông biển ao hồ. Lục tức là đất đai tại núi non, cao nguyên, đồng bằng. Thủy Lục (đất nước) bao hàm cả hư không. Nếu là vật có hình tướng thì không vượt ngoài ba vật này (đất, nước, hư không).

Đấng Như Lai của chúng ta khởi tâm đại từ bi, cứu tế khắp loài hữu tình, nên mới lập ra pháp môn này. Duyên khởi của pháp hội Thủy Lục là khi tôn giả A Nan tu tập thiền định trong rừng, có một con quỶ chúa đến cầu xin cứu độ. Tôn giả A Nan liền trở về núi Linh Thứu, cầu Phật dạy bảo. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nhân đó mà thuyết pháp Thủy Lục. Con quỶ chúa vốn là hóa thân của Bồ Tát Quán Thế Âm. Vì thương xót chúng sanh trên đất liền đang chịu bao thống khổ, và muốn giúp cho âm hồn trong cõi địa ngục U Minh được vãng sanh lên cõi Cực Lạc, nên thiết pháp siêu độ.

Pháp hội này khởi đầu từ đời vua Lương Võ Đế ở nước Tàu. Nhà vua phát tâm Bồ Đề rất mực chân thành mà cung thỉnh hòa thượng Chí Công, định chế nghi thức lập đàn tràng "Thủy Lục" để làm lợi ích cho các oan hồn uổng tử. Sắp đặt đèn cầy xong, vua Lương Võ Đế lễ một lạy; kế đến thắp đèn "Tận Minh", rồi lễ thêm một

lạy. Khi đó, cung điện chấn động. Vua lễ lần thứ ba thì trời mưa hoa báu. Công đức đàn tràng "Thủy Lục" như thế.

Đời Đường, tại chùa Pháp Hải, thiền sư Anh Công lại kiến lập đàn tràng Thủy Lục để cầu siêu độ cho vua Tần Trang Nhượng, Phạm Tuy, Bá Khởi, Vương Long Vũ, Trương Nghị, Chẩn Muội, v.v... đã bị trầm luân cả ngàn năm, khiến họ siêu thăng cõi trời. Cư sĩ Tô Đông Pha đời Tống, đại sư Liên Trì đời Minh, v.v..., cùng chư thánh hiền bao đời bổ sung thêm vào, khiến cho nghi thức lập đàn tràng Thủy Lục ngày một hoàn bị. Muôn pháp do tâm tạo. Mọi người đều thành tâm, tất sẽ có cảm ứng.

Hư Vân tôi thể theo lời khẩn thỉnh của các vị đại hộ pháp mà làm pháp chủ cho đàn tràng này, thật khó từ chối được.

Các chiến sĩ trận vong trong thời kỳ kháng chiến, xả thân báo quốc, nhưng hồn họ vất vưỡng, không nơi nương tựa. Vì tôn sùng ân đức này, chúng ta kiến lập đàn tràng để cầu siêu độ cho họ. Nghĩa dân bất khuất, lưu lạc đường hoang, nhà tan người mất, không hàng phục quân địch, trung thành vì nước. Cô hồn vô chủ, lang thang khắp nơi. Lại có những vong hồn uổng tử, chết vì bị trúng đạn, xe cán, bịnh dịch, chết đuối, chết oan v.v... Chúng ta phải đều cầu siêu độ hết để an ủi chúng sanh ở cõi u linh. Kẻ chết được an, người sống được ích lợi, tức là làm lợi ích khắp cõi dương và cõi âm.

Đây là lý nhân quả tuần hoàn. Xoay lại đạo lý nhân tâm, không ngoài các việc ác chớ làm mà phải hành theo những việc lành. Bao việc khổ sở trên thế gian đều do đã trồng nhân xấu đời trước. Nếu tán tận lương tâm, bỏ quên hiếu để, trung tín, lễ nghĩa, khiêm, sĩ, cứ làm càn làm bậy, thì khiến lụy đến người hiền, và thế giới mãi mãi vẫn còn loạn lạc. Đất nước vừa được trùng quang độc lập, phải cực lực hưng

thiện dẹp trừ việc xấu, cải ác theo lành, thì mới không bị nước ngoài xâm lăng. Nếu không lo chuyện đại cuộc mà vẫn cứ khởi nội loạn, thì nhân dân không biết sẽ chết nơi nào. Lúc này, nếu người có lương tâm phải sớm giác ngộ, biết đoàn kết, giải trừ kiếp vận cho đất nước. Nước Tàu từ lúc Hoàng Đế khởi binh đánh vua nước Cửu Lệ cho đến ngày nay, chiến tranh mãi không dừng.

Nếu muốn hòa bình mãi mãi thì mọi người phải nên phát tâm Bồ Đề, và tâm đại từ đại bi. Bồ Đề là chữ Phạn, nghĩa tức là giác. Giác tức là đất tâm sáng chiếu. Sự khác biệt giữa chư Phật và chúng sanh là việc giác ngộ hay chưa giác ngộ. Những vị đã giác ngộ tất cả các pháp trên thế gian đều do duyên sanh như mộng như huyễn, và thể tánh vốn không, chẳng bị nhiễm ô, được gọi là thánh hiền. Bất giác tức là vô minh. Một khi vô minh khởi lên thì mê mờ sự lý. Từ tự tâm của chúng ta, sanh ra mười pháp giới. Mười pháp giới đều do tâm tạo. Mười pháp giới gồm có bốn pháp giới thánh hiền và sáu pháp giới phàm phu. Bốn pháp giới thánh hiền là pháp giới của Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật. Gọi là cảnh giới thánh hiền vì nơi đó các ngài đã vượt ngoài ba cõi, không còn thọ luân hồi. Nếu phân biệt thì giữa bốn pháp giới thánh hiền có phân chia cao thấp. Pháp giới tối thượng tức là pháp giới của chư Phật. Kế tiếp là pháp giới của Bồ Tát, rồi đến pháp giới của Duyên Giác, và cuối cùng là pháp giới của Thanh Văn. Sáu pháp giới phàm phu vẫn còn nằm trong biển khổ luân hồi là pháp giới của trời, người, A Tu La, súc sanh, địa ngục, ngạ quỶ. Pháp giới của cõi trời có ba mươi hai tầng trời. Sau khi thọ hết phước báu, chư thiên vẫn bị luân hồi như thường. Con người từ đế vương, tể tướng cho đến nông dân, công thương, sĩ thứ, đều thọ hết tất cả khổ của sanh già bịnh chết. Loài A Tu La có phước nhưng không có đức như chư Thiên nên cuối cùng vẫn phải bị hoại diệt. Trong loài súc sanh, cũng có sự khác nhau về việc hưởng lạc và thọ khổ, như loài rồng phượng, sư tử, lân giác thì thường hưởng lạc, và ít thọ khổ hơn loài trùng kiến thấp sanh, hóa sanh. Khổ nhọc hay an lạc trong

loài quỶ cũng không đồng. Các quỶ vương như Diêm Vương và Thành Hoàng đều hưởng lạc nhiều mà thọ khổ ít hơn những loài quỶ cô hồn vô chủ. Khổ nhất là loài ngạ quỶ. Chúng sanh trong địa ngục thường thọ vô biên khổ cực, chẳng hề được sung sướng.

Mười pháp giới không ngoài một tâm. Giác ngộ hay chưa giác ngộ cũng từ tâm này ra. Đức Phật của chúng ta thật rất đại từ đại bi. Ngài giảng kinh thuyết pháp để khiến cho mọi người phát tâm Bồ Đề. Phát tâm Bồ Đề cũng sai khác. Bậc lớn thì phát tâm tu hành thành Phật. Bậc trung thì phát tâm tu hành thành Bồ Tát. Bậc nhỏ thì phát tâm tu hành thành Thanh Văn Duyên Giác. Chư thiên cũng có vị phát tâm Bồ Đề. Do sự phát tâm rộng hẹp, lớn nhỏ, nên việc thành tựu đạo quả mau chậm không đồng. Chúng ta đang sống trong cõi người, phải nên phát tâm Bồ Đề rộng lớn, cứu độ chúng sanh, thay họ chịu khổ. Lại nữa, nên nguyện rằng sẽ dẹp trừ khổ lụy và khiến chúng sanh được siêu thăng. Nếu người người đều phát tâm như thế thì cõi nhân gian sẽ không còn khổ đau.

Có người hỏi tôi về thần thông biến hóa, thế giới chừng nào hòa bình, vận nước tốt xấu như thế nào ? Tuy nhiên, tôi vốn là phàm phu, không biết việc chi, lại chỉ là cây gỗ già nua khô mục, không thể chạm khắc. Bất quá, so với quý vị thì ăn cơm hơn nhiều năm, ngu si hơn nhiều năm, nghe các ngôn ngữ lời nói nhiều hơn, xem nhiều quyển kinh hơn. Nhận biết làm người là khổ đau, nên tôi mới nói ra những lời này. Quý vị chớ nên hỏi việc quốc gia có hòa bình an lạc hay không, mà chỉ nên tự hỏi ngay tâm địa của mình. Ngày đêm sáng tối, chớ nên phân biệt quan dân, nam nữ. Tự khắc phục tâm tánh, chớ để tự tâm mê mờ. Phải thật hành hiếu để trung tín, và cùng mọi người hỗ tương khích lệ. Phải nên trung thành với quốc gia, giáo dục con cái đàng hoàng, hòa thuận vợ chồng, lễ kính thân bằng quyến thuộc bà con láng giềng, có tín nghĩa khi giao hảo với bạn bè. Nếu người người làm được như thế thì thế gian tự nhiên thái bình. Ngược lại, nếu biết sai mà không sửa đổi thì

khổ não tất sẽ chạy theo, không thể tránh được. Dầu nhân tâm có phức tạp như thế nào, vẫn tự giữ bổn phận của mình, không chìm đắm trong muôn ngàn mong cầu.

Hôm nay, tôi bàn đến việc nước nhà bị ngoại xâm. Từ đời Thanh niên hiệu Đạo Hàm cho tới nay, người ngoại quốc đến nước Tàu, không phải hoàn toàn muốn chiếm đất đai mà chỉ có mục đích quan trọng nhất là muốn thông thương vì tiền tài lợi lộc. Chúng ta phải tự giữ bổn phận của người quân tử: Thân không cầu an, ăn không cầu no, mến đạo không sợ nghèo, chẳng ham hưởng nhàn. Lịch sử mấy ngàn năm đều có những bậc quân tử như thế. Tại sao hiện nay lại không có được những vị như vầy ? Nếu mọi người đều đồng tâm nhất chí, giữ bổn phận của mình, dùng đồ nội hóa thì người ngoại quốc không thể mưu đồ lợi ích gì cả, và tự nhiên sẽ không sanh tâm xâm lược. Vàng bạc tiền tài nếu không mang ra nước ngoài thì dân giàu nước mạnh mà không cần phải dùng đến máy bay, bom đạn.

Hiện tại, con người tham dục vô cùng. Ai ai cũng đều bỏ quên, khinh rẻ học đạo đức làm người. Kẻ có lương tâm, ưu sầu sống ẩn dật, vì sợ không có cách dạy bảo kẻ hậu lai, nhưng cũng không tránh được kiếp đao binh chiến nạn. Chúng ta chớ bị truyền thống phong tục của người thế gian lôi cuốn; phải rõ nhân quả, biết báo ứng; trồng nhân xấu tức gặt quả ác; cố đề xướng đạo đức. Thế nên, nhà nào tích tụ hạnh lành thì luôn có việc vui, và tự nhiên được trời rồng ủng hộ, khiến con cháu đầy đàn sung túc; người người nếu an phận thủ thường thì quốc gia cũng nhờ đó mà được thái bình an lạc.

Hư Vân tôi tri thức cạn cợt, nay chỉ nhờ duyên khởi của thắng hội tế trai, lược nói đại khái, khiến quý vị thêm mệt nhọc.

IX. Khai thị tại Đông Liên Giác Uyển, Hồng Kông, năm 1947 [^]

Tuy cơ duyên khó gặp, nhưng bảo rằng tôi nói lời khai thị thì thật rất hổ thẹn. Quý vị thiện tri thức ! Nhân duyên tới Quảng Châu lần này của tôi là do sự thỉnh mời của tướng quân Trương Phát Khuê và chủ tịch La Trác Anh đến đây kiến lập pháp hội Thủy Lục để cầu siêu độ cho các vong hồn chiến sĩ, đồng bào tử nạn trong đại chiến thế giới lần thứ hai. Lại vì ước hẹn với hội Phật giáo tại Hồng Kông cùng muốn gặp gỡ các đệ tử hộ pháp, nên nay tôi mới đến đây. Hôm nay gặp quý vị tại pháp đường, thật là một cơ duyên khó được. Nếu nói khai thị pháp yếu, tôi cảm thấy rất xấu hổ muôn phần. Thứ nhất ngôn ngữ không thông, mình người ngăn cách. Thứ hai, tự không thể khai thị cho chính mình, sao dám nói đến việc khai thị cho người ? Thế nên, chỉ có thể cùng quý vị tùy duyên mà đàm luận.

"Thường nghe được Phật pháp, người Hồng Kông quả thật có phước báu".

Chúng ta là đệ tử Phật, biết rõ Phật pháp khó được nghe. Tuy nhiên, tại Hồng Kông, thường có chư vị đại pháp sư từ các đạo tràng Phật giáo khắp nơi, qua đây giảng kinh giảng luận. Sao không thể bảo là người Hồng Kông có phước báo nhiều ư ? Pháp sư giảng kinh nhiều; người hiểu rõ giáo lý cũng nhiều. Tuy nhiên, trong việc hoằng pháp, điều trọng yếu là phải dạy người chẳng nên chấp trước hình tướng bên ngoài. Kinh nói: "Đối với tất cả vật có hình tướng, đều là hư vọng".

Kinh lại bảo: "Chúng sanh trên cõi đất này đều có đầy đủ trí huệ phước đức của Như Lai".

Chúng sanh đều đầy đủ đức tướng trí huệ phước đức của Như Lai, nhưng chưa có thể thành Phật chỉ vì trần lao phiền não làm mê hoặc. Phước đức và trí huệ của Phật đà viên mãn tròn đầy; chân tâm thường trụ không còn bị mê hoặc. Thường tức là bất biến. Trụ tức là bất động. Chân tức là không giả dối. Tâm bất biến, bất động,

không giả dối này giác ngộ liễu tri được hết tất cả pháp, nên gọi là chân tâm thường trụ.

"Khởi hoặc tác nghiệp, tạo vô lượng bịnh khổ".

Chúng sanh vì mê mờ chân tâm thường trụ nên khởi mê hoặc mà tạo nghiệp xấu. Trong bân khuân rối rít hiện ra vô lượng thống khổ. Đại Thừa Khởi Tín Luận viết: "Vô minh bất giác sanh ba tế. Cảnh giới do duyên khởi thành sáu thô".

Thô tức là tướng sự vật có thể thấy được. Những hiện tượng trước mắt trên thế gian như tham sân si, cùng bao nghiệp ác giết hại, ăn cắp, tà dâm, nói láo, v.v... đầy dẫy khắp cả. Do những nghiệp ác này, chúng dẫn dắt chúng ta lưu chuyển thọ quả báo, cho đến có sự lưu chuyển liên tục của chúng sanh và thế giới. Truy cứu nhân duyên luân hồi, biết rõ chỉ vì tâm mê chấp ngoại cảnh. Nếu thường giác ngộ, bỏ vọng xoay về chân thì sẽ tiêu diệt bao thống khổ của dòng sanh tử luân hồi.

Vì sao có tham sân si khiến sanh khởi những nghiệp ác, giết hại, ăn cắp, tà dâm ?

"Nếu tâm mọi người đều thanh tịnh thì thế giới sẽ được thanh bình, và nhân dân được an lạc".

Như trong một gia đình, cha mẹ luôn thương mến ái hộ con cái, trai lẫn gái. Vì có ái nên có tham. Vì tham đắm ái dục này, nên thường thích hưởng thụ những việc sung sướng. Vì tham cầu không được nên tâm sân hận nổi lên. Tâm sân nổi lên hừng hực nên khởi tranh đấu. Việc nhỏ thì nhà này cùng nhà khác tranh. Việc lớn thì nước này cùng nước khác tranh, rồi khởi bao chiến tranh khốc liệt. Nếu muốn thế giới hòa bình nhân dân an lạc thì mỗi người phải tự thanh tịnh thân tâm. Có tham sân si cũng như người có tâm bịnh. Nếu muốn dẹp trừ tâm bịnh này thì phải y theo lời chỉ bảo, rồi dùng toa thuốc vi diệu của thầy thuốc. Đức Phật là vị lương y,

trị tâm bịnh cho tất cả chúng sanh. Tất cả Phật pháp đều là những toa thuốc vi diệu. Tâm bịnh của chúng sanh có rất nhiều loại, nên phải có nhiều pháp môn để trị liệu.

"Học Phật pháp phải nên chú ý phần thực hành".

Nếu tin tưởng sự chẩn bịnh và toa thuốc của thầy thuốc, rồi tự dùng thuốc đó thì bịnh tất sẽ tiêu trừ. Ngược lại, tuy tin thầy thuốc và toa thuốc vi diệu, nhưng lại không uống thì bịnh vẫn y nhiên còn mãi. Cũng như thế, người tu học Phật pháp nếu muốn tự thanh tịnh thân tâm thì phải chú trọng phần thực hành. Vì tâm bịnh của chúng sanh không đồng, nên Phật thiết lập ra bao loại pháp môn. Đối với người có tâm sân hận nặng nề thì dạy tu quán từ bi. Để trị tâm tán loạn, phải dạy tu chỉ quán. Để trị bịnh nghiệp chướng nặng nề, phải dạy niệm Phật. Đức Như Lai thuyết ba tạng kinh điển, mười hai phần giáo mà không thiên vị gì là trọng (nặng) hay gì là khinh (nhẹ); thật không thể nghĩ bàn !

"Bất ly bổn tông, chuyên tâm tín lại".

Chỉ nên chọn lựa pháp môn nào thích hợp cho chính mình, rồi dùng pháp môn đó làm chính, còn những pháp môn khác thì làm phụ. Trong bốn oai nghi đi đứng nằm ngồi thường chuyên tâm tu học mà không rời tông chính. Ví dụ, niệm Phật thì lúc nào cũng không quên niệm. Kinh nói: "Thọ trì danh hiệu sáu mươi hai ức hằng hà sa số chư Bồ Tát cũng đồng như nhất tâm niệm một danh hiệu của Quán Thế Âm Bồ Tát. Công đức trì niệm này, thật không khác biệt".

Vì miễn cưỡng, muốn khích lệ chúng sanh chuyên tâm tin tưởng tông này, nên đức Phật mới thuyết như thế. Người học Phật, nếu không biết gì là chủ bạn, và không chuyên tu học, thì kết quả nhất định sẽ không đạt chi cả.

"Nỗ lực phá trừ tất cả vọng tưởng".

Lại nữa, người học Phật phải y theo giới luật Phật chế. Giới là cội gốc của đạo Bồ Đề vô thượng. Nếu y theo giới luật của Phật chế thì không luận tham thiền, niệm Phật, giảng kinh, v.v... tất cả đều là Phật pháp. Nếu không y theo giới luật Phật chế mà cuống quẩn tham thiền, niệm Phật, giảng kinh, thì cùng đạo cách xa muôn trùng, và dễ dàng lạc vào ngoại đạo. Người tu hành học Phật, chớ hướng ngoại truy cầu, chỉ nên tự trừ khử nghiệp chướng, thì sẽ không lưu chuyển trong dòng sanh tử. Nếu cắt đứt được dòng sanh tử thì không cần hành trì chi nữa.

Kinh thuyết: "Phật thuyết hết thảy pháp, để đối trị hết thảy tâm. Nếu không có tất cả tâm, thì không có tất cả pháp".

Tâm này chỉ cho tâm vọng tưởng. Ý của đoạn kinh này là nếu không có bịnh thì cần gì đến thuốc.

Lại nữa, người học Phật phải có đầy đủ niềm tự tin. Trong kinh Phạm Võng, đức Phật nói:

- Ta đã thành Phật. Các ông trong tương lai cũng sẽ thành Phật. Phải có niềm tin như thế thì giới phẩm mới đầy đủ.

Đoạn kinh này bảo rằng nếu người người tự tin là mình có đầy đủ đức tánh của chư Phật thì đời tương lai sẽ thành Phật. Vì thế, phải nỗ lực giải trừ hết tất cả vọng tưởng khách trần.

"Lại như một tuồng kịch, đời người vốn là mộng huyễn".

Phải tự tin tâm mình vốn là Phật. Tất cả phiền não, tất cả tướng, tất cả chướng ngại, đều là vọng tưởng điên đảo. Do đó, người tu đạo chớ nên chấp trước mà phải xả bỏ hết tất cả. Vì thế bảo rằng muôn pháp đều là không, nên chẳng thể chứng đắc một pháp gì. Kinh Kim Cang thuyết:

"Tất cả pháp hữu vi,
Như mộng huyễn, như bong bóng nước
Như sương mai, như điện chớp
Phải nên quán sát như thế".

Tại sao tất cả pháp hữu vi trên thế gian đều như mộng huyễn không thật ? Lấy một ví dụ để hiểu rõ ràng. Như trong một tuồng kịch cải lương, khi đánh trống khởi nhạc lên, các nghệ sĩ nam nữ già trẻ y theo vai tuồng của mình mà lên sân khấu diễn xuất. Trong khi diễn xuất, có bao tình tiết vui buồn, nóng giận, ghen ghét, v.v... Có người đóng vai làm Hoàng Đế oai phong lẫm liệt, nhưng khi xuống sân khấu thì trở lại làm người dân bình thường. Khi lên sân khấu thì diễn xuất bao cảnh giết người phạm pháp, hung ác, cùng bao cảnh tượng kinh hoàng khủng khiếp, hay ưu sầu buồn bã. Tuy nhiên, khi xuống sân khấu thì cười bảo:

- Chỉ đóng tuồng thôi.

"Phải nên hiểu rõ, vì sao có khổ đau sung sướng ?"

Khi diễn tuồng thì những tình tiết trên sân khấu trông giống như thật, nhưng lúc hạ màn thì chẳng có một tình tiết nào là thật cả. Chúng sanh cũng như thế. Lúc chưa cắt đứt hết phiền não thì vinh hoa phú quý, vui buồn giận tức, xuất hiện rõ ràng. Ai ai cũng vốn là Phật, giống như người đóng kịch. Lúc lưu chuyển theo phiền não, cũng giống như đang đóng tuồng trên sân khấu. Phải nên hiểu rõ cảnh tượng thế gian giống như kịch trường sân khấu. Được lên tận thiên đường chưa phải là vui. Bị đọa xuống địa ngục chẳng phải là khổ. Người nam vốn chẳng phải nam. Người nữ vốn chẳng phải nữ. Phật tánh đồng một thể. Người thế gian không biết, trong mộng tự phân biệt rằng đây là mình, đây là người, đây là thân, đây là oán, nên mê muội không ngừng nghỉ. Người xuất gia tuy xả bỏ thân bằng quyến thuộc, nhưng

vẫn phân biệt chấp trước mê muội rằng đây là chùa viện, là thầy, là đệ tử, là pháp hữu, và là bạn thân của tôi.

"Bỏ vọng xoay về chân. Tự lợi chính mình và làm lợi ích cho người".

Người tại gia bị ái dục thế tình làm mê mờ. Người xuất gia cũng bị pháp hữu, và pháp quyến thuộc làm mê hoặc. Những người như thế, vẫn chưa đắc được giác ngộ chân thật. Nếu cố gắng thoát ly hết tất cả mê hoặc, bỏ vọng xoay về chân thì mới thành Phật. Do đó, Lục Tổ đại sư khi nghe đến đoạn "ưng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm" trong kinh Kim Cang liền đột nhiên đốn ngộ. Tám chữ này, nếu dùng ngôn từ để giải thích thì không thể được mà nội tâm phải lãnh hội. Chân lý Phật giáo tuy không thể dùng ngôn ngữ để biểu thị, nhưng nếu phế bỏ hoàn toàn thì không thể được. Phải y theo văn tự mới có thể hiểu rõ nghĩa lý. Ngày nay, người học Phật phải nghiên cứu tất cả giáo lý, nhưng vẫn lấy sự hành trì làm căn bản, rồi hoằng dương Phật pháp, khiến ngọn đuốc chánh pháp mãi mãi tiếp tục lan truyền.

"Tương thử thâm tâm phụng trần sát. Thị tắc danh vi báo Phật ân", tức là dùng thâm tâm này để phụng sự chúng sanh như số cát vi trần. Đây gọi là báo ân chư Phật".

Hy vọng tất cả người học Phật, nên lấy hai câu này làm tiêu chuẩn cho việc tự lợi và lợi người.

X. Khai thị tại Áo Môn, hý viện Bình An vào 1-8-1947 [^]

Do sự yêu cầu của hội Phật giáo tại hý viện Bình An, Hư Vân tôi nay đến đây để cùng quý vị đàm luận.

"Pháp" tức là tâm chúng sanh. Tâm chúng sanh cùng tâm Phật vốn không khác biệt. Tâm này đầy đủ tất cả pháp. Pháp tức là tâm, và tâm tức là pháp. Luận Khởi Tín viết: "Gọi là pháp, tức tâm chúng sanh. Tâm này vốn đầy đủ tất cả pháp thế gian và xuất thế gian".

"Pháp thế gian" tức là trời, người, A Tu La, địa ngục ngạ quỷ, súc sanh. Hết thảy loài hữu tình và vô tình hoặc những pháp y báo hay chánh báo, v.v... đều thuộc về sáu pháp giới của phàm phu.

"Pháp xuất thế gian" tức là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật, cũng được gọi là bốn pháp giới Thánh Hiền. Gom chung bốn pháp giới của Thánh Hiền và sáu pháp giới của phàm phu, thành mười pháp giới. Mười pháp giới này chẳng ngoài một tâm niệm tạo nên. Nếu chạy theo duyên điên đảo ô nhiễm mê mờ thì sanh ra sáu pháp giới của phàm phu. Nếu không chạy theo duyên điên đảo ô nhiễm mê mờ mà tịnh tâm giác ngộ thì sẽ nhập vào bốn pháp giới của Thánh Hiền. Quán sát như thế, thấy rằng Thánh Hiền hay phàm phu đều do tâm cấu uế hay thanh tịnh mà hiển hiện. Tâm cấu uế của sáu loài phàm phu khiến hiện ra tướng của sáu đường thiện ác, tội phước. Bốn pháp giới Thánh Hiền, do tâm tịnh nên hiện oai đức tự tại, quang minh sáng chói, đức tướng dung mạo từ bi. Kinh nói: "Bồ Tát như vầng trăng sáng thanh tịnh mát lành, thường đi khắp hư không. Trong tâm thanh tịnh và cấu uế của chúng sanh, Bồ Đề thường ảnh hiện".

Thế nên khổ đau hay an lạc đều do tâm. Nóng lạnh do mình. Tự tâm tạo nghiệp, rồi tự thân thọ quả báo. Cảnh Thánh cùng phàm hãy hỏi lại tự tâm thì sẽ rõ !

Phàm phu ngu muội hôn ám chẳng biết yếu chỉ tất cả đều do tâm tạo, nên vọng khởi nghi hoặc. Nếu gặp nghịch cảnh thì oán trời hận người. Nếu gặp thuận cảnh thì kiêu căng tự thị. Hoặc cả đời làm việc thiện nhưng lại bị quả báo ác, hoặc làm

ác nhưng hưởng quả báo lành, nên hủy báng nhân quả. Phải biết rằng lý nhân quả rất thâm sâu; ví như sau khi gieo giống trồng cây, quả nào chín trước thì rụng trước. Đời nay, tuy mình luôn làm nghiệp lành, nhưng lại chiêu quả báo xấu; phải biết đó là do nghiệp ác trong đời quá khứ đã thành thục chín mùi, nên đầu tiên phải thọ quả báo xấu. Nghiệp lành làm trong đời nay, vì chưa thành thục, nên hiện tại không thể thọ quả báo lành. Nếu tin lý này thì không nghi hoặc gì hết. Từ đời vô thủy, lầm đường lạc lối, tạo bao nghiệp chướng thâm trọng. Ngày nay quả báo chín muồi, nên phải thọ biết bao đắng cay khổ nhọc, không có lối thoát. Muốn thoát khổ thì phải làm sao ? Kinh Lăng Nghiêm nói: "Tất cả chúng sanh, bị sanh tử liên tục, đều do không biết chân tâm thường trụ, tánh tịnh thể sáng. Vì sống với vọng tưởng không chân thật, nên mới bị luân hồi".

Nếu muốn không bị thọ quả báo trong vòng sanh tử thì phải thường thanh tịnh hóa các vọng tưởng. Vọng tưởng nếu được thanh tịnh thì dòng luân hồi sẽ ngưng ngay. Do đó, tâm mê thì gọi là chúng sanh. Tâm giác gọi là Phật. Vì vậy, Phật và chúng sanh chỉ khác nhau ở mê và ngộ. Nên biết tâm giác tri linh minh sáng suốt này tức là Phật tánh tự nhiên mà ai ai cũng có đầy đủ, mỗi mỗi hiện thành. Phàm phu tuy có đủ Phật tánh, như vàng thật trong mỏ vàng, nhưng chỉ vì đất cát phiền não che lấp, nên trước mắt không thể dùng được. Đức Như Lai bao kiếp tu hành, đã đào thải cát đá hoặc nghiệp. Ngày nay, Ngài đã được một khối vàng tinh khiết, không lẫn lộn với cát đá, nên đại dụng hoàn toàn hiện rõ, và được gọi là bậc vượt khỏi chướng ngại, bậc viên minh, bậc Thế Tôn đại giác.

Hiện tại, chúng ta nếu muốn tu hành thành Phật, đầu tiên phải xem thử nhân địa phát tâm tu hành của mình như thế nào. Phải trừ khử cội gốc phiền não. Gốc khổ của phiền não nếu diệt thì Phật tánh hiển hiện tròn đầy. Nếu nhân địa tu hành không chân chánh, thì sẽ chịu quả báo cong vạy.

Luận về phương pháp tu hành, có ba thành phần: Thượng, trung, hạ khác nhau. Pháp cũng có ba thừa. Pháp môn tu học của loài người và loài trời đều không đồng. Đối với người căn cơ bậc thượng thì thuyết giảng pháp môn Đại Thừa vi diệu. Người căn cơ bậc trung thì thuyết giảng các pháp môn giải thoát xuất thế gian. Đối với những kẻ căn cơ bậc kém, thì thuyết pháp môn giải thoát khiến họ thoát khỏi những đường khổ nhọc của địa ngục, ngạ quỶ, súc sanh. Phật tuy thuyết bao pháp môn, như giới luật Đại Thừa và Tiểu Thừa, nhưng đều dùng tam quy ngũ giới làm căn bản, khiến người thọ những giới luật này, thường không làm các việc ác, và luôn hành các điều lành. Phải y theo những lời bên trên mà lập thân, tề gia, trị quốc, thì đó mới là điều rốt ráo của chủ nghĩa nhân đạo. Nếu ngừng gieo nhân khổ thì quả khổ sẽ tự diệt mất. Thoát khỏi ba đường khổ và sanh trong cõi trời người thì dễ dàng nhập vào Phật thừa. Đó là nền tảng căn bản học Phật. Tam quy ngũ giới là bờ bến của thế gian, và là diệu pháp an lạc cứu khổ. Đầu tiên giải nghĩa tam quy y, sau đó nói rõ về ngũ giới.

Tam quy y: Thứ nhất là quy y Phật. Thứ hai là quy y Pháp. Thứ ba là quy y Tăng.

Tại sao đầu tiên phải quy y Phật ? Phật là đấng Thế Tôn đại giác, cứu cánh thường lạc, mãi mãi xa lìa khổ não, dạy dỗ chúng sanh, xuất ra khỏi lưới mê, đi trên đường giác. Phật Thích Ca là vị giáo chủ ở cõi Ta Bà, nên đầu tiên phải quy y Phật.

Thứ hai, quy y Pháp, tức là những pháp môn của Phật truyền dạy. Ba đời chư Phật đều y theo những giáo pháp này mà tu hành, thành tụu vô lượng công đức thanh tịnh. Ngày nay muốn xoay về cội gốc, tịnh trừ tâm cấu uế, cần phải tu trì theo Phật pháp. Vì thế, phải quy y Pháp.

Thứ ba là quy y Tăng. Xả thân vì Phật pháp, và xiển dương chánh pháp, phải có người đảm đương hoằng truyền. Dùng phương tiện văn, tư, tu mới chứng quả

thành Phật. Nếu Phật pháp không có người thuyết giảng, tuy biết mà khó có thể lãnh hội. Phật pháp thâm sâu khó hiểu, phải nghe chư tăng giảng giải, nên ân đức của các ngài vô cùng cực. Do đó, phải quy y Tăng.

Lại nữa, nghĩa của sự quy y Tam Bảo được phân biệt thành ba. Thứ nhất là nhất thể Tam Bảo. Thứ hai là biệt tướng Tam Bảo. Thứ ba là trụ trì Tam Bảo.

Nhất thể Tam Bảo tức là tự thể của nhất tâm. Phật đà là tiếng Phạn, dịch là Giác Giả. Nhất niệm linh minh tâm giác liễu, tức là tự tánh nhất thể Phật Bảo. Pháp đã đầy đủ ba đức Phật Pháp Tăng, Tam Bảo. Pháp nghĩa là quỸ trì. Tâm tánh này có thể giữ gìn quy tắc của tất cả pháp thế gian lẫn xuất thế gian, tức là tự tánh nhất thể Pháp Bảo. Tăng, tiếng Phạn là Tăng Già Da, nghĩa là một đoàn thể hay chúng hòa hợp. Tâm giác có khả năng hằng trì tất cả pháp. Tâm tức là pháp. Mọi pháp đều là một tâm. Pháp tức là tâm. Tâm và pháp không hai, lý sự hòa hợp, tức tự tánh nhất thể Tăng Bảo. Một tâm như thế đầy đủ Phật Pháp Tăng. Tam Bảo chỉ là một tâm, nên gọi là nhất thể Tam Bảo. Chúng sanh vì mê mờ tâm này mà hướng ngoại truy cầu, nên lưu chuyển trong sanh tử. Chư Phật nhờ giác ngộ được tâm này nên chứng được đạo Bồ Đề.

Thứ hai là biệt tướng Tam Bảo. Danh tướng của ba danh tự Phật, Pháp, Tăng khác nhau. Phật, tiếng Phạn là Phật Đà Da, nghĩa là bậc giác ngộ. Giác ngộ tận nguồn tâm, đạt tận thật tướng, gọi là tự giác. Dùng pháp môn tự chứng mà giác ngộ cho tất cả chúng sanh, gọi là giác tha. Tự giác đã viên mãn, giác tha cũng đã đạt đến cứu cánh, nên gọi là giác hạnh viên mãn. Ba giác viên mãn, muôn đức đều tròn đầy, nên cuối cùng thành Phật. Đầu tiên, Phật Thích Ca thành đạo dưới cội Bồ Đề, thị hiện thân vàng sáu trượng. Nơi pháp hội Hoa Nghiêm, Ngài thị hiện pháp thân Phật Lô Xá Na. Đó là biệt tướng của Phật Bảo. Đức Như Lai tùy cơ thiết giáo, trong năm thời thuyết giảng các kinh điển quyền thiết và chân thật. Ba tạng mười

hai phần giáo, lý, hạnh, chứng, nhân, quả, trí, đoạn, các loại không đồng, gọi là biệt tướng Pháp Bảo. Theo giáo lý mà tu hành. Do tu hành mà khế hợp, rồi chứng ba thừa, như Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, nhưng giai đoạn thứ lớp không đồng, nên gọi là biệt tướng Tăng Bảo. Nơi đây đã bàn xong về biệt tướng Tam Bảo.

Thứ ba là trụ trì Tam Bảo. Sau khi Phật diệt độ, tượng Phật được đắp bằng xi măng, khắc trên gỗ, hay đúc bằng năm loại kim khí, hoặc vẽ trên giấy lụa; những tượng Phật này làm ruộng phước cho chúng sanh. Nếu cung kính như đức Phật còn tại thế thì công đức thật khó nghĩ bàn. Trụ trì mãi không tuyệt mất, gọi là trụ trì Phật Bảo. Vô luận sách màu vàng, hay lá Cụ Diệp đều là ba tạng kinh điển; mười hai phần giáo của Đại Thừa và Tiểu Thừa khiến người thấy nghe, y theo đó mà hành trì thì đều được hết khổ, đắc an lạc, cho đến thành Phật. Ba tạng kinh điển giáo hóa chúng sanh liên tục không ngừng, nên gọi là trụ trì Pháp Bảo. Cạo bỏ râu tóc, đắp y hoại sắc, hoằng tông diễn giáo, hóa độ chúng sanh, nối tiếp Phật chủng, đó gọi là trụ trì Tăng Bảo. Nơi đây, đã bàn xong về trụ trì Tam Bảo.

Trụ trì, biệt tướng, nhất thể, đều gọi là Châu Báu mà không thể bị pháp thế gian xâm lấn tổn hại, hoặc phiền não làm nhiễm ô. Bảy loại châu báu ở thế gian tuy được gọi là quý báu, nhưng thọ hưởng trong một thời gian, cuối cùng sẽ hết, vì chỉ dưỡng sanh chứ không cứu độ cái chết. Tam Bảo có thể chấm dứt vô biên sanh tử, khiến xa rời tất cả sợ hãi lo âu, mãi mãi hưởng thọ thường lạc.

Bàn về quy y Tam Bảo, không chỉ đặc biệt quy y trụ trì Tam Bảo, biệt tướng Tam Bảo, hay nhất thể Tam Bảo. Theo ngôn thuyết thì có ba loại Tam Bảo, nhưng thật ra chỉ sanh từ một tâm mà chẳng có pháp nào khác, vì tất cả sự vật đều do tâm tạo. Tâm nhiếp thọ hết muôn vật, viên mãn tròn đầy, như hạt châu Như Ý. Thế nên bảo rằng tự quy y Phật, tự quy y Pháp, tự quy y Tăng, chứ không nói là quy y tha, tức y tựa nơi người khác.

Lục Tổ dạy:

- Tự tánh chẳng quy, không chỗ để nương vào.

"Quy" nghĩa là xoay về cội gốc. Sáu căn của chúng sanh từ một tâm khởi, chỉ vì bỏ gốc mà chạy đuổi theo sáu trần. Ngày nay dùng mạng căn nhiếp sáu tình, xoay về nguồn tâm, nên gọi là quy mạng. Vì vậy, quy y cũng nghĩa là quy mạng.

"Y" nghĩa là y chỉ. Chúng sanh luôn chạy theo âm thanh sắc tướng, niệm niệm lưu chuyển, nên bị chìm đắm trong biển khổ mà không biết chỗ ngừng và không có nơi nương tựa. Ngày nay quy y Tam Bảo, tức thân có chỗ quy về, và tâm có chỗ nương tựa. Từ nay về sau, nhờ tôn kính Tam Bảo làm thầy nên có thể xuất ra khỏi ba cõi u mê, phát tâm Bồ Đề, và quả vị Phật có kỳ chứng đắc. Nghĩa quy y Tam Bảo đã giải thích đầy đủ. Hiện tại, nói rõ về năm giới cấm.

Quy y Tam Bảo rồi, phải y theo pháp mà tu hành, mới thoát khỏi khổ đau trong ba cõi. Nếu không y theo pháp mà tu hành thì không thể nào thoát khỏi vòng triền phược của thế gian. Nếu muốn thoát khỏi vòng sanh tử, dứt dây phiền não, ngoài năm giới ra không còn pháp nào khác. Vì vậy, có câu rằng nếu không giữ năm giới cấm thì đường sanh làm trời người bị cắt đứt.

Thế nên, "Giới" là nền tảng căn bản, sanh ra điều thiện lành, diệt bỏ điều ác, và là cội gốc của đạo đức, cùng là công cụ vượt ra khỏi cõi phàm mà nhập vào dòng thánh. Từ giới sanh định. Từ định phát huệ. Nhờ giới định huệ, mới bước trên đường Bồ Đề mà thành chánh giác. Vì vậy, đạt được giới phẩm thì quả vị Phật sẽ có kỳ chứng đắc.

"Giới là cội gốc của đạo Bồ Đề vô thượng".

Đức Phật của chúng ta mở pháp môn phương tiện, bằng cách đầu tiên thuyết tam quy y, rồi lại dạy năm giới; cứ như thế lần lượt thiết lập giới Đại Thừa, Tiểu Thừa, v.v...

Do căn cơ và tâm hạnh của chúng sanh không đồng nhất, nên mới lập giới từ thô thiển đến thâm sâu, từ vi tế đến hiển lộ, nhưng cứu cánh luôn xoay về nguồn, chẳng có hai hoặc ba.

Năm giới: Thứ nhất là giới cấm giết hại. Thứ hai là giới cấm ăn cắp. Thứ ba là giới cấm tà dâm. Thứ tư là giới cấm nói láo. Thứ năm là giới cấm uống rượu. Năm giới này được gọi là học xứ và học tích. Nam nữ tại gia phải nên học theo. Những giới này cũng được gọi là đường lộ, vì nếu đi trên đường đó có thể thăng lên cung điện trí huệ. Tất cả luật nghi diệu hạnh thiện pháp đều xuất phát từ con đường này. Chúng cũng được gọi là học bổn mà người người phải học theo, nên gọi là căn bổn; chúng cũng được gọi là năm đại thí. Năm giới này nhiếp thọ vô lượng chúng sanh, khiến họ thành tựu vô lượng công đức. Năm giới này nơi trời thì gọi là năm tinh sao; nơi núi thì gọi là năm ngọn; nơi con người thì gọi là năm tạng, trong nhà Nho thì gọi là ngũ thường. Người nhân đức không giết hại. Người nghĩa khí không ăn cắp. Người lễ mạo không tà dâm. Người trí không uống rượu. Người tín không nói láo. Nếu giữ năm giới hoàn toàn thì không cầu thành bậc nhân đức cũng vẫn thành người nhân đức. Không thích nghĩa mà nghĩa vẫn vẹn toàn. Không cầu lễ mà lễ vẫn lập. Không hành mà trí vẫn sáng. Không mong được tin tưởng mà chữ tín vẫn nổi. Thế nên, "giăng lưới thì được lưới" cần gì gia công sức thêm. Đây là nói tổng quát về năm giới.

Hiện tại, bàn về nghĩa của năm giới. Thứ nhất là bàn về giới không giết hại. Chủng tử giết hại nằm ẩn tàng trong tâm của mỗi người mà ai ai cũng có. Mạnh Tử còn bảo:

- Nghe tiếng kêu la của con vật, không đành lòng ăn thịt chúng.

Huống chi người học Phật, sao lại hàm hồ có tâm niệm giết hại, để chịu quả khổ sau này ? Thế nên, đức Phật chế giới không giết hại cho các đệ tử; nếu muốn hành đạo nhân từ thì đầu tiên phải giữ giới không giết hại. Nếu giữ được giới không giết hại thì đường luân hồi sẽ chấm dứt. Nghiệp giết hại khởi đầu không ngoài việc Ỷ sức mạnh mà giết hại kẻ yếu. Hoặc vì tham đắm mùi vị thức ăn, hoặc vì tiền tài mà giết hại kẻ khác. Người giết hại người, và súc vật giết hại súc vật v.v... đều do tâm sân hận, kiêu căng ngã mạn. Nếu vì tham đắm mùi vị thơm ngon mà giết hại loài vật thì đó là do ngu si. Dùng thịt loài khác để tẩm bổ cho thân mình, người quân tử sao lại nhẫn tâm ? Sao không biết rằng nếu tạo nghiệp giết hại bừa bãi thì cừu oán tự khởi ? Kinh Lăng Nghiêm thuyết: "Sau khi ăn thịt dê, dê chết trở lại thành người. Người chết trở lại thành dê. Mười loài như thế. Chết rồi lại sanh. Ăn nuốt lẫn nhau. Ác nghiệp đầy dẫy, cho đến cùng tận đời vị lai, cũng chỉ vì gốc tham lam trộm cướp".

Bị quả báo xấu, trải qua bao số kiếp khó mà tránh khỏi. Giết người hại mạng thì phải đền mạng. Giết súc vật cũng phải đền mạng. Tích xưa, khi vua Lưu Ly giết sạch dòng họ Thích Ca, đức Thế Tôn bị đau đầu nhức nhối; quả báo này do nhân nào tạo ? Trong thời quá khứ, vua Lưu Ly vốn là một con cá lớn. Lúc đó, dòng họ Thích Ca bắt giết, rồi ăn thịt con cá lớn. Đức Phật thuở đó là đồng tử, giỡn chơi lấy cây côn đánh vào đầu con cá lớn ba lần, nên nay mới thọ quả báo nhức đầu. Dòng họ Thích Ca vì ăn thịt con cá lớn, nên ngày nay bị vua Lưu Ly, tức tiền thân của con cá lớn, giết sạch hết.

Quán sát kỸ càng, nhân quả vay trả lẫn nhau, thật rất đáng sợ. Kinh Lăng Nghiêm bảo: "Trên thế gian, những loại thai sanh, thấp sanh, noãn sanh, hóa sanh tùy theo sức mạnh yếu mà ăn nuốt lẫn nhau. Đó là do gốc tham ăn nên mới giết hại."

Không những đức Phật khởi lòng từ bi đến với nhân loại, mà Ngài còn trải lòng từ đến với loài trùng kiến. Phật pháp vốn bình đẳng, không có cao hay thấp. Theo mắt đức Phật quán sát thì chúng sanh trên cõi đất đều có thể thành Phật. Kinh Phạm Võng bảo: "Tất cả người nam là cha mình. Tất cả người nữ là mẹ mình. Chúng sanh trong sáu đường thọ sanh trong đời này, đều là cha mẹ của mình. Nếu giết hại ăn nuốt chúng sanh, tức là giết hại ăn nuốt cha mẹ mình".

Người thế gian không biết nên ăn nuốt lẫn nhau. Vì vậy, đức Thế Tôn mới chế ra giới không giết hại sanh mạng chúng sanh. Tất cả sanh linh động vật đều có Phật tánh. Ngay cả côn trùng còn không thể giết hại, sao lại nỡ lòng tương tàn tương sát đồng loại ? Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Đời vị lai họ sẽ thành Phật. Họ là cha mẹ chúng ta trong đời quá khứ, và sẽ là những vị Phật trong đời tương lai. Sao lại dám giết hại ? Phàm phu tục tử chúng ta nếu muốn được lợi lạc chớ nên giết hại đồng loại. Mạnh Tử nói:

- Kẻ thất nhân chỉ lo sợ không hại được người.

Hiện nay, người người luôn tranh thắng bại, nên tạo vũ khí giết hại lẫn nhau ở trên đất liền, trên hư không và dưới nước. Nhân tâm ngày càng hiểm ác. Thế đạo ngày càng cuồng loạn. Tương sát tương tàn đến khi nào mới ngưng ? Nếu không tìm cách cứu vãn thì thế gian này mãi mãi biến thành biển khổ. Kẻ sĩ quán sát thế đạo nhân tâm không khỏi buồn thương. Phải nên nỗ lực cầu hòa bình, cứu vãn nhân tâm mê muội, khiến họ quay về đường chánh. Trọng nhân từ, chứ không trọng võ lực. Chẳng tham đắm mùi vị ngon hay thấy lợi mà quên nghĩa, thì tâm giết hại không thể khởi lên. Nghiệp giết hại nếu ngưng thì vận kiếp hoại sẽ ngừng. Sao lại lo tâm không hợp với người xưa ? Nghe đến lý nhân quả liền thấu rõ nghĩa thâm sâu, như hình với bóng, như âm với hưởng. Nếu thâm tín nghĩa lý nhân quả thì nhân tâm không cần sửa đổi mà vẫn luôn lành thiện. Gặp cảnh thuận nghịch, tâm

không ưu sầu hay vui thích. Nên biết những nghiệp khổ trong đời hiện tại, như nạn binh đao, kiếp hỏa tai, lụt lội v.v... đều do tự mình tạo ra trong đời quá khứ. Như trong hai đại chiến thế giới, chiến tranh lan tràn khắp nơi, chỉ có các người Tàu cư ngụ tại Úc Châu là được bình an, vì do đời tiền kiếp, không gieo nghiệp giết hại thâm trọng. Những người thường gặp tai nạn, đều do biệt nghiệp chiêu cảm. Phải nên thấu triệt lý nhân quả, thật không thể nghĩ bàn. Nếu thâm tín lý này thì tâm giết hại sẽ ngừng. Nếu người thế gian thường trì giới không giết hại thì tất cả khí giới sát cụ đều là vô dụng.

Đức Như Lai đầu tiên chế ra giới không giết hại vì muốn khiến cho người người đều khởi lòng nhân từ, thương người thương vật, tự trừ khổ cho mình và người, đồng chứng cảnh giới an lạc thường hằng. Đây là sơ lược giảng giải về nghĩa của giới không giết hại.

Thứ hai là bàn về giới không ăn cắp. Ăn cắp do từ tâm tham phát khởi. Đức Phật dạy hàng đệ tử rằng ngay cả một cây kim cọng cỏ mà người khác không cho thì mình chẳng dám lấy, còn nói chi đến việc trộm cướp. Tuy nhiên, chúng sanh chỉ vì thấy lợi trước mắt nên lập bao chước mưu, không cho mà lấy. Tìm kiếm lợi lộc, ác cầu đa cầu, không bao giờ biết đủ, đều do tâm tham lam sai sử. Hình tướng vi tế của tâm trộm cắp là như thế. Phạm tội nặng nề nhất là ăn cắp và lạm dùng vật dụng của mười phương tăng chúng, vật dụng của hiện tiền tăng, cho đến vật dụng của Phật, Pháp, Tăng. Tuy vật chỉ nhỏ như cây kim cọng cỏ mà lấy càn, rồi tự mình dùng hay cùng người dùng, đều là phạm tội trộm cắp nặng nề. Đại sĩ Hoa Thủ nói:

- Đối với năm tội nghịch hay mười nghiệp nặng, tôi đều có thể cứu hộ. Tuy nhiên, nếu ăn cắp mười phương tăng vật thì tôi không thể cứu được.

Đối với vật dụng của cha mẹ hay sư trưởng, không được cho chớ lấy, nếu lấy thì phạm tội nặng. Nếu thâm tín nhân quả, chẳng phạm tơ hào, thì tuy chẳng trì giới không trộm cắp mà vẫn tự hành trì. Nếu được như thế thì cùng đạo chẳng đổi dời. Tối ngủ chẳng cần đóng cửa. Người người trên thế gian đều kết nghĩa với nhau thì làm sao bị gông cùm lao ngục ? Đây là bàn xong về giới không ăn cắp.

Thứ ba là bàn về giới không tà dâm. Đệ tử Phật xuất gia hay tại gia đều phải nghiêm thủ giới này. Người tại gia giữ năm giới. Tuy được có vợ chồng chánh thức, nhưng không thể tà dâm. Đối với vợ của người khác, được họ bảo bọc, không nên nói lời bậy bạ hàm hồ, còn nói chi đến việc xâm phạm tiết trinh, làm ô nhiễm phạm hạnh ? Đức Phật chế giới cho người tại gia là không được tà dâm. Đối với đệ tử xuất gia, chánh dâm hay tà dâm đều ngăn cấm hẳn. Kinh Lăng Nghiêm nói: "Người khác thương mến mình. Mình mến yêu hình sắc của người.

Vì do nhân duyên này, trải qua trăm ngàn kiếp thường bị triền phược trói buộc. Vì ba nghiệp giết hại trộm cướp dâm dục làm cội gốc, nên mới có nhân duyên nghiệp quả liên tục".

Nếu thường trì giới này thì không cầu mà lễ vẫn lập, không răn nhắc mà vẫn uy nghiêm, oai nghi tự thủ. Pháp đình không cần xử án lao hình. Đây là nghĩa của giới tà dâm.

Thứ tư là bàn về giới không nói láo. Việc nói láo phải nên dứt hẳn. Thấy thì nói thấy. Nghe thì nói nghe. Lời nói không giả dối. Những việc nhỏ nhít còn phải nói thật, huống hồ là những việc quan trọng ! Quán sát nhân duyên nói láo, đa số do cầu danh thơm lợi dưỡng, hoặc vì giấu diếm dục tình mà tráo trở, hoặc vì che tâm giấu mặt. Lại nữa, chưa chứng thánh quả mà nói là đã chứng, hay chưa chứng tâm Phật mà bảo đã chứng đắc, tức khi dễ thánh hiền, làm mê hoặc thế nhân, đó gọi là

đại vọng ngữ. Nếu tạo tội đại vọng ngữ thì sẽ bị đọa lạc vào địa ngục vô gián. Thế nên, phải cẩn trọng, chớ phạm giới này. Phật giáo dùng tâm chánh trực làm đạo tràng. Tại sao không y đó mà tu học ? Nếu trì giới này thì sẽ được người người tín nhiệm; không cầu danh mà danh tự đến; không cầu lợi mà phước tự về. Đây là bàn về giới nói láo.

Thứ năm là bàn về giới không uống rượu. Rượu tuy không phải là thức ăn mặn, nhưng thường khiến cho mê tâm loạn tánh. Luận Đại Trí Độ nói uống rượu có ba mươi sáu điều tội lỗi. Kinh Phạm Võng nói: "Đưa rượu cho người uống thì năm trăm đời không có tay, hà huống tự uống cùng dạy người uống ?"

Thuở xưa, một vị tỳ kheo có khả năng hàng phục độc long, nhưng lại thích uống rượu. Ngày nọ, thầy uống rượu say sưa, nằm trên đường lộ, ói mửa hôi hám, không ai muốn đến gần, chỉ có một con cóc nhảy đến liếm mép. Sau đó, thầy lảo đảo trở về chùa. Phật thấy liền mắng:

- Ông có thần lực, hàng phục được độc long. Hôm nay say sưa nằm trên đường lộ, lại bị con cóc hàng phục. Thần thông của ông ở đâu rồi ?

Kể từ đó, Phật cấm các tỳ kheo không được uống rượu. Rượu khiến làm loạn tâm tánh và chiêu vời tai họa. Như thuở xưa, có một đệ tử tại gia của Phật, vì phạm giới uống rượu nên phạm luôn bốn giới giết hại ăn cắp tà dâm nói láo. Thật rất đáng thương !

Rượu khiến làm nhân duyên tạo tội, sao lại tham uống ? Nếu người thế gian trì được giới này thì họa do say sưa không thể đến mình. Đây là giải thích xong về giới cấm uống rượu.

Nếu muốn không phạm năm giới này, điều quan trọng là phải nhiếp tâm. Vọng tâm nếu được nhiếp phục, không khởi phân biệt, không còn thương yêu oán ghét, thì bao loại nghiệp ác, do đâu mà sanh ? Kinh Lăng Nghiêm nói: "Nhiếp tâm là giới. Nhân giới mà sanh định. Từ định mà phát huệ".

Nên biết hai chữ "Nhiếp Tâm" bao hàm ba môn học vô lậu: Giới, định, huệ. Đoạn trừ tham, sân, si thì các việc ác không thể khởi, và tự mình luôn hành những việc lành. Hai chữ "Nhiếp Tâm" đơn độc có thể cứu hộ nhân tâm, duy trì được thế đạo; chỉ việc nhiếp tâm một chỗ thì chẳng có việc gì là không thể giải quyết được; nếu nhiếp tâm được thì công phu ngày càng thâm sâu, và đạo Bồ Đề càng sáng tỏ.

Nhờ hồng ân của chư Phật, trước xướng tam quy y, sau lại ban năm giới. Dùng phương tiện này để cứu khổ chúng sanh. Thâm ân chư Phật lớn lao vô ngần; dẫu đập nát thân này thì chỉ báo đền được một trong muôn phần.

Nghe thuyết nghĩa của năm giới rồi, phải do từ liễu giải mà thực hành. Trăm gia đình trong làng nếu có mười người trì năm giới thì mười người đó được an vui. Trăm người tu mười điều thiện thì trăm người hòa kính. Nếu mọi nhà đều y theo cách thức tu trì giáo pháp này thì trăm vạn người đều nhân từ. Hành một việc lành thì bỏ một việc ác, và tiêu một hình phạt. Một hình phạt tiêu mất trong một nhà thì trăm hình phạt tiêu mất trong một quốc gia. Vị nguyên thủ quốc gia không cần trị mà vẫn ngồi hưởng thái bình. Thế nên, thọ trì năm giới, tức là không những y theo lời Phật dạy, được thọ hưởng quả lành, mà còn trợ người khác y theo luật lệ quốc gia, khiến nước nhà thạnh trị, nhân dân an lạc.

Đây là hành tướng cùng danh đức của tam quy y và năm giới cấm. Quý vị nếu thường chân thật hành trì thì gieo trồng được chủng tử thành Phật. Hạnh và giải tương ưng thì sẽ đạt đến bờ giác. Xin cầu nguyện cho quý vị, từ đây về sau do nghe

mà sanh kiến giải. Do có kiến giải mà sanh tư duy. Do tư duy mà phát tâm tu hành, thì thành Phật sẽ có kỳ. Mọi người phải nên thường chuyên cần tinh tấn, rồi chỉ bảo người khác, thì mới mong báo được ân Phật. Hy vọng quý vị, mỗi người luôn luôn nỗ lực, khiến giải trừ tai ách, tiêu trừ hoạn nạn. Nếu thọ tam quy y và năm giới cấm, tức là các việc ác chẳng làm, mà luôn hành các điều thiện, thì tự có khả năng cùng đạo tương ưng và có thể đạt thành tựu Phật đạo vô thượng viên mãn.

XI. Bài diễn thuyết tại xã Liên Nghĩa ở Quảng Châu vào ngày hai mươi bảy tháng chín năm 1947 [^]

Quý vị thiện tri thức ! Hư Vân tôi lần này trên lộ trình từ Hồng Kông trở về núi Vân Cư, ghé ngang qua đây. Hôm nay do lời mời của quý vị, nên tôi mới ở lại đàm luận, chứ chẳng vì lụy duyên trần thế.

Quý vị thiện tri thức ! Hai chữ "Phật Pháp" thật cùng tất cả thiện pháp nơi thế gian đều đồng không khác. Chư hào kiệt do tu dưỡng học vấn mà tiên tri tiên giác, thành tựu kiến thức siêu việt thường tình, vượt hơn sở học kẻ khác, khiến an định thế gian.

Chư Phật tổ do bao kiếp tu hành mà thành tựu, chánh tri chánh giác, phát tâm từ bi rộng lớn, độ khắp ba cõi. Chư thánh hiền tại thế gian hay xuất thế gian, do tu hành mà chứng được thánh vị và an lạc nơi đạo.

Quý vị thiện tri thức ! Phật pháp tức là pháp thứ và bổn phận của mọi người. Điều quan trọng là phải đi từng bước vững chắc, xa rời vọng tưởng chấp trước thì mới đạt đến đạo Bồ Đề vô thượng.

Cổ đức nói:

- Tâm bình thường là đạo.

Đạo của ông Khổng Tử không ngoài "Trung Dung". Bàn về lý thuyết thì không thiên chấp tức là "Trung". Không biến đổi tức là "Dung". Bàn về sự thì "Trung" tức là trung đạo. Việc gì cũng không thái quá hay không thiếu thốn. Dung tức là dung thường, xa rời tất cả quái lực loạn thần, thuận theo bổn phận làm người, chẳng làm điều kỳ lạ. Phật pháp cũng như thế. Chúng ta phải vận dụng tâm bình thường chân thật mà xem xét thì mới thấy chân tâm thân thiết. Nhờ làm việc bình thường chân thật mà thấy được chân tâm thân thiết, nên mới có ít phần tương ưng, khiến không phạm tội nói khoác.

Pháp của tâm bình thường chân thật, không khác mười điều thiện, tức trì giới không tham lam, sân hận, si mê, giết hại, ăn cắp, tà dâm, Ỷ ngữ, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu. Mười việc thiện này, lão tăng đã từng đàm luận rồi. Nếu có thể hành trì thật tiễn thì đó là nền tảng căn bản của việc tu hành thành Phật Tổ, cũng khiến cho thế giới

thái bình, tạo nên nhân gian Tịnh Độ. Lục Tổ bảo:

- Tâm bình thì nhọc gì trì giới.

Đó là nói về bậc thượng căn lợi trí; các ngài nghe một lời đạo pháp thì hạnh giải đều tương ưng, như voi vượt sông theo dòng mà qua đến bờ kia. Tướng thiện lành còn không có, hà huống có tướng ác !

Đối với người trung căn và hạ căn, họ thường bị gió chuyển. Hai chữ "Tâm Bình", đàm luận thì dễ. Gió có tám loại: Lợi ích, suy đồi, hủy hoại, khen ngợi, tán thán, chửi mắng, khổ nhọc, an lạc. Phàm phu gặp gió lợi lạc thì sanh tâm tham trước. Gặp gió sầu thảm thì sanh tâm bi lụy khổ sở. Gặp gió hủy báng thì sanh tâm sân

hận. Gặp gió khen ngợi thì sanh tâm vui thích. Gặp gió tán thán thì tâm trụ không nghi. Gặp gió quở trách thì sanh tâm xấu hổ, khiến trở thành hờn oán. Gặp gió khổ đau thì tâm đầy bi thương. Gặp gió an lạc thì liên tục chạy theo vọng tưởng. Tám gió khởi lên, tâm liền theo đó mà chuyển. Lúc sanh lúc chết, làm sao đối kháng được ? Phải đi từng bước, tức từ sự tướng mà nhận thức thể tánh; khi khởi tâm động niệm, luôn tu hành mười điều lành. Sự tướng tuy là cành lá, nhưng phải nhiếp thọ cành lá trở về cội gốc, thì mới mau đạt đạo Bồ Đề.

Lại nữa, Phật giáo lược khai có mười tông và hơn bốn mươi phái mà bốn tông như Thiền, Tịnh, Luật, Mật nhiếp căn cơ chúng sanh rất rộng rãi.

Quý vị thiện tri thức ! Cảnh giới của chư Phật như vương đô, mà các tông phái như những đại lộ. Dẫu đại lộ nào cũng dẫn về vương đô. Chúng sanh phân tán khắp bốn phương, do điểm xuất phát không đồng, nhưng khi đến nơi vua trú thì đồng một dạng giao cảm. Kinh Kim Cang nói: "Pháp này bình đẳng, không có cao thấp !"

Tuy nhiên, nếu hôm nay đi đại lộ này, rồi ngày mai lại chạy qua đại lộ khác, cứ chạy qua đường này lộ nọ, nên cuối cùng chẳng đi đến đâu.

Lục Tổ bảo:

- Rời đạo mà tìm đạo, thì cả đời chẳng thấy đạo. Lang thang suốt cuộc đời, chẳng đạt được gì, phải nên tự trách.

Thật là lời răn nhắc thâm sâu ! Vì vậy, chúng ta phải thâm nhập vào một pháp môn mà không để phân tâm, hay thối chuyển. Như chuột gặm quan tài, phải từ một nơi mà dụng công thì hồi lâu sẽ đục thủng. Nếu muốn thông đạt hết các tông, phải nên nhận ra chủ bạn. Người hành Thiền tông, phải nên lấy pháp môn của Thiền tông làm chủ (chính), còn giáo lý của những tông khác, phải xem là bạn (phụ). Người

hành tông Tịnh Độ, phải lấy pháp môn Tịnh Độ làm chủ, và xem giáo lý của các tông khác là bạn. Luật tông và Mật tông cũng như thế, thì mới tránh việc Hàn Lô tranh khoảnh đất bùn.

Đối với giới luật trong nhà Phật, các tông phái đều phải nghiêm trì. Biết chủ bạn như đi trên đường biết phương hướng. Trì giới luật như đi trên đường có lương thực. Yếu chỉ của các tông phái tuy không đồng, nhưng lên đến đảnh thì cùng một dạng. Thế nên bảo:

- Trở về nguồn tánh không hai, nhưng phương tiện thì lại có nhiều môn.

Hôm nay, trong chúng hội đều là những bậc thượng thiện nhân, cùng Phật có phần. Hư Vân tôi nói nhiều lời, bất quá chỉ như vạch hư không mà thôi. Trân trọng !

Chương III

XII. Bài giảng tại bệnh viện Chí Đức, hội Phật giáo tỉnh Quảng Châu [^]

Quý vị thiện tri thức ! Hôm nay là ngày thành lập của hội Phật giáo tại bệnh viện Chí Đức. Thể theo lời mời của quý vị thỉnh cầu, Hư Vân tôi đến đây chủ trì buổi lễ. Việc này thật rất hy hữu.

Trên đầu bản hiệu của bệnh viện Quảng Châu có khắc hai chữ Phật Giáo, khiến người vừa xem qua bèn vừa ý.

Quý vị thiện tri thức ! Đời người có tám việc khổ mà bịnh hoạn là khổ bậc nhất. Đức Phật của chúng ta xuất hiện ra trên thế gian này chỉ vì muốn chúng sanh xa rời khổ não và được an lạc. Y dược vốn là một phương minh nằm trong ngũ minh. Trong quyển Thiền Môn Nhật Tụng ghi: "Vì bệnh tật của thế nhân mà ban lương dược".

Bồ Tát cứu bịnh khổ trầm kha của chúng sanh, không tiếc thân mạng. Ví như Bồ Tát Dược Vương, Ngài dùng hương trầm tẩm thân, rồi tự thiêu cúng dường chư Phật. Cúng dường chư Phật tức là cúng dường chúng sanh.

"Tâm, Phật, và chúng sanh, tuy là ba nhưng thật không khác biệt".

Đây là câu liễu nghĩa của kinh Hoa Nghiêm; nơi lý này phải nên suy nghĩ. Chư Phật luôn luôn niệm nhớ chúng sanh, như mẹ nhớ con. Chúng sanh vì có ba căn bệnh tham sân si, nên chư Phật thuyết ra ba pháp giới, định, huệ để trị. Do thân của chúng sanh bị bịnh phong hàn thấp v.v..., nên Phật y theo đó mà cho toa "Y Phương Minh" để trị liệu. Kinh Tịnh Danh viết: "Vì chúng sanh bệnh nên Bồ Tát bệnh".

Chư Phật và chư Bồ Tát đồng thể đại bi, mắt từ nhìn chúng sanh. Quý vị thiện tri thức ! Các bậc hiền thánh ở thế gian cũng có tâm địa và lý giải đồng như thế. Ví như thần nông cũng vì chúng sanh mà thử trăm loại cỏ. Tại nhân địa, Bồ Tát tu hành hiện các loại thân để thuyết pháp. Thần nông cũng như Bồ Tát, hiện thân Dược Vương mà thuyết pháp.

Quý vị thiện tri thức ! Đối với căn bệnh của nhân loại, năm món dục lạc là nhân chính. Những nghiệp tội trong đời vô thủy cũng do từ năm món dục lạc mà sanh. Khi bệnh tật phát ra, phải cần được chữa trị. Trước mắt, người bịnh hoạn vô lực, cần cầu lương y thật không ít. Quý vị trưởng lão thiện nhân phát tâm thành lập bệnh viện này, tặng y dược cho bệnh nhân; tâm này thật là tâm Bồ Đề, cũng chính là bổn hoài từ bi của Phật.

Quý vị thiện tri thức ! Bồ đề tức là chánh giác ! Tâm chánh giác không lạc vào hai bên nhân ngã, thiện ác mà chỉ bình đẳng bố thí, không phân biệt kẻ thân người oán. Trị bệnh cho thân bằng quyến thuộc của mình thì cố nhiên phải lưu tâm. Trị bịnh cho những người khác cũng phải tận tình. Dẫu có người lành hay kẻ ác ra vào bệnh viện, phải dùng tâm bình đẳng mà cứu hộ chữa trị. Đức Phật của chúng ta trong đời quá khứ đã từng xả bỏ thân mạng cho hổ đói. Ý nghĩa này phải nên suy tư.

Do sự nỗ lực của sư trưởng Thâm Lại Lương Trọng cùng viện trưởng họ Trần, nên hôm nay bệnh viện này mới được thành tựu. Cổ nhân bảo:

- Chớ cho làm việc thiện trong buổi ban đầu mà không ảnh hưởng về sau. Chớ cho việc hay lúc cuối mà không xiển dương.

Nói chung, đối với đại chúng ngồi đây, từ nay về sau, người có tiền thì xuất tiền, và người có công sức thì bỏ công sức. Lục Tổ bảo:

- Phật pháp tại thế gian. Không rời thế gian mà tìm giác ngộ. Rời thế gian mà tìm cầu Bồ Đề, thì như tầm cầu lông rùa sừng thỏ.

Đại chúng nỗ lực, khai mở bệnh viện này tức là làm công tác thật đại từ đại bi. Đây chính là biểu hiện chân đế "dùng phương tiện để đạt đến cứu cánh" của đức Phật. Hư Vân tôi không thể sánh bằng mùi hương thơm bay trên đỉnh núi.

XIII. Tham thiền cùng niệm Phật [^]

Người niệm Phật, ai ai cũng hủy báng tham thiền. Người tham thiền, ai ai cũng hủy báng niệm Phật. Ví như khi đối đầu với cái chết, chúng ta lại muốn đối phương sớm chết theo mình. Đây là hiện tướng xấu xa trong nhà Phật, thật rất đau lòng ! Thế tục có câu: "Gia đình hòa hợp thì muôn sự đều hưng thịnh. Gia đình ai oán thì miệng chẳng ngon."

Huynh đệ chửi mắng lẫn nhau, chẳng lẽ không bị người đời cười chê cùng khinh khi hay sao ! Tham thiền, niệm Phật cùng các pháp môn khác đều do kim khẩu của Phật Thích Ca thuyết ra. Đạo vốn không hai, chỉ do căn khí nghiệp duyên của chúng sanh không đồng, nên Phật tùy theo bịnh mà cho thuốc. Vì phương tiện nên đức Phật thuyết ra nhiều pháp môn để nhiếp thọ giáo hóa quần sanh. Sau này, chư đại đức y theo giáo lý mà phân tông phái; bất quá chỉ do tùy căn cơ mà thuyết pháp. Nếu người muốn tu trì để trở về tự tánh thì chỉ cần bước vào một cửa là có thể nhập đạo diệu môn, vì bổn gốc vốn không phân biệt cao thấp. Các pháp xưa nay vốn hỗ tương lẫn nhau và viên dung không ngại. Nếu như niệm Phật đến nhất tâm bất loạn, thì có khác gì với tham thiền ! Tham thiền đến độ cả hai năng và sở đều mất thì có khác gì với thật tướng niệm Phật ! Thiền tức là Thiền trong Tịnh Độ. Tịnh Độ tức là Tịnh trong Thiền. Thiền và Tịnh Độ vốn tương trợ lẫn nhau. Sao người đời khởi tâm chấp trước một bên, thấy cửa này nhà nọ, tự tán thán mà hủy báng kẻ khác, giống như nước với lửa chẳng bao giờ tương dung, khiến phản lại thâm ý phân tông khác giáo của Phật Tổ ! Lại nữa, có thể vô ý phạm trọng tội hủy báng Phật pháp. Thật có đáng thương lắm không ! Hy vọng quý vị đồng nhân, không luận tu trì pháp môn nào, đều phải thể hội thâm sâu yếu chỉ vô tranh của

Phật Tổ, chớ múa gậy đánh nhau trong nhà. Mọi người phải hợp lực đồng tâm, cứu độ con thuyền Bát Nhã trên sóng ba đào.

XIV. Những điều kiện tiên quyết khi tham thiền [^]

Mục đích của tham thiền là minh tâm kiến tánh, tức quét trừ tự tâm ô nhiễm, để chân thật thấy rõ bổn lai diện mục của tự tánh. Ô nhiễm tức là vọng tưởng chấp trước. Tự tánh tức là trí huệ đức tướng của Như Lai. Đối với đức tướng trí huệ của Như Lai, Phật và chúng sanh đều đồng có đầy đủ, không hai không khác. Nếu xa rời được vọng tưởng chấp trước thì tự mình sẽ đắc được trí huệ đức tướng của Như Lai, tức là Phật. Ngược lại thì làm chúng sanh. Chỉ vì chúng ta từ vô lượng kiếp cho đến nay, mê mờ lưu lạc trong vòng sanh tử và bị nhiễm ô đã lâu, nên không thể thoát khỏi được vọng tưởng chấp trước mau chóng được. Muốn thấy rõ bổn tánh chân thật, phải nên tham thiền. Vì thế, điều kiện tiên quyết nhất khi tham thiền là phải dẹp trừ vọng tưởng. Làm sao dẹp trừ vọng tưởng ? Phật Thích Ca thuyết pháp rất nhiều, nhưng đơn giản không ngoài chữ "ngưng". "Ngưng tức Bồ Đề".

Thiền tông do Đạt Ma Tổ Sư từ bên Ấn Độ truyền qua Đông Độ; đến đời Lục Tổ thì gió thiền lan rộng khắp nơi, chấn động chiếu sáng cổ kim. Những điều tối quan trọng mà Đạt Ma Tổ Sư cùng Lục Tổ thường dạy là "dẹp hết muôn duyên, chẳng sanh một niệm".

Dẹp hết muôn duyên, tức là xả bỏ hết các duyên. Đây là điều kiện tiên quyết cho việc tham thiền. Nếu chưa hành được hai câu này thì chẳng những tham thiền không thể thành công mà nhập vào các môn khác cũng không thể được. Muôn duyên vẫn còn ràng buộc và niệm niệm vẫn còn sanh diệt thì đàm luận đến việc tham thiền được sao !

"Xả bỏ muôn duyên, chẳng sanh một niệm" là điều kiện tiên quyết của việc tham thiền. Chúng ta phải nên biết rõ. Làm thế nào để hành được ? Trên đã nói rõ là một niệm nếu ngưng, thì đạt thẳng đến vô sanh, chứng ngay đạo Bồ Đề, không còn vương vấn tơ hào gì hết. Kế đến dùng lý mà dẹp trừ sự, tức biết rõ tự tánh bổn gốc vốn thanh tịnh, thì phiền não và Bồ Đề, sanh tử cùng Niết Bàn đều là giả danh, chẳng can hệ gì với tự tánh của chúng ta.

Sự sự vật vật đều như mộng huyễn bong bóng nước. Sắc thân bốn đại của chúng ta cùng núi sông đất đá, đều nằm sẵn trong tự tánh. Chúng giống như bọt nước trong biển, lúc khởi lúc diệt, không ngăn ngại bổn thể. Chớ nên chạy theo tất cả sự huyễn hóa của sanh trụ dị diệt mà khởi tâm vui thích, nhàm chán, thủ xả. Phóng xả được thân này như người đã chết thì tự nhiên căn, trần, thức liền tan biến, và tham sân si dâm ái đều tiêu diệt. Tất cả nỗi thống khổ của thân như khổ vui, cơ hàn, đói khát, vinh nhục, sanh tử, phước họa, may rủi, khen chê, được mất, bình an, hiểm nạn đều là bên ngoài, phải nên xả bỏ. Xả bỏ được một, thì sẽ xả bỏ được tất cả; mãi mãi xả bỏ, đó gọi là xả bỏ muôn duyên. Xả bỏ muôn duyên được thì vọng tưởng tự tiêu mất. Nếu không khởi tâm phân biệt thì xa rời chấp trước. Một niệm chẳng sanh thì tự tánh chiếu sáng và toàn thể tánh đều được hiển lộ. Khi những điều kiện tu thiền đã đầy đủ, lại phải tiếp tục dụng công chân thật tham cứu, thì việc minh tâm kiến tánh chắc sẽ có phần.

Ngày ngày thường có thiền sinh đến thưa hỏi. Tuy nhiên, pháp vốn thật không phải là pháp. Nếu lạc vào ngôn từ, tức là không phải nghĩa chân thật. Hiểu rõ tâm này thì biết bổn tâm của chúng sanh vốn là Phật. Xả bỏ hết để được vô sự thì cảnh giới thánh sẽ hiển hiện. Nói tu nói chứng đều là lời ma. Tổ Đạt Ma đến Đông Độ để "Trực chỉ chân tâm, kiến tánh thành Phật". Ngài chỉ thật rõ rằng tất cả chúng sanh trên cõi đất đều sẽ thành Phật. Phải nhận rõ tự tánh thanh tịnh; nó tùy thuận thế tình, nhưng không ô nhiễm. Trong mười hai thời, đi đứng nằm ngồi, mà tâm bình

thản không loạn động, tức là hiện tại làm Phật, chứ không cần dụng tâm dụng sức, hay không cần dùng chút tơ hào lời nói, suy tư, hoặc làm việc này việc nọ. Thế nên, bảo rằng thành Phật là việc rất dễ dàng và rất tự tại, vì Phật tánh vốn đã nằm sẵn trong tâm mình, không cần chạy ra ngoài tìm cầu. Tất cả chúng sanh trên cõi đất, nếu không thể kham nổi bao kiếp luân hồi, trôi lăn trong bốn loài sáu đường, trầm luân trong biển khổ, mà nguyện ước thành Phật để đạt đến cảnh giới thường lạc ngã tịnh, thì phải tin chắc thật lời dạy dỗ răn nhắc của Phật Tổ, tức xả bỏ tất cả. Chẳng nghĩ thiện hay ác thì lập tức thành Phật. Chư Phật Bồ Tát cùng lịch đại Tổ Sư phát nguyện độ hết tất cả chúng sanh đều có chứng cứ, chứ chẳng phát đại nguyện trống không, hay giảng lời rỗng tuếch.

Bên trên đã nói rằng pháp là như thế. Lời của các ngài xiển minh kinh điển Phật Tổ rõ ràng. Chân ngữ thật ngữ chẳng có chút hư dối. Chúng sanh trên cõi đất từ vô lượng kiếp đến nay luôn bị trầm luân trong biển khổ sanh tử, đầu xuất đầu mất, luân chuyển không ngừng, mê hoặc điên đảo, bỏ tánh giác mà hiệp với trần lao. Ví như vàng ròng bị rớt xuống hầm phẩn không thể dùng được, nhưng chẳng hề bị nhiễm ô. Do tâm đại từ đại bi, bất đắc dĩ Phật phải thuyết tám mươi bốn ngàn pháp môn để đối trị tham sân si ái v.v... tức tám mươi bốn ngàn tập khí, bệnh tật của muôn loại chúng sanh. Ví như tuy vàng ròng bị nhơ nhuốc mà nay chư Phật dạy quý vị dùng nạo, bàn chải, nước, vải, v.v... để tẩy rửa mài giũa. Pháp Phật thuyết ra, lời lời đều là diệu pháp, có khả năng cắt đứt dòng sanh tử, và mau chóng đạt thành tựu Phật đạo, chỉ có vấn đề là hợp căn cơ hay không hợp căn cơ. Thế nên, chớ cưỡng ép phân biệt pháp môn cao thấp. Năm pháp môn rất phổ thông thịnh hành ở nước Tàu là Thiền-tông, Giáo-tông, Luật-tông, Tịnh-độ-tông, Mật-tông. Tùy theo ý thích và căn tánh của mỗi người, có thể tự chọn lựa một pháp môn ứng hợp. Nói chung, phải thâm nhập vào một pháp môn trường kỳ không đổi thì mới mong thành tựu.

Thiền-tông chú trọng tham thiền. Tham thiền để "minh tâm kiến tánh", tức là tham thấu bản lai diện mục của mình. Vì thế bảo rằng ngộ rõ tự tâm, thấy suốt bổn tánh. Pháp môn này bắt đầu từ khi Phật đưa cành hoa lên, cho đến sau khi Đạt Ma Tổ Sư truyền thừa sang Đông Độ; người hạ thủ công phu thường luôn uyển chuyển. Chư thiền đức trong đời Đường (618-907) và Tống (960-1279), phần nhiều đều do nghe một lời hay nửa câu thì liền ngộ đạo. Thầy trò truyền thừa bẩm thọ, dùng tâm ấn tâm, nhưng thật ra không có một pháp nào là chân thật. Ngày thường tham vấn đối đáp, bất quá chỉ tùy phương tiện mà giải kiết phược, hay do bệnh mà cho thuốc. Sau đời Tống, căn khí con người ngày càng chậm lụt; giảng được mà không hành được. Ví như câu: "Xả bỏ tất cả" hay "Chớ nghĩ thiện ác" đều không thể hành được. Nói không suy nghĩ việc thiện, lại đi suy nghĩ việc ác. Vì thế, chư Tổ Sư bất đắc dĩ mới chọn lựa biện pháp, dùng độc trị độc, bằng cách dạy người tu học tham khán công án. Bắt đầu là quán thoại đầu. Thậm chí phải nắm chặt câu thoại đầu trong từng sát na, mãi mãi không rời cho đến chết chẳng bỏ mất. Như chuột gặm quan tài, chỉ chuyên chú gặm một chỗ, không thông không ngừng. Mục đích là dùng một niệm để chế phục muôn niệm. Thật ra đây chỉ là biện pháp bất đắc dĩ; như thân bị mụn độc, nếu không dùng dao mỗ xẻ chữa trị thì khó mà sống nổi.

Công án của người xưa rất nhiều. Kẻ sau chuyên giảng xem khán thoại đầu, như "quán thây chết này là ai" hay "trước khi cha mẹ sanh ra mặt mũi chân thật của mình là gì". Từ từ các nơi xa gần thường dùng câu thoại đầu "niệm Phật là ai".

Thật ra, tất cả câu thoại đầu đều đồng một dạng, và đều rất bình thường, chẳng có chi là kỳ lạ. Ví như khi nói câu quán xem người tụng kinh là ai, niệm chú là ai, lễ Phật là ai, ăn cơm là ai, mặc y áo là ai, đi đứng là ai, ngủ nghỉ là ai, v.v... ý nghĩa của tất cả câu trên đều như nhau. Giải đáp được chữ "ai", tức là thấy tâm. Lời nói từ tâm khởi. Tâm dẫn đầu câu thoại đầu. Niệm từ tâm khởi. Tâm dẫn đầu ý niệm. Muôn pháp từ tâm sanh. Tâm là đầu nguồn của muôn pháp. Thật vậy, thoại đầu tức

là niệm đầu. Niệm đầu tiên tức là tâm. Lúc một niệm chưa sanh thì đó là thoại đầu. Do đó, chúng ta phải biết rõ rằng quán thoại đầu tức là quán tâm. Khi cha mẹ chưa sanh, bản lai diện mục của chúng ta tức là tâm. Lúc quán xem bản lai diện mục của chúng ta, trước khi cha mẹ sanh ra, vốn là gì, thì đó là quán tâm. Tánh tức là tâm. "Phản văn văn tự kỶ" tức là nghe lại tự tánh của mình, hay quán lại tự tâm. "Viên chiếu thanh tịnh giác tướng" tức là tướng giác ngộ thanh tịnh chiếu sáng tròn đầy. Thể tướng giác ngộ thanh tịnh tức là chân tâm. Chiếu tức là quán. Tâm tức là Phật. Niệm Phật tức là quán Phật. Quán Phật tức là quán tâm. Vì vậy, "quán thoại đầu" hay bảo "quán người niệm Phật là ai" tức là quán tâm, cũng là quán chiếu thể giác thanh tịnh của tâm mình, nghĩa là quán chiếu tự tánh Phật tánh. Tâm tức là tánh, là giác, là Phật, và vốn không có hình tướng hay phương hướng nhất định, nên không thể nắm bắt. Tánh chất của tâm vốn thanh tịnh, biến khắp pháp giới, không vào không ra, không đến không đi, tức là pháp thân thanh tịnh xưa nay của chư Phật.

Hành giả phải nhiếp giữ và hộ trì sáu căn; nơi một niệm vừa sanh khởi, phải quán sát và chiếu cố câu thoại đầu. Khởi tâm quán sát cho đến lúc tự tâm thanh tịnh rời niệm. Lại phải thầm lặng liên tục, điềm điềm đạm đạm, tịch tĩnh mà quán chiếu, để nhìn thấu năm uẩn đều không, thì mới liễu ngộ thân tâm tròn đầy tịch tĩnh, không còn một vật. Ngày đêm sáu thời, đi đứng nằm ngồi đều như như bất động; lâu ngày công phu thâm hậu thì có khả năng thấy tánh thành Phật, tức là trừ hết mọi khổ đau nguy hiểm.

Khi xưa, tổ sư Cao Phong bảo:

- Hành giả thường xem khán câu thoại đầu như việc lượm đá ở dưới đáy hồ sâu trăm thuớc. Nếu trong bảy ngày mà không khai ngộ thì hãy chặt đầu lão tăng.

Quý vị đồng tham học ! Đây là lời của người xưa, vốn là chân ngữ thật ngữ, chứ không dối lừa gạt gẫm ai !

Tại sao trong đời nay, người quán thoại đầu thì nhiều, nhưng người ngộ đạo thì chẳng được bao nhiêu ? Đây là do căn khí của người đời nay không thể sánh bằng người xưa. Lại nữa, do người tu thiền chưa hiểu rõ nghĩa lý của việc khán thoại đầu. Có người do thân tâm rối loạn nên tham đông tầm tây, vào nam ra bắc, đưa đến kết quả là cứ lo làm việc ồn ào huyên náo cho đến già; đối với một câu thoại đầu cũng không biết gì cả. Không biết rõ thoại đầu thì làm sao tu thiền khán thoại đầu. Cả đời chỉ lo chấp trước vào văn tự danh tướng, nên chỉ biết dụng tâm quán thoại đuôi.

"Ai đang niệm Phật" ! "Chiếu cố thoại đầu" ! Khán tới khán lui, tham đi tham lại, vác câu thoại đầu đi khắp đông tây có lý nào ngộ được bản nhiên vô vi của đại đạo ? Khi nào mới đạt đến địa vị pháp vương, không đắm chấp tất cả muôn vật ? Mạt vàng rơi vào mắt, khiến bị mù lòa, làm sao thấy vàng tỏa ánh hào quang được ! Thật đáng thương lắm thay ! Như có một nữ nhi, lúc rời nhà học đạo với chí nguyện phi thường, nhưng kết quả chẳng đạt gì hết, thật uổng phí công lao. Thật tiếc thay !

Cổ nhân bảo:

- Thà ngàn năm không ngộ đạo, còn hơn một ngày đi lạc đường.

Việc tu hành để ngộ đạo, tuy dễ mà khó và tuy khó mà dễ. Ví như mở đèn điện, nếu biết cách, chỉ dùng một ngón tay, thì ánh sáng đèn sẽ chiếu sáng, khiến ngàn năm u minh tăm tối liền mất. Nếu không biết cách thì sẽ làm hư hoại dây điện bóng đèn, rồi phiền não ngày càng tăng trưởng. Ví như có vài người tham thiền quán thoại đầu, khi gặp ma cảnh thì phát điên phát cuồng, ho ra máu, bị bệnh tật, khiến

lửa vô minh càng cháy sáng, sự trước chấp về mình và người ngày càng nặng nề; có phải rằng những điều này do sự chấp trước không ? Vì thế, người dụng công tham thiền cần phải điều hòa thân tâm, khiến tâm bình khí hòa, không ngăn không ngại, không còn thấy mình và người, thì khi đi đứng nằm ngồi, đều phù hợp với huyền cơ vi diệu.

Khi tham thiền, không thể khởi tâm phân biệt. Bàn về chi tiết, lúc khởi công phu tu đạo, người sơ cơ gặp những sự khó và dễ riêng. Người tu lâu năm cũng có sự khó dễ riêng.

Những điểm khó khăn của người mới bắt đầu tham thiền ở nơi nào ? Khó khăn ngay nơi thân tâm chưa thuần thục; chưa thông hay chưa rõ về cách thức tu hành; do công phu không tiến triển được, nên trong tâm dần dần sanh giải đãi, chỉ ngồi thiền ngủ nghê cho qua ngày tháng. Kết quả: "Năm đầu tham thiền. Năm thứ hai là lão tham thiền. Năm thứ ba chẳng còn tham thiền".

Ngược lại, cái dễ của người sơ cơ ở chỗ nào ? Chỉ cần thiết có tín tâm đầy đủ, có tâm lâu dài, và dụng vô tâm, thì tu hành rất dễ. Tín tâm có hai phần. Thứ nhất, tin tâm mình vốn là Phật; tâm đó cùng ba đời chư Như Lai đều không khác biệt. Thứ hai, tin các pháp môn mà Phật Thích Ca thuyết giảng, mỗi mỗi đều có thể cắt đứt dòng sanh tử, thành tựu quả vị Phật. Bàn về tâm lâu dài, khi đã chọn một pháp môn thì phải hành trì suốt cả đời, cho đến suốt đời vị lai cũng phải tu trì. Muốn tham thiền thì phải tham khán cách như thế. Muốn niệm Phật hoặc trì chú thì cũng phải hành trì như vậy. Người muốn học giáo lý thì phải hành trì theo thứ tự: Văn, tư, tu. Dầu tu pháp môn nào đi nữa, điều quan trọng căn bản là phải giữ giới. Nếu làm được như thế thì tương lai sao không thể thành tựu đạo nghiệp được !

Ngài Quy Sơn bảo:

- Nếu ai có thể tu hành pháp này suốt ba đời mà không thối chuyển thì quả vị Phật quyết định sẽ có kỳ.

Ngài Vĩnh Gia cũng nói:

- Nếu dùng lời vọng ngữ dối gạt chúng sanh thì mãi mãi sẽ bị đọa lạc vào địa ngục cắt lưỡi hằng sa kiếp.

Gọi vô tâm, tức là xả bỏ hết tất cả, giống như người đã chết. Cả ngày tùy theo nhân duyên mà làm việc, và không khởi một niệm phân biệt chấp trước thì mới trở thành vô tâm đạo nhân.

Người sơ học nếu đã đủ ba tâm (tâm dài lâu, tâm kiên cố, và vô tâm), khi tham khán câu thoại đầu "Ai đang niệm Phật", tức tự mình niệm thầm câu "A Di Đà Phật", rồi khán xem người niệm Phật đó là ai, và niệm khởi từ đâu ? Từ đâu khởi lên một niệm ? Nên biết một niệm chẳng khởi từ miệng của mình, cũng không phải khởi lên từ nhục thân này. Nếu tâm niệm khởi từ thân hay miệng thì khi chết đi, thân miệng vẫn còn đó, sao lại không niệm được ? Nên biết rằng niệm khởi từ tâm, tức từ tâm mà có niệm khởi. Nhìn thẳng chăm chăm vào, như mèo rình chuột; tập trung tất cả sức lực tinh thần, chẳng sanh hai niệm. Chớ gấp gáp muốn mau thành tựu, vì sẽ dễ dàng phát sanh sự chướng ngại của bịnh tật. Đi đứng nằm ngồi đều phải như thế. Công phu lâu ngày nếu thâm sâu, như quả chín sắp rụng, thì khi nhân duyên đến, đụng tới quả liền rụng, tức đột nhiên đại ngộ. Lúc ấy như người uống nước, tự biết nóng lạnh, liền đạt đến nơi vô ngại, như tại ngã ba đường, gặp được cha mình, nên được an lạc vô ngần.

Người tham thiền lâu năm gặp những việc khó dễ nào ? Gọi lão tham thiền tức là người đã từng thân cận, gần gũi thiện tri thức, hay dụng công nhiều năm, và đã từng trải qua một thời gian rèn luyện, nên thân tâm thuần thục, biết rõ đường tu, tự

tại dụng công, không sợ khổ nhọc. Việc khó của các vị tham thiền lâu năm hay thượng tọa là trong cảnh giới tự tại, sáng sủa rõ ràng, lại ngừng tu để hưởng thụ, như dừng chân tại 'Hóa-thành', không muốn đến 'Bảo-sở'. Do thường thích lắng tâm tịch tĩnh chớ không thường thích để tâm dao động, nên không thể đắc được thọ dụng chân thật. Thậm chí lúc gặp cảnh thì tình sanh, rồi cố chấp thủ và xả. Tâm khởi niệm thích thú hay chán chường rõ rệt, nên cứ bị vọng tưởng thô và tế bó buộc. Lại nữa, nếu dụng công phu như băng giá đóng đá gạch thì không thể khởi tác dụng. Kế đến, dần dần sẽ sanh bệnh giải đãi, rồi cuối cùng không thể đắc quả khởi dụng. Quý vị tham thiền lâu năm và chư thượng tọa nếu biết rõ điều khó khăn này thì phải nên lập tức đề khởi câu thoại đầu, phấn chấn tinh thần; nơi cây tre trăm thước phải tấn thêm bước nữa, hay phải lặn sâu dưới đáy biển để đạt đến quả vị cao, để rồi mặc tình thỏng tay tung hoành, đi đó đây, lễ bái tương kiến Phật Tổ.

Thoại đầu tức là nhất tâm. Một tâm niệm của chúng ta không ở trung gian trong ngoài, mà cũng trú tại chính giữa, trong, ngoài, giống như hư không chẳng động mà biến khắp mọi nơi. Thế nên, không cần đề câu thoại đầu lên cao hay cũng chẳng cần đề câu thoại đầu quá thấp. Đề khởi thoại đầu lên cao quá thì sẽ bị trạo cử. Đề khởi thấp quá thì sẽ bị lạc vào hôn trầm, trái ngược tâm tánh, chẳng phải trung đạo. Mọi người đều sợ vọng tưởng, nên việc hàng phục chúng rất khó. Tôi xin thưa với quý vị rằng chớ sợ vọng tưởng, cũng chẳng cần phí công sức hàng phục chúng. Quý vị chỉ việc nhận rõ vọng tưởng, chứ không nên chấp trước vào chúng, không chạy theo chúng, lại cũng chẳng cần đuổi dẹp chúng; chỉ việc ngưng tâm niệm khởi liên tục, thì tự rời vọng tưởng. Vì vậy bảo rằng biết vọng khởi, tức là giác ngộ; nghĩa là rời xa vọng tưởng.

Phải nên lợi dụng vọng tưởng mà hạ thủ công phu, như xem khán coi chúng xuất phát từ chỗ nào. Nếu nhận ra vọng tưởng vốn vô tánh, bản thể vốn không thì liền

trở về tâm tánh bổn không của chúng ta. Tự tánh pháp thân thanh tịnh của chư Phật ngay nơi đó liền hiện ra trước mắt.

Bàn về lý rốt ráo, chân và vọng vốn đồng một thể; chúng sanh và chư Phật không hai; sanh tử và Niết Bàn, Bồ Đề và phiền não, chúng đều là bổn tâm bổn tánh, mà không nên khởi tâm phân biệt như đắm chấp hay nhàm chán hoặc thủ hay xả. Tâm thanh tịnh này, gốc vốn là Phật, chẳng cần dùng một pháp. Lý này thật nhiều lời. Hãy tham khán!

XV. Khai thị tại thiền đường [^]

Quý vị thường đến cầu thỉnh khai thị, khiến tôi cảm thấy rất xấu hổ. Quý vị ngày ngày khổ nhọc, bửa cũi cuốc đất, san bằng đất đai, vác ngói mang gạch. Tuy bận rộn từ sáng đến tối, nhưng không quên mất tâm niệm tu hành, mà luôn tinh tấn chú trọng vào đạo, thật khiến cho người khác phải cảm động. Hư Vân tôi rất xấu hổ vì chẳng có đạo, chẳng có đức, chẳng có thể nói lời khai thị cao vọng, chỉ lập lại lời dư thừa của người xưa, để đối đáp cùng quý vị.

1/ Phương pháp dụng công nhập đạo.

Phương pháp dụng công tu đạo rất nhiều. Hiện tại bàn thảo tóm lược.

A/ Điều kiện tiên quyết của việc tu đạo.

a/ Tin sâu lý nhân quả.

Người muốn dụng công tu đạo, việc đầu tiên là phải tin sâu lý nhân quả. Nếu không tin nhân quả, thì làm những việc hàm hồ. Chẳng những việc tu đạo khó thành công mà ba đường ác cũng không thể thiếu mình. Phật dạy:

- Muốn biết nhân đời trước, phải nhìn đời này mình thọ quả báo gì. Muốn biết quả đời tương lai, phải xem đời này mình đang gieo nhân gì.

Phật lại bảo:

- Giả sử nghiệp tội đã tạo trong trăm ngàn kiếp chưa tan, khi nhân duyên đến, quả báo phải tự thọ.

Kinh Lăng Nghiêm thuyết: "Nhân địa bất chân chánh thì phải chiêu quả báo cong vạy".

Trồng nhân thiện thì kết quả lành. Trồng nhân ác thì kết quả xấu. Trồng dưa được dưa, hay trồng đậu thì được đậu. Đây là đạo lý tự nhiên. Đàm luận về lý nhân quả, tôi sẽ đơn cử hai câu chuyện xưa để chứng minh.

Chuyện thứ nhất là việc vua Lưu Ly diệt chủng tộc họ Thích. Trước thời Phật Thích Ca, trong thành Ca Tỳ La Vệ có một thôn xóm chuyên môn đánh cá. Trong thôn xóm có một hồ lớn. Khi ấy, thời tiết hạn hán, nước khô cạn. Tất cả cá lớn nhỏ đều bị dân làng bắt ăn hết, duy chỉ còn một con cá lớn nhất, gần bị nắng thiêu chết. Trong làng có một đồng tử xưa nay chưa từng ăn thịt cá, nhưng trong ngày ấy lại giỡn chơi, lấy cây côn đập trên đầu cá ba lần. Sau này, trong thời Phật Thích Ca ra đời, có vua Ba Tư Nặc rất tin tưởng sùng phụng Phật Pháp. Ông ta lấy bà hoàng hậu vốn thuộc dòng nô tỳ của họ Thích Ca. Bà ta hạ sanh được một thái tử, tên là Lưu Ly. Lúc nhỏ, vua Lưu Ly thường ở thành Ca Tỳ La Vệ học hành. Ngày nọ, vì giỡn chơi, thái tử Lưu Ly leo lên tòa ngồi của Phật, nên bị người thuộc dòng dõi

Thích Ca mắng chửi đuổi xuống. Do đó, ông ta oán hận trong tâm. Đến khi lên ngôi vua, ông ta liền thống lãnh đại binh đánh chiếm thành Ca Tỳ La Vệ, tàn sát hết dân chúng trong thành. Khi đó, Phật bị nhức đầu dữ dội trong ba ngày liền. Các đại đệ tử đều thỉnh Phật tìm cách giải cứu dòng họ Thích Ca, nhưng Ngài bảo rằng định nghiệp khó mà chuyển nổi. Tôn giả Mục Kiền Liên dùng thần thông, bỏ năm trăm thân tộc dòng họ Thích Ca vào bình bát rồi bay lên hư không để giải cứu họ. Sau khi đến nơi khác, định bỏ họ xuống, nhưng khi Tôn Giả nhìn lại trong bình bát thì chỉ thấy toàn là máu. Chư đại đệ tử thỉnh hỏi Phật về nhân duyên của việc này. Đức Phật liền kể lại câu chuyện dân làng trong thành Ca Tỳ La Vệ ăn thịt cá thuở xưa mà vua Lưu Ly là tiền thân của con cá lớn nhất. Quân sĩ binh lính của ông ta vốn là những cá trong hồ thuở kiếp xưa. Dân chúng thuộc dòng họ Thích Ca bị vua Lưu Ly giết, vốn là dân làng ăn thịt cá vào lúc ấy. Tiền thân của đức Phật là đồng tử. Vì giỡn chơi, đánh trên đầu con cá lớn nhất nên bị quả báo bệnh nhức đầu ba ngày. Định nghiệp thật khó trốn chạy. Năm trăm thân tộc họ Thích Ca, tuy được tôn giả Mục Kiền Liên cứu thoát, nhưng tánh mạng vẫn tiêu tan, không thể lẩn trốn. Sau này vua Lưu Ly bị đọa địa ngục. Oan oan tương báo, chẳng hẹn ngày giờ. Nhân quả thật đáng sợ.

Chuyện thứ hai là việc tổ Bá Trượng cứu độ con hồ ly. Ngày nọ, sau khi tổ Bá Trượng giảng kinh xong, mọi người đều giải tán, nhưng chỉ còn lại một ông lão chưa chịu ra về. Tổ Bá Trượng thấy vậy liền hỏi nguyên do. Ông lão liền đáp:

- Con chẳng phải là người, mà vốn là hồ ly tinh. Đời trước đã từng tu hành ở nơi đây. Ngày nọ, có người hỏi con rằng bậc đại tu hành (liễu ngộ) còn bị lạc vào nhân quả hay không ? Khi ấy con đáp là không lạc vào nhân quả. Nhân vì câu trả lời đó mà bị đọa lạc làm thân hồ ly tinh trải qua năm trăm năm, không cách nào giải thoát được. Nay thỉnh Hòa Thượng từ bi khai thị chỉ dạy.

Tổ Bá Trượng bảo:

- Nay ông hãy hỏi lại ta câu đó đi.

- Thỉnh vấn Hòa Thượng. Người tu hành lâu năm có bị lạc vào nhân quả hay không ?

- Không lầm nhân quả.

Nghe lời này ông lão liền đại ngộ, bèn lễ bái cảm tạ:

- Nhờ lời dạy của Hòa Thượng, nay con đã thoát được thân hồ ly tinh. Con vốn ở trong hang đá sau núi. Xin thỉnh Hòa Thượng ngày mai làm lễ theo cách thức an táng một vị tăng.

Qua hôm sau, tổ Bá Trượng ra hang sau núi, thấy xác chết của một con hồ ly tinh, nên liền làm lễ an táng giống như một vị tăng.

Chúng ta nghe đến hai câu chuyện này, biết rõ nhân quả thật đáng sợ. Tuy đã thành Phật rồi nhưng không thể miễn quả báo đau đầu. Báo ứng chẳng sai chạy chút nào. Định nghiệp thật khó trốn thoát. Vì vậy, trong mọi thời chúng ta phải nên cẩn trọng, chớ tạo nhân xấu.

b/ Nghiêm trì giới luật.

Đối với công phu tu đạo, việc đầu tiên là phải trì giới. Giới là gốc của đạo Bồ Đề vô thượng. Do giới mà sanh định. Do định mà phát huệ. Nếu không trì giới mà muốn tu hành thì không thể được. Kinh Lăng Nghiêm nói đến việc đức Phật răn nhắc chúng ta về bốn hạnh thanh tịnh. Chẳng trì giới mà muốn tu chánh định thì không thể nào thoát khỏi trần lao. Lại nữa, dầu hiện tại có phát sanh trí huệ hay

thiền định, nhưng vẫn bị lạc vào tà ma ngoại đạo. Vì vậy, biết rõ việc trì giới rất quan trọng. Người trì giới luôn được chư long thần ủng hộ, tà ma ngoại đạo kính phục nể sợ. Người phá giới thì quỶ gọi là kẻ cướp, nên chúng thường đi theo xóa dấu chân họ.

Xưa kia, nơi cạnh vương thành của nước Kế Tân, có một ngôi già lam. Gần đó có một con rồng độc, thường hiện ra hại người địa phương. Thế nên, năm trăm vị A La Hán trong chùa đó hợp lại nhau, dùng lực thiền định để đuổi con rồng độc này đi, nhưng không thể được. Sau này, có một vị tăng chưa từng biết đến thiền định, mà chỉ nói với con rồng độc câu:

- Nầy Hiền Thiện ! Xin hãy rời khỏi chỗ này.

Nghe thế, rồng độc liền bay đi nơi khác. Chúng tăng A La Hán hỏi vị tăng kia rằng dùng thần thông gì mà đuổi được rồng độc. Vị tăng kia đáp:

- Tôi không biết dùng thần lực thiền định, nhưng chỉ chân chánh trì giới cẩn mật. Hộ trì giới khinh cũng như giới trọng.

Chúng ta hãy suy nghĩ xem, lực thiền định của năm trăm vị A La Hán, không thể sánh bằng một vị tăng nghiêm thủ giới luật.

Có người bảo rằng Lục Tổ thường dạy:

- Tâm bình thì nhọc gì trì giới. Tâm hạnh chất trực thì cần gì tham thiền ?

Tôi xin hỏi rằng quý vị đã đạt đến tâm bình và chất trực chưa ? Nếu có một cô hằng nga thân hồng lõa thể ôm chầm lấy mình, quý vị có động tâm không ? Nếu có người vô cớ nhục mạ đánh đập, quý vị có sanh tâm sân hận không ? Quý vị có thể

không sanh tâm phân biệt oán thân thương ghét, thị phi mình người không ? Thuần thục làm được như thế thì mới nên to tiếng. Bằng ngược lại, chớ nói lời trống rỗng.

c/ Tín tâm kiên cố.

Muốn dụng công tu đạo, đầu tiên phải có tín tâm kiên cố. Niềm tin là mẹ của tất cả công đức. Dẫu là việc gì, nếu không có tín tâm thì làm không thể xong. Chúng ta nếu muốn thoát khỏi sanh tử, thì phải cần có tín tâm kiên cố. Phật bảo rằng chúng sanh trên cõi đất đều có đức tướng trí huệ của Như Lai. Chỉ vì vọng tưởng chấp trước, nên không thể chứng đắc. Vì thế, Phật mới thuyết bao pháp môn sai biệt, để đối trị tâm bệnh của chúng sanh. Chúng ta phải tin tưởng rằng lời Phật dạy không bao giờ là hư ngữ rỗng tuếch. Phải tin rằng chúng sanh đều có thể thành Phật. Tại sao chúng ta chưa có thể thành Phật ? Do vì chúng ta không y theo pháp mà quyết chí hạ thủ công phu. Ví như tuy biết rằng hạt đậu nành có thể làm ra đậu hủ, nhưng nếu chẳng làm thì hạt đậu nành không thể biến thành đậu hủ. Thế nên, phải làm phải tạo. Nếu bỏ thạch cao không đúng lượng thì không thể thành đậu hủ. Nếu đúng như pháp mà nấu chín, lọc cặn bả, rồi bỏ thạch cao đúng phân lượng, thì quyết định sẽ thành đậu hủ. Tu đạo cũng như thế. Nếu chẳng dụng công phu kiên cố hay đúng pháp thì không thể thành Phật. Nếu tu hành đúng như giáo pháp mà không thối thất và không hối hận, thì quyết định sẽ thành Phật. Vì vậy, phải nên tin tưởng thâm sâu rằng chúng ta sẽ thành Phật, rồi y theo giáo pháp của Phật dạy mà tu hành, thì quyết định sẽ thành Phật.

Thiền sư Vĩnh Gia bảo:

- Chứng thật tướng, không nhân pháp. Trong khoảng sát na, liền diệt nghiệp A Tỳ. Nếu dùng lời vọng ngữ dối chúng sanh, thì tự chiêu nghiệp cắt lưỡi hằng sa kiếp.

Thiền Sư vì lòng từ bi, muốn kẻ hậu lai có tín tâm kiên cố, nên phát thệ nguyện rộng lớn như thế.

d/ Quyết định hành trì một pháp môn.

Có tín tâm đầy đủ rồi, thì phải chọn lựa ra một pháp môn để tu trì. Không thể sáng qua nước Tần, tối lại đến nước Sở. Niệm Phật cũng được. Trì chú cũng hay. Tham thiền cũng tốt. Nói chung, điều quan trọng là phải quyết chọn một pháp môn, rồi vận dụng hết tài năng mà tu tập, mãi mãi không thối thất hay hối hận. Hôm nay chưa thành công, nhưng ngày mai sẽ được. Năm nay chưa thành công, nhưng năm sau sẽ thành. Đời nay chưa thành tựu, nhưng đời sau sẽ thành. Ngài Quy Sơn bảo:

- Đời đời nếu không thối chuyển thì quả vị Phật chắc chắn sẽ có kỳ.

Có nhiều người không chú ý điều này. Hôm nay nghe thiện tri thức này bảo niệm Phật rất hay, liền đi niệm Phật hai ngày liền. Kế đến, nghe vị thiện tri thức khác bảo tham thiền rất tốt, thì liền ngồi thiền thêm hai ngày nữa. Đùa giỡn bên đông, lại giỡn cợt bên tây. Đùa giỡn cả đời cho đến chết. Mãi giỡn chơi khinh nhờn, có uổng đời tu lắm không !

e/ Phương pháp tham thiền.

Pháp môn dụng công tuy nhiều, nhưng chư Phật Tổ đều dùng pháp môn vi diệu vô thượng này. Trong pháp hội Lăng Nghiêm, Phật bảo Bồ Tát Văn Thù chọn lựa pháp môn viên thông. Đại sĩ Văn Thù liền chọn pháp môn Nhĩ Căn Viên Thông của Bồ Tát Quán Âm làm bậc nhất.

Chúng ta nghe lại tự tánh của mình. Đó chính là tham thiền. Trong thiền đường, nay tôi phải giảng về pháp môn tham thiền.

g/ Người ngồi thiền phải biết.

Khi làm mọi công việc hằng ngày, phải luôn hướng tâm vào đạo. Nếu được như thế, thì nơi nào lại không phải là đạo tràng ? Lúc dụng công, không nên chấp trước thiền đường này nọ. Chẳng phải ngồi mới gọi là thiền. Gọi thiền đường hay tọa thiền, bất quá chỉ lập ra vì chướng sâu trí huệ cạn của chúng ta trong đời mạt pháp.

Ngồi thiền phải biết cách điều dưỡng thân tâm cho hay. Lúc không biết cách điều dưỡng, nếu ít thì sẽ bị bệnh tật, còn nếu nhiều thì bị gặp ma chướng. Thật tiếc lắm thay ! Trong thiền đường, lúc tọa hương (ngồi thiền) hay hành hương (đi hành thiền) phải dụng ý nơi việc điều dưỡng thâm tâm. Phương pháp điều dưỡng thâm tâm có rất nhiều. Nay đơn lược bàn luận.

Lúc xếp bằng, phải ngồi thẳng người một cách tự nhiên. Không nên khởi tâm tác ý, đưa đẩy eo lưng nghiêng về phía trước. Nếu làm như thế, thì sẽ khiến khí hỏa bốc lên. Kết quả, sau khi ngồi thiền, nước mắt chảy tràn trề, mũi miệng thở khì, ăn uống mất mùi vị, thậm chí có thể bị ói mửa ra máu. Lại nữa, không nên đẩy eo lưng nghiêng về phía sau, hoặc rụt vai rút đầu, vì sẽ dễ dàng bị lạc vào hôn trầm. Lúc bị hôn trầm, phải mở mắt to ra, kéo thẳng eo lưng lại, nới rộng dây lưng, lung lay động đậy thân nhè nhẹ thì hôn trầm sẽ tự biến mất.

Nếu dụng công quá gấp gáp, thân tâm sẽ cảm giác phiền muộn khô khan. Khi đó phải xả bỏ muôn duyên, ngay cả công phu cũng xả bỏ. Nghĩ ngơi chừng nửa cây nhang, rồi vừa cảm thấy thoải mái dễ chịu, liền tiếp tục đề khởi công phu. Ngược lại thì ngày tháng tích lũy, khiến tánh biến thành cộc cằn dễ giận, thậm chí gặp ma cảnh liền phát điên cuồng.

Ngồi thiền đến lúc được đôi chút thọ dụng, thì cảnh giới hiện ra rất nhiều, kể không thể hết. Điều cần thiết là quý vị chớ chấp trước vào chúng, thì chúng không

thể tạo chướng ngại cho mình. Người thế tục có câu: "Thấy quái vật nhưng không cho là kỳ quái, thì quái vật tự tiêu tán".

Tuy thấy yêu ma quỶ quái đến quấy nhiễu chọc phá, nhưng quý vị chớ màng để ý đến chúng, hoặc chớ sợ hãi. Ngay cả thấy Phật Thích Ca đến dùng tay xoa đầu thọ ký, quý vị cũng chớ để ý đến, hay khởi tâm vui mừng.

Kinh Lăng Nghiêm nói: "Nếu không khởi tâm thánh, tức gọi là cảnh giới lành. Nếu khởi tâm thánh giải, tức lạc vào loài tà kiến".

B/ Hạ thủ công phu.

a/ Phải nhận rõ chủ khách.

Hạ thủ công phu như thế nào ? Trong pháp hội Lăng Nghiêm, tôn giả Kiều Trần Như có nói đến hai chữ "Khách Trần", đó chính là nơi sơ tâm hạ thủ dụng công của chúng ta. Tôn Giả nói:

- Ví như hành khách nương ở lữ quán, hoặc ngủ hoặc ăn uống. Ăn uống ngủ nghỉ xong liền thu xếp hành lý, tiếp tục cất bước, không nhàn rỗi ở lại. Nếu thật là chủ nhân thì tự không đến đi. Suy nghĩ như thế, không trụ là khách, trụ lại gọi là chủ nhân. Lại nữa, ví như sau cơn mưa mặt trời mọc lên, ánh sáng chiếu soi khắp hư không, thấy rõ tướng của bụi bặm. Bụi bặm tánh vốn dao động. Hư không tánh vốn tịch tĩnh an nhiên. Lắng đọng tịch tĩnh gọi là hư không. Dao động gọi là bụi bặm, khách trần.

Khách trần tức là bụi bặm, dụ cho vọng tưởng. Hư không tức là chủ, dụ cho tự tánh. Thường trụ chính là chủ nhân, vốn không như lữ khách lúc đến lúc đi. Chủ nhân dụ cho tự tánh thường trụ, vốn không tùy theo vọng tưởng mà chợt sanh chợt

diệt. Vì vậy bảo rằng nếu vô tâm nơi muôn vật, thì sợ gì muôn vật quấy nhiễu làm trở ngại mình.

Chất trần, tức bụi bặm tự dao động, vốn làm chướng ngại hư không tịch tĩnh vô trước. Ví như vọng tưởng, vốn tự sanh diệt nhưng không ngăn ngại tự tánh vô trước, như như bất động. Thế nên bảo rằng một niệm không sanh, muôn pháp chẳng lỗi.

Trong đây chữ "Khách" là nghĩa thô, còn chữ "Trần" là nghĩa vi tế. Người sơ phát tâm tu đạo, đầu tiên phải cần nhận thức hai chữ "Chủ" và "Khách" thì không còn bị vọng tưởng trói buộc lôi kéo. Tiến thêm một bước nữa là phải hiểu rõ hai chữ "Không" và "Trần" thì vọng tưởng không thể làm trở ngại. Vì thế bảo rằng nhận rõ thì không còn là oán thù. Nếu lãnh hội rõ ràng được như thế thì công phu tu đạo đã đi quá nữa đường rồi.

b/ Thoại đầu cùng nghi tình.

Lịch đại Tổ Sư luôn chỉ thẳng vào tâm, để thấy tánh thành Phật. Như pháp "An Tâm" của Đạt Ma Tổ Sư hay "Luận Kiến Tánh" của Lục Tổ; điều trọng yếu là phải thừa nhận lãnh hội, mà không cần khán thoại đầu. Tâm người hiện đời không giống như tâm người xưa, không thể quyết tâm đạp đất, chỉ đùa giỡn khinh lờn; ai ai cũng lo đếm châu báu cho kẻ khác, rồi lại cho rằng những châu báu đó là của mình. Vì thế chư Tổ sư, mỗi vị đều xuất thủ nhãn, lập ra tông môn pháp thức, như pháp khán thoại đầu, để khiến người học đạo biết cách tu hành.

Thoại đầu có rất nhiều, như "Muôn pháp quy về một. Một quy về nơi nào ?" "Bản lai diện mục của chúng ta trước khi được cha mẹ sanh như thế nào ?", v.v... Tuy nhiên, câu "niệm Phật là ai" là phổ thông nhất.

Tại sao gọi thoại đầu ? Thoại là lời nói. "Đầu" là đầu tiên; tức là tâm niệm thanh tịnh sẵn có, trước khi khởi vọng niệm rồi phát ra lời nói. Tâm niệm trước khi khởi câu "A Di Đà Phật", được gọi là thoại đầu. Một niệm chưa sanh, gọi là thoại đầu. Niệm đã sanh rồi thì gọi là thoại đuôi. Niệm chưa sanh gọi là không sanh, không trạo cử, không hôn trầm, không đắm trước vào cảnh tịnh, không lạc vào trầm không, hay cũng gọi là không diệt. Thời thời khắc khắc, luôn luôn nhất niệm, xoay lại phản chiếu vào cái "không sanh không diệt", nên được gọi là khán thoại đầu, hay chiếu cố thoại đầu.

Đối với việc khán thoại đầu, đầu tiên phải phát khởi nghi tình. Nghi tình là cây tích trượng của quán thoại đầu. Sao gọi là nghi tình ? Như hỏi "Niệm Phật là ai", thì ai ai cũng biết người niệm chính là mình. Tuy nhiên, chúng ta dùng miệng niệm hay dùng tâm niệm ? Nếu dùng miệng niệm thì khi ngủ, miệng vẫn còn đó, sao lại không niệm ? Nếu dùng tâm niệm, thì tâm này hình dạng như thế nào ? Không thể nắm bắt sờ mó tâm này được. Vì không hiểu rõ như thế, nên ngay chữ "Ai" phát khởi niệm nghi ngờ nhè nhẹ. Tuy nhiên, chớ đề khởi quá thô. Phải đề khởi càng vi tế chừng nào thì càng hay chừng đó. Tùy thời tùy nơi, mãi mãi chiếu cố vào nghi niệm này, giống như nước suối chảy mãi không ngừng, mà chẳng sanh hai niệm. Nếu đã khởi nghi niệm lên, chớ động đến. Nghi niệm chưa có, phải nên nhè nhẹ đề khởi. Người sơ phát tâm, tu hành trong tịnh dễ đắc thọ dụng hơn trong động, nhưng điều thiết yếu là chớ sanh khởi tâm phân biệt. Không để ý có định lực hay không định lực, và mình đang ở trong tịnh hay trong động, mà chỉ nhất tâm nhất ý hạ thủ công phu là đủ rồi.

Trong bốn chữ: "Niệm Phật là ai", thì chữ "Ai" là quan trọng nhất. Ba chữ kia, bất quá chỉ là ngôn từ mà thôi, như tự hỏi ăn cơm mặc áo là ai ? Đi đại tiểu tiện là ai ? Khởi vô minh phiền não là ai ? Thường biết thường giác là ai ? Lúc đi đứng nằm ngồi, phải luôn đề khởi chữ "Ai" thì mới phát khởi được nghi niệm dễ dàng. Chớ

suy lường xét đoán khởi ý có hoặc không. Chữ "Ai" của câu thoại đầu thật là diệu pháp của việc tham thiền, nhưng chớ niệm chữ "Ai" hay bốn chữ "niệm Phật là ai" như niệm danh hiệu Phật, hoặc chớ suy lường xét đoán, xem coi ai là người niệm Phật, rồi gọi đó là nghi tình. Nếu đem bốn chữ "Niệm Phật là ai" mà dùng miệng niệm mãi không ngừng thì không thể nào bằng công đức niệm một câu "A Di Đà Phật" .

Có người hàm hồ suy nghĩ loạn động, tìm đông kiếm tây, rồi cho đó là nghi tình. Phải nên biết, càng suy tưởng thì vọng niệm càng khởi lên nhiều. Muốn thăng nhưng ngược lại bị đọa. Điều này người tu hành phải nên biết đến.

Người sơ cơ phát khởi nghi tình rất thô thiển. Lúc đứt đoạn, lúc liên tục, lúc thuần, lúc không thuần, thì chưa được tính là khởi được nghi tình, mà chỉ gọi là khởi vọng tưởng. Tuy nhiên, tu càng lâu thì tâm cuồng loạn từ từ sẽ được điều phục, và niệm đầu cũng có nơi trụ được đôi chút. Lúc ấy mới gọi là tham thiền. Công phu từ từ thuần thục; không khởi nghi tình mà vẫn tự nghi, lại cũng không biết ngồi nơi nào, và cũng không biết đến thân, tâm, thế giới. Niệm nghi đơn độc sẽ từ từ hiển hiện, không gián đoạn; đó gọi là khởi nghi tình. Thật tình mà nói, lúc đầu dụng công chỉ toàn là vọng tưởng nổi lên. Đến khi nghi tình chân thật hiện ra thì lúc đó mới chân thật là dụng công. Khi ấy, dễ dàng vượt qua cửa ải lớn để rẽ vào chánh lộ.

Thứ nhất, sẽ đạt đến cảnh giới thanh tịnh khinh an vô hạn. Nếu bỏ mất công phu giác chiếu, liền nhập vào trạng thái hôn trầm nhè nhẹ. Nếu có vị minh nhãn thiện tri thức ở kế bên, biết được cảnh giới này của mình, dùng cây hương bản đập cho một hèo, thì mây mù che đầy trời đất liền tản mác. Ngay nơi đó, rất có nhiều cơ hội ngộ đạo.

Thứ hai, lúc thanh tịnh, không không đỗng đỗng, nếu nghi tình mất đi, thì đó là vô ký, tức ngồi trên cây khô đá cứng, hoặc gọi là "băng đóng quanh tảng đá". Đến lúc đó phải đề khởi nghi tình. Đề khởi nghi tình tức là giác chiếu. Giác tức là không mê muội, và là trí huệ. Chiếu tức là không loạn động, và là định. Đơn độc trụ nơi một niệm; trầm nhiên mà tịch chiếu, như như bất động, linh linh bất muội, liễu liễu thường tri, như khói nóng xông lên, như xoay một cuồn tơ mãi không dừng. Dụng công đến đây, phải có đầy đủ mắt thanh tịnh kim cang, mà không cần đề khởi nghi tình nữa. Nếu đề khởi tức là đem đầu mà đặt lên đầu. Xưa kia có vị tăng hỏi lão nhân Triệu Châu:

- Không thể đem một vật đến thì làm sao ?

Triệu Châu đáp:

- Xả bỏ nó.

- Một vật còn không thể đem đến, thì xả bỏ cái gì ?

- Xả bỏ không được, thì đuổi nó đi.

Nói đến việc này, như gió trong ánh sáng, như người uống nước tự biết lạnh nóng, không thể dùng lời nói mà đạt được. Người đạt đến đó, tự nhiên hiểu rõ. Chưa đạt đến thì nói chi cũng vô ích. Vì vậy bảo:

- Trên đường gặp kiếm khách liền trình kiếm. Chẳng phải thi nhân chẳng trình thi.

C/ Chiếu cố thoại đầu cùng phản văn văn tự tánh.

Hoặc hỏi:

- Pháp môn phản văn văn tự tánh (nghe lại tánh nghe của mình) của Bồ Tát Quán Âm có phải được xem là pháp môn tham thiền không ?

Bàn về việc chiếu cố thoại đầu, tức là bảo quý vị thời thời khắc khắc, đơn độc trụ nơi một niệm, hồi quang phản chiếu vào cái "không sanh không diệt (thoại đầu)". Phản văn văn tự tánh (nghe lại tự tánh của mình), tức là bảo quý vị thời thời khắc khắc trụ nơi một niệm để nghe lại tự tánh của mình. "Hồi" tức là xem ngược lại. "Không sanh không diệt" tức là tự tánh. Cái "Nghe" khác với cái "chiếu" tức là khi thuận dòng thì nghe âm thanh, thấy sắc tướng. Tuy nhiên, nghe mà không vượt ngoài âm thanh. Thấy mà không vượt khỏi sắc tướng, hiển nhiên phân biệt rõ ràng. Lúc đi nghịch dòng thì nghe lại tự tánh của mình, không chịu chạy theo âm thanh sắc tướng, để trở về nguồn nhất thể tinh minh (một thể sáng soi). Khi đó, cái "nghe" và cái "chiếu" không còn là hai.

Chúng ta nên biết rằng gọi chiếu cố thoại đầu, hoặc gọi nghe lại tự tánh của mình, tuyệt đối không dùng mắt để thấy, lại cũng không dùng tai để nghe. Nếu dùng mắt để thấy, hoặc dùng tai để nghe, đó là chạy theo âm thanh sắc tướng, tức bị vật chuyển, nên gọi là thuận dòng. Nếu đơn độc trụ nơi một niệm "không sanh không diệt" mà chẳng chạy theo âm thanh sắc tướng, thì gọi đó là nghịch dòng, và là chiếu cố thoại đầu, hay nghe lại tự tánh của mình.

D/ Tâm thiết tha vì việc sanh tử, cùng phát tâm lâu dài.

Đối với việc tham thiền, điều quan trọng là cần có tâm thiết tha vì sanh tử, cùng phát tâm tu hành dài lâu. Nếu không có tâm thiết tha vì sự sanh tử thì nghi tình không thể khởi, và công phu không thể tăng tiến. Nếu không phát tâm tu hành dài lâu, mà một nóng mười lạnh, thì công phu không thể thành phiến. Chỉ trọng yếu có tâm dài lâu thì nghi tình mới có thể đề khởi. Lúc nghi tình chân thật đề khởi được

thì phiền não trần lao không ngừng cũng tự ngừng. Lúc đó, tự nhiên nước chảy đến đâu thì thành ngòi rạch đến đó. Nay tôi sẽ kể câu chuyện mắt thấy tai nghe.

Đời Thanh, vào năm 1900, liên quân tám quốc gia tiến vào kinh đô. Khi ấy tôi cùng đi theo đoàn quân hộ giá vua Quang Tự và thái hậu Từ Hi. Đoàn hộ giá phải chạy bộ về hướng tỉnh Xiểm Tây. Mỗi ngày chạy hàng chục dặm. Đôi khi không có thức ăn nước uống. Trên đường dân chúng dâng rau dại khoai rừng cho vua ăn. Vua ăn xong rồi lại hỏi những thứ rau đó là gì mà sao ngon quá vậy ! Quý vị xem coi, hoàng đế ngày thường mặc áo long bào, oai phong lẫm liệt. Ông ta có từng chạy bộ trên đường lộ, bị đói lép bụng, ăn rau dại khoai rừng không ? Tuy nhiên, khi chạy lánh nạn, long bào không dám đắp, không còn tỏ vẻ oai phong lẫm liệt, chỉ lăng xăng chạy trên đường lộ, đói khát phải ăn rau dại khoai rừng. Tại sao xả bỏ được hết ? Vì liên quân muốn bắt nhà vua, nên ông phải chú tâm chạy trốn lánh nạn để bảo toàn sanh mạng. Sau khi nghị hòa, nhà vua xa giá hồi kinh, lại đắp long bào, lại tỏ vẻ oai phong lẫm lẫm, không thể chạy lăng xăng trên đường lộ, không còn đói khát. Nếu không phải là những món cao lương mỸ vị, thì không thể nuốt khỏi cổ. Tại sao khi đó không thể xả bỏ được ? Vì liên quân không còn tầm nả nhà vua. Ông cũng chẳng có tâm chạy trốn nữa. Nếu nhà vua dùng tâm trạng chạy lánh nạn mà tu đạo thì lo gì không ngộ đạo. Tuy nhiên, tiếc thay nhà vua không có tâm dài lâu. Gặp cảnh thuận thì tánh xưa liền nổi lại.

Quý vị đồng tham học ! QuỶ vô thường luôn chờ chực sanh mạng của chúng ta. Nó không thể "Hòa Nghị" với chúng ta được. Vì vậy, phải mau quyết chí phát tâm dài lâu để chặt đứt dòng sanh tử !

Tổ Cao Phong bảo:

- Nếu muốn tham thiền có kỳ khắc thành tựu, thì phải xả bỏ tất cả như bị té xuống giếng sâu ngàn thước. Từ sáng đến tối, từ tối đến sáng, gom ngàn tư tưởng, muôn tư tưởng về một tâm cầu ra khỏi dòng sanh tử, mà rốt ráo quyết không khởi hai niệm. Dụng công khẩn thành như thế, hoặc ba ngày, hoặc năm ngày, hoặc bảy ngày, nếu không triệt ngộ, Cao Phong tôi hôm nay bị phạm tội đại vọng ngữ, mãi mãi đọa địa ngục cắt lưỡi.

Tổ Cao Phong tâm niệm thiết tha, lòng tràn đầy từ bi, sợ chúng ta không phát tâm dài lâu, nên mới phát thệ nguyện quan trọng như thế.

E/ Việc khó và dễ trong khi tu đạo của người mới dụng công và người tu hành lâu năm.

a/ Việc khó và dễ của người mới dụng công.

*/ Việc khó của người sơ phát tâm tu đạo là tâm vọng không dứt.

Bịnh nặng của người sơ cơ là xả bỏ vọng tưởng và tập khí không nổi. Vô minh, cống cao ngã mạn, ghen ghét, chướng ngại, tham lam, sân hận, tình ái, giải đãi, là những món ăn ngon. Thị phi nhân ngã chứa đầy cả bụng, thì làm sao tương ưng với đạo ? Có các vị xuất gia, do xuất thân từ hàng công tử tiểu thơ đài các nên khó lòng bỏ tập khí kiêu căng tự thị. Bị oan ức đôi chút, không thể nhẫn nổi, thì nói gì đến việc dụng công tu đạo ? Họ chẳng biết rằng Phật Thích Ca Mâu Ni vốn là thái tử, nhưng xả bỏ tất cả để xuất gia tu đạo. Hoặc có vài người biết đôi chút văn tự chữ nghĩa, nghiên tầm văn chương, trích luận kệ cú, giải thích luận bàn thi cú cổ kim. Tuy tự chính mình không thể nào viết lách hay liễu giải được, nhưng lại sanh tâm cống cao ngã mạn. Khi bị bệnh nặng, kêu khổ thấu trời. Hoặc nhằm vào ngày ba mươi tháng chạp, tay run chân loạn; tri giải thường ngày, chẳng dùng được chút nào, hối hận sao kịp !

Người có chút tâm đạo, nhưng chẳng biết chỗ hạ thủ công phu. Lại có người, rất sợ vọng tưởng; họ cố dẹp trừ mãi mà chẳng được, nên phiền não cả ngày, rồi tự oán than là nghiệp chướng nặng nề, khiến thối tâm tu đạo.

Hoặc có người muốn cùng vọng tưởng thách đấu bỏ mạng, và quyết định tử chiến với chúng, mà hùng hổ cung tay nộ khí, ưỡn ngực trợn mắt, như gần bị giết. Tuy nhiên, không thể nào thí mạng với vọng tưởng được, nên tức giận lồng lộng, hộc máu phát điên cuồng.

Hoặc có người sợ lạc vào không, tức phải nên biết tự chính mình đã phát sanh "con quỶ" chấp không. Muốn không mà không chẳng được. Muốn ngộ mà ngộ cũng chẳng xong.

Hoặc có người mang tâm cầu giác ngộ, nhưng họ nào biết đâu, nếu đem tâm cầu đạo, nghĩ tưởng thành Phật, thì đó là đại vọng tưởng. Cát không thể nấu thành cơm; dẫu cầu đến năm con lừa quyết chẳng ngộ đạo được.

Hoặc có người ngồi được một hai cây hương, rồi sanh tâm vui mừng, giống như rùa mù, ngẫu nhiên mà vớt được bọng cây khô trên biển, chứ chẳng phải là công phu chân thật, nên khiến ma vui mừng che lấp tâm tánh.

Hoặc có người vì trong cảnh giới tịch tĩnh, cảm giác rất thanh tịnh, nên không muốn tu lúc ở trong động. Vì vậy, chỉ thích lẫn trốn nơi tịch tĩnh mà tu, nhưng nào biết đã làm quyến thuộc của hai con ma vương chấp động tĩnh.

Những bệnh tật khi tu thiền có rất nhiều loại. Nói chung, người sơ cơ khi chưa đến đầu đường thì thật là khó; như có huệ giác mà không có chiếu soi, thì dễ sanh tán loạn, khiến tâm không thể bình lặng được. Hoặc có chiếu soi mà không có giác, tức là khi ngồi thiền bị nước chết của vô minh xâm nhập giết hại.

*/ Việc dễ của người sơ cơ là có thể xả bỏ hết tất cả, chỉ còn một niệm.

Tuy bảo rằng dụng công là khó, nhưng khi đến đầu đường rồi thì rất dễ. Tại sao sơ tâm dụng công dễ dàng ? Vì chưa đạt được cảnh giới thiền định chi hết, nên xả bỏ muôn sự rất dễ. Xả bỏ cái gì ? Tức là xả bỏ hết vô minh phiền não. Làm thế nào để xả bỏ ? Như lúc chư tăng làm lễ cầu vãng sanh cho người quá cố, nếu quý vị chửi mắng vài câu thì tử thi chẳng hề động đậy, nổi khí giận hờn. Hoặc đánh vài gậy, người đó chẳng dùng tay chống cự. Lúc sống, thường khởi vô minh, nhưng ngày nay không còn khởi được nữa. Bình thường thích danh mến lợi, mà nay không còn muốn. Bình thường có bao loại tập khí ô nhiễm, nhưng nay lại không còn. Lại nữa, người đó không còn phân biệt gì cả. Việc gì cũng xả bỏ được hết. Quý vị đồng tham học ! Trút hơi thở cuối cùng, thân liền trở thành xác chết. Sở dĩ chúng ta xả bỏ mọi việc không được là vì coi trọng xác thân này, nên sanh thị phi mình người, thương ghét thủ xả. Nếu xem rõ xác thân này như thây chết, không quý mến nó, không cho nó là mình, thì việc gì lại không thể xả bỏ được ! Chỉ cần xả bỏ được thân xác này, thì trong mười hai thời, cho dầu đi đứng nằm ngồi, trong những lúc động tịnh bận rộn rảnh rỗi, trong ngoài thân chỉ có một niệm nghi. Bình bình hòa hòa nghi tình không gián đoạn, và không xen lẫn tạp niệm khác lạ. Khi đó, dùng câu thoại đầu, như cầm kiếm thiên trường, ma đến chém ma, Phật đến chém Phật; không sợ vọng tưởng gì cả thì ai làm trở ngại, ai phân biệt động tĩnh, ai chấp có chấp không ? Nếu sợ vọng tưởng thì lại khiến gia tăng thêm một tầng vọng tưởng. Biết thanh tịnh, tức đã không thanh tịnh. Sợ lạc vào không, tức lạc nơi có. Muốn thành Phật thì bị nhập vào đường ma. Vì thế bảo rằng gánh nước chặt củi, không chi là đạo vi diệu. Cuốc đất trồng rau đều là thiền cơ. Không phải xếp bằng ngồi thiền cả ngày mà tính là dụng công tu đạo.

b/ Việc khó và dễ của người tu hành lâu năm.

*/ Việc khó của người tu hành lâu năm là trên đầu cây tre trăm thước không thể tiến thêm một bước.

Tại sao lại khó ? Người tu hành lâu năm, dụng tâm đến lúc nghi tình chân thật hiện ra, phải có giác có chiếu mới vượt qua sanh tử. Không giác không chiếu tức là lạc vào không vọng. Đạt đến cảnh giới đó thật rất khó. Tuy nhiên, nhiều người đạt đến đó lại hoảng hốt và sợ không thể giải thoát, vì đứng trên ngọn tre trăm thước mà không thể tiến thêm một bước. Có nhiều người khi đạt đến cảnh giới này thì ngay trong định phát được chút ít trí huệ, khiến am hiểu thấu đáo vài công án của người xưa, liền xả bỏ nghi tình rồi tự cho là đã đại triệt đại ngộ, nên làm thơ viết kệ, nháy mắt giương mày, xưng là thiện tri thức, nhưng chẳng biết chính mình là quyến thuộc ma vương.

Lại nữa, có người hiểu sai lầm ý nghĩa các câu kệ của Đạt Ma Tổ Sư "Ngoài ngưng các duyên, trong chẳng cấp bách, tâm như tường vách, mới có thể nhập đạo" cùng lời dạy của Lục Tổ "Không nghĩ thiện, không nghĩ ác. Lúc đó, bổn lai diện mục của thượng tọa Minh là gì ?"

Lúc ấy, thật như ngồi trên cây khô đá cuội, người này nhận hóa thành làm bảo sở và lầm nhận đất lạ là quê mình. Bà già đốt am chỉ vì muốn chửi những kẻ tử Hán chấp trước.

*/ Việc dễ của người dụng công lâu năm là công phu thầm lặng liên tục.

Sao gọi là dễ dàng dụng công ? Bấy giờ, chớ nên tự mãn và chớ dừng lại nửa đường, mà phải liên tục thầm thầm lặng lặng tu hành. Trong liên tục thầm lặng lại tăng thêm sự liên tục thầm lặng. Trong vi tế lại thêm vi tế. Khi thời điểm đến thì thùng gỗ tự nhiên sẽ bị lủng. Nếu không, phải nhờ đến thiện tri thức nhổ đinh tháo chốt.

Đại sư Hám Sơn viết kệ:

"Trên đảnh núi cao vút
Bốn bề rộng vô biên
Tĩnh tọa không người biết
Ánh trăng chiếu suối ngàn
Trong suối chẳng có trăng
Trăng treo trên trời xanh
Ngâm nga bài ca này
Ca ngâm chẳng là thiền."

Hai câu đầu nói về tâm giác ngộ tính đơn độc chân thường của vạn vật mà không đắm chấp vào chúng; tâm đó chiếu sáng ngời khắp đại địa. Bốn câu kế bàn về chân như diệu thể mà phàm phu không thể hiểu được. Ba đời chư Phật cũng không thể tìm cầu nơi chốn của cái ngã, nên bảo là 'Không người biết'. Câu "Trăng đơn chiếu suối ngàn", ngài Hám Sơn tự dùng thí dụ làm phương tiện để diễn đạt cảnh giới của mình. Hai câu cuối, vì sợ người lầm ngón tay là mặt trăng nên đặc biệt cảnh tỉnh chúng ta. Một khi còn lời nói thì chẳng phải là thiền.

2/ Kết Luận.

Những điều tôi vừa nói, chỉ để gỡ bụi cây dính chùm, dẹp bỏ rắc rối. Nếu còn lời nói thì không phải nghĩa chân thật. Các bậc cổ đức tiếp người bằng cách không đánh thì cũng mắng; nghĩa là khai ngộ cho họ bằng những cử chỉ hành động rất bình dị. Người tu hành hiện nay không thể bì được với sự tu hành của người xưa. Chớ nên nhận lầm ngón tay là mặt trăng. Quý vị đồng tham thiền ! Hãy xem coi ngón tay ấy chính là ai ? Mặt trăng là ai ? Hãy tham khán !

XVI. Tham thiền cảnh ngữ (lời răn nhắc người tu thiền) [^]

Tâm tức là Phật. Phật tức là giác. Chúng sanh và Phật đồng có tánh giác bình đẳng này mà không khác biệt. Tâm này tuy trụ nơi hư không tịch tĩnh mà không chấp một vật, không thọ một pháp, không thể tu chứng. Tánh giác linh minh sáng suốt, đầy đủ muôn đức, diệu dụng hằng sa, không thể giả lập tu chứng. Chúng sanh do mê muội nên trầm luân trong sanh tử. Trải qua bao kiếp dài lâu, có bao tham sân si, tình ái, vọng tưởng chấp trước, nhiễm ô thâm trọng, nên bất đắc dĩ mới nói tu nói chứng. Người xưa bảo rằng chẳng in tuồng như một vật nhưng bất đắc dĩ phải dụng công, để sống với tâm đó.

Hiện tại đả Thiền thất đã ba ngày, tức qua nửa tuần rồi. Ba ngày kế trong nửa tuần, thân tâm dần dần thuần thục, thì dụng công cũng dễ hơn lúc trước nhiều. Quý vị chớ lầm nhân duyên. Trong ba ngày kế phải hành đến độ nước chảy đá lồi, phát minh tâm địa, thì mới không cô phụ cơ duyên khó được này.

Trong hơn hai mươi ngày tới, mỗi ngày từ sáng đến tối, khi vừa thức dậy, quý vị phải nỗ lực dụng công. Tuy nhiên, có bốn loại cảnh giới rất khó vượt qua.

Thứ nhất, việc chọn lựa lộ trình tu học vẫn chưa rõ, và thoại đầu tham khán đề cử lên không nổi, chỉ mơ mơ màng màng; tuy theo đại chúng, nhưng ngủ gật gù, không thể đuổi được vọng tưởng, đó là hôn trầm dao động.

Thứ hai, đề khởi được thoại đầu, nên đạt được chút ít thọ dụng, nhưng lại chấp chặt vào miếng ngói của thành quân địch, tức chỉ lo niệm câu thoại đầu "Ai đang niệm Phật", nên trở thành niệm thoại đầu, rồi dùng cách này mà đề khởi nghi tình, mong muốn khai ngộ. Nào biết đâu, đó là dụng tâm niệm thoại đuôi, tức vẫn là pháp sanh diệt, nên chẳng bao giờ đạt đến nơi nhất niệm vô sanh. Lúc ấy, tạm thời dụng công thì còn được, nhưng nếu chấp trước rằng đó là pháp môn cứu cánh chân thật, thì

đến khi nào mới được ngộ đạo ? Gần đây, sở dĩ trong Thiền tông ít xuất hiện nhân tài vì đa số người tu thiền lầm dụng tâm nơi thoại đuôi.

Thứ ba, nếu đã biết cách tham khán thoại đầu thì nên chiếu cố, bằng cách nhìn vào nơi một niệm chưa sanh; hoặc biết niệm Phật chính là tâm, tức niệm này khởi từ tâm; nhìn suốt thẳng đến tâm tướng vô niệm, rồi từ từ sẽ đạt được cảnh giới tịch tĩnh thì những vọng tưởng thô đều dừng, đắc được cảnh giới khinh an nhẹ nhàng, và cũng thấy bao cảnh giới khác xuất hiện. Khi ấy, tuy chẳng biết thân xác trụ nơi nào nhưng thân tâm cảm giác rất nhẹ nhàng thơ thới. Nếu thấy người và vật khả ái mà sanh tâm vui thích, hoặc thấy cảnh giới đáng sợ mà sanh tâm sợ hãi, hoặc thấy những cảnh giới dâm dục cùng bao loại cảnh giới không chơn chánh, thì biết đó đều là cảnh giới ma. Nếu bám chấp vào chúng thì sẽ sanh bệnh.

Thứ tư, nếu nghiệp chướng nhẹ, lộ trình tu đạo thấy rõ ràng, dụng công đều đặn hợp với căn cơ, đó là đi trên quỸ đạo chân chánh. Nếu vọng tưởng ngưng thì thân tâm sảng khoái sáng suốt tự tại, chẳng còn gặp cảnh giới nào cả. Đạt đến nơi đó, phải phấn chấn tinh thần, dụng công tiến bước. Chỉ còn một việc phải nên chú ý là có thể đang ngồi trên đá cuội, phân vân nơi đường lộ phía trước. Ngay nơi đó, vì bị chút ít hôn trầm mà dừng lại, hay đắc được vài điểm huệ giải, rồi làm thơ viết kệ, tự cho là đủ, thì liền khởi tâm cống cao ngã mạn.

Bốn cảnh giới trên đều là thiền bệnh. Nay tôi sẽ chỉ dẫn cách thức dùng thuốc để trị chúng.

Thứ nhất, nếu chưa tham khán được thoại đầu, vọng tưởng hôn trầm đầy dẫy thì quý vị phải tham khán một chữ "Ai" trong câu thoại đầu "Ai đang niệm Phật". Tham khán được càng lâu thì hôn trầm sẽ càng giảm bớt. Nếu đạt đến lúc chẳng quên chữ "Ai", thì tham khán đến nơi một niệm vừa khởi lên. Đến khi một niệm

không còn khởi, tức là đạt đến nơi vô sanh. Nếu tham khán được đến nơi một niệm chưa sanh thì mới chân chánh gọi là tham khán thoại đầu.

Thứ hai, đối với người mắc bệnh dụng tâm tham khán thoại đuôi, chấp trước vào câu "Ai đang niệm Phật", tức lầm chấp pháp sanh diệt, thì lúc ấy phải mau chiếu thẳng vào tâm tưởng, hướng vào nơi khởi niệm mà tham khán đến chỗ một niệm chưa sanh.

Thứ ba, khi quán được vô niệm, đạt khinh an tịch tĩnh, rồi gặp những cảnh giới kỳ lạ thì phải chiếu cố nhìn lại câu thoại đầu của mình, chẳng sanh một niệm. Phật đến chém Phật. Ma đến chém ma. Chẳng màng đến những cảnh giới đó thì tự nhiên vô sự, không lạc vào tà ma ngoại đạo.

Thứ tư, khi vọng niệm dừng, tinh thần sảng khoái sáng suốt, thân tâm tự tại, phải ứng theo lời cổ nhân: "Vạn pháp quy về một, nhưng một quy về đâu ?"

Tiến bước hướng đến nơi cùng cực, thẳng lên đảnh núi cao ngất, hay hành thông suốt tận đáy biển, tức là phải vung tay rộng thêm nữa.

Như trên đã nói, đây chỉ là những phương pháp dành cho người độn căn trong đời mạt pháp. Thật ra, tông môn là tối thượng bậc nhất. Bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật đưa cành hoa lên tại pháp hội nơi núi Linh Sơn, đó là truyền ngoài giáo lý. Chư Tổ Sư trải qua bao đời chỉ truyền một tâm pháp, tức chỉ thẳng nhân tâm, thấy tánh thành Phật, không lạc vào giai cấp, chẳng cần giả tu chứng; nơi một câu nửa cú liền hiểu, không một pháp có thể đắc, và không một pháp có thể tu; xả bỏ liền được như thế. Không khởi vọng duyên, tức đồng như Phật. Đối với lý này, chắc quý vị đã nghe nhiều lần rồi.

Chương IV

XVII. Tu cùng không tu [^]

Giảng về việc tu hành hay không tu hành, đều là lời trống không. Chúng ta nếu hiểu rõ thấu triệt chính mình có một phần tâm quang, ngay khi ấy biết rõ việc vô sự, thì sao lại bàn về tu cùng chẳng tu. Phật Thích Ca xuất gia tầm đạo, sáu năm tu khổ hạnh, bốn mươi chín ngày đêm ngồi dưới cội Bồ Đề, đến đêm cuối cùng ngắm vì sao chớp, liền ngộ đạo, nói kệ:

- Lạ lùng thay ! Lạ lùng thay ! Chúng sanh trên cõi đất đều có đầy đủ đức tướng trí huệ của Như Lai. Chỉ vì vọng tưởng chấp trước, nên không thể chứng đạo. Nếu rời

vọng tưởng thì trí huệ thanh tịnh, trí huệ tự nhiên, trí huệ vô sư đều tự nhiên hiện ra.

Sau khi thuyết pháp trong bốn mươi chín năm, đức Phật lại bảo:

- Ta chưa từng nói một lời nào !

Từ đó, chư vị Tổ Sư trải qua bao đời y theo một pháp mà truyền thừa liên tục; các ngài đều nhận rõ: "Tâm, Phật, chúng sanh, tuy ba nhưng thật không sai khác" nên "Chỉ thẳng chân tâm, thấy tánh thành Phật".

Chư vị Tổ Sư giảng rộng giảng dài, hoặc đánh hoặc mắng, dùng mọi phương pháp đều để đoạn trừ vọng tưởng phân biệt của hành giả, và muốn họ nhìn thẳng vào: "Tự nhận bổn tâm. Tự thấy bổn tánh" mà không hề giả lập một chút phương tiện rắc rối, bảo tu bảo chứng nào. Yếu chỉ của Phật Tổ như thế, chúng ta phải nên biết rõ.

Tâm niệm của chúng ta vốn đã thanh tịnh, vốn tự đầy đủ, viên mãn, biến khắp mọi nơi, diệu dụng hằng sa, cùng ba đời chư Phật, thật không khác biệt.

Nếu tâm chẳng dính mắc thiện ác và xả bỏ được tất cả, thì có thể lập địa thành Phật; ngồi thiền đến lúc thiên hạ hưởng thái bình. Nếu được như thế thì có hạnh gì để tu ? Câu tu hành có phải là rỗng tuếch không ? Tuy nhiên, trong mỗi tâm niệm, chúng ta luôn hướng ngoại tầm cầu và có biết bao vọng tưởng chấp trước, nên không thể thoát ly sanh tử. Từ đời vô thủy cho đến nay, luân hồi trong vòng sanh tử, bị vô minh phiền não nhiễm ô thâm trọng, nên mới không biết tự tâm mình chính là Phật. Tuy nhiên, khi đã biết rồi lại không dám thừa nhận, nên không thể làm chủ được; nghĩa là không có dũng khí của người tráng sĩ, dám đoạn chặt hết vọng tưởng. Vì vậy, ngày ngày luôn sống trong vọng tưởng chấp trước.

Người trên thì cả ngày làm này làm nọ, cầu thiền cầu đạo, không rời khỏi tâm chấp có. Kẻ dưới thì không thể phá vỡ ngục tù tham lam, sân hận, si mê, nên bỏ đạo tìm cầu bên ngoài. Hai loại người này, luân chuyển trong sanh tử, không biết ngày nào thoát khỏi. Giảng về việc tu hành, đó cũng là lời nói trống không.

Bên trên đã nói đến việc là chẳng kể lên hay xuống, thăng hay trầm, đều vẫn bị trói buộc. Người có mắt sáng nhìn thấy, nhận rõ đó chỉ là: "Kéo bùn mang nước".

Thế nên, đại trượng phu phải trực nhận hiểu rõ, biết rằng từ quá khứ cho đến tương lai, sự sự vật vật đều như mộng huyễn như bong bóng nước, chẳng có tự tánh; người và pháp chợt không, thì muôn duyên đều ngừng, khiến một niệm bằng cả vạn năm, đạt thẳng đến vô sanh.

Nhìn bên ngoài, thấy người tu hành ăn cơm mặc áo, đi đứng nằm ngồi, như người bình thường, nhưng nào biết họ đã tự thanh tịnh, ngồi thiền an tọa trong nhà, hưởng thọ châu báu vô tận tạng. Vô tâm vô vi, tự do tự tại, động tịnh nhất như, nóng lạnh tự biết. Không những ba cõi sáu loài trời người quỶ thần không thể phá hoại, mà chư Phật chư Bồ Tát cũng chẳng giúp gì được. Nếu như thế, nói gì là tu hay chẳng tu ? Phải nên phát khởi chí hướng, phát tâm niệm nhớ thống khổ vì sanh tử, phát khởi tâm xấu hổ, phát khởi hạnh tinh tấn, và tham phương tầm đạo, tìm cầu chư thiện tri thức chỉ dạy lộ trình tu đạo cùng phân biệt chánh tà: "Như rèn như đúc, như giũa như mài", "nước sông Giang trơ trọi, ánh nắng mùa thu gay gắt".

Từ từ tâm niệm tinh thuần sáng trong. Khi ấy, không thể nói rằng chẳng tu hành được.

Vì Tổ đình trơ trọi, người người ngày càng xa các bậc thánh hiền, và vì ứng theo căn cơ quần chúng, nên bất đắc dĩ tôi mới nói ra những lời này. Thật ra, nói đến lẽ cùng tột thì giảng tu hành, hay giảng không tu hành, vẫn là lời nói trống không. Xả

bỏ hết liền vô sự. Tâm nào dính một vật, thì cần gì mở miệng nói. Chư Bồ Tát ! Quý ngài có hội chăng ?

XVIII. Khai thị trong pháp hội Thủy Lục Không tại Thượng Hải [^]

Pháp hội cầu nguyện thế giới hòa bình đã được cử hành qua vài ngày. Thật là một pháp duyên hy hữu. Hôm nay là ngày đầu tiên khai mở đàn tràng niệm Phật. Đúng ra là phải do hòa thượng Diệu Chân đến giảng, nhưng Ngài lại cùng với pháp sư Vi Phảng, cư sĩ Triệu Nghiệp Sơ, Lý Tư Hoạt, Phương Tử Phiên v.v..., đồng thỉnh tôi ra thuyết pháp.

Sẵn dịp này, tôi muốn nói về sự quan hệ giữa Thiền tông và Tịnh Độ tông để cho những vị mới phát tâm học Phật pháp tiện việc hiểu rõ.

Chúng ta sống trong thế giới Ta Bà, tức đang bơi trong biển khổ. Thế nên, không một ai lại chẳng muốn thoát khỏi biển khổ này. Tuy nhiên, muốn thoát ra được thì chúng ta phải nương theo Phật pháp. Bàn về chân đế của Phật pháp, nói nghiêm túc thì không pháp nào có thể thuyết được, vì chỉ là hình tướng trên lời nói, ngôn ngữ. Kinh Lăng Nghiêm nói: "Nếu còn dùng lời mà nói thì không phải là pháp chân thật".

Tuy nhiên, vì chúng sanh căn tánh không đồng, nên muốn tiếp dẫn thì phải dùng vô số pháp môn. Phật pháp tại Trung Quốc có phân rõ ra năm tông phái như Thiền tông, Mật tông, Tịnh Độ tông, Giáo tông, và Luật tông. Đối với người đã từng nghiên cứu học hỏi tu tập thì đã quá đủ rồi, vì họ biết rằng chân lý Phật pháp vốn không sai biệt. Người mới học Phật pháp, lại phát sanh ra nhiều ý kiến, mỗi mỗi phân rõ tông này phái nọ v.v..., rồi khen mình chê người, làm tổn hại giá trị giáo

hóa vi diệu của Phật pháp. Phải biết rằng một câu thoại đầu hay một câu niệm Phật chỉ là phương tiện, chứ chẳng phải là cứu cánh. Đối với người chân thật dụng công thì những phương tiện này thật không cần thiết. Tại sao ? Vì động tịnh vốn nhất như; bóng trăng soi khắp ngàn sông, nơi nơi đều rõ ràng, không bị chướng ngại. Người bị chướng ngại như mây che trời xanh hay nước trong bị vẫn đục. Nếu có chướng ngại, tuy có trăng mà ánh sáng không hiển bày. Nước tuy trong mà trăng không hiện rõ. Chúng ta, những người tu hành, nếu muốn hiểu rõ lý đạo, phải biết tự tâm như trăng rằm mùa thu, không nên hướng ngoại tìm cầu mà phải xoay lại ánh sáng trong tâm mình (hồi quang phản chiếu). Một niệm nếu không sanh thì hiểu rõ nơi không chỗ chứng đắc. Khi ấy, làm gì lại có danh tướng sai biệt ?

Nhân vì chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay, vọng tưởng chấp trước, tập khí nặng nề nên đấng Thế Tôn trong bốn mươi chín năm trường, thuyết pháp giảng kinh hơn ba trăm hội. Tuy nhiên, mục đích quan trọng nhất trong việc thuyết giảng kinh điển hay dạy những pháp môn tu hành của đức Thế Tôn là không ngoài việc chữa trị các bịnh tật tham lam, sân hận, si mê, ngã mạn, ác kiến của chúng sanh. Nếu chúng ta xa rời tất cả bịnh tật đó thì liền thành Phật. Chúng ta và chư Phật, cùng chúng sanh nào có khác biệt chi đâu ! Người xưa nói:

- Dùng phương tiện thì có nhiều pháp môn, nhưng khi trở về cội nguồn thì đồng nhau không khác.

Lý đạo là thế. Hiện tại, trong Phật pháp có hai tông phái rất thịnh hành là Thiền tông và Tịnh Độ tông. Tuy nhiên, có một số tăng chúng lại coi thường giới luật; điều này thật không hợp lý đạo. Yếu nghĩa căn bản của Phật pháp là dựa trên ba chữ: Giới, Định, Huệ. Giống như tòa trầm hương có ba chân, nếu thiếu mất một chân thì không thể đứng được. Vì vậy, chúng ta người học Phật pháp, mỗi người phải đặc biệt chú ý điều này !

Thiền tông khởi nguồn từ lúc đức Thế Tôn tại hội Linh Sơn, đưa cành hoa lên dạy đại chúng, chỉ có tôn giả Ma Ha Ca Diếp là mỉm cười chúm chím, còn mọi người đều không hiểu gì. Đó là tâm tâm tương ấn, truyền ngoài giáo lý, tức mạch nguồn của Phật pháp. Đối với câu niệm Phật của pháp môn Tịnh Độ cùng các pháp môn khác, như đọc kinh trì chú v.v..., đều là các pháp cắt đứt dòng sanh tử. Có người nói, Thiền tông là pháp đốn ngộ nhanh chóng, còn tông Tịnh Độ chỉ là pháp tiệm thứ chậm chạp. Vâng, bất quá chỉ là sự sai biệt trên danh tướng. Thực tế thì không sai khác. Lục Tổ Huệ Năng nói:

- Pháp không có đốn ngộ hay tiệm thứ, nhưng người kiến đạo thì có nhanh có chậm.

Chúng ta nên biết rằng mỗi mỗi pháp môn trong Phật pháp đều có thể tu trì được cả. Quý vị nếu hợp với pháp môn nào thì nên tu pháp môn đó, chứ đừng khen mình chê người, sanh khởi vọng tưởng chấp trước. Tuy nhiên, việc quan trọng nhất là phải tôn trọng giữ gìn giới luật. Người xuất gia gần đây, không tự giữ giới luật nghiêm ngặt, lại còn nói bao lời cao ngạo rằng giữ gìn giới luật cẩn mật là chấp trước. Thật rất nguy hiểm cho Phật pháp !

Thiền tông chính là pháp môn tâm địa. Sau Tổ Ma Ha Ca Diếp, Thiền tông được triển chuyển, truyền từ Ấn Độ qua Trung Quốc. Đến đại sư Huệ Năng, là tổ thứ sáu ở Đông Độ, được trao y bát, lưu truyền chánh pháp, một thời hưng thịnh.

Luật tông có tôn giả Ưu Ba Ly, là vị đứng đầu. Tôn Giả thừa thọ lời phó chúc của đức Thế Tôn mà tuyên thuyết lại giới luật cho chúng sanh trong đời mạt pháp, khiến họ nương vào đó mà tu hành, tức là lấy giới luật làm thầy chỉ đạo. Sau đến đời tôn giả Ưu Ba Cúc Đa, tổ thứ tư của Thiền tông, phân giới ra làm năm bộ luật.

Nước ta có lão nhân Nam Sơn là luật sư Đạo Tuyên, y theo bộ Đàm Vô Đức, viết sớ sao mà phụng hành, được xưng là Trung Hưng Luật Tổ.

Lão nhân Bắc Tề ở núi Thiên Thai, xem bộ Trung Quán Luận của ngài Long Thọ, liền phát minh tâm địa. Lão nhân Đỗ Thuận lấy kinh Hoa Nghiêm làm chủ, kiến lập tông Hiền Thủ.

Ngài Huệ Viễn đề xướng tông Tịnh Độ. Chín tổ sư kế tục nhau tương truyền. Sau ngài Vĩnh Minh, chư tổ sư bao thời đại đều dùng Thiền tông mà hoằng dương tông Tịnh Độ, như dung hòa nước với sữa. Tuy tông phái có phân khác, nhưng cốt yếu không ngoài ý nghĩa của cành hoa mà đức Phật đưa lên. Thật vậy, Thiền tông cùng Tịnh Độ tông xưa nay vốn có mối quan hệ mật thiết. Thế nên, chúng ta phải biết sự uyển chuyển của người xưa trong việc hoằng dương Phật pháp.

Mật tông do tôn giả Bất Không, Kim Cang Trí v.v..., truyền vào Trung Quốc. Đến đời thiền sư Nhất Hạnh, do công nỗ lực của Ngài, Mật tông được phát dương rộng rãi. Tông này cùng các tông phái khác hỗ tương hoằng dương Phật pháp.

Vì vậy, không nên phân biệt cửa ngõ môn đình, bằng ngược lại thì tự làm tổn thương đạo pháp. Nếu cứ công kích, húc đá lẫn nhau mãi, thì thật không hiểu rõ được tâm ý của Phật Tổ. Người xưa thuyết pháp như lấy lá vàng vỗ con nít khóc. Lão nhân Triệu Châu nói:

- Chữ Phật tôi không muốn nghe. Niệm một chữ Phật, phải xúc miệng cả ba lần.

Vì thế, có một số người không hiểu được sự khổ tâm của người xưa mà cho rằng niệm Phật chỉ là việc của các ông già bà cả, hoặc nói tham thiền là vọng không như ngoại đạo.

Tổng quát, nếu tôi nói đúng như vầy, kẻ nọ có lỗi kia, rồi cứ thế tranh luận mãi mà không chịu tu, thì thật là bội bạc bổn hoài của Phật Tổ, khiến cho người ngoài có cơ hội công kích, hủy phá tiền đồ Phật giáo. Kết quả thật rất tai hại. Do đó, Hư Vân tôi đặc biệt nêu lên vấn đề này. Hy vọng quý vị lão tham học cùng các vị mới phát tâm học Phật pháp, đừng nên phạm vào lỗi này. Nếu cứ làm mãi như thế thì đưa Phật giáo vào con đường cùng, mà phải biết tất cả đại lộ đều thông "Trường An".

Người học Phật phải nên đọc qua nhiều lần bài Tông Cảnh Lục và tập Muôn Thiện Đồng Quy của lão nhân Vĩnh Minh. Người niệm Phật, phải hiểu rõ chương Bồ Tát Đại Thế Chí Niệm Phật Viên Thông, và cũng phải hiểu rõ Tịnh Độ là xuất phát từ tự tánh; xả bỏ vọng tưởng, quay về nguồn chân, chớ hướng ngoại tìm cầu. Nếu chúng ta hiểu rõ được những chân lý này, thì tùy theo ý thích của người mà bàn về Thiền cũng được, nói về Tịnh Độ cũng hay; hoặc muốn vãng sanh về cõi Đông Phương hay cõi Tây Phương cũng tốt, cho đến nói có, nói không đều đúng cả.

Thực sự, mỗi sắc mỗi hương đều không ngoài sự liễu nghĩa của trung đạo; tự tánh là Di Đà, duy tâm tức Tịnh Độ; xả bỏ liền đến bờ giác. Tại sao có nhiều dây nhợ trói buộc chúng ta ? Kinh Lăng Nghiêm nói: "Nếu dẹp hết tâm phàm thì thật không có sự giải thoát của chư thánh".

Hiểu rõ được như thế thì sẽ đoạn trừ được vọng tưởng, kiến chấp, tập khí, tức làm Bồ Tát, và làm Phật Tổ. Ngược lại, sẽ mãi mãi làm chúng sanh.

Người niệm Phật cũng đừng nên có kiến chấp thái quá. Nếu không, sẽ như uống thuốc độc. Vì tập khí sâu dầy từ đời vô thủy, nên khó dẹp trừ vọng tưởng. Thế nên, dùng một câu niệm Phật như cầm chổi, quét sạch vọng tưởng. Niệm mãi không quên, khiến vọng niệm tự tiêu trừ, cõi tịnh liền hiện, thì tìm cầu bên ngoài chỉ nhọc sức.

XIX. Bài "Phải Hiểu Rõ Sự Niệm Phật" nhân ngày giỗ thứ mười hai của tổ Ấn Quang, năm 1952 [^]

Hôm nay là ngày giỗ kỶ niệm lão pháp sư Ấn Quang vãng sanh về cõi Tây Phương lần thứ mười hai. Quý vị đều là đệ tử của Ngài. Uống nước phải nhớ nguồn, nên quý vị tụ hội tại giảng đường này, làm lễ giỗ truy niệm thầy mình. Trong đạo lý nhà Phật, thầy tức là cha mẹ pháp thân của mình. KỶ niệm thầy, tức là nhắc lại bổn phận hiếu thảo của mình đối với cha mẹ pháp thân. So sánh về sự hiếu thảo nhỏ nhặt ở thế gian thì việc này có rất nhiều ý nghĩa thâm trầm hơn.

Nhớ thuở xưa, lần đầu tôi gặp lão pháp sư Ấn Quang tại núi Phổ Đà vào năm Quang Tự thứ hai mươi. Lúc đó, lão hòa thượng Hóa Văn thỉnh Ngài lên tòa giảng kinh A Di Đà tại chùa Quảng Tế. Giảng xong, Ngài ở lại chùa, đọc hết ba tạng kinh điển. Qua hơn hai mươi năm, Ngài chưa từng rời núi một bước mà đóng cửa ẩn tu. Tuy Ngài hiểu rõ giáo nghĩa rất thâm sâu, nhưng chỉ lấy một câu A Di Đà Phật làm sự tu trì hằng ngày. Tuyệt đối không cho mình thông hiểu kinh giáo thâm sâu mà coi nhẹ pháp môn niệm Phật. Lời dạy của Phật là thuốc dùng để trị bịnh khổ cho chúng sanh. Pháp môn niệm Phật, được gọi là thuốc A Già Đà, trị hết tất cả bịnh.

Thật vậy, vô luận tu pháp môn nào, cần phải có niềm tin kiên cố, giữ gìn mãi mãi, thực hành ngày một thâm sâu, thì mới mong đạt được lợi ích đầy đủ. Nếu có niềm tin kiên cố thì trì chú, tham thiền, niệm Phật đều thành tựu. Nếu tín căn không thâm sâu mà chỉ cậy nhờ chút ít thiện căn, học thức cạn cợt, hoặc nhớ được vài ba danh tướng công án, rồi đi nói chuyện vô ích tạp nhạp hay bàn việc đúng sai thì chỉ

tăng trưởng nghiệp chướng và tập khí xấu xa. Dẫu có bàn về việc sống chết, cũng vẫn bị nghiệp thức dẫn dắt. Có thật đáng thương lắm không !

Quý vị là đệ tử của pháp sư Ấn Quang. Hôm nay làm giỗ lễ kỶ niệm, thì cũng phải kỶ niệm sự hành trì chân thật của Ngài. Ngài là một vị chân tu thực thụ vì bước trên đường các bậc cổ đức đã đi. Ngài hiểu rõ thâm ý của chương Bồ Tát Đại Thế Chí Niệm Phật Viên Thông. Y theo đó mà khởi tu, nên đạt được niệm Phật Tam Muội. Từ đó, Ngài hoằng dương tông Tịnh Độ, làm lợi ích cho chúng sanh, trải qua bao thập niên mà cũng vẫn như một ngày, chưa từng từ nan thối bước, dẫu có bịnh tật ốm đau. Hiện tại, thật hiếm có ai như Ngài, chân thật tu hành không khởi kiến chấp phân biệt mình người, chỉ nghe một danh hiệu Phật rồi y theo đó mà tu trì. Sáng niệm Phật. Tối niệm Phật. Đi đứng nằm ngồi, trong mười hai thời niệm niệm không quên mất. Thầm thầm lặng lặng, công phu thuần thục chín mùi, cảnh tịnh Tây Phương Cực Lạc hiện trước mặt, được lợi ích vô biên, tự mình quán thấy.

Điều quan trọng nhất là tín tâm phải kiên cố. Tín tâm nếu không kiên cố, thì muôn sự không thể thành. Hôm nay tăng, ngày mai giảm; nghe người nói tham thiền hay thì bỏ ngay công phu niệm Phật, chạy qua tu thiền. Nghe người nói học kinh điển rất tốt thì lại bỏ thiền, qua học kinh giáo. Học kinh giáo không thành lại chạy đến trì chú, nhưng chẳng hiểu chi hết. Tâm bị chướng ngại vì không thanh tịnh. Không tự trách mình tín tâm không định, lại cho rằng Phật Tổ dối gạt chúng sanh. Chửi Phật báng Pháp, tạo nghiệp vô gián. Vì thế, tôi khuyên đại chúng rằng phải nên tin tưởng kiên cố sự lợi ích của pháp môn niệm Phật, học theo hạnh "Chân Thật Niệm Phật" của lão pháp sư Ấn Quang, rồi lập chí vững chắc, phát tâm dũng mãnh, lấy việc vãng sanh cõi Tây Phương làm việc lớn trong đời.

Tham thiền cùng niệm Phật, đối với người mới phát tâm tu học thì thấy có khác, nhưng đối với người tu hành lâu năm thì chỉ là một. Tham thiền đề cử thoại đầu,

chặt đứt dòng sanh tử, cũng từ tín tâm kiên cố mà được. Nếu thoại đầu giữ mãi không được thì tham thiền không thể thành tựu. Nếu tín tâm kiên cố thì đến chết cũng phải tham khán câu thoại đầu. Uống trà không biết đang uống trà. Ăn cơm không biết đang ăn cơm. Như thế, công phu mới thuần thục, thoát khỏi căn trần, đại dụng hiện tiền, cùng cảnh tịnh của công phu niệm Phật, giống nhau không khác. Đạt đến cảnh giới đó, sự lý viên dung, tâm cùng Phật không hai. Phật như như bất động. Chúng sanh cũng như như bất động. Một như như bất động mà không có hai như như bất động, thì sai biệt chỗ nào ? Quý vị là những người tu pháp môn niệm Phật. Tôi hy vọng tất cả hãy lấy một câu niệm Phật làm chỗ y tựa cho đời mình. Hãy chân thật mà niệm !

XX. Thiền thất khai thị lần thứ nhất tại chùa Ngọc Phật, thành phố Thượng Hải, năm 1953 [^]

1/ Ngày thứ nhất (22/2) [^]

Đại hòa thượng Vi Phảng thật rất từ bi. Chư vị ban thủ cũng có tâm tha thiết muốn hoằng dương Phật pháp, cùng các vị đại cư sĩ có đạo tình, đồng phát tâm đả thiền thất, lại yêu cầu Hư Vân tôi ra làm chủ thất. Thật tình mà nói, đây là một nhân duyên thù thắng vô vàn. Ngặt vì tuổi già sức yếu, lại thêm bịnh hoạn, nên tôi không thể giảng nhiều được.

Đấng Thế Tôn thuyết pháp hơn bốn mươi năm, lời hiển lời mật, ngôn giáo tràn đầy trong ba tạng mười hai bộ. Hôm nay đại chúng yêu cầu tôi ra thuyết pháp, thì chỉ bất quá lập lại lời dư thừa của Phật Tổ. Bàn về tông môn, lúc còn tại thế, vào một lần nọ đang ngồi trên pháp tòa, đức Phật được vua trời Đại Phạm cúng dường cành hoa Kim Đàn. Ngài bèn đưa cành hoa Kim Đàn lên để dạy đại chúng. Lúc ấy, dưới

tòa đại chúng trời người đều không hiểu chi hết, duy chỉ có tôn giả Ma Ha Ca Diếp là túm tím mỉm cười. Đức Thế Tôn bảo:

- Ta có chánh pháp nhãn tạng, niết bàn diệu tâm, thật tướng vô tướng, nay đem phó chúc cho ông Ca Diếp.

Đó là truyền ngoài giáo lý, không lập văn tự, đi thẳng đến pháp môn vô thượng. Người sau mù mờ, cho đó là thiền. Nên biết rằng trong kinh Đại Bát Nhã, có kể đến hơn hai mươi loại thiền, mà tất cả đều không phải là cứu cánh. Duy thiền trong tông môn là không lập giai cấp, chỉ thẳng vào tâm địa, thấy tánh thành Phật. Do đó, không có quan hệ với việc đả thất hay không đả thất. Chỉ vì căn tánh chúng sanh ngày càng ngu mê, vọng tưởng đầy dẫy, nên chư tổ mới đặt ra phương tiện để nhiếp thọ. Tông môn này, kể từ tổ Ma Ha Ca Diếp truyền cho đến ngày nay, trải qua sáu bảy mươi đời. Triều đại Đường và Tống (619-1278), gió thiền lan khắp thiên hạ, hưng thịnh một thời. Hiện tại, thiền tông đến thời kỳ suy vi tột bậc, chỉ có vài nơi như Kim Sơn, Cao Mân, Bảo Quang còn giữ được

chút tông phong. Thế nên, nhân tài trong tông môn thật hiếm hoi. Cũng đả thất tham thiền, nhưng đa số chỉ vì danh, mà không có thực thể.

Khi xưa, thất tổ Hành Tư hỏi Lục Tổ Huệ Năng:

- Làm thế nào để khỏi lạc vào giai cấp ?

Lục Tổ hỏi lại:

- Ông đã từng làm những gì ?

- Thánh đế còn chẳng làm, thì có gì là giai cấp ?

Lục Tổ thầm chấp nhận, hứa khả. Hiện tại, căn khí chúng ta rất cứng cỏi, nên chư đại Tổ Sư mới giả lập phương tiện, dạy tham quán câu thoại đầu. Sau đời Tống, người niệm Phật rất nhiều, nên chư đại Tổ Sư lại dạy tham quán câu "Ai là người đang niệm Phật ?"

Ngày nay, mọi nơi đều theo pháp này mà dụng công, nhưng có rất nhiều người không hiểu rõ ràng, cứ để câu "Ai là người đang niệm Phật" nơi cổ họng, rồi niệm đến niệm lui không dừng, thành ra tụng niệm, chứ không phải tham quán câu thoại đầu. Tham thoại đầu tức là tham khán. Thế nên, trong mọi thiền đường đều có treo bốn chữ "Chiếu Cố Thoại Đầu". Chiếu tức là phản chiếu. Cố tức là xoay trở lại. Nghĩa là phải tự phản chiếu, nhìn vào tự tâm. Gọi đó là quán thoại đầu.

"Ai là người niệm Phật", khi chưa khởi lên thì gọi là thoại đầu, còn đã khởi lên rồi thì gọi là thoại đuôi. Chúng ta tham khán thoại đầu thì phải nên xem khán chữ "Ai". Lúc tâm chưa khởi lên chữ "Ai" thì như thế nào? Giống như lúc đang niệm Phật, có người đến hỏi:

- Bạch Thầy! "Ai" đang niệm Phật?

Nếu đáp:

- Tôi là người đang niệm Phật.

Người đó lại hỏi:

- Thầy là người niệm Phật. Vậy miệng niệm hay ý niệm? Nếu nói miệng niệm thì lúc ngủ, sao không niệm ? Nếu nói tâm niệm thì lúc thân này chết mất, sao không tiếp tục niệm?

Do đó, chúng ta có một nghi vấn, phải nên truy cứu: "Câu thoại đầu đây từ đâu

mà đề khởi? Tôi là ai?"

Vi vi tế tế, phản chiếu xoay lại, xem xét kỸ càng, đó gọi là nghe lại tự tánh của mình.

Lúc đi bộ hành hương phải ngưỡng đầu lên, và cái gáy chạm đến cổ áo. Phải bước theo nhịp chân người trước. Tâm phải bình bình tịnh tịnh. Không nên ngó sang đông qua tây, chỉ nhất tâm xoay lại, phản chiếu câu thoại đầu. Lúc ngồi, không nên ưỡn ngực về phía trước. Đừng để hơi thở quá cao hay quá thấp, chỉ để tự nhiên tùy theo hơi thở. Lại nữa, phải thu nhiếp sáu căn, mắt tay mũi lưỡi thân ý. Phải buông bỏ muôn niệm. Luôn luôn xoay chiếu lại thoại đầu, chớ bỏ quên mất. Đừng xem khán quá vi tế, nếu quá vi tế thì bị hôn trầm (tức buồn ngủ) lạc vào không vọng, không thể thọ dụng chi được. Đừng xem khán quá thô; nếu quá thô thì phù trầm (tức vọng tưởng) nổi lên, không thể khởi thoại đầu được. Nếu xem khán được thoại đầu thì công phu tự nhiên từ từ thuần thục, tập khí dần dần giảm bớt. Người mới bắt đầu dụng công thì khó lòng mà xem khán được thoại đầu. Tuy vậy, quý vị đừng lo sợ, lại cũng đừng có vọng tưởng là muốn khai ngộ, hay cầu được trí huệ v.v... Nên biết rằng, đả thất tức là vì việc khai ngộ tâm tánh, và vì cầu trí huệ. Nếu lại khởi tâm cầu nữa thì ví như lấy đầu đặt lên đầu. Hôm nay, chúng ta đã hiểu rõ rồi thì chỉ lo đề khởi câu thoại đầu. Nếu trong lúc dụng công, chưa có thể đề khởi thoại đầu lên được, thì chớ có gấp rút, chỉ việc xả bỏ muôn niệm để không còn tình tưởng, liên tục thầm lặng, xoay chiếu trở lại. Khi vọng tưởng khởi lên, nếu không màng đến, thì chúng sẽ tự nhiên lặng mất. Vì vậy bảo:

- Không sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm.

Vọng niệm khởi lên, chỉ dùng định lực xoay lại xem khán thoại đầu. Nếu mất thoại đầu, phải mau đề khởi lại. Mới ngồi thiền thì dường như là chỉ lo dẹp vọng tưởng,

nhưng lâu dần thì thoại đầu từ từ khởi lên được. Khi ấy, quý vị có thể ngồi hết cả một cây nhang. Nếu không để mất thoại đầu thì kết quả sẽ rất tốt.

Ngôn ngữ chỉ là lời nói suông. Quý vị hãy nên chân thật dụng công.

2/ Ngày thứ hai, (23/2) [^]

Đả thất là pháp khắc kỳ thủ chứng. Người xưa vì căn tánh lanh lợi nên không thường dùng pháp này, nhưng qua đời Tống (960-1278) thì từ từ được áp dụng. Đến đời Thanh (1662-1912), vào triều vua Ung Chánh, pháp này lan rộng khắp nơi. Vua Ung Chánh rất tôn trọng Thiền tông, nên tại hoàng cung cũng thường đả thất. Đồng thời, công phu thiền định của ông ta rất phi thường. Dưới tay ông có hơn mười người ngộ đạo. Tổ Thiên Huệ Triệt ở chùa Cao Mân tỉnh Dương Châu cũng ngộ đạo dưới pháp hội của ông ta. Tất cả quy củ pháp chế thiền môn đều do ông chấn chỉnh. Do đó, tông phong được chấn hưng mạnh mẽ, và nhân tài xuất hiện rất nhiều.

Vì vậy, quy củ tông phong rất thiết yếu và hệ trọng. Pháp thức khắc kỳ thủ chứng tựa như thí sinh nhà nho lúc vào trường khảo hạch, theo đề mục mà làm thơ, theo thơ mà được khảo thí trong một thời gian hạn định. Đề mục đả thất của chúng ta gọi là "Tham Thiền", nên điện đường đều gọi là "Thiền Đường". Chữ Thiền vốn là tiếng Phạn, dịch là thiền na, nghĩa là tĩnh lự. Trong thiền lại có thiền Đại Thừa, thiền Tiểu Thừa, thiền cõi hữu sắc, thiền cõi vô sắc, thiền Thanh Văn, thiền ngoại đạo v.v...

Thiền trong tông môn, gọi là "Vô Thượng Thiền". Nếu như trong thiền đường có người tham thấu nghi tình, ngồi tọa thiền cắt đứt mệnh căn, tức đồng Như Lai không khác. Thế nên, thiền đường cũng gọi là "Tuyển Phật Trường", tức là trường tuyển làm Phật, hay "Bát Nhã Đường". Sở học nơi các thiền đường đều là pháp vô

vi. Vô vi tức là không có hành động tạo tác, không pháp để chứng đắc, không pháp để làm. Nếu là hữu vi thì đều nằm trong sanh diệt. Nếu có chứng đắc thì cũng có mất mát. Kinh nói: "Nếu còn lời nói đều là không thật nghĩa".

Ví như, tụng kinh, lễ sám v.v..., tất cả đều là pháp hữu vi của ngôn giáo phương tiện quyền xảo, còn tông môn dạy quý vị trực nhận thẳng vào nguồn tâm, không có chỗ để dùng ngôn ngữ. Xưa kia, có một học nhân, tham vấn lão nhân Nam Tuyền:

- Bạch Hòa Thượng! Đạo là gì?

Ngài Nam Tuyền đáp:

- Tâm bình thường là đạo.

Thường ngày, ăn cơm mặc áo, ra vào làm lụng nghỉ ngơi, đều không hợp với đạo, do vì chúng ta tùy theo cảnh mà đắm nhiễm chấp trước, không nhận ra tự tâm mình vốn là Phật. Thuở trước, thiền sư Pháp Đường ở núi Đại Mai lúc mới gặp Mã Tổ bèn hỏi:

- Bạch Hòa Thượng! Phật là gì?

Mã Tổ đáp:

- Tâm tức là Phật.

Ngài liền đại ngộ, rồi lễ bái từ biệt Mã Tổ, đến núi Mai Tử ở huyện Tứ Minh, kết am ẩn tu. Đời Đường, niên hiệu Trinh Quán (785-804) dưới hội của thiền sư Giám Quan, có một vị tăng nhân đi vào rừng lượm cây làm tích trượng mà bị lạc đường, nên đến am Ngài, bèn hỏi:

- Bạch Hòa Thượng! Ngài ẩn tu nơi đây đã bao lâu rồi?

Ngài đáp:

- Chỉ thấy núi bên phía tây xanh rồi lại vàng.

- Bạch Hòa Thượng! Vậy đường nào dẫn ra khỏi núi nầy?

- Ông cứ men theo con suối này mà ra.

Vị tăng trở về thuật lại cho thiền sư Giám Quan nghe. Giám Quan bảo:

- Tại Giang Tây, Thầy từng gặp một vị tăng, nhưng bấy lâu nay không nghe tin tức, vậy chắc là Ngài đó rồi.

Sau đó thiền sư Giám Quan liền bảo tăng đi thỉnh ngài Pháp Đường về chùa. Ngài Pháp Đường làm kệ:

"Cây khô cằn trong rừng lạnh lẽo,
Mấy độ xuân về tâm nào chuyển,
Lão tiều phu chẳng màng nhìn đến,
Dinh nhân truy tìm chi nhọc mệt,
Trong hồ sen nở vô số y,
Hoa tùng ăn mãi vẫn còn dư
Nay bị thế nhân biết nơi ở
Phải dời am vào tận núi sâu!"

Mã Tổ nghe Ngài đang trú trong núi, nên bảo tăng đến chỗ đó mà hỏi:

- Bạch Hòa Thượng! Ngài gặp Mã Đại Sư, được sở đắc gì mà trụ nơi đây?

Ngài đáp:

- Mã Đại Sư dạy rằng tức tâm tức Phật, nên tôi mới đến đây.

- Gần đây Mã Đại Sư giảng thuyết Phật Pháp có khác.

- Khác như thế nào?

- Mã Đại Sư dạy rằng phi tâm phi Phật.

- Lão già làm mê loạn người chưa có ngày nào thôi. Mặc lão phi tâm phi Phật, còn tôi chỉ biết tức tâm tức Phật.

Vị tăng trở về, thuật lại sự việc này cho Mã Tổ nghe. Mã Tổ bèn bảo:

- Trái mai đã chín.

Qua câu chuyện này, chúng ta thấy rõ tín tâm của người xưa thật là kiên cố. Vì căn cơ chúng ta quá kém cỏi, và vọng tưởng quá nhiều, nên chư đại tổ sư mới dạy tham quán câu thoại đầu. Thật là một việc làm miễn cưỡng. Tổ Vĩnh Gia nói:

"Chứng thật tướng,

Không người không pháp,

Sát na diệt,

Hết nghiệp nơi ngục A Tỳ

Nếu lấy lời giả, dối chúng sanh,

Tự chiêu địa ngục cắt lưỡi hằng sa kiếp!"

Tổ Cao Phong bảo:

- Người học đạo, như lấy một viên đá, liệng thẳng xuống tận đáy hồ. Chúng ta tham khán thoại đầu, tức là phải khán xem nó đến tận cùng, cho tới khi thấy vỡ nó ra mới thôi.

Tổ Cao Phong lại phát nguyện:

- Nếu người học đạo, khi khởi câu thoại đầu, mà không có hai niệm, thì trong bảy ngày, nếu không ngộ đạo, tôi nguyện sẽ mãi bị đọa trong địa ngục cắt lưỡi!

Vì lòng tin của chúng ta không kiên cố, và tu hành không chân thật, nên vọng tưởng không thể xả bỏ. Nếu có tâm thiết tha vì sự sanh tử, thì một câu thoại đầu quyết không để quên mất. Tổ Quy Sơn bảo:

- Đời đời nếu không thối chuyển, quả vị Phật quyết định sẽ đạt được.

Người mới phát tâm học đạo, nói chung vọng tưởng rất nhiều. Chân cẳng thường bị đau nhức, và không biết phải dụng công như thế nào. Thật ra, chỉ quan trọng nơi tâm tha thiết vì sự sanh tử, cứ bám chặt vào câu thoại đầu, mà không phân biệt đi đứng nằm ngồi. Từ sáng đến tối, xoay chiếu lại nó mãi như ánh trăng thu vằng vặc, rõ rõ ràng ràng không lạc vào hôn trầm, không mê trong trạo cử, thì quả vị Phật sao lo không có phần! Nếu hôn trầm nổi lên, quý vị phải mở mắt thật to, và nới rộng dây lưng, thì tinh thần sẽ tự phấn chấn trở lại. Khi ấy, đừng khởi câu thoại đầu quá vi tế, vì dễ lạc vào hôn trầm và không vọng. Nếu để tâm tự nhiên thì chỉ còn một mảnh thanh tịnh tràn đầy, thân tâm sảng khoái. Lúc đó, chớ để mất câu thoại đầu thì mới tiến bộ. Song, nếu lạc vào không vọng tức chẳng phải là cứu cánh. Nếu khởi thoại đầu quá thô thiển, thì vọng tưởng dễ dàng sinh lên. Lúc đó, khó mà điều phục được trạo cử. Thế nên, khi ấy phải dung hòa là trong thô thiển có vi tế, trong vi tế có thô thiển, thì công phu mới đắc lực, khiến đạt đến cảnh giới động tịnh nhất như.

Xưa kia, những khi chạy hương ở chùa Kim Sơn và các chùa khác, thầy Duy Na dâng hương xong, liền cùng đại chúng chạy như bay. Khi nghe tiếng mõ đánh, bèn đứng khựng lại như người chết. Như thế thì còn đâu vọng tưởng hôn trầm? Nào phải như ngày nay chúng ta chạy hương đâu?

Khi ngồi thiền, quý vị đừng đề câu thoại đầu quá cao, vì dễ bị phù trầm. Lại nữa, không nên giữ câu thoại đầu trước ngực vì sẽ sanh bịnh. Ngoài ra, đừng đè nén xuống. Nếu đè nén xuống đan điền, bụng sẽ phình to, dễ lạc vào cảnh năm mươi ấm ma, phát sanh nhiều bịnh tật. Chỉ thiết yếu là tâm bình khí tĩnh, tham khán chữ "Ai" mãi như gà ấp trứng, mèo rình chuột. Lúc xoay lại phản chiếu được rồi, mạng căn tự nhiên cắt đứt.

Đương nhiên, người mới học pháp này, làm sao sánh bằng với những vị đã từng tham học lâu năm, nhưng quý vị cũng nên cố gắng dụng công trong mọi thời khắc.

Tu hành giống như mài đá lấy lửa, phải có phương pháp rõ ràng, bằng không thì cho dầu đập nát đá ra vẫn không có lửa. Cách thức là phải có một thanh sắt và mồi lửa. Để mồi lửa ngay dưới cục đá, rồi lấy thanh sắt cọ vào đá. Khi lửa từ viên đá cháy nháng lên, mồi lửa liền bắt được ngọn lửa. Đó là phương pháp lấy lửa duy nhất. Hiện tại, chúng ta biết rằng tự tâm là Phật, nhưng lại không chịu thừa nhận, nên phải dùng câu thoại đầu làm mồi lửa. Lý dùng mồi lửa là như thế. Hiện tại đối với cách lấy lửa, chúng ta chưa biết đến, nên không thể nhận ra tự tánh. Tự tánh của chúng ta đồng với chư Phật không khác. Song, vì vọng tưởng chấp trước, nên không thể giải thoát. Do đó, Phật vẫn là Phật, và mình vẫn là mình. Chúng ta hôm nay đã biết mình là con của bậc Pháp Vương, thì hãy nên tự tham cứu, vậy có hay lắm không! Hy vọng mọi người hãy cố gắng nỗ lực. Trên đỉnh trụ cây trăm thước, hãy tiến thêm một bước, để được trúng tuyển tại đạo tràng này, mới mong rằng trên đáp đền ơn chư Phật, dưới làm lợi ích cho loài hữu tình. Trong Phật pháp,

không có nhân tài xuất hiện vì mọi người không dám nỗ lực tinh tấn tu hành. Nói ra thật đau lòng! Giá như tin sâu vào lời dạy của tổ Vĩnh Gia và Cao Phong, thì quyết chắc rằng ai ai cũng sẽ ngộ đạo. Mọi người hãy nên dụng công tham thiền!

3/ Ngày thứ ba, (24/2) [^]

Thời gian trôi qua mau chóng. Vừa nói đả thiền thất thì đã qua ba ngày rồi. Người biết dụng công, xoay lại tham chiếu câu thoại đầu được, thì tất cả trần lao vọng niệm đều từ từ lắng đọng, rồi thỏng tay đi thẳng về nhà. Vì vậy, người xưa nói:

- Tu hành không cách chi hết, thiết yếu phải biết đường về. Lộ trình nếu rõ, sanh tử liền ngưng.

Lộ trình của chúng ta, trọng yếu là xả bỏ thân tâm thì trong gang tấc sẽ về đến nhà. Lục tổ Huệ Năng bảo:

- Niệm trước không sanh là tâm, niệm sau không diệt là Phật.

Bốn đại vốn không. Năm ấm không thật có. Chỉ vì vọng tưởng chấp trước, nên đắm đuối mến yêu huyễn pháp ràng rịt ở thế gian, mà không nhận ra bốn đại vốn không, nên sanh tử không thể dứt. Nếu trong một niệm chẳng khởi sanh diệt thì không cần học Phật pháp. Khi ấy lo gì sanh tử không dứt được! Vì vậy, pháp trong tông môn giống như ánh sáng mặt trời, chiếu soi khắp cả mười phương thế giới.

Xưa kia, tổ Đức Sơn, người Giản Châu tỉnh Tứ Xuyên, tên tục là Chu. Năm hai mươi tuổi, xả tục xuất gia thọ giới cụ túc. Ngài tinh tấn nghiên cứu tạng luật, cùng các kinh bàn về chân tánh hay thể tướng, nên quán thông được tông chỉ thú hướng. Ngài thường giảng kinh Kim Cang Bát Nhã. Người thời đó thường gọi Ngài là Chu Kim Cang. Ngài thường nói với quý vị đồng môn:

- Một cọng lông hớp cạn nước biển. Tánh như biển cả, rộng vô cùng. Dệt nơi đầu ngọn kim, nhưng kim nhọn không động. Học đồng vô học, chỉ mình ta biết.

Sau này, nghe Thiền tông thịnh hành ở phương Nam, Ngài rất bực tức, bảo:

- Người xuất gia, ngàn kiếp học oai nghi Phật, muôn kiếp tu tế hạnh Phật, vậy mà vẫn chưa có thể thành Phật. Bọn quỶ ở phương Nam dám nói trực chỉ chân tâm, kiến tánh thành Phật. Ta phải quét sạch hang ổ, diệt hết những loài này, hầu mong báo đền ơn Phật!

Ngài liền quảy theo bộ Thanh Long Sớ Sao, đi từ Tây Xuyên đến Phong Dương. Giữa đường, gặp một bà lão bán bánh điểm tâm. Ngài ghé lại định mua bánh điểm tâm. Bà lão điềm nhiên chỉ tay vào gánh đồ, hỏi:

- Bạch Hòa Thượng! Đó là kinh sách gì vậy?

Ngài đáp:

- Là bộ Thanh Long Sớ Sao.

- Bạch Hòa Thượng! Vậy sớ sao đó giảng về kinh gì vậy?

- Giảng kinh Kim Cang.

- Con có câu hỏi, nếu Ngài trả lời được thì xin cúng dường bánh điểm tâm, còn nếu không trả lời được thì xin Ngài hãy đi nơi khác. Kinh Kim Cang nói: "Quá khứ, tâm không thể được. Hiện tại, tâm không thể được. Vị lai, tâm không thể được." Vậy theo Ngài, kinh chỉ vào tâm nào?

Ngài không lời đối đáp, bèn bỏ đi đến Long Đàm. Khi vào pháp đường, Ngài hỏi:

- Đã lâu nghe danh Long Đàm. Nay đến đây, sao chẳng thấy Đàm (ao đầm), cùng không thấy Long (rồng) đâu cả!

Nghe thế, ngài Long Đàm bước ra, nói:

- Ông đã đến Long Đàm rồi!

Ngài Đức Sơn không trả lời được, nên ở lại chùa. Đêm nọ, lúc Đức Sơn đang đứng hầu, ngài Long Đàm bảo:

- Đã khuya rồi, sao ông không về phòng nghỉ?

Đức Sơn bèn trịnh trọng bước ra ngoài, nhưng lại trở vào, nói:

- Bên ngoài trời tối om!

Long Đàm mồi một ngọn đèn rồi đưa cho Đức Sơn. Đức Sơn định lấy ngọn đèn, nhưng Long Đàm bèn thổi tắt. Ngay khi đó, Đức Sơn lập tức đại ngộ, vội quỳ xuống lễ lạy. Long Đàm bảo:

- Ông thấy đạo lý gì mà lễ lạy ta?

Đức Sơn thưa:

- Từ nay không còn dám nghi đầu lưỡi của các lão hòa thượng trong thiên hạ nữa.

Hôm sau, Long Đàm lên tòa bảo đại chúng:

- Trong đây có một người, răng bén như lưỡi kiếm, miệng như bồn máu, bị ăn gậy mà không xoay đầu. Sau này một mình lên núi, lập đạo của ta.

Đức Sơn liền lấy bộ Thanh Long Sớ Sao ra trước pháp đường, nổi lửa mà đốt, nói:

- Các lời huyền biện như lông mi trong hư không. Tận hết căn cơ thế nhân, như một giọt nước ném vào biển cả.

Đốt xong, Ngài lễ bái rồi mang hành lý, bỏ đi thẳng đến núi Qui Sơn, lên tận pháp đường, tiến từ hướng tây qua hướng đông, lại từ hướng đông qua hướng tây, rồi xoay lại nói với ngài Phương Trượng (tức tổ Quy Sơn Linh Hựu):

- Có chi không! Có chi không!

Tổ Quy Sơn ngồi trên tòa, chẳng màng trả lời. Đức Sơn nói tiếp:

- Không, không!

Nói xong, Đức Sơn bèn bỏ đi ra. Ra đến ngoài cửa, Đức Sơn tự bảo:

- Tuy là thế, nhưng phải nên cẩn thận!

Đức Sơn liền chấn chỉnh oai nghi, trở vào pháp đường, trải tọa cụ, thưa:

- Bạch Hòa Thượng!

Tổ Quy Sơn định lấy chổi đánh, Đức Sơn liền la lên, rồi cuốn gói đi ra. Tối đến, tổ Quy Sơn hỏi thầy thủ tọa:

- Người mới đến hôm nay, còn ở lại không?

Thủ tọa thưa:

- Bạch Hòa Thượng! Khi mang đôi dép cỏ ra khỏi pháp đường thì ông ta bỏ đi mất.

- Kẻ này, mai đây một mình sẽ lên tận đỉnh núi, kết am khô, mạ Phật báng Tổ!

Ngài Đức Sơn qua Lễ Dương trú ba mươi năm. Gặp lúc vua Đường Võ Tông (841-846) đang phá diệt Phật giáo, Ngài lánh nạn ẩn tu trong hang núi Độc Phù. Đầu niên hiệu Đại Trung, thái thú Tiết Đình Vọng, sửa lại tịnh xá Đức Sơn, hiệu thiền viện Cổ Đức, định tìm cầu một vị tài đức về trụ trì. Nghe đạo hạnh Đức Sơn, ông bèn đến thỉnh mời, nhưng Ngài không màng xuống núi. Tiết Đình Vọng bày mưu là phao du Ngài giữ trà muối trái phép, phạm luật pháp triều đình, nên sai lính bắt Ngài về huyện đường. Khi đến nơi, ông bèn lễ bái, cầu thỉnh Ngài ở lại xiển dương tông phong. Người đời sau thường bảo:

- Đức Sơn la. Lâm Tế đánh.

Nếu theo gương hai ngài, Đức Sơn và Lâm Tế, chúng ta lo gì không ngưng được sanh tử.

Sau ngài Đức Sơn là Nham Đầu. Sau Nham Đầu là Tuyết Phong. Sau Tuyết Phong là Vân Môn, Pháp Nhãn, lại đến quốc sư Đức Thiều, tổ Vĩnh Minh, v.v... Tất cả đều từ gậy ngài Đức Sơn mà ra. Phật pháp từ các triều đại quân chủ cho đến nay, đều do chư đại Tổ Sư trong tông môn chống giữ. Quý vị đả thất nơi đây, đều hiểu rõ đạo lý cao siêu, thì việc đi thẳng vào đất tâm, giải thoát vòng sanh tử, sẽ không khó cho lắm. Nhưng nếu đùa cợt không dụng công chân thật, và từ sáng đến tối cứ mang mãi bóng hình quỶ ma, hay đào sâu hố văn tự, thì đừng trách tại sao không cắt được sanh tử. Mọi người hãy nên nỗ lực tinh tấn dụng công.

4/ Ngày thứ tư, (25/2) [^]

Bốn ngày thiền thất đã trôi qua. Quý vị đều tinh tấn dụng công, lại trình kệ lên, cầu tôi ấn chứng. Việc này thật rất khó làm. Song, quý vị dụng công như thế này, chắc vì đã quên lời của tôi giảng giải trong hai ngày trước. Tối hôm qua tôi có nói:

- Tu hành không đường nào khác, cần thiết là phải biết đường về.

Hiện tại, tham khán thoại đầu là việc mà chúng ta phải theo sát. Mục đích tu hành của chúng ta là thành Phật, cắt đứt dòng sanh tử. Muốn cắt đứt sanh tử, phải dùng câu thoại đầu như bảo kiếm vương Kim Cang. Ma đến chém ma. Phật đến chém Phật. Không chút tình lưu luyến. Không pháp để lập. Nếu như thế, thì còn đâu vọng tưởng để làm thơ làm kệ, diễn đạt thấy hư không ánh sáng, thấy cảnh giới này cảnh giới nọ ư? Dụng công như thế, tôi không biết thoại đầu của quý vị đi đâu rồi!

Người tu hành lâu năm, chính yếu chuyên cần tham khán chứ không phải dùng lời. Người mới phát tâm tu đạo hãy chú ý điểm này!

Vì sợ quý vị không biết cách dụng công, nên tôi mới giảng rõ duyên khởi của thiền thất, và giá trị tu hành trong tông môn, cùng cách thức dụng công, trải qua hai ngày liền. Pháp dụng công của chúng ta, đơn giản là chỉ đề cử câu thoại đầu. Trong sáu thời, từ sáng đến tối, như dòng nước chảy đừng để gián đoạn. Tâm phải minh mẫn, nhận biết rõ ràng, chớ để mê muội. Tất cả tình cảm phàm phu hay pháp giải thoát của chư Thánh, hãy vung đao chặt hết.

Người xưa bảo:

"Học đạo như giữ cấm thành
Giữ chặt dầu trả giá cao
Không chịu trời lạnh thấu xương
Hương thơm hoa mai sao tỏa!"

Đó là kệ của thiền sư Hoàng Bá. Bốn câu kệ này có hai ý nghĩa. Hai câu đầu nói rằng học đạo như giữ cấm thành, tức là giữ thành trì nghiêm mật chặt chẽ, không khiêng nể ai, luôn cấm ngặt ra vào. Trong mỗi chúng ta đều có một tâm vương, lại

có thức thứ bảy, thứ sáu, thứ năm v.v.... Tâm vương tức là thức thứ tám. Năm thức trước là mắt tai mũi lưỡi thân ý. Thức thứ sáu tức là thằng giặc ý thức. Thức thứ bảy là mạt na thức. Từ sáng đến tối, thức thứ bảy nhận lấy kiến phần của thức thứ tám làm bản ngã, rồi dẫn khởi thức thứ sáu, khiến thức này thống lãnh năm thức trước tham đắm vào các trần cảnh của sắc thanh hương vị xúc pháp. Nếu không đoạn được triền phược của mê hoặc thì tâm vương, tức thức thứ tám, bị trói chặt đến chết. Thế nên, hôm nay chúng ta bắt buộc phải dùng câu thoại đầu, tức bảo kiếm Kim Cang, để giết những tên giặc này, hòng giúp thức thứ tám chuyển thành "Đại Viên Cảnh Trí", thức thứ bảy thành "Bình Đẳng Tánh Trí", thức thứ sáu thành "Diệu Quang Sắc Trí", năm thức trước chuyển thành "Thành Sở Tác Trí". Nhưng điều khẩn thiết là phải chuyển thức thứ sáu và thứ bảy, vì chúng nắm vai trò lãnh đạo. Ngày nay, chúng ta phải dùng câu thoại đầu để chuyển thức "Phân Biệt" thành "Diệu Quang Sắc Trí", và chuyển tâm so đo phân biệt mình người thành "Bình Đẳng Tánh Trí". Đó gọi là chuyển thức thành trí, chuyển phàm thành Thánh, mà chẳng để cho sáu tên giặc, sắc thanh hương vị xúc pháp, xâm phạm "Cấm Thành".

Hai câu sau, "không chịu trời lạnh thấu xương, hương thơm hoa mai sao tỏa", cũng là ví dụ. Chúng sanh đang lặn hụp trong biển sanh tử luân hồi ở ba cõi, bị năm món dục lạc trói buộc, và bị trần lao làm mê mờ, nên không thể giải thoát. Nơi đây, chúng ta lấy hoa mai làm ví dụ. Hoa mai là loại hoa nở vào mùa đông giá lạnh. Muôn vật trên thế gian đều sinh sản trong mùa xuân, trưởng dưỡng trong mùa hạ, tàn rụi trong mùa thu, khô chết trong mùa đông. Vào mùa đông, hầu hết cây cỏ côn trùng đều bị khí lạnh làm khô kiệt chết rụi. Tuyết đóng trên đất nên bụi không bay được. Côn trùng, cây cỏ, tro bụi được ví như vọng tưởng phân biệt, vô minh, phiền não, ghen ghét v.v... Chúng ta nếu quét sạch hết chúng ra thì tâm vương tức bổn tánh tự nhiên hiển hiện, như hoa mai nở bông rộn rã trong mùa đông giá lạnh. Thật vậy, quý vị phải biết rằng, hoa mai nở bông vào mùa đông lạnh giá chớ không nở

trong tiết xuân ấm áp, tràn đầy ánh nắng hồng. Hoa tâm khai nở không phải ở nơi vui buồn, thương ghét, hay đúng sai giữa mình và người. Nếu chúng ta mê muội vì những tâm thức triền phược thì tâm tánh sẽ thành vô ký. Nếu tạo nghiệp xấu thì thành tánh xấu. Nếu tạo nghiệp lành thì thành tánh lành.

Có hai loại vô ký là vô ký trong mộng và vô ký không vọng. Vô ký trong mộng tức là lúc hôn trầm mê mộng, chúng ta mơ thấy những cảnh hảo huyền, không liên hệ gì với những hoạt động hằng ngày. Đây là cảnh giới của ý thức đơn độc, cũng là loại vô ký đơn độc. Chúng ta đang ngồi tọa hương mà bỏ mất câu thoại đầu, rồi lạc vào trống không, mê mê mờ mờ, mà chẳng biết chi hết, hay chỉ tham đắm cảnh giới tịch tĩnh, tức là dụng công lầm lạc, sanh khởi thiền bịnh trầm trọng. Đó gọi là vô ký không vọng. Việc cần thiết là trong mười hai thời, luôn khởi câu thoại đầu, linh linh bất muội (sáng suốt, không mê), liễu liễu thường tri (rõ ràng thường biết). Đi cũng như thế, và ngồi thiền cũng như thế. Cổ nhân nói:

- Đi cũng thiền, ngồi cũng thiền, dứt hết ngôn từ lời nói, thể động và tịnh đều an nhiên!

Tổ Hám Sơn bảo:

"Trên đỉnh núi cao,
Bốn bề mênh mông
Tĩnh tọa ai biết
Ánh trăng lặng lẽ,
Chiếu thấu suối ngàn
Suối trong không trăng
Trăng nơi trời xanh
Ngâm nga thơ kệ

Thơ chẳng phải thiền".

Vì có duyên lành với nhau, nên tôi mới nói ra những điều này. Hy vọng mọi người nỗ lực tinh tấn, không nên dụng tâm tán loạn. Tôi sẽ kể thêm một câu chuyện nữa.

Xưa kia, tổ khai sơn lập chùa Tất Đàn tại núi Kê Túc, sau khi xuất gia, Ngài đi đó đây tham thiền học đạo, rất mực tinh tấn dụng công. Ngày nọ, Ngài ghé qua một quán trọ, nghe cô gái trong quán bán đậu hủ ngâm thơ:

- Trương đậu hủ, Lý đậu hủ! Đầu trên gối, nghĩ muôn ngàn chuyện. Sáng mai cũng vẫn bán đậu hủ.

Ngay trong lúc đang ngồi thiền tĩnh tọa, nghe cô bán đậu hủ ca ngâm như thế, Ngài liền ngộ đạo. Vì vậy, thấy rõ người xưa, không phải là ở thiền đường mới dụng công, khai ngộ được. Dụng công tu hành quý tại nhất tâm. Quý vị chớ phân tâm tán loạn, khiến thời gian trôi qua vô ích, và ngày mai vẫn phải bán đậu hủ.

5/ Ngày thứ năm, (26/2) [^]

Phương pháp tu hành nói dễ thì cũng rất dễ, còn nói khó thì cũng rất khó. Nói dễ nghĩa là quý vị chỉ cần xả bỏ tất cả, có lòng tin chắc thật, phát tâm kiên cố lâu dài, thì mới thành công được.

Nói khó tức là vì chúng ta sợ khổ, muốn hưởng sung sướng an lạc. Nên nhớ rằng muốn thành công trong bất cứ nghề nghiệp nào trên thế gian, thì phải trải qua quá trình học tập rèn luyện, huống hồ chi nói đến việc học pháp thánh hiền để mong thành Phật thành Tổ! Cứ dễ duôi làm biếng mãi thì làm sao thành công được? Thế nên, điều thứ nhất là phải có tâm kiên cố, vì người tu hành học đạo, không thể tránh khỏi ma chướng. Ma chướng là cảnh nghiệp trần lao như màu sắc, âm thanh, mùi hương, mùi vị, xúc chạm, pháp trần, mà tôi đã nói đến tối hôm qua. Nghiệp

cảnh này là oan gia sinh tử của chúng ta. Đó là nguyên nhân mà nhiều vị pháp sư giảng kinh, vì không nắm vững điểm này, nên đạo tâm không kiên cố.

Kế đến, phải phát tâm tu hành dài lâu. Trên thế gian, chúng ta tạo nghiệp vô số. Vừa mới tu hành, cầu mong thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi, thì làm sao xả bỏ hết tập khí xấu xa trong một lần được?

Chư Tổ Sư xưa nay, tu hành bao kiếp mới thành tựu. Điển hình là tổ Trường Khánh, ngồi rách cả bảy chiếc bồ đoàn. Tổ Triệu Châu, năm tám mươi tuổi ra ngoài hành cước học đạo. Bốn mươi năm tham khán một chữ vô, dụng tâm không tán loạn, sau đó mới đại triệt đại ngộ. Yên Vương cùng Triệu Vương rất sùng bái Ngài, nên thường đến cúng dường. Đến đời Thanh, hoàng đế Ung Chánh (1723-35), khi xem duyệt lại ngữ lục cao siêu của Ngài, bèn ban hiệu "Cổ Phật". Đấy là do cả đời tu hành khổ nhọc, mới thành công được. Ngay đây, chúng ta nếu xả bỏ hết mọi tập khí xấu xa, lắng đọng thân tâm, liền bằng Phật Tổ không khác.

Kinh Lăng Nghiêm thuyết:

"Như lọc lấy nước
Giữ nước trong lành
Nước tịnh không động
Cát đá tự chìm
Nước trong liền hiện
Là vừa hàng phục
Khách trần phiền não
Lọc cát đá ra
Chỉ còn nước trong
Đó là đoạn hẳn

Căn bản vô minh".

Phiền não tập khí ví như cát đá, vì vậy mới dùng thoại đầu. Thoại đầu như lưới lọc cát, khiến nước trong sạch. Người dụng công, nếu đạt đến chỗ thân tâm nhất như, tức cảnh tịnh xuất hiện, thì phải chú ý, chớ dừng lại mà không tiến bước. Nên hiểu rằng đó chỉ là cảnh giới thô thiển, phiền não vô minh chưa đoạn hết. Lúc ấy, tâm phiền não đã chuyển thành tâm thanh tịnh, như cát bụi lóng thì nước trong. Tuy vậy, dưới đáy nước cát bụi vẫn còn, chưa được lọc ra, nên cần phải gia công thêm nữa. Cổ nhân nói:

"Ngồi trên đỉnh cột trăm thước,
Tuy thấy mà không thật thấy,
Nếu tiến thêm một bước nữa,
Mười phương thế giới liền hiện!"

Nếu không tiến thêm một bước nữa, thì chỉ nhận "Hóa Thành" làm nhà, và phiền não vẫn còn cơ hội nổi lên. Nếu như thế, muốn tự mình giác ngộ, cũng rất khó lắm. Vì vậy, phải lọc cát bụi, rồi giữ nước trong, thì mới mong đoạn hẳn cội gốc vô minh mà thành Phật Tổ. Sau khi cắt đứt gốc rễ vô minh, tùy thời mà hiện thân thuyết pháp khắp mười phương. Ví như Bồ Tát Quán Âm, Ngài thường hiện ba mươi hai ứng thân. Nếu người nào muốn hiện thân gì để được độ thoát, Ngài sẽ vì họ mà hiện ra thân đó để thuyết pháp. Tự do tự tại, qua lại nơi thanh lâu tửu điếm, thai trâu thai bò, thiên đường địa ngục, không bị trói buộc. Ngược lại, một niệm phân biệt khởi lên, thì luân hồi mãi trong sáu đường.

Thuở xưa, đời trước của Tần Tăng thường cúng dường tượng Địa Tạng bằng hương hoa đèn nến, nên mới được quả báo thiện lành. Nhưng vì không phát tâm tu hành dài lâu, lại phiền não vô minh chưa đoạn hết, nên đời nay mới bị tâm sân tồn

hại, khiến đọa lạc. (Ông làm đến chức Tể tướng trong đời Tống, nhưng vì muốn soán ngôi vua, nên bị xử trảm.)

Nếu tín tâm kiên cố, không thối thất, bền bỉ tu hành, dầu quý vị là ai đi nữa, thì chắc chắn sẽ thành Phật.

Xưa kia, có một người nghèo nọ xuất gia tại một ngôi chùa thuộc tỉnh Chương Châu, rất thật tâm tu hành, nhưng không biết hỏi đạo cùng ai, chỉ ngày ngày lo khổ công làm lụng công quả. Hôm nọ, có một vị tăng hành cước, ghé lại tạm trú nơi chùa. Vị khách tăng thấy Thầy làm lụng vất vả, bận rộn sáng tối, nên hỏi việc dụng công tu đạo hằng ngày như thế nào. Thầy đáp:

- Mỗi ngày con đều làm việc khổ nhọc. Xin thỉnh Ngài dạy phương pháp tu hành.

- Hãy tham khán công án "Ai là người đang niệm Phật".

Thể theo lời dạy của vị khách tăng, mỗi ngày trong lúc làm việc, Thầy luôn xoay lại, nhìn vào chữ "Ai". Sau này, Thầy vào núi thẳm rừng sâu, ăn đọt tùng uống nước suối, mặc áo rơm mà dụng công tu hành. Bấy giờ, gia đình ở nhà, biết việc Thầy tu hành khổ hạnh nơi núi sâu rừng thẳm, nên người mẹ liền bảo cô chị đem một cuộn vải cùng thức ăn đến đó. Cô chị vào hang núi, thấy Thầy đang ngồi thiền trong vách sâu, bèn đến lắc vai, nhưng thân Thầy không lay động. Cô kêu to lên, nhưng Thầy vẫn không đáp lời. Tức giận, cô để lại tất cả đồ đạc, rồi trở về nhà. Thầy không một lời hỏi thăm gia đình, cứ mãi ngồi thiền trong hang. Mười ba năm sau, người chị lại đến thăm, thấy cuộn vải khi trước, cũng để ngay tại chỗ xưa, mà chưa hề bị động đến. Lần nọ, có người bị đói khát, chạy lánh nạn

ngang qua đó, thấy Thầy đang ngồi thiền, bèn tiến vào hang để xin đồ ăn. Thầy liền đi vào trong hang sâu, lấy ra vài thỏi đá bỏ vào nồi nấu, rồi mang ra cùng ăn

với người khách lạc đường, như ăn khoai vậy. Ăn xong, trước khi khách đi, Thầy dặn:

- Xin đừng kể về buổi ăn này cho người ngoài biết.

Thời gian sau, vì nghĩ rằng trụ trong núi đã lâu, Thầy muốn ra ngoài để kết duyên pháp. Do đó, Thầy đến Hạ Môn, cất lều tranh ngay bên vệ đường để bán trà bánh cho khách qua lại. Bấy giờ là đời vua Vạn Lịch (1573-1620). Hoàng Thái Hậu (tức mẹ vua), vừa mới qua đời, nên nhà vua thỉnh mời chư cao tăng đến hoàng cung, làm lễ cầu nguyện cho mẹ ông. Mới đầu, nhà vua định thỉnh tăng chúng ở kinh đô, nhưng nơi đó vào đương thời không có vị cao tăng nào cả. Lại nữa, Hoàng Thái Hậu báo mộng cho biết là tại Chương Châu, tỉnh Phước Kiến, có một vị cao tăng. Vì vậy, nhà vua phái quan quân đến Chương Châu, cung thỉnh tất cả chư tăng về kinh đô, lập đàn tràng cầu siêu. Thế nên, tăng chúng Chương Châu đều chuẩn bị hành lý, rồi lục đục kéo nhau lên kinh đô. Khi chư tăng đi ngang qua quán trà, Thầy liền hỏi thăm nguyên do. Chư tăng đáp:

- Hiện tại, chúng tôi phụng theo chiếu chỉ nhà vua, lên kinh đô lập đàn tràng cầu siêu độ cho Hoàng Thái Hậu.

Thầy thưa:

- Bạch chư Hòa Thượng! Vậy con có thể cùng đi với quý ngài được không?

- Điệu bộ ông lôi thôi xốc xếch, làm sao theo chúng tôi được.

- Con không biết tụng kinh, nhưng có thể giúp quý ngài mang hành lý.

Chư tăng nhận lời, đưa hành lý cho Thầy mang, rồi cùng nhau lên kinh đô. Khi ấy, Hoàng Đế biết chư tăng tại Chương Châu đang trên đường đến, nên bảo người

chôn giấu một bộ kinh Kim Cang dưới cổng kinh thành. Các vị tăng Chương Châu không hay biết. Người người đều bước qua cổng thành, duy chỉ trừ Thầy. Thầy quỳ xuống chấp tay, mà không dám bước qua. Mặc dầu quân lính giữ cổng thành kêu réo, nhưng Thầy vẫn không đi. Nghe quan quân tấu trình sự việc, Hoàng Đế rất vui mừng, biết thánh tăng đã đến. Ông lại sai người ra hỏi:

- Hòa Thượng đã đến, sao không vào kinh thành?

Thầy đáp:

- Dưới đất có kinh Kim Cang, nên tôi không dám bước qua.

- Tại sao Hòa Thượng không lộn ngược thân mà vào thành?

Nghe thế, Thầy liền chống hai tay xuống đất, đưa hai chân lên trời, rồi đi vào thành. Hoàng Đế cung kính tột bực. Lúc được hỏi cách lập đàn tràng cầu siêu, Thầy đáp:

- Canh năm sáng mai, kiến lập một đài cao, cắm một cây phướn, sắp một bàn trái cây cùng đốt đèn nến để cúng dường chư Phật là đủ.

Hoàng Đế nghe vậy lòng không vui, vì đàn lễ không long trọng. Ông lại sợ Thầy không có đạo đức, nên cho hai cung nữ đến hầu hạ, tắm rửa. Thân tâm Thầy vẫn không động khi được hai cung nữ đến tắm cho mình. Nghe lời cung nữ tấu trình việc đó, Hoàng Đế lại tăng thêm sự cung kính, và nhận biết Thầy thật là một vị thánh tăng, nên y theo lời dạy mà kiến lập đàn tràng. Hôm sau, Thầy lên tòa thuyết pháp, đăng đàn làm lễ; tay phất cây phướn trước quan tài Hoàng Thái Hậu, Thầy nói kệ:

"Cái ta vốn không đến,

Bà chớ có đắm đuối,
Một niệm không sanh,
Siêu thăng cõi trời!"

Làm Phật sự xong, Thầy bảo Hoàng Đế:

- Xin chúc mừng! Hoàng Thái Hậu đã được siêu thăng!

Hoàng Đế rất đỗi nghi ngờ, vì sợ làm đàn tràng quá đơn sơ như thế thì công đức chưa đủ. Đang khởi tâm nghi như thế, thì trên hư không có tiếng của Hoàng Thái Hậu:

- Hoàng Đế! Hãy cám ơn Thánh tăng. Mẹ đã được siêu thăng rồi!

Nghe vậy, Hoàng Đế vừa sợ vừa mừng, cúi mình lễ bái tạ ơn, rồi thiết lễ trai tăng cúng dường.

Thầy thấy Hoàng Đế mặc quần thêu hoa gấm, nên mắt chăm chăm nhìn. Thấy vậy, Hoàng Đế thưa:

- Bạch Đại Đức! Ngài muốn vật này à?

Nói xong, Hoàng Đế liền tặng cho Thầy quần gấm đó. Thầy nói:

- Đa tạ Hoàng Thượng!

Do việc này, Hoàng Đế bèn ban hiệu cho Thầy là "Quốc Sư Long Khố".

Thọ trai xong, Hoàng Đế dẫn Thầy đến vườn thượng uyển du ngoạn. Trong vườn có một bảo tháp. Thầy vừa thấy thì tâm rất vui mừng, nên mắt nhìn chằm chặp. Hoàng Đế thưa:

- Bạch Quốc Sư! Ngài muốn tháp này ư?

Thầy bảo:

- Tháp này tuyệt đẹp!

- Bạch Quốc Sư! Con có thể cúng dường Ngài ngôi bảo tháp này.

Nói xong, Hoàng Đế liền sai người mang bảo tháp về Chương Châu. Thầy bèn bảo:

- Không cần nhờ người mang. Tự tôi đem về được.

Nói xong, Thầy liền bỏ tháp vào trong tay áo, rồi bay lên hư không biến mất. Hoàng Đế kinh hãi run sợ, nhưng lại vui mừng tán thán việc chưa từng có.

Quý vị! Hãy nhìn lại câu chuyện này. Kể từ khi xuất gia, Thầy chưa từng dụng công tán loạn, đạo tâm luôn kiên cố. Người chị đến thăm, Thầy vẫn không màng. Y phục rách nát, Thầy vẫn không quản. Cuộn vải để trong hang mười ba năm mà không động đến. Chúng ta hãy tự hỏi chính mình, công phu có được như thế không? Chỉ nói trong một ngày một đêm, giả như có chị mình đến thăm, thì tâm có động chăng? Lại nữa, trong lúc chỉ tịnh, thấy thầy giám hương đi đốt hương, hay người khác đang động đang tịnh, liền giương đôi mắt mà nhìn. Dụng công như vầy, đến khi nào mới thành thục! Quý vị chỉ thiết yếu lọc bỏ bùn cát, thì nước trong tự nhiên hiện ra. Quý vị hãy đề khởi thoại đầu lên!

6/ Ngày thứ sáu, (27/2) [^]

Cổ nhân nói:

- Ngày tháng qua mau như thoi đưa, thời gian vùn vụt trôi nhanh như tên bắn.

Đả thiền thất đến ngày mai là xong. Theo quy củ, sáng mai sẽ có tra khảo, vì đả thất là cách thức khắc kỳ thủ chứng. Chứng nghĩa là chứng ngộ, tức thấy tận bổn địa phong quang, hay ngộ đến Như Lai diệu tánh. Vì muốn biết trình độ công phu của quý vị trong bảy ngày, nên mới tra khảo xem xét. Quý vị phải đối trước đại chúng mà thưa bạch rõ ràng những điều mình chứng biết. Khi đó, gọi là thâu nhặt tiền vé của tất cả mọi người. Nói cách khác, chúng ta tham gia đả thiền thất, nghĩa là ai ai cũng có thể khai ngộ, hầu mong hoằng dương Phật pháp, cứu độ chúng sanh. Hiện tại, không nhất thiết ai ai cũng phải khai ngộ; nếu chỉ có một người liễu đạo, thì cũng thâu được tiền vé. Nghĩa là một người trả tiền ăn cho mọi người. Nếu mọi người đồng phát khởi đạo tâm tinh tấn, thì ai ai cũng đều khai ngộ. Cổ nhân nói:

- Phàm phu thành Phật rất dễ dàng. Dẹp trừ vọng tưởng lại rất khó.

Từ vô thủy đến nay, chúng ta tham lam ái nhiễm, chấp trước nặng nề, nên mới bị lưu chuyển trong vòng sanh tử. Tám muôn bốn ngàn trần lao, cùng bao loại tập khí xả bỏ không nổi, khiến chẳng được ngộ đạo, nên khác hẳn với chư Phật chư Bồ Tát, những bậc thường giác không mê. Do đó đại sư Liên Trì nói:

"Nhiễm duyên rất dễ,
Đạo nghiệp khó thành,
Mê việc trước mắt
Muôn duyên sai biệt
Cảnh như gió thổi
Hoại rừng công đức
Lửa tâm cháy phừng,
Đốt hạt Bồ Đề,
Đạo đồng tình tâm

Thành Phật dễ dàng
Đối người như mình,
Đồng được tùy hỶ,
Chẳng thấy thị phi
Trên cung dưới kính
Phật pháp thường hiện
Chặt đứt trần lao!"

Những câu kệ trên nói rõ đạo lý chân thật! Nhiễm, tức nhiễm ô. Phàm phu đều tham nhiễm tiền tài, sắc đẹp, danh vọng, lợi lộc, cùng khởi tâm sân hận gây chiến tranh. Đối với hai chữ 'Đạo Đức', như chân bị đá buộc. Từ sáng đến tối, cứ mãi sống trong vui buồn giận tức, thương mến, ghen ghét, tham lam, và ái nhiễm phú quý vinh hoa, nên chưa hề cắt đoạn bao loại thế tình, cũng không nghĩ gì về đạo. Thế nên, rừng công đức bị phá hoại và hạt Bồ Đề bị đốt rụi. Nếu lạnh nhạt với thế tình, đối xử bình đẳng với tất cả bè bạn, oan gia, cùng mọi chúng sanh, và xem người nghèo như mình nghèo, xem kẻ khác yếu như mình yếu, cũng không giết hại, không trộm cắp, không tà dâm, không nói láo, không uống rượu, lại thường phát tâm Bồ Đề, thì đạo nghiệp mới tương ưng, chóng lập địa thành Phật. Vì vậy bảo:

- Đạo tâm nếu đồng tình tâm, thì thành Phật mau chóng.

Chư Phật thánh hiền ứng hóa thế gian, và trong mọi việc làm đều vì lợi ích chúng sanh. Vì thế nói rằng cứu khổ ban an vui, khởi tâm từ tế độ muôn vật. Nếu chúng ta tự kiềm chế, nhã nhặn khiêm tốn trong mọi trường hợp, cùng nơi các việc làm đều không nhằm vì mục đích hưởng thụ cá nhân, thì làm việc gì cũng thành công, và người người chẳng hề thọ khổ. Đồng thời, quả báo chơn thật thù thắng cũng được viên mãn tròn đầy, như thuyền nhấp nhô lên xuống đồng với mực nước. Nếu

dùng tâm từ bi cung kính để đối đãi người, mà chẳng tự cao tự đại, cùng chẳng kiêu xa giả dối, thì khi gặp gỡ, người khác nhất định sẽ có tâm cung kính tôn trọng mình. Ngược lại, nếu chỉ cậy vào tài năng, nộ khí tung hoành ngang dọc, hoặc miệng trái với tâm, luôn vì âm thanh sắc tướng danh lợi, lại lập chước tính toán hầu mong người khác cung kính mình thì không thể được. Cho dầu họ có kính nể mình đi nữa, thì e rằng cũng là ngụy tạo giả dối. Khổng Tử nói:

- Cung kính người, người hằng cung kính mình. Thương mến người, người hằng thương mến mình.

Lục Tổ Huệ Năng bảo:

- Người lỗi ta không lỗi, tức lỗi ta phân biệt người.

Thế nên, chúng ta chớ khởi tâm thị phi, mình người khác biệt. Ví như chư Phật Bồ Tát, các ngài làm mọi việc luôn vì lợi ích chúng sanh, nên thời thời thường gặt hái quả báo thiện lành. Nếu chúng ta làm được như thế, thì phiền não không thể trói buộc.

Đức Thế Tôn thuyết ba tạng kinh điển mười hai phần giáo, chỉ vì muốn cứu giúp chúng ta cắt đứt ba độc tham lam sân hận si mê, cùng dạy tu hành giới định huệ, khiến phát khởi tâm từ bi hỶ xả, và thực hành lục độ vạn hạnh, ngõ hầu viên mãn đức tướng trí huệ trang nghiêm pháp thân công đức. Nếu nương theo trên mà hành, thì nơi nơi đều biến thành thế giới Hoa Tạng.

Hôm nay tham gia đả thất, đa số là các vị tại gia đức độ. Chúng ta nên cố gắng hàng phục tâm mình, mau chóng rời xa triền phược. Tôi sẽ kể thêm một câu chuyện nữa. Mong rằng những ai đã phát tín tâm tu hành, sẽ đạt được bảo vật.

Ngược lại, quý vị tự cô phụ tín tâm của mình, đi về tay không. Hy vọng mọi người hãy lắng nghe.

Xưa kia, vào đời Đường có cư sĩ họ Bàng tên Uẩn tự Đạo Huyền, người Hàng Dương tỉnh Hồ Nam, vốn theo nghiệp nhà Nho sau lại liễu ngộ trần lao khốn khổ, chí cầu đạo chân đế. Năm Trinh Quán nguyên niên, nghe đạo phong của hòa thượng Thạch Đầu, nên ông đến bái kiến.

Ông hỏi:

- Người không cùng muôn pháp làm bạn là ai?

Hòa thượng Thạch Đầu bèn lấy tay che miệng ông. Ông liền hoát nhiên nhận ra yếu chỉ. Ngày nọ, ngài Thạch Đầu hỏi ông:

- Từ khi gặp lão tăng cho đến nay, hằng ngày con làm những gì?

Ông thưa:

- Nếu hỏi việc hằng ngày, tức môi miệng không có chỗ mở.

Nói xong, ông liền trình kệ:

"Hằng ngày làm không khác
Chỉ mình hòa với chúng
Nơi nơi không chấp xả
Chốn chốn chẳng tiếp thừa
Sao phân chia đỏ tím
Núi xanh chẳng chút bụi
Thần thông và diệu dụng

Gánh nước cùng hái củi".

Ngài Thạch Đầu chấp nhận, nói:

- Con muốn làm tăng hay tục?

Ông thưa:

- Bạch Hòa Thượng! Con muốn làm những gì con thích!

Ông không xuống tóc xuất gia. Sau này, ông đến tham vấn Mã Tổ:

- Bạch Hòa Thượng! Người không cùng muôn pháp làm bạn là ai?

Mã Tổ bảo:

- Đợi ông hớp cạn nước ngàn sông, Ta sẽ chỉ bày.

Nghe thế, ông liền lãnh hội yếu chỉ, nên ở lại học hỏi về ngôn giáo. Từ khi hiểu rõ nguồn tâm, ông không màng việc thế gian, chỉ đan giỏ tre sống qua ngày. Trong nhà có mười ngàn lượng vàng bạc, ông liệng hết xuống sông Trường Giang. Hôm nọ, đang cùng bà vợ bàn về lý vô sanh, ông bảo:

- Khó! Khó! Khó! Đem hạt mè để trên đỉnh cây thật khó!

Bà vợ nói:

- Dễ! Dễ! Dễ! Ý Tổ Sư trên trăm đầu ngọn cỏ.

Con ông là cô Linh Chiếu nghe thế liền đáp:

- Hai ông bà già, sao lại nói như thế!

Ông hỏi:

- Vậy con nói như thế nào?

Cô Linh Chiếu bảo:

- Không khó cũng không dễ. Đói thì ăn. Mệt ngủ khò!

Ông liền vỗ tay, nói:

- Con trai không lấy vợ. Con gái không lấy chồng. Cả nhà thuyết vô sanh!

Từ đó, danh tiếng của ông vang dội khắp nơi. Lần nọ, thăm viếng chùa xong, vào lúc ông vừa từ biệt đại chúng để trở về nhà, ngài Lạc Sơn bảo mười vị thiền khách tiễn ông ra cổng. Đến cổng, ông lấy tay chỉ tuyết rơi trên không trung, nói:

- Từng mảnh tuyết trắng, không bay lạc nơi khác.

Có thiền khách họ Toàn đáp:

- Bay lạc nơi nào?

Ông liền tát vị thiền khách này một bạt tay. Thiền khách họ Toàn nói:

- Không được cẩu thả.

Ông bảo:

- Sao dám xưng là thiền khách. Vua Diêm La không cho Ngài thoát đâu.

- Cư sĩ thường làm gì?

- Mắt thấy như mù, miệng nói như câm.

Ông thường đến các giảng đường nghe thuyết pháp. Ngày nọ, nghe vị giảng sư thuyết kinh Kim Cang đến đoạn vô ngã vô nhân, ông bèn hỏi:

- Bạch Tọa Chủ! Nếu nói vô ngã vô nhân, vậy ai đang giảng kinh, ai đang nghe kinh?

Vị Tọa Chủ không lời đối đáp.

Ông nói:

- Tuy là người thế tục, con hiểu yếu chỉ thô thiển đôi chút.

Tọa Chủ hỏi:

- Theo ý cư sĩ thì như thế nào?

Ông đáp kệ:

"Không mình cũng không người.
Sao có kẻ thân sơ!
Khuyên Ngài ngồi nghỉ ngơi,
Chớ cầu thêm chân lý.
Tánh Kim Cang Bát Nhã,
Ngoài không chút trần lao.
Nghe cùng tin hay nhận,
Chỉ là trần cảnh giả".

Nghe thế, vị Tọa Chủ vui mừng khen ngợi ông đáo để. Một hôm, ông hỏi cô Linh Chiếu:

- Cổ nhân nói rằng trên trăm đầu ngọn cỏ, rõ ý Tổ Sư. Vậy, con hiểu như thế nào?

Cô Linh Chiếu nói:

- Ông già! Sao nói như thế được?

- Vậy con nói làm sao?

- Trên trăm đầu ngọn cỏ, rõ ý Tổ Sư.

Ông cười to. Lúc sắp mất, ông bảo cô Linh Chiếu:

- Con ra ngoài xem coi mặt trời mọc đúng ngọ chưa.

Cô Linh Chiếu bước ra ngoài, chốc lát rồi trở vào, nói:

- Mặt trời ở giữa không trung, bị nguyệt thực. Cha bước ra xem.

Ông tưởng thật, nên bước xuống tòa, đi ra ngoài cửa xem. Khi ấy, cô Linh Chiếu liền leo lên tòa ngồi của cha mình, xếp bằng chắp tay, rồi thị tịch. Trở vào, thấy con mình đã tịch, ông bèn cười nói:

- Con gái ta lanh lợi quá. Nó đi trước ta!

Sau đó, ông đình lại bảy ngày để lo đám tang con mình. Khi quan Vu Công đến thăm bịnh, ông làm kệ, bảo:

"Chỉ mong dẹp sạch cái có,

Coi chừng những cái không,

Cuộc sống trên thế gian,

Như ảnh tượng và bóng".

Nói xong, ông đặt đầu lên gối của quan Vu Công mà tịch. Theo di chúc, thi thể ông được hỏa táng thành tro, rồi bỏ xuống sông. Bà vợ nghe tin, liền báo cho con trai biết. Cậu trai nghe xong, ngừng làm việc, đứng chống tay trên cán cuốc mà thị tịch ngay tại đồng ruộng. Bà mẹ thấy thế, cũng tự ẩn mình biệt dạng.

Quý vị hãy xem, bốn người trong gia đình, đều có thần thông diệu dụng như thế. Họ cũng là cư sĩ, nhưng dụng công rất thâm cao. Hiện tại, từ trong cư sĩ cho đến các tỳ kheo và tỳ kheo ny, những vị đồng như Hư Vân tôi, khó lòng mà tìm được những bậc nhân tài như thế. Thật là xấu hổ. Quý vị hãy cố gắng nỗ lực tinh tấn!

7/ Ngày thứ bảy, (28/2) [^]

Chúc mừng quý vị! Công đức tu hành đến nay đã hoàn mãn. Chiếu theo quy củ của nhà thiền, những vị đã chứng ngộ, phải bước vào thiền đường để được khảo hạch, như những cuộc khảo thí ở kinh đô. Hôm nay là ngày tuyên bố thí sinh trúng tuyển. Chúng ta phải nên chúc mừng. Hòa Thượng trụ trì thật là từ bi, quyết định rằng ngày mai sẽ tiếp tục đả thiền thất, để cho quý vị có thể gia công tu hành được mau tăng tiến. Những vị tu hành lâu năm, chắc đều biết rằng đây là nhân duyên thù thắng. Vì vậy, đừng để thời gian trôi qua vô ích. Người phát tâm tu hành, phải biết thân người khó được, sống chết là việc lớn. Phải nên biết rằng thân người khó được, Phật pháp khó nghe, thiện tri thức khó gặp. Hôm nay, đích thân quý vị đã đến núi châu báu, thì phải nên ra sức nỗ lực dụng công. Chớ trở về tay không.

Pháp trong tông môn, tôi đã giảng qua. Từ lúc Thế Tôn cầm cành hoa dạy đại chúng, cho đến trải qua bao đời, đường hướng tông môn, vẫn được truyền mãi đến ngày nay. Tôn giả A Nan tuy là em Phật và làm thị giả hầu cận đức Thế Tôn, nhưng vẫn chưa đại triệt đại ngộ. Sau khi Phật nhập niết bàn, chư thánh tăng A La

Hán không cho ngài A Nan tham gia hội kết tập đại tạng kinh điển. Tôn giả Ca Diếp bảo:

- Ngài chưa đắc được tâm ấn của đức Thế tôn. Thỉnh Ngài ra ngoài xô ngã cột trụ.

Nghe thế, tôn giả A Nan liền đại ngộ. Ngài Ca Diếp phó chúc, truyền tâm ấn Như Lai cho ngài A Nan. Như thế, ngài A Nan là vị tổ thứ hai ở Ấn Độ. Đời đời tương truyền y bát. Sau đời các tổ Mã Minh, Long Thọ, có lão nhân Huệ Văn ở Thiên Thai vào thời Bắc Tề (550-78), nhân xem luận Trung Quán, phát minh tâm địa, nên lập ra tông Thiên Thai. Khi đó, tông môn được hưng thịnh khắp nơi. Sau này, khi tông Thiên Thai bị suy vi, có quốc sư Đức Thiều qua Cao Ly sao chép luận giải của ngài Trí Giả, rồi trở về xiển hưng chấn chỉnh lại tông phong. Ngài Đạt Ma là vị tổ Ấn Độ thứ hai mươi tám truyền pháp sang Đông Độ, tức là sơ tổ Trung Hoa. Từ ngài Đạt Ma truyền đến Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn thì đuốc tâm khai sáng khắp nơi. Dưới Lục Tổ Huệ Năng có bốn mươi ba người khai ngộ như tổ Hành Tư và tổ Hoài Nhượng. Đến đời Mã Tổ, lại có thêm tám mươi ba vị thiện tri thức. Lúc đó chánh pháp hưng thịnh mạnh mẽ. Quốc vương, đại quan đều cung kính tôn trọng.

Tuy đức Như Lai thuyết pháp rất nhiều, mà giáo chỉ tông môn thù thắng hơn hết. Pháp môn niệm Phật cũng do tổ Mã Minh và tổ Long Thọ tán dương. Kế ngài Huệ Viễn, có thiền sư Vĩnh Minh làm tổ thứ sáu của tông Tịnh Độ. Sau này, có rất nhiều vị thiền sư trong tông môn hoằng dương tông Tịnh Độ.

Pháp Mật Tông phát triển từ đời thiền sư Nhất Hạnh. Sau đó truyền sang Nhật Bổn. Ở Trung Hoa, từ đó trở đi không người thừa kế.

Tông Duy Thức do ngài Huyền Trang đề xướng, chẳng bao lâu cũng diệt mất.

Đơn độc, chỉ có tông môn là được truyền thừa lâu dài nhất. Thiên thần quy y, rồng hổ bái phục.

Trong chúng hội tiên nhân có Lữ Động Tân, biệu hiệu Thống Dương, người Kinh Châu. Vào đời Đường, ông lên kinh đô thi rớt ba lần, nên không muốn về nhà. Lúc đi ngang qua một quán rượu ở Trường An, gặp Chung Ly Quyền, dạy cho phép trường sanh bất tử. Lữ Đồng Tân y theo đó tu hành. Sau này, phi hành tự tại, đi khắp thiên hạ. Ngày nọ, ông đến chùa Hải Hội ở Lô Sơn, bay lên lầu chuông, đề bốn câu thơ:

"Một ngày an nhàn, thân tự tại
Sáu căn hòa hợp, báo bình an
Vật quý đơn điền, sao vấn đạo
Đối cảnh vô tâm, chớ hỏi thiền".

Khi đi ngang qua núi Hoàng Long, lúc trông thấy tướng mây ngũ sắc như cái dù, ông nghi rằng trong chùa có bậc dị nhân, nên bước vào, lại gặp lúc ngài Hoàng Long đang ngồi tòa giảng kinh đánh trống pháp vi diệu. Ông theo đại chúng vào pháp đường nghe pháp. Ngài Hoàng Long nói:

- Hôm nay có người đến trộm pháp. Lão tăng sẽ không thuyết giảng.

Lữ Đồng Tân liền bước ra đảnh lễ, thưa:

- Xin thỉnh Hòa Thượng giải thích cho nghĩa của câu: "Trong một hạt gạo chứa đầy thế giới. Núi sông ngòi rạch đều chảy vào chiếc nồi nhỏ".

Ngài Hoàng Long nạt:

- Con quỶ giữ tử thi.

Lữ Đồng Tân bảo:

- Nhưng trong bụng có chứa thuốc trường sanh.

- Sống cho tới tám muôn bốn ngàn kiếp, vẫn chỉ lạc vào không vọng vô ích.

Bấy giờ, vì quên mất công phu "đối cảnh vô tâm, chớ hỏi thiền", Lữ Đồng Tân tức giận dữ dội, vung kiếm đâm thẳng vào ngài Hoàng Long. Ngài Hoàng Long chỉ tay vào kiếm, kiếm tự rơi xuống đất, không thể nhặt lên. Lữ Đồng Tân bèn quỳ xuống xin sám hối, thỉnh cầu Phật pháp. Ngài Hoàng Long nói:

- Để câu "núi sông ngòi rạch chảy vào chiếc nồi nhỏ" qua một bên, hãy trả lời cho Ta câu "trong hạt gạo, chứa đầy cả thế giới", là gì?

Lữ Đồng Tân nghe lời này, liền khế hợp huyền chỉ, nên viết kệ sám hối:

"Quăng đi bụng rỗng đàn cầm
Nay chẳng giữ vàng trong ngân
Vừa khi gặp được Hoàng Long
Mới biết xưa lầm dụng tâm".

Đây là câu chuyện tiên nhân quy y Tam Bảo, cầu mong làm hộ pháp ở chốn già lam. Đạo giáo trong tay của Lữ Đồng Tân khi ấy rất hưng thạnh. Ông là tổ thứ năm của Đạo giáo ở miền Bắc. Chân nhân Tử Dương cũng do xem Tổ Anh Tập mà rõ nguồn tâm, làm tổ thứ năm của Đạo giáo ở miền Nam. Thế nên, nhờ Phật giáo mà Đạo giáo được hưng thịnh trở lại. Khổng Tử truyền đạo đến Mạnh Tử thì thất truyền. Đến đời Tống, tiên sinh Châu Liêm Khê do từ trong tông môn mà phát minh tâm địa. Trình Tử, Trang Tử, Chu Tử v.v..., cũng từ Phật pháp mà ra. Thế nên, tông môn trợ lực cho Đạo Nho rất nhiều. Hiện nay, có lắm kẻ khinh khi tông môn, thậm chí lại hủy báng. Đó là muốn gieo nghiệp tội vô gián. Chúng ta hôm

nay có duyên lành, gặp pháp hội thù thắng, phải nên vui mừng, phátnguyện rộng lớn. Người người làm nơi nương tựa quy y cho trời rồng, khiến chánh pháp mãi hưng thịnh. Vì vậy, tham thiền học đạo, không phải là trò chơi trẻ con. Hãy nên tinh tấn dụng công!

XXI. Thiền thất khai thị lần thứ hai [^]

1/ Ngày thứ nhất, (29/2).

Hư Vân tôi đến chùa này chỉ làm rộn thêm thôi. May nhờ quý hòa thượng cùng quý vị ban thủ ân cần ưu đãi; tôi thật rất tri ân. Hôm nay, quý Ngài lại yêu cầu tôi ra làm pháp chủ nữa. Danh này tôi thật không dám nhận. Nơi đây, lão pháp sư Ứng Từ là vị tuổi cao lạp lớn. Đáng lẽ đại chúng phải theo sự chỉ dạy của Ngài mới thật hợp lý. Đồng thời, trong chùa có rất nhiều vị pháp sư, đều là các bậc cao tăng thạc đức. Tôi chỉ là loài bọt bèo trên nước, thật rất vô dụng. Ngày nay, tuổi tác càng cao, thì khách khí càng nặng nề.

Pháp thế gian cũng không luận là tuổi nhiều hay ít. Xưa kia, trong những lần thi khảo hạch tại kinh đô, không kể tuổi tác lớn nhỏ, mọi người phải tôn kính và gọi vị chủ khảo là thầy. Trong đạo Phật, lại càng không được tính toán tuổi tác. Điển hình, Bồ Tát Văn Thù đã chứng quả vị Phật trong đời quá khứ, cũng từng dạy dỗ mười sáu vị thái tử. Phật A Di Đà là vị thái tử thứ nhất. Phật Thích Ca cũng là đệ tử của Ngài. Đến khi Phật Thích Ca thành Phật, Bồ Tát Văn Thù lại xuống phụ trợ. Thế nên, đạo Phật rất bình đẳng, không có cao thấp. Qua việc này, tôi muốn nhắc nhở quý vị rằng chớ nên hiểu lầm về tuổi tác.

Lúc bàn về việc tham thiền học đạo, chúng ta phải tôn kính quy chế pháp thức. Hòa thượng trụ trì phát khởi đạo tâm, giảng kinh đả thất, hoằng dương Phật pháp, thật là nhân duyên thù thắng hy hữu khó được. Quý vị, ai ai cũng không quản mưa gió, hay sợ đường xa mệt nhọc, mà tự nguyện đến đây, tham gia thiền thất. Điều này chứng minh rằng mọi người cùng có đạo tâm, thích tịch tĩnh chán phiền não.

Tôi và quý vị xưa nay vốn đồng một tâm. Chỉ vì mê ngộ cách ngăn, nên tất cả chúng sanh ngày đêm bận rộn, không phút rảnh rang. Suy nghĩ cặn kẽ, thật là những việc vô ích. Ở thế gian, có người ngày đêm bôn ba, nghĩ tưởng ngu si, thích ăn ngon mặc đẹp, ca múa hát xướng. Họ lại mong con cháu được phú quý vinh hoa đời đời. Khi quỶ vô thường đến, họ vẫn còn lo giữ vợ con tài sản. Những người như thế, thật quá si mê. Lại có người, tuy biết chút ít về lý nhân quả thiện ác, thích tạo công lập đức, muốn cúng dường trai tăng, đắp tô tượng Phật, sửa chữa chùa chiền, cùng tạo những nhân hữu lậu, hầu mong cầu phước báo đời sau, nhưng lại không hiểu sự quý báo cao siêu của công đức vô lậu, nên không chịu tu hành. Kinh Diệu Pháp Liên Hoa nói: "Nếu có người ngồi thiền trong một khoảnh khắc, thì công đức nhiều hơn xây hằng sa bảo tháp".

Ngồi thiền khiến thân tâm an lạc, đưa mình trở về tự tánh trong sáng tròn đầy, và có thể giúp mình thoát cảnh trần lao khổ nhọc, cùng cắt đứt dòng sanh tử luân hồi. Trong một khoảnh khắc, nếu luôn hồi quang phản chiếu khiến thân tâm được thanh tịnh, tuy chưa ngộ đạo nhưng đã trồng nhân lành trở về Phật tánh, tức sẽ có ngày được thành tựu. Kế đến, công phu nếu đắc lực, trong một sát na có thể thành Phật. Trong kinh Lăng Nghiêm, tôn giả A Nan bạch Phật:

- Bất lịch tăng kỳ hoạch pháp thân.

Tức là không cần phải trải qua ba A Tăng Kỳ kiếp mà vẫn đắc được pháp thân.

Song, chúng ta trôi lăn trong trần lao, chìm trong năm món dục lạc, cầu mong thọ dụng phước báo, lúc được lúc mất, nên thường khởi tâm vui buồn giận tức. Nay đến thiền đường, cùng nhau sống trong yên lặng tịch tĩnh, cùng được thấy những việc chưa từng thấy, được nghe những việc chưa từng nghe, và sáu căn thu nhiếp vào trong, như các căn của rùa, nên dẫu có cảnh giới thuận nghịch gì cũng không giao động. Đấy là tu pháp vô vi, cũng là pháp vô lậu. Nếu lấy vàng bạc và bảy loại châu báu để xây cất bảo tháp nhiều như số cát sông Hằng, thì vẫn không bằng công đức ngồi thiền tĩnh tọa trong một giây phút.

Sáu căn rút vào, như rùa thường thu nhiếp các căn khi gặp loài hải cẩu. Hải cẩu thích ăn thịt rùa, nên thường tìm bắt. Rùa biết hải cẩu muốn ăn thịt mình, nên rút bốn chân, đầu và đuôi vào thân. Khi đó, hải cẩu không thể bắt được, nên rùa được thoát nạn.

Ở thế gian, không có tiền mua sắm việc ăn mặc thì chúng ta lo lắng làm lụng đến chết. Song, nếu có tiền thì tiêu xài xa hoa, đắm đuối trong dục vọng không thể xả bỏ, như hải cẩu cắn được đầu rùa. Nếu biết tai hại thì phải lo thu nhiếp sáu căn, hồi quang phản chiếu. Khi ấy, mới mong cải tử hoàn sanh.

Hai ngày trước, tôi có nói về pháp trong tông môn, vốn là chánh pháp nhãn tạng, là tâm pháp của Như Lai, là nền tảng cắt đứt dòng sanh tử luân hồi.

Những pháp môn khác, như giảng kinh thuyết pháp, tuy khiến nhiều người khởi tâm tín giải, nhưng đa số đều hiểu trên cành lá văn chương từ ngữ, khó được khai ngộ hoàn toàn. Nếu muốn dùng những pháp môn đó để cắt đứt dòng sanh tử thì phải trải qua quá trình tu hạnh chứng quả, thật rất khó khăn.

Xưa nay, so với các vị tu theo Thiền tông, những người tu theo những pháp môn khác, như nghe giảng kinh thuyết pháp, mà hiển hiện thần thông, lập tức triệt ngộ,

mau chóng thành Phật, thì thật rất ít. Trong tông môn, ngoài chư vị tỳ kheo cùng các cư sĩ nam ra, trong giới ni chúng cũng có nhiều nhân tài đạt được tai mắt không thể nghĩ bàn.

Xưa kia, thiền sư Quán Khê vốn là đồ đệ của ngài Lâm Tế. Sau bao năm dụng công vẫn chưa đại triệt đại ngộ, nên đi tham phương cầu đạo, đến chỗ ni sư Mạt Sơn. Khi đến chùa, thị giả của Mạt Sơn hỏi:

- Bạch Thượng Tọa! Ngài vì Phật pháp hay vì du ngoạn mà đến đây?

Quán Khê đáp:

- Tôi đến vì Phật pháp.

Sau đó, Mạt Sơn ra hỏi:

- Vì Phật pháp mà đến. Vậy hãy theo phép tắc mà đánh trống thăng tòa.

Nói xong, Mạt Sơn bước lên tòa. Ngài Quán Khê chỉ chấp tay xá. Mạt Sơn lại hỏi:

- Hôm nay Thượng Tọa vừa rời chỗ nào?

Quán Khê đáp:

- Nơi ngã ba đường.

- Sao không che lại?

Quán Khê không đáp được, mới bắt đầu lễ bái, rồi hỏi:

- Mạt Sơn là vật gì?

Mạt Sơn bảo:

- Không để lộ đỉnh đầu.

- Chủ Mạt Sơn là ai?

- Ngoài tướng nam nữ.

- Sao chẳng biến mất?

- Chẳng phải thần, cũng chẳng phải quỶ, thì biến hóa cái gì?

Quán Khê không lời đối đáp, nên ở lại làm vườn trong ba năm. Sau khi đại triệt đại ngộ, Quán Khê thượng đường bảo:

- Ta ở tại ông già Lâm Tế đắc được phân nửa, và ở tại bà già Mạt Sơn được phân nửa. Cộng lại thành một thìa. Ăn mãi cho đến hôm nay vẫn còn no.

Chúng ta thấy rằng ngài Quán Khê vừa là đồ đệ của Lâm Tế vùa là pháp tử của Mạt Sơn. Điều này chứng tỏ là trong ni chúng cũng có nhân tài cái thế, tay mắt hơn người. Hiện tại, có rất nhiều ni chúng, sao không thấy tai mắt nào lộ mặt, thị hiện chánh pháp?

Đấy mới thấy Phật pháp rất bình đẳng. Mọi người phải nên nỗ lực tinh tấn, chớ tự sanh tâm thối đọa, lầm ngộ nhân duyên.

Cổ nhân nói:

- Một trăm năm, ba mươi sáu ngàn ngày mà không khi nào biết xả thân nơi bờ tịch tĩnh.

Chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay, trôi lăn trong vòng sanh tử, chỉ vì không dám xả bỏ thân tâm để tu học pháp thanh tịnh, nên bị luân hồi không thể có ngày được

giải thoát. Do đó, mọi người phải cố gắng xả bỏ thân tâm để ngồi trên bờ Niết Bàn tịch tĩnh. Hy vọng, khi thùng nước sơn bị thủng, mọi người sẽ đồng chứng vô sanh pháp nhẫn.

2/ Ngày thứ hai, (3/1).

Đây là ngày thứ hai của thiền thất lần thứ hai. Trong thời gian ngắn ngủi, quý vị đến tham gia thiền thất ngày một tăng. Điều này chứng minh rằng người ở vùng Thượng Hải thiện tâm rất thuần thục, phước đức sâu dầy. Lại nhận thấy rằng ai ai cũng chán phiền não, thích tịch tĩnh; muốn bỏ khổ đau, để cầu an lạc.

Xưa nay, thế gian khổ nhiều vui ít. Thời giờ trôi qua mau chóng. Vài thập niên vụt qua trong chớp mắt. Ngay cả Bành Tổ sống đến tám trăm tuổi mà theo nhãn quan Phật giáo thì rất ngắn. Lệ thường, con người sống đến bảy tám mươi tuổi là nhiều. Hôm nay, biết duyên đời mong manh như huyễn như hóa không đáng lưu luyến, nên mới đến đây tu hành, thật là căn lành sâu dầy. Song, pháp tu hành quý tại lâu dài. Tất cả chư Phật, chư Bồ Tát đã từng trải qua bao kiếp tu hành gian nan khổ sở, mới thành công được. Trong kinh Lăng Nghiêm, chương Quán Thế Âm Bồ Tát Viên Thông, Bồ Tát Quán Thế Âm bạch Phật:

- Nhớ khi xưa, hằng sa vô số kiếp, có Phật ra đời hiệu là Quán Thế Âm. Nơi đức Phật đó, con phát tâm Bồ Đề, và được Ngài dạy pháp văn tư tu, mà nhập vào tam ma địa.

Điều này chứng minh rằng Quán Thế Âm Bồ Tát không phải chỉ tu trong một ngày, hai ngày mà thành tựu. Song song, Ngài cũng công khai chỉ dẫn phương pháp dụng công tu hành cho chúng ta. Trong pháp hội Thủ Lăng Nghiêm, giữa hai mươi lăm vị thánh, Ngài là vị tu hạnh viên thông bậc nhất. Pháp dụng công của

Ngài là từ văn tư tu, đắc được nhĩ căn viên thông, nhập tam ma địa. Tam ma địa, tiếng Tàu gọi là chánh định. Ngài Quán Thế Âm lại nói thêm:

- Đầu tiên, nơi trong tánh nghe, vào được dòng liền quên tướng bị nghe (nhập lưu vong sở).

Phương pháp này dùng tai nghe lại tự tánh của mình, không cho sáu căn chạy theo sáu trần, phải nhiếp chúng vào pháp tánh. Lại bảo:

- Trần tướng đã vắng lặng vì hai tướng động và tịnh rõ thật không sanh. Như vậy dần dần tăng tiến thêm, các tướng năng văn, sở văn đều hết.

Tức là bảo chúng ta khi dụng công, phải nghe lại chính mình, đừng vướng mắc. Phải từng bước tăng tiến, rồi lại gia công tu hành, thì dần dần đắc được:

- Không dừng lại chỗ dứt hết năng văn, sở văn mà tiến lên nữa, thì năng giác, sở giác đều không. Sự Không-giác tột bậc viên mãn nên các tướng năng không, sở không đều diệt. Sanh và diệt đã diệt mất thì bổn tánh tịch diệt hiện tiền.

Muốn đạt đến cảnh giới này, phải do công phu tu hành, nghe lại tự tánh của mình. Tất cả mọi sanh diệt đều diệt hết thì chân tâm thanh tịnh liền hiển hiện. Nghĩa là khi cuồng tâm dừng, thì tâm Bồ Đề liền hiện ra. Đạt đến cảnh giới đó, ngài Quán Thế Âm nói:

- Đột nhiên, vượt ngoài pháp thế gian và pháp xuất thế gian, mười phương đều tròn đầy trong sáng. Khi ấy đạt được hai việc thù thắng: Thứ nhất, trên hợp với bổn tâm diệu giác của mười phương chư Phật, cùng đồng nhất lực từ bi. Thứ hai, dưới hợp với tất cả sáu loài chúng sanh, cùng đồng nhất bi ngưỡng.

Hôm nay, chúng ta tu hành học Phật pháp. Đầu tiên phải tự mình công phu cho thuần thục. Phải độ tận hết mọi chúng sanh tham sân si mạn nghi ác kiến, và chứng đạt đến bổn lai chơn tâm diệu giác thanh tịnh, thì sau này mới thượng hành hạ hóa, cùng được thần lực như ba mươi hai ứng thân của Bồ Tát Quán Thế Âm, tức tùy theo chủng loại mà hóa độ. Bồ Tát Quán Âm hóa hiện nơi thế gian, hoặc làm đồng nam đồng nữ, hoặc làm cư sĩ tể quan, v.v... Người đời không biết Bồ Tát Quán Thế Âm, vốn đã thành Phật trong đời quá khứ, không còn tướng nhân ngã nam nữ. Ngài tùy theo căn cơ chúng sanh mà ứng hiện. Thế nên, mỗi khi nghe đến danh hiệu ngài Quán Thế Âm thì chúng ta liền khởi tâm ái kính. Đời quá khứ, chúng ta vốn đã từng niệm danh hiệu Ngài, nên trong ruộng thức thứ tám hạt giống lành vẫn luôn khởi mãi. Kinh nói: "Tai vừa nghe tiếng thì hạt giống đạo lưu giữ mãi mãi".

Ngày nay, chúng ta phải y theo pháp tối thượng thừa đã tu đã chứng của chư Phật và chư Bồ Tát. Pháp môn hiện tại là phải hiểu rõ bổn tâm diệu giác, tức là thấy tánh thành Phật (kiến tánh thành Phật). Nếu chẳng rõ tâm địa tu hành như thế nào thì không thể thành Phật được. Nếu muốn hiểu rõ tâm địa thì đầu tiên phải hành theo thiện đạo, tức tu theo con đường lành. Từ sáng đến tối, các việc ác chớ làm, phải phụng hành các việc thiện, khiến phước đức được tăng trưởng.

Lại nữa, trong một khoảnh khắc, vừa đề khởi câu thoại đầu, nếu một niệm không sanh, thì lập tức thành Phật. Quý vị phải tận dụng thời gian. Chớ dụng tâm tán loạn. Cố gắng đề khởi thoại đầu cho hay.

3/ Ngày thứ ba, (3/2).

Hôm nay là ngày thứ ba của thiền thất thứ hai. Người dụng công thuần thục, trong động và tịnh đều có phần đắc dụng. Sao lại để tâm phân biệt thiền thất thứ nhất thứ hai hoặc hai ngày, ba ngày!

Người sơ phát tâm phải cố gắng nỗ lực tinh tấn, chớ nên để tâm ngu mê ám độn, làm uổng phí thời giờ. Tôi sẽ thêm một ví dụ cho quý vị mới phát tâm Bồ Đề nghe. Hy vọng, quý vị hãy lắng lòng chú tâm.

Trong thiền đường ở các nơi, thường thờ một vị Bồ Tát Thánh Tăng, vốn là anh em họ với Phật Thích Ca, tức là tôn giả Kiều Trần Như. Khi đấng Thế Tôn vừa xuất gia, vua Tịnh Phạn phái ba vị thuộc hệ tộc bên cha và hai vị thuộc hệ tộc bên mẹ, đến núi Tuyết Sơn trợ giúp. Tôn giả Kiều Trần Như là một trong hai người thuộc hệ tộc bên mẹ của Phật. Sau khi thành đạo, đấng Thế Tôn bèn đến vườn Lộc Uyển, thuyết pháp Bốn Thánh Đế. Tôn Giả là vị ngộ đạo đầu tiên hết. Đồng thời, Tôn Giả cũng là vị đệ tử xuất gia đầu tiên trong các vị đại đệ tử của Phật. Do đó, chúng ta gọi Ngài là vị Thánh Tăng, hay Tăng Thủ tức vị tăng đầu tiên trong giáo đoàn. Phương pháp tu hành của Tôn Giả, kinh Lăng Nghiêm nói rất rõ ràng. Trong kinh này, Phật bảo:

- Khi Ta vừa thành đạo, nơi vườn Lộc Uyển, vì năm ông A Nhã Kiều Trần Như, cùng bốn chúng, mà bảo rằng do khách trần phiền não làm mê mờ, nên chúng sanh không thể chứng được quả Bồ Đề hay quả vị A La Hán. Lúc ấy, các ông do nhân duyên gì mà được khai ngộ, chứng quả thánh?

Nơi đây, Phật nói rõ nguyên nhân chúng sanh chưa đắc được đạo Bồ Đề cùng quả A La Hán. Ngài lại hỏi các vị đại đệ tử trong pháp hội Lăng Nghiêm, nhờ dụng công, tu hành pháp môn gì mà chứng được quả vị Thánh? Đương thời, đơn độc chỉ có tôn giả Kiều Trần Như là đã liễu giải được pháp tu đó, nên Tôn Giả từ chỗ ngồi, đứng dậy bạch Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Con nay là trưởng lão trong đại chúng, độc đắc giải danh, tức nhân liễu ngộ được hai chữ khách trần mà chứng quả.

Nói xong, Tôn Giả lại giải thích:

- Bạch đức Thế Tôn! Ví như hành khách vào lúc ghé ngang quán trọ, hoặc ăn hoặc ngủ nghỉ qua đêm. Ăn ngủ xong, liền mang hành lý đi tiếp, không màng dừng lại. Nếu thật là chủ nhân thì không muốn đi. Vì vậy, con suy nghĩ như vầy: "Không ở là hành khách, mà ở lại là chủ". Lại nữa, trên nền trời xanh, khi mặt trời hiện ra, ánh sáng chiếu tỏa vào các lổ hổng trong nhà, thì thấy trong hư không có tướng của bụi trần. Bụi trần bổn chất dao động, còn hư không thì an nhiên bất động. Con lại suy nghĩ: "Vắng lặng gọi là hư không. Dao động gọi là khách trần, bụi bặm, và cũng gọi là hành khách".

Tôn Giả giải thích rõ hai chữ khách và chủ. Đấy là lấy ví dụ để dạy cho chúng ta phương pháp tu hành, tức bảo rằng chân tâm của chúng ta là chủ nhân, vốn không dao động. Vọng tưởng vốn dao động, tức là khách. Vọng tưởng ví như bụi bặm, rất vi tế nhỏ nhít. Bụi bặm bay trong hư không. Khi có ánh nắng mặt trời chiếu qua cửa sổ hay lổ hổng thì mới thấy được chúng. Bình thường, khi tâm động đậy vọng tưởng khởi lên, chúng ta rất khó biết. Đến lúc ngồi tĩnh tọa tu hành dụng công thì mới thấy rõ mình có quá nhiều tạp niệm, khó mà hàng phục đoạn trừ được chúng. Trong lúc vọng tưởng dấy lên, nếu công phu của mình không đắc lực, thì không thể tự làm chủ, nên không thể ngộ đạo, cứ mãi lăn lộn trong biển sanh tử. Đời nay tên Trương. Đời sau tên Lý. Như hành khách ngủ tạm nơi quán trọ, chẳng thường dừng chân lâu dài. Song, chân tâm của chúng ta không phải như thế. Nó vốn không đến không đi, không sanh không diệt, thường trụ bất động, luôn làm chủ nhân. Ông chủ ví như hư không, chứa bao bụi bặm bay nhảy dao động. Tựu chung, hư không là tịch nhiên bất động, cũng như chủ nhân của quán trọ, mãi mãi ở lại, không đi nơi khác.

Giảng về danh tướng, trần nghĩa là trần sa cát bụi, tức phiền não. Khi đạt đến quả vị thánh Bồ Tát, thì mới cắt đứt được. Vọng tức là vọng hoặc. Hoặc có tám mươi tám loại kiến hoặc. Tư hoặc có tám mươi mốt phẩm. Kiến hoặc do năm loại độn sử tạo ra. Người tu hành, đầu tiên phải cắt đứt kiến hoặc thì mới chứng sơ quả Tu Đà Hoàn. Song, bước đường công phu này rất là gian nan. Đoạn trừ kiến hoặc như lội ngược dòng bốn mươi dặm. Vì vậy, chúng ta phải dụng công mạnh mẽ thâm sâu. Tư hoặc đoạn dứt thì mới chứng quả A La Hán. Cách dụng công này, thuộc về tiệm thứ, tức tu từ từ.

Hiện tại, chúng ta chỉ cần khởi câu thoại đầu linh linh bất muội (rõ ràng thường biết). Vừa vung đao lên, kiến hoặc hay tư hoặc liền bị chặt đứt. Lúc ấy, trời xanh không dính chút mây hồng. Vầng dương lơ lững trên hư không. Ánh sáng chân tâm tự nhiên hiển lộ.

Tôn giả Kiều Trần Như đã ngộ được đạo lý, và nhận rõ ông chủ thật của mình.

Do đó, bước đầu tiên dụng công của chúng ta là phải nhận rõ ra khách trần. Khách trần là động. Chủ nhân thì bất động. Nếu không nhận ra khách chủ thì không thể biết chỗ dụng công, chỉ y theo thói quen xưa mà khởi tâm ngu si, khiến uổng phí thời giờ.

Hy vọng mọi người lưu tâm tham khán!

4/ Ngày thứ tư, (3/3).

"Phật pháp cao siêu rất nhiệm mầu. Trăm ngàn muôn kiếp khó tìm cầu".

Trở lại chùa Ngọc Phật đả thiền thất, thật là nhân duyên thù thắng. Các vị cư sĩ nam nữ khắp nơi đến tham gia, trồng nhân chân chánh thành Phật. Thật là điều hy hữu khó được.

Trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Phật nói:

- Nếu người tâm tán loạn, đang khi ở trong tháp miếu, xưng 'Nam Mô Phật' một lần, thì đều thành Phật đạo.

Người người trên thế gian, sống trong vài thập niên, không biết tỉnh giác, chỉ để ngày tháng trôi qua vô ích. Lúc còn sống, nếu có tiền thì xài hoang phí trong rượu chè sắc dục. Kẻ không tiền thì bị miếng cơm manh áo hành hạ, khiến phải bôn ba cực nhọc làm lụng khổ sở vô ngần, hiếm khi được an nhàn tự tại. Song, những người này do nhờ đời quá khứ đã trồng căn lành, nếu có một lần nào đến chùa lễ Phật, thấy cảnh trang nghiêm thanh tịnh, khiến sanh tâm vui vẻ, hoặc thấy tượng Phật tượng Bồ Tát bèn tùy hỶ xưng niệm danh hiệu Phật, hoặc do thấy cảnh chùa thanh tịnh liền khởi tâm cảm kích, xưng tán hồng danh Như Lai kiết tường hy hữu, thì sẽ mau chóng thành Phật đạo.

Bình thường, mắt chúng ta ngắm trăng hoa gió tuyết, tai nghe ca ngâm hát xướng, miệng tham trân châu mỸ vị, tức là tư tưởng bị nhiễm ô. Tư tưởng bị nhiễm ô tức là tâm tán loạn, tâm sanh tử, tâm không vọng. Ngày nay, đến chùa chiền xưng một danh hiệu Phật, đó là tâm giác ngộ và tâm thanh tịnh, cùng là gieo hạt giống Bồ Đề, và sẽ được rốt ráo thành Phật.

Chữ Phật, tiếng Phạn gọi là Phật Đà. Tiếng Tàu gọi là Giác giả. Giác giả tức là không ngu mê. Tự tánh thanh tịnh tức là tâm giác ngộ.

Hôm nay, chúng ta không vì danh lợi mà đến, chỉ do lực của tâm giác ngộ thúc đẩy. Song, có nhiều người khi nghe đến danh từ đả thất thì sanh tâm sợ sệt mà chẳng hề biết ý nghĩa là gì, chỉ dùng tâm tò mò để đến xem nơi nhộn nhịp, nên không phải là người phát tâm tu hành bậc thượng.

Nay đã đến đây, như người leo lên núi châu báu, đừng mang tay không về. Phải phát tâm vô thượng, ngồi cho được một cây hương, trồng nhân chân chánh thành Phật, thì tương lai ai ai cũng đều thành Phật.

Xưa kia, đệ tử Phật là Tu Bạt Đà La, vốn cô độc bần cùng, không nơi nương tựa, tâm tư thường ưu sầu phiền muộn, nên muốn theo Phật xuất gia. Ngày nọ, ông đến nơi đấng Thế Tôn đang ở, gặp lúc Ngài vừa mới ra ngoài. Các đại đệ tử A La Hán quán sát nhân duyên trong tám mươi ngàn kiếp, thấy ông chưa từng gieo trồng căn lành, nên không dám thu nhận, mà bảo hãy trở về nhà. Lúc đó, tâm tư ông lại thêm ưu sầu buồn bực cùng cực, tự trách nghiệp chướng nặng nề, nên đi ra ngoài thành, định đập đầu vào vách thành tự vẫn. Nào ngờ đâu, vào lúc ấy đức Thế Tôn tiến đến, hỏi rõ nguyên nhân. Ông thuật lại tường tận. Phật liền thâu nhận ông làm đồ đệ. Trở về chùa, trong bảy ngày tu tập, ông chứng được quả A La Hán. Các đại đệ tử không biết rõ chuyện, nên hỏi han. Phật đáp:

- Các ông chỉ biết việc trong vòng tám mươi ngàn kiếp trở lại thôi. Hơn tám mươi ngàn kiếp thuở xưa, ông Tu Bạt Đà La đã từng trồng căn lành. Bấy giờ, ông cũng rất nghèo khổ, thường vào rừng đốn củi sinh sống. Ngày nọ, đang lúc lượm củi, ông gặp hổ trên núi, không biết chạy trốn nơi đâu, bèn leo lên cây lánh nạn. Hổ thấy ông leo lên cây, liền đi vòng quanh, nhặm cắn gốc cây. Khi cây gần ngã, ông run sợ vô cùng vì không ai tới cứu. Lúc đó, ông chợt nghĩ đến chư Phật đại giác, đầy đủ tâm lực từ bi, luôn cứu hộ chúng sanh khổ não, nên xưng: "Nam mô Phật! Xin Ngài thương xót, mau đến cứu con!"

Hổ nghe tiếng "Nam Mô Phật" nên liền bỏ đi, chưa hại gì được ông. Do trồng nhân lành thành Phật chân chánh, nên nay đã thành thục, chứng được đạo quả.

Các đại đệ tử nghe xong liền hiểu rõ, tâm rất vui mừng, tán thán việc chưa từng có.

Chúng ta hôm nay gặp được duyên lành thù thắng, đến đây ngồi thiền tĩnh tọa vài cây nhang, tức vun bồi nghiệp thiện nhiều hơn ông Tu Bạt Đà La rồi. Do đó, trăm vạn phần chớ cho là trò chơi trẻ nít. Nếu vì nhộn nhịp mà đến thì thật phí uổng cơ duyên tu hành.

5/ Ngày thứ năm, (3/4).

Người có tín tâm thâm sâu đầy đủ, nơi thiền đường luôn nỗ lực dụng công. Chư thượng tọa chuyên môn tham thiền thì đương nhiên công phu thuần thục. Nhưng khi đã thuần thục rồi, phải biết dụng công tương ưng, xoay về cội nguồn, cho đến cùng nguyên triệt để, sự lý viên dung, động tịnh không ngại, chớ ngồi chết lì ra, để lạc vào trầm không thủ tịch, hay đắm thích cảnh giới tịch tĩnh. Nếu tham đắm cảnh giới tịch tĩnh, không biết trợ công hỗ tương, thì như cá bơi trong nước ứ đọng, không hy vọng nhảy ra cửa của loài rồng, và là cá nằm trong băng giá, thật rất vô dụng.

Người sơ phát tâm dụng công tu hành phải nhớ nỗi thống khổ của sanh tử, mà khởi tâm hổ thẹn và xả bỏ muôn duyên, thì khi tu trì mới mong có chút định lực. Nếu không thể xả bỏ thân tâm thì sanh tử quyết định không thể cắt đứt.

Từ vô thủy đến nay, chúng ta mê lầm trong thất tình lục dục. Hiện tại, từ sáng đến tối chúng ta mãi lẫn quẩn trong âm thanh sắc tướng, không biết chân tâm thường trụ, nên phải trầm luân lặn hụp trong biển khổ. Ngày nay, chúng ta đều biết rõ mọi việc trên thế gian đều là khổ não, nên phải tận tình xả bỏ hết tâm vọng tưởng, quyết định tu hành thành Phật.

6/ Ngày thứ sáu, (3/5).

Lần tham gia đả thất này, theo tôi nhận thấy thì nam nữ sơ phát tâm chiếm đa số, nên quy củ phép tắc đều không thông hiểu. Vì vậy, mỗi động tác đi đứng nằm ngồi đều làm phiền người khác. Song, Ngài trụ trì rất từ bi, giúp đỡ chúng ta mau thành tựu đạo nghiệp. Quý thầy Ban Thủ cũng phát đạo tâm vô thượng, lãnh đạo dẫn dắt, khiến chúng ta tu trì đúng như pháp. Đấy là cơ hội khó gặp trong muôn kiếp. Chúng ta phải dõng mãnh tinh tấn tu hành, trong tâm lẫn ngoài thân.

Bên trong, phải luôn đề khởi câu thoại đầu "Ai đang niệm Phật", hay thường niệm câu "A Di Đà Phật", chớ khởi tâm tạp loạn, tham lam sân hận si mê, để pháp tánh chân như được hiển lộ.

Bên ngoài, phải giữ giới không giết hại, và cố gắng phóng sanh; đem mười việc ác chuyển thành mười việc lành. Chớ ăn thịt uống rượu, say sưa từ sáng đến tối, tạo bao nghiệp tội. Nên nhớ rằng hạt giống Phật chỉ khởi lên khi duyên lành đầy đủ. Nghiệp ác nếu tạo quá nhiều thì nhất định sẽ đọa địa ngục. Nếu vun bồi nhiều nghiệp lành thì phước lợi sẽ tự đến. Chư cổ đức thường dạy:

- Các việc ác chớ làm. Hãy làm tất cả việc thiện.

Nếu xem lại nhân duyên vua Lưu Ly giết hại dòng họ Thích Ca thuở xưa, thì quý vị sẽ hiểu rõ hơn.

Gần đây, trên thế giới, nhân loại luôn bị thiên tai hoạn nạn. Nghiệp sát hại nặng nề đều do quả báo xấu đã tạo thuở xưa. Chúng ta phải luôn khuyên người thế tục nên giữ giới không sát hại, và cố gắng phóng sanh, cùng ăn chay niệm Phật. Đó chính là chúng ta tự giúp mình tránh quả báo xấu trong nẻo luân hồi. Quý vị hãy nên tin tưởng thực hành, trồng nhân lành thì sẽ thành tựu quả vị Phật.

7/ Ngày thứ bảy, (3/6).

"Đời phù du như mộng
Huyễn chất không bền chắc
Nếu không nương Phật từ
Làm sao siêu thăng được?"

Trong cuộc sống như huyễn như mộng, chúng ta điên điên đảo đảo, không biết sự cao siêu của đạo Phật, không nghĩ đến việc thoát ra khỏi sanh tử, chỉ thăng trầm trong nghiệp lành nghiệp ác, nên tùy theo nghiệp lực mà cảm thọ quả báo. Người thế gian làm lành thì ít, mà tạo nghiệp ác lại nhiều. Người giàu sang thì ít, còn người nghèo hèn lại quá đông. Chúng sanh cứ trôi lăn trong sáu đường, chịu khổ sở muôn trùng. Có người sáng sanh chiều chết, hoặc sống vài tuổi rồi chết, hoặc chết vì tuổi cao. Người người đều không thể tự chủ được. Ngày nay nương nhờ oai lực từ bi của chư Phật, mới biết được cách thức tu hành.

Chư Phật, chư Bồ Tát thường phát những đại hạnh nguyện từ bi hỶ xả, cứu độ chúng ta, xuất ra khỏi biển khổ sanh tử, đạt đến bờ giác.

Từ bi nghĩa là thấy tất cả chúng sanh bị bao thống khổ, nên khởi tâm thương xót cứu hộ, khiến họ xa rời khổ nhọc, đạt được an lạc.

HỶ xả tức là thấy chúng sanh tạo bao công đức, hoặc phát khởi những tâm niệm lành, đều khen ngợi vui theo. Đối với tất cả mọi cầu nguyện của chúng sanh, chư Phật đều tùy theo tâm thành mà gia hộ.

Lúc đức Thế Tôn còn tu hành tại nhân địa, Ngài hành hạnh Bồ Tát xả đầu não xương tủy. Vì vậy Ngài thường bảo:

- Trong ba ngàn đại thiên thế giới, không có hạt bụi nào mà không phải là nơi thân thể xương tủy của Ta thí xả.

Ngày nay, quý vị nên nỗ lực, giữ chặt câu thoại đầu, đừng để thời gian trôi qua uổng phí.

8/ Giải thất, (3/7).

Chúc mừng quý vị đã tham gia hai tuần thiền thất được viên mãn, công đức đầy đủ. Như vậy, chúng ta hãy cùng nhau giải thất. Người xưa bảo:

- Vốn không có kiết thất hay giải thất, chỉ tham khán thoại đầu đến khi nào khai ngộ.

Hôm nay, dầu quý vị đã ngộ hay chưa khai ngộ, phải luôn tuân theo quy củ. Trong nửa tháng dụng công, không phân biệt ngày đêm sáng tối, mà chỉ nhắm mục đích khai ngộ, nhằm trở thành nhân tài cho Phật giáo. Nếu bị hôn trầm mê muội, để thời gian trôi qua vô ích, thì thật sự bỏ dịp hiếm có. Ngày nay, đại lão hòa thượng trụ trì cùng quý thầy Ban Thủ thể theo quy củ, kiểm nghiệm công phu tu hành của quý vị. Hy vọng đừng nói lời tạp nhạp, chỉ nên chân thật đối đáp rõ ràng công phu kiến địa (thấy đất tâm) của mình cho chư hòa thượng chứng minh. Cổ đức bảo:

- Tu hành trong ba đại kiếp. Ngộ đạo chỉ trong sát na.

Công phu nếu đắc lực thì trong khảy móng tay liền giác ngộ. Xưa kia, thiền sư Huệ Giác tại núi Lang Gia, có một nữ đệ tử thường theo Ngài tham thiền. Ngài dạy cô tham quán câu: "Bỏ nó đi".

Cô ta y theo lời dạy, hành trì không thối chuyển. Ngày nọ, nhà bị cháy, cô bảo:

- Bỏ nó đi.

Lần khác, khi có người chạy đến nhà báo tin người con bị chết đuối, cô ta cũng bảo:

- Bỏ nó đi.

Muôn duyên đều xả bỏ, y theo lời dạy mà tu hành. Vào hôm nọ, khi ông chồng đang đốt lò chiên bánh, cô bèn đổ dầu vào chảo khiến vang tiếng "Xèo". Nghe tiếng đó, cô ta liền liễu đạo, rồi bưng chảo dầu ăn đổ xuống đất, vỗ tay cười to. Người chồng tưởng cô điên, nên mắng:

- Sao bà làm thế? Điên rồi à!

Cô ta nói:

- Bỏ nó đi.

Nói xong, cô ta bèn đến gặp thiền sư Huệ Giác cầu chứng minh. Thiền sư Huệ Giác ấn chứng cho cô ta đã đạt quả thánh.

Hôm nay, quý vị nếu ngộ được điểm nào, hãy nên bước ra trình kệ cú xem!

(Một hồi lâu, chẳng có ai bước ra. Ngài đi ra thiền đường. Kế đến, lão pháp sư Ứng Từ cùng vài vị tăng ra khảo nghiệm thiền khách. Sau khi chỉ tịnh, Ngài trở vào thiền đường, chỉ giáo đại chúng.)

Trong cảnh hồng trần loạn lạc, phố xá náo rộn bao phiền hà, ai lại có công phu và tâm tư đến đây tĩnh tọa, tham quán thoại đầu? Chỉ có quý vị, người Thượng Hải căn lành thâm hậu, mới làm được thôi. Nhờ Phật pháp hưng thịnh cùng nhân duyên thù thắng, chúng ta mới gặp đại sự nhân duyên này.

Từ xưa, Phật giáo Trung Quốc đã có các tông phái như Luật tông, Tịnh Độ tông, Mật tông v.v... Nhưng nếu xem xét kỸ càng thì pháp của tông môn vượt hơn hết. Trước kia tôi đã nói rồi. Tiếc rằng gần đây Phật pháp suy vi, hiếm thấy nhân tài xuất hiện. Thuở trước, tôi đã từng đi tham bái các nơi, thấy rõ việc tu hành ngày nay khác xa lúc xưa. Nói đến đây, tôi rất xấu hổ. Nay nhờ lòng từ bi của ngài Trụ Trì và quý thầy trong chùa, mời tôi ra trước. Quý vị nên biết, lão pháp sư Ứng Từ có đủ tài đối đáp. Ngài là vị thiện tri thức, kiêm thông tông giáo, và chân chánh là bậc tiền bối. Tôi bất tất chỉ ra phụ giúp Ngài thôi. Hiện tại, tôi không làm được ích lợi gì hết. Cầu mong quý vị hãy tinh tấn tiến bước, đừng khởi tâm thối lui.

Tổ Quy Sơn bảo:

- Hận cho mình sanh nhằm thời tượng pháp, cách xa đời thánh giáo, Phật pháp giảm dần, nhiều người giải đãi, làm biếng. Song, tôi không ngại đưa ra cái nhìn thô thiển của mình cho những kẻ hậu lai.

Ngài Quy Sơn Linh Hựu (618-906), người Phước Kiến, thân cận thiền sư Bá Trượng, phát minh được tâm địa. Tư Mã Đầu Đà tại Hồ Nam, thấy địa thế núi Quy Sơn vốn là linh địa, nơi xuất sanh ra một ngàn năm trăm vị thiện tri thức. Khi đó, dưới tòa Bá Trượng, ngài Linh Hựu làm điển tọa. Vừa thấy ngài Linh Hựu, Tư Mã Đầu Đà liền biết đây là chủ nhân của núi Quy Sơn, nên thỉnh ngài Bá Trượng cho vời Linh Hựu qua núi Quy Sơn khai sáng. Ngài Quy Sơn sống trong đời Đường, mà Phật pháp trong thời đó thuộc về cành lá của đời tượng pháp. Tuy thế, ngài Linh Hựu lại tự than trách là mình sanh không nhằm thời, khó mà thông hiểu Phật pháp. Tín tâm của chúng sanh ngày càng lui sụt, không dám chịu đựng khổ nhọc để tu đạo, nên không thể nào có cơ hội chứng quả vị Phật. Ngày nay, chúng ta sống cách xa đời ngài Quy Sơn cả một ngàn năm. Không những đời tượng pháp đã hết,

mà đời mạt pháp đã trải qua hơn chín trăm năm. Người có căn lành ngày càng ít ỏi. Tuy tin Phật thì đông, nhưng kẻ chân thật tu hành ngộ đạo lại quá ít.

So sánh sơ lược, người học Phật hiện tại, có rất nhiều phương tiện. Vào thời Hàm Phong (1851-62), các chùa chiền tự viện đều bị phá hoại. Dưới miền xuôi Tam Giang, chỉ còn có chùa Thiên Đồng là được bảo toàn. Đến năm Thái Bình Thiên Quốc (1850-64), các vị trưởng lão từ núi Chung Nam xuống trùng hưng lại các tự viện. Khi đó, các ngài chỉ có một bình bát và giỏ tre, chứ không có những vật lăng nhăng khác. Sau này, Phật pháp dần dần hưng thịnh trở lại. Chư tăng bắt đầu mang đầy hành lý. Ngày nay, chư tăng còn mang theo cặp táp, rương cáp, đủ thứ cả. Đối với sự chân chánh hành trì Phật pháp, một điểm nhỏ cũng không bàn tới.

Xưa kia, thiền sinh muốn đi tham phương cầu đạo, phải lội bộ nhọc nhằn. Ngày nay, có xe lửa, xe hơi, tàu bè, máy bay. Vì thế, chỉ lo hưởng phước, không muốn chịu khổ. Đa số đều phóng dật làm biếng. Tuy các Phật học viện cũng tùy thời mà huấn luyện dạy dỗ tăng chúng, khiến đoàn thể chư tăng ngày càng đông, nhưng đối với sự tu hành căn bản thì lơ là, ít ai chịu xoay đầu nhìn lại. Ngày ngày, từ sáng đến tối chỉ cầu tri giải, không cầu tu chứng, mà không biết rằng pháp tu chứng là chìa khóa, giải quyết mọi vấn đề. Trong Chứng Đạo Ca, ngài Vĩnh Gia Huyền Giác bảo:

"Hãy bám gốc, chớ giữ ngọn
Như hạt lưu ly thanh tịnh chứa bảo nguyệt
Ôi! Thời mạt pháp, cõi đời ác trược
Chúng sanh phước kém, khó điều phục
Xa rời thánh giáo, tà kiến thâm trọng
Ma cường pháp nhược, nhiều oán hận
Nghe môn đốn giáo của Như Lai

Hận không diệt trừ đập nát
Làm tại tâm, họa tại thân
Chẳng nên gieo oán hờn cho kẻ khác
Nếu muốn không chiêu nghiệp vô gián
Chớ phỉ báng chánh pháp luân Như Lai
Tôi sớm tích tụ nhiều học vấn
Cũng từng thảo sớ tầm kinh luận
Phân biệt danh tướng không biết ngừng
Bị vây trong tính toán cát biển khơi
Liền bị Như Lai quở trách
Đếm trân bảo của người, có ích lợi gì".

Ngài Vĩnh Gia Huyền Giác đến tham vấn với Lục Tổ Huệ Năng liền đại triệt đại ngộ. Vì vậy, Lục Tổ ban cho Ngài Vĩnh Gia pháp hiệu: "Nhất Túc Giác".

Các bậc cổ đức thường bảo tầm kinh thảo luận chỉ giống như vào biển đếm cát. Pháp trong tông môn như bảo kiếm Kim Cang, chém đến vật nào thì đứt đoạn vật đó. Vật gì đụng đến lưỡi kiếm đều bị mất mạng. Thật vậy, tông môn là pháp môn tối thượng, mau chóng đạt thành Phật quả.

Thiền sư Thân Tán vào lúc trẻ, thường đi hành cước, đến thân cận tổ sư Bá Trượng, được khai ngộ. Khi trở về chùa, thầy bổn sư hỏi:

- Con xa Ta, ra ngoài được sự nghiệp gì?

Ngài thưa:

- Bạch Thầy! Không được sự nghiệp gì hết!

Thầy bổn sư liền bảo Ngài theo hầu. Ngày nọ, thầy bổn sư đi tắm, và bảo Ngài kỳ thân giùm. Ngài liền vỗ lưng thầy bổn sư và nói:

- Điện Phật rất đẹp, nhưng Phật không phải là Thánh.

Thầy bổn sư vẫn chưa lãnh hội, chỉ xoay đầu lại nhìn. Ngài nói thêm:

- Phật tuy không phải là Thánh mà thường phóng quang.

Ngày khác, lúc thầy bổn sư đang ngồi dưới cửa sổ xem kinh, một con ong bay thẳng, đâm đầu vào cửa sổ giấy để tìm lối ra. Ngài thấy thế nên nói:

- Cả thế giới rộng rãi như thế mà không muốn bay ra. Đâm thủng giấy liền thoát bao kiếp lừa.

Ngài lại nói kệ:

"Chỗ trống không muốn ra
Đâm vào cửa thật ngu
Trăm năm chui vào đó
Khi nào mới thoát ra!"

Thầy bổn sư nghe thế liền mắng:

- Con ra ngoài hành cước, gặp ai, học được gì, thấy điều chi, mà nói nhiều quá vậy?

Ngài thưa:

- Bạch Thầy! Từ khi ra đi, con qua dự dưới hội của tổ Bá Trượng, được Ngài chỉ dẫn đến chỗ nghỉ ngơi. Vì nhớ Thầy tuổi cao, nên con trở về báo đáp từ ân.

Thầy bổn sư nghe thế, nên bảo đại chúng thiết lễ trai tăng, cung thỉnh Ngài lên tòa thuyết pháp. Ngài liền lên tòa, tuyên nói tông phong Bá Trượng:

"Linh quang chiếu sáng
Thoát xa căn trần
Thể lộ chân thường
Không chấp văn tự
Tâm tánh vô nhiễm
Gốc tự nhiên thành
Xa rời vọng duyên
Liền như chư Phật".

Thầy bổn sư nghe thế, vui mừng bảo:

- Ta không ngờ già đến từng tuổi này mà được nghe những lời thâm thúy cùng cực như vầy.

Do đó, thầy bổn sư liền giao chùa cho Thân Tán và lễ Ngài làm thầy. Xin hãy nghiệm xem câu chuyện này. Sao mà dễ dàng, tự tại quá!

Trải qua vài mươi ngày tham thiền, tại sao chúng ta vẫn chưa ngộ đạo? Lý do là vì không dùng tâm kiên cố, dụng công đạp đất, hoặc cho là trò chơi trẻ nít, hoặc nghĩ rằng ngồi tĩnh tọa dụng công tham thiền trong thiền đường là đủ rồi. Không phải như thế! Người chân thật dụng công, không phân biệt động tĩnh, nên ở nơi thiền đường hay phố xá náo nhiệt, đều tu được cả.

Xưa kia, hòa thượng Đồ Tử đang trên đường tìm thầy học đạo, đi ngang qua một khu chợ, đến quầy bán thịt. Lúc ấy, có nhiều người đến mua thịt. Họ đều yêu cầu

phải được thịt tươi. Ông đồ tể nóng giận, phát cáu, chém một nhát dao xuống thớt, mắng:

- Miếng thịt nào không phải là thịt tươi?

Hòa thượng Đồ Tử nghe thế, đột nhiên khai ngộ. Chứng minh rằng người xưa, không phải chỉ ngồi trong thiền đường mới dụng công.

Hôm nay trong quý vị, không ai bước ra cho biết nhân duyên ngộ đạo. Thật có phải uổng phí thời gian lắm không?

Cung thỉnh lão pháp sư Ứng Từ và chư đại hòa thượng, tiếp tục kiểm nghiệm đại chúng.

9/ Pháp ngữ giải thất.

(Ngài bước ra khỏi thiền đường. Lão pháp sư Ứng Từ kiểm vấn từng người. Xong, lão pháp sư Ứng Từ bảo mọi người ngồi xuống. Lúc đó, Ngài bước vào thiền đường. Khi mọi người tĩnh tọa, Ngài lại ban lời chỉ giáo. Sau đó, đại chúng dùng trà, rồi đồng đứng dậy. Trong thiền đường, Ngài ngồi trước Phật điện, dùng cây trúc vẽ một vòng tròn và nói kệ:

"Vừa kết thất, lại liền giải thất
Quên mất ngày nào là giải kết?
Nhất niệm vọng duyên cảnh bèn ngừng
Ma ha bát nhã ba la mật
Tâm cảnh tịch, thể dụng đều quy
Gốc tự sáng tròn, không ngày đêm
Sao phân nam bắc cùng đông tây
Muôn sự tùy duyên, quán tự tại

Chim hót hoa cười, trăng soi đáy
Bảo câu giải thất như thế nào?
Đánh chuông bản, bình bát vụt lên
Đế quán bát nhã ba la mật.
Giải thất."

Chương V

XXII. Phương tiện khai thị tại núi Vân Cư, năm 1955 [^]

1/ Ngày mười một tháng ba.

Thích Ca Như Lai thuyết pháp trong bốn mươi chín năm, đàm kinh hơn ba trăm hội, quy nhiếp tại ba tạng, mười hai bộ. Ba tạng tức là tạng kinh, tạng luật, tạng luận. Toàn bộ ba tạng không ngoài ba học, giới định huệ. Tạng kinh thâu nhiếp định học. Tạng luật thâu nhiếp giới học. Tạng luận thâu nhiếp huệ học. Nói chung, hai chữ nhân quả bao gồm tất cả lời thuyết pháp của Phật. Tất cả phàm thánh, thế gian, xuất thế gian, đều không vượt ngoài hai chữ nhân quả. Nhân tức là nhân duyên. Quả tức là quả báo.

Ví như trồng lúa, lấy hạt lúa làm nhân, rồi nhờ ánh sáng, gió mưa làm duyên. Khi hạt lúa chín mùi thì gặt hái lúa, tức là quả. Nếu không nhân duyên, quyết chẳng thể kết quả. Sở dĩ thành thánh hiền, vì các Ngài minh nhân thức quả. Minh tức là liễu giải được nghĩa. Thức tức là hiểu rõ được nghĩa. Phàm phu sợ quả. Bồ Tát sợ nhân. Phàm phu chỉ sợ quả ác, mà nào biết đến quả ác phát khởi từ nhân xấu. Bình thường, tự ý làm những việc hàm hồ ngu xuẩn; mưu đồ hưởng sung sướng trong nhất thời, mà quên rằng sung sướng vốn là nhân khổ.

Bồ Tát chẳng như thế. Bình thường, nhất cử nhất động, hộ trì thân tâm cẩn trọng, và luôn lấy việc giữ giới làm đầu, nên chẳng gieo nhân xấu, thì làm sao quả ác đến? Bị quả ác trói buộc, do vì đã trồng nhân xấu bao đời xa xưa. Trước kia đã từng trồng nhân nào, thì ngày nay khó mà trốn chạy quả báo đó. Khi cảm thọ quả báo, phải an nhiên lãnh thọ, chẳng nên lui sụt sợ hãi. Đấy mới gọi là minh nhân thức quả.

Ví như pháp sư An Thế Cao thuở xưa, nhờ bao kiếp tu trì, nên được thọ sanh làm thái tử nước An Tức. Khi ấy, Thái Tử xả bỏ năm dục, xuất gia tu đạo, đắc được túc mạng thông, biết đời trước đã từng thiếu nợ mạng người. Chủ nhân lúc ấy đang ở tại nước Tàu. Do đó, Ngài đi thuyền qua Tàu. Đến Lạc Dương, Ngài đi qua một cánh đồng hoang vắng. Bỗng nhiên, từ đâu chạy đến, một thiếu niên tay cầm thanh

kiếm, xa thấy Ngài, nổi giận đùng đùng, hung khí đằng đằng. Khi chạy tới, chưa kịp nói lời gì, liền vung kiếm chém Ngài. Sau khi chết, thần thức của Ngài vẫn trở lại đầu thai làm Thái Tử nước An Tức. Lúc trưởng thành, cũng phát tâm xuất gia, vẫn đạt được túc mạng thông, và biết đời này lại phải đền thêm một mạng người nữa. Chủ nhân vẫn ở tại Lạc Dương. Vì vậy, Ngài đi qua Tàu một lần nữa, rồi đến thẳng nhà người vừa giết mình trong đời tiền kiếp. Đến nơi, Ngài xin tá túc qua đêm. Được tiếp đãi cơm nước xong, Ngài hỏi chủ nhân:

- Ông có nhận ra tôi không?

Chủ nhân đáp:

- Không.

- Tôi là vị tăng mà ông đã giết tại một cánh đồng vắng, vào ngày ấy, tháng ấy, năm ấy.

Chủ nhân kinh hoàng sợ sệt, vì việc này không có người thứ ba nào biết đến. Ông nghĩ rằng vị tăng này chắc là hồn ma thuở xưa, nay trở lại đòi mạng. Do đó, ông ta vụt muốn bỏ chạy. Ngài bảo:

- Chớ sợ! Tôi chẳng phải là quỶ ma đến đòi mạng đâu! Ngày mai, tôi cũng sẽ bị người khác giết chết, để đền sanh mạng trong đời tiền kiếp. Vì thế tôi mới đến đây. Nhờ ông làm nhân chứng, chuyển lời di chúc của tôi lại cho quan quân địa phương, bảo rằng tự tôi đến đây để đền mạng, chớ trị tội kẻ giết lầm tôi.

Nói xong, Ngài liền đi ngủ. Hôm sau, Ngài đi ra đường phố, gặp một người nông phu, đang gánh củi. Lúc Ngài đi gần tới ông ta, đột nhiên gánh củi ở phía trước rớt xuống đất, nên cây đòn gánh vụt đánh bật trở lại đằng sau, đập trúng vào đầu Ngài, khiến Ngài chết ngay lập tức. Người nông dân bị dẫn đến quan trường xét xử. Chất

vấn xong, quan tuyên bố là ông nông dân phạm tội cố sát. Ông chủ nhân giết Ngài đời trước, thấy lời Ngài dặn dò đêm hôm qua thật rất tương hợp với sự tình, nên trần thuật và trình di chúc của Ngài lên quan xét xử. Quan nghe xong, tin tưởng nhân quả chẳng sai chạy, nên tha tội ngộ sát cho ông nông dân. Khi bị đòn gánh đánh chết, thần hồn Ngài vẫn bay trở lại, đầu thai làm Thái Tử nước An Tức. Lớn lên, cũng xuất gia tu hành, tức là pháp sư An Thế Cao.

Tuy là thánh hiền, nhưng chẳng lầm nhân quả. Đã từng trồng nhân xấu thì phải cảm thọ quả ác. Nếu hiểu rõ nghĩa này, thì những cảnh thuận nghịch, vui buồn, khổ nhọc, sung sướng, cùng mọi cảnh giới hằng ngày, đều do nhân xưa tạo ra. Ngay nơi những cảnh giới này, chớ sanh tâm vọng tưởng thương ghét oán trách, thì tự nhiên sẽ xả bỏ được tất cả, khiến chuyên tâm vào đạo. Những thói quen tật xấu, vô minh, cống cao ngã mạn, đều không thể làm chướng ngại, thì tự nhiên dễ dàng nhập đạo.

2/ Ngày mười hai tháng ba [^]

Người xưa xem sanh tử là việc lớn, nên không quản khổ nhọc, bôn ba trèo non lội suối, vượt núi băng sông, để tầm sư học đạo. Chúng ta từ đời vô thủy đến nay, bị bao vọng tưởng che lấp, trần lao trói buộc, quên mất bản lai diện mục của mình. Ví như tấm kiếng, vốn tự chiếu soi khắp cả trời đất, nhưng vì bị bụi bặm trần cấu bám vào, khiến nó không thể chiếu sáng. Chúng ta chỉ việc dùng công phu lau chùi, thì tự tánh chiếu soi xưa kia, tự nhiên hiển hiện. Tâm tánh của chúng ta cũng như thế. Trên đồng với chư Phật không hai không khác, không thiếu không thừa. Song, tại sao chư Phật đã thành Phật rồi, mà chúng ta vẫn còn làm phàm phu, nằm trong biển khổ sanh tử? Chỉ vì tâm tánh của chúng ta, bị bao tập khí vô minh phiền não che lấp, nên tâm tánh này tuy cùng Phật không khác, nhưng không thể dùng được.

Ngày nay, chúng ta đã xuất gia, đồng là con Phật, thì phải cố gắng minh tâm kiến tánh, xoay về cội nguồn, chẳng ngại khổ nhọc, vận dụng công phu. Người xưa chịu muôn ngàn khổ nhọc, tham tầm thiện tri thức, chỉ vì muốn hiểu rõ chính mình. Hiện tại là đời mạt pháp, thời thánh giáo đã qua, Phật pháp ngày càng suy vi, người nhiều biếng nhác, nên chẳng có thể cắt đứt dòng sanh tử. Ngày nay đã biết tự tâm tương đồng với chư Phật, phải nên phát tâm tu hành dài lâu, tâm kiên cố, tâm dũng mãnh, tâm hổ thẹn. Từ sáng đến tối, trong mười hai thời, như mài như giũa, như cạo như chùi, nỗ lực tinh tấn, dụng công tu đạo, chớ để thời gian trôi qua vô ích.

3/ Ngày mười ba tháng ba [^]

Cổ nhân nói:

- Luận việc thành đạo rất dễ, nhưng muốn trừ vọng tưởng lại rất khó.

Đạo là lý. Lý là tâm. Tâm, Phật, chúng sanh, tuy là ba, nhưng nào có sai khác! Người người vốn có đầy đủ; ai ai cũng sẽ viên thành quả vị Phật. Tâm tánh đó, tại Thánh không tăng, tại phàm chẳng giảm. Nếu ai hiểu được tâm này thì đại địa không còn một tấc đất. Mọi pháp thế gian cùng xuất thế gian, phàm phu thánh hiền, đều vốn không thật, sao lại có sanh tử? Vì thế, bảo:

- Luận bàn thành Phật rất dễ.

Tâm thể này tuy sáng soi vi diệu, nhưng bị bao loại vọng tưởng che lấp, ánh sáng không cách chi hiển hiện, nên muốn trừ vọng tưởng thật không dễ dàng.

Vọng tưởng có hai loại: Thô kệch và vi tế. Lại nữa, tâm có vọng tưởng hữu lậu và vô lậu. Vọng tưởng hữu lậu khiến chúng ta cảm thọ quả báo khổ nhọc hay sung sướng ở cõi trời và người. Vọng tưởng vô lậu khiến chúng ta có khả năng thành Phật làm Tổ, thoát khỏi sanh tử, xuất ra ba cõi. Vọng tưởng thô kệch khiến lãnh

thọ quả báo xấu, đọa vào ba đường khổ địa ngục, ngạ quỶ, súc sanh. Vọng tưởng vi tế khiến tạo bao việc lành thiện như niệm Phật, tham thiền, tụng kinh, trì chú, lễ bái, hộ trì giới luật, v.v... Vọng tưởng thô tương ưng cùng nghiệp xấu, tức khởi mười điều ác. Ý khởi tham lam, sân hận, si mê. Miệng nói láo, nói lời thêu dệt, nói lưỡi đôi chiều, nói lời ác độc. Thân tạo nghiệp giết hại, ăn cắp, tà dâm. Đây là mười việc ác do thân miệng ý tạo ra. Trong đó, phân biệt tùy theo cấp bậc nặng nhẹ. Tạo nghiệp thượng phẩm của mười điều ác thì đọa địa ngục. Trung phẩm thì đọa ngạ quỶ. Hạ phẩm thì làm súc sanh. Tổng quát, cho dầu vọng tưởng thô hay vi tế, tất cả đều phát khởi từ một tâm niệm. Mười pháp giới cũng từ tâm niệm này phát sanh, nên bảo rằng tất cả đều do tâm tạo.

Cội gốc bổn địa phong quang của chúng ta, vốn không mang một sợi tơ trói buộc, và chẳng bị phiền trược trần lao làm ô nhiễm, chỉ bất đắc dĩ mới gọi là vọng tưởng thô. Khi chúng diệt thì còn vọng tưởng vi tế. Lúc đó, mạng căn vẫn chưa đoạn. Hiện tại, muốn trừ vọng tưởng, phải nương theo một câu thoại đầu hay chú tâm vào một tiếng niệm Phật, để đập ngói cửa thành quân địch; đem vọng tưởng vi tế để hàng phục vọng tưởng thô, tức là lấy độc trị độc. Hàng phục vọng tưởng thô rồi, chỉ còn lại vọng tưởng vi tế. Lúc ấy mới tương ưng cùng đạo. Tiếp tục mài giũa, công phu lâu ngày được thuần thục, thì vọng tưởng vi tế cũng không còn.

Biết vọng tưởng không tốt, nên phải đoạn trừ chúng. Song, biết mà lại cố phạm, vẫn khởi bao vọng tưởng, chạy đuổi lưu chuyển theo tập khí. Gặp nghịch cảnh vẫn khởi vô minh, làm biếng giải đãi, cầu danh lợi, nghĩ ngợi việc dâm dục v.v... Tuy biết chúng chẳng tốt lành, mà không thể xả bỏ được. Vì sao? Do từ đời vô thủy đến nay, huân tập khí nhiễm ô thâm sâu, nên trở thành thói quen tập quán. Như chó thích ăn phẩn, tuy cho thức ăn ngon, nhưng khi nghe mùi phẩn, nó vẫn chạy đến. Đây là tập quán trở thành tánh khí. Có một câu chuyện, miêu tả cách diệt trừ vọng tưởng của người xưa.

Thiền sư Pháp Đường, núi Đại Mai, đến tham vấn Mã Tổ, hỏi:

- Thế nào là Phật?

Mã Tổ bảo:

- Tâm tức là Phật.

Thiền sư bèn đại ngộ, rồi lên núi Đại Mai, kết am ẩn tu. Mã Tổ nghe tin, bảo tăng đến đó hỏi nguyên do. Thiền sư đáp:

- Mã Tổ dạy tôi rằng tâm tức là Phật, nên mới trụ nơi đây tu hành.

Tăng bảo:

- Gần đây Mã Tổ dạy Phật pháp có khác đôi chút.

- Khác như thế nào?

- Phi tâm, phi Phật.

- Lão già làm mê hoặc người chẳng có ngày nào thôi. Mặc tình lão phi tâm phi Phật, tôi chỉ biết tâm tức là Phật.

Tăng trở về thuật lại. Mã Tổ bảo:

- Trái mai đã chín.

Những hành động của chư Tổ Sư, đều đánh thẳng vào tâm người, khiến họ đoạn trừ vọng tưởng. Chúng ta là người xuất gia, hành cước tham học, chưa đoạn sanh tử, phải sanh tâm hổ thẹn sâu xa, cùng phát tâm đại dũng mãnh, chớ để tập khí xoay chuyển.

"Giả sử có vòng lửa sắt, cháy rực trên đầu, quyết không vì khổ này mà thối thất tâm Bồ Đề".

Bồ Đề tức là giác. Giác tức là đạo. Đạo tức là diệu tâm. Tâm này xưa nay vốn viên mãn tròn đầy, chẳng hề khiếm khuyết. Nay muốn tìm về tự tánh, phải tự phát tâm, hướng vào tự tánh mà tầm cầu. Ngược lại, ngay cả Phật Thích Ca xuất thế, e rằng cũng không giúp được gì!

Trong mười hai thời, chớ phân biệt động tịnh, đi đứng nằm ngồi. Nếu sống lại với thể tướng như như của chân tâm mà không khởi vọng tưởng, thì lo gì chẳng đoạn sanh tử? Nếu không như thế thì luôn luôn bận bịu, từ sáng đến tối, từ sanh đến tử, chỉ lãng phí thời gian. Một đời tu hành khổ cực, mà không được lợi ích gì. Ngày ba mươi tháng chạp đến, khát nước mới đào giếng, thì ra tay sao kịp; dẫu có hối hận nhưng đã quá muộn! Đây là những lời tha thiết của tôi. Hy vọng mọi người hãy tự dụng tâm lãnh hội.

4/ Ngày mười bốn tháng ba [^]

Kinh Lăng Nghiêm nói: "Nếu chuyển được vật, tức đồng Như Lai".

Chư Thánh Hiền luôn chuyển được vật, chứ không bị vật chuyển, nên tùy tâm tự tại, nơi nơi đều sống với tâm chân như. Phàm phu chúng ta vì vọng tưởng chướng ngăn, nên bị muôn vật xoay chuyển. Ví như gió đông thổi đến những đầu ngọn cỏ thì chúng ngã về hướng tây, hay gió tây thổi đến thì chúng ngã về hướng đông; nghĩa là tự chúng không có thể làm chủ được. Có người cả ngày lo lắng bận rộn, tán tâm phóng dật, ý chẳng trụ nơi đạo; tuy dụng công phu, mà lúc có lúc không, đứt đoạn không liên tục, lại thường trụ nơi vui buồn thương ghét, bụng nhét đầy phiền não thị phi. Mắt thấy sắc tướng, tai nghe âm thanh, mũi ngửi mùi thơm, lưỡi nếm vị ngon, thân cảm giác xúc chạm, ý phân biệt các pháp. Sáu căn đối với sáu

trần, không có giác chiếu. Tùy theo màu sắc, xanh đỏ trắng vàng, già trẻ, nam nữ, mà tâm niệm xoay chuyển cuồng loạn. Lúc hợp ý thì sanh tâm tham đắm, ái nhiễm mến trước. Khi nghịch ý thì khởi phiền não, giận hờn, oán trách. Luôn luôn khởi vọng tưởng. Nơi vọng tưởng vi tế còn có thể dụng công tu đạo, làm việc lành thiện. Nơi vọng tưởng thô lại khởi bao loại vọng niệm bất chánh tà vạy; bụng chứa đầy cấu uế,

tệ hại cả bảy tám phần, không thể diễn tả hết.

Thiền sư Bạch Vân Đoan bảo:

"Nếu năng chuyển vật tức Như Lai
Xuân ấm áp, hoa núi nở rộ
Tự có đôi tay, cùng tương thủ
Chưa từng dễ dàng, vũ tam đài".

Kinh Kim Cang nói: "Phải nên hàng phục tâm như thế".

Nhà Nho cũng có câu:

- Tâm không ở đây. Gần mà không thấy. Có tiếng mà chẳng nghe. Ăn mà chẳng biết mùi vị.

Nhà Nho còn biết việc chẳng để vật chuyển. Phật tử chúng ta sao lại không nhớ đến nổi khổ sanh tử, như lửa cháy trên đầu? Nếu xả được thân tâm, tinh tấn cầu đạo, tự rèn luyện kiểm nghiệm, mài dũa trong động, từ từ dụng tâm không để vật chuyển, thì công phu mới có phần vững vàng.

Dụng công không nhất định phải ở trong yên tĩnh. Nơi động mà không bị động, mới là công phu chân thật.

Năm đầu nhà Minh, ở Đàm Châu tỉnh Hồ Nam, có ông Hoàng Thiếc Tượng, dùng nghề rèn làm sinh sống, nên người đương thời gọi là Hoàng Đả Thiếc. Lúc ấy, Chu Nguyên Chương đang khởi binh lật đổ nhà Nguyên, nên rất cần nhiều binh khí. Hoàng Đả Thiếc phụng mạng triều đình, ngày đêm gấp rút rèn binh khí không ngừng nghỉ. Ngày nọ, một vị tăng đi ngang qua nhà, được ông ta cúng dường thức ăn. Ăn xong, vị tăng bảo:

- Nay thọ nhận thức ăn bố thí, không có gì đền đáp, nhưng sẽ tặng thí chủ một câu kệ.

Họ Hoàng liền thỉnh tăng thuyết pháp. Tăng hỏi:

- Sao thí chủ không chịu tu hành?

Họ Hoàng thưa:

- Tu tuy là việc tốt, nhưng cả ngày bị bận rộn, làm sao hành được?

- Có pháp môn niệm Phật, tuy bận rộn, nhưng vẫn tu hành được. Khi đập một thanh sắt, thí chủ nên niệm Phật một câu. Thổi một hơi, cũng nên niệm Phật. Cứ niệm 'Nam mô A Di Đà Phật' trường kỳ như thế, thì lúc lâm chung, chắc chắn sẽ được vãng sanh cõi Tây Phương Cực Lạc.

Hoàng Đả Thiếc y theo lời dạy của vị tăng đó, vừa đập một thanh sắt, vừa niệm Phật. Cả ngày vỗ đập thui rèn sắc thiếc, và cả ngày niệm Phật, không cảm thấy mệt nhọc, lại còn cảm giác khinh an tự tại. Công phu ngày ngày thâm sâu, nên từ từ ngộ nhập, không niệm mà vẫn niệm. Khi sắp lâm chung, biết rõ giờ giấc, rồi từ tạ thân bằng quyến thuộc, tự bảo sẽ vãng sanh qua cõi Tây Phương. Thời điểm đến, sắp đặt giao phó công việc trong nhà, rồi tắm rửa, thay đổi y phục. Xong xuôi, ông tới ngồi bên lò rèn, đập vài thanh sắt, rồi thuyết bài kệ:

"Đả đả đương đương!
Luyện lâu thành thép
Thái bình kề cận
Tôi vãng Tây Phương".

Thuyết xong, ông liền qua đời. Đương thời, mùi hương lạ bay khắp nhà, nhạc trời vang trong không trung, xa gần đều nghe thấy, khiến ai ai cũng được cảm hóa.

Hôm nay, chúng ta bận rộn ngày đêm, không giờ giấc nghỉ ngơi. Nếu hành trì như ông Hoàng Đả Thiếc, trong động mà vẫn nỗ lực tu hành, thì lo gì không cắt đứt sanh tử!

Xưa kia, lúc ở núi Kê Túc, tỉnh Vân Nam, tôi có một đệ tử xuất gia, tên là Cụ Hành. Nay kể chuyện của Thầy đó cho quý vị nghe.

Thầy Cụ Hành, lúc chưa xuất gia, thường hút thuốc uống rượu, tham đắm sắc đẹp. Gia đình tám người, thường đến chùa Chúc Thánh làm công quả. Sau này, cả nhà đều xuất gia. Xuất gia xong, Thầy bỏ hết mọi tập khí xấu. Tuy không biết một chữ, Thầy vẫn cố gắng dụng công. Những bài kinh kệ, công phu sáng chiều, như phẩm Phổ Môn v.v... trong vòng vài năm, Thầy đều học thuộc lòng. Cả ngày, Thầy trồng rau quả không nghỉ ngơi. Tối đến, lễ Phật tụng kinh, không tham ngủ nghỉ. Trong tăng chúng, được người mến thích hay bị ghen ghét, Thầy cũng chẳng màng đến. Thầy thường giúp tăng chúng may vá y áo. Lúc xỏ một mũi kim, Thầy niệm một câu 'Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát'. Sau này, Thầy đi lễ bái bốn núi danh tiếng (núi Ngũ Đài, Nga Mi, Phổ Đà, Cửu Hoa) trong tám năm, rồi trở lại Vân Nam. Khi ấy, tôi đang đảm nhiệm trọng trách trùng tu chùa Vân Môn. Trở về, Thầy cũng tu khổ hạnh. Những việc nặng nề khó nhọc, lớn nhỏ trong chùa, Thầy đều đảm đang gánh vác. Đại chúng đều mến thích Thầy. Lúc sắp lâm chung, Thầy mang tất cả y

phục, đồ vật đi bán, rồi dùng số tiền đó, mua thức ăn cúng dường tăng chúng. Sau đó, cáo từ đại chúng, sắp đặt mọi việc gọn gàng. Vào tháng tư, Thầy mang dầu, rơm rạ ra sau sân chùa Thắng Nhân, tức hạ viện chùa Vân Thê, để tự thiêu mà hóa. Khi có người phát giác, thì Thầy đã vãng sanh. Song, y ca sa trên thân, tuy đã thành tro, nhưng vẫn giống như bình thường, mà không rơi xuống. Thân Thầy ngồi trong đống lửa, tay vẫn cầm cây khánh và cái mõ. Người đến xem, ai nấy đều cảm động rơi lệ. Ngày ngày Thầy bận rộn, nhưng chẳng quên tu hành, nên tự do tự tại, qua lại trong sanh tử. Trong động và tĩnh đều dụng công tu hành, nên công phu mới dễ dàng đắc lực.

5/ Ngày hai mươi mốt tháng ba [^]

Người xưa tu hành có đạo đức cao thượng tôn quý, khiến thiên long quỶ thần cảm động, tự nhiên đến ủng hộ. Vì thế, đạo đức là tôn quý nhất ở thế gian, nên có câu: "Đạo cao long hổ phục. Đức trọng quỶ thần khâm".

QuỶ thần cùng con người, mỗi loài đều có pháp giới tôn quý ty tiện khác nhau. Tại sao chư thiên, quỶ thần lại tôn trọng, cung kính pháp giới loài người? Diệu tánh linh minh vốn chẳng phân biệt mình người, đều đồng quy về nhất thể. Chỉ vì vô minh bất giác, mê muội nguồn chân, mới phân mười pháp giới, tức sáu phàm bốn thánh. Nếu muốn xả mê về ngộ, phải xoay về cội nguồn. Song, trình độ giác ngộ của mỗi pháp giới không đồng. Trong pháp giới của con người, có kẻ giác và bất giác, cũng có kẻ chánh tri kiến và tà tri kiến. Pháp giới chư thiên và quỶ thần cũng như thế. Tuy nằm trong sáu loài phàm phu, nhưng pháp giới con người lại vượt trội năm pháp giới khác. Chư thiên cõi trời Lục Dục vẫn còn đam mê tham ái nữ sắc, quên mất việc tu hành. Trời Tứ Thiền Thiên thì lại tham đắm thiền vị, quên mất con đường minh ngộ chân tâm. Trời Tứ Không Thiên thì lại lạc vào

thiên chấp biến không, quên mất chánh tri kiến. A Tu La còn nhiều sân hận. Chúng sanh trong đường địa ngục, ngạ quỶ, súc sanh thọ bao khổ nhọc, khiến chẳng có chánh niệm, thì làm sao tu hành? Cõi người khổ nhọc vui sướng không đồng, nhưng so với các cõi khác thì dễ dàng giác ngộ hơn, nên có thể minh tâm kiến tánh, siêu phàm nhập thánh. Chư thiên quỶ thần tuy có thần thông phước báo nhiều ít không đồng, nhưng đều tôn trọng người có đạo đức và cùng ngưỡng mộ chánh pháp.

Thiền sư Nguyên Khê, kết am tại Nhạc Bàng Ô, đã từng truyền giới cho thần núi. Trong bộ Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, viết: "Ngày nọ, có một dị nhân, đầu đội mão rộng, thân mặc cân đai, dẫn rất nhiều người, thư thả đi vào am, bảo rằng muốn yết kiến Đại Sư. Thấy hình mạo kỳ lạ phi thường, Đại Sư hỏi:

- Lành thay! Nhân giả vì cớ gì mà đến đây?

Thần đáp:

- Đại Sư nhận ra con không?

- Ta chỉ dùng mắt bình đẳng mà quán chư Phật cùng tất cả chúng sanh, sao lại có phân biệt!

- Con vốn là thần trụ núi này, và cầm nắm sanh tử con người trong vùng. Đại Sư có nhận biết không?

- Ta vốn vô sanh, ông làm sao giết được? Thân Ta đồng với hư không, cùng đồng với thân ông. Ông có thể phá hoại hư không cùng thân của mình không? Chẳng thể được! Thân Ta bất sanh bất diệt. Ông chưa có thể làm được như thế, sao cầm nắm sanh tử của ta?

Thần cung kính cúi đầu thưa:

- Con là vị thần rất mực thông minh chánh trực, há lại không biết Đại Sư có trí huệ quảng đại sao? Nay mong cầu Đại Sư hãy truyền chánh giới, con xin lãnh thọ.

- Ông khất cầu giới, tức đã đắc giới. Tại sao? Ngoài tâm không có giới, sao cần cầu giới?

- Nghe lý này, con thật mê muội, chỉ cầu Đại Sư truyền giới để con trở thành đệ tử của Ngài.

Đại Sư lên tòa, ngồi ngay thẳng, tay cầm bình hương trầm, bảo:

- Hôm nay truyền năm giới cấm, nếu ông phụng trì được, thì đáp rằng con giữ được. Ngược lại, hãy đáp rằng không giữ được.

Thần thưa:

- Con kính cẩn thọ giáo.

- Ông có thể giữ giới cấm dâm dục được không?

- Con vẫn còn có vợ.

- Chẳng phải thế! Ta bảo là không nên tà dâm.

- Con giữ được.

- Ông có thể giữ giới cấm ăn cắp được không?

- Con đâu có thiếu gì, sao lại đi ăn cắp?

- Không phải vậy! Hưởng thụ mà không tham lam quá độ. Không được cúng, chớ nên gieo họa cho người hiền.

- Con giữ được.

- Ông có thể giữ giới cấm giết hại được không?

- Con đang nhậm chức phán sát, sao không thể giết hại được?

- Không phải thế! Chẳng nên lạm dụng quyền thế, giết hại người hiền.

- Con giữ được.

- Ông có thể giữ giới cấm nói láo được không?

- Tâm con chất trực, sao lại đi nói láo?

- Không phải thế! Không nói láo tức lời nói trước sau đều hợp với tâm của trời đất.

- Con giữ được.

- Ông có thể giữ giới cấm uống rượu được không?

- Con giữ được.

- Trên đây là những giới cấm do Phật chế. Có tâm phụng trì mà vô tâm chấp vật. Có tâm vì vật, mà vô tâm nghĩ tưởng thân. Nếu được như thế, thì lúc trời đất vừa thành lập, chẳng tinh khiết. Lúc trời đất tan hoại thì chẳng già. Biến hóa ngày đêm mà không động. Cứu cánh tịch mặc mà chẳng ngừng nghỉ. Ngộ được như thế, tuy có vợ mà chẳng phải thê thiếp. Tuy hưởng thụ, mà chẳng chấp thủ. Tuy có oai quyền mà chẳng lạm dụng uy thế. Tuy làm mà chẳng tạo. Tuy say rượu mà chẳng hôn mê. Nếu vô tâm nơi muôn vật, tuy nhiều dục mà chẳng dâm; tham lam quá độ

mà không phạm tội ăn cắp; lạm quyền giết lầm người mà không phạm tội sát. Trước sau ngược với trời đất mà không vọng dối. Hôn vọng điên đảo mà chẳng say. Đó gọi là vô tâm. Vô tâm thì vô giới. Vô giới tức là vô tâm, vô Phật, vô chúng sanh, vô nhân, vô ngã, vậy thì ai là người trì giới?

- Thần thông của con thật không thể sánh bằng Phật.

- Trong mười phần thần thông, ông không thể làm được năm phần, còn Phật thì không thể làm ba phần.

Nghe thế Thần bèn quỳ xuống thưa:

- Cầu xin Đại Sư kể rõ cho con nghe.

Đại Sư hỏi:

- Ông có thể khiến mặt trời mọc ở hướng tây, lặn ở hướng đông không?

- Không thể.

- Ông có thể lấy đất năm đảnh núi mà kết thành bốn biển không?

- Không thể.

- Phật có thể chuyển tất cả tướng không thành muôn pháp trí, mà không thể diệt định nghiệp. Phật có thể biết sự việc của chúng sanh cùng tận ức kiếp, mà không thể giáo hóa những kẻ vô duyên. Phật có thể độ vô lượng loài hữu tình mà không thể diệt tận pháp giới chúng sanh. Đó là ba việc mà Phật không thể làm được. Định nghiệp cũng không lâu. Kẻ vô duyên cũng có kỳ. Pháp giới chúng sanh vốn không tăng không giảm. Không ai có thể làm chủ tất cả pháp. Có pháp mà vô chủ, nên gọi

là vô pháp. Vô pháp vô chủ, cũng gọi là vô tâm. Nay giải thích về Phật, Ta cũng chẳng có thần thông, chỉ dùng vô tâm mà thông đạt hết muôn pháp.

- Con thật rất ngu muội, chưa từng được nghe nghĩa không. Đại Sư truyền giới, con vâng giữ phụng hành. Ngày nay, con nguyện muốn báo đáp ân đức từ bi của Đại Sư, nên sẽ hiển hiện chút ít thần thông.

- Ta quán thân vô vật, quán pháp vô thường, sao cần cầu chi nữa?

- Nếu Đại Sư cho phép, con sẽ triển chuyển chút ít thần thông, để khiến người đã phát tâm, vừa phát tâm, chưa phát tâm, chẳng có tín tâm, đã có tín tâm, biết được có Phật, có thần có năng lực thần thông, không có năng lực thần thông, có tự nhiên, không có tự nhiên.

- Không được! Không được!

- Phật cũng xử dụng thần thông để truyền pháp, sao Đại Sư chẳng làm theo? Xin Đại Sư rũ lòng dạy bảo.

Đại Sư bất đắc dĩ bảo:

- Chùa Đông Nham có chướng ngại là cỏ dại rậm rạp mà chẳng có cây cối to lớn; đằng sau lưng chùa lại không có chỗ tựa. Ngọn núi phía bắc có rất nhiều cây cối. Ông có thể di chuyển cây cối bên hướng bắc qua đỉnh núi phía đông không?

Thần thưa:

- Xin vâng mạng! Giữa khuya, con sẽ thổi chúng đi, mong Đại Sư chớ sợ!

Nói xong, Thần liền đảnh lễ tạ từ lui ra. Tăng chúng trong chùa, vừa đưa Thần ra cửa, thì thấy có rất nhiều người, đứng hai hàng dài, đi theo hầu. Tướng Thần oai vệ

uy nghi như vua chúa, xung quanh thân sương khói xông lên mù mịt, mây ngũ sắc quấn chằng chịt, trên đầu có tràng phan ngọc bội. Thần bay lên hư không rồi biến mất. Tối đến, quả nhiên mây kéo đến ùn ùn, mưa to gió lớn, sấm sét nổi lên, mái nóc đều lung lay rung động, khiến chim chóc cầm thú la hoảng. Đại Sư bảo đại chúng:

- Chớ sợ! Chớ sợ! Thần làm theo ý ta.

Sáng hôm sau, trời trong mưa tạnh; tất cả cây cối bên phía bắc đều được dời hết qua đỉnh núi phía đông, mọc tủa xum xuê khắp nơi. Đại Sư thấy thế, bảo đệ tử:

- Sau khi Ta mất, chớ kể chuyện này cho người ngoài nghe. Nếu họ biết được, sẽ cho Ta là yêu quái.

Quý vị hãy xem, thần tuy có thần thông, nhưng không bằng người có đạo đức. Thế nên bảo rằng "đức trọng quỶ thần khâm". Người không có đạo đức, bị quỶ thần quản chế, thọ bao hiểm họa. Người có đạo đức, lại muốn minh tâm kiến tánh, thì tự nhiên sẽ cảm động quỶ thần. Chư thiền sư đại đức xưa nay, tu hành kinh thiên động địa, khiến hươu nai dâng hoa, khỉ vượn cúng trái. Thiên ma ngoại đạo, chư tiên quỶ thần, đều đến quy y, như Chân tổ sư quy y Quán Âm, Tài Thần quy y Phổ Hiền, Động Tân tiên sư quy y Hoàng Long, Vương Linh Quang quy y Địa Tạng, vua Văn Xương quy y Phật Thích Ca, v.v... Do đó, hoàng đế Nhân Tông triều Tống viết bài kệ phú tán thán chư tăng đại đức: "Những bậc tôn quý nhất trên thế gian, không ai bằng những vị xả tục xuất gia. Nếu được làm tăng sĩ, thì mới thọ sự cúng dường của trời người. Làm đệ tử của đấng Thế Tôn, tức là quyến thuộc của tiên thánh, vào nơi cửa vàng, đến cung điện bảo tạng. Hươu trắng dâng hoa, khỉ vượn cúng trái. Xuân nghe chim hót líu lo, vang tiếng diệu nhạc cơ trời. Hạ nghe ve kêu trên cây cao, liền biết mùa nóng đã đến. Thu ngắm trời xanh, gió trong

trăng sao chiếu sáng. Đông xem tuyết phủ đảnh núi sông ngòi. Ngồi thiền trên bồ đoàn, thân ấm áp. Dẫu sóng ba đào nổi dậy, vẫn cỡi tích trượng thăng hư không. Mười đại quân ma khi nghe danh, vẫn phải hàng phục, quy y chánh đạo. Vang tiếng gõ bản, bèn lên vân đường lễ cúng. Nghe tiếng chuông, bèn lên chánh điện tụng kinh. Mọi việc đều như ý, muôn loại hiện thành. Lúc sống làm thầy trời người. Lúc chết quyết định quy y thánh quả. Kệ viết:

'Không Vương đệ tử Phật
Quyến thuộc chư Như Lai
Thân mặc y trăm mảnh
Miệng ăn ngàn bát cơm
Tối ngủ giường vô úy
Sáng thấy Phật A Di Đà'.

Nếu Trẫm được như vậy, thì rất là mãn nguyện".

Trên đây là lời văn tán tụng chư tăng đại đức của hoàng đế Nhân Tông. Chúng ta tự hãy xem xét mình có tương ưng điểm nào với bài văn phú tán thán này không? Nếu hạnh mình đều tương hợp với lời văn trên, thì mới có thể thọ sự tôn kính của quỶ thần. Nếu "sóng ba đào khởi", như khi vô minh dấy lên, mà không thể "mở tích trượng, phóng lên hư không", khiến làm náo loạn cả trời đất, thì thật xấu hổ cùng cực. Ngược lại, nếu "mười đại ma quân" làm phiền hà, khiến chẳng được như ý, và bao việc chẳng thành tựu, mà có thể hàng phục chúng, thì trời rồng tám bộ quỶ thần đều tôn trọng cung kính.

6/ Ngày hai mươi bốn tháng ba [^]

Hôm nay, có các vị pháp hữu phát tâm yêu cầu tôi thuyết ngữ lục. Tôi thấy việc này vô ích, vì kinh điển nhà Phật, cùng bao lời dạy bảo của chư Tổ Sư, thật nhiều

vô số. Tất cả lời giáo huấn đó, quý vị không chịu xem đọc, mà chỉ muốn tôi nói những việc bên đông bên tây, lưu truyền ra ngoài có ích gì?

Từ xưa đến nay, Phật giáo truyền vào nước Tàu, lưu lại rất nhiều kinh luật luận, chú giải điển chương, ngữ lục. Buổi đầu, được kết thành Đại Tạng. Đầu tiên, vua Tống Thái Tổ, niên hiệu Khai Bảo thứ tư (971), sai Trương Tùng Tín đến Tây Xuyên, thuê thợ khắc Kinh Tạng. Đến đời vua Tống Thái Tông, niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc thứ tám (983), trải qua mười ba năm, mới khắc thành 'Thục Bản Đại Tạng Kinh', được gọi là bản Đại Tạng Kinh đời Bắc Tống. Đây là một công trình rất tinh vi kỸ lưỡng. Song, sau này dần dần bị tán lạc mất. Cuối đời Tống, có tạo khắc bản Đại Tạng Kinh bốn lần. Bản Đại Tạng Kinh cuối cùng, khởi công in khắc vào đời vua Lý Tông, niên hiệu Thiệu Định, năm thứ tư (1231), tại viện Diên Thánh ở Tích Sa, cho đến đời vua Nguyên Quý Phương mới hoàn thành, được gọi là bản Đại Tạng Tích Sa. Người xem bản Đại Tạng Kinh này rất ít. Hai chùa tại Xiểm Tây ở Tây An là Khai Nguyên và Ngọa Long, còn giữ được bộ Đại Tạng Kinh này, được gọi là Đại Tạng Kinh Hoàn Bích. Triều Minh, đời vua Chu Khánh Lan, Đại Tạng Kinh được in ấn lại. Dân Quốc năm thứ hai mươi mốt (1932), hội ấn hành Tống Đại Tạng Kinh ra đời tại Thượng Hải. Hội sắp đặt, soạn thảo theo thứ tự, rồi tích cực ấn hành. Đầu tiên, hội phái người đến Xiểm Tây, kiểm tra lại số kinh sách, tính được hết là sáu ngàn ba trăm mười quyển, còn thiếu hơn một trăm quyển. Thế nên, hội dùng bộ Tống Tư Khê, do nhà xuất bản Tùng Ba tại Bắc Kinh ấn hành, để bổ khuyết vào Đại Tạng Kinh, nhưng vẫn chưa đủ. Hội lại ủy thác tôi đem những bộ kinh tại chùa Dõng Tuyền như Đại Tạng Kinh Tích Sa, kinh Đại Bát Nhã, kinh Bảo Tích, để thêm vào cho đủ. Lạ lùng thay, ngọc báu Đại Tạng Kinh đã bị chôn vùi mấy trăm năm, nay được lưu truyền trong toàn quốc. Song, có một khuyết điểm là việc kiểm duyệt lại bộ Đại Tạng Kinh rất bất tiện. Đời Minh, thiền sư Tử Bá phát tâm in khắc rất nhiều kinh điển. Sau khi bản Đại Tạng Kinh

Gia Hưng được lưu thông, việc kiểm duyệt rất tiện lợi. Gần đây, ở Hàng Châu có hai vị cư sĩ, Tiễn Khoan Huệ và Tần Khoan Phước, thấy có tăng nhân bán kinh sách cho dân chúng để làm giấy dùng hằng ngày, nên họ tận lực phát tâm mua lại những quyển kinh sách đó, rồi gởi về núi Vân Cư. Hiện tại, núi Vân Cư có các bộ Đại Tạng Kinh như bộ Đại Tạng Tích Sa, Đại Tạng Tần Già, cùng những bộ kinh khác, rất đầy đủ và dễ dàng trong việc kiểm duyệt.

Thông một pháp thì muôn pháp đều thông, chứ chẳng câu nệ nơi việc đọc nhiều kinh điển. Có thể xem toàn bộ Đại Tạng Kinh trong ba năm để gieo nhân lành thành Phật. Song, đọc xem Đại Tạng Kinh như cỡi ngựa ngắm hoa. Nếu muốn đạt lợi ích chân thật, phải đọc tụng thuộc làu thành thục. Theo ngu kiến của tôi, người sơ phát tâm tu thiền, nên chuyên chú học thuộc kinh Lăng Nghiêm, tức chỉ cần học thuộc lòng mà không cần xem chú giải. Khi học thuộc bộ kinh này rồi, thì dùng văn kinh phần trước giải thích phần sau, hay văn kinh phần sau giải thích phần trước. Bộ kinh này thuyết kỸ càng tinh tế, từ phàm phu đến quả vị Phật, từ vô tình đến hữu tình, cùng núi sông đất đá, bốn phàm sáu thánh, tu chứng mê ngộ, giới luật sự lý nhân quả. Bởi thế, lợi ích học thuộc kinh Lăng Nghiêm là sẽ thấu suốt được những vấn đề đó.

Người thường tham cứu tu học phải có ba việc: Một là đôi mắt phải tinh tế. Hai là đôi tai phải tinh tường. Ba là bao tử phải rắn chắc. Đôi mắt tinh tế, tức là phải có cặp mắt Kim Cương chân chánh. Thấy tất cả sự việc, phải phân biệt đúng sai, tốt xấu, tà chánh, phàm thánh. Đôi tai tinh tường, tức là đôi tai thuận gió. Nghe người khác nói lời gì, liền biết rõ chúng thuộc về lý lẽ nào. Bao tử rắn chắc, tức là phải giống như bao tử của Bồ Tát Di Lặc. Nghe thấy những việc tốt xấu, đều thọ nhận hết. Gặp duyên thì ứng cơ giáo hóa quần sanh. Mang những việc thấy nghe để nghiên cứu so sánh. Nếu là việc thiện thì làm theo, còn nếu là việc xấu thì sửa đổi. Làm mọi việc đều phải căn cứ vào tiêu chuẩn đó. Vì vậy, chúng ta phải có bao tử

rắn chắc để dung chứa muôn việc, nhưng chớ nên thổi da trâu để dùng, cùng giả bộ biết này biết nọ, hay nói càn nói bậy.

Ngài Quy Sơn bảo:

- Nói ra lời nào phải liên hệ với kinh điển. Đàm luận gì, phải xét lại lời người xưa.

Vì vậy, phải xem kinh điển để biết cách tu hành đúng đắn, hầu mong đạt được lợi ích. Lời hồ ngôn loạn ngữ của tôi rất tầm thường, chẳng có câu nào đáng giá. Lúc trẻ, tuy rất thích xem kinh điển, nhưng chỉ dùng những lời trống rỗng để đàm luận. Thật rất xấu hổ.

Truyện Tây Du Ký hay truyện Mục Liên được lưu truyền trong thế gian. Chúng vốn là những truyện thanh tục không phân, thị phi điên đảo, chân thành giả, giả thành chân. Truyện Mục Liên viết rằng tôn giả Mục Kiền Liên biến thành Bồ Tát Địa Tạng ở trong kinh Địa Tạng. Đây là lời rất hàm hồ. Trong đời Đường, pháp sư Huyền Trang có viết quyển Tây Du Ký. Nội dung của quyển này vốn là những lời chân thật. Song, truyện Tây Du Ký được lưu truyền trên thế gian hoàn toàn là những lời ma quỶ. Hòa thượng Bạch Vân ở chùa Bạch Vân giảng kinh Đạo Đức, khiến rất nhiều đạo sĩ xuất gia làm tăng sĩ. Do đó, các đạo sĩ tại Trường Xuân Quán không vừa lòng, nên nói dối là theo lịnh quan quân, sửa Trường Xuân Quán thành chùa Trường Xuân, và chùa Bạch Vân thành Bạch Vân Quán. Các đạo sĩ tự viết ra quyển tiểu thuyết Tây Du Ký để phỉ báng Phật giáo. Xem xét kỸ càng quyển tiểu thuyết Tây Du Ký này thì sẽ thấy chân tướng của họ. Sự lợi hại nhất là họ chẳng hề ghi lại việc pháp sư Huyền Trang mang kinh vượt qua các bãi sa mạc mà trở về bổn quốc. Họ viết là pháp sư Huyền Trang chỉ lưu lại sáu chữ "Nam Mô A Di Đà Phật". Những kinh điển do pháp sư Huyền Trang phiên dịch, họ hoàn toàn bỏ qua không nhắc đến. Thế nhân rất tin tưởng vào quyển truyện Tây Du Ký giả

dối đó, khiến quyển Tây Du Ký chân thật lại bị chôn vùi. Để đối đầu lại quyển tiểu thuyết Tây Du Ký giả dối, các Phật tử viết ra bộ truyện Phong Thần để phỉ báng các đạo sĩ. Quyển truyện này nói rằng các đạo sĩ dầu tu tiên bao số kiếp, nhưng vẫn còn tâm sân hận chém giết lẫn nhau. Xem hai quyển truyện này, nếu không biết rằng chư Phật tử cùng các đạo sĩ phỉ báng lẫn nhau, thì sẽ lầm nhận giả thành chân. Vì vậy, khi xem sách vở thế tục, phải phân biệt rõ những điều thị phi, đúng sai, tà chánh. Truyện Bạch Xà ghi rằng chùa Kim Sơn bị nạn lụt lội; việc này được ghi chép trong sách vở của nhà nho, còn kinh sách của Phật giáo nào có viết đến. Thế nên, chẳng phải là sự thật. Hiện nay, tại chùa Kim Sơn còn động Pháp Hải, mà tiểu thuyết lại ghi rằng đó là tháp Lôi Phong và đỉnh Phi Lai. Thật là những điều hàm hồ vô căn cứ. Lại nữa, một truyền thuyết cho rằng thiền sư Cao Phong có một nửa đồ đệ: Đoạn Nhai là một, và Trung Phong là phân nửa. Trong các điển chương của Phật giáo nào có ghi những điều này!

Nếu muốn có lợi ích thật thụ, hãy xem những quyển kinh sách của cổ nhân như Thích Thị Cổ Lược, Thiền Lâm Bảo Huấn, Hoằng Minh Tập, Bổ Giáo Biên, kinh Lăng Nghiêm.

7/ Ngày hai mươi sáu tháng ba [^]

Giáo điển nhà Phật, nếu bàn về việc hành trì, thì không ngoài bốn chữ: Tín, giải, hạnh, chứng. Kinh nói: "Tín là mẹ của tất cả công đức".

Tín tức là tín tâm. Trong kinh Hoa Nghiêm, thứ lớp đạt được quả vị Bồ Đề, do từ

sơ tín đến thập tín.

Tín việc gì? Tín diệu pháp của Như Lai; nơi mỗi câu cú ngôn ngữ đều chỉ thẳng vào chân tâm, thấy tánh thành Phật. Những lời này, chân thật đích xác, không thể

sửa đổi. Người tu hành phải khởi dụng công từ tâm, chớ hướng ngoại tìm cầu. Tin tâm mình là Phật. Tin ngôn ngữ thánh giáo, không thể vọng động cải biến.

Giải tức là trong mọi hành động cử chỉ, chân đế và tục đế đều viên dung. Tự mình biết uyển chuyển thuyết pháp tu đạo. Vận lực tận suốt nguồn tâm, khiến ánh sáng trí huệ chiếu soi khắp nơi. Đó gọi là kiến giải. Song, nếu hiểu mà chẳng hành trì, thì không thể thành công. Thế nên, miệng phải đọc tụng, tâm phải tư duy. Tâm và miệng phải tương ưng, không thể trái ngược. Miệng không thể bảo lấy gấm thêu hoa, mà bao tử lại chứa đầy tham, sân, si, ngã mạn. Những lời đàm luận trống không, quyết chẳng có lợi ích. Tâm tư duy những gì? Nếu nói ra lời nào, phải y cứ theo thánh giáo lượng. Cử chỉ động niệm, chẳng nên vượt ngoài thành trì thánh giáo lượng. Nói được và làm được, thì ngôn ngữ và hành động mới không khiếm khuyết. Thuyết pháp đến độ hoa trời rơi khắp đất, mà không chân thật hành trì; không làm được thì chớ nói; chớ nên như nam ăn cắp, nữ hát suông. Hạnh có nội hạnh và ngoại hạnh. Cả trong và ngoài đều phải tương ưng. Nội hạnh cắt đứt hai chấp trước: Ngã và pháp. Ngoại hạnh tức là hành muôn hạnh lành thiện vi tế.

Chứng tức là thật chứng lý chân thường.

Có tín có giải, mà không có hạnh thì không thể chứng đắc; đó gọi là phát cuồng. Người thuyết pháp trên thế gian rất nhiều như lông trâu, nhưng khi tu hành lại chẳng biết gì là thiền sư hay pháp sư. Họ chú giải được vài bộ kinh như Kim Cang, Tâm Kinh, Bát Thức Quy Củ, hoặc Lăng Nghiêm, rồi tự vênh mũi khoe khoang, nhưng lúc hành trì lại không khác với người thế tục; kể món ăn mà không chịu ăn.

Nơi các động tác hành vi phải phân rõ nội hành và ngoại hành.

Trong nội hành, định và huệ phải viên dung. Nơi ngoại hành, tại bốn oai nghi, phải thường nghiêm thủ giới pháp, chẳng để phạm chút nào. Nếu được như thế thì tự

mình mới có phần ích lợi. Lại nữa, chính tự thân mình làm được thì mới có thể giáo hóa người. Muốn nhân tâm cảm kích, phải chân thật hành trì, không cần đàm luận nói năng nhiều. Văn Di Sơn bảo: "Nếu thấy tướng Ta, cho đến nghe tên Ta, mọi chúng sanh đều phát tâm Bồ Đề, mãi mãi xuất ra khỏi vòng luân hồi sanh tử".

Hành vi của mình nếu chân chánh thì mới có thể giáo hóa người. Chớ để người thấy hành vi bất chánh của mình mà sanh thối tâm, khiến chiêu tội báo đọa lạc.

Thiền sư Pháp Dung ẩn tu trong hang đá Bắc Nham, cạnh chùa U Thê, tại núi Ngưu Đầu. Ngài tu hành rất mực tinh tấn, được trăm loài chim dâng hoa quả cúng dường. Vào đời Đường Trinh Quán, Tứ Tổ đến núi đó để xem khí tượng, thấy biết có bậc dị nhân, nên cố tự tìm đến. Vào chùa, Tứ Tổ hỏi:

- Trong chùa có bậc đạo nhân không?

Tăng chúng đáp:

- Người xuất gia nơi đây, ai chẳng phải là đạo nhân!

- Ai dám tự xưng là đạo nhân?

Tăng chúng không lời đối đáp. Một vị tăng khác bước ra thưa:

- Cách nơi này khoảng mười dặm có một ông tăng, thấy người đến, rất làm biếng, chẳng thèm đứng dậy hay chắp tay xá. Đây có phải là bậc đạo nhân chăng?

Nghe vậy, Tổ liền vào núi, thấy thiền sư ngồi thiền an nhiên, chẳng màng quay đầu lại nhìn. Tổ bảo:

- Ông ngồi đây làm gì?

Thiền Sư thưa:

- Ngồi quán tâm.

- Người quán là ai, và tâm là vật gì?

Thiền sư không lời đối đáp, nên liền đứng dậy đảnh lễ, thưa:

- Đại Đức quang lâm, an trụ nơi nào?

Tổ bảo:

- Bần đạo không có chỗ dừng chân nơi đông nơi tây nhất định.

- Ngài có biết thiền sư Đạo Tín không?

- Sao hỏi đến vị đó?

- Ngưỡng mộ oai đức đã lâu, mong mỏi có dịp để yết kiến lễ bái.

- Thiền sư Đạo Tín chính là bần đạo!

- Vì sao Ngài lại đến đây?

- Đến đây để thăm ông. Có chỗ nào nghỉ ngơi không?

Thiền Sư chỉ tay ra đằng sau hang động, đáp:

- Ở đây còn một am tranh nhỏ.

Thiền Sư liền dẫn Tổ đến am tranh đó. Khi thấy hổ sói, Tổ ra dáng sợ hãi, đưa hai tay lên. Thiền Sư thấy vậy hỏi:

- Ngài vẫn còn cái đó à?

Tổ hỏi lại:

- Cái đó là gì?

Thiền sư im lặng không đối đáp. Lát sau, Tổ vẽ chữ Phật trên tòa ngồi của thiền sư. Thấy chữ Phật, thiền sư giật mình lo sợ. Tổ hỏi:

- Ông vẫn còn cái đó à?

Thiền sư chưa hiểu, chỉ dập đầu lễ bái, thỉnh Tổ thuyết yếu chỉ. Tổ bảo:

- Trăm ngàn pháp môn, đồng quy về một tấc vuông. Hà sa diệu đức đều nhiếp về nguồn tâm. Tất cả môn giới định huệ, thần thông biến hóa, đều tự có đầy đủ, chẳng rời tâm ông. Mọi nghiệp chướng phiền não, vốn là không tịch. Mọi nhân quả vốn như mộng huyễn. Không có ba cõi để xuất ra, không có Bồ Đề để cầu; nhân cùng phi nhân, tánh tướng bình đẳng; đại đạo thênh thang, tuyệt đường suy nghĩ. Những pháp như thế, nay ông đã được, chẳng hề thiếu sót, sao khác với Phật? Ngoài pháp này, chẳng còn pháp nào khác. Tâm ông chỉ việc tự tại, chẳng cần quán hành, chẳng cần lắng đọng tâm tư, chẳng khởi tham sân si, chẳng ưu sầu lo nghĩ; mông mênh bát ngát vô ngại, tùy ý tung hoành, không làm việc thiện, chẳng tạo việc ác; đi đứng nằm ngồi, mắt thấy gặp duyên, đều là diệu dụng của Như Lai; an lạc chẳng ưu sầu, gọi đó là Phật.

Thiền Sư hỏi:

- Tâm đã đầy đủ, vậy gì là Phật, gì là tâm?

Tổ đáp:

- Chẳng phải tâm, chớ hỏi Phật. Hỏi Phật chẳng có thể không tâm.

- Nếu chẳng cần quán hạnh, thì lúc gặp cảnh khởi tâm, làm sao đối trị?

- Cảnh vốn không tốt xấu. Tốt xấu đều do tâm khởi. Tâm nếu không chạy theo danh lợi, thì vọng tình do đâu mà khởi! Lúc vọng tình chẳng khởi, chân tâm mặc tình giác biết khắp nơi. Tâm tùy thời tự tại, chẳng cần đối trị, tức gọi là pháp thân thường trụ, không biến đổi khác lạ. Ta thọ pháp môn đốn giáo của đại sư Tăng Xán, nay phó chúc cho ông. Ông hãy lắng nghe cho kỸ mà thọ trì lời Ta. Ông chỉ nên trụ tại núi này. Mai sau sẽ có năm vị đạt nhơn đến đây nối tiếp ông hoằng hóa.

Thiền sư Pháp Dung Ngưu Đầu, lúc chưa yết kiến Tứ Tổ, trăm loài chim dâng hoa cúng quả. Sau khi Thiền Sư gặp Tổ, chim không còn đến cúng dường nữa. Lý này thế nào? Cảnh giới Phật pháp không thể nghĩ bàn. Trời người rải hoa cúng dường mà không dấu vết. QuỶ thần tìm tông tích mà nào thấy cửa ngõ. Nếu sanh tử chưa đoạn thì không thể được như thế. Ngồi trên cây khô đá cuội mà ngủ thì không hợp với Phật pháp, thật uổng phí công phu.

Chúng ta khác với người xưa, luôn mong mỏi trời người cúng dường. Song, họ nào ngó ngàng đến, vì chúng ta chẳng hành trì chân thật. Người chân thật dụng công hành trì, nơi đầu đường xó chợ, trà đình tửu quán, đều là đạo tràng. Tình nếu không phụ vật, thì vật chẳng chướng ngại người, như gương chiếu soi muôn vật, không nghinh đón cũng không cự tuyệt. Nếu được như thế thì tương ưng cùng đạo. Chớ chấp tâm mê cảnh, tìm pháp ngoài tâm.

Tôi rất xấu hổ, vì chưa chứng đắc được gì; sao lại lắm lời, có lợi ích gì! Quý vị chú giải, và tôi chú giải kinh luận Phật Tổ. Chú giải đến nỗi không cần chú giải nữa. Ngày ngày đăng báo giảng kinh thuyết pháp, nhưng khi nhìn mình, người ngoài liền hồ nghi sợ hãi, thối tâm đọa lạc. Do đó, muốn thuyết pháp lợi người, thì thân

tâm phải tự hành trì trước. Thân phải hành trì như thế nào? Bàn đến việc này, tôi thật rất xấu hổ.

8/ Ngày ba mươi tháng ba [^]

Hôm nay, tôi không thể thượng đường giảng kinh thuyết pháp; xin quý vị lượng thứ cho. Chẳng phải tôi làm biếng, mà vì thân thể không khỏe, sự hành trì cũng chưa đạt đến cứu cánh, chỉ đem lời của người xưa để cùng đại chúng hỗ tương sách tấn. Hôm nay, tôi không giảng, vì có hai nguyên do:

Thứ nhất, vì bịnh hoạn. Quý vị ai ai cũng biết thể lực tôi không được khỏe cho lắm. Đại chúng tụ hội nơi đây để nghe giảng thuyết. Nếu không gắng sức đến đây, sợ mọi người lo lắng. Vì vậy, tôi phải tới nhưng thật mệt nhọc, nên không thể giảng thuyết.

Thứ hai, thuyết pháp một thước mà chưa thể hành trì một tấc. Chúng ta có duyên với nhau, cùng hội tụ nơi giảng đường. Mạng người vô thường, sáng còn tối mất, như lửa đá ánh sáng sấm chớp, sao giữ được lâu! Lời nói trống không, đối với sự liễu sanh thoát tử, có lợi ích gì? Nếu có nói lời gì thì đều là lời của chư thánh hiền thuở xưa. Tôi tự biết tánh khí của mình rất xấu, giảng giải chưa được hoàn toàn. Dẫu có giảng giải hoàn toàn đi nữa, mà chẳng chịu thực hành, thì không lợi ích gì. Mở lời nào, miệng phải đọc tụng, tâm phải tư duy. Nghe giảng kinh thuyết pháp, phải tưởng như khát được uống nước cam lồ. Nếu được như vậy, người thuyết và kẻ nghe đều có phần ích lợi. Nghiệp chướng của tôi nặng nề, không thể hành được như thế. Bậc cổ đức hơn hẳn người sau. Làm sao tôi sánh bằng được các ngài! Những lời giảng giải đều vô ý nghĩa, không đúng như pháp. Vì vậy, không thể giảng giải.

Hiện nay là đời mạt pháp, ai có thể hành được như chư cổ đức, nơi nhất cử nhất động, la mắng đánh đập, phơi gan rạch mật, đều chuyển được tánh phàm thành tánh thánh?

Tôi xuất gia năm mười chín tuổi; mãi đến hôm nay, đã ngoài trăm tuổi, cả đời trôi qua vô ích. Lúc trẻ, chưa biết việc sống chết, nên phiêu bạt đông tây; học đạo vội vàng hấp tấp, chưa từng đặt chân nơi chốn chân thật. Lúc sanh tử đến, cũng khổ sở như ai. Ngài Quy Sơn nói:

- Tự hận không dự bị tu hành, tuổi về chiều càng nhiều tội lỗi. Khi chết, hành ấm tan rã, bồn chồn sợ hãi, như chim bay xuyên thủng xác thân. Tâm thức tùy theo nghiệp lực, như người thiếu nợ, chủ nào mạnh thì dẫn đi trước. Tâm rối đa đoan, nơi nào nặng thì rơi vào trước.

Lúc trẻ, không chịu dũng mãnh tu hành, và không xả bỏ thân tâm, chỉ xoay cuồng nơi danh lợi phiền não thị phi. Nghe kinh, ngồi thiền, leo núi lội sông, lễ xá lợi, đều tự dối gạt mình. Khi ấy, chẳng biết tốt xấu, nên cả ngày chạy ruỗi trăm dặm; đói khát thì xin thức ăn nơi người, quên đi chính mình. Thế nên, lãng phí thời gian quý báu; ngày nay vừa hối hận "xưa chẳng dự bị tu hành", thì già bịnh đến, chết cũng không được, sống cũng không yên, xả chấp chưa nổi. Sống cũng khổ, mà chết cũng nhọc. Đó là "tuổi về chiều, tội càng nhiều". Tu hành chưa từng bước đến nơi chân thật. Lúc sắp chết, tùy theo nghiệp mà lưu chuyển, như gà con phá vỏ trứng đi ra, tức là "chim bay xuyên thân, tâm thức tùy nghiệp báo dẫn dắt". Nếu làm chủ được thì có khả năng chuyển muôn vật. Hiểu rõ bốn đại là không thì tâm thức không bị nghiệp dẫn. Ngược lại, như người thiếu nợ, bị bức bách đòi tiền. Bấy giờ hoang mang trên đường lộ, chưa biết sẽ đi về đâu, lại bị bao thống khổ, mà hối hận thì đã quá trễ. Mở mắt ra, thấy đầu trâu mặt ngựa. Chẳng phải núi đao, thì cũng là rừng kiếm. Khi ấy, quý vị còn muốn nói lời gì?

Chư đồng tham học! Khi trẻ, thân thể vẫn còn tráng kiện, phải mau nỗ lực tinh cần, lo lắng xếp đặt lộ trình, dụng công tu đạo. Như tôi nay đã già yếu, muốn tu hành mà chẳng được. Miệng giảng ba hoa, nói cả một đời, chẳng có ý nghĩa mùi vị nào hết. Lúc xưa, nơi chùa Thất Tháp ở đông tây nam bắc, tứ sơn ngũ nhạc, Chung Sơn, Kim Sơn, Tiêu Sơn, Vân Nam, Tây Tạng, Miến Điện, Xiêm La, Ấn Độ, chạy nhốn nháo khắp nơi, không hề biết mệt. Lúc trẻ, thích tranh làm chúa tể, cùng làm những việc vô ích. Ngày nay nghĩ lại, thấy mọi việc làm xưa kia đều là sai quấy.

Quý đạo hữu đồng tham học! Tham thiền phải tham khán câu thoại đầu cho đến chết. Người xưa bảo:

- Tu hành chân thật, giải nghiệp đời hiện tại cùng quá khứ.

Chân thật tu hành, tức là tham khán thoại đầu cho đến chết; quyết giữ câu "ai đang niệm Phật" làm cội gốc. Chớ đùa giỡn nơi xảo thuật vi diệu, vì chúng không thể chống lại quỶ vô thường. Tâm kiên cố, không biến đổi, tức là tâm chân thật. Trước lúc niệm khởi, tức là thoại đầu. Niệm vừa sanh, tức thoại đuôi. Sanh chẳng biết từ đâu đến. Chết cũng không biết sẽ đi về đâu. Luôn bị sanh tử lưu chuyển. Nếu biết rõ mình là ai trước khi cha mẹ sanh ra, thì một tấc lụa cũng chẳng mang, vạn lý tình không, chẳng quảy một mảnh mây hồng. Lúc đó, công phu mới có phần đắc dụng.

Người biết dụng tâm tu tập thì không còn phân biệt Thiền tông hay Tịnh Độ tông là hai. Tham thiền là tham quán thoại đầu. Niệm Phật cũng là quán thoại đầu. Việc quan trọng là phải thiết tha với sanh tử, chân thật tu hành, tức nắm chặt câu thoại đầu, chết cũng không buông bỏ. Đời nay chưa xong, thì đời sau sẽ tu tiếp. "Đời đời nếu không thối thất, quả vị Phật tất sẽ có kỳ".

Ngài Triệu châu bảo:

- Tham thiền nơi lý không, ngồi mãi ba mươi năm, nếu không ngộ đạo, hãy chặt đầu lão tăng.

Tổ Cao Phong nhập thất cho đến chết. Ngài Tuyết Phong chín lần lên núi Động Sơn. Triệu Châu lúc tám mươi tuổi mà vẫn đi tham phương hành cước. Lúc đến Vân Cư gặp Ưng Tổ, tuy tuổi gấp đôi, nhưng Triệu Châu vẫn cung kính Ưng Tổ như bậc tiền bối, chẳng chấp ngã tướng, chẳng hổ thẹn tham vấn đạo. Sau đó, Ngài giữ chặt câu thoại đầu cả vài thập niên, rồi mới ngộ đạo. Đại sư Liên Trì đồng hành với hơn hai mươi người, cùng đến tham vấn lễ bái thiền sư Biến Dung ở kinh sư. Thiền sư Biến Dung dạy:

- Pháp môn thiết yếu quý báu nhất là không tham danh lợi, không phan duyên. Duy chỉ một lòng tu đạo.

Khi ấy, có một vị tăng trẻ cười nói:

- Tưởng rằng sẽ nghe được những điều lạ tai. Ai ngờ chỉ có những lời tầm thường này.

Đại sư Liên Trì bèn bảo:

- Lời khả kính của vị thiền sư này là tại nơi đây.

Hãy cẩn thận lời lẽ. Chớ dùng đôi câu vấn đáp của chư tiên đức để che giấu mặt mũi mình. Nói được thì phải hành được. Tự thân hành trì thì mới giáo hóa người được. Nếu được như thế, thì sẽ làm con thuyền cứu mạng cho chúng sanh. Nếu ngôn hạnh tương phản trái ngược, chỉ lo nói năng suông, thì như cho thuốc chẳng đúng bịnh, nên thuốc này trở thành thuốc độc. Quý vị chẳng có vàng thì không thể mua bạc được. Có vàng tức là có cặp mắt chân chánh. Có cặp mắt chân chánh tức

có thể nhận ra châu báu. Quý vị hãy lưu tâm tỉnh táo quan sát, xem coi mình có vàng hay không!

9/ Mồng ba tháng tư [^]

Phần đầu của kinh Kim Cang, ngài Tu Bồ Đề bạch hỏi đức Thế Tôn:

- Người thiện nam thiện nữ muốn phát tâm A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, phải trụ tâm nơi nào, phải hàng phục tâm như thế nào?

Phật đáp:

- Phải nên trụ tâm như thế. Phải nên hàng phục tâm như thế.

Hàng phục tâm tức là ngăn ngừa khởi ý vọng động, khiến nó không chạy rong. Tâm Bồ Đề ai ai cũng có đủ, không hề khiếm khuyết. Đại Tạng Kinh luôn chỉ dạy chúng ta về tâm này. Đức Thế Tôn quán sao buổi sớm, đột nhiên đại ngộ thành đẳng chánh giác. Khi đó Ngài liền bảo:

- Lạ thay! Tất cả chúng sanh, đều có đầy đủ đức tướng trí huệ của Như Lai. Do vì vọng tưởng chấp trước, nên không thể chứng đắc.

Rõ ràng, ai ai cũng vốn là Phật, và đều có đầy đủ đức tướng Như Lai. Song, hôm nay vẫn làm chúng sanh, chỉ vì còn quá nhiều vọng tưởng chấp trước. Vì vậy, trong kinh Kim Cang, Phật bảo chúng ta phải "hàng phục tâm như thế".

Phật thuyết pháp, chỉ muốn chúng ta nhận ra tâm này. Kinh Lăng Nghiêm nói:

- Các ông nên biết, tất cả chúng sanh từ xưa đến nay, sanh tử tương tục, chỉ vì không biết chân tâm thường trụ, tánh tịnh thể sáng, lại dùng vọng tưởng, tưởng đó không thật, mới bị luân chuyển.

Tổ Đạt Ma từ Ấn Độ sang, chỉ thẳng chân tâm, thấy tánh thành Phật. Ai hiểu rõ, liền thành người vô sự. Lúc tham vấn Lục Tổ, thiền sư Pháp Hải bạch hỏi:

- Bạch Ngài ! Xin Ngài giải thích rõ lý tâm tức là Phật.

Lục Tổ bảo:

- Niệm trước chẳng sanh, tức là tâm. Niệm sau chẳng diệt, tức là Phật. Thành tựu tất cả tướng, tức là tâm. Rời tất cả tướng tức là Phật.

Thiền sư Trí Thông xem kinh Lăng Nghiêm hơn một ngàn lần mà chưa hiểu nghĩa ba thân bốn trí, nên đến lễ Lục Tổ, cầu giải đáp. Tổ bảo:

- Ba thân gồm có pháp thân thanh tịnh, tức là tụ tánh của ông. Báo thân viên mãn, tức là trí huệ của ông. Hóa thân ngàn ức, tức là hạnh của ông. Nếu rời bổn tánh mà bàn riêng ba thân, tức gọi là có thân nhưng vô trí. Nếu ngộ ba thân chẳng có tự tánh, tức gọi là bốn trí Bồ Đề.

Mã Tổ thường bảo rằng tâm tức là Phật, cũng như nghĩa ở trên.

Ba đời chư Phật và lịch đại Tổ Sư, đều nói đến tâm này. Chúng ta tu hành, cũng tu từ tâm này. Chúng sanh tạo nghiệp, cũng do từ tâm này mà ra. Tâm này nếu chưa sáng, phải tu phải tạo. Tạo Phật hay chúng sanh, tất cả đều do tâm chủ động. Mười pháp giới tức là sáu phàm bốn thánh, đều không ngoài tâm này. Bốn thánh tức là Phật, Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn. Sáu phàm tức là trời, người, địa ngục, ngạ quỶ, súc sanh, A Tu La. Trong mười pháp giới, ngoài pháp giới của Phật ra, chín pháp giới kia đều được gọi là chúng sanh. Bốn pháp giới của chư thánh không còn bị khổ luân hồi. Sáu loài phàm phu vẫn còn bị lưu chuyển trong sanh tử. Vô luận là Phật hay chúng sanh, tất cả đều do tâm tạo. Nếu có ai nhận ra tâm này, thì đại địa chẳng còn một tấc đất, thì nói chi đến mười pháp giới! Mười pháp giới đều từ một

niệm sanh khởi. Một thừa chuyên chở hết cả, muôn đức trang nghiêm, tức là pháp giới của Phật. Tu hành hoàn toàn lục độ, tổng nhiếp muôn hạnh, tức là pháp giới của Bồ Tát. Quán xem nhân duyên, chứng lý chân không, tức là pháp giới Duyên Giác. Dụng công tu đạo, thành tựu Tứ Đế, quy về tiểu Niết Bàn, tức là pháp giới Thanh Văn. Tu mọi giới lành, tạo nhân hữu lậu, tức pháp giới chư Thiên. Ái nhiễm không ngừng, thiện duyên hỗn tạp, tức là pháp giới loài người. Tâm thường tham chấp hơn thua, thích tranh thắng bại, tức là pháp giới A Tu La. Ái kiến làm gốc, nghiệp xấu tham lam keo kiệt, tức là pháp giới súc sanh. Tham dục không ngừng, bàng sanh ý tưởng ngu si, tức là pháp giới ngạ quỶ. Ngũ nghịch, mười nghiệp ác, hủy báng Phật pháp, phá trai phạm giới, tức là pháp giới địa ngục. Song, mười pháp giới không ngoài một tâm niệm. Tu tất cả pháp, tức là tu tâm, tu thiền, niệm Phật, tụng kinh, lễ bái. Từ sáng đến tối ở trên chánh điện, hành tất cả tế hạnh, đều là tu tâm. Tâm này nếu không xả chấp, sẽ khiến khởi vô minh, giải đãi làm biếng, tất bị đọa lạc. Trừ diệt tập khí, và việc ác không làm, mà luôn hành việc thiện, tức là thăng hướng thiện. Tự tánh vốn là Phật, chớ nên vọng cầu, chỉ việc quét sạch tập khí tham sân si, liền tự thấy bổn tánh thanh tịnh, tùy duyên tự tại.

Ví như lúa mạch, sau khi giã thành bột, liền thiên biến vạn hóa, có thể làm tương, mì sợi, bánh bột lọc, bánh giò cháo quẩy. Nhiều loại nhiều cách, đều do mình tạo. Nếu biết đó là lúa mạch, thì không bị bánh bao, bánh giò cháo quẩy xoay chuyển. Bánh bột và bánh bò, tuy hai danh từ khác nhau, nhưng cùng đồng một dạng. Chớ lên miền bắc nhận không ra bánh bột, hay chạy xuống miền nam nhận không ra bánh bò. Bàn đến bàn lui, không ngoài việc quét trừ tập khí, tức là hàng phục được tâm này. Đi đứng nằm ngồi, động tịnh, bận rộn nghỉ ngơi, chớ khởi niệm dấy tâm; đó là hàng phục được tâm. Nhận biết tâm này như lúa mạch, khiến tạo ra bao loại bánh khác nhau, thì chẳng xa cách đạo.

10/ Mồng năm tháng tư [^]

Kinh Lăng Nghiêm nói: "Lý tuy đốn ngộ, mà ngộ này cũng mất. Sự tuy chẳng đốn trừ, mà nhân do thứ lớp diệt tận". Lý tức lý tánh, là bổn tâm của mọi người. Lý tánh này xưa nay vốn bình đẳng. Lục Tức của tông Thiên Thai, tức là hạnh vị của Bồ Tát Viên Giác.

Thứ nhất, Tức Lý là bàn về tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Phật có ra đời hay không, chân tánh và thể tướng này vẫn mãi mãi thường trụ. Phàm phu nơi lý tánh đồng Phật không khác, nên gọi là Tức Lý.

Thứ hai, Tức Danh Tự nghĩa là khi nghe thuyết đạo Bồ Đề chân thật, thì ngay nơi văn tự thông đạt liễu giải, biết tất cả pháp đều là Phật pháp, và tất cả chúng sanh sẽ thành Phật.

Thứ ba, Tức Quán Hạnh nghĩa là quán tâm rõ ràng, lý sự tương ưng. Hành như thế nào thì nói như thế đó. Nói như thế nào thì hành như thế đó.

Thứ tư, Tức Tương Tự nghĩa là trước tiên nhập vào địa vị thập tín của biệt giáo, phát khởi quán hạnh vô lậu chân thật.

Thứ năm, Tức Phần Chứng nghĩa là trước tiên đoạn một phần vô minh, thấy Phật tánh, mở tạng châu báu, hiển lộ chân như, gọi là phát tâm trụ. Từ chín trụ sau cho đến địa vị đẳng giác, phá từng phần vô minh, thấy từng phần pháp tánh.

Thứ sáu, Tức Không Cứu Cánh nghĩa là phá bốn mươi hai phẩm của nguyên phẩm vô minh, phát khởi trí giác viên mãn cứu cánh, tức diệu giác.

Lý tuy bảo rằng chúng sanh có Phật tánh, và có khả năng thành Phật, nhưng chẳng phải chỉ tu một chút là thành. Chư cổ đức thánh hiền trải qua bao thập niên, lao nhọc cực khổ tu hành. Nơi lý tuy đã đốn ngộ, nhưng vẫn còn phải từ từ dẹp trừ tập

khí. Bổn tánh thanh tịnh bị tập khí nhiễm ô, nên chưa thành Phật. Dẹp hết tập khí thì mới thành Phật. Bàn về lý, chúng ta có khác gì với Phật đâu? Mỗi ngày, hãy tự suy nghĩ rõ, Phật là con người, chúng ta cũng là con người. Sao Ngài trở thành bậc tôn quý, được người người cung kính ngưỡng vọng? Do nghiệp thức mê mờ, nên chúng ta không thể tự làm chủ được. Không tự tin chính mình, thì làm sao người khác tin mình được? Bàn về lý thì chúng ta cùng Phật không khác, nhưng nói đến sự thì lại có khác. Những hành vi tạo tác hằng ngày của chúng ta, tất cả đều vì tự kỶ. Chư Phật chẳng giống như thế; mọi cử chỉ hành động của các ngài đều vì lợi tha.

Kinh Kim Quang Minh nói: "Trong giảng đường hội chúng, có tháp bảy báu, từ dưới đất vọt lên. Khi ấy, đức Thế Tôn liền từ chỗ ngồi, đứng dậy lễ bái tháp kia. Thọ thần Bồ Đề, bạch Phật:

- Do nhân duyên gì mà đức Thế Tôn lễ bái tháp kia?

Phật bảo:

- Này Thiện Thiên Nữ! Lúc tu hành đạo Bồ Tát, xá lợi thân Ta, được an trí trong tháp đó. Do nhờ thân này, nay Ta sớm thành A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

Đức Thế Tôn muốn đại chúng đoạn trừ nghi hoặc, nên thuyết nhân duyên xá lợi đời trước. Phật lại bảo:

- Này A Nan! Đời quá khứ, một vị vua tên là Ma Ha La Đà, ông có ba hoàng tử. Ngày nọ, vị hoàng tử thứ ba nhân dịp vào rừng, thấy một con hổ cái cùng bảy hổ con, bị đói khát, thân thể ốm gầy, hơi thở thoi thóp. Vị hoàng tử tự suy nghĩ: "Thời điểm xả bỏ thân mạng đã đến!"

Khi ấy, hoàng tử dũng mãnh phát nguyện, từ trên núi cao, nhảy xuống trước mặt hổ cái. Hổ cái thấy máu thịt trước mặt, liền bò đến ăn uống, chỉ còn dư lại xương cốt. Lúc ấy, đại vương Ma Ha La Đà cùng hoàng hậu biết được việc này, nên rơi lệ sướt mướt, và đồng mở chuỗi anh lạc, rồi cùng với đại chúng đến khu rừng tre, thâu lấy xá lợi, dựng tháp bảy báu, ngay tại nơi đây. Đó là nhân duyên về xá lợi trong đời tiền kiếp của Ta".

Đây là chỗ khác biệt về hành vi giữa Phật và chúng ta. Ngài xả bỏ thân mạng cho hổ; do chẳng chấp ngã tướng, nên trừ được ngã tướng, thì làm sao không thể thành Phật được?

Tôi rất xấu hổ, chạy ruỗi trong bao thập niên, chưa từng thiết tha, giải quyết nỗi khổ sanh tử, nên xả chấp không được. Chẳng cần nói xa, chỉ bàn về vọng tâm trong mười hai thời, gặp duyên thấy cảnh, xem coi có nhìn thấu hay không! Lúc trẻ, thường xách bị ra ngoài, cho đến hôm nay, mới biết là sai trái. Lúc nghe giảng kinh thuyết pháp, nếu lời hay tiếng diệu thì sanh tâm vui thích, nguyện muốn theo học. Nếu người giảng kinh tuổi tác nhỏ, hoặc giảng không đúng như pháp, thì khởi tâm khinh khi, cống cao ngã mạn. Đây là thói quen xấu xa, tập khí nặng nề. Nơi thiền đường, ngồi tọa hương, tâm tán loạn, khiến lãng phí thời gian.

Quý hòa thượng lên tòa thuyết pháp. Quý vị ban thủ tiểu tham cầm phất trần giảng pháp. Nếu giảng hay thì ngày ngày đều mong họ giảng. Nếu giảng không hay thì không thích nghe. Tự tâm mình sanh chướng ngại. Thật ra, người khác giảng hay hoặc dở, tôi cũng chẳng học được hay hành được gì, và đâu có can hệ chi. Suốt ngày, chỉ lo bàn tán khuyết điểm của họ. Tập khí này thật khó trừ. Trên khách đường, nhàn rỗi làm biếng, bàn tán sẽ đến nơi này trú qua đông, đến nơi kia trú qua hạ, cùng tới chỗ này chỗ nọ ăn cơm uống trà. Lại nữa, thường bàn việc tăng tục,

như hòa thượng hay duy na chỗ này và chỗ kia, như thế này hay như thế nọ. Bàn tán những lời vô ích, rồi giảng giải những lời tu hành, thật rất giả dối.

Lại nữa, hai cửa ải danh và lợi cũng rất khó vượt qua. Chùa Thiên Ba tại Thường Châu, mỗi năm có phát tiền thưởng hai lần. Bình thường, mỗi lần trong chùa có pháp hội, mỗi thầy tại các hội đường, được lãnh mười hai xu, nhưng thầy trụ trì cất giữ hai xu, chỉ phát mười xu. Lạy Đại Bi Sám Pháp xong, mỗi thầy được phát sáu mươi xu, nhưng thầy trụ trì giữ lại mười xu, chỉ phát năm mươi xu. Đầu tháng giêng và đầu tháng bảy, mỗi thầy trong chùa được phát tiền thưởng đồng nhau, nhưng có người lại chê nhiều chê ít. Thật thế, cửa ải lợi lạc rất khó vượt qua.

Rằm tháng tám, vốn là ngày nhận lãnh chức vụ. Người khác phải mời mình trước nhất. Nếu không được mời hoặc chỉ được mời nhận chức nhỏ, thì xả bỏ không nổi. Đấy là không thể vượt qua cửa ải danh vọng. Vừa bàn về việc tu hành, vừa phải có chút danh lợi. Như thế, tu hành cái chi? Những việc này, phải nên quét sạch, dẹp bỏ từ từ. Lúc đối mặt với chúng, xả không nổi cũng phải xả.

Động đậy một chút là đã phạm quy củ của chư tổ rồi. Nghe qua lời dạy của thiện tri thức, chớ quên tỉnh giác chiếu soi. Phàm làm việc gì, phải nên hướng tâm vào đạo. Đạo tức là lý. Lý cũng là tâm. Tâm là gì? Tâm tức là Phật. Phật nghĩa là không tăng không giảm, chẳng phải xanh chẳng phải vàng, và chẳng phải dài hay ngắn.

Kinh Kim Cang nói: "Nếu thấy các tướng mà chẳng phải tướng, tức là thấy Như Lai".

Bước trên đường này, tức đi cùng thuyền với Phật. Dùng lý để đối trị sự. Nếu sự tình nào phóng xả không được thì phải dùng lý mà chiếu soi thì sẽ thành công.

Nếu hiểu rõ câu "tất cả tướng đều là hư vọng", thì thị phi phiền não từ đâu đến? Nếu muốn tu hành, những gì không vượt qua nổi, phải cố vượt qua. Phải giữ pháp tánh như như. Quý vị nên phấn chấn tinh thần.

11/ Mồng chín tháng tư [^]

Tổ Đạt Ma bảo:

- Hiểu tâm tông Phật, hạnh giải tương ưng, gọi đó là Tổ.

Hạnh giải tương ưng, tức là nói được thì làm được. Người xưa lắm khi nói được mà hành chẳng được, hoặc hành được mà nói chẳng suông. Thuyết nơi huệ giải của lý Bát Nhã. Hành tại thật tướng của lý thể. Cả hai đều viên dung vô ngại. Đó gọi là thuyết và hành đều trọn vẹn. Tiểu Thừa thiên chấp pháp thân Không-kiến. Tuy hành được, nhưng chưa phá tận hết phiền não hoặc nghiệp, nên chưa khai mở lý lẽ được. Vì vậy chưa đắc đến năm phẩm vị sau.

Giảng kinh đến nỗi chư Thiên rải hoa trời khắp đất, nhưng không thể hành được, nên chẳng thể đoạn hoặc, chứng thật tướng. Ngày nay, chúng ta nói thì nhiều, mà hành lại rất ít, nên thật rất khó chứng đạo. Lời nói vốn là văn tự Bát Nhã. Bàn luận từ địa vị phàm phu đến quả vị Phật, như thế nào đoạn hoặc chứng thật tướng? Làm sao siêu phàm nhập thánh? Khai mở toàn phần như thế nào? Lúc sắp chết, thân tâm rã rời, vì hằng ngày không chân thật hành trì, chỉ nói được mà làm chẳng được. Quy Sơn Cảnh Sách nói: "Bậc hiền sĩ trung lưu, phải luôn lưu tâm đến giáo pháp".

Chúng ta hành không được mà nói cũng chẳng xong. Cổ nhân nhất cử nhất động, trong ngoài đều như như, niệm niệm chẳng sai biệt, nên tâm khẩu tương ưng. Thói quen tật xấu của chúng ta rất nhiều; tuy muốn hàng phục nhưng không nổi, còn nói chi đến việc đoạn trừ, nên bị bao cảnh giới xoay chuyển. Tâm tư hoang mang,

không đạt được lợi ích thiết thực. Muốn nói mà nói chẳng ra lời. Lúc khỏe mạnh, đàm luận giảng giải bao kinh luận, ngữ lục, điển chương. Lúc già yếu, tánh khí suy nhược, giảng đầu quên đuôi, giảng đuôi quên đầu; giảng giải mãi vẫn không xuôi. Đấy là hạnh giải chẳng tương ưng; nói lời trống rỗng, nên khổ đau suốt đời; mở miệng chẳng được, chưa biết sẽ đi về đâu. Chính tôi đã từng như thế. Một khi mộng mơ, chẳng biết vọng tưởng gì, chẳng có thể tự chủ chính mình. Lúc sanh tử đến, không thể dụng công nổi. Ngày ngày bị gió của ngoại cảnh thổi; chẳng lúc nào xả chấp hay tự chủ được. Giảng giải điều gì cũng thật vô dụng. Hôm nay, tôi sống thêm được vài ngày, thuyết vài lời cho quý vị nghe. Thật ra, chỉ là Bồ Tát bùn khuyên lơn Bồ Tát đất. Nếu quý vị hiểu rõ được những lời khuyến tấn này thì mới có ích lợi đôi chút. Việc cần thiết là chẳng nên để cảnh chuyển. Như mục đồng cầm roi, nếu trâu không nghe thì phải đánh cho vài roi. Nếu thường hàng phục tâm như thế, và công phu lâu ngày càng được thâm sâu, thì mới có tin tức lành.

Chương VI

12/ Ngày mười một tháng tư.

13/ Ngày mười lăm tháng tư. Khai thị nhân dịp kiết hạ an cư.

14/ Ngày mười sáu tháng tư.

15/ Ngày mười bảy tháng tư.

16/ Ngày hai mươi mốt tháng tư.

17/ Ngày hai mươi hai tháng tư.

18/ Ngày hai mươi ba tháng tư.

19/ Ngày hai mươi lăm tháng tư.

20/ Ngày hai mươi sáu tháng tư.

21/ Ngày hai mươi bảy tháng tư.

22/ Ngày hai mươi tám tháng tư.

12/ Ngày mười một tháng tư [^]

Hai ngày qua, lão già này làm phiền quý vị rất nhiều. Nhà cầu cũ đã hư, mà nhà cầu mới vẫn chưa xây xong, khiến quý vị đi đại tiểu tiện khó khăn. Cuộc sống trên thế gian này đều là khổ, chỉ vì chưa hiểu rõ lý biến hóa. Việc này không hài lòng, việc kia không vừa ý. Xem xét kỸ càng, vạn vật biến hóa tồn tại do động vật cùng thực vật hỗ tương bồi dưỡng. Tất cả động vật đều thải bỏ phẩn uế. Nếu chê là bất tịnh, tức chấp trước vào màu sắc, hương vị. Nơi năm sắc, năm vị, cảnh duyên tốt xấu, đều bị động niệm. Đối với người tu hành, cũng chưa có thể rời khỏi việc ăn uống ngủ nghỉ. Bàn về việc ăn chay, phải dùng năm loại ngũ cốc rau quả. Lúc trồng trọt, nếu không có phân bón thì không thu hoạch được nhiều. Phẩn uế vốn là phân bón rất tốt. Thực vật hấp thụ phân bón dinh dưỡng càng

nhiều thì sanh trưởng càng mau. Con người ăn rau quả, có phải là dùng phẩn uế không? Ăn no lại thải bỏ phẩn uế, rồi lại dùng làm phân bón. Cứ xoay vần như thế, động vật dung dưỡng thực vật, và thực vật nuôi dưỡng động vật. Phẩn uế biến thành thức ăn. Thức ăn biến thành phẩn uế. Lúc ăn sao chỉ thấy mùi vị ngon thơm mà không cho đó là bẩn thỉu? Thức ăn là như thế, còn y phục chỗ ở cũng vậy. Hoa gấm của vải bố, cây gỗ của nhà cửa, đều cần dùng phân bón để trồng. Vì vậy, những gì chúng ta đang mặc và đang trú ở đều là bẩn thỉu.

Lúc đang sửa nhà cầu mới, hãy tạm dùng nhà cầu cũ. Phải nên dùng vật liệu của nhà cầu cũ để xây nhà cầu mới và chuồng trâu. Nếu hôm nay không dùng, mai đây gỗ bị mục thúi, thì sẽ chiêu cảm quả báo lạm phí. Bàn về sự thúi mục, thật ra trong

và ngoài thân của chúng ta đều hôi hám thúi tha hết. Nếu hiểu được lý này, thì muôn vật đều dơ đều sạch, đều không dơ không sạch.

Có vị tăng hỏi ngài Vân Môn:

- Thế nào là Phật?

Ngài Vân Môn đáp:

- Que cứt khô!

Que cứt khô là Phật. Phật là que cứt khô. Ý này như thế nào? Nếu nghĩ rằng lời này thật phạm thượng, tức bị sắc tướng chuyển. Phải nhìn thấu suốt, như như bất động, muôn sự vô ngại. Nếu muốn không bị cảnh chuyển, tất yếu phải dụng công. Nơi động tịnh đều vô tâm, phàm thánh tình không, sao còn có dơ sạch? Ngôn ngữ người xưa, lập lại thì được, nhưng hành chẳng xong. Ý nghĩa của câu trên, khó mà giải đáp. Sao lại phạm thượng, đem que cứt khô so sánh với Phật, một đấng tôn quý vô cực, trong loài trời người? Người thấy tâm rõ tánh, khi nhìn sự vật liền sáng tâm. Khi không có vật, thì tâm chẳng hiện. Người hiểu rõ tâm địa, nơi tất cả động tịnh dơ sạch đều là tâm.

Tăng hỏi ngài Triệu Châu:

- Thế nào là Phật?

Triệu Châu đáp:

- Là điện lý.

- Điện lý có phải là cái tượng bằng đất không?

- Phải.

- Con không hỏi ông Phật đó.

- Vậy ông hỏi Phật nào?

- Phật chân thật.

- Điện lý.

Phải hiểu rõ những lời đối đáp trên. Phải biết rằng tất cả đều do tâm tạo. Bàn về lý, thấy vật tức là thấy tâm. Nơi mọi cử chỉ hành động, phải nên hạ thủ công phu, thì mới có phần lợi ích. Nơi nơi vốn là đạo tràng. Nếu tâm chấp trước sạch dơ, phàm thánh, thì chốn chốn đều bị chướng ngại. Hãy hành thử xem sao! Lúc lên chánh điện hay xuống nhà cầu, phải thường phản chiếu trở lại tâm mình.

13/ Ngày mười lăm tháng tư. Khai thị nhân dịp kiết hạ an cư [^]

Tối hôm qua, thầy tri khố thưa với tôi rằng ngày mai kiết hạ an cư, phải thiết lễ đãi trà bánh, nhưng mua không được trái cây gì cả. Trong kho không còn chi hết, vậy phải làm gì? Tôi đáp rằng lão tăng ở trong am tranh, chẳng biết thời gian. Lúc thấy trăng tròn thì biết là ngày rằm. Lúc không thấy ánh trăng thì biết là ngày ba mươi. Cỏ tươi xanh thì biết là mùa xuân. Tuyết rơi, biết là mùa đông. Uống trà hay uống nước, tôi chẳng hề để ý đến. Cũng vì việc chẳng thèm để ý đến mà khiến mình tự xấu hổ. Lúc trẻ, chạy bôn ba khắp nơi, lăng xăng lộn xộn cả vài thập niên. Ngày nay, đầu bạc mà chưa thành tựu được gì. Lãng phí thời giờ thật quá nhiều. Vì vậy, thiết lễ đãi trà bánh là việc của hòa thượng trụ trì, chứ chẳng phải của tôi.

Thời tiết trong mỗi năm, các tông phái phân định thời gian khác nhau. Theo Thiền tông, một năm có hai quý, tức bắt đầu vào ngày rằm tháng giêng cùng rằm tháng

bảy. Quý mùa đông thì tham thiền, còn quý mùa hạ thì tu học. Trong luật chia ra làm bốn quý. Rằm tháng giêng thì giải thiền thất mùa đông. Rằm tháng tư thì nhập hạ an cư. Rằm tháng bảy thì giải kiết hạ an cư. Rằm tháng mười thì kết thiền thất. Đấy là bốn ngày quan trọng trong năm. Vì vậy, theo giới luật, hôm nay chính là ngày kiết hạ an cư, ngồi cỏ kiết tường, chuẩn bị kiết giới. Trong chín mươi ngày đêm, không thể bước ra khỏi giới đường.

Phật chế kiết hạ an cư vì nhiều lý do. Mùa hè, trên đường xá có rất nhiều côn trùng. Vì đức Phật lấy lòng từ bi làm căn bản, nên sợ rằng trong mùa hè, nếu bước ra đường, sẽ dẫm đạp côn trùng. Ngày thường, cỏ xanh cũng không thể dẫm đạp. Vì vậy, vào mùa hè chư tăng phải ở cấm túc trong chùa, để hộ trì sanh mạng chúng sanh.

Lại nữa, mùa hè trời nóng nực, ra ngoài hóa duyên, mồ hôi thấm ướt y áo, mất cả oai nghi, nên phải cấm túc ở trong giới đường. Đồng thời, trong mùa hè phụ nữ ăn mặc áo quần lòe lẹt hở hang, chẳng có chút oai nghi. Tăng sĩ vào nhà họ hóa duyên, thật rất bất tiện, nên phải kiết hạ an cư.

Xưa kia, ngài Văn Thù kiết hạ an cư tại ba chỗ, nên bị ngài Ca Diếp đuổi ra. Ngài Ca Diếp vừa đuổi ngài Văn Thù ra khỏi chùa thì lại thấy muôn ngàn hóa thân của ngài Văn Thù ở trong chùa. Ngài Ca Diếp dùng hết thần lực, nhưng không thể đuổi được ngài Văn Thù. Vì vậy đức Thế Tôn hỏi:

- Này Ca Diếp, ông định đuổi Văn Thù nào ra khỏi chùa?

Ngài Ca Diếp không lời đối đáp. Qua câu chuyện này, chúng ta thấy rõ, sự dụng công và thần lực của Đại Thừa cùng Tiểu Thừa không đồng. Cảnh giới Thanh Văn và Duyên Giác khác nhau.

Chiều hôm qua, trong tu viện, các thầy ban thủ lên chánh điện, quét dọn, sắp đặt bài vị. Sáng nay, tăng chúng lên chánh điện làm lễ, xướng "Án nại ma ba yết hổ đế" ba lần, rồi lại lễ bốn vị thánh. Kế đến, ra ngoài chánh điện lễ tổ, rồi đánh khánh ba lần, báo hiệu bắt đầu an cư kiết hạ. Đảnh lễ hòa thượng trụ trì xong, tăng chúng đối mặt nhau, mở tọa cụ, đồng lễ ba lạy. Kế tiếp, đến phòng phương trượng, nghe hòa thượng trụ trì thuyết pháp. Buổi sáng bận rộn mệt nhọc. Buổi trưa ăn uống trà bánh. Nơi trai đường, hòa thượng trụ trì giảng trà thoại. Lúc đó, theo giới luật, không cần lên tòa thuyết pháp.

Xưa kia, nơi các tùng lâm tự viện, nếu có chuông bản thì mới được gọi là thường trụ. Tại sao nơi đây không được gọi là thường trụ? Hiện tại, trên núi Vân Cư, chỉ toàn là am tranh, nhưng lại giống như các tự viện. Nơi đây văn chẳng phải văn, võ chẳng phải võ. Tất cả mọi việc đều do hòa thượng trụ trì an bày. Hiện nay, vì hòa thượng trụ trì không có ở đây, nên tôi tạm thay mặt Ngài, giảng giải vài lời, để kể về cung cách tham tầm học đạo của người xưa cho quý vị sơ phát tâm nghe.

Lúc đến am tranh này, vì thống thiết niệm nhớ sanh tử, nên tôi luôn đề hai chữ này trên đầu lông mi, sao còn dám giỡn cợt, lãng phí thời gian! Người tham thiền học đạo, phải biết tự chủ, chớ để cảnh chuyển. Người xưa thiết tha, dạy dỗ kẻ hậu lai, nơi động tĩnh đều phải nhận ra chính mình; trong mười hai thời, chớ quên mất mình. Hòa thượng Kim Ngưu ở Trấn Châu mỗi ngày tự nấu cơm, cúng dường tăng chúng. Tới giờ thọ trai, Ngài mang thùng cơm đến trai đường, vừa ca vừa hát:

- Chư Bồ Tát, hãy đến đây ăn cơm!

Có vị tăng hỏi Vân Môn:

- Đàm luận thế nào để hơn Phật hơn Tổ?

Ngài Vân Môn đáp:

- Bánh hồ.

Vì vậy, người sau có viết kệ:

"Bánh hồ Vân Môn.
Trà Triệu Châu.
Vói tay lấy làm nhà.
Nhai kỸ gió xanh có mùi vị
Ăn no trăng sáng vẫn còn thừa".

Nhất cử nhất động, chư tổ sư luôn phá sự chấp trước, để khiến chúng ta hiểu rõ tất cả đều là Phật pháp.

Thiền sư Nham Lợi Tùng người Tử Hồ ở Cù Châu, viết kệ cho các đồ đệ:

"Tử Hồ có một con chó.
Phía trên giữ đầu người.
Ở giữa giữ tâm người.
Phía dưới giữ chân người.
Vừa bàn bèn mất mạng".

Tăng đến tham vấn, Ngài bảo:

- Xem chó!

Hòa thượng Bích Ma Nham tại núi Ngũ Đài, thường cầm một cây ba chỉa. Mỗi lần thấy tăng đến lễ bái, liền dí cây ba chỉa vào cổ, bảo:

- Ma mị nào dạy ông xuất gia? Ma mị nào dạy ông đi hành cước? Đắc đạo cũng chết dưới cây ba chỉa. Chẳng đắc đạo cũng chết dưới cây ba chỉa. Đi mau! Đi mau!

Thiền sư Vô Ân ở núi Hòa Sơn, tỉnh Kiết Châu, nếu có học nhân nào đến tham vấn, đều đáp:

- Hòa Sơn giải, đánh trống.

Ngoài ra, vài vị tổ sư, chuyên môn đánh đuổi chửi mắng các học nhân.

Hiểu được thì tất cả đều là đạo. Hiểu không nổi thì bị cảnh chuyển. Việc này không như ý; việc kia không như pháp. Gặp cảnh hoang mang, liền phá tan rừng công đức. Lửa tâm cháy phừng phừng, đốt rụi hạt giống Bồ Đề, làm sao cắt đứt sanh tử? Bàng hoàng không như ý, muôn việc chẳng hiện thành. Chính nơi đó, phải hàng phục tâm mình. Nơi cảnh chưa tự làm chủ, tức là khổ. Nói được nhưng không làm được, tức nhiên là sai. Càng nói nhiều thì càng sai nhiều. Thật rất xấu hổ.

Tô Đông Pha, lúc ở tại Trấn Giang, làm bài kệ tán thán Phật:

"Thánh chúa thiên trung thiên
Hào quang chiếu đại thiên
Tám gió thổi chẳng động
Ngồi tòa sen vàng hoe".

Viết xong, ông ta gởi đến chùa Kim Sơn, để nhờ thiền sư Phật Ấn ấn chứng. Xem kệ xong, thiền sư Phật Ấn liền lật ra đằng sau tờ giấy đó, viết bốn chữ "đánh rấm, đánh rấm", rồi gởi lại cho Tô Đông Pha. Đọc bốn chữ đó, Tô Đông Pha giận dỗi hết sức, nên chèo thuyền sang sông, đến chùa Kim Sơn, hỏi thiền sư Phật Ấn:

- Bài kệ của tôi sai chỗ nào mà thầy lại dám đề bốn chữ kia?

Thiền sư Phật Ấn ôn tồn bảo:

- Ông nói 'Tám gió thổi chẳng lai động'. Tại sao chỉ vì bốn chữ kia, mà vượt sông đến đây?

Chúng ta giống như Tô Đông Pha, nói được mà làm chẳng được. Một chuyện nhỏ cũng đủ để sanh tâm uất khí, nói chi đến "tám gió thổi chẳng động".

Người xuất gia tính toán tuổi khác với người tại gia. Nếu tính theo mùa hạ, tức qua một mùa hạ, thì tăng thêm một tuổi hạ. Nếu tính theo mùa đông, tức qua một mùa đông thì được thêm một tăng lạp. Hôm nay kiết hạ an cư, đến rằm tháng bảy mới giải hạ. Ngày mười bốn, mười lăm, mười sáu tháng bảy, được gọi là những ngày tự tứ. Chữ Tự Tứ, xưa kia được phiên dịch từ chữ Phạn, tức là Bát Thích Bà Noa. Cựu dịch gọi là Tự Tứ. Tân dịch gọi là Tùy Ý. Những ngày đó, tự mình cử tội ra và sám hối trước mặt tăng chúng. Đó là tự tứ. Lại nữa, tự tứ còn có nghĩa khác là tùy ý sửa đổi, tức tùy theo ý của người khác mà cử tội mình. Đây là pháp Phật chế ra để phê bình lẫn nhau cùng tự phê bình. Ngày nay, Phật giáo trong nước vì không có ngày lễ tự tứ, nên đối với người chẳng dám nói lời chất trực.

Nơi đây chẳng phải am tranh, chẳng phải tùng lâm tự viện, chẳng phải văn hay võ, mà kết hạ an cư. Vì vậy, tùy theo thời tiết mà đàm luận những việc đông tây.

14/ Ngày mười sáu tháng tư [^]

Hôm nay, trời mưa dầm dề, gió đông thổi lạnh thấu xương. Đại chúng không quản ngại việc gieo lúa mạ cực nhọc mà đến đây, vậy mong muốn việc gì? Xưa kia, tổ Bá Trượng bảo đại chúng:

- Quý vị giúp tôi khai khẩn đất đai. Tôi thuyết diệu pháp cho quý vị nghe.

Khai khẩn đất đai xong, đến tối tổ Bá Trượng thượng đường, đại chúng liền thưa:

- Ruộng rẫy đã khai khẩn xong. Vậy nay thỉnh Đại Sư thuyết nghĩa diệu pháp.

Tổ Bá Trượng liền bước xuống sàng thiền, đi ba bước, dang hai cánh tay, mắt nhìn trời đất, bảo:

- Đại nghĩa của ruộng vườn (diệu pháp), nay vẫn còn giữ lại.

Mọi người hãy suy nghĩ xem coi tổ Bá Trượng nói những gì? Phải nên dụng tâm để hiểu rõ lời chỉ dạy của thánh nhân.

Trải qua bao thập niên, tôi vì nghiệp chướng nên lừa lẫn Phật ăn cơm, rờ đầu mà chẳng được đuôi. Lại nữa, không thể phụ giúp quý vị lao động. Muốn nói mà không thể nói được, chỉ miễn cưỡng dùng lời của người xưa mà đối đáp, đàm luận. Hòa thượng Chí Công viết bài "Kệ tụng mười hai thời", trong đó có bài kệ tụng giờ thìn như sau: "Ăn giờ thìn, vô minh vốn là thân Thích Ca. Chẳng biết nằm ngồi vốn là đạo, chỉ bận rộn khổ cực suốt ngày. Lầm chấp âm thanh sắc tướng, tìm kẻ thân người sơ, chỉ khiến ô nhiễm nhà người. Nếu định dùng tâm cầu Phật đạo, hãy tự hỏi rằng trong hư không, có thể nắm bắt được bụi trần không?"

Đi đứng nằm ngồi là đạo. Khai khẩn ruộng vườn cũng là đạo. Ngoài thế gian pháp chẳng tìm được Phật pháp. Phật pháp và thế gian pháp không đồng không khác. Phật pháp là thể. Thế gian pháp là dụng. Trang Tử bảo:

- Đạo tại phẩn tiểu.

Đi đại tiểu tiện cũng là đạo. Ngài Cao Phong viết bài kệ cấy mạ:

"Tay cầm mạ xanh cấy khắp ruộng

Cúi đầu thấy nước xanh trên trời
Sáu căn thanh tịnh đều là đạo
Tiến lùi vốn là bước phía trước".

Phật pháp chẳng đồng chẳng khác. Ngàn ánh đèn đồng một ánh sáng. Lúc cấy lúa, đạo ngay trên tay quý vị đó. Đi đứng nằm ngồi là đạo. Cấy lúa là đạo. Cúi đầu tức là hồi quang phản chiếu. Nước xanh phản chiếu trên nền trời. Tâm thanh tịnh liền thấy thiên tánh. Sáu căn như mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, hòa với âm thanh, sắc tướng, mùi hương, hương vị, xúc chạm, và vạn pháp, đều cùng đạo giao phối. Nếu cho rằng không thanh tịnh thì chẳng có đạo. Phật tánh như ánh đèn. Trong phòng nếu có một ngọn đèn, thì ánh sáng của ngọn đèn đó tỏa khắp. Nếu đặt ngàn ngọn đèn trong một căn phòng, thì ánh sáng của những ngọn đèn đó tỏa chiếu khắp phòng, không ngăn ngại nhau. Núi sông hoàn vũ, sum la vạn tượng cũng như thế, không ngăn ngại nhau. Nếu hồi quang phản chiếu, nhìn lại chính mình, thì sẽ thấy được thiên tánh, tức sáu căn liền thanh tịnh, nơi nơi đều là đạo. Nếu muốn sáu căn thanh tịnh, phải nên lùi bước. Kinh Lăng Nghiêm thuyết: "Nếu không duyên theo trần cảnh, thì căn không chỗ bám. Ngược dòng trở về nguồn hợp nhất; chẳng hành sáu dụng, thì mười phương cõi nước đều lắng trong thanh tịnh".

Vì vậy "lùi bước", tức là "tiến bước". Nếu lùi càng gấp thì tiến càng mau. Nếu không hành thì chẳng thành tựu. Căn không duyên theo với trần cảnh, như mắt không bị sắc chuyển, tai không bị âm thanh chuyển, v.v... Làm chủ được thì không hề bị ngoại cảnh chuyển. Song, làm thế nào mới tự chủ được? Ngài Quy Sơn bảo:

- Nếu tình không phụ vật, thì vật chẳng ngăn ngại người.

Như nay đang cấy lúa, nếu không khởi tâm phân biệt, ung dung vô tâm tự tại, thì không sanh phiền não. Nếu tâm khởi phân biệt, bèn thấy có cảnh trần, tức có phiền não, tức bị cảnh khổ vui xoay chuyển. Khổng Tử bảo:

- Tâm không ở trong. Nhìn mà chẳng thấy. Nghe mà chẳng biết. Ăn mà chẳng biết mùi vị.

Tâm không ở trong tức là tâm không có phân biệt. Tâm chẳng phân biệt thì không có chướng ngại. Ăn uống cũng không biết mùi vị. Thiền sư Lâm Đạo ở núi Cổ Sơn, nghiên cứu tinh tường bộ sớ sao kinh Hoa Nghiêm của quốc sư Thanh Lương cùng bài sớ luận của trưởng giả họ Lý. Thấy văn tự quá thâm sâu, không tiện cho người sơ học xem đọc, nên viết lại yếu chỉ, gom soạn thành một quyển. Thiền Sư chuyên tâm nhất ý viết lách, không khởi tâm phân biệt. Lần nọ, thị giả đem bánh điểm tâm đến, để kế bên đá mài mực. Thiền Sư bốc đá mài mực ăn mà không biết. Khi thị giả trở lại, thấy miệng Thiền Sư đen ngòm, mà bánh điểm tâm vẫn còn trên bàn.

Đó là tâm không phân biệt, nên ăn chẳng biết mùi vị. Hôm nay chúng ta cấy lúa, chẳng khởi tâm phân biệt, và chẳng sanh phiền não không? Nếu được như thế thì cùng đạo tương ưng. Ngày ngày, trong bốn oai nghi, đi đứng nằm ngồi, chẳng biết đó chính là đạo, mà chỉ mãi bận rộn sống trong phiền não, nên mới thọ khổ. Song, phiền não là Bồ Đề, phải nên tự lãnh hội.

15/ Ngày mười bảy tháng tư [^]

Người thế tục, từ trẻ đến già đều không rời được ba nhu cầu như ăn, mặc, chỗ ở. Vì chúng mà ai ai cũng bận bịu cho đến chết. Y phục che thân, tránh gió lạnh. Ăn uống ít thì đói khát. Không có nhà cửa thì không có chỗ để tránh mưa gió. Thiếu một trong ba nhu cầu này, thì không thể sống được. Loài người như thế, và năm

loài khác cũng cần ba nhu cầu như vậy. Loài bay nhảy trên không dưới đất như hổ, sói, chim chóc, rắn chuột, đều muốn sống an thân, đều dùng lông mao làm y phục, đều cần thức ăn nước uống. Ba nhu cầu này vốn là gốc khổ, nhưng người xuất gia chớ để chúng xoay chuyển. Lúc đầu chế giới, đức Phật dạy chư tỳ kheo rằng chỉ được giữ ba y, một bình bát, cùng ăn mỗi ngày một buổi, ngủ mỗi đêm tại một gốc cây. Tuy giảm thiểu sự phiền lụy rất nhiều, nhưng cũng chưa hẳn rời khỏi chúng. Hiện tại, thời thế đổi thay, người xuất gia gần giống như kẻ thế tục, tức vẫn bận rộn vì việc ăn mặc ngủ nghỉ. Từ sáng đến chiều, ngâm thân trong nước, cấy lúa làm ruộng rẫy. Nếu không làm thì chẳng có gạo mà ăn. Mùa xuân không gieo giống, thì mùa thu lấy lúa đâu mà thu hoạch? Thế nên, hạt lúa bát cơm không dễ dàng có được. Phải tốn hao công sức thời gian, lao tâm lao lực, mới có lúa để thu hoạch. Là người xuất gia, an nhiên khoanh tay ngồi hưởng, sao thành tựu đạo nghiệp được!

Người xưa bảo:

- Nếu hiểu rõ năm cách quán thì vàng tiêu cũng dễ. Ba tâm nếu chưa dứt thì nước uống cũng chẳng trôi.

Người xuất gia chớ nên hành như giống kẻ tại gia, tức ngày đêm bận rộn vì ba nhu cầu này. Phải nên vì đạo, cầu thoát ly sanh tử. Do mượn thân giả tạm để tu đạo chân thật, nên chưa có thể cắt đứt được việc ăn, mặc, chỗ ở. Lúc tu đạo, tạm thời phải tự xem như không có thân mình, giống như người đã chết. Người xưa bảo:

- Nếu là người tu đạo chân thật thì chẳng phút giây nào rời xa đạo.

Hành vi của bậc đạo nhân, nơi nơi chốn chốn chớ để cảnh chuyển. Tu đạo như làm ruộng. Đầu tiên gieo lúa. Lúa biến thành mạ. Mạ dần dần sanh trưởng trở thành cây lúa. Lúa chín thì thành thóc. Chà thóc ra thì thành gạo. Nấu gạo chín thì thành cơm.

Hạt lúa ví như Phật tánh. Bổn tánh của chúng sanh, vốn cùng Phật không khác. Tự tâm là Phật, nên gọi là Phật tánh. Tiến trình biến chuyển từ hạt lúa đến mạ, thóc, gạo, cơm thật rất xa. Song, chớ vì thế mà không tin rằng hạt lúa sẽ thành cơm. Thế nên, muốn thành Phật thì trước hết phải có tín tâm. Phải gieo hạt lúa xuống ruộng, rồi đợi nó phát mầm biến thành mạ. Khi ấy, vì sợ mầm héo giống khô, uổng phí thời gian, nên đức Phật dạy chúng ta phải phát tâm học pháp Đại Thừa, chớ lầm bước vào đường lộ của Tiểu Thừa. Lại nữa, lúc cấy mạ xong rồi phải nên nhổ cỏ. Nghĩa là người tu hành phải tẩy rửa thói quen tật xấu, tịnh trừ thất tình lục dục, mười triền sử, ba độc, mười việc ác, cùng tất cả phiền não vô minh vọng động. Giống trí mạ linh, trưởng thành thuận lợi, chắc chắn sẽ ra hoa kết quả.

Tu hành phải dụng công trong động. Không nhất định phải ngồi xuống, lim dim nhắm mắt mới bảo là tu hành. Trong bốn oai nghi, dùng ba môn học vô lậu giới định huệ, dẹp trừ ba độc tham sân si. Nhiếp thọ sáu căn như chăn trâu, chẳng để chúng phá hư ruộng đất của người. Khi cô gái đẹp đứng trước mặt, đối với người thế tục thì đó là một cành hoa tươi, còn đối với các thiền sư thì đó là ác quỶ cô hồn. Mắt phải như thế, chớ để cảnh chuyển. Năm căn kia cũng vậy, chớ để cảnh trần xoay chuyển.

Ngửi mùi hương thơm, chớ đắm đuối. Ngửi mùi hôi thúi, chớ sanh tâm ghét bỏ. Chớ để ý đến lông mi dài, răng ngắn, trương tam lý tứ, nhân ngã thị phi. Bồ Tát Di Lặc viết kệ bảo:

"Lão chuyết xuyên nạp áo
Đạm thực phục trung bão
Bổ phá hảo giá hàn
Vạn sự tùy duyên hảo
Hữu nhân mạ lão chuyết

Lão chuyết tự thuyết hảo
Hữu nhân đả lão chuyết
Lão chuyết tự thùy đảo
Thuế thóa tại thượng diện
Tùy tha tự kiền liễu
Ngã dã tỉnh khí lực
Tha dã vô phiền não
Giá dạng ba la mật
Tiện thị diệu trung bảo
Nhược tri giả hưu tức
Hà sầu đạo bất liễu.

Dịch:

Lão chuyết mặc áo vá
Cơm đạm bạc no lòng
Áo bố che giá lạnh
Muôn sự đều tùy duyên
Có ai mắng lão chuyết
Lão chuyết tự thuyết hảo
Có ai đánh lão chuyết
Lão chuyết tự xoay ngủ
Nhổ bọt trên mặt mũi
Để nó tự khô mất
Ta vẫn tự tỉnh khí
Họ chẳng sanh phiền não
Đây là ba la mật
Tức bảo vật vi diệu

Nếu biết tin tức này
Sao lo không hiểu đạo".

Không đàm luận thị phi, không lo biện hộ, không tranh nhân ngã, không làm kẻ anh hùng, chạy ra khỏi hầm lửa nóng, bèn đến sông Hán mát trong. Ngộ được lý trường sanh, nương mặt trời mặt trăng làm bạn lữ. Nơi nơi đều là chốn tu hành, chẳng hạn cuộc ngồi trên bồ đoàn mới tu đạo. Nếu chấp ngồi trên bồ đoàn mới tu đạo thì như Tứ Liệu Giản, bảo: "Ấm cảnh hiện tiền, chớp mắt liền theo chúng".

Người thế gian, chưa có thể đoạn dứt lời hay tiếng xấu. Nếu phá được cửa ải này thì không còn phiền não. Được khen thì vui mừng, tức bị ma hoan hỶ mê hoặc. Ba cái tốt, chấp giữ đến già. Song, ai chê mình, tức là bậc thiện tri thức. Họ khiến mình nhận rõ lỗi lầm, đoạn ác hành thiện. Phải nên sửa đổi.

Ăn mặc ngủ nghỉ, đi đứng nằm ngồi, chớ rời xa đạo. Tám mươi bốn ngàn tế hạnh, không ngoài bốn oai nghi. Người xưa vì đạo, tu hành chẳng bỏ phí thời gian. Lúc ngủ, dùng miếng gỗ tròn làm gối, sợ mộng mê lâu không tỉnh, thì sẽ tu lầm lạc. Chẳng những ban ngày gặp cảnh tùy duyên, tự làm chủ được, mà lúc ngủ vẫn phải tự chủ được. Khi nằm phải theo thế kiết tường, tức thân như cung tên, dùng tay phải làm gối, tay trái để trên thân mình. Đó là nằm theo thế kiết tường. Khi vừa tỉnh mộng, liền dụng công tiếp tục. Chớ để tâm cuồn cuộn chảy về quá khứ, cuốn trôi đến vị lai, tán loạn khởi vọng tưởng từ sáng đến tối.

Ai ai cũng có vọng tưởng. Niệm Phật cũng là vọng tưởng. Người tu thiền nếu muốn trừ vọng tưởng, thì ma đến giết ma, Phật đến giết Phật, rồi lần lần bước tới nơi bảo địa. Chớ sợ niệm khởi, chỉ lo giác chậm. Dụng công như thế, lâu ngày tự nhiên thành thục. Trong bận rộn, thị phi, động tịnh, nơi đầu đường xó chợ, đều tu thiền được. Chẳng vì bận rộn cấy lúa mà quên đi sự tu hành.

16/ Ngày hai mươi mốt tháng tư [^]

Phật thuyết ba tạng kinh giáo, dạy quý vị hành trì, tu nhân lành chứng quả vị Phật, nhưng phải trải qua ba a tăng kỳ kiếp mới mong thành tựu. Song, đơn độc chỉ có Thiền tông, tu chứng mau chóng, chẳng cần "bất lịch tăng kỳ, hoạch pháp thân", tức là không phải đợi đến ba a tăng kỳ kiếp mới đắc được pháp thân. So sánh hai việc: Thứ nhất là phải cần tu hành trải qua muôn ngàn gian khổ, mới có thể thành tựu, thật rất khó khăn. Thứ hai là chỉ cần tự nhận ra bản tâm, tự thấy Phật tánh, ngay đó liền cắt đứt vô minh, khả dĩ mau chóng lập địa thành Phật. Thật vậy, như rắn cắn người, độc nhiễm lẹ làng. Song, không luận Tiểu Thừa, Đại Thừa, Đốn giáo, Tiệm giáo, nếu chân thật muốn trở về nhà, thật không phải là chuyện dễ.

Quý vị từ muôn sông ngàn núi, tìm đến Vân Cư, đều vì mong nghe lời giảng dạy cách tu hành. Lúc vừa đốt hương, bèn lên ngồi trên chiếc bồ đoàn, ngừng tâm tĩnh ý, gọi là tu hành. Nghe tiếng khánh báo hiệu giờ khai tịnh, nghỉ ngơi, bèn đi ngủ. Nghe tiếng kẻng đánh ba lần, bèn thức dậy, lên chánh điện, tiếp tục dụng công tu hành. Đến giờ phân ban làm việc thì đi ăn cháo buổi sáng. Lúc ngồi ăn cháo cũng là tu hành. Ăn xong, nghe đánh kẻng thì ra đồng cuốc đất trồng rau, nung ngói gạch. Nếu lúc đi đại tiểu tiện, lại để tâm phân vân, thì quên mất mình cùng việc tu hành. Kinh Pháp Bảo Đàn nói: "Tự tánh rộng lớn, bao hàm muôn pháp. Muôn pháp nằm trong tự tánh của người người".

Nếu chỉ lên chánh điện mới tu hành, thì công phu lúc làm lao động biến đâu mất, và công phu ngồi hương chạy đến nơi nào? Ra đồng làm ruộng để tâm phân vân. Không tu được một nơi, thì mọi nơi đều không thể dụng công, quán thoại đầu được.

Người xưa bảo:

- Phải hướng vào mình, chớ chạy đuổi ra ngoài cầu đạo.

Lúc trẻ, chân tôi mang giày rơm, trèo non vượt biển, cũng vì sự tu hành tham khán thoại đầu. Tâm nhiều tham cầu, như khỉ vượn nhảy nhót hái trái cây. Hái được một trái rồi lại hái trái khác. Hái đến hái lui, cho tới lúc chẳng còn hái được. Hiện tại, đôi mắt muốn rớt xuống đất, nhìn lại thì chợt nhận biết những hành vi thuở xưa đều sai trái với đạo. Trong Tịnh Độ Thi, ngài Sở Thạch viết:

"Đời người trăm năm, bảy tuần hy
Hồi quán việc xưa, chẳng chút giác
Lệ rơi mỗi lần, tuôn khắp xứ
Bỏ Tịnh Độ nhàn, chẳng nghĩ về
Mây hương mã não, kết từng lớp
Linh điểu san hô, đậu nơi cây
Do chứng pháp thân, không bịnh não
Hưởng vị thiền duyệt, mãi no nê".

Xưa nay, đời người chỉ trong bảy tám mươi năm, ít có ai sống đến một trăm tuổi. Trong bao thập niên, làm việc này việc nọ, đều là nhân ngã thị phi. Ngày nay, hồi tưởng lại, biết rõ ràng mọi việc đều chẳng đúng. Làm sao biết được? Đơn cử việc của tôi; từ lúc sơ phát tâm, vì muốn tự liễu ngộ, nên đi tham phương tầm đạo. Chư thiện tri thức dạy tôi phát tâm Đại Thừa, chớ vì tự kỶ. Nhờ đó, tôi trùng hưng đạo tràng Phật Tổ, sửa chữa vài mươi ngôi chùa viện lớn nhỏ, nhưng chịu biết bao phiền não ma chướng khổ lụy. Thiên đường chưa xây xong mà địa ngục đã thành. Vì người vì pháp, tuy gieo nhân thiện, nhưng lại chiêu quả xấu. Chẳng muốn kết oán thù, nhưng gặp bao điều thị phi gièm pha, phiền não trói buộc. Trong đại chúng, không thể lánh mặt. Học ngôn ngữ oanh vũ, nói vài câu điển chương của người xưa, không tránh bị kẻ khác chê cười; tự mình cũng chưa có thể hành được

một câu cú. Vì hôm nay đã già nua, và không muốn giỡn cợt lừa bịp người, tạo nghiệp địa ngục, nên đến am tranh nơi núi Vân Cư!

Kết quả, chẳng thoát nghiệp chướng triền phược, vẫn tạo nghiệp, dựng am tiếp chúng. Tuy nói trú nơi am tranh, nhưng lại làm bao việc rối rắm. Chẳng xả chấp nê. Giảng được nhưng hành không được. Một câu thoại đầu cũng không biết chạy đi đâu! Vừa thoát tù lao, lại sa vào lưới võng. Đại sĩ Hàn Sơn viết:

"Người hỏi đạo Hàn Sơn
Đường Hàn Sơn chẳng thông
Ngày hạ băng chưa tan
Vầng dương hiện sương tan
Theo ta sao đợi thời
Cùng tâm người chẳng đồng
Tâm người nếu như Ta
Liền đạt đến nơi đó".

Ngày hạ sương chưa tan, tức là chưa xả bỏ phiền não được. Ví như hôm trước, ông tổ trưởng vì vài việc nhỏ nhặt mà tranh cãi, bất hòa với tăng chúng. Tôi khuyên lơn ba lần, ông ta mới chịu xả bỏ. Vừa rồi, ông ta vẫn tranh cãi ầm ỉ với ông tổ trưởng sản xuất; tôi khuyên lơn mãi cũng không được. Hôm qua, ông ta đến gặp tôi xin thuốc trị bịnh. Tôi bảo:

- Bịnh của ông không cần dùng thuốc, chỉ việc xả bỏ mọi chấp trước thì sẽ khỏe mạnh trở lại.

Dùng những lời này, khuyên lơn người khác, nhưng lại không khuyên được chính mình, có điên đảo lắm không? Tuy bàn về chữ tu trong mấy thập niên, nhưng bao tử vẫn chứa đầy phiền não; ăn không ngon, ngủ không yên, không biết gặp loài

quỶ gì? Lầm ngộ chính mình, cũng khiến người bị mê lầm. Cấy lúa cho người thì được, còn mình thì chẳng làm xong.

Nói rất dễ, mà hành lại rất khó. Chớ tạo nghiệp xấu cho đời vị lai. Xoay lại tâm mình, liền gieo nhân lành vào ruộng phước. Đời trước vì không có công phu chân thật, chưa bước đến nơi thật địa, chưa trồng nhân lành, nên đời này cùng oan gia đối đầu tương phản. Người trẻ tuổi phải lưu tâm, chớ học theo tánh tôi, chấp trước nặng nề. Bao năm dài ngu si, chỉ có chút hư danh, chẳng ích lợi cho việc chân tham thật học. Quý vị hãy nên nỗ lực trồng nhân lành vào ruộng phước.

17/ Ngày hai mươi hai tháng tư [^]

Người xuất gia, ngày ngày giảng việc tu đạo. Thế nào gọi là tu? Tu là tu tạo. Đạo nghĩa là đạo lý. Lý là bổn tâm của mọi người. Tâm này là vật gì? Bao lời của chư thánh được đã giải thích rõ ràng. Tâm như hư không. Song, nói đến chữ "Không" này thì vẫn còn chỗ nắm bắt. Lý Không phân ra hai phần: Chân Không và Ngu Không. Chúng ta nhìn thấy hư không tức là Ngu Không. Bất biến nhưng tùy duyên, tùy duyên lại bất biến, sáng suốt đầy diệu dụng, tùy nơi tự tại, luôn bao hàm tất cả muôn vật, đó chính là Chân Không. Người tu hành phải hiểu rõ chân không này. Nhận biết tự tâm, tự thấy bổn tánh, thanh tịnh trắng trong, rõ ràng vô ngại, đó là thấy đạo. Đơn cử Bắc Kinh làm ví dụ. Nếu xem qua bản đồ, thì thấy được hết kinh thành Bắc Kinh, có đường lối rộng hẹp, thành ấp cung điện cao thấp, vuông tròn, rộng dài, cùng các danh mục như Nam Hải, Tây Sơn, v.v... Nhìn xem thì biết được đường đi. Song, chung cuộc vẫn không biết được nhiều như chính mình đã thực sự đến viếng thăm Bắc Kinh. Người đã đến đó, không cần bản đồ, vẫn có thể kể

được đường đi nước bước rõ ràng. Người chỉ xem qua bản đồ mà chưa từng đến đó, thì lúc kẻ khác hỏi han, tuy có thể đối đáp được, nhưng chẳng chân thật, vì vẫn còn nhiều chỗ không biết đến. Người tu hành, sau khi thấy đạo, như tự thân đến Bắc Kinh, tự thấy "bổn tánh vốn tự thanh tịnh, không sanh không diệt, viên dung đầy đủ, không dao động, thường sanh muôn pháp". Người này không đồng với kẻ y theo văn tự mà giải nghĩa, chỉ thấy bản đồ Bắc Kinh, chứ chưa từng đến đó.

Chân Không vốn tự khai mở, nào có chướng ngại. Chẳng phải Chân Không thì không thể mở bày, tức có chướng ngại. Lời nói cùng hành động không giống nhau. Thế nên bảo:

- Không có thể "Không", tức chẳng phải Chân Không. Sắc có thể "sắc", tức chẳng phải sắc chân thật. Cha là vô danh. Mẹ là vô sắc.

"Sắc" và "Không" nào có ngăn ngại với nhau. Nếu chân thật thấy rõ lý này, thì tự do tự tại đến thiên đường địa ngục; tùy duyên nhưng bất biến, bất biến lại tùy duyên, không hề chướng ngại. Người chưa hiểu lý này, tuy thuyết giảng được hoa trời rải đầy khắp đất, nhưng chẳng có lợi ích chân thật.

Xưa kia, có một vị lão tu hành, sống trong đại chúng rất lâu, tánh tình khoan dung độ lượng, tiếp đãi người rất nồng hậu, và thường khuyên kẻ khác xả bỏ chấp nê. Lần nọ, có người hỏi:

- Thầy khuyên dạy người, vậy tự chính mình có làm được không?

Thầy đáp:

- Ba mươi năm về trước, tôi đã cắt đứt vô minh, sao không làm được?

Sau này, sống trong đại chúng, cảm thấy có vài việc không được tự do tự tại, nên Thầy bỏ chạy vào núi sâu, kết am tu hành. Sống nơi đơn độc cô phong, không người lui tới, tự do tự tại, không còn phiền não. Nào ngờ, vào ngày nọ, đang lúc ngồi thiền, Thầy nghe bên ngoài cửa, có một lũ mục đồng nhốn nháo đùa giỡn, và bảo nhau rằng muốn vào am tranh xem chơi. Có đứa nói rằng không nên làm động tâm người tu hành. Có đứa nói rằng người tu hành không còn bị động tâm niệm. Lát sau, cả lũ mục đồng ùa vào am tranh, nhảy nhót đùa giỡn. Tuy biết, Thầy vẫn ngồi thiền, an nhiên bất động, không màng đến chúng. Lũ mục đồng nhốn nháo kêu la, nhưng Thầy vẫn không thèm để ý. Chúng tưởng đâu Thầy đã chết, vì khi lung lay thân, mà không thấy động đậy. Lúc chúng sờ vào thân Thầy thì cảm thấy vẫn còn hơi nóng. Có đứa bảo:

- Thầy này chắc đã nhập định rồi!

Có đứa bảo rằng không tin. Để kiểm nghiệm, chúng lấy cọng rơm, ngoáy vào bắp đùi, ngoáy vào tay, ngoáy vào bụng, ngoáy vào lỗ tai, mà Thầy vẫn không động đậy. Lúc chúng ngoáy vào lỗ mũi, khiến Thầy bị hắt xì. Mở mắt ra, Thầy mắng chúng:

- Đánh chết tụi bây!

Khi ấy, Bồ Tát Quán Âm hiện ra trên không trung, bảo:

- Ba mươi năm trước, ông đã đoạn hết vô minh rồi. Sao hôm nay vẫn còn phiền não, chưa xả bỏ được?

Qua câu chuyện, chúng ta thấy rõ, nói được một trượng mà hành chẳng được một thước. Nói được một thước mà hành chẳng được một tấc. Không bị cảnh chuyển, chẳng phải dễ dàng.

Đại sư Hám Sơn trong bài ca Phí Nhàn:

"Giảng đạo dễ, tu hành khó
Tạp niệm không trừ, đều là nhàn
Trần lao thế gian, thường chướng ngại
Núi sâu tĩnh tọa, lại phí công".

Chúng ta là người xuất gia, nếu không phát tâm siêng năng tu hành, chỉ lo nói năng phí sức, thì không có lợi ích chân thật.

18/ Ngày hai mươi ba tháng tư [^]

Trong quyển Nguyệt San Phật Giáo viết: "Nhà Phật gặp đại nạn, vì lạm truyền giới pháp. Quy củ thất truyền, chân lý bị mai một".

Điều này tôi cũng thường nhắc đến. Vài thập niên trước, tôi có giảng về việc Phật pháp bị suy đồi vì truyền giới không đúng như giáo pháp. Nếu truyền giới đúng như giáo pháp, và tăng ni vẫn còn nghiêm thủ giới luật cẩn mật, thì Phật giáo không đến đỗi bị suy vi như hiện tại. Tôi tự rất xấu hổ. Lúc vừa xuất gia, không biết gì là giới, chỉ cắm đầu tu khổ hạnh, vì cho rằng ăn đọt thông, uống nước suối, chính là tu đạo. Pháp Đại Thừa, Tiểu Thừa, ba tạng, mười hai phần kinh, tất cả đều chẳng biết đến.

Núi Cổ Sơn, tỉnh Phước Kiến, là nơi danh lam thắng cảnh, có vài tu viện am tranh, và có hàng trăm tăng sĩ. Người xa gần đều nghe tiếng, nên tôi mới đến đó xuất gia. Giới kỳ trên núi Cổ Sơn chỉ có tám ngày. Thật ra, tại nơi đó việc truyền giới chỉ có bốn năm ngày thôi. Vào ngày mồng một tháng tư, tân giới tử mang bản tên vào giới đường. Kế đến, vội vã học quy củ thiền môn, cùng làm rất nhiều thủ tục. Nơi đó, chẳng có giới đàn tỳ kheo. Tân giới tử không biết họ sẽ thọ những giới gì. Vào

ngày thứ tám, giới tử lên đàn dâng hương, liền tính là đã thọ giới xong. Sau này, tôi đi lưu lạc khắp xứ, nhận biết cách thức truyền giới nơi nơi đều khác nhau. Chùa Quốc Thanh ở núi Thiên Thai giới kỳ có năm mươi ba ngày, nhưng chỉ có các tiểu hòa thượng thọ giới. Giới kỳ tại núi Phổ Đà có mười tám ngày, được gọi là giới A La Hán. Giới kỳ tại chùa Thiên Đồng có mười sáu ngày. Giới kỳ tại chùa Bảo Hoa có năm mươi ba ngày. Phủ Ninh Quốc, tỉnh An Huy, giới kỳ có ba ngày. Ở Huy Châu, có một ngôi chùa tổ chức giới kỳ rất mau, chỉ trong vòng một ngày một đêm, được gọi là Nhất Dạ Thanh.

Sau này, xem lại kinh luật, mới biết những cách thức truyền giới như thế, đều không hợp với giới pháp. Kinh Lăng Nghiêm nói: "Trong mười vị giới sư (tức tam sư thất chứng), nếu có một vị không thanh tịnh, thì đàn tràng thọ giới đó không thể thành tựu".

Điều này chứng minh rằng một trong mười vị giới sư, nếu không được thanh tịnh, thì giới đàn không thành tựu. Kinh Lăng Nghiêm lại bảo: "Đoan tọa an cư, trải qua một trăm ngày, nếu có người lợi căn, không rời chỗ ngồi, liền đắc quả Tu Đà Hoàn. Thân tâm từ đó, tuy quả thánh chưa thành, mà quyết tự biết, thành Phật chẳng xa".

Việc truyền giới trong thời cận đại, không xem trọng là các vị thầy truyền giới có thanh tịnh hay không thanh tịnh, và có đúng pháp hay không đúng pháp!

Phật giáo Trung Quốc, từ đời vua nhà Hán cảm mộng thấy sắc thân Như Lai, đến lúc hai tôn giả Mã Thắng, Trúc Pháp Lan sang truyền pháp, vẫn chưa đủ mười vị giới sư, nên chẳng có thể truyền giới cụ túc, nhưng chúng xuất gia được cạo tóc như các đạo sĩ, lại được đắp mạn y, cùng giữ năm giới và mười giới. Đến đời Tào Ngụy Gia Bình năm thứ hai (250), pháp sư Đàm Ma Ca La dịch quyển Tăng Kỳ Giới Bổn, rồi bắt đầu hành pháp truyền giới. Sa môn Châu Sĩ Hành đầu tiên thọ

giới cụ túc tại nước Tàu. Kế đến, vua Lương Võ Đế thỉnh các pháp sư truyền giới cụ túc. Công khanh, thái tử, đạo tục, thọ giới Bồ Tát có đến bốn mươi tám ngàn người. Đời Đường, luật sư Đạo Tuyên, tại chùa Tịnh Nghiệp, kiến lập Thạch Giới Đàn, truyền giới cụ túc cho sa môn Nhạc Độc, y theo quyển Giới Đàn Đồ Kinh.

Vua Tống Chân Tông (998-1022) ban chiếu chỉ lập đàn truyền giới tại chùa Sùng Thắng, được gọi là Giới Đàn Cam Lộ. Từ đó, trong nước có bảy mươi hai nơi đồng lập giới đàn. Hoàng đế lập giới đàn, nên người thọ giới phải trúng tuyển khảo hạch. Giới tử đầu tiên thọ giới Sa Di. Sa Di là tiếng Phạn, dịch qua tiếng Tàu là Hưu Từ, tức ngưng ác hành từ. Bảy tuổi cho đến mười ba tuổi, gọi là Sa Di đuổi quạ. Lúc đầu, có thiếu nhi cầu xuất gia, nhưng ngài A Nan không dám thế độ. Do đó, Phật bảo:

- Nếu đuổi được quạ thì cho phép xuất gia.

Từ mười bốn đến mười chín tuổi, được gọi là Ứng Pháp Sa Di, tức chánh hạnh và hợp với địa vị của Sa Di. Kế đến, phải y theo giới sư điều huấn thuần thục trong năm năm rồi mới được thọ giới cụ túc. Hai mươi tuổi đến bảy mươi tuổi, được gọi là Danh Tự Sa Di. Tuổi tác này, vốn hợp với tăng vị, nhưng do duyên chưa đủ, nên phải làm Sa Di. Người đủ hai mươi tuổi cùng có tư cách nghiêm chỉnh, mới được thọ giới tỳ kheo. Nếu chưa đủ hai mươi tuổi mà muốn thọ giới cụ túc, thì Phật dạy rằng kể từ ngày ra đời, vào mỗi năm nhuần lấy ra một tháng, rồi trong tháng đó lại lấy ra một ngày, bổ túc trợ vào để thành hai mươi tuổi. Xưa kia, rất nhiều chư vị Tổ Sư, chưa đủ niên lạp tuổi tác mà vẫn được thọ giới cụ túc.

Từ đời Thanh đến nay, các vị Hoàng Đế đa số là chư Bồ Tát ứng thế, như vua Thuận Trị xuất gia, vua Khang Hy và Ung Chánh thọ giới Bồ Tát. Nhờ Hoàng Đế mở phương tiện, tăng sĩ không cần trải qua kỳ thi khảo hạch, vẫn được thọ giới.

Nào ngờ, vì lòng từ bi của các vị Hoàng Đế, khiến tăng chúng trở nên tệ xấu. Xưa kia, các nơi truyền giới rất thận trọng, như chùa Bảo Quang, chùa Chiêu Giác, núi Bảo Hoa, núi Cổ Sơn, Phước Kiến, núi Di Sơn, v.v... Ngày nay, các tùng lâm tự viện lớn nhỏ đều truyền giới. Ngoài ra, tại các nơi như thành hoàng thổ địa, hội quán, chợ búa, đều truyền giới cả. Vì vậy, trong bài Tam Đàn Chánh Phạm, Hậu Bạt, tôi viết: "Ngày nay, xảy ra nạn viết lời mời mọc khắp chợ búa, để phiếm dụ, mê hoặc, buôn bán giới sư, chẳng hề tôn trọng giới pháp. Bên dưới mái hiên, đền miếu dâm loạn, khu cắt mổ máu thịt, bậy bạ lập đàn truyền giới. Mê hoặc mình người, trộm danh bán lợi, làm như chỗ mậu dịch thương trường. Đàn giới vốn là đất Phật thanh tịnh, nay biến thành hang hố địa ngục".

Gần đây, tờ Nguyệt San Hoằng Hóa, chỉ trích nặng nề về sự lạm dụng truyền giới. Những lời như thế, sao lại không chịu lắng nghe!

Khi xưa, mỗi năm tôi cũng lập đàn truyền giới, nên tạo nghiệp địa ngục không ít. Song, tôi bất đắc dĩ phải làm như thế, vì có vài duyên cớ, nhất là mong muốn vãn hồi hậu tấn (người lớn nghỉ ngơi; người nhỏ tiến bước). Lúc vừa đến núi Kê Túc, tỉnh Vân Nam, chẳng thấy bóng một tăng sĩ nào. Nhân vì tăng sĩ ở đó, ăn mặc giống như người thế tục, nên khó lòng nhận ra. Họ chẳng hề bàn về việc tu hành, sửa chũa chùa chiền, hay dâng hương cúng Phật, mà chỉ lo thụ hưởng tài sản chùa chiền tự viện, lại dùng tiền để mua chuộc bọn đảng phái long đầu, hầu mong giữ lợi. Thấy những việc tệ hại như thế, tôi mới phát tâm chỉnh lý đạo phong núi Kê Túc, bằng cách khai mở thiền đường, tọa hương, đả thiền thất, giảng kinh thuyết pháp, nhưng chẳng ai màng đến. Sau này, tôi thay đổi cách thức, tức hành truyền giới pháp. Trước kia, tăng sĩ trên núi chưa hề lập đàn truyền giới, nên tôi muốn dùng giới pháp để chấn chỉnh chánh giáo, trùng hưng đạo tràng. Do đó, tôi lập giới đàn đầu tiên trên núi, gia hạn trong năm mươi ba ngày. Lần ấy, có hơn tám trăm vị đến thọ giới. Từ đó, tăng sĩ trên núi mới biết giới luật rõ ràng. Nhờ khuyên lơn

khuyến khích, dần dần họ qua lại với tôi. Từ từ, họ biết việc kết duyên, mở chùa tiếp độ tăng chúng, mặc y ca sa, niệm Phật tụng kinh, là những điều rất cần thiết. Những thói quen tật xấu như ăn thịt, ăn hành tỏi, uống rượu, hút thuốc lần hồi được sửa đổi. Đó là kết quả của việc mượn giới pháp để chấn chỉnh những hiện tượng suy đồi của Phật giáo tại tỉnh Vân Nam.

Xưa kia, nơi núi Cổ Sơn, giới kỳ trong vòng tám ngày, chỉ có các tỳ kheo cùng các cư sĩ nam được lên chánh điện, chứ không có nữ chúng. Các nơi xa gần, chỉ việc gởi tiền đến cho vị giới sư, bèn được giới điệp. Người tại gia đắp y bảy điều, rồi dám tự xưng là tỳ kheo, tỳ kheo ny. Đó gọi là mua bán giới điệp. Tôi đến Cổ Sơn, cải đổi giới kỳ thành năm mươi ba ngày. Việc buôn bán giới điệp, không cạo râu tóc, đắp giới y sai lầm, cùng những phong tục tập quán xấu xa, đều được chấn chỉnh. Có rất nhiều kẻ phản đối việc này, bằng cách gây bạo động, đốt nhà giết người. Đó phải chăng gieo nhân thiện, nhưng lại chiêu quả xấu? Cuối cùng, tôi thỉnh pháp sư Từ Bàn lên núi, lập học viện giới luật. Tự Ngài chân thật nghiêm thủ giới luật cẩn trọng, nên khiến tôi rất cảm phục.

Sự hành đạo nói chung đều do chính mình, chứ không phải do sự biểu diễn bên ngoài. Xưa nay, theo giới luật, trong mỗi đàn của tam đàn đại giới, các vị truyền giới sư phải học hết mọi cách thức trong vòng ba năm, rồi mới được truyền giới.

Sau khi Phật nhập Niết Bàn, Thượng Tọa Bộ phân thành mười tám phái, nên việc truyền giới rất phức tạp. Lúc còn tại thế, đức Phật cũng lập phương tiện, cho những vị chưa đủ hai mươi tuổi, được thọ giới cụ túc. Chư Tổ Sư sau này, thọ giới cụ túc, dưới hai mươi tuổi cũng không ít.

Nếu có tội mà không sám hối, cho dầu sống đến trăm tuổi vẫn uổng phí. Tôi thường thấy rất nhiều các lão pháp sư, không chịu giữ giới luật. Việc này, ai ai

cũng đều biết đến. Các vị sơ phát tâm tu đạo, phải cẩn trọng hộ giới. Vì cần cầu hiểu rõ sự lý, phải siêng năng học tập kinh điển Đại Thừa và Tiểu Thừa. Nơi giác địa thanh tịnh, tuy không nhiễm một mảy trần, nhưng trong tất cả Phật sự, chẳng xả một pháp.

Vừa xuất gia, phải thọ mười giới Sa Di; trong mười giới, bốn giới đầu là tánh giới, còn sáu giới sau là giá giới. Kế đến, thọ giới tỳ kheo, tức hai trăm năm mươi giới. Ni chúng có ba trăm bốn mươi tám giới. Những giới pháp này, không ngoài bốn oai nghi đi đứng nằm ngồi cùng bảy chi phần thân thể. Tiến lên một bước, thọ giới Bồ Tát. Giới Bồ Tát có tam tụ tịnh giới.

Thứ nhất, nhiếp luật nghi giới, tức không có việc ác nào mà không đoạn trừ, nghĩa là luôn khởi đạo hạnh chân chánh, cũng chính là gieo nhân đoạn đức, để tu thành tựu Pháp Thân.

Thứ hai, nhiếp thiện pháp giới, tức thường tích tụ muôn hạnh lành, hỗ trợ đạo hạnh, chính là nhân trí đức, để tu thành tựu Báo Thân.

Thứ ba, nhiếp chúng sanh giới, tức cứu độ hết thảy chúng sanh, phát tâm chẳng trụ

Niết Bàn, chính là nhân ân đức, để tu thành Hóa Thân.

Việc trì giới giữa đại thừa và tiểu thừa đều khác biệt. Tiểu thừa chế phục thân không cho hành. Đại thừa chế phục tâm không cho khởi. Nơi ba ngàn oai nghi, tám muôn tế hạnh, Tiểu Thừa chế phục thân không cho phạm. Đối với Đại Thừa, vừa khởi vọng tưởng thì đã phạm giới rồi. Giảng giải pháp Đại Thừa rất dễ, nhưng hành lại rất khó.

Ngài Xá Lợi Phất lúc còn tu hành nơi nhân địa, có phát tâm tu hạnh Bồ Tát, thệ nguyện nhập thế cứu độ chúng sanh, không muốn tự tu giải thoát cho chính mình,

nên rời am tranh, đến ngã ba đường, ngồi tọa thiền. Hôm nọ, thấy một cô gái vừa đi vừa khóc, Ngài liền bước đến hỏi han. Cô ta nói:

- Mẹ của con bị bịnh nặng. Thầy thuốc bảo phải đi tìm mắt của người còn sống, đem về làm thuốc, thì mới trị được bịnh. Con cảm thấy việc này quá khó, nên thất vọng. Do đó, con thường buồn rầu đau khổ.

Ngài bảo:

- Cô hãy an tâm! Hôm nay, tôi sẽ cho cô một con mắt.

- Đa tạ! Đa tạ! Ngài thật là Bồ Tát cứu khổ cứu nạn.

Ngài Xá Lợi Phất liền lấy tay móc mắt bên phải ra, cho cô kia. Cô ta bèn nói:

- Không phải! Thầy thuốc bảo phải lấy con mắt bên trái kia!

Ngài Xá Lợi Phất lại miễn cưỡng móc ra mắt bên trái, rồi đưa cho cô ta. Cô ta cầm con mắt trái của Ngài bảo:

- Con mắt này hôi quá, không thể dùng được!

Nói xong, cô ta nhổ bọt lên con mắt đó, rồi liệng xuống đất. Vì cảm thấy chúng sanh thật khó độ, từ đó ngài Xá Lợi Phất thối tâm Bồ Đề. Quý vị nhìn xem, tu đạo Bồ Tát thật rất khó!

Lúc thọ giới tỳ kheo, hòa thượng giới sư bảo:

- Quý vị có phải là bậc đại trượng phu không?

Tân giới tử thưa:

- Chúng con chính là bậc trượng phu!

Lúc thọ giới Bồ Tát, hòa thượng truyền giới hỏi:

- Quý vị có phải là bậc Bồ Tát không?

Tân giới tử đáp:

- Thưa! Chính là Bồ Tát.

- Quý vị đã là Bồ Tát. Vậy phát tâm Bồ Đề chưa?

- Thưa! Đã phát tâm Bồ Đề rồi.

Nói được thì phải làm được. Chân chưa bước đến nơi thật địa, bị người chửi một câu bèn tức giận, xả không nổi, khiến khởi tâm động niệm, nên bị đọa lạc. Sau khi thọ tam đàn đại giới xong, hãy tự suy nghĩ kiểm nghiệm xem coi, hình tướng có giống Sa Di, Tỳ Kheo, Bồ Tát không?

19/ Ngày hai mươi lăm tháng tư [^]

Hôm nay, khi đến trai đường dùng cơm, tôi nhận thấy có vài người, càng ăn lâu chừng nào thì tâm càng sanh tán loạn chừng đó. Lúc ăn cơm, rất dễ khởi tâm tán loạn, nhưng cũng là dịp đối trị tâm. Người đời không biết thân người là quý báu. Kinh Đại Niết Bàn nói: "Sanh ra đời, làm người là việc khó, nhưng gặp được Phật lại càng khó hơn, như rùa mù bám nắm bọng cây trong biển cả".

Kinh Tạp A Hàm nói: "Trong biển rộng, có một con rùa mù, thọ mạng vô lượng kiếp, một trăm năm trồi lên mặt biển một lần. Một bọng cây nọ, chỉ có một lỗ hổng, theo gió trôi nổi khắp nơi trên biển cả. Rùa mù vừa xuất hiện, lại vớt được bọng cây này".

Phàm phu lưu chuyển trong biển cả năm đường, nhưng lại được thân người; việc này khó khăn như rùa mù vớt bọng cây đó.

Luận Hiển Dương nói: "Một mặt trời mặt trăng hiện ra, được gọi là một thế giới. Một thế giới có chín núi, tám biển và bốn châu".

Chín núi tức là núi Tu Di, núi Trì Song, núi Trì Mục, núi Đam Mộc, núi Thiện Kiến, núi Mã Nhĩ, núi Chướng Ngại, núi Trì Địa, núi tiểu Thiết Vi. Tám biển tức là bảy biển Hương Thủy cùng một biển đại Hàm Thủy.

Chính giữa hai núi Tu Di và núi Trì Song, cho đến chính giữa núi Chướng Ngại và núi Trì Địa, có một biển Hương Hải. Giữa tám núi, cũng có bảy biển Hương Hải. Cuối cùng, chính giữa núi Trì Địa và núi Tiểu Thiết Vi, có biển đại Hàm Thủy. Giữa biển này có bốn châu tại đông tây nam bắc. Rùa mù ở trong biển đại Hàm Thủy, trăm năm mới ngoi đầu lên, vớt được bọng cây.

Tứ Giáo Nghĩa nói: "Lúc còn tại nhân địa, hành ngũ thường, ngũ giới, cùng trung phẩm của mười điều thiện, thì được làm thân người".

Bắc châu trong bốn châu, chẳng có quý báu hèn hạ. Ba châu còn lại, có vua Chuyển Luân, Tiêu Tán, Bá Liêu, Thai Nô, Thụ Tử, Bộc Lệ, Cơ Thiếp. Tất cả đều do tu năm giới và mười việc lành, mà cảm thọ quả báo tốt. Song, vì hành theo từng bậc thượng trung hạ phẩm của năm giới và mười điều lành, nên mới có kẻ sang giàu, người nghèo hèn khác nhau.

Hôm nay, chúng ta đã có thân người, lại được nghe Phật pháp, phải phụng hành theo chánh giáo, cùng muôn pháp thức, và y theo giới định huệ để hàng phục vọng tâm. Chiếu theo giới luật, từ sáng đến tối, phải trì 'Tỳ Ni Nhật Dụng', tức năm mươi ba bài kệ chú ngắn.

Phật chế:

- Chư tỳ kheo, khi thọ trai, phải hành năm cách quán. Tâm tán loạn, nói lời tạp nhạp, của tín thí thọ khó tiêu.

Đại chúng, nghe tiếng khánh, phải khởi chánh niệm. Thầy Duy Na sau khi tụng bài kinh cúng dường xong, liền đọc bài kệ đó. Chư tỳ kheo, khi ăn cơm, phải nên hành năm cách quán. Thứ nhất, xem xét công đức mình ít hay nhiều, có xứng để thọ bát cơm này không. (Biết bao giọt mồ hôi, nước mắt đổ xuống, mới đem lại bát cơm). Thứ hai, xem đức hạnh mình như thế nào, có đủ đức để thọ sự cúng dường này không. (Nếu đức hạnh khiếm khuyết, thì không thể thọ sự cúng dường này dễ dàng. Ngược lại, thì có thể thọ nhận). Thứ ba, phải phòng ngừa tâm phóng túng, mà tham vốn là gốc. (Phải xa rời ba tâm tham, sân, si). Thứ tư, thức ăn này chính là liều thuốc, để chữa trị thân gầy mòn. (Vì bịnh đói khát, nên phải dùng thức ăn này như liều thuốc). Thứ năm, vì thành tựu đạo nghiệp, nên thọ thức ăn này. (Nếu không ăn để nuôi dưỡng thân mạng, thì đạo nghiệp khó thành.)

Nếu hiểu rõ năm cách quán thì có thể tiêu hóa vàng dễ dàng. Ba tâm, tham sân si, chưa đoạn thì một giọt nước cũng khó mà tiêu. Phải nên thường khởi tâm hổ thẹn, chớ để mất chánh niệm. Nghe âm thanh liền ngộ đạo, và mắt thấy sắc liền sáng tâm. Chớ nên phóng tâm ra ngoài tìm cầu. Khi giữ chánh niệm, nghe một tiếng khánh thì niệm một danh hiệu Phật. Chớ nên bàn tán nhân ngã thị phi, nói lời tạp nhạp, khiến tâm tán loạn. Một hạt cơm của thí chủ nặng bằng núi Tu Di. Nếu không tự liễu ngộ đạo, kiếp sau phải mang lông đội sừng.

Tu nhân cảm quả như trồng lúa. Nước trí thấm nhuần đất tâm như nước nuôi dưỡng lúa mạ. Nếu tâm luôn trụ nơi đạo thì nơi nơi đều là đạo tràng. Người dụng tâm hay thì ruộng tâm không trưởng dưỡng cỏ vô minh, và nơi nơi thường khai hoa

trí huệ. Đã được thân người, và đã nghe Phật pháp, phải nên nỗ lực tu hành, chớ để ngày tháng trôi qua vô ích.

20/ Ngày hai mươi sáu tháng tư [^]

Sống trong ba cõi, chịu luân hồi nơi sáu đường. Trong sáu đường, có ba đường lành và ba đường ác. Trời, người, A Tu La là ba đường lành. Địa ngục, ngạ quỶ, súc sanh là ba đường ác. Mỗi loài trong sáu đường, đều có muôn loại phẩm vị, tôn quý ti tiện, khác nhau. Kinh nói: "Chư thiên, tuy cùng dùng thức ăn, nhưng tùy theo phước đức của mỗi thiên chúng, mà màu sắc thức ăn có khác nhau. Bậc thượng thấy thức ăn màu trắng. Bậc trung thấy thức ăn màu vàng. Bậc hạ thấy thức ăn màu đỏ" .

Chư thiên cõi Dục giới vẫn còn dâm dục. Trời Tứ Thiên Vương dâm dục như người thế gian. Chư thiên cõi trời Đao Lợi chỉ ôm nhau âu yếm, liền thành sự dâm. Tại cõi trời Dạ Ma, chư thiên nắm tay nhau, bèn thành sự dâm. Chư thiên cõi trời Đâu Suất mỉm cười với nhau, thì thành sự dâm. Chư thiên cõi trời Hóa Lạc ngó nhìn nhau, thì thành sự dâm. Chư thiên cõi trời Tha Hóa vừa nháy mắt nhau, thì thành sự dâm. Kinh Lăng Nghiêm nói: "Sáu cõi trời như thế, hình tướng tuy không động, nhưng tâm đã giao hợp. Vì vậy, nên gọi là Dục giới".

Cõi Sắc giới không có dâm dục, nhưng vẫn còn sắc thân. Kinh Lăng Nghiêm nói: "Chư thiên ở mười tám cõi trời, hành hạnh đơn độc, không giao hợp, nhưng chưa hết phiền lụy vì sắc thân, tức sắc thể vi tế, nên gọi là cõi Sắc giới. Tuy không có sắc thể thô kệch, nhưng vẫn còn sắc tướng vi tế".

Kinh Tịnh Danh Lưu bảo: "Nếu không hiểu giáo nghĩa, thì cho rằng cõi Vô Sắc không có sắc tướng. Nếu hiểu giáo nghĩa, biết cõi Vô Sắc vẫn còn có sắc tướng".

Kinh Niết Bàn nói: "Sắc tướng của cõi Vô Sắc, Thanh Văn Duyên Giác chẳng biết được".

Kinh Lăng Nghiêm thuyết: "Nơi bốn cõi trời Không Thiên, thân tâm diệt tận, nhưng định tánh vẫn hiện tiền, và không có sắc tướng của nghiệp quả. Từ đó cho đến lúc mạng chung, được gọi là sống trong cõi Vô Sắc".

Luân hồi trong ba cõi, dâm dục là căn bản. Qua lại sáu đường, ái dục là cội gốc. Có dâm dục, tức có sanh tử. Đoạn dâm dục, tức cắt đứt dòng sanh tử. Ba cõi sáu đường, thân lượng thọ mạng, dài ngắn không đồng. Chư thiên cõi trời phi phi tưởng xứ, thọ mạng dài cả tám mươi ngàn đại kiếp, mà vẫn chưa đoạn dứt luân hồi sanh tủ. Ba cõi không an, giống như nhà lửa. Chúng ta nếu muốn vượt khởi nhà lửa thì phải dụng công tu hành cho hay.

21/ Ngày hai mươi bảy tháng tư [^]

Hôm nay, tôi có việc muốn phó chúc cho quý vị. Mấy ngày gần đây, tín chúng các nơi đến hỏi rằng chùa mình có truyền giới không. Mọi người nên biết, chỗ tôi ở chỉ là am tranh. Vì quý vị có duyên, nên cùng trú một nơi. Hiện tại, phải hưởng ứng lời hiệu triệu của chánh phủ, tức tự làm tự ăn. Nếu quá nhiều người, việc cung ứng thức ăn không đủ, vì mua lương thực không được. Quý vị chớ đưa tin ra ngoài, bảo rằng nơi đây có truyền giới, vì chùa này không thể chứa nhiều người. Tân giới tử của bổn tự, yêu cầu tôi ra thuyết giới. Nhận thấy thời tiết nhân duyên, có thể thuyết giới phương tiện, nhưng không thể hội tập các tân giới tử ở những nơi khác đến. Nếu quá nhiều người, nơi ăn chốn ở sẽ thành vấn đề lớn. Hiện tại, chúng ta rất bận rộn vì công việc đồng áng, như phải gieo lúa, cùng bao việc khác. Vì ngày ngày phải ăn uống, nếu không dự bị thì không có đủ lương thực để dùng. Loài chuột còn biết dự trữ lương thực. Chúng ta cũng phải tính toán, tồn trữ lương khô. Thời giờ

trôi mau, bỗng chốc đã qua mùa hè. Cuối hè, ban ngày từ từ ngắn dần. Ban đêm lại từ từ dài thêm. Khí dương giảm bớt.

Thân người cùng trời đất hòa hợp với nhau. Thân tâm động tĩnh, đi đứng nằm ngồi, phải tùy thời mà điều phục. Trong động có tĩnh. Trong tĩnh có động. Trong động chớ để động chuyển. Trong tĩnh chớ để tĩnh chuyển. Định là thể. Huệ là dụng. Chân đế là tĩnh. Tục đế là động. Hai đế đều viên dung vô ngại, và đồng với khí chất trời đất. Tu hành học đạo, không ngoài việc điều phục động tĩnh. Động tĩnh nếu như pháp thì tâm tùy cảnh sẽ được an lạc. Nếu động tĩnh chẳng như pháp thì sẽ bị cảnh chuyển. Ngày vui rất ngắn, mà ngày buồn lại rất dài. Thời gian dài ngắn, đều do tâm tạo. Tất cả khổ vui, đều tùy theo cảnh chuyển.

Xưa kia, trên núi Cổ Sơn, có một vị tăng bị bịnh ghẻ lở, khiến ai ai cũng ghê tởm lánh xa. Thấy vậy, một thiền sư trẻ, tuổi chỉ ngoài hai mươi, khởi tâm thương hại, thường ân cần giúp đỡ chăm sóc vị tăng bị bịnh kia. Khỏe mạnh trở lại, vị bịnh tăng bèn cáo từ thiền sư trẻ:

- Thật đa tạ tấm lòng từ bi tử tế của Thầy. Nhờ Thầy ân cần giúp đỡ, bịnh đã lành lặn, nếu không thì tôi đã chết lâu rồi. Xin thỉnh Thầy đến ngôi chùa nhỏ của tôi.

Thiền sư trẻ đáp:

- Tôi đi tham bái núi Ngũ Đài, rồi trở về sẽ ghé thăm Thầy.

Tham bái núi Ngũ Đài xong, thiền sư trẻ trở lại, tìm kiếm ngôi chùa của vị tăng bịnh thuở xưa. Vừa đến chùa, thiền sư trẻ đã thấy vị bịnh tăng kia đang đứng trước cửa nghinh đón, bảo:

- Tôi đợi đã lâu, mà nay Thầy mới trở về!

Nói xong, liền mời thiền sư trẻ vào chùa uống trà. Thiền sư trẻ bảo:

- Hôm nay, trên đường đi, tôi chưa ăn uống gì cả.

Vị bịnh tăng bảo:

- Xin Thầy chờ một chút. Lát nữa tôi sẽ mang thức ăn ra.

Nói xong, vị bịnh tăng dẫn trâu ra đồng cày ruộng, nhổ mạ, rồi đem về chùa bầm nhuyễn, hòa cùng với bột gạo, nấu thành cháo. Trong khoảnh khắc, thức ăn được dọn lên. Ăn xong, thiền sư trẻ liền cáo từ, nhưng vị bịnh tăng nài nỉ, lưu giữ Thầy ở lại ngủ qua đêm. Hôm sau, trời hừng sáng, thiền sư trẻ liền rời khỏi chùa, rồi xuống núi, để trở về chùa mình. Tuy thiền sư trẻ chỉ ngủ một đêm tại am tranh của vị bịnh tăng, mà thời thế ở nhân gian đã đổi thay; triều đại mới đã được dựng lập, trải qua nhiều năm tháng.

Ngày ngày gặp những cảnh khổ não, chúng ta khó lòng vượt qua. Thiền sư trẻ kia lên núi trú qua một đêm, dùng một buổi cơm rồi xuống núi, thì đã thay đổi thời đại, qua bao năm tháng.

Sa Môn Huệ Thường ở núi La Phù, nhân đi hái trà mà vào hang núi, chợt thấy một tấm bảng bằng vàng kim, đề chữ 'La Hán Thánh Tự', rồi ở lại trong đó ba ngày mới trở ra. Lúc trở về chùa, ở cõi nhân gian đã trải qua năm năm.

Quý vị có thấy thời gian dài ngắn đều do tâm tạo không? Chỉ cần quý vị tu hành, định huệ viên dung, thông đạt hai đế, thâm nhập tam muội, chẳng sanh một niệm, thì sẽ thấy vô biên cảnh giới, không bị hạn cuộc chút nào. Xưa nay, người người đều không rời tâm này. Đi đứng nằm ngồi, chớ phóng tâm ra ngoài cầu pháp. Ngày ngày chớ để cảnh chuyển. Dầu cho kẻ khác nắng đi lạnh đến, vẫn không can hệ gì

với mình. Như như bất động, niệm niệm vô sanh, không để cảnh chuyển, tức không lãng phí thời gian tu hành.

22/ Ngày hai mươi tám tháng tư [^]

Quý vị đồng tham học đến đây xin chớ làm khách, hãy dùng trực tâm vấn đạo. Quy củ vấn đáp Phật pháp nơi các tùng lâm tự viện là phải cung kính đảnh lễ, rồi quỳ xuống thỉnh chư hòa thượng khai thị. Nơi đây là am tranh, không cần phải theo nghi thức như thế. Vì sao? Hiện tại, từ sáng đến tối, cả ngày tôi mãi sống trong phiền não. Quý vị càng làm nghi lễ nhiều chừng nào, thì tôi càng bị phiền lụy bấy nhiêu. Quý vị hãy tùy tiện tùy thời hỏi han, như nông dân dẫn trâu cày ruộng, đẩy cày tới lui. Ví dụ, khi bàn về đèn dầu, nếu phải dùng dầu hương, thì gọi đó là dầu hương. Nếu là dầu tây, thì gọi đó là dầu tây. Quý vị nếu dụng công niệm Phật, thì đàm luận về pháp môn niệm Phật. Nếu tham thiền thì bàn về pháp tham thiền. Tu pháp gì thì luận bàn về pháp đó, tự nhiên không vướng mắc. Nếu biết tôi không hiểu rõ điều gì, xin quý vị hãy từ bi chỉ dạy.

Các pháp xưa nay vốn dùng để cắt đứt sanh tử. Tham thiền, tụng kinh, niệm Phật, lễ bái, cùng các pháp môn khác, đều tùy theo căn cơ mà thuyết giáo. Quý vị có căn cơ đến đâu thì chúng ta sẽ cùng đàm luận đến đó.

"Phật thuyết tất cả pháp, vì muốn độ tất cả chúng sanh. Không có tất cả tâm, sao lại dùng tất cả pháp?"

Ví như một toa thuốc, được phân chia đúng lượng, lúc uống vào thì đổ mồ hôi, khiến lành bịnh. Hết bịnh rồi, thì chẳng cần dùng thuốc nữa. Người xưa bảo:

- Tận hết tâm phàm, chẳng có chư thánh giải thoát.

Diệt tận tâm phàm phu, ngay đó chính là Phật, chớ hướng ngoại truy cầu. Nếu hướng ngoại truy cầu, tức là ngoại đạo. Ngoài tâm không có một vật vì tự tâm chính là Phật. Tâm phàm phu, tức tâm chấp trước, tâm thường sanh uất khí, tâm hoan hỶ, tâm khen ngợi hủy báng, tâm tham sắc, tham tiền, tham ăn ngon mặc đẹp, làm biếng, khởi vô minh, không lên chánh điện tụng kinh, cùng bao tập khí xấu xa, và thậm chí mong cầu thành Phật, v.v... Nếu quên đi cả phàm lẫn thánh, nơi mọi chốn đều như như bất động; không hướng ngoại tìm cầu, thì sẽ thấy tự tâm chính là Phật. Cắt ái từ thân, dùng tham thiền niệm Phật, để trừ khử tâm phàm. Dùng độc trị độc; bịnh lành thì không cần thuốc.

Quý vị đồng tham học! Thường nói nhiều thì vọng tưởng càng nhiều. Song, nếu không khẩn thành tu thiền hoặc niệm Phật thì chẳng biết mình có vọng tưởng. Lúc dụng công, nhìn lại mới biết mình có quá nhiều vọng tưởng. Nhận diện ra chúng, quý vị chớ để ý làm chi, chỉ như như bất động. Nếu khởi tâm động niệm, tức liền thấy ma. Công phu miệng tụng tâm tư duy ngày một thâm sâu, như nước chảy đá mòn, thì tự nhiên tất cả sẽ quy về một mối. Tham thiền có thể ngộ đạo. Quên mình niệm Phật cũng có thể ngộ đạo. Một niệm không sanh, liền thừa nhận bản tâm lập tức. Phải dùng lý này mà dụng công. Hy vọng, nơi đỉnh cột trụ trăm trượng, hãy tiến thêm một bước.

Chương VII

23/ Ngày hai mươi chín tháng tư.

24/ Khai thị trong ngày tết giữa năm.

25/ Rằm tháng năm.

23/ Ngày hai mươi chín tháng tư [^]

Giảng về việc tu đạo, chư Phật chư Bồ Tát chỉ bảo dẹp trừ tập khí. Còn tập khí tức còn làm chúng sanh. Hết tập khí tức làm thánh hiền. Diệu dụng của chư thánh hiền, biết rõ phiền não tức Bồ Đề. Nếu không nhận thức rõ, thì Bồ Đề tức là phiền não. Hoán chuyển phiền não và Bồ Đề như xoay trở bàn tay. Tuy vậy, nói thì dễ nhưng làm lại rất khó. Thiền sư Điểu Khòa nói:

- Không làm các việc ác. Luôn hành những điều lành. Đứa nhỏ ba tuổi có thể hiểu lý này, nhưng lão già tám mươi hành chẳng được.

Hư Vân tôi hổ thẹn muôn phần, vì tập khí thâm trọng, không thể xoay đầu nhìn lại chính mình, cũng không thể xả bỏ chấp trước. Lúc đến am tranh này, tôi muốn lang thang ngang dọc; không đoái hoài đến người, chỉ thích đi lên ngàn đỉnh núi. Việc của thường trụ, không cần đến tôi. Nếu lo lắng nhiều việc, tức làm người bận rộn. Tôi đã từng quản lý hai ngàn nhà, tập khí chấp trước khó trừ khó xả. Nhìn sự việc mà chẳng thấu suốt thì thiên lệch vào ái trước.

Sáng nay, thầy tri sự bảo mọi người không cần ra đồng làm việc, mà tôi lại bảo phải làm. Có người nói rằng tôi rất quan liêu phong kiến. Dĩ nhiên, thầy tri sự có lý

lẽ riêng; thầy bảo rằng đại chúng làm lụng quá cực nhọc, nên cần nghỉ ngơi đôi chút. Song, chánh phủ hiệu triệu, kêu gọi chúng ta phải tự nỗ lực làm ăn. Chúng ta đã vay mượn chánh phủ hàng trăm ký lúa. Sao không cố gắng hưởng ứng lời kêu gọi, tự cố gắng trồng trọt? Nhận biết mọi người đều ăn uống thiếu thốn khổ cực, và sợ giữa năm không mua đủ lúa thóc, nên tôi phải tìm cách xoay sở. Nhân vì mỗi ngày, mỗi người đáng lý ra phải được mua một ký rưỡi gạo. Song, hiện tại mỗi người bị giảm bớt ba lạng. Tôi nhận thấy rằng lương thực của chúng ta chóng bị giảm bớt. Gạo ít mà không tăng gia sản xuất thì làm sao đủ ăn! Hôm nay nghỉ ngơi. Ngày mai lại nghỉ ngơi. Ngày kế, nếu trời mưa, cũng lại nghỉ ngơi. Ba ngày liên tiếp, nghỉ ngơi không làm ruộng, thì sao trồng trọt sản xuất được? Vì vậy, quý vị có bảo tôi phong kiến thì tôi là phong kiến. Song, trong phong kiến tôi chẳng có phong kiến, và trong chuyên chế chẳng có chuyên chế, nên so với cường quyền vô công lý thì không đồng. Hiện nay, mùa xuân mưa xuống khắp đồng. Nếu không thừa dịp này mà chịu cực khổ chút ít, xin hỏi giữa năm lấy gì mà ăn? Tuy nói là khổ, nhưng so với dân làng dưới núi, chúng ta làm việc rất nhẹ nhàng thảnh thơi. Dân làng mỗi ngày phụ giúp chúng ta cấy lúa để có gạo ăn. Ngày ngày, họ dầm mưa dãi nắng, không dám biếng nhác. Nếu làm biếng một chút thì sợ chúng ta không nhờ đến. Thế nên, họ chịu đựng cực khổ rất nhiều, lại cán đán làm việc rất thông thạo. Chúng ta không cực khổ bằng họ, sao nay lại than van!

24/ Khai thị trong ngày tết giữa năm [^]

Hôm nay, tết giữa năm vốn là ngày vui của người thế tục. Là người xuất gia, chớ nên đắm trước. Khi xưa, Hư Vân tôi cũng tùy thuận thế tình, sống gần thành phố, được người cúng dường bánh chưng. Chùa chiền cũng hưởng tết như thế tục. Hiện tại, núi Vân Cư không có ai cúng dường bánh chưng. Bánh chưng vốn để cúng cho quỶ thần, sao chúng ta lại đi gói bánh này? Nấu nướng bánh chưng thật uổng phí công sức, thời gian, mà chỉ nên nấu cơm nếp để ăn tết thôi.

Người người sống trên thế gian, phải nên lưu tiếng tốt lại thiên cổ, chớ để vết nhơ ngàn năm. Quốc gia trọng nhất là trung, nghĩa, tiết, lễ. Đệ tử Phật một niệm không sanh liền nhận ra bổn lai diện mục của mình, còn hơi sức đâu để ý đến điềm lành họa phúc. Song, nếu chưa đạt đến lý vô sanh thì chưa có thể tránh khỏi điềm lành dữ họa phúc.

Vài ngày qua, có nhiều cơn bão lụt. Năm ngoái, bão lụt xảy ra cũng trong những ngày này. E rằng bão lụt năm nay phá hoại mùa màng nghiêm trọng hơn những năm trước. Vì xả chấp trước không nổi, tôi đi ra ngoài cửa núi, thấy dưới chân núi nước chảy lan tràn như biển cả. Lúa mạ trên đồng bị tổn hoại rất nhiều so với năm rồi. Lương thực của dân chúng không biết ra sao! Tài chánh và việc mua thực phẩm của chúng ta cũng trở thành vấn đề rắc rối. Thế nên, đại chúng hãy cố gắng chịu cực khổ để qua cửa ải này.

Những lần ngoài chợ không có bán gạo, may mắn nhờ ơn chính phủ chiếu cố, nên mua được lúa thóc. Lúc trước, mỗi người mua được một ký rưỡi gạo. Hiện nay, bị giảm bớt bốn lượng, chỉ còn hai mươi lượng. Một trăm cân lúa, xay ra chỉ còn bảy mươi cân gạo. Mua nhiều lúa thì không được. Một trăm ký lúa tốn hai mươi đồng. Một trăm ký bột gạo tốn bốn mươi đồng. Tốn hao rất nhiều, nhưng chẳng mua thì không thể được. Đại chúng hãy lượng ước mà ăn. Từ đây về sau, không thể ăn cơm, mà chỉ ăn cháo. Mua lúa thì sợ rằng mua không được, mà lúa trồng thì chưa chín. Chúng ta hãy nhổ khoai tây, nấu chung với cháo mà ăn. Mỗi cân khoai tây, mắc một đồng hai mươi xu. Giá khoai mắc hơn giá gạo. Song, khoai do chúng ta tự trồng, nên không tốn hao tiền. Ăn khoai độn với cháo, hãy cố gắng vượt qua cửa ải gian nan này.

25/ Rằm tháng năm [^]

Lễ Bố Tát ở tùng lâm được tổ chức hai lần trong mỗi tháng, tức là ngày rằm và cuối tháng. Chiếu theo kinh Phạm Võng và Tứ Phần giới bổn, nửa tháng tụng giới một lần. Nay tôi đơn lược giải thích. Giới, tiếng Phạn gọi là Thi La. Tàu dịch là Tịnh Trụ, Thiện Trụ, Trưởng Dưỡng. Mỗi nửa tháng, tập hợp đại chúng để thuyết giới, khiến tỳ kheo trụ trong tịnh giới, và có khả năng trưởng dưỡng pháp lành. Phật quán thấy tất cả chúng sanh bị khổ não trong vòng luân hồi, vì bỏ giác hợp với trần lao, tập khí nặng nề. Do đó, Ngài phải phương tiện chế ra giới luật, để khiến họ đoạn trừ tập khí, bỏ trần lao mà hợp với tánh giác.

Luật tức bàn về giới luật. Tiếng Phạn gọi là Tỳ Nại Da. Tàu gọi là Diệt hay Luật; tân dịch là điều phục. Giới luật diệt các điều xấu ác, nên gọi là diệt. Luật pháp ở thế gian phán xét tội nặng nhẹ, cũng gọi là luật. Điều hòa các nghiệp thân miệng ý, cùng chế phục các hạnh ác, nên gọi là điều phục. Quy thức của giới luật rất nhiều. Sợ quý vị quên mất nên Phật dạy rằng mỗi tháng phải tụng giới hai lần. Giới Bồ Tát là thể. Giới tỳ kheo là dụng. Trong ngoài nếu nhất như, thì thân tâm được tự tại. Tụng giới chẳng phải chỉ dùng miệng lưỡi đọc văn từ, mà tụng được thì phải hành được. Giảng đến việc trì giới thật rất khó khăn. Lệch một chút, liền phạm giới. Trì giới như đầu đội chảo dầu sôi; nếu không cẩn thận, để nghiêng lệch chút ít, thì dầu liền đổ ra, tức là phạm giới. Mỗi nửa tháng tụng giới xong, phải nhớ phải hành. Miệng tụng, tâm tư duy, để khi gặp cảnh đối duyên thì không phạm giới, và không khởi mười điều ác. Vì những lý do đó, Phật bảo chư tỳ kheo phải tụng giới hai lần trong một tháng.

Người sơ phát tâm tu đạo, cung cách bên ngoài phải nên cẩn thận. Rất nhiều vị lão tăng, cung cách diện mạo cũng chưa hợp với đạo cho lắm. Nếu một đời chất trực, tinh tấn chuyển hóa, hun đúc thân tâm, mọi nơi mọi thời đều không để phạm giới, thì mới được xem là tỳ kheo thanh tịnh. Trong giới luật, tuy có phân tánh giới, giá giới, nặng nhẹ, nhưng chớ phạm giới nào. Trì giới thanh tịnh như trăng sáng mùa

thu, thật không dễ dàng, phải nên chú ý. Lúc tỳ kheo tụng giới, người chưa thọ giới không thể lắng nghe. Các Sa Di phải đến trai đường tụng giới, rồi nghe hòa thượng phó chúc dạy bảo.

Quý vị chớ quên bổn phận xuất gia. Biểu hiện tướng xuất gia không khó, chỉ việc cạo tóc đắp y ca sa liền được gọi là tăng sĩ. Hiện tại, có nhiều cư sĩ thường cạo đầu. Thế thì ai là tăng sĩ chân thật? Như người uống nước, tự biết lạnh nóng. Hy vọng mọi người hãy nên tinh tấn.

26/ Ngày mười sáu tháng năm [^]

Đêm qua tôi đã nói về việc tụng giới pháp hai lần trong một tháng, tức ngày rằm và đầu tháng. Đây là lời giáo huấn phát xuất từ kim khẩu của đức Thế Tôn. Khi Phật sắp nhập Niết Bàn, tôn giả A Nan hỏi:

- Bạch đức Thế Tôn! Chư tỳ kheo đời vị lai phải tôn ai làm thầy?

Phật bảo:

- Tỳ kheo các ông, sau khi Ta diệt độ, phải nên tôn kính Ba La Đề Mộc Xoa, như mờ tối được sáng, như người nghèo được châu báu. Nên biết, giới pháp chính là bậc đạo sư của các ông, không khác gì như Ta còn tại thế.

Ba La Đề Mộc Xoa tiếng Tàu gọi là biệt giải thoát, tức bảy phi năm thiên giới cấm của thân miệng. Nếu không phạm thì mới được giải thoát. Tôn Ba La Đề Mộc Xoa làm thầy, tức kính giới là bậc đạo sư.

Giới pháp có rất nhiều loại. Do đó, sợ rằng dễ dàng quên mất và phạm đến, nên mỗi nửa tháng phải tụng giới một lần để trì giữ. Đã thọ giới nào thì phải thường

tụng, và nghe giới đó. Chưa thọ thì không được tụng hay nghe giới. Chưa thọ giới mà lại tụng giới, thì bất hợp pháp. Vì vậy, trước khi thọ giới, thầy tụng giới hỏi:

- Người chưa thọ giới Bồ Tát, trong đây có ra khỏi chưa?

Thầy Duy Na đáp:

- Trong đây không có ai chưa thọ giới Bồ Tát.

Lúc tụng giới tỳ kheo, cũng phải hỏi như thế. Đệ tử Phật có bảy hạng: Một là Tỳ Kheo. Hai là Tỳ Kheo Ny; đây là nam nữ thọ giới Cụ Túc. Ba là Thức Xoa Ma Na, tức người nữ tập học sáu giới pháp. Bốn là Sa Di. Năm là Sa Di Ni; đây là nam nữ thọ mười giới. Sáu là Ưu Bà Tắc. Bảy là Ưu Bà Di; đây là nam nữ thọ năm giới căn bản. Sa Di không được nghe chư Tỳ Kheo tụng giới, vì sợ rằng nếu Sa Di thấy Tỳ Kheo phạm giới liền sanh tâm cống cao ngã mạn, khinh bỉ chư tăng. Thế nên, trước khi tụng giới, Sa Di đến trai đường, đảnh lễ quỳ xuống. Vị Thượng Tọa liền vỗ ấn, bảo:

- Các Sa Di hãy lắng nghe! Thân người khó được, giới pháp khó nghe. Thời giờ qua mau, đạo nghiệp khó thành. Mỗi người phải tự thanh tịnh thân miệng ý, chuyên cần học tập kinh luật luận, cẩn trọng chớ nên làm biếng.

Chúng Sa Di thưa:

- Chúng con y giáo phụng hành.

- Các ông có khả năng tín thọ phụng hành. Vậy hãy đứng dậy, lễ bái rồi lui ra.

Sau khi Sa Di lễ bái và lui ra, chư Tỳ Kheo mới bắt đầu tụng giới. Đã thọ giới Phật chế, liền đắc giới thể thanh tịnh, tức được giải thoát, nhập quả vị Phật, đồng như

đấng đại giác, mới là Phật tử chân chánh. Thọ giới pháp của chư Phật là một việc rất hy hữu. Vì vậy, sau khi thọ giới, phải nên cẩn trọng hộ trì giới pháp. Thà chết mà vẫn giữ giới, còn hơn sống mà mất giới.

Luật Tăng Kỳ viết: "Nước Ba La Chi có hai vị tỳ kheo cùng nhau đến thành Xá Vệ, định vấn pháp nơi đức Thế Tôn. Giữa đường, miệng khát mà không có nước uống. Khi đến một giếng nước, vị Tỳ Kheo thứ nhất liền lấy tay vớt nước uống. Vị Tỳ Kheo thứ hai thấy nước có trùng, nên không dám uống. Thấy vậy, vị Tỳ Kheo thứ nhất hỏi:

- Sao Thầy không uống nước?

Vị Tỳ Kheo thứ hai bảo:

- Đức Thế Tôn chế giới, không được uống nước có trùng.

- Nếu không chịu uống, chắc Thầy phải chết khát, thì làm sao gặp được đức Thế Tôn?

- Thà thân này chết, chớ không dám phạm giới Phật chế.

Chẳng bao lâu, vị thầy thứ hai bị chết vì khát, nhưng thần hồn lại vãng sanh lên cung trời Đao Lợi, được thân trời đầy đủ phước báo. Tối hôm đó, vị trời này liền bay đến nơi Phật trú, đảnh lễ chân Phật, rồi ngồi nghe pháp yếu, đắc được pháp nhãn thanh tịnh. Hôm sau, vị tỳ kheo uống nước có trùng, đi đến nơi Phật trú.

Phật biết duyên cớ, nhưng vẫn cố ý hỏi:

- Ông từ đâu đến, đi có bạn không?

Vị tỳ kheo kia liền thuật lại sự tình. Nghe xong, Phật quở:

- Ông là kẻ ngu si, không xứng đáng đến đây gặp Ta. Người gặp Ta đầu tiên, chính là tỳ kheo chết khát. Nếu có tỳ kheo, phóng dật giải đãi, không nhiếp các căn, tuy cùng sống chung với Ta một nơi, mà thật rất xa Ta. Tuy gặp nơi đây, nhưng Ta thực chẳng thấy ông. Nếu các tỳ kheo ở nơi bờ bể, không phóng dật giãi đãi, thường luôn tinh tấn, thúc liễm các căn, tuy ở xa nhưng Ta thường thấy và thường gần gũi người này".

Từ sáng đến tối, so với vị tỳ kheo giữ giới, chúng ta giống như trư bát giới, chim thiêu khí chướng, vậy có phải là Phật tử chân chánh không? Phật chế giới cho chư tỳ kheo là trước khi uống nước, phải dùng đãy lọc nước. Lọc xong rồi mới được dùng. Hiện nay ở trong nước, ai thường dùng đãy lọc nước? Phật cũng chế giới phương tiện là khi uống chỉ dùng mắt thường mà nhìn xem nước có trùng hay không, chứ không nên dùng thiên nhãn. Nếu nhìn bằng thiên nhãn, thì sẽ thấy trong nước có rất nhiều côn trùng, nên không thể uống được. Nếu miễn cưỡng mà uống, thì phạm giới cấm. Chiếu theo quy định của quyển Tỳ Ni Nhật Dụng, trước khi uống nước, dầu có thấy trùng hay không, đều phải tụng kệ chú. Kệ viết: "Phật quán thấy trong một cốc nước, có tám muôn bốn ngàn côn trùng. Nếu không trì chú này, như ăn thịt của chúng sanh".

Chú viết: "Án bạt tất ba la ma ni sa ha".

Thời gian qua mau, mỗi ngày mười hai thời: Sáng sáu thời, và chiều sáu thời. Mỗi ngày có hai mươi bốn tiếng. Mỗi tiếng có bốn khắc. Mỗi khắc có mười lăm phút. Mỗi phút có sáu mươi giây. Thời giờ trôi qua mau trong từng sát na; bỗng chốc lại vụt đến già. Các vị sa di, từ lúc lọt lòng cho đến nay, chớp mắt đã được hai ba mươi tuổi. Quý vị có thấy thời gian trôi qua mau, mà đạo nghiệp khó thành chăng? Người vừa xuất gia, đạo tâm rất chân thành, nhưng vì đạo nghiệp chưa thành, nên ngày lại qua ngày, trở thành lười biếng. Vì thế bảo:

- Năm đầu xuất gia, thấy Phật trước mắt. Năm sau, thấy Phật ở Tây Thiên. Năm thứ ba, hỏi Phật cho tiền.

Nếu đạo tâm không bền vững dài lâu, thì đạo nghiệp khó thành. Đạo tâm như sương mai buổi sáng, thì làm sao cắt đứt sanh tử? Do đó, lời phó chúc cuối cùng của tôi:

- Mỗi người phải thanh tịnh thân miệng ý, chuyên cần tu học kinh luật luận, cẩn trọng chớ phóng dật lười biếng.

Tôi xin khuyên quý vị hãy tinh tấn, chớ để thối tâm. Khổng Tử bảo:

- Phải thường hành những điều đã học.

Chớ phân biệt ngày đêm sáng tối, đi đứng nằm ngồi, mà phải giặt giũ rèn luyện thân tâm, khiến ba nghiệp thanh tịnh.

Kinh là đường lộ, tức con đường thoát khỏi sanh tử. Luật tức là giới luật, bao gồm năm giới, mười giới, cụ túc giới, Bồ Tát giới. Luận tức là những lời trước tác của các vị đại đệ tử Phật về việc phát dương diệu nghĩa trong kinh và luật. Các vị sa di phải nên phát tâm vì đạo, thường chuyên cần tu học kinh luật luận, chớ để phí uổng thời giờ.

27/ Ngày mười bảy tháng năm [^]

Xưa kia, Triệu Châu hỏi Nam Tuyền:

- Thế nào là đạo?

Nam Tuyền đáp:

- Tâm bình thường là đạo.

- Có thể hướng đến được không?

- Nếu vừa nghĩ hướng đến tức có giai cấp.

- Nếu không suy nghĩ thì làm sao biết đó là đạo?

- Đạo không bám chấp vào cái biết hay cái không biết. Biết tức là vọng giác. Không biết tức là vô ký. Nếu thật sự đạt đến chỗ không còn nghi ngờ gì về đạo, giống như hư không, rộng rãi thênh thang, sao còn bám vào thị phi nhân ngã?

Triệu Châu nghe lời này bèn ngộ đạo.

Chúng ta bắt chước người xưa, nói lời trống rỗng, bảo để tâm bình thường, mà tâm này ai ai cũng có, nhưng thấy được đạo gì? Điều trọng yếu là nếu nhận ra tâm bình thường, thì nơi nơi đều là đạo. Không nhận biết tâm bình thường thì điên đảo suốt ngày. Tại sao? Chúng ta không chịu xoay đầu, nhìn lại chính mình, chỉ lo hướng ngoại truy cầu, bỏ tánh giác, hợp với trần lao. Từ sáng đến tối, lưu chuyển theo ngoại cảnh, bỏ đạo rong đuổi bên ngoài, tìm sờ không được gương mặt của mình. Sao gọi là tâm bình thường? Tâm bình thường tức là tâm dài lâu. Từ đầu năm đến cuối năm, từ sanh đến tử, thường thường như thế, mới gọi là tâm bình thường. Ví như người thế tục, nếu tiếp đãi khách quen thuộc, thì chỉ dùng cơm nước bình thường, mà không bày biện món ngon vật lạ. Tiếp đãi như thế, có thể làm dài lâu, tức là bình thường. Nếu khách quý đến, phải bày biện món ngon vật lạ, nhưng chỉ có thể thiết đãi trong vài ngày, nên nào phải là bình thường. Nhà nhà không thể thường có lễ lộc, vì chiêu đãi khách khứa bất bình thường thì không thể làm dài lâu. Người tu đạo, nếu dụng tâm không tạo tác, không an bài, không cải biến,

không có lời hoa ngôn xảo ngữ, tức là hợp với đạo, tức là tâm bình thường, và tức là khởi trực tâm. Lục Tổ bảo thiền sư Trí Hoàng:

- Nếu tâm ông như hư không, chẳng chấp không kiến, ứng dụng vô ngại, động tĩnh vô tâm, tình ái phàm thánh đều quên, năng sở đều câu thông diệt mất, thì tánh tướng như như, không thời bất định.

Những lời này, bàn về tâm bình thường. Nếu không thể tu hành tương ưng với những lời dạy đó thì luôn sống trong hang động quỶ ma, tức tâm không bình thường.

Đêm qua, tôi có nói đến giới luật. Người vừa phát khởi tín tâm, liền quy y Tam Bảo, cầu thọ năm giới. Tiến lên một bước, biết đời người là khổ, nên xả tục xuất gia, vào núi tu đạo. Nhận biết tỳ kheo là tôn quý, nên phát tâm thọ giới cụ túc. Lại phát tâm rộng lớn, cầu thọ giới Bồ Tát. Tại giới đường, nghe thầy dẫn lễ bảo:

- Phải luôn khởi tâm sám hối, hổ thẹn.

Khi ấy, vì sợ khổ đau trong sáu đường luân hồi mà phát tâm tu hành. Nghe pháp mà rơi lệ.

Tiếp đến, hòa thượng giới sư bảo:

- Quý vị có thể trì giới được không?

Các tân giới tử liền đáp:

- Chúng con có thể phụng trì.

Như thế, liền thọ xong giới. Song, vừa thọ giới xong các thói quen tật xấu lại phát sanh, khiến thối thất đạo tâm, tức tâm không bình thường. Nghĩa là cứ mãi dùng tham sân si làm tâm bình thường.

Người hiểu đạo, động tĩnh vô tâm, không nghĩ thiện ác. Tánh không tức vô tâm. Vô tâm tức là đạo. Người vừa xuất gia, không biết như thế nào là Phật pháp, quy củ, tu hành. Nếu muốn cắt đứt sanh tử, phải hành theo quy củ. Khổng Tử chế lễ nhạc chẳng ngoài việc dạy quy củ cho người. Thân chấp trì giới pháp tức là trừ khử tập khí. Thân được tự do, thì tâm có chỗ để nương y.

Người xưa có viết kệ về bốn oai nghi, đi đứng nằm ngồi:

"Cử tiếng niệm Phật, nước chảy chậm
Tụng kinh hành đạo, nhạn du hành
Chắp tay trước ngực, như bưng nước
Thân thẳng trên đầu, tựa chén dầu
Xem trước nhìn sau, nhẹ nhàng bước
Phải trái xoay thân, khép nửa mắt
Oai nghi động tĩnh, thường như thế
Chẳng uổng cửa không, làm tỳ kheo".

Âm thanh ngọc ngà trong trẻo thanh khiết, xưng niệm thánh hiệu chư Phật, tức là hành pháp môn niệm Phật. Tiến lên một bước, tự hỏi mình rằng ai đang niệm Phật, tức tham thiền. Không chịu xoay đầu nhìn lại chính mình, miệng chỉ niệm Phật mà tâm lại khởi vọng tưởng, lưu chuyển theo vọng tình. Nếu như thế, niệm Phật thật vô dụng. Khi niệm Phật, miệng niệm tâm phải tư duy, và dùng trí quán chiếu; âm thanh không nhanh không chậm, như nước chảy từ từ. Miệng niệm, tai lắng nghe, không khởi vọng tưởng, thì niệm niệm lưu nhập vào biển khổ Ta Bà. Nghe một

danh hiệu Phật, được vô lượng công đức. Chỉ dùng một danh hiệu Phật, mà có thể độ vô lượng chúng sanh. Khi tụng kinh, hoặc nhìn thẳng mà đọc, hoặc ngồi mà đọc, hoặc quỳ mà đọc, hoặc mặc niệm mà đọc, hoặc học thuộc lòng, v.v..., mọi cách thức đều được cả. Tùy theo kinh văn mà quán tưởng, và xem trong kinh bàn luận về đạo lý gì. Hành đạo tức đi kinh hành. Đi từng bước chân chậm rãi, không loạn động, không nghiêng bên đông, ngả bên tây, mà đi như nhạn bay trật tự trên nền trời. Từng bước đi không khẩn cấp, không chậm chạp. Mọi cử chỉ hành động đều dụng công. Chấp hai bàn tay lại mà chẳng để vô tâm. Mười ngón tay khắn khít với nhau, không chênh lệch, không co giản, dạng trạng như bưng cốc nước. Nếu nghiêng lệch, thì nước liền đổ ra. Thân đứng thẳng như cây tùng. Hai bàn chân hợp lại thành chữ bát. Hai ngón chân cái cách nhau khoảng tám phân. Hai gót chân cách nhau khoảng hai phân. Gáy cổ phải chạm cổ áo. Đầu thẳng thừng, không nghiêng ngửa, như đang đội chén dầu, nếu không chú ý thì sẽ đổ xuống. Đi như gió, phải xem xét trước sau. Bước đi nhẹ nhàng, không kéo lê giày dép. Đi trên cầu thang, chớ làm vang tiếng động lớn. Cỏ xanh chớ dẫm, phải thương mến hộ trì sanh vật. Mắt chỉ nên mở phân nửa, nhìn không quá năm bảy thước. Đi đứng nằm ngồi, oai nghi nếu trang trọng nghiêm túc, sẽ khiến người nhìn, sanh tâm cung kính. Lúc đầu, nếu không tự khiển trách, thì tương lai làm sao giáo hóa chúng sanh được! Tự thúc thủ hành vi chân chánh, không bị đọa lạc, thì mới nhiếp hóa chúng sanh. Có tu đạo hay không, cử chỉ hành động như thế nào, người khác nhìn vào liền biết rõ. Tâm bình thường tức là tâm trước sau như một. Trải qua bao phong ba hiểm nạn, tâm này vẫn như như bất động.

Ví như Hám Sơn lão nhân, Ngài là bậc mô phạm cho chúng ta. Ngài sanh vào đời nhà Minh, ngày mười hai tháng mười năm Gia Tĩnh thứ hai mươi lăm (1546). Năm mười hai tuổi, xin cha mẹ cho xuất gia, rồi lễ hòa thượng Tây Lâm tại chùa Báo Ân, ở Nam Kinh, làm thầy thế độ. Sau đó, Ngài thọ giới cụ túc nơi hòa thượng Vô

Cực. Sau khi hòa thượng Tây Lâm viên tịch, dầu chỉ mới được hai mươi tuổi, mọi việc lớn nhỏ trong chùa, đại chúng đều nghe theo sự quyết định của Ngài. Sau này, Ngài theo đại sư Vô Cốc ngồi thiền tại chùa Thiên Giới. Năm hai mươi tám tuổi, nhân du hành đến núi Ngũ Đài, thấy cảnh núi Hám Sơn thâm sâu hùng vĩ, nên Ngài tự lấy tên núi mà đặt danh hiệu cho mình. Năm hai mươi chín tuổi, Ngài duyệt xem "Triệu Luận", bèn liễu ngộ mà không bám văn nghĩa. Thiền sư Cao Phong, pháp lữ của Ngài, bảo:

- Xin chúc mừng! Thầy có vốn trụ núi rồi!

Năm ba mươi tuổi, Ngài đốn ngộ, bèn viết kệ:

"Chớp mắt tâm niệm cuồng dừng
Căn trần nội ngoại đều thấu suốt
Thân bay độc phá thái hư không
Vạn tượng xum la từ khởi diệt".

Từ lúc cắt tóc xuất gia, đến năm bảy mươi mốt tuổi, đôi chân Ngài đi du hành khắp nơi. Mỗi lần Ngài lên tòa thuyết pháp, nói một hơi cả ngàn lời. Việc này được thị giả ghi lại đầy đủ trong quyển tiểu sử niên giám của Ngài. Sự tích về cuộc đời Ngài, kể rõ rằng trong bao thập niên, dầu hoàn cảnh thiên biến vạn hóa, chịu muôn ngàn khổ đau, nhưng đạo tâm thủy chung bất biến. Đó là tâm bình thường, dài lâu. Lúc bị đày đến Lôi Dương, Ngài có viết bài Quân Trung Ngâm:

"Cởi áo tu liền đổi dạng
Vốn tin tùy duyên là đạo tràng
Chịu đựng nắng gắt như lửa cháy
Nan tiêu băng tuyết lạnh tâm tràng".

Tâm Ngài kiên cố bất biến, mới thổ lộ ra những lời này. Ngài chính là bậc mô phạm cho chúng ta.

Ngày nay, Phật pháp bị suy vi quá mức, vì trải qua bao phong ba bão táp. Trước ngày giải phóng, tăng ni toàn quốc có khoảng tám trăm ngàn vị. Năm ngoái, chỉ còn bảy mươi ngàn vị. Trong mười người thì có tới chín người hoàn tục. Đó là vì tâm không dài lâu, và không kiên cố. Bị lửa đốt một chút là chân đứng không yên. Nếu là Phật tử chân chính, phải nên lập chí nguyện, có đầy đủ tâm tràng sắt đá. Đầu tiên phải học oai nghi, tuân theo quy củ, mà không sợ kẻ khác bảo mình là người cứng đầu. Phải giữ tâm đến chết, mãi mãi tôn kính giáo giới của Phật. Do bao kiếp trồng căn lành, nên đời này mới được vào cửa Phật. Phải nỗ lực cầu đạo, trừ khử tập khí. Làm được những việc này rồi, thì từ từ sẽ trở thành những bậc đại tu hành, sớm đắc nhập lý thể. Chớ chạy vào chợ búa danh lợi, làm tay sai cho quốc vương. Tâm phải kiên cố, vĩnh cửu không đổi. Tâm bình thường động tĩnh nhất như.

28/ Ngày mười tám tháng năm [^]

Trong quyển Thiền Môn Nhật Tụng có bài Phí Nhàn Ca của đại sư Hám Sơn. Mười câu đầu nói về mười việc khó. Mười việc khó đó, nếu bàn thì chỉ phí sức, mất thời gian, vô dụng, nên gọi là Phí Nhàn Ca. Nếu làm được mười việc này thì liễu thoát khỏi sanh tử. Mười việc này gồm có: Thể hội đại đạo khó; giữ quy củ khó; gặp thầy hiền khó; vượt khỏi trần lụy khó; tâm chân thật khó; ngộ đạo khó; giữ cửa ải khó; có tín tâm khó; có tâm cung kính khó; hiểu rõ lời kinh khó.

So với người xưa, tôi cảm thấy rất xấu hổ, không dám ra vẻ đạo mạo. Người khác xem tôi là kẻ lỗi thời, nhưng cũng có kẻ cho rằng tôi có đạo đức. Việc này tôi chẳng dám nhận. Lại nữa, có kẻ khác nhận ra tánh xấu của tôi. Những việc này,

như người uống nước, lạnh nóng tự biết. Đây không phải là lời khách sáo. Người xưa bảo:

- Vẽ hổ vẽ da, khó lường cốt. Biết người biết mặt, chẳng biết tâm.

Tôi rất xấu hổ, ai nào biết đến? Trải qua bao năm, tôi chỉ lừa Phật ăn cơm. Quý vị chắc không tin điều này, cũng không hiểu nỗi khổ tâm của tôi. Khổ não vì nghiệp chướng, nói ra chẳng được. Hiện tại, chỉ ăn không ngồi rồi; muốn giảng giải mà thuyết chẳng hay. Thật ra những lời tôi nói ra, đều là điển chương của người xưa, hoặc là nước miếng của người khác. Tất cả đều là mắt thấy tai nghe, mà trong bao tử lại trống không. Chư Phật cùng thánh hiền, chỉ truyền một tâm ấn, không nói lời nào. Phật Tổ tương truyền, không ngoài việc đó. Người xưa nói được thì làm được. Riêng tôi thì nói được mà làm lại không được. Kẻ sáng mắt hiểu lời này, và nhắc nhở rằng tại sao tôi không tự giảng giải cho mình!

Ngày trước, tại Hàng Châu có người gởi thơ ẩn danh, chỉ trích tôi: "Có người tự nghĩ rằng mình là bậc tổ sư của thiền tông. Tự tôn tự đại, nhưng phần nhiều lại thầm lặng chấp không. Tuy tri giải đầy cả bụng, nhưng đối với bổn phận thì chẳng tương ưng chút nào. Chỉ a dua chạy theo quyền thế, thâu nhận lắm môn đồ. Tuy danh huyên náo một đời mà lại trống không... Vì thế, không thể lạm truyền giới pháp cho những người bất thánh bất hiền (tức những người xấu). Gặp những ai phải nên truyền mà lại không truyền, thì phải chịu phần trách nhiệm. Nếu truyền giới cho những người không nên truyền thì cũng phải chịu trách nhiệm. Không biết Đại Sư đã từng gặp người nên truyền mà lại không truyền, người không nên truyền mà lại đi truyền chưa?... Thứ nhất, hòa thượng mà để tóc dài, tức loại Sa Môn tệ hại, khiến mở cửa cho ngàn đời sau, phá gia phong giới pháp, lưu vết nhơ muôn thuở, kẻ hậu học chê cười. Thứ hai, biến cố tại Vân Môn, chẳng rõ cớ sự, chỉ tự an ủi rằng việc này do quả báo túc nghiệp, khiến cho ba tăng bị mất tích, một vị tăng

bị vong mạng. Hai việc này, chứng minh công đức Đại Sư thâm sâu quá nhỉ? Khổng Tử bảo:

- Tôi rất may mắn vì cẩu thả tạo tội, mà người người đều biết.

Thơ chỉ trích này, chính là bậc thiện tri thức của tôi, thật rất tri ân. Tiếc thay, thơ không đề tên, lại không có địa chỉ hồi đáp. Người đó bảo:

- Nhờ thần minh của Đại Sư, có thể biết được. Nếu có duyên với nhau, thỉnh cầu Đại Sư hồi đáp.

Vì thế, tôi viết một lá thơ, gởi đến Hàng Châu, nhờ pháp sư Tâm Văn, kiểm xem lá thơ đó do ai viết, để hồi đáp thơ từ. Người đó bảo tôi rằng "tự xưng là bậc tổ sư; làm thầy tri thức của các học nhân; hạnh giải được tương ưng; làm bậc long tượng trong tông môn. Không hổ thẹn làm con mắt của trời người. Ngoài Đại Sư ra, còn có ai đảm đương nổi!"

Việc chỉ trích đầu tiên của người đó là tôi "tự xưng là bậc tổ sư của thiền tông". Tôi nào dám tự xưng là bậc tổ sư như thế đâu. Song, người này lại tán thán "ngoài Đại Sư ra, còn có ai đương đảm nổi!"

Lời này tôi thật không dám thừa nhận. Hỏi về việc truyền giới pháp, chính tôi không biết mình có đắc giới hay không, sao lại dám bảo truyền được hay không truyền được? Luận về việc hòa thượng để tóc dài, người khác thật không hiểu cho tôi. Lúc vừa xuất gia, vì chưa hiểu đạo lý, nên tôi lầm ngộ học hạnh đầu đà, quấn tóc kim cô. Sau này, bị thiện tri thức mắng chửi, nên mới cắt tóc. Từ đó, mỗi năm đến đêm trừ tịch, cắt tóc một lần. Bình thường, tôi không cắt tóc và cạo râu. Tôi vốn không có ý muốn để râu tóc dài. Chiếu theo giới pháp, phải nên cắt bỏ râu tóc. Phong tục ở Trung Thổ là dùng râu tóc làm tướng đại trượng phu. Thân thể, râu

tóc, thọ từ cha mẹ, nên rất nhiều chư Tổ Sư ở Trung Thổ, vì hiếu thuận như người thế tục, mà lưu râu tóc lại.

Bàn về sự biến ở Vân Môn, người này lại trách tôi không rõ việc. Thật ra, việc này chẳng can hệ gì với tôi. Ai mất tích, ai vong mạng, tôi nào biết đến! Chư Tổ Sư xưa nay gặp nạn do quả báo túc nghiệp rất nhiều. Những lời này, vì tôi vẫn còn chấp, nên mới đối đáp. Vào lúc bình thường, dùng lời người xưa để khuyên nhủ người khác, nhưng khi chính tự gặp nghịch cảnh, thì tự mình giải mở không nổi. Tin những lời chân thật của người xưa, nhưng hành không được, thật uổng công phí sức. Đàm luận thuyết không không cũng vô ích. Hận cho mình chỉ lo nói suông chữ Không tầm xào. Tuổi già bịnh hoạn, không sức hành trì; khác với người xưa, muốn sống thì sống, muốn chết thì chết, đến đi tự tại.

Quý vị sơ phát tâm, đồng môn tham học, chớ đề cao hư danh, chớ nghe những lời rỗng tuếch của tôi. Nếu không tự nỗ lực tu hành, chỉ lo hướng ngoại truy cầu, thì không thể trụ tâm được. Hành trì không hạn cuộc tại gia hay xuất gia. Cả hai đều giống nhau.

Hôm nay, kể cho quý vị nghe một điển tích. Đời Minh, ở tỉnh Vân Nam, có một vị họ Thái, sống ngoài thành Tiểu Đông tại Côn Minh. Cha mẹ qua đời, để lại tài sản điền viên, nên cuộc sống sung túc. Song, ông vẫn cần mẫn lao động, tự trồng rau, đem ra chợ bán để sinh sống. Vợ trẻ đẹp, nhưng háu ăn làm biếng, thường cùng Dã Hán Tử tư thông. Ông tuy biết, nhưng không nói năng gì. Lâu sau, cô vợ không e ngại, nên ngày ngày tư thông với Dã Hán Tử, chẳng thèm đoái hoài đến chồng. Ngày nọ, ông đem rau ra chợ bán, rồi mua rượu thịt, trở về nhà thật sớm. Lúc đó, Dã Hán Tử đang tư thông cùng cô vợ, chưa kịp ra khỏi nhà, nên phải ẩn núp dưới sàng giường. Vào nhà, ông xuống bếp làm cơm. Cô vợ tuy biết có việc chi không hay, nhưng làm bộ rửa mặt, rồi vào nhà bếp, phụ ông chồng nấu nướng. Nấu

nướng xong, ông bảo cô vợ bày biện chén đũa. Lúc cô vợ đặt để hai chén cơm, ông lại bảo:

- Hãy đặt thêm một chén cơm. Hôm nay tôi đãi khách.

Vừa đặt chén bát xong, ông bảo cô vợ mời khách ra ăn cơm uống rượu. Cô vợ ra vẻ kinh ngạc:

- Khách ở đâu?

Ông bảo:

- Ở trong phòng.

Cô vợ run rẩy nói:

- Chàng chớ nói bậy. Trong phòng làm gì có khách!

- Chớ sợ sệt, không có chuyện gì đâu! Hãy mời hắn ra. Nếu không chịu ra, tôi sẽ cho hắn một đao.

Cô vợ bất đắc dĩ phải vào kêu Dã Hán Tử ra. Ông mời Dã Hán Tử ngồi trên ghế cao, rồi cung kính, đưa rượu cho uống. Thấy Dã Hán Tử ngập ngừng, vì sợ trong rượu có chất độc, ông cầm ly rượu lên uống. Lúc đó, Dã Hán Tử mới an tâm. Ăn uống no nê xong, ông đứng dậy, lễ Dã Hán Tử ba lạy, bảo:

- Hôm nay thật là duyên lành! Vợ tôi trẻ đẹp, không ai ngó đến, nhưng nay được ông chiếu cố, thật là may mắn. Gia tài và vợ của tôi đây, nay giao cho ông hết. Xin hãy tiếp nhận!

Dã Hán Tử và cô vợ đều không dám nói năng chi. Ông liền cầm đao, bảo:

- Nếu không đáp ứng, tôi sẽ lấy mạng các người!

Hai người không biết làm gì, chỉ vâng dạ. Từ đó, một mình tay không, ông rời nhà đi đến núi Trường Tùng am Tây Lâm để xuất gia. Nơi đó, ông vừa tu hành vừa trồng rau để sinh sống. Sau này, công phu có phần tương đắc.

Bàn về Dã Hán Tử, sau khi thọ nhận tài sản và sắc đẹp, chỉ lo ăn uống chơi bời biếng nhác. Ngày ngày mắng chửi đánh đập cô vợ. Ăn ở không yên, cô vợ rất hối hận, chạy đến am Tây Lâm, thỉnh cầu ông chồng cũ trở về. Tưởng đâu ông sẽ vui mừng, nhưng ông lại chẳng thèm đếm xỉa đến cô ta. Sau này, Dã Hán Tử phá sạch cả gia tài, khiến cô vợ không còn nơi nương tựa. Nhớ đến ân tình của chồng cũ, cô ta định báo đáp. Lúc trước, ông thường thích ăn cá tươi đuôi vàng ở Côn Dương. Cô vợ liền đi mua vài con, đem về nướng, rồi mang đến am Tây Lâm. Ông cầm và bảo:

- Tôi tiếp nhận ân tình của cô, nhưng sẽ phóng sanh những con cá này.

Cô vợ bảo:

- Chúng đã bị nướng, không thể phóng sanh!

Ông liền bỏ cá xuống nước. Đàn cá đều sống lại. Hiện nay, trong những truyện cổ tích tại Hắc Long Đàm ở Côn Minh, có nhắc đến loại cá đó. Ông Thái tuy là người thế tục, nhưng đối với tài sản vợ con, đều xả bỏ được hết, nên tu đạo được thành công. Nay khuyên quý vị, hãy xả bỏ muôn duyên, nỗ lực tu hành, thì quả thánh sẽ có kỳ!

29/ Ngày hai mươi tháng năm [^]

Pháp của Phật thuyết ra, có thiên kinh vạn luận. Tựu chung, thiết yếu chỉ dạy chúng sanh tự hiểu rõ tâm tánh. Nếu ai nhận ra được tâm, thì đại địa chẳng có một tấc đất. Chúng sanh từ vô lượng kiếp đến nay bị vật xoay chuyển, do vì cầu pháp ngoài tâm mà không nhận ra tự tánh. Bổn gốc vốn không một vật, thì làm sao nắm bắt được muôn pháp. Vừa vọng chấp ngoài tâm có pháp, thì trở thành tà tri tà kiến. Song, bảo rằng nhận ra được tâm thì đại địa chẳng có một tấc đất, đó cũng còn tính toán. Thật ra, Phật thuyết tam Quy Y, năm giới cấm, ba ngàn oai nghi, tám muôn tế hạnh, cùng muôn ngàn pháp môn, đều vì để đối trị tâm chúng sanh.

Tập khí xấu xa của chúng sanh có tám mươi bốn ngàn loại phiền não. Vì thế, Phật thuyết ra tám mươi bốn ngàn pháp môn để đối trị. Đó là phương tiện thiện xảo của Phật. Quý vị có bịnh gì thì Phật cho thuốc đó. Phật thuyết ra tất cả pháp, vì để độ tất cả tâm. Nếu không có tất cả tâm, cần dùng chi tất cả pháp? Chúng sanh từ vô lượng kiếp đến nay, bị vô minh phiền não làm ô nhiễm chân tâm, nên nhận lầm bốn đại làm thân tướng của mình, mà không biết nó vốn không có thật thể, chỉ do đất nước gió lửa hợp thành, đồng như huyễn hóa. Nay muốn xoay về cội nguồn, đầu tiên phải điều phục thân tâm, đoạn trừ tập khí, chuyển tâm thô thành tâm vi tế. Từ hữu vi tiến đến vô vi, khởi dụng công từ tự tánh thanh tịnh của pháp thân. Từ sáng đến tối, đi đứng nằm ngồi, như mài như giũa, cẩn thận chú ý, đoạn trừ tập khí. Mật phải lớn, và tâm phải vi tế. Mật lớn bao trùm thân tâm, không để cảnh chuyển. Tâm vi tế, tức khí lực phải vi tế, chớ khởi tâm thô khí phù. Những việc này, tự mình có thể kiểm nghiệm. Người người đều sống vội vàng hấp tấp, nên khí suyễn hơi thô. Người có công phu định lực, tuy bận rộn nhưng không có khí suyễn. Từ sáng đến tối, tâm bình khí hòa. Chú tâm mà chẳng loạn, tức là định. Vọng tưởng vốn không có thật thể. Có định tức không vọng tưởng, nên tự tìm lại được nguồn tâm. Vừa khởi công phu, phải bàn về oai nghi giáo tướng. Đi đứng nằm ngồi đều có oai nghi. Chớ bảo rằng vì bận rộn mà quên đi oai nghi giới hạnh cùng việc sanh

tử. Làm đệ tử Như Lai, tức là thân quyến của tiên thánh, ra vào nơi cửa vàng, hành tạng nơi bảo điện. Phải ung dung tự tại đến những nơi sóng khởi ba đào, để truyền chuyển tích trượng, thăng lên hư không. Giả sử mười đại ma quân, nghe danh mà đến quy y chánh đạo, có nên vì đó mà quên giảng oai nghi không?

Xưa kia, ngài Viễn Lục tại núi Phù Sơn, bảo một vị tọa chủ:

- Nhờ trị tâm, nên mới cầu diệu ngộ. Ngộ đạo được thì thần hòa khí tĩnh, vọng tưởng tình ngưng, dung mạo trang nghiêm khả kính, phù hợp nơi chân tâm. Nhờ điều phục nên tâm tự linh diệu, rồi sau này mới chỉ dạy muôn loài.

Thế nên, người có mắt sáng, thấy mọi hành động cử chỉ oai nghi ra sao, thì biết quý vị tu hành như thế nào. Thuở xưa, khi còn làm Bà La Môn, ngài Xá Lợi Phất gặp tôn giả Mã Thắng. Do thấy oai nghi uy nghiêm của tôn giả Mã Thắng, ngài Xá Lợi Phất bèn khởi tâm cung kính, và đi theo hỏi pháp. Tôn giả Mã Thắng bảo:

"Các pháp từ duyên sanh
Các pháp từ duyên diệt
Thầy tôi đại sa môn
Thường thuyết lời như thế".

Nghe bài kệ này, ngài Xá Lợi Phất liền đắc pháp nhãn thanh tịnh. Trở về, Ngài đọc lại bài kệ này cho Mục Kiền Liên nghe. Nghe xong, ngài Mục Kiền Liên cũng đắc được pháp nhãn thanh tịnh. Tức thời, cả hai ngài liền dẫn một trăm đệ tử, đến vườn Trúc Lâm, cầu xin xuất gia. Khi đó, Phật bảo:

- Lành thay ! Này tỳ kheo!

Phật vừa nói xong, bất chợt râu tóc của hai ngài đều tự rụng xuống, y ca sa tự quấn thân, tức thành sa môn.

Quý vị thấy đó, tôn giả Mã Thắng đi trên đường lộ, oai nghi nghiêm túc, khiến thành tựu được công đức như thế. Đấy là dùng oai nghi mà dạy người.

Quý vị sơ phát tâm, đồng tham học! Phải nên hướng theo người xưa mà học tập, cùng nhất tâm quán chiếu chính mình; đi đứng nằm ngồi, trong mười hai thời, đều để vô tâm không bị cảnh chuyển. Nếu không giữ bổn phận như thế, bị lưu chuyển mãi theo vọng tình, thì có khác gì người thế tục? Tuy nói xuất gia tu đạo, nhưng đều là lời trống không vô ích. Quý vị hãy lưu tâm.

30/ Ngày hai mươi mốt tháng năm [^]

Trong kinh Lăng Nghiêm, Phật bảo:

- Như khi Ta chỉ ngón tay, hải ấn phát quang. Ngược lại, ông vừa khởi tâm, thì trần lao liền nổi lên.

Kinh Lăng Nghiêm, do ngài A Nan phát khởi, thị hiện làm mô phạm cho chúng ta. Toàn bộ kinh, chú trọng chữ dâm dục. Do từ chữ dâm dục mà Phật thuyết ra rất nhiều ngôn từ. Đầu tiên, ngài A Nan thị hiện, đi khất thực, qua nhà dâm nữ, bị Ma Đăng Già nữ dùng thần chú Tiên Phạm Thiên Bà Tỳ Ca La, nhiếp dẫn vào phòng dâm. Nơi dâm cung phủ ma, sắp đoạn giới thể. Như Lai biết ngài A Nan bị ma thuật mê hoặc, nên thọ trai xong, liền trở về tịnh xá. Vua quan đại thần trưởng giả cư sĩ, đồng đi theo Phật, vì nguyện muốn nghe pháp yếu. Bấy giờ Thế Tôn, đảnh phóng trăm luồng ánh sáng bảo quý vô úy. Trong các luồng ánh sáng, xuất hiện các hoa sen báu ngàn cánh; trong đó có hóa thân Phật, ngồi xếp bằng đoan tọa, tuyên thuyết thần chú, rồi sai ngài Văn Thù, đem thần chú đến, cứu hộ ngài A Nan. Khi ấy, ác chú liền tiêu mất. Bồ Tát Văn Thù dẫn ngài A Nan cùng dâm nữ Ma Đăng Già, trở về nơi Phật trú. A Nan vừa thấy Phật, đảnh lễ rơi lệ, hối hận từ vô thủy đến nay, chỉ hướng đa văn, chưa hoàn toàn đủ đạo lực, nên ân cần khải thỉnh

mười phương Như Lai mở phương tiện đầu tiên, để tu hành chứng đắc đạo Bồ Đề, diệu Xa Ma Tha, Tam Ma Thiền Na. Phật ứng theo lời thỉnh cầu, nên thuyết ra bộ kinh Lăng Nghiêm. Ngài A Nan gặp dâm nữ Ma Đăng Già, không thể làm chủ được. Đấy là Bồ Tát thị hiện vào thế gian, chẳng do ái dục, mà chỉ vì tâm từ bi, muốn chúng ta xả ái, cùng các tham dục, nên nhập vào sanh tử, giả việc tham ái. Kinh Viên Giác nói: "Tất cả chúng sanh, từ đời vô thủy đến nay, do vì bao loại ân ái tham dục, nên bị luân hồi. Tất cả chủng tánh, noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh, đều nhân dâm dục mà sanh ra tánh mạng. Phải biết luân hồi, ái dục là cội gốc".

Thế nên bảo:

- Luân hồi trong ba cõi, dâm dục làm gốc. Qua lại sáu đường, ái dục làm nền tảng.

Trên thế gian, có người xuất gia kẻ tại gia, lại có người vì đạo và không vì đạo. Do không rõ tự tánh, nên đều bị năm món dục lạc xoay cuốn tới lui. Năm dục là tiền tài, sắc đẹp, danh vọng, thức ăn, ngủ nghỉ. Do năm món dục lạc này, mà khởi ra thất tình: Vui vẻ, bực tức, buồn bả, sung sướng, thương mến, oán ghét, mong muốn. Thất tình lại trói chặt năm món dục lạc. Vì vậy, không thể cắt đứt sanh tử.

Kinh nói: "Chúng sanh trong cõi Nam Diêm Phù Đề, dùng tiền tài làm mạng sống".

Lúc nhập thai, khởi đầu do dâm dục. Đến khi sanh ra, lại dùng tiền tài làm chủ yếu. Hòa thượng Quảng Huệ khuyên người chớ tham tài lợi:

- Tất cả nghiệp tội, đều nhân vì đắm chấp vào tiền tài vật chất mà sanh ra.

Thế nên, trong năm món dục, đầu tiên là tiền tài. Người có tiền tài, mới có y phục, thức ăn chỗ ở, rồi mong muốn nữ sắc, phụ nữ thê thiếp. Người nghèo cùng, thì làm

việc gì cũng khó thành. Chứng minh, tiền tài rất lợi hại. Người thế gian dùng tiền tài làm nguồn vui. Không tiền thì khổ đau, nên mong muốn có tiền. Có được chút đỉnh thì lại muốn nhiều thêm. Có được bạch ngân, lại thích vàng ròng, chẳng hề biết đủ. Họ chỉ lo thân mình, và tính toán cho con cháu. Cả đời khổ nhọc, bận bịu vì tiền tài, mà không biết rằng có tiền nhưng khó mua được con cháu hiền lành. Khi vô thường đến, một mảnh giấy cũng không mang theo được. Phải nên nhìn thấu suốt tiền tài.

Xưa kia, có ba gã ăn xin, cùng đi trên đường. Cả ba đồng chợt thấy một đồng tiền trên đất. Gã thứ nhất định nhặt lấy, nhưng bị gã thứ hai ngăn lại, bảo:

- Tôi thấy đồng tiền đó trước, nên nó phải về tay tôi.

Gã thứ ba cũng bảo:

- Tôi thấy trước hết, nên nó phải thuộc về tôi.

Ba gã ăn mày chỉ vì một đồng tiền này mà tranh cãi đánh nhau trên đường phố. Quân lính tuần hành, đi ngang qua thấy họ đánh nhau rất hung hăng; vì sợ sẽ tổn thương tánh mạng, nên quân lính bắt cả ba về dinh phủ, phán xử thị phi. Quan huyện ngồi trên tòa, tra hỏi rõ nguyên do, bảo:

- Các ông không nên tranh nhau vì đồng tiền này.

Cả ba đồng nói:

- Chúng tôi bần cùng đến mức này, sao lại không tranh đồng tiền đó?

- Vậy thì mỗi người các ông hãy kể việc nghèo cùng của mình. Nếu ai là người thật rất nghèo cùng thì Ta sẽ đưa đồng tiền này cho.

Gã thứ nhất nói:

- Tôi thật rất nghèo cùng, vì nóc nhà lủng thấu trời xanh; y phục rách rưới không chỉ vá; thường lấy ngói gạch làm gối, và lấy cỏ xanh làm nệm.

Gã thứ hai bảo:

- Tôi còn nghèo cùng hơn nữa, vì trời xanh là nóc nhà, y phục chẳng che được nửa thân, gối là búi tóc, gân cốt là nệm chiếu.

Gã thứ ba bảo:

- Họ không nghèo cùng bằng tôi. Tôi bị đói khát cả chục ngày, ngủ mộng cả nửa năm, chết không nhắm mắt, chỉ vì đồng tiền này.

Quan nghe thế, liền cười to. Đây là câu chuyện tham tiền hài hước.

Đức Thế Tôn thuyết pháp, giảng giải tiền tài mê hoặc người đời, thật không gì diễn tả hết. Đa số người xuất gia cũng bị tiền tài làm mê hoặc. Xưa đồng tiền, nay là giấy bạc. Chúng trói buộc con người đến chết. Rời chúng thì chẳng sống được qua ngày. Quý vị muốn trồng trọt, làm ruộng vườn thì phải có công cụ cuốc xẻng. Không tiền thì không thể mua được dụng cụ cuốc xẻng, nên không thể trồng trọt chi hết. Chúng ta bận rộn suốt ngày, có phải chỉ vì tiền bạc thôi sao?

Người thế tục ăn mặc nếu đầy đủ rồi, lại tham đắm sắc dục. Chữ sắc này đã hại không biết bao nhiêu người. Xưa kia, các vua chúa đế vương, chỉ vì tham sắc mà mất nước không ít. Thuở xưa, vua nhà Thương, tức Hạ Kiệt, mang quân đi chinh phạt, toàn thắng bắt được Muội HỶ đem về làm vợ. Vì hoang dâm vô đạo, nên nhà Thương mới bị đoạn diệt. Vua Trụ nhà Thương luyến ái Đắc KỶ, đam mê tửu sắc, bạo ngược vô đạo. Khi bị Châu Võ Vương chinh phạt, khiến quân binh tán loạn,

nên Trụ Vương phải tự sát. Thời xưa chưa có điện thoại điện báo, cảnh sát biên phòng, nên khi giặc đến, chỉ đốt cỏ khô làm hiệu. Phương pháp là lập một đài cao. Trên đài có một cái gác. Trên gác có một cái giỏ. Trong giỏ có chứa cỏ khô. Nếu có giặc đến, liền đốt lửa làm hiệu, gọi là phong toại. Khi lửa hiệu được đốt lên, thì những đài bên cạnh lập tức báo cho quân phòng thủ. Châu U Vương ân sủng chiều chuộng Bao Tự, nhưng nàng ta chẳng bao giờ cười đùa. Châu U Vương đốt lửa để hiệu triệu các nước chư hầu. Quân chư hầu đến, nhưng không thấy giặc, chỉ nghe tiếng nàng Bao Tự cười to. Sau này, Tây Di Khuyển Nhung theo giặc vây thành. Châu U Vương liền đốt lửa làm hiệu, nhưng quân chư hầu không màng đến. Khuyển Nhung xua quân chiếm thành, giết Châu U Vương dưới chân núi Li Sơn, cùng bắt đi Bao Tự. Vì vua đốt lửa hiệu, trêu ghẹo quân chư hầu, nên phải bị mất mạng. Họa tham sắc dục, vô lượng vô biên, kể không thể hết.

Lợi và danh đi liền với nhau. Danh có tốt có xấu, hoặc lưu tiếng thơm trăm đời, hay để vết nhơ muôn thuở. Điển hình là tam hoàng ngũ đế, thánh quân hiền vương. Vua Vũ nhà Hạ vâng lệnh lo việc dẫn thủy nhập điền; tám năm ra ngoài lao tâm cực khổ, ba lần đi ngang qua nhà mà không dám bước vào. Ông khai chín châu, thông chín đại lộ, đào chín sông, vạch chín núi. Làm xong nhiệm vụ đó, ông ta lại định lập thuế má, lệ cống, chế năm loại y phục, cùng khiến các nước lân bang thần phục.

Đời vua Thang, có gã thợ săn sau khi đặt lưới bẫy chim, liền cầu nguyện: "Từ trên trời xuống, từ dưới đất vọt lên, bốn phương các loại chim chóc, hãy đều chui vào lưới này".

Nghe lời này, vua Thang than thở:

- Ô hởi! Như vậy hắn muốn bắt hết mọi loài chim chóc sao!

Nói xong, vua Thang ra lệnh cho gã thợ săn hãy mở lưới bẫy ra ba bên, chỉ còn chừa lại một bên, rồi dạy hắn ta, nên cầu nguyện như vầy:

- Nếu muốn bay bên trái thì bay. Nếu muốn bay bên phải thì bay. Nếu không còn muốn thân mạng nữa, thì hãy bay vào lưới võng này.

Đây là do đạo đức thấm nhuần, nên chư thánh lưu danh muôn thuở.

Vương Bổn, Tào Tháo, Tần Tăng, để lại vết nhơ muôn đời. Chư Phật chư Bồ Tát, chư đại tổ sư, đạo đức chân thật. Tuy các ngài không cầu danh mà danh vẫn lưu thiên cổ. Tỳ kheo Thiện Tinh, tỳ kheo ny Bảo Liên Hương, nghiệp tội thâm trọng nên đọa địa ngục, khiến lưu vết nhơ muôn năm.

Danh này cũng hại người. Nếu mình được khen là giỏi, có đạo đức, hoặc thường làm những việc khó làm, thì sanh tâm vui thích; đó là háo danh. Bị chửi mắng khiến không vui, cũng vì danh. Được khen hay chê dở, nói chung đều bị danh xoay chuyển. Trước mặt, ẩn náo súng đạn. Sau lưng khó tránh hỏa tiển.

Xưa kia, nơi thiền đường, dùng ngọ xong lại có cháo điểm tâm, rồi lên chánh điện lễ Phật, đến giám liêu uống trà đàm luận. Được khen rằng mình dụng công rất hay, liền sanh tâm hoan hỶ. Bị chê là dụng công không giỏi, thì đôi má ửng hồng, xả không nổi. Các vị tiểu thượng tọa cũng như thế. Được khen là hay thì sanh tâm vui vẻ. Bị chê là dở thì sanh tâm bực tức. Đó cũng là bị danh chuyển.

Ăn uống cũng rất lợi hại. Quân tử ăn không cầu no, ở không cầu an. Người xưa nhất tâm tại đạo, ăn rau dại để no lòng. Tâm định thì rau tươi cỏ dại đều có mùi vị. Hòa thượng Long Sơn tại Đàm Châu bảo:

"Một ao lá sen, y vô số
Hoa tùng ngập đất, ăn vẫn dư

Vừa bị người đời biết nơi trú
Lại dời am thất vào thâm u".

Người thế gian tham ăn, chấp trước mùi vị ngọt chua cay mặn nồng. Ai ai cũng thích mùi ngon vật lạ, nên sát sanh hại mạng, để thỏa thích miệng mồm bao tử. Người thích ăn chay, nhưng khi nấu nướng lại bỏ hành tỏi mỡ gà mỡ heo, để món ăn ngon hơn; chẳng bỏ được tập khí giết sanh hại mạng, vì tâm tánh giết hại vẫn còn. Tuy không ăn thịt, nhưng lại dùng dầu mỡ động vật cùng hành tỏi, thì vẫn phạm giới. Dẫu thức ăn ngon hay dở, một khi đã xuống bao tử rồi thì thành phẩn uế. Sao lại tham cầu cao lương mỸ vị, tranh nhau không ngừng! Ăn càng nhiều thì thải bỏ phẩn uế càng nhiều, có hay ho chi đâu!

Ngủ lại không thể bàn hết. Một năm có ba trăm sáu mươi ngày. Một ngày có hai mươi bốn tiếng. Ban ngày làm việc, tối đến mơ mộng. Bình thường, một năm ngủ khoảng một trăm tám mươi ngày. Việc ngủ nghỉ chiếm rất nhiều thì giờ, thật hại chết người. Người chân chánh tu hành, rất mến tiếc thời gian. Kinh Di Giáo bảo: "Ban ngày chuyên cần tu tập pháp lành, không để mất thời gian. Đầu hôm cuối hôm, cũng chớ bỏ phế công phu. Giữa đêm tụng kinh, lấy đó làm việc nghỉ ngơi. Nếu cứ mộng mị vô cớ, thì một đời trải qua vô ích, không đắc được gì cả".

Do đó, tối đến nếu có mộng mị, phải đổi cách thức tu thiền hay ứng dụng các pháp tu khác, để hàng phục ma ngủ. Người háu ăn làm biếng, chỉ ưa tham ngủ, thường không thể phát đạo tâm, không biết sám hối. Vừa tỉnh giấc bên trái, lại xoay qua ngủ bên phải. Buổi khuya ngủ chưa đủ, ban ngày lại ngủ thêm để bù đắp. Xem kinh nghe pháp, ngồi thiền niệm Phật cũng ngủ gật, bỏ phí thời giờ rất nhiều, vậy mục đích cứu cánh xuất gia để làm gì?

Cổ đức bảo:

- Nghe chuông, nằm lăn không dậy, khiến hộ pháp thiện thần quở. Hiện đời phước đức giảm; chết rồi đọa làm thân rắn.

Ngài Quy Sơn bảo:

- Thường thấy những kẻ sơ phát tâm, giải đãi làm biếng, ham ăn ngủ nghỉ, sống cuộc đời vô ích trên thế gian. Thật đáng thương thay, ai bi thiết tâm! Không đành ngậm miệng, nên phải nói lời răn nhắc này.

Hy vọng, người có tâm cầu đạo, nguyện vượt ra sanh tử, chớ để năm món dục lạc, cùng thất tình xoay chuyển. Hãy nỗ lực chuyên cần tu hành, chớ để thời gian trôi qua vô ích.

31/ Ngày hai mươi ba tháng năm [^]

Quân lệnh ở thế gian rất nghiêm khắc. Ban hành lệnh như trời long đất lở, chẳng có ai dám vi phạm. Pháp của Phật thuyết ra cũng như quân lệnh. Là đệ tử Phật phải y giáo phụng hành, quyết không vi phạm chút tơ hào. Hôm trước, tôi có nói về việc lúc làm lễ Bố Tát, thầy thượng tọa răn nhắc Sa Di:

- Các con phải thanh tịnh thân miệng ý, chuyên cần học tập thánh giáo kinh luật luận, cẩn trọng chớ phóng dật.

Đã xuất gia, phải nhớ đến nỗi thống khổ của sanh tử, như cứu lửa cháy đầu, sao lại phóng dật lười biếng? Chuyên cần học tập kinh luật luận, tức ba tạng thánh giáo, để tìm ra con đường và phương pháp thoát khỏi sanh tử. Kinh luật luận gọi là ba đại tạng. Ba đại tạng tàng chứa hết tất cả văn nghĩa. Kinh nói bàn về định học. Luận nói về giới học. Luận nói về huệ học. Ba tạng này tức là ba học. Kinh có hai nghĩa là thường và pháp, hay kinh tuyến và tràng hoa. Tiếng Phạn gọi tạng kinh là Tố Đản Lãm Giám, hay Tu Đa La, được dịch là tràng dây; vì đây là lời của đức

Phật, có thể nối buộc tất cả pháp, như tràng hoa nối liền tất cả nụ hoa với nhau. Tiếng Phạn gọi tạng luật là tạng Tỳ Nại Da hay Tỳ Ni, được dịch là Diệt, tức diệt ba nghiệp xấu. Tiếng Phạn gọi tạng luận là A Tỳ Đạt Ma hay A Tỳ Đàm, dịch là đối pháp, tức dùng trí huệ thù thắng đối quán chân lý mà chấp trì danh xưng. Lại được dịch là pháp vô so tỶ, tức trí huệ tối thắng, không gì so sánh. Tên riêng của tạng luận là Ưu Bà Đề Xá, dịch là luận, tức luận tánh tướng chư pháp mà phát sanh trí huệ thù thắng.

Người thọ giới tại tam đàn đại giới là những vị Bồ Tát và đại trượng phu. Người đã phát tâm Bồ Đề, phải làm những việc của bậc đại trượng phu và chư Bồ Tát. Bồ Đề là tiếng Phạn, dịch là đạo. Đạo tức là tâm, và là lý; nghĩa là diệu lý của tâm. Thể của tâm đồng với hư không, biến khắp ba cõi mười phương, xum la vạn tượng. Phát tâm Bồ Đề như thế, tức là Bồ Tát đại trượng phu.

Chư Phật từ bi thuyết ba thừa pháp, bao gồm muôn loại giáo pháp triết lý. Bàn về giới, Phật chế luật là tỳ kheo năm năm đầu chuyên cần học giới luật cho tường tận. Năm năm sau, đi khắp nơi nghe giáo tham thiền. Điều này chứng minh rằng việc học giới và giữ giới của đệ tử Phật rất quan trọng. Trong kinh Phạm Võng có mười giới trọng và bốn mươi tám giới khinh. Phạm mười giới trọng tức phạm tội Ba La Di. Ba La Di dịch là ti tiện, hay thối đọa, bất cộng trụ, đọa nơi bất như ý, đoạn đầu, bị kẻ khác thắng v.v... Phạm giới này là phạm tội nặng nhất trong giới luật. Trong luật lại có khai giới cùng giá giới, mà đại thừa và tiểu thừa không đồng. Khai có nghĩa là hứa. Giá có nghĩa là chỉ. Hứa làm gọi là khai. Cấm làm gọi là giá. Muốn khai phải xem thời tiết nhân duyên, cùng phương tiện bên ngoài. Không có nhân duyên thì không thể khai. Giá tức là nhất giá hay vĩnh viễn giá. Tiểu Thừa và Đại Thừa có rất nhiều sự tương phản. Sự Trì của Tiểu Thừa tức là phạm của Đại Thừa. Sự Trì của Đại Thừa tức là phạm của Tiểu Thừa. Điều lệ và ngôn từ rõ ràng; hãy xem quyển Tỳ Ni về sự Chỉ Trì và Tác Trì.

Trong giới cụ túc, tỳ kheo có hai trăm năm mươi giới. Tỳ kheo ny có ba trăm bốn mươi tám giới. Những giới này, phân ra làm năm thiên:

Thứ nhất, Ba La Di là tội nặng nhất, được dịch là đoạn đầu; nếu phạm thì không thể trở thành tỳ kheo, như đầu bị cắt. Nơi thiên này, tỳ kheo có bốn giới, và tỳ kheo ny có tám giới.

Thứ hai, tội Tăng Tàng, tiếng Phạn gọi là Tăng Già Bà Thi Sa. Tăng tức là lược nói về tăng già. Tàng dịch là Bà Thi Sa. Tỳ kheo nếu phạm giới này thì gần bị chết, nhưng còn mạng tàn dư, nên phải sám hối trước tăng chúng, thì mới được toàn mạng. Do đó, gọi là Tăng Tàng. Nơi thiên này, tỳ kheo có mười ba giới, còn tỳ kheo ny thì có mười bảy giới.

Thứ ba, tội Ba Dật Đề, dịch là đọa, tức đọa địa ngục. Nơi thiên này, tỳ kheo có một trăm hai mươi bốn giới, còn tỳ kheo ny thì có hai trăm lẻ tám giới.

Thứ tư, tội Đề Xá Ni hay Ba La Đề Xá, dịch là hướng bỉ hối, tức sám hối trước một vị tỳ kheo thanh tịnh. Nơi thiên này, tỳ kheo có bốn giới, còn tỳ kheo ny thì có tám giới.

Thứ năm, tội Đột Kiết La, dịch là ác tác; tội này nhẹ. Nơi thiên này, tỳ kheo có một trăm pháp chúng học, hai pháp bất định, bảy pháp diệt tranh, cộng thành một trăm lẻ chín giới. Tỳ kheo ny có một trăm pháp chúng học và bảy pháp diệt tranh.

Tỳ kheo nghiêm thủ hai trăm năm mươi giới trong ba nghiệp bốn oai nghi, tức trở thành ba ngàn oai nghi. Mười hai thời khắc luôn tuân thủ tôn chiếu, trì tụng năm mươi bài kệ chú nhỏ trong quyển Tỳ Ni Nhật Tụng. Hàng phục tâm và chế thân không cho làm việc ác.

Bàn về ba tụ viên giới, mỗi giới đều có đủ nhiếp luật nghi giới, nhiếp thiện pháp giới, nhiêu ích hữu tình giới. Ví dụ, giới cấm giết hại có đầy đủ ba tụ. Xa rời nghiệp ác giết hại, nên gọi là nhiếp luật nghi giới. Vì trưởng dưỡng tâm từ bi mà không giết hại, nên gọi là nhiếp thiện pháp giới. Vì bảo hộ chúng sanh mà không giết hại, nên gọi là nhiêu ích hữu tình giới. Kinh Lăng Nghiêm bảo: "Nếu chư tỳ kheo không mặc áo tơ lụa, đi giày dép da thú, mặc y lông cừu chim chóc, uống sữa đề hồ, thì là chân chánh giải thoát, và không còn trả nghiệp báo, cùng chẳng còn dạo trong ba cõi".

Do nhân duyên khai giới nên Tiểu Thừa có thể ăn thịt uống sữa. Bồ Tát không thể ăn thịt, mặc tơ lụa, đắp áo lông cừu chim chóc. Đây là sự khác biệt giữa giới khai, giá, trì, phạm của Tiểu Thừa và Đại Thừa.

Lại nữa, tỳ kheo không được giữ tiền, không giữ một hạt gạo, không ăn thức ăn để qua đêm. Ngày nào khất thực được bao nhiêu thì ăn bấy nhiêu. Phần thức ăn dư thừa, không được giữ lại qua đêm. Bồ Tát được khai mở, tức là cầm giữ tiền thì không phạm. Rượu là giá giới trọng căn bản của năm căn, nên Đại Thừa và Tiểu Thừa không chuẩn cho khai. Chỉ trừ lúc bịnh nặng, ngoài rượu ra không còn thuốc gì để trị, thì phải bạch trước đại chúng, rồi mới được dùng. Nhân duyên khai giá của giới luật rất vi tế, phải thâm nhập nghiên cứu kỸ càng mới có thể hiểu rõ. Phật giáo hưng thịnh hay suy vi, đều do còn giới hay không. Tỳ kheo phạm giới, như trùng trên thân sư tử, ăn thịt sư tử. Thế nên, lúc sắp viên tịch, Phật thuyết kinh Niết Bàn, bảo chư tỳ kheo phải lấy giới luật làm thầy, thì Phật pháp mới trụ thế lâu dài được.

Phật lại thuyết tứ y pháp, tức là bốn pháp phải nên nương y vào. Thứ nhất, mặc y phấn tảo. Thứ hai, thường đi khất thực. Thứ ba, ngồi trú dưới gốc cây. Thứ tư, dùng thuốc cũ. Bốn loại pháp này là nhân duyên nhập đạo, và là nơi nương tựa của

bậc thượng căn lợi khí, nên gọi là tứ y pháp, cũng gọi là bốn hạt giống thánh, vì khiến nhập vào thánh đạo.

Y phấn tảo được gọi là nạp y. Tỳ kheo dùng những mảnh vải thiêu đốt còn dư lại, vải bị trâu nhậm chuột cắn, vải của người chết bỏ lại, vải bị ngâm nước, vải bị người đời vứt bỏ vì hôi thúi. Lượm những mảnh vải đó, đem về giặt sạch, rồi may đắp thành y, nên gọi là y phấn tảo. Dùng từng miếng vải, may kết lại thành, nên cũng gọi là nạp y. Tỳ kheo dùng y phấn tảo, nên không cần dùng y do đàn việt bố thí. Ngay nơi đó, lìa được tâm tham trước.

Khất thực, tiếng Phạn gọi là Phân Vệ. Kinh Mười Hai Hạnh Đầu Đà bảo: "Có ba loại thức ăn. Thứ nhất, thức ăn được mời thỉnh. Thứ hai, thức ăn của tăng chúng. Thứ ba, thức ăn do đi khất thực mà có. Hai loại thức ăn đầu là nhân duyên khởi lậu. Tại sao? Người được thọ thỉnh, thường tự cho đó là phước đức của mình. Nếu không được thỉnh mời thì lại sanh tâm oán ghét người thí chủ, hoặc tự khinh rẻ mình, tức vì tâm tham lam mà ưu sầu, khiến làm chướng ngại đạo. Đối với thức ăn của tăng chúng, phải thường theo đại chúng mà dùng. Vị trai chủ phải trình thưa với tăng tri sự. Tâm nếu tán loạn mà thọ thức ăn đó, thì phá hoại sự hành đạo. Vì những nhân duyên đó, phải thường hành pháp khất thực".

Mỗi đêm, ngủ dưới gốc cây, mà không trú trong nhà. Mỗi ngày ăn cơm một lần.

Kế đến, tỳ kheo có bịnh thì không cầu thỉnh thầy thuốc, không dùng thuốc mới, chỉ dùng thuốc mà người vứt bỏ. Bịnh có lành hay không, đều để tự nhiên. Hiện tại, chư tỳ kheo có ai thủ trì được? Vừa bị bịnh thì bèn có bác sĩ đông y tây y cho những toa thuốc bổ phẩm. Đã lâu rồi không còn ai hành bốn pháp y chỉ này.

Tỳ kheo là tiếng Phạn, được gọi là trừ cận, khất sĩ, phá ác, bố ma. Tỳ kheo làm phước điền cho thế gian. Nếu có ai cúng dường cho vị tỳ kheo chân chánh một bát

cơm, hay nghe vị đó thuyết một bài pháp, thì sẽ tiêu trừ tất cả hoạn nạn cơ cẩn bần cùng, nên gọi là Trừ Cận. Khất Sĩ tức là trên khất cầu pháp của Như Lai để trưởng dưỡng huệ mạng, và dưới khất thực thức ăn của người thế tục để nuôi thân. Khất thực nơi Phật pháp tức là cầu pháp ba mươi bảy phẩm trợ đạo như tứ niệm xứ, tứ như ý túc, tứ chánh cần, năm căn, năm lực, bảy Bồ Đề phần, tám chánh đạo. Phá Ác tức là phá trừ tất cả nghiệp ác do thân miệng ý tạo ra, và chuyển đổi chúng thành mười nghiệp lành. Bố Ma tức là khi vừa xuất gia thọ giới tỳ kheo, liền thoát khỏi quyến thuộc của ma, nên cung ma bị chấn động, khiến chúng sợ hãi.

Chúng ta đã là tỳ kheo, vậy thì ai dám tự bảo mình là tỳ kheo chân chánh? Xuất gia vì muốn cắt đứt dòng sanh tử, nên phải y theo pháp mà phụng hành. Miệng tụng và tâm phải tư duy. Sáng tối tẩy rửa thân tâm, không để tham lam sân si ái kiến của thế gian xoay chuyển, cũng không nên khởi nhân ngã thị phi, háu ăn làm biếng.

32/ Ngày hai mươi sáu tháng năm [^]

Câu đầu trong thiên hai mươi của quyển Luận Ngữ, Khổng Tử bảo:

- Học phải thường hành.

Khổng Tử dạy đồ đệ rằng học xong việc gì thì phải hành việc đó. Trong động hay tĩnh, luôn luôn nhớ đến và niệm niệm chẳng quên. Nếu chỉ học đại khái sơ sài, thì công phu không thể tương ưng, và không thể đạt đến cứu cánh. Pháp thế gian và Phật pháp đều như thế. Phải vừa học vừa hành. Phật pháp là thể. Pháp thế gian là dụng. Thể là lý, tức chân đế. Dụng là sự, tức tục đế. Phải biết đạo lý tam muội ấn của hai đế viên dung vô ngại. Nếu không dung thông thì lạc vào sự bất quân bình. Rời thể mà biểu thị sự, tức là phàm phu phàm tình. Rời sự mà giảng tâm, thì không hiểu tâm địa. Hai đế chân và tục, tên gọi rất nhiều. Chân là thể. Tục là dụng. Trong

giới định huệ đều có thể và dụng. Chúng là những danh tự xuất phát từ tâm địa. Nếu có thể quán thông dung hội, thì đại đạo liền thông tận Trường An.

Xưa kia, tăng hỏi Triệu Châu:

- Thế nào là đạo?

Triệu Châu đáp:

- Bên ngoài bức tường!

- Không hỏi đạo đó.

- Vậy ông hỏi đạo nào?

- Đại đạo.

- Đại đạo thông Trường An!

Lý này như thế nào? Xin quý vị hãy tham cứu. Hiểu rõ thì nơi nơi đều là Phật pháp. Không hiểu rõ thì cứ chấp mãi trên danh tướng. Từ sáng đến tối, bôn ba bận rộn làm ruộng ăn cơm, có khác gì với người thế tục? Hiện tại, có nhiều người cư sĩ cạo đầu. Tăng sĩ lại cũng ăn mặc như người thế tục. Như thế, nơi hình tướng bên ngoài làm sao phân biệt được kẻ tăng người tục?

Người xưa bảo:

- Ruộng tâm chẳng trưởng dưỡng cỏ vô minh. Đất tánh thường khai nở hoa trí huệ.

Đây là đại đạo thông tận Trường An, tức là nơi khác biệt với người thế tục.

Người trồng lúa, nếu không nhổ cỏ dại thì khó mà thu hoạch lúa thóc thành tựu. Người tu hành nhổ sạch cỏ vô minh trong ruộng tâm, thì hoa trí huệ mới khai nở. Điều thiết yếu, nếu không để cảnh chuyển và tình không phụ vật, thì cỏ vô minh không thể tăng trưởng. Một khi hoa trí huệ khai nở, thì dầu lời thô ngữ tế đều thuyết lý vô sanh. Người xưa làm được nói được, chứ chẳng giảng lời nói suông trống rỗng. Một câu hỏi một câu đáp, tức là trả lời tại câu hỏi; thổ lộ tâm cơ, biết tất cả đều là diệu dụng. Tâm của chúng ta vì không thường trụ nơi đạo, nên luôn bị cảnh chuyển, và không thể khởi trí huệ chân thật. Nếu thường khởi niệm thống thiết vì khổ sanh tử, và tâm hoàn toàn trụ tại đạo, thì không phân biệt pháp thế gian, pháp xuất thế gian, là nam là nữ, vừa ý hay không vừa ý. Vừa khởi động niệm, tức ma xuất hiện, bị cảnh chuyển. Không phân biệt tức tự làm chủ được, mà không bị cảnh tình chuyển. Người xưa bảo:

- Quý vị có cây tích trượng. Tôi lại cho quý vị thêm một cây tích trượng.

Đây là pháp biểu thị. Vì vọng tưởng quá nhiều, tức là quý vị có cây tích trượng. Muốn dẹp trừ vọng tưởng, nên tôi dạy quý vị tu pháp quán sổ tức, quán thân bất tịnh, quán tưởng niệm Phật, tụng kinh lễ Phật, tham khán thoại đầu. Cho quý vị pháp môn tu hành, tức cho quý vị cây tích trượng. Khi dụng công, nếu quý vị có chút thọ dụng, thì trụ nơi bình yên vô sự. Có chướng ngại tức cây tích trượng của quý vị thật vô dụng. Vì thế, nay tôi đoạt lấy cây tích trượng của quý vị. Lành bịnh rồi thì không cần dùng thuốc mãi. Ngược lại, cứ chấp trước dùng thuốc mãi thì sẽ sanh thêm bịnh. Đây là nghĩa đoạt lấy cây tích trượng của quý vị. Ngài Thái Dương bảo:

"Chớ chấp núi lạnh khác cỏ xanh
Ngồi trên mây trắng, tông nào chẳng diệu".

Trong mọi thời, đối với việc tham Thiền hay niệm Phật, điều cần thiết là miệng niệm và tâm tư duy. Mở miệng ngỏ lời mà không phân biệt thị phi, thì suốt ngày được giải thoát; không phiền não, và không khởi tâm động niệm, thì mới có công phu. Nếu không giữ tâm mà để cảnh chuyển, tức sanh phiền não, nên dụng công không có phần lợi ích, và nơi nơi đều bị sóng ngập đầy trời. Xưa kia, lúc đang nhập thất, thấy Tô Đông Pha đến, thiền sư Phật Ấn bảo:

- Nơi đây không có chỗ ngồi.

Tô Đông Pha nói:

- Tạm mượn thân tứ đại của Ngài làm ghế ngồi.

- Sơn tăng có câu hỏi, nếu học sĩ đáp được thì thỉnh ngồi, bằng ngược lại, hãy để vòng ngọc đái nơi đây.

Tô Đông Pha đồng ý. Thiền sư bèn hỏi:

- Bốn đại vốn không, năm ấm chẳng thật có. Vậy cư sĩ ngồi được chỗ nào?

Tô Đông Pha không đáp được, bèn để lại vòng ngọc đái. Thiền sư cười, rồi nhận lấy. Tô Đông Pha viết kệ:

"Lưng bịnh khó đưa vòng ngọc đái
Độn căn nên cung kiếm lạc đường
Muốn dạy nàng hầu biết ăn xin
Lại cùng Vân Sơn đắp y cũ".

Tô Đông Pha tuy thông minh, nhưng đối đáp không ra lời, vì chưa bước đến nơi thật địa.

Quý vị đồng tham học, làm sao để đến nơi thật địa? Chỉ thiết yếu, miệng niệm tâm tư duy, tinh tấn tẩy rửa suốt ngày.

Pháp Ngữ của Thiền Sư Hư Vân

Thích Hằng Đạt

Chương VIII

33/ Mồng hai tháng sáu [^]

Sau khi Phật diệt độ, pháp trụ thế gian có ba giai đoạn: Chánh pháp một ngàn năm. Tượng pháp một ngàn năm. Mạt pháp mười ngàn năm. Luận Thiện Kiến nói: "Vì cho người nữ xuất gia, chánh pháp chỉ còn năm trăm năm. Do Thế Tôn chế tỳ kheo ny hành tám pháp cung kính, nên chánh pháp lại trụ được ngàn năm".

Hỏi: Ngàn năm đã qua. Vậy chánh pháp đã bị diệt hết chưa?

Đáp: Chưa diệt hết. Trong một ngàn năm, tu đắc được quả Tam Đạt Trí. Ngàn năm sau, đắc được quả A La Hán, tức Vô Tam Đạt Trí, tận trừ ái dục. Ngàn năm kế, đắc được A Na Hàm. Ngàn năm nữa, đắc được Tư Đà Hàm. Ngàn năm cuối, đắc được Tu Đà Hoàn. Năm ngàn năm đầu, đắc được đạo. Năm ngàn năm sau, tuy học mà không thể đắc được đạo. Sau mười ngàn năm, tất cả kinh thư văn tự đều bị diệt hết, nhưng vẫn còn người cạo tóc đắp y ca sa.

Ngài Quy Sơn nói:

- Hận cho mình sanh nhằm thời tượng pháp, cách thánh giáo quá xa.

Ngài Quy Sơn sanh vào đời Đường, cách Phật hơn một ngàn năm, tức thuộc thời tượng pháp. Tất cả sự việc đều biến chuyển. Nước để lâu ngày khiến có trùng. Pháp giữ lâu ngày khiến sanh tệ hại.

Kinh Phó Pháp Tạng ghi: "Những chúng sanh có duyên lành, tỳ kheo A Nan đều giáo hóa cho họ được giải thoát. Cuối cùng, Ngài đến giữa rừng trúc, nghe tiếng một tỳ kheo tụng kinh Pháp Cú đến đoạn "Người sống trăm năm, nếu không thấy hạc thủy lạo, thì không bằng sống một ngày, mà đắc được đạo".

Ngài A Nan nghe thế, bèn than thở thảm thương, và đến bảo tỳ kheo kia:

- Mắt sáng thế gian, sao diệt quá sớm! Các việc ác và phiền não, sao mau khởi vậy? Từ đây, bội phản thánh giáo, tự sanh vọng tưởng. Đây chẳng phải là lời Phật dạy, nên chớ hành theo... Ông hãy lắng nghe cho kỸ, Ta sẽ đọc lại bài kệ của Phật dạy: "Người sống trăm tuổi, nếu không hiểu pháp sanh diệt, chẳng bằng sống một ngày, mà đắc được đạo".

Sau này, tỳ kheo kia thuật lại lời của ngài A Nan cho thầy của ông ta nghe. Thầy ông liền bảo:

- Lão già A Nan trí huệ cạn cợt, nhiều lời sai lầm, không thể tin được. Cứ tụng theo câu kệ vừa rồi của Ta.

Khi trở lại nơi đó, ngài A Nan vẫn nghe tỳ kheo kia tụng câu kệ lúc trước... Do không thấy ai có thể lãnh hội ý mình, Ngài liền nhập tam muội, bảo:

- Lạ thay! Vô thường quá gấp, kiếp hoại nổi hừng hực. Vô lượng chúng sanh nơi thế gian thường lang thang, trú trong đêm dài tăm tối, đi trong đường hãi hùng; tà kiến hừng thịnh, pháp bất thiện tăng trưởng; phỉ báng Như Lai, đoạn tuyệt thánh giáo; mãi nhập bùn lầy sông lớn sanh tử, khai mở cửa ác thú, đóng bít đường trời người; nơi vô lượng kiếp, thọ muôn ngàn khổ não. Hôm nay, Ta muốn nhập Niết Bàn !

Kinh Lăng Nghiêm thuyết: "Trong thời đại mạt pháp, tà sư thuyết pháp nhiều như số cát sông Hằng. A Nan ông nên biết, đây là mười loại ma. Nơi đời mạt thế, chúng xuất gia tu đạo, nhập vào giáo pháp Ta. Hoặc tự phụ khiến người lễ bái, hoặc tự hiện hình quái lạ, hoặc tự bảo rằng đã chứng chánh biến tri, rồi tán thán dâm dục, phá hoại luật nghi. Đầu tiên, các ác ma sư cùng ma đệ tử, dâm dâm tương truyền. Tà tinh như thế, mê mị lòng người, gần chín lần sanh, hơn trăm thế hệ,

khiến người tu hành chân thật, bị mê hoặc, làm quyến thuộc của chúng. Sau khi mạng chung, tất làm dân ma, mất chánh biến tri, đọa địa ngục vô gián".

Trong kinh nói đến chín lần sanh, và một trăm đời. Một lần sanh là một trăm năm. Mỗi thế hệ là ba mươi năm. Hiện nay, Phật lịch là 2982, cũng là lúc ma vương trăm đời xuất hiện.

Phật diệt độ chẳng lâu, tỳ kheo kia tụng lầm kệ Hạc Thủy Lạo, mà cho đó là kinh Pháp Cú. Ngày nay, người học Phật lại lầm lạc càng nhiều. Hạc thủy lạo tức con hạc trắng. Người xem thấy chúng, có biết ý nghĩa gì! Hiểu rõ pháp sanh diệt, khiến rời xa biển khổ. Sống một trăm năm mà chẳng liễu giải, không bằng sống chỉ một ngày mà được liễu giải. Thế nên, người có trí huệ, không luận bàn tuổi tác cao thấp. Người không trí huệ, sống lâu trăm năm cũng vô ích.

Tà sư đời mạt thế, mỗi mỗi tự bảo mình là thiện tri thức. Người đang tham thiền, nếu không nhận ra vàng hay đá, liền bị sóng tà nhận chìm. Thấy cảnh mênh mông, liền tàn hoại rừng công đức. Lửa tâm cháy phừng phực, đốt rụi hạt giống Bồ Đề. Người cầu đạo chân thật trong đời mạt thế rất hiếm có. Ngài Quy Sơn nói:

- Đi xa phải chọn bạn hiền. Mắt tai phải thường thanh tịnh. Lúc dừng phải chọn lựa bạn lành, thời thời tuy nghe nhưng vẫn như không nghe... Sanh ta ra là cha mẹ. Ta thành công là nhờ bạn hữu. Gần gũi bạn lành, như đi trong sương, tuy không ướt y nhưng dần dần sẽ thấm.

Khổng Tử cũng nói:

- Ba người đồng hành, chắc sẽ có người làm thầy Ta. Bạn lành nên theo. Bạn xấu nên lánh xa.

Bạn tốt thì theo họ học. Kẻ có nhiều tật xấu, thường không đoái hoài lo gì đến ai; nếu gần gũi họ, lâu ngày sẽ bị thúi lây. Gần màu đỏ thì lấm màu đỏ. Gần màu đen thì lấm màu đen. Gần hương thơm thì nhiễm hương thơm. Gần mùi thúi thì nhiễm mùi thúi. Lời thô tế ngữ của bạn lành, nếu quy về đệ nhất nghĩa, thì phải nên thân cận. Người tu hành trong đời mạt pháp, như bản lãnh của chúng ta đây, không thể sánh bằng thiên ma ngoại đạo.

Kinh Lăng Nghiêm thuyết: "Sắc ấm diệt tận rồi, thì từ trong thân người kia, xuất hiện côn trùng, thân thể nhỏ nhít, nhưng không tổn hại đến thân. Lúc đó, đột nhiên mười phương hư không biến ra màu sắc bảy báu, hoặc màu sắc trăm báu, và đồng thời hiện ra khắp nơi, mà không ngăn ngại nhau. Đột nhiên vào giữa đêm, ngay trong am thất u ám, thấy muôn loại vật. Thọ ấm diệt hết rồi, thì quán đến cảnh giới của mười loại thiền na, gọi là năm mươi loại ấm ma. Mê mà không nhận thức, tự xưng là chứng quả thánh, tức tạo tội đại vọng ngữ, sẽ bị đọa địa ngục vô gián".

Lão Tử nói:

- Trong đó có tinh.

Khổng Tử cũng nói:

- Không không như thế.

Tức là họ đã thấy rõ thức ấm. Đối với chư A La Hán, năm ấm đã trừ tận, nên vượt ra khỏi ba cõi. Đối với chúng ta, sắc ấm chưa tận, nên rất cách xa đạo.

Tôi rất xấu hổ vì nhiều năm ngu si hơn quý vị, và chỉ có hư danh. Quý vị cho rằng tôi có rất nhiều sở trường, nên xem tôi như bậc tổ sư. Thật rất khổ sở! Tôi chẳng giống như yêu ma quỶ quái trong kinh Lăng Nghiêm hay chư đại Tổ Sư.

Mỗi lần giảng dạy tham thiền học đạo, tôi thường nhắc nhở quý vị là phải tham tầm bậc minh nhãn thiện tri thức, lại cũng phải có đôi tai thính, để khi nghe pháp, phân biệt được chánh tà. Kế đến, dùng cái thấy cái nghe mà bỏ vào bao tử, để lúc tu đạo không đi lạc đường, và không hành như những kẻ đang sống trong thị phi được mất, hầu mong không phản bội bổn hoài của các vị thiện tri thức.

Hiện tại vốn là đời mạt pháp. Làm sao tìm cầu thiện tri thức? Chỉ cần học thuộc lòng kinh Lăng Nghiêm, thì tu hành mới có phần tương ưng, tiêu diệt tà duyên, khiến thân tâm nhập Phật tri kiến. Từ sự thành tựu này, khiến không đi lạc đường. Toàn bộ kinh, từ đầu đến cuối đều thuyết quan trọng nhất tại một chữ "Dâm". Kinh nói: "Nơi các thế giới, nếu chúng sanh trong sáu đường, tâm chẳng khởi dâm dục, thì sẽ không bị sanh tử tương tục lôi cuốn. Ông tu tam muội, đó là cội gốc xuất khỏi trần lao. Tâm dâm dục nếu chưa trừ diệt, thì không thể thoát khỏi trần lao. Nếu kẻ nhiều trí huệ, lại có thiền định hiện tiền, mà không đoạn tâm dâm dục, tất sẽ đọa lạc ma đạo".

Xem kinh Lăng Nghiêm, nếu không quay về tông thiền, thì chỉ như cỡi ngựa ngắm hoa, thật không lợi ích. Phải nên đọc tụng thuộc làu, rồi có thể dùng lời văn sau để giải lời văn trước, và dùng lời văn trước mà quán thông lời văn sau. Lời văn trước và sau, tương hỗ ứng chiếu, thì nghĩa lý của toàn bộ kinh, sẽ hiện rõ ràng trước mắt. Y theo lời kinh mà quán tưởng, thì sẽ đắc được thọ dụng.

Các vị tu hành xưa nay ngộ đạo do từ kinh này rất nhiều. Thiền sư Tiên Nham An ở Ôn Châu nhân xem qua đoạn "trong tri kiến mà còn lập thêm tri kiến, tức là gốc của vô minh. Trong cái tri kiến mà không có tri kiến, tức đây là niết bàn" tức nghĩa là tri kiến vừa lập, bèn là gốc vô minh. Nếu không lập tri kiến thì cảnh giới đó là Niết Bàn. Ngay nơi đó, Tiên Nham An liền ngộ đạo. Người sau bảo thiền sư:

- Ngài đã phá câu kệ tụng rồi.

Ngài đáp:

- Đây chính là chỗ ngộ đạo của tôi!

Người đời gọi Ngài là "An Lăng Nghiêm".

Hy vọng quý vị đồng tham học, vô luận là già hay trẻ, phải thường đọc tụng kinh Lăng Nghiêm. Bộ kinh này là vị thiện tri thức tùy thân của quý vị. Đọc tụng thuộc lòng bộ kinh này, tức là quý vị thường được nghe đức Thế Tôn thuyết pháp, và làm bạn đồng học với ngài A Nan.

34/ Mồng ba tháng sáu [^]

Người xưa bảo:

- Chớ đợi đến già mới học đạo. Mộ phần đầy cả thiếu niên!

Lúc đến tuổi già, bị trăm thứ bịnh khổ. Tai không nghe được. Mắt không thấy rõ. Bốn cơ chi không còn sức lực. Ăn không được, ngủ không yên, đi không nổi. Những nỗi khổ này, người trẻ chưa nếm qua. Lúc trẻ, tôi cũng giống như quý vị, thấy các người già đến, đều không thích. Nói chuyện, họ không nghe rõ. Nước mắt nước mũi chảy lê thê, nhìn trông gớm ghê, nên rất sợ sống chung với họ. Hiện tại, tôi đã già nên biết cái khổ của người già. Đối với người già, ngày này luôn khác với ngày nọ.

Từ khi có biến cố tại Vân Môn, thân tôi ngày ngày đều thay đổi; cứ mãi nằm trên giường bịnh, bị bao khổ não bức bách. Sáng tối nghĩ suy, đường lộ hoang mang,

đạo nghiệp chưa thành, sanh tử chưa đoạn; mở miệng chẳng ra lời, chắc phải bị đầu thai. "Muôn thuyền đẩy không nổi, chỉ theo nghiệp mà thọ sanh".

Lúc còn trẻ không thì chịu tu, để hôm nay đợi đến già mới ra nông nỗi này. Hôm nay, chúng ta có dung mạo tăng tướng đàng hoàng, đều do kiếp xưa đã trồng căn lành, nên mới được báo thân đoan trang, chớ nên làm hư hạt giống lành.

Động Sơn hỏi tăng:

- Việc khổ nhất trên thế gian là gì?

Tăng đáp:

- Địa ngục khổ nhất.

- Chẳng phải! Nơi y phục kim tuyến này, chưa biết được nguồn mối việc lớn, mới là khổ nhất!

Nếu sáng việc lớn, tức không còn nhân địa ngục. Địa ngục chưa hẳn là khổ, vì chưa hiểu rõ tự tâm mới là khổ nhất. Muốn hiểu được việc lớn, phải thường nỗ lực tinh tấn, chớ sao lãng khinh xuất, lo lắng bận bịu mãi, khiến phí mất thời giờ. Ban ngày, ứng duyên gặp cảnh, phải luôn làm chủ. Ban ngày làm chủ được thì trong mộng cũng tự chủ được. Trong mộng tự chủ được thì lúc bịnh hoạn, cho đến lúc sắp mất cũng tự làm chủ được. Làm chủ được vì bình thường tự chủ được chính mình. Tự chủ chính mình tức là dễ dàng ngộ đạo, cắt đứt sanh tử. Chưa ngộ đạo thì sanh tử khó cắt đứt. Ngộ đạo không khó, chỉ quan trọng là luôn khởi tâm thống thiết vì sanh tử, luôn hướng về đạo, và đầy đủ tâm dài lâu, cùng tâm kiên cố, cho đến chết cũng chẳng thối chuyển. Tuy chưa ngộ đạo, nhưng đời nay không thối chuyển, và đời sau sẽ lại nỗ lực tinh tấn, thì có lý do gì không ngộ đạo?

Trong kinh Lăng Nghiêm, hai mươi lăm vị thánh chứng được viên thông. Mỗi vị thánh, trải qua bao kiếp dài lâu trường kỳ tu tập, nên mới thành tựu. Chúng ta vì không có tâm thống thiết về sự sanh tử, nên không phát tâm dài lâu. Lúc bịnh thì mới nghĩ đến sự sanh tử. Lúc lành bịnh thì đạo tâm lui sụt. Thế nên, kinh Lăng Nghiêm nói: "Phàm phu tu hành như bị bịnh sốt rét cách ngày".

Khi bịnh thì nhớ đến đạo. Lành bịnh thì quên mất đạo. Khởi vô minh như bị bịnh sốt rét. Vì vậy, phải nên nỗ lực tinh tấn, sanh tâm sám hối, khởi tâm kiên cố, chớ nên chỉ tu hành trong vài ngày rồi nghỉ ngơi. Tu hành phải thâm nhập vào một pháp môn, tức dùng pháp môn đó làm chính, còn các pháp môn khác làm phụ. Mỗi người tu mỗi pháp môn. Chớ cùng nhau phỉ báng khinh chê, xem thường Phật pháp. Muốn hưng thịnh Phật pháp, phải thường khuyên nhủ tán thán giúp đỡ lẫn nhau. Hỗ tương phỉ báng tức là điềm Phật pháp sắp bị hoại diệt.

Phật tử nếu chuyên tâm hướng về đạo, nhớ nỗi thống khổ của sanh tử, thì ăn không cần no, mặc không cần ấm, ngủ không cần đủ.

Xưa kia thừa tướng Bùi Hưu cho con đi xuất gia. Người con vốn là hàn lâm học sĩ. Ông ta lạy tổ Quy Sơn làm thầy, và được pháp danh là Pháp Hải. Lời giáo huấn của ngài Quy Sơn trong quyển Cảnh Sách Châm, viết: "Y phục và thức ăn không dễ dàng mà có. Sao lại cầu y phục nhu nhuyến và đồ ăn béo bổ? Chỉ ăn rau xanh cơm trắng bình thường. Tùy thời khắc, mặc vải bố thô tầm thường. Người khác ngủ rồi mình mới đi ngủ. Tối canh ba đến đầu canh năm, luôn hướng tâm đến điện Phật Thích Ca".

Ngài Quy Sơn bảo Pháp Hải mỗi ngày phải gánh nước phục vụ đại chúng. Ngày nọ, vì gánh nước quá mệt, Pháp Hải tự nhủ thầm:

- Các ông hòa thượng xin nước của hàn lâm học sĩ gánh. Những giọt nước này, uống khó mà tiêu.

Pháp Hải trở về chùa. Ngài Quy Sơn biết tâm niệm của đệ tử mình, nên hỏi:

- Hôm nay con nói những lời gì?

Pháp Hải thưa:

- Con đâu có nói gì!

Lần khác, Ngài bảo Pháp Hải:

- Lão tăng ngồi một lần, có thể tiêu muôn ngàn ký gạo.

Vì vậy, đối với hàng xuất gia, không màng quý vị sanh nhà phú quý giàu sang, một khi đã bước vào cửa nhà Phật thì phải xả bỏ tất cả; luôn chuyên tâm hướng đạo, thì mới thật là con cháu có bổn sắc thiền tông.

35/ Ngày mười sáu tháng sáu [^]

Phật thuyết đại tạng kinh, không ngoài giảng giải hai chữ nhân quả. Phân tích kỸ càng, lời lẽ nhiều vô cùng tận. Các tỳ kheo thà tự ăn thịt mình, chẳng nên lấy vật dụng của Tam Bảo làm vật y bát ẩm thực của mình. Lúc xưa, tôi đi hóa duyên, tùy theo sự hoan hỶ bố thí của người khác; tôi thường trừ nhiều bổ thiếu, dùng của thường trụ điên đảo. Ngày nay, vọng làm vọng tạo, kiến lập pháp đường, dựng am tranh, sửa nhà cầu, lợp chuồng trâu v.v... Tiền chi phí từ đâu có? Tôi không dám phan duyên, viết thơ ra ngoài hóa duyên cầu cạnh. Vừa rồi, có vài người đại diện chùa, ra ngoài hóa duyên, thiếc đồng ngói gạch, nhưng vẫn chưa đủ. Do đó, ông giám công lấy những vật liệu từ những điện đường kế bên để dùng, nhưng tôi

không cho, vì sợ phải chịu quả báo ứng. Ngói gạch đang nung trong lò, dùng để sửa chữa chánh điện. Nếu dùng vào việc khác, thì e rằng sai

lầm nhân quả.

Kinh nói: "Vật ở trên mà dùng cho phía dưới thì báo ứng nặng. Vật ở dưới mà

dùng cho ở trên thì báo ứng nhẹ".

Ví như đồ tô đắp tượng Phật mà dùng làm mái chùa, hoặc đồ dùng làm mái chùa mà đem làm phòng tăng, đó là lấy vật ở trên mà dùng phía dưới. Ngược lại, lấy vật ở dưới mà dùng cho việc phía trên. Phải nên nhận chân phân rõ trên dưới.

Người trẻ tu hành chớ chỉ tu về trí huệ thôi, mà phải nhận biết tầm quan trọng của nhân quả.

Trong quyển Vân Cư Sơn Chí viết: "Trên núi, vốn có am của thiền sư Từ Giác, người nước Thục. Thuở xưa, Thầy từ Tứ Xuyên hành cước, muốn đến tu hành tại núi Vân Cư. Lúc đến chân núi Vân Cư, Thầy ngủ qua đêm tại Diêu điền trang, rồi tối mộng thấy thần hộ pháp Già Lam mách bảo:

- Xưa kia, Thầy vốn là trụ trì của núi này, nhưng nay chỉ còn chút ít duyên.

Giữa trưa hôm sau, Thầy leo lên núi. Đến chiều tối thì dừng chân nghỉ ngơi, và xin nghỉ qua đêm. Song, tăng chúng mới đến đều bị đuổi vì thường bị nghi là kẻ trộm. Vì vậy, tăng chúng trên núi không cho phép Thầy ngủ qua đêm. Mười năm sau, Thầy đắc pháp nơi thiền sư Ngọa Long. Thái thú vùng Nam Khang là Trương Công, và vốn là người xứ Thục. Ông rất thích cảnh vắng vẻ thâm u tịch tĩnh của núi Vân Cư. Lại nữa, vì là bạn cũ, nên ông thỉnh Thầy lên núi Vân Cư, khai đạo giảng pháp. Thầy rất hoan hỶ, nghĩ rằng mộng năm xưa, chắc không còn linh

nghiệm. Hôm sau, Thầy lên núi, ngủ qua đêm tại Mạch Châu Trang, rồi bất chợt nhập tịch. Tháp thờ Thầy đến nay vẫn còn, nhưng gần đây bị nước ngập xói mòn, chỉ còn lại một tảng đá".

Người sau xem sự tích của thiền sư Từ Giác, thấy rõ nhân quả không sai chạy chút nào.

36/ Ngày hai mươi ba tháng sáu [^]

Pháp tu đạo, nói khó thì rất khó, bảo dễ thì cũng rất dễ. Khó cùng dễ là hai pháp đối đãi. Người xưa chân thật dụng tâm, nên không cảm thấy khó chút nào, vì việc này vốn đã hiện thành. Tại sao khó? Lòng tin không đủ nên khó. Nếu chân chánh vì cầu thoát khỏi sanh tử, xem thường thân mạng, biết nó là huyễn hóa, cùng thấu suốt tất cả sự tình, không bị cảnh chuyển, thì tu đạo rất dễ. Không thích tu học siêng năng, lại muốn làm thánh hiền, cùng sợ cảnh địa ngục. Song, muốn là một chuyện, còn làm là một chuyện. Có nhiều người khi tu hành thì cảm thấy rất khó khăn. Vì sao? Do không xả chấp nổi. Ví như người thế tục, đối với những lời hay ho tốt đẹp, như chúc tụng phát tài, được vinh hoa phú quý, thì ai ai cũng đều thích nghe. Đối với những lời không tốt như nhà tan người chết, thì mọi người đều không muốn nghe. Chứng minh rằng mọi người đều thích những việc tốt lành, nhưng còn những việc không may, xấu xa, hư hoại thì bỏ chạy hết sao! Tất cả đều do không thể phóng xả được.

Xưa nay, trong các thành phố thường có các thành hoàng thổ địa. Bên dưới mái hiên của những thành hoàng thổ địa, thường treo những tấm bảng viết về thiện ác của người đời. Có một tấm bảng viết: "Quý vị lại đến".

Trên hai cây cột trụ có hai câu đối:

"Người ác, người sợ, trời không sợ
Người hiền, người dối, trời không dối".

Lại có câu:

"Thiên đường có lối, người không đi
Địa ngục không cửa, người cứ đến".

Phàm phu thường mưu mô xảo quyệt. Làm việc gì đều tính toán xem coi có lợi hay không. Đối với kẻ ác, mọi người đều không dám gần gũi vì sợ bị thọ tai họa. Nếu nhường nhịn họ, thì vẫn bị tổn hại. Song, đối với nhân quả báo ứng, trời không sợ kẻ ác.

Chúng ta ngồi thiền niệm Phật, vì muốn giải thoát sanh tử. Do vô minh, cống cao ngã mạn, nên không thể nhẫn nhục, đoạn trừ tập khí. Tuy có tu nhân lành, nhưng chẳng tránh được quả khổ. Sanh tử chưa cắt, thì theo nghiệp mà thọ quả báo, nên bảo:

- Quý vị lại đến.

Thọ khổ dưới địa ngục xong, Diêm Vương răn nhắc rằng chớ trở lại. Nếu trở lại tức sẽ không gặp điều lành. Vì xả chấp không nổi, nên cứ y theo thói quen tật xấu, gây phạm tội lỗi, rồi phải đọa vào địa ngục lần nữa.

Người thế tục si mê, tạo bao nghiệp ác mà không thường hành việc lành, nên phải chiêu vời quả khổ. Người xuất gia có muốn thoát khỏi vòng khổ lụy không? Nếu không muốn, thì cần gì nhập vào cửa Không? Nhập vào cửa Không tức là chẳng có một vật gì để chứng đắc, đều ngưng, sao còn có thiên đường địa ngục? Song, nếu chưa nhận rõ bốn đại là không, năm ấm chẳng có, thì vẫn chưa tính là nhập vào cửa Không. Muốn nhập vào cửa Không, phải nghiên cứu đọc tụng tường tận về

kinh Lăng Nghiêm. Lời lẽ trước sau trong toàn bộ kinh, không bàn ngoài năm ấm. Trong đó, từ năm ấm lại thuyết đến sáu nhập, mười hai xứ, mười tám giới. Bên trong thì là thân tâm, còn bên ngoài thì thuộc về khí chất của thế giới; chúng không ngoài năm ấm, tức là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Kinh thuyết phàm thuyết thánh, thuyết ngộ đạo, thuyết nhập đường ma, đều muốn xiển minh năm ấm không thật có. Kinh dạy chúng ta hãy xem thấu rõ năm ấm đều là không. Cuối cùng, kinh nói đến Niết Bàn, cùng ba cõi bất biến. Kinh cũng nói rõ tường tận về tà ma năm ấm. Sắc dâm trong sắc ấm là căn bản sanh tử. Giết hại, tà dâm, nói láo vốn là cội gốc của địa ngục. Nhìn thấu năm ấm vốn không, thì thoát ly sanh tử, không còn bị luân hồi. Phải chiếu soi như thế nào? Chiếu soi tức giác chiếu. Thời thời khắc khắc, y theo lời kinh, dùng trí huệ quán chiếu năm ấm. Chiếu soi rõ ràng thì thấy năm ấm đều không. Lúc đầu quán chiếu, đều là vọng tưởng, nhưng không quan hệ chi. Người xưa bảo:

- Không sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm.

Nếu vọng niệm khởi, phải nên giác chiếu, chớ để vọng niệm chuyển. Nếu không thể giác chiếu, thì lúc ngồi thiền lại sợ đau chân; lúc lễ Phật, sợ nhức lưng. Lười biếng nhút nhát, không thông lộ trình lên thiên đàng, nên tự nhiên chạy xuống địa ngục.

Đại sĩ Hàn Sơn viết kệ:

"Nhân gian hỏi đạo Hàn Sơn
Đường Hàn Sơn lộ không thông
Ngày hè băng tuyết chưa tan
Mặt trời hiện, sương lóng lánh
Tựa như tôi, sao chờ thời

So cùng bạn, tâm chẳng đồng
Tâm bạn nếu tựa như tôi
Lại được vào nơi đó".

Hàn tức là hàn băng giá lạnh. Trong mùa hè, băng tuyết vẫn chưa tan. Mặt trời hiện, sương lóng lánh; một phiến băng trong tâm của tôi không đồng với bạn. Nếu bạn muốn làm tựa giống như tôi, thì có thể vào tận núi Hàn Sơn, chứ chẳng phải đường Hàn Sơn chưa thông.

Người tu đạo phải thấy năm uẩn đều không. Trước hết, phải khô tâm lạnh ý. Nếu lửa cháy rực trời mà chưa tan băng tuyết giá lạnh tâm tràng, thì mới cùng đạo tương ưng.

Xưa kia, Lư Khâu Dận xuất quân tại Mục Đan Khâu. Ngày lâm trận, chợt bị nhức đầu dữ dội, mà các thầy thuốc không có cách nào chữa trị. May mắn thay, ông gặp một thiền sư, hiệu là Phong Can, tự bảo rằng từ chùa Quốc Thanh ở núi Thiên Thai, đặc biệt tìm đến đó. Lư Khâu Dận bèn nhờ Thiền Sư chữa bịnh. Thiền Sư thong thả bảo:

- Thân trú nơi bốn đại. Bịnh từ huyễn sanh. Nếu muốn trừ khử, hãy uống nước tịnh.

Khi đem nước tịnh lên, thiền sư ngậm rồi phun nước, sắn tay áo lên, bảo:

- Chim biển Thai Châu rất độc. Từ nay, phải nên bảo trọng.

Sau đó, Lư Khâu Dận hỏi:

- Nơi đây có bậc thánh hiền nào đáng để cung kính thờ làm thầy chăng?

Thiền Sư đáp:

- Thấy mà không nhận ra. Nhận ra mà không thấy. Nếu muốn thấy, chớ nên chấp tướng. Hàn Sơn vốn là ngài Văn Thù, ẩn tích nơi chùa Quốc Thanh. Thập Đắc tức là ngài Phổ Hiền, dạng trạng như kẻ bần cùng điên cuồng, hoặc đến hoặc đi, đang làm lụng trong bếp tại chùa Quốc Thanh.

Nói xong, Thiền Sư liền cáo từ. Sau này Lư Khâu Dận làm quan, đến nhậm chức tại Thai Châu. Vì nhớ đến lời của thiền sư Phong Can năm xưa, nên vừa nhậm chức ba ngày, ông tìm đến các tự viện, cung kính vấn hỏi chư thiền đức. Quả nhiên hợp với những lời nói xưa kia của thiền sư Phong Can. Ông đến chùa Quốc Thanh, hỏi tăng chúng rằng thiền sư Phong Can cùng Hàn Sơn Thập Đắc, hiện đang trú nơi đâu. Khi ấy, có vài vị tăng cười ngây ngất, bảo:

- Thiền sư Phong Can đang trú đằng sau tàng kinh tạng. Nơi đó, không ai đến được vì có hổ dữ thường quanh quẩn. Hai ông Hàn Sơn và Thập Đắc, hiện đang nấu nướng trong bếp.

Nói xong, tăng chúng dẫn Lư Khâu Dận đến viện của thiền sư Phong Can. Mở cửa phòng ra, chỉ thấy dấu chân hổ. Khi họ vào nhà bếp, thấy hai vị Hàn Sơn và Thập Đắc, chỉ tay về hướng họ mà cười to. Lư Khâu Dận liền lễ bái. Hàn Sơn và Thập Đắc cầm tay nhau, cười ha hả, và la to:

- Phong Can lắm lời. Di Đà không nhận ra, sao lễ lạy chúng tôi?

Tăng chúng tụ hợp, kinh ngạc vì thấy một vị thượng quan lại đi lễ lạy hai ông tăng điên khùng. Lúc đó, Hàn Sơn và Thập Đắc nắm tay nhau, bước ra khỏi chùa, rồi chạy vào núi tuyết. Lư Khâu Dận lại hỏi tăng chúng:

- Hai vị này thường trú ở chùa này phải không?

Hỏi xong, ông cho người đi tìm, thỉnh hai Ngài trở về chùa. Trở về dinh, ông mang hai bộ tịnh y ca sa, bày biện hương dược đặc biệt, cùng bao loại thức ăn, rồi mang vào núi cúng dường. Lúc đó, hai vị đại sĩ vẫn không chịu trở về chùa. Vừa thấy ông quan đến, hai ngài bèn hô to:

- Giặc! Giặc!

Hô xong, hai ngài lại nắm tay nhau, vừa chạy vào núi sâu, vừa bảo:

- Này quý vị! Mỗi người phải tự nỗ lực tu hành.

Nói xong, hai ngài chạy mất vào núi, không để dấu vết, khiến chẳng ai tìm được. Tăng chúng trong chùa, khi xem xét lại hành trạng hằng ngày của hai vị thì thấy thơ kệ, được viết đầy dẫy trên những vách đá nơi vườn trúc sau chùa, và trên các tường vách tại những nơi thờ thần hoàng thổ địa, cùng hơn ba trăm bài kệ trên những bức tường nhà cửa dân làng. Tăng chúng góp nhặt lại những bài thi kệ đó, rồi đóng thành một quyển, để lại cho đến nay. Theo lời của ngài Hàn Sơn thì: "Năm lời năm trăm thiên; bảy chữ, bảy mươi chín; ba chữ ba mươi mốt. Tất cả cộng thành sáu trăm bài kệ. Những lời viết trên đá thạch, tự khoe chữ viết rất hay. Nếu lãnh hội thơ của Ta, chân chánh là mẹ của Như Lai... Nhà có thơ Hàn Sơn, hơn cả kinh kệ. Thư để trên tấm bình phong, thời thời nên xem một biến".

Ngài Thập Đắc viết:

"Có kệ có muôn ngàn
Gấp gáp ứng đáp khó
Nếu muốn hiểu thấu rõ
Nên vào núi Thiên Thai
Trong hang sâu ngồi tọa

Thuyết lý và đàm huyền
Cùng Ta không thể gặp
Tựa đối diện ngàn núi".

Thơ kệ của hai ngài Hàn Sơn và Thập Đắc được lưu truyền cho đến ngày nay, mà người người đều tôn trọng. Nhà nho cũng có nhiều người thích đọc tụng. Hai ngài xuất khẩu thành thơ, lời lời đều đàm huyền thuyết lý. Song, hai ngài bảo rằng không nên chuyển văn làm thơ vận để đọc tụng. Nếu làm thì tuy đối diện với hai ngài, nhưng vẫn như cách xa ngàn núi.

37/ Ngày hai mươi lăm tháng sáu [^]

Bồ Tát Địa Tạng phát đại thệ nguyện:

"Chúng sanh độ hết tận, thì mới chứng đạo Bồ Đề.
Địa ngục chưa trống không, thệ không thành Phật".

Tất cả chư Bồ Tát cũng đều phát nguyện như thế. Mỗi ngày, từ sáng đến tối, chúng ta lên chánh điện, cũng phát nguyện:

"Chúng sanh vô lượng, thệ nguyện độ
Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn
Pháp môn vô lượng thệ nguyện học
Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành".

Là đệ tử Phật, mọi người phải nên phát nguyện. Chứng quả thâm sâu hay cạn cợt, đều do nguyện lực rộng hay hẹp. Y theo nguyện hành trì, mới định đoạt quả vị lớn nhỏ. Phật từ chúng sanh mà tu thành. Chúng sanh nếu y theo nguyện mà hành trì, thì đạt được quả Bồ Đề, tức có khả năng thành Phật.

Ai ai cũng có duyên phần thành Phật. Sao chư Bồ Tát lại còn phát nguyện độ chúng sanh, độ đến độ lui, độ mãi chẳng hết? Chữ chúng sanh, do ba chữ nhân hợp thành, tức ba người trở lên thì thành chúng. Con số của chúng sanh, nhiều vô cùng vô tận. Trong mười pháp giới, trừ pháp giới chư Phật, chín pháp giới kia đều là chúng sanh. Ba pháp giới như pháp giới Bích Chi Phật, pháp giới Bồ Tát, pháp giới A La Hán, vốn là thánh hiền, vì đã xuất ra khỏi biển khổ sanh tử, không còn luân hồi. Sáu pháp giới còn lại như trời, người, A Tu La, địa ngục, ngạ quỶ, súc sanh, chưa thoát ra khỏi sanh tử. Trong chín pháp giới, ba pháp giới thánh hiền vẫn còn tập khí vi tế cạn cợt, chưa dứt trừ tận, nên thuộc về hàng chúng sanh. Sáu pháp giới bên dưới thì tập khí thâm sâu nặng nề, nghiệp chướng đầy dẫy, nên gọi là chúng sanh khổ não. Những chúng sanh này, chết rồi lại sanh, không khi nào ngừng. Số lượng chúng sanh này, nhiều không thể tính hết.

Thiền sư Nguyên Khuê ở núi Sùng Nhạc, bảo thần núi:

- Phật làm được bảy việc, nhưng không thể làm được ba việc. Tại mọi tướng không, Phật chuyển được thành muôn pháp trí, mà không thể diệt định nghiệp. Phật biết được tánh của quần sanh, cùng các sự việc trong muôn ức kiếp, mà không thể hóa độ kẻ vô duyên. Phật độ được hết vô lượng chúng hữu tình, mà không thể độ tận pháp giới chúng sanh. Đó là ba điều mà Phật không thể làm được. Song, định nghiệp thật cũng không lâu. Kẻ vô duyên cũng có kỳ được độ. Pháp giới chúng sanh vốn không tăng không giảm, lại không có ai làm chủ tể. Có pháp mà vô chủ, tức gọi là vô pháp. Vô pháp vô chủ, tức gọi là vô tâm. Hôm nay, Ta không dùng thần thông để hiểu Phật, nhưng lại dùng vô tâm mà liễu đạt hết muôn pháp. Chúng sanh vốn không tăng không giảm, nên lúc cứu độ họ, không thể gọi là tận hay bất tận.

Trong kinh Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ giải thích bốn hoằng thệ nguyện: "Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ... Tâm tà, cuồn loạn, bất thiện, ganh ghét, ác độc, v.v... là tâm chúng sanh. Tự tánh các ông tự độ, đó gọi là độ chân thật.

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn, tức dùng trí huệ của tự tánh bát nhã, để trừ khử tư tưởng hư vọng.

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học, tức thấy tự tánh, thường hành chánh pháp, đó gọi là học Phật chân chánh.

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành, tức thường luôn hạ tâm, hành nơi chân chánh; rời mê rời giác, thường sanh Bát Nhã, trừ chân trừ vọng, tức thấy Phật tánh, tức gọi là thành Phật đạo".

Thiền sư Phật Quả nói:

- Bàn về cứu cánh, Phật cũng không lập, sao còn có chúng sanh? Bồ Đề cũng không lập, sao gọi tạo phiền não?

Người xưa thuyết những lời như thế, sao chúng ta không thể làm được? Chỉ vì không dám trừ phiền não, xả bỏ chấp trước không nổi, làm chủ không được, chẳng có giác chiếu, nên nơi tự tánh chợt khởi vọng niệm. Nếu quên mất động tĩnh, thì trong nước xanh, trăng sáng được hiện tiền.

Tại Gia Châu, vào niên hiệu Chánh Hòa thứ hai, một hôm sấm sét đánh, chặt đôi tàng cây cổ thụ. Trong đó, có một vị tăng đang nhập định, râu tóc bao quấn chung quanh thân. Vị tăng này được triệu về hoàng cung, để phiên dịch kinh điển. Quan Kim Tổng Trì phải dùng cây khánh bằng vàng để đánh thức Ngài. Được hỏi tên tuổi, Ngài bảo:

- Tên tôi là Huệ Trì, vốn là sư đệ của pháp sư Huệ Viễn tại núi Lô Sơn. Trên đường tới núi Nga Mi, ngừng nhập định tại đây.

Được hỏi muốn trở lại nơi nào, Ngài đáp:

- Tôi muốn trở lại nhập định trong tàng cây xưa.

Vua ban chiếu, đem lễ vật biếu tặng. Nhân đó, Ngài làm kệ:

"Bảy trăm năm đến cổ thụ già
Trong định ngưng thở ai biết được
Tranh như mang dép trở về Tây
Sanh tử sao nhọc, cây làm da".

Triều Lương Võ Đế, niên hiệu Phổ Thông thứ bảy (526), Đạt Ma Tổ Sư đi thuyền từ Tây Thiên đến nước Tàu. Vì cơ duyên vấn đáp của vua Lương Võ Đế không khế hợp, Tổ bèn vượt sông đến Lạc Dương, cư trú tại chùa Thiếu Lâm. Sau chín năm ngồi thiền đối diện vách đá, Tổ đem chánh pháp nhãn tạng truyền lại cho ngài Huệ Khả. Lúc hóa duyên xong, Tổ an nhiên thị tịch. Đại chúng xây mộ phần của Tổ tại núi Nhĩ Sơn, và lập tháp thờ nơi chùa Thiếu Lâm. Trong năm đó, quan ngự sử Tống Vân của nhà Ngụy trên đường đi sứ từ Thiên Trúc trở về, ngang qua một sườn núi, thấy Tổ đang quảy một chiếc giày trên vai, bước đi lẹ làng. Tống Vân hỏi Tổ đi đâu? Tổ đáp:

- Ta trở về Thiên Trúc.

Tống Vân trở về, thuật lại việc này, rồi cùng môn nhân đào huyệt, nhưng thấy quan tài trống không, chỉ còn một chiếc dép. Vua ban chiếu chỉ, đem chiếc dép đó về chùa Thiếu Lâm thờ phụng cúng dường. Người sau vẽ tượng thờ Tổ, vai quảy một chiếc dép. Tổ Đạt Ma ngồi thiền đối mặt vách tường. Huệ Trì nhập định. Công phu

thâm sâu cạn cợt không đồng. Công phu thiền định bảy trăm năm, không thể bảo là chẳng thâm sâu, nhưng sao sánh bằng một chiếc dép trở về Tây Thiên của Tổ Đạt Ma! So với thiền định của thiền sư Huệ Trì, chúng ta còn thua xa diệu vợi. Chẳng có chút công phu thiền định, làm sao độ được chúng sanh? Hãy nỗ lực xả chấp trước, cố gắng dụng công tu đạo.

38/ Ngày hai mươi bảy tháng sáu [^]

Tại Ấn Độ, lúc Phật chưa ra đời, các tà sư ngoại đạo phân nhóm với nhau, thường được gọi là lục sư ngoại đạo. Mỗi ngoại đạo có mười lăm đệ tử. Thầy trò tính chung, tổng cộng thành chín mươi sáu, tức xưng là chín mươi sáu ngoại đạo. Trong đó, có một tông phái rất tương đồng với Phật giáo, nên trừ ra chỉ còn chín mươi lăm tông. Trong chín mươi lăm tông phái, tông chỉ cách thức tu hành của mỗi tông phái không đồng. Tuy nói tu hành, nhưng lý lẽ đều không rõ ràng, chỉ nghị luận điên điên đảo đảo. Song, vẫn có nhiều người theo học. Xưa kia, ở nước Tàu có hoàng đế Hiên Viên, nhân đi dạo chơi nơi núi Không Động tại Quảng Thành, bảo rằng đến đó để tu hành. Vua Phục Hy vẽ hình bát quái, cũng bảo là tu đạo. Lý Lão Quân vì nhà Chu mà đóng cột trụ làm sự tích, cũng bảo là giảng đạo. Xưa nay, trong và ngoài nước có rất nhiều vị tự xưng là giảng đạo tu hành, nhưng trình độ sâu cạn không đồng, và cùng đạo Phật cách xa diệu vợi.

Luận bàn về nhân duyên khai sáng Phật giáo: Giáo chủ Thích Ca Mâu Ni, dòng họ Sát Lợi. Cha tên Tịnh Phạn. Mẹ tên Ma Da. Dòng họ Sát Lợi, từ lúc khai thiên lập địa, đời đời đều làm vua chúa tại cõi Diêm Phù Đề. Bồ Tát trải qua bao kiếp tu hành, được Phật Nhiên Đăng thọ ký thành Phật. Sau đó, trong đời Phật Ca Diếp, Bồ Tát thành đạo, sanh lên nội viện cung trời Đâu Suất, hiệu đại sĩ Hộ Minh. Kế đến, ứng vận giáng thần vào thai hoàng hậu Ma Da. Mồng tám tháng tư năm giáp dần, thái tử đản sanh tại bắc Ấn Độ. Đương thời, tại nước Tàu chính là đời vua

Chu Chiêu Vương, niên hiệu thứ hai mươi bốn. Lúc hạ sanh từ lưng sườn bên phải của hoàng hậu Ma Da, Bồ Tát phóng luồng hào quang sáng chói, chiếu khắp mười phương. Từ dưới đất vọt lên hoa sen vàng đỡ chân Bồ Tát. Khi đó, một tay chỉ lên trời, một tay chỉ xuống đất, đi bảy bước, mắt nhìn bốn phương, Bồ Tát nói:

- Trên trời dưới đất, không ai sánh bằng Ta!

Ngày mồng tám tháng hai năm mười chín tuổi, Bồ Tát đi qua bốn cửa thành, thấy các việc sanh, già, bịnh, chết, nên khởi tâm bi thương ai thán, muốn xuất gia thoát ly sanh tử, tự nghĩ: "Sanh lão bệnh tử này thật rất chán chường".

Đến tối, trời Tịnh Cư, hiện xuống bảo:

- Thời điểm xuất gia đã đến. Ngài hãy nên đi!

Lúc đó, Bồ Tát cỡi ngựa vượt thành Ca Tỳ La. Được chư thiên đỡ chân, ngựa bay lên hư không. Bồ Tát lại bảo:

- Nếu chưa đoạn tám khổ, chưa chứng đạo Bồ Đề, chưa chuyển pháp luân, thề không bao giờ trở lại thành này.

Liền đó, Bồ Tát đến núi Đan Đặc tu đạo. Đầu tiên, học bất dụng thiền định nơi ông A Lam Ca Lam ba năm, nhưng Bồ Tát nhận biết thiền định này chưa có thể xả chấp được. Sau đó, Bồ Tát đến học thiền định phi phi tưởng xứ, nơi ông Uất Đầu Lam Phất ba năm, nhưng cũng nhận biết rằng thiền định này chưa phải là tối thắng. Bồ Tát lại đến núi Tượng Đầu, cùng với các chúng ngoại đạo tu hành; trải qua sáu năm, tu hành khổ hạnh; ngày ngày chỉ ăn một hạt mè. Kế đến, Bồ Tát đến cội Bồ Đề ngồi thiền. Đến đêm thứ bốn mươi chín, thấy sao mai buổi sáng, Bồ Tát liền đại ngộ, thành bậc đẳng chánh giác, hiệu là đấng Như Lai Thế Tôn. Mồng tám tháng

hai, đức Thế Tôn đến thành Ba La Nại, nơi vườn Lộc Uyển, thuyết pháp Bốn Thánh Đế, độ năm anh em ông Kiều Trần Như:

- Các ông nên biết, đây là khổ, nguyên nhân của khổ, sự diệt khổ, con đường diệt khổ.

Lúc Phật chuyển pháp luân Bốn Thánh Đế trong ba lần mười hai thời, năm anh em ông Kiều Trần Như liền đắc pháp nhãn thanh tịnh. Lúc đó, năm ông đều cầu xin, theo Phật xuất gia. Đức Thế Tôn bảo:

- Thiện lai tỳ kheo.

Râu tóc của năm ông đều tự rơi, y ca sa tự đắp trên thân, tức thành Sa Môn. Phật lại thuyết năm ấm vốn là vô thường, khổ không vô ngã. Năm vị tỳ kheo đều diệt tận các lậu, liễu giải tâm ý Phật, chứng quả A La Hán. Ngay nơi đó, thế gian có năm vị tỳ A La Hán đầu tiên. Kế đến, Phật độ con ông trưởng giả Da Xá cùng năm mươi người bạn của ông. Ngài Ưu Lâu Phả Loa Ca Diếp cùng năm trăm đệ tử, ngài Na Đề Ca Diếp cùng hai trăm năm mươi đệ tử, ngài Già Na Ca Diếp cùng hai trăm năm mươi đệ tử, ngài Xá Lợi Phất cùng một trăm đệ tử, ngài Mục Kiền Liên cùng một trăm đệ tử, tất cả đồng quy y Phật, thọ giới xuất gia làm tỳ kheo. Tổng cộng là một ngàn hai trăm năm mươi vị. Đầu tiên, các ngài tu theo ngoại đạo, nhưng sau lại được Phật hóa độ, tu chứng quả thánh. Vì cảm kích thâm ân của Phật, nên một ngàn hai trăm năm mươi vị tỳ kheo thường đi theo Phật giáo hóa. Trong những câu đầu của các bài kinh, thường nói đến các ngài. Hôm nay, chúng ta xuất gia, theo Phật tu học. Song, có bốn hạng người xuất gia: Thứ nhất, thân xuất gia mà tâm chẳng xuất gia, tức thân tuy đi tìm cầu pháp mà tâm chẳng muốn thọ pháp. Thứ hai, thân tại gia mà tâm lại xuất gia, tức tuy vui vầy với vợ con mà không đắm nhiễm. Thứ ba, thân tâm đều xuất gia, tức nơi cảnh dục lạc, thân tâm không đắm

nhiễm. Thứ tư, thân tâm không xuất gia, tức vui vầy với vợ con, tâm tham đắm nhiễm trước.

Chúng ta hãy tự kiểm nghiệm xem coi, trong bốn hạng trên, mình thuộc hạng nào. Tôi xấu hổ muôn phần, thân tuy xuất gia, nhưng trải qua bao thập niên, lừa Phật ăn cơm. Tôi chỉ biểu diễn xuất gia ở bên ngoài, nhưng trong tâm vẫn chưa nhập đạo, chưa chứng lý thể thật tướng, chưa nhận thấy bốn đại là không, chưa đạt đến như như bất động, tức là tâm chưa xuất gia trọn vẹn. Thân tâm xuất gia trọn vẹn là một điều rất khó. Xưa kia, tại Ấn Độ các đại cư sĩ, tuy thân tại gia mà tâm lại xuất gia, như ông Duy Ma Cật, cô Nguyệt Thượng, phu nhân Mạt Lợi, hoàng hậu Vi Đề Hi. Tại nước Tàu, có ông Bàng Long Uẩn, vua Tống Nhân Tông, Trương Tương Dương, đều là những vị thâm thông Phật pháp; thân tuy cư tại trần lao mà tâm chẳng nhiễm thế tục. Chư đại Tổ Sư, thân tâm trọn vẹn xuất gia có hằng sa số. Các ngài là những bậc mô phạm trong nhà Phật, khiến hàng hậu lai khâm phục ngưỡng mộ. Các ngài hoằng pháp lợi sanh, làm Phật sự lớn, công đức vô lượng. Vua Thuận Trị đời Thanh sáu tuổi lên ngôi, hai mươi bốn tuổi xuất gia. Thân tâm của ông xuất gia trọn vẹn. Đối với những kẻ thân tâm không xuất gia trọn vẹn, tôi chẳng cần nhắc đến. Bậc chân chánh xuất gia thật hiếm có, và trở thành bậc đại pháp khí cũng không dễ. Ngài Khấu Băng Cổ Phật bảo:

- Xưa kia, chư thánh hiền tu hành thành công, đều nhờ vào sự tiết chế khổ hạnh.

Ngài Hoàng Bá bảo:

- Nếu không chịu lạnh thấu xương cốt, thì hoa mai sao tỏa mùi hương!

Người xuất gia làm được những điều đó thật không phải dễ dàng. Có rất nhiều con đường để thoát ly sanh tử. Kinh Lăng Nghiêm bàn đến hai mươi lăm pháp môn tu hành viên thông. Tuy có hai mươi lăm pháp môn, nhưng không ngoài Thiền tông,

Giáo lý, Luật, Tịnh Độ. Tông tức là Thiền tông. Giáo tức là kinh giáo. Luật tức là giới luật. Tịnh tức là tịnh độ. Bốn pháp môn này thậm thâm vi diệu. Thiền tông chỉ thẳng vào việc minh tâm kiến tánh, động tĩnh nhất như, nơi nơi đều là đạo. Bàn về thiền, có rất nhiều loại thiền, tà chánh đại tiểu không đồng. Giảng kinh cũng như thế, cứu cánh phải đạt đến nơi đại khai viên giải; một niệm vượt ba ngàn cõi, tánh tướng dung thông, sự lý vô ngại. Niệm Phật cũng phải niệm đến nhất tâm bất loạn, mới chứng duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà, rồi nhập vào biển khổ Ta Bà, cứu độ chúng sanh. Tất cả pháp môn, đều không xa rời việc trì giới. Kinh Lăng Nghiêm bảo: "Nhiếp tâm là giới. Không đoạn tâm dâm dục, tất phải đọa vào đường ma. Không đoạn tâm giết hại, tất đọa vào thần đạo. Không đoạn tâm ăn cắp, tất đọa vào tà đạo. Không đoạn tâm đại vọng ngữ, nhân địa không chân chánh, thì chiêu quả quanh co. Hôm nay, sơ khởi Ta thuyết về cách nhập tam ma địa, tu pháp môn vi diệu. Muốn cầu đạo Bồ Tát, các ông trước tiên phải nghiêm trì bốn loại giới luật căn bản trên, khiến sáng trong như băng tuyết, tự không sanh cành lá. Tâm phạm ba điều, miệng phạm bốn lỗi, thân phạm ba việc, thì không thể sanh nhân Bồ Đề".

Giới luật nhà Phật định chế tỳ kheo năm hạ đầu phải tinh chuyên giới luật. Sau năm hạ, đi tham tầm thiện tri thức để nghe giáo kinh tham thiền. Tại sao? Vì việc tu hành, lấy giới luật làm thể. Giới là bùa hộ thân, xuất ra khỏi sanh tử. Nếu không có giới, nơi biển sanh tử mãi bị trầm luân khổ sở. Phật ví giới như chiếc phao vượt biển, không thể để hư hoại chút nào. Nếu phao bị vỡ, nhất định sẽ chết chìm. Vì vậy, Thiền tông, Kinh giáo, Tịnh độ, cùng tất cả pháp môn, đều lấy việc giữ giới làm đầu. Thế nên, người tu hành không thể bỏ qua ba pháp giới, định, huệ. Ba pháp này, nếu được viên dung thì sẽ đắc được vô ngại.

Trì giới nếu không rõ khai giới và giá giới, không thông hiểu Đại Thừa và Tiểu Thừa, không biết nhân duyên Phật chế giới, cùng bao diệu môn, chỉ giữ giới chết cứng, cố chấp chẳng tinh tường, thì sẽ khiến đường tu học bị sai lệch. Ba học, tức

giới định huệ, nếu viên dung thì đắc được giới phẩm bậc thượng. Muôn pháp môn không ngoài một tâm. Thế nên, thông đạt một pháp, tức thông đạt muôn pháp, đầu đầu vật vật tận viên dung. Một pháp chẳng thông thì muôn pháp không thể thông, đầu đầu vật vật đều đen ngòm. Không khởi một niệm, trong tâm đều đầy đủ muôn pháp. Phải hàng phục tâm như thế. Phải tham thiền cho giỏi, niệm Phật cho hay. Giảng kinh thuyết pháp thế gian cùng xuất thế gian, mọi việc đều là đạo, và tùy chỗ vô sanh, tùy nơi vô niệm. Còn vọng niệm tức còn sanh tử.

Người tu hành, trước hết phải trừ ngã tướng. Nếu không có ngã tướng, các vọng niệm đều tan. Trừ chấp ngã xong, lại phải trừ chấp pháp. Chấp ngã thì thô kệch, còn chấp pháp rất vi tế. Bình thường, vào lúc giảng thuyết, mở miệng thì bảo tôi như này như thế nọ. Nếu thật vô ngã thì mọi việc đều như băng tan ngói vỡ, và muôn pháp đều vô ngại. Vì có thể vô ngã vô nhân, nên thói quen tập khí đều không còn. Đã là Phật tử, chánh tín xuất gia, cầu pháp xuất ly, phải quên mình mà nỗ lực tu hành, chớ để cảnh chuyển, và chớ sống qua ngày trong phiền não. Người Phật tử, nếu không hàng phục tâm kia, mà lầm lạc trong nhất niệm, tơ hào sơ xuất, thì cách xa trời đất; lỡ một bước chân, ân hận ngàn đời. Phải tu hành như cứu lửa cháy đầu. Nghiêm thủ giới luật như giữ gìn phao vượt biển, chẳng để bị thủng chút nào.

39/ Mồng tám tháng bảy [^]

Tôi là người rất nhàn rỗi. Những chuyện lớn nhỏ trong chùa, chẳng can hệ gì với tôi. Hôm nay cùng đại chúng có duyên, nơi thiền đường nhàn rỗi, giải bày tâm sự. Thiền tông truyền từ Thiếu Thất đến Tào Khê, tới tận ngày nay, định lập rất nhiều quy củ. Điển hình là tổ Bá Trượng, do thấy rất nhiều vị trụ trì đăng đàn thuyết pháp không hợp chánh pháp, nên Ngài định lập thanh quy thiền môn.

Người xưa khổ tâm, muốn đào tạo bồi dưỡng nhân tài nên định đặt quy củ, lập thứ tự. Ngày nay, có người cho là lạc hậu áp chế nhân tài, nên muốn chống báng dẹp bỏ. Họ cho rằng vẫn còn lưu luyến với quy luật cũ xưa, tức tâm cố chấp. Hai pháp tân cựu, xung đột lẫn nhau; cổ kim không thể tương dung. Lúc Phật còn tại thế, Ngài chế giới luật vì muốn diệt trừ tập khí cho chúng sanh. Pháp truyền đến Đông Độ, nhân theo thời mà thay đổi. Bá Trượng sáng lập thanh quy, vì muốn hộ trợ giới pháp. Có quy củ thì dễ dàng thành tựu tròn đầy. Mọi cử chỉ hành động, không ngoài một tâm niệm. Tất cả oai nghi thứ lớp, nhân tình lễ tiết, hành vi động tịnh, đều phải chuyên cần diệt trừ tập khí. Thanh quy Bá Trượng đã hơn ngàn năm. Nước đọng lâu ngày khiến sanh trùng. Pháp trụ lâu ngày khiến phát tệ. Người đời nay khác người xưa, mượn thanh quy mà làm việc tệ bạc. Thế nên, có người xông xáo phản đối, sáng lập quy củ khác. Quy củ không tốt hay người không tốt? Nếu người không tốt, có quy củ vẫn vô dụng. Nếu người tốt, sao cần lập ra quy củ mới nữa? Thật ra quy củ không có tốt xấu, chỉ do người tốt xấu mà bày biện.

Người tham Thiền nên biết, thiền nghĩa là tĩnh lự, tức nơi trong tịch tĩnh mà quán chiếu, chọn pháp lành thiện để theo. Tất cả đều do mình; nếu mình tốt thì pháp pháp đều vi diệu. Nếu mình không tốt, muôn pháp đều trở thành tệ xấu. Pháp thế gian cũng như thế. Pháp vốn không hư hoại, chỉ do tâm người bại hoại. Tập khí nặng nề, thì pháp hay biến thành pháp hoại. Trước khi làm việc gì, phải suy nghĩ ba lần, chớ làm những việc hàm hồ ngu muội. Pháp được lập, không thể là pháp chết cứng. Ví như thầy thuốc, tùy theo bịnh mà cho thuốc. Nếu thuốc không hợp với bịnh, uống vào sẽ hại đến thân. Vì vậy, thầy thuốc trị bịnh, không thể cố chấp cứng nhắc vào phương thuốc xưa. Người xưa bảo:

- Thuốc quý hay không quý, miễn sao bịnh được lành.

Tiên thánh kiến tạo tùng lâm, dựng lập thanh quy, định ước thứ tự, an bài chức vị, như lập pháp quốc gia, rất tinh tường chu đáo cẩn mật.

Hôm nay, mồng tám tháng bảy, quý vị chức sự lãnh đạo, chiếu theo quy củ tùng lâm, đến phòng phương trượng, khách khí cầu hòa thượng trụ trì cho phép từ chức. Nơi đây không phải là chốn tùng lâm, lại không có chuông trống hương bản, sao quá khách sáo?

Tôi vốn là người ở chốn hoang dã, chẳng có liên hệ với việc gì, sao lại làm phiền lụy quý vị? Quý vị nói có lý, chiếu theo quy củ xưa, phải nhậm chức, và phải thối chức. Mỗi năm, mồng tám tháng giêng và mồng tám tháng bảy đều là ngày từ chức. Mồng mười là ngày cầu chức; ngày mười hai là phục chức; ngày mười ba là nhậm chức; ngày mười sáu là xuất đường. Lúc đang nhậm chức vụ, thật rất cực nhọc. Lúc từ chức, được nghỉ ngơi dưỡng sức. Nhậm chức vụ lớn nhỏ trong tùng lâm, quy củ rõ ràng. Người sơ phát tâm phải nên tham học. Chức vụ có thứ tự trước sau, tức có tự chức và liệt chức, lại có nhậm chức và thối chức. Đôi khi cũng có nhậm chức mà không thối chức. Người phát tâm tu đạo không nên để ý đến làm gì.

Quý vị trụ trì các tùng lâm xưa nay, phần nhiều do vua quan tống cử. Tự công cử trong chùa cũng có, nhưng rất ít. Ngày nay khác với đời xưa. Một khi làm trụ trì thì không chịu từ chức. Tại phương trượng, giữ chức để dưỡng lão. Làm tri sự cũng giữ chức cả vài thập niên. Tại chùa Thiên Ninh, hòa thượng Định Lão truyền pháp cho đồ đệ là thầy Cao Lãng; Thầy làm tri sự cho đến chết. Hòa thượng Trị Khai làm giám tự rất lâu; đến năm Quang Tự thứ hai mươi mốt, Hòa Thượng lại được lên chức phương trượng, rồi giữ chức này cho đến chết. Hoà thượng Anh Dữ làm phương trượng từ năm Quang Tự thứ mười hai cho đến chết. Hòa thượng Sương Đình thọ giới vào năm Quang Tự thứ hai mươi hai, rồi làm phương trượng cả vài

thập niên mà vẫn chưa từ chức, lại chẳng muốn phát tâm từ chức. Hòa thượng Diệu Trạm nhậm chức Ty Thủy cả hai mươi mốt năm, và làm duy na cả mười tám năm, kế đến thăng chức thượng tọa, rồi không hề thối chức. Ở Hồ Nam, vùng Siêu Thắng tại chùa Giang Thiên, có thầy trụ trì giữ chức mười ba năm. Người khác từ chức mà thầy vẫn giữ chức. Đại chúng trong chùa, thường gọi Thầy là Bồ Tát sống.

Nơi tùng lâm, biết dụng công tu hành thì rất hay, bằng ngược lại thì biến thành pháp chết. Đại chúng đều có duyên tụ hội nơi đây, nên có cháo ăn cháo, có cơm ăn cơm, và cùng nhau ra đồng làm ruộng. Nếu tự chấp chặt, chỉ muốn giữ ngôi chùa nhỏ, thì làm sao nhận chức ban thủ ban cước, hay từ chức được? Hãy xả chấp trước, chớ đùa giỡn cợt. Danh phương trượng hay thiên trượng đều là lời nói trống rỗng. Tôi cũng giống như quý vị, chỉ dùng bát cơm không, chẳng có chức vụ gì, vậy từ chức nào?

Xưa kia, có vị tôn túc nuôi một đồng tử trong chùa. Chú này chẳng biết phép tắc. Ngày nọ, có một vị lão tăng hành cước đến chùa, dạy chú đồng tử lễ nghĩa. Tối đến, lão tôn túc từ ngoài trở về, nghi ngờ hỏi han sự tình:

- Ai dạy con vậy?

Đồng tử đáp:

- Một vị khách tăng.

Lão tôn túc bèn gọi vị khách tăng ra, hỏi:

- Thượng Tọa từ nơi khác hành cước đến đây, có tâm ý gì? Đồng tử này, tôi nuôi dưỡng cả hai mươi năm, khổ nhọc một đời. Ai bảo Thượng Tọa dạy bậy bạ cho y? Mời Thượng Tọa mau xách hành trang rời khỏi nơi đây!

Mưa chiều hoàng hôn dầm dề, vị khách tăng phải xách gói mà đi.

Ngài Pháp Nhãn bảo:

- Người xưa nương vào đâu mà hiển lộ những gia phong kỳ quái, và ý đạo nơi nào? Trong mọi động tác oai nghi, chẳng phải là bản lai diện mục sao? Chư thánh còn không thể chứng được, hà huống phàm phu! Thong dong tự tại, động tĩnh vô tâm, phàm và thánh năng và sở, trí huệ ngu si, phiền não Bồ Đề, đều là đạo nhất như.

Đại chúng có hiểu không? Chấp trước tức tự cột tay.

40/ Mồng mười tháng bảy [^]

Hôm nay, quý vị cư sĩ từ Quảng Đông vào núi lễ Phật, cúng dường kết duyên, lại thỉnh tôi thượng đường, thuyết vài ba câu. Nay trân trọng lược bày về kinh Bốn Mươi Hai Chương, để kết duyên với quý vị. Phật nói:

- Con người có hai mươi việc khó: Bần cùng mà bố thí là khó. Giàu sang mà học đạo là khó. Vứt bỏ thân mạng là khó. Đọc tụng kinh Phật là khó. Sanh vào thời Phật là khó. Nhẫn sắc rời dục là khó. Thấy việc tốt mà không mong cầu là khó. Bị nhục mà không sân hận là khó. Có quyền thế mà không Ỷ cậy là khó. Gặp cảnh mà vô tâm là khó. Học rộng chuyên nghiên cứu là khó. Trừ diệt ngã mạn là khó. Không khinh miệt người chưa học là khó. Tâm thường hành bình đẳng là khó. Không nói lời thị phi là khó. Gặp thiện tri thức là khó. Thấy tánh học Phật là khó. Tùy duyên hóa độ người là khó. Đối cảnh không động tâm là khó. Thiện giải phương tiện là khó.

Ai vượt qua được những cửa ải này thì mới thoát khỏi sanh tử. Sanh nhằm thời Phật, sao bảo là khó? Nếu không có thiện căn phước đức nhân duyên, gặp được Bồ Tát, A La Hán cũng rất khó, còn nói chi đến việc gặp được Phật. Luận Trí Độ nói:

"Thành Xá Vệ có chín ức gia đình, chỉ có ba ức gia đình biết đến và được gặp Phật. Ba ức gia đình tuy tin mà không được gặp Phật. Ba ức gia đình không tin không gặp không nghe được Phật".

Hai mươi lăm năm Phật trú tại thành đó, nếu có ai phát khởi lòng tin thì đạt được lợi ích vô biên. Trong thành Xá Vệ, có ba ức gia đình không gặp không nghe đến danh hiệu Phật vì họ không có thiện căn phước đức nhân duyên. Tuy sanh cùng thời Phật, mà không gặp, không nghe thấy được Ngài. Đương thời, có rất nhiều người trên thế giới, vì không đủ phước đức căn lành, nên không gặp, không nghe không thấy Phật, nên không đạt được ích lợi gì. Lại nữa, những đệ tử kề cận Phật, nếu không y giáo tu hành, vẫn bị đọa lạc. Đề Bà Đạt Đa vốn là huynh đệ của Phật; tỳ kheo Thiện Tinh làm thị giả, hầu Phật trong hai mươi năm. Họ vì không chịu tu hành chân chánh, nên phải đọa địa ngục. Bà lão nơi phía đông thành Xá Vệ, sanh cùng ngày, tháng, năm như Phật, nhưng chẳng có duyên với Ngài, nên không muốn gặp. Thế nên, gặp Phật nghe pháp là việc rất khó.

Ngày nay, tuy Phật không còn ở thế gian, nhưng có chư thiện tri thức thay Ngài hoằng pháp; nếu thường thân cận họ, thì cũng được giải thoát sanh tử. Nếu thiện căn kém cỏi, gặp được thiện tri thức cũng là việc khó. Tuy có duyên gặp mặt, nhưng không hiểu rõ lời giảng dạy, thì cũng vô ích. Hòa thượng Đỗ Thuận sơ tổ tông Hoa Nghiêm, vốn là hóa thân của Bồ Tát Văn Thù. Ngài có một đệ tử thân tín, kề cận đã lâu, nhưng chẳng hề biết hành trạng vĩ đại của Ngài. Ngày nọ, vị tăng này xin cáo từ Ngài, vì muốn lên núi Ngũ Đài lễ bái Bồ Tát Văn Thù. Ngài bèn tặng cho một bài kệ;

"Kẻ bôn ba du hành
Đài Sơn lễ đất đá
Văn Thù chỉ là thế

Chỗ nào tìm Di Đà?"

Vị tăng này không hiểu ý, vẫn từ biệt đi đến núi Ngũ Đài. Đến đó, Thầy được một ông lão cho biết:

- Hôm nay, Văn Thù đang ở núi Chung Nam, tức hòa thượng Đỗ Thuận đó.

Thầy vội vàng trở về, nhưng ngài Đỗ Thuận đã ngồi xếp bằng mà viên tịch vào ngày mười lăm tháng mười một. Ngày nay, tại Quan Trung có viết ngày nhập Niết Bàn của Bồ Tát Văn Thù, tức ngày mười lăm tháng mười một. Người nhãn thức kém cỏi, tuy gần bậc thiện tri thức mà không thể nhận ra. Đệ tử của thiền sư Thái Dương Cảnh Huyền, tức thị giả họ Bình, do tâm địa bất hảo, kết quả phản thầy, hủy báng đạo, đi trên đường bị hổ vồ bắt. Gặp được các bậc thiện tri thức cũng có thể là không khó, nhưng nếu không y theo lời dạy bảo của các ngài mà phụng hành, thì vẫn vô ích.

Bần cùng bố thí là khó. Người nghèo khổ, tuy tâm muốn bố thí, nhưng chẳng có tiền tài. Nếu miễn cưỡng bố thí thì sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống hàng ngày, nên đó là việc khó. Người giàu sang học đạo là khó. Tuy có thể bố thí tiền tài dễ dàng, nhưng khó mà xả bỏ thân tâm để học đạo. Khó dễ là pháp đối đãi. Tinh tấn dũng mãnh, có đại nguyện lực, thì khó sẽ biến thành dễ. Lười biếng giải đãi, ý chí nhu nhược, thì dễ biến thành khó. Khó dễ do người, chẳng phải do pháp; quý nơi dung thông muôn việc, không chướng không ngại. Nghèo do tiền kiếp không hành bố thí, nay mới cảm quả báo khổ, nên phải tận lực bố thí. Giàu sang phú quý, quyền thế danh vọng, thì làm việc bố thí không khó, nhưng phải học đạo.

Đệ tử Phật là ngài A Na Luật, được gọi là Vô Bần và Như Ý. Trong đời quá khứ, Ngài vốn là một nông dân bần cùng. Bà vợ của người nông phu kia thường đem bát cơm ra đồng cho chồng. Ngày nọ, đang lúc làm ruộng, gặp một vị Bích Chi

Phật đi hành khất, vị nông phu định cúng dường phần cơm trưa của mình, bèn thưa:

- Bạch Đại Đức! Phần cơm trưa của con đây rất đạm bạc, chắc không thể cúng dường cho Ngài được. Vậy thì kính thỉnh Ngài về nhà, con sẽ dâng cúng thức ăn ngon hơn.

Vị Bích Chi Phật bảo:

- Hiện tại là giờ ngọ. Nếu đến nhà ông thì sẽ qua giờ ngọ. Nếu quá giờ, Ta không thể dùng cơm được. Nay ông bố thí cho Ta bát cơm đó là tốt lắm rồi.

Nghe thế, người nông phu thành tâm dâng cúng phần cơm của mình cho vị Bích Chi Phật. Nhờ công đức đó, nên cảm được quả báo sanh làm thiên vương trong chín mươi mốt kiếp. Đời đời không nghèo hèn, sự sự đều như ý. Làm vua loài trời, vua loài người, không phải là chuyện lạ lùng. Do trồng căn lành, cúng dường bát cơm cho vị Bích Chi Phật, nên ngài A Na Luật lại được làm đệ tử Phật Thích Ca, rồi nghe pháp ngộ đạo, chứng quả A La Hán, trở thành vị có thiên nhãn bậc nhất. Chỉ nhờ duyên bố thí một bát cơm, mà đạt được quả báo tốt lành như thế. Nghèo hèn bố thí, công đức nhiều hơn người giàu sang bố thí. Điều này chứng minh rằng, nếu phá được cửa ải này thì tuy nghèo mà vẫn bố thí không khó.

Khi tu lục độ Ba La Mật, Bồ Tát lấy bố thí làm đầu. Nghĩa của bố thí rất thâm sâu, lược thuyết có ba. Thứ nhất là tài thí, tức bố thí tiền tài vật chất cho người nghèo. Thứ hai là pháp thí, tức thuyết pháp độ người. Thứ ba là vô úy thí, tức cứu người bị hiểm nạn. Lại có bố thí thanh tịnh, tức khi bố thí, không cầu phước báo, danh tiếng, lợi lộc ở thế gian, mà chỉ vì muốn tương trợ thiện căn xuất thế cùng nhân niết bàn, nên dùng tâm thanh tịnh mà bố thí. Bố thí không thanh tịnh, tức dùng

vọng tâm, cầu phước báo mà hành bố thí. Thân còn phải xả, huống hồ là những vật bên ngoài.

Bốn vị cư sĩ từ Quảng Đông vượt ngàn núi vạn sông, đến Vân Cư lễ Phật, bố thí kết duyên, thật là việc khó làm. Lại vì cầu pháp xuất ly mà đến, nên phải phát tâm dài lâu, tiến mãi không thối bước, và phải cung kính Tam Bảo. Không nên chấp vào hình tướng; thấy việc hay thì kính tín; thấy việc dở chớ nên khởi tâm oán ghét. Có tâm thương ghét, thì có phiền não, tức không thể giải thoát sanh tử. Một khi khởi tâm thương ghét, thì đạo tâm sẽ lui sụt. Phải nên cẩn trọng.

41/ Ngày mười một tháng bảy [^]

Hôm qua, tôi nói đến hai mươi điều khó làm trong kinh Bốn Mươi Hai Chương. Nếu hiểu rõ thì khó biến thành dễ. Khó dễ là pháp đối đãi. Trong khó có dễ, và trong dễ có khó. Cách dụng khó dễ, mỗi người hành khác nhau. Không giảng gì cao xa, chỉ bàn đến việc nghèo cùng mà bố thí, thì là việc khó lắm rồi. Đệ tử Phật hành đạo Bồ Tát, bố thí đứng đầu trong lục độ. Bố thí tức xả bỏ. Hạnh xả trong bốn tâm vô lượng, (từ bi hỶ xả), tức là hạnh bố thí. Xả chấp được tức là giải thoát. Muôn vật ngoài thân, chẳng có gì là của mình. Nếu xả hết trong ngoài, thì tự nhiên sẽ được giải thoát. Bố thí tại sao khó?

Lúc Phật tại thế, có một cặp vợ chồng nghèo, bần cùng không thể tả. Họ sống trong một am tranh xơ xác, chỉ miễn cưỡng trú ẩn tránh mưa gió. Hai vợ chồng cùng mặc chung một chiếc khố rách, còn thân phần trên thì không có y phục che đắp. Khi ra ngoài, chỉ được một người, còn người nọ thì lõa thể ở trong nhà. Vì vậy, mỗi ngày hai vợ chồng luân phiên mặc chiếc khố rách, ra ngoài xin ăn. Nếu xin được nhiều thức ăn thì vui vẻ cùng nhau ăn. Đôi khi chỉ xin được chút ít, hay không được chi hết, thì cả hai đều phải nhịn đói. Có một vị tỳ kheo đã chứng quả A La Hán, biết

hai vợ chồng này, nghèo hèn vì bao đời bao kiếp, chưa từng trồng căn lành, nên ngày nay mới ra nông nỗi này. Ngài khởi tâm từ bi, đặc biệt đến hóa độ, bằng cách hóa duyên, khiến họ gieo trồng phước đức. Thấy vị tỳ kheo đứng ngoài cửa hóa duyên, người chồng thỉnh Ngài đứng đợi nơi đó, rồi bèn chạy vào nhà, thương lượng với vợ:

- Chúng ta vì tiền kiếp không tu, nên bây giờ mới nghèo hèn khốn khổ. Đời nay nếu không chịu tu thì đời sau cũng vẫn bị khổ nữa. Song, bàn đến việc bố thí gieo trồng phước đức căn lành, thì chúng ta không có vật chi để cúng dường. Chúng ta chỉ có một chiếc khố rách che thân. Nếu cúng dường đi thì không thể ra ngoài xin ăn được, chắc phải chết đói. Ngược lại, nếu không bố thí, thì sống cũng vô dụng. Sao bằng đem chiếc khố này, thành tâm cúng dường chư tăng, để gieo căn lành, thì chết cũng không hối tiếc!

Cô vợ đồng ý. Người chồng bèn bước ra, ló đầu ngoài cửa sổ, thưa với vị tỳ kheo:

- Bạch Đại Đức! Cúi xin Ngài từ bi thương xót. Chúng con nay muốn dâng chiếc khố này để cúng dường đức Phật.

Vị tỳ kheo khởi tâm từ bi, thương tình tiếp nhận, đem về cúng dường cho đức Thế Tôn. Bấy giờ, Phật đang thuyết pháp cho vua Tần Bà Sa La, nhưng vẫn thọ nhận chiếc khố của hai vợ chồng nghèo. Đang giảng kinh trước đại chúng, Phật lại kể nhân duyên tiền kiếp của hai vợ chồng đó. Tuy họ chưa bao giờ trồng căn lành, nhưng nay chỉ do nhất niệm tâm thành, đem hết vật sở hữu, bố thí cúng dường chiếc khố, nên phước đức thật vô lượng. Vua nghe việc này, đến gặp hai vợ chồng kia, thấy họ đang nằm trên đất, lõa thể đói khát, nên phát tâm cứu hộ, cấp cho y phục thức ăn, rồi dẫn họ đến nơi Phật. Họ được nghe pháp, liền chứng quả thánh. Hai vợ chồng kia, nghèo cùng tột bực, nhưng phá được cửa ải tham luyến. Tuy

nghèo nàn nhưng vẫn bố thí, nên mới được lợi ích như thế. Điều này chứng minh, việc khó hay dễ, đều do tâm niệm, không có nhất định.

Xưa kia, vào đời Minh, La Diện có soạn quyển Thơ Tỉnh Thế:

"Mau mau gấp gấp, cầu khổ khổ
Lạnh lạnh nóng nóng, độ xuân thu
Sáng sáng tối tối, mưu việc nhà
Hôn hôn muội muội, đầu tóc trắng
Thị thị phi phi, cả ngày ngày
Phiền phiền não não, lúc nào ngưng.
Rõ rõ ràng ràng, đường lộ cái.
Muôn muôn ngàn ngàn, chẳng chịu tu".

Tuy lời văn mộc mạc, nhưng ý nghĩa thâm sâu, vì bàn về nghiệp chướng hành vi ma quỶ của chúng ta trong một đời. Ai có thể vượt qua những việc trên thì người đó thật là bậc đại giải thoát.

XXIII. Khai thị trong kỳ truyền giới, núi Vân Cư, tháng 10-1955 [^]

1/ Duyên khởi của kỳ truyền giới [^]

Lần này, núi chúng ta làm kinh động các tỉnh các xứ cùng quý Phật tử khắp nơi. Mọi người đều không quản khổ nhọc, đường xa vạn dặm mà đến đây. Hoặc vì cầu giới, hoặc vì muốn trợ đạo thành tựu mà tới. Song, nơi đây chỉ toàn là lều tranh mái lá, không giống như những tùng lâm tự viện, chẳng có thể lo lắng sắp đặt mọi việc chu toàn, nên không thể tránh việc khiến quý vị sanh tâm động niệm. Truyền giới lần này, có rất nhiều người chưa hiểu giới pháp tường tận. Hôm nay do thỉnh mời, tôi ra giảng cho quý vị nghe vài điều, xin chớ sanh phiền não và ngộ nhận.

Nơi đây, vốn là chốn đạo tràng của Tổ đình, cũng là danh lam thắng cảnh nổi tiếng, lại có những di tích hoằng dương chánh pháp của vài mươi vị tổ sư thuở xưa. Từ đời Tống, Nguyên, Minh, Thanh đến nay, chốn Tổ Đình này đã trải qua bao lần hưng thịnh suy đồi. Thời kháng chiến Nhật, vì binh đao hỏa hoạn, cả trăm điện đường phòng ốc bị tàn phá đốt cháy, không còn một ngôi. Năm ngoái, Hư Vân tôi tham dự pháp hội hòa bình cùng đại hội thành lập liên hội Phật Giáo Trung Quốc xong, liền trở vào Nam, đến vùng Khuông Phụ dưỡng bịnh. Xét thấy Vân Cư vốn là một đạo tràng thắng pháp, nhưng đã bị bỏ hoang phế và chìm trong quên lãng lâu ngày, khiến tôi không thể nhẫn tâm mà nhìn núi này bị mai một, nên phát tâm chấn chỉnh trùng hưng. Vì thế, tôi xin chánh phủ phê chuẩn, cho phép tu sửa. Vừa được chấp thuận, tôi liền lên núi phát hoang cỏ dại. Khi đó, mục kích tận mắt, thấy di tích nền móng chùa chiền cùng hai tôn tượng Phật đồng, tượng Bồ Tát Quán Âm nằm trong những bụi cỏ dại um tùm, khiến lệ bi thương tự nhiên tuôn trào. Tôi lập tức bắt tay vào việc dọn dẹp cỏ lau, sửa chữa chuồng trâu đơn sơ, để làm nơi trú ngụ. Lại nữa, tôi có ý muốn bảo tồn các thánh tích, nhưng chưa tính toán phải xây dựng lại như thế nào. Dọn dẹp chưa xong phân nửa, thì quý vị từ các phương xa, mang y bát đến, trú không đủ chỗ, nên nơi ăn chốn ở trở thành vấn đề khó khăn. Song, tình người thật khó khước từ. Nếu tiếp nhận thì khó lòng lo lắng nơi ăn chốn ở được chu toàn. Bất đắc dĩ, phải cùng nhau đồng kham cộng khổ, không quản khổ nhọc, chuyên cần lao động, khai khẩn ruộng hoang, để lo việc ăn mặc chỗ ở. Lại nữa, có những vị chưa thọ giới, khẩn cầu tôi thuyết giới và truyền giới. Vì vậy, tôi miễn cưỡng bảo:

- Muốn truyền giới, trước tiên phải được chánh phủ phê chuẩn.

May mắn thay, sau này chánh phủ cho phép lập đàn truyền giới. Được phê chuẩn, tôi bèn công bố trước đại chúng:

- Hiện tại, chánh phủ đã hứa khả cho phép lập đàn truyền giới. Chúng ta sẽ khai mở phương tiện giới đàn trong một thời gian ngắn, nhưng chỉ truyền giới cho các vị tân giới tử trên núi. Chớ làm náo động, thông tin này ra ngoài, bảo là nơi đây có truyền giới. Nếu bên ngoài biết được, tăng chúng kéo đến ùn ùn, thì thức ăn chỗ ở không đủ, tiếp đãi không tròn. Tôi vốn vì dưỡng bịnh, nên mới lên đây kết am tranh, chứ chẳng phải muốn đến đây khai mở đạo tràng, pháp hội truyền giới.

Song, có vài vị tự ý thông tin ra ngoài. Lại có những vị từ các nơi xa xôi, trôi nổi tới đây, rồi lại truyền tin ra ngoài, khiến cho khắp bốn phương, viết hàng trăm lá thư hỏi han. Do không thể vọng ngữ, tôi hồi đáp bảo rằng vì nơi ăn chốn ở tại đây rất khó khăn, chỉ khai mở phương tiện giới đàn trong một thời gian ngắn cho các vị tân giới tử trên núi, nên chưa thông báo ra ngoài. Chùa Cao Mân cũng có vài vị gởi thơ đến khẩn cầu thọ giới. Tình người khó quá, nên tôi chỉ viết vài chữ hồi đáp rằng nếu muốn đến đây, phải có giấy chứng nhận của chánh phủ, bằng ngược lại chớ nên đến.

2/ Nguyên nhân những vị bên ngoài đến không thể thọ giới [^]

Hôm nay, quý vị đường xa vạn dặm mà đến đây. Nếu không nói rõ nguyên do, e rằng quý vị sẽ hiểu lầm. Chánh phủ vốn thực hành chính sách tự do tôn giáo. Đối với những việc truyền giới, đả thất, giảng kinh thuyết pháp, họ đều cho phép. Truyền giới lần này, chánh phủ Trần Minh cùng tôn giáo sự vụ và liên hội Phật giáo đã phê chuẩn. Sao quý vị từ xa đến không được tham gia? Trước mắt là việc ăn uống nghỉ ngơi rất khó khăn. Vã lại, ở Thượng Hải, hội Thiên Chúa giáo đang bị rắc rối. Đây là việc của ngoại đạo, nên không cần nói đến. Hội Thanh Niên Phật giáo tại Thượng Hải thường lấy việc hoằng pháp lợi sanh, mà cũng bị rắc rối với chính quyền cộng sản. Đây là việc của cư sĩ, cũng không bàn tới. Tại các đạo tràng Kim Cang của người xuất gia, lại liên tục phát sanh bao sự tình rối rắm. Tận mắt

chứng kiến những sự việc này, quý vị có đau lòng hay không? Lại nữa, chính quyền ở tỉnh Cam Túc đánh điện cho chánh quyền tỉnh Giang Tây, bảo rằng nơi đây có ngoại đạo, ẩn mình trong giới Phật giáo mà đến Vân Cư. Sự việc trắng đen chưa rõ. Một người làm hại biết bao nhiêu người. Việc này rất hệ trọng, nên không thể chẳng phòng ngừa.

3/ Khai thị phương tiện tự thệ thọ giới [^]

Quý vị vì không biết nguyên nhân truyền giới của bổn tự mà đến đây. Lại nữa, hiện nay tại Thượng Hải đã phát sanh rất nhiều việc rắc rối. Do đó, xin quý vị ở bên ngoài đến, sau khi thọ giới xong hãy mau mắn trở về. Nghe qua lời này, chắc chắn quý vị sẽ bị phiền muộn. Song, tôi không nhẫn tâm nhìn thấy quý vị bị tai họa.

Những năm về trước, tôi truyền giới mất cả năm mươi ba ngày. Năm nay, vì việc sinh sống khó khăn bề bộn, nên thời gian truyền giới phải giảm xuống. Tôi định là rằm tháng mười nhập đàn truyền giới, cho đến ngày mười tám tháng mười một thì kết thúc. Tổng cộng là ba mươi hai ngày. Hiện tại, nhân duyên cũng không đủ, lại hoãn kỳ truyền giới trong nửa tháng; định đến mồng một tháng chạp mới nhập đàn truyền giới, rồi đến ngày mười tám là viên mãn.

Hôm nay, đặc biệt vì có rất nhiều quý vị tân giới tử từ các nơi khác đến, nên khai phương tiện tự phát nguyện thọ giới. Hy vọng quý vị từ bên ngoài tới, hoan hỶ y chiếu hành theo. Đời của tôi vốn rất bất mãn người lạm thiết giới đàn, và lạm truyền giới pháp. Thật vậy, tôi thấy có vài nơi truyền giới, chỉ giống như chỗ buôn bán, mà không cần hỏi han hòa thượng giới sư cùng hòa thượng A Xà Lê, có làm đúng như giới pháp không. Tam đàn đại giới chỉ tổ chức trong ba ngày hoặc một ngày. Bán giới điệp khắp nơi, rồi gọi tên đẹp đẽ là Ký Giới, mà chẳng biết quy thức giới luật như thế nào. Tâm tôi thống khổ đau nhức muôn vàn khi nghĩ đến

những kẻ manh tâm buôn bán đức Như Lai, hủy hoại Phật pháp. Song, tại sao tôi lại khai phương tiện tự phát nguyện thọ giới?

Bàn về việc thọ giới, có hai loại khác nhau, tức là thọ Phật giới và thọ tăng giới. Năm chúng xuất gia, nơi chánh điện quỳ trước tượng chư Phật chư Bồ Tát. Giới sư khải thỉnh ba lần, khiến giới tử lãnh thọ Bồ Tát mười giới trọng vô tận, bốn mươi tám giới khinh. Hai chúng tại gia thọ sáu giới trọng, hai mươi tám giới khinh. Đấy là Phật giới. Đối với giới Bồ Tát, vì đã quên bản ngã, nên trước tượng chư Phật chư Bồ Tát, phát nguyện lãnh thọ giới pháp. Song, đối với người cầu thọ giới Bồ Tát, hãy tự xem xét rằng mình đã quên bản ngã chưa!

Trong tăng chúng, chư sa di lễ thỉnh mười hòa thượng, bạch bốn pháp Yết Ma, lãnh thọ hai trăm năm mươi giới, tức trở thành tỳ kheo. Sa di ny thọ ba trăm bốn mươi tám giới, trở thành tỳ kheo ny. Đây là tăng giới; vì chư Thanh Văn, chưa quên bản ngã, nên phải cần mười vị hòa thượng giới sư chứng minh truyền giới.

Bồ Tát giới bổn viết: "Nếu trong vòng ngàn dặm, không có thầy truyền giới, thì có thể quỳ trước hình tượng Phật Bồ Tát mà tự thệ thọ giới, nhưng phải thấy điềm lành tướng tốt".

Kinh Hoa Nghiêm nói: "Tất cả nghiệp chướng, đều từ vọng tưởng sanh ra. Nếu cầu sám hối, phải ngồi niệm thật tướng. Nghiệp tội như sương mai, mặt trời trí huệ có khả năng diệt trừ. Nếu thanh tịnh được sáu căn thì thành tựu giới tướng".

Vì vậy, nếu trong vòng ngàn dặm mà không có vị truyền giới sư thì có thể phương tiện tự thọ giới Bồ Tát, nhưng phải thấy tướng hảo. Nếu trong vòng ngàn dặm có vị giới sư thì không thể tự thệ thọ giới. Ngày nay, quý vị đến đây, không xa ngàn dặm, tức là đã phát tín tâm. Hư Vân tôi chẳng phải trốn tránh việc thuyết giới và

truyền giới, mà do nghịch duyên chướng ngại, nên nơi đây đành phải khai mở phương tiện tự thọ giới Bồ Tát.

Đối với tăng giới, mắt phải quán thấy nghi thức giới đàn, và tai nghe thuyết giới Yết Ma, thì mới đắc giới thể. Tăng giới tức thọ giới từ chư tăng, không thể tự thệ thọ giới. Song, lần này quý vị đến đây, ân cần khẩn cầu thọ giới. Giới đàn quý vị đã thấy; mười vị giới sư đã nhận ra. Mỗi ngày quý vị đã nghe tôi giảng phép tắc thọ giới; tuy chưa chính thức đăng đàn, nhưng quý vị có thể trở về quê quán tự thệ thọ giới. Tôi tác pháp nơi đây, sẽ hồi hướng đến quý vị. Tuy chưa được tính là làm đúng như pháp, nhưng cũng không vượt ngoài giới pháp.

Kinh Tăng Nhất A Hàm nói: "Pháp chân thường của chư Phật, nếu xưng 'lành thay, tỳ kheo đến đây', liền thành sa môn".

Hư Vân tôi đức kém, sao sánh bằng Phật, nhưng vì gặp nhân duyên chướng ngại, nên vạn phần bất đắc dĩ mới quyền thiết phương tiện. Hào quang chư Phật thường tịch tĩnh, chắc sẽ thầm mật hứa khả. Song, quý vị nên biết, nếu không có nhân duyên đặc thù nào, thì chẳng có thể khai mở phương tiện thọ giới như vầy được.

Hư Vân tôi nghiệp chướng thâm trọng. Vì được quý vị thỉnh mời, nên tôi phải miễn cưỡng ra thuyết giới. Do nhân duyên tiền kiếp kém cỏi, ngày nay chúng ta mới thọ những nghịch duyên không như ý. Khi trở về bổn xứ, nơi chùa chiền, am miếu, tịnh thất, phải chí thành lễ Phật, khất cầu sám hối. Phải an bài, định nhật kỳ, ngày giờ. Mồng một khai đàn, mồng tám thọ giới Sa Di. Ngày mười lăm thọ giới Tỳ Kheo. Ngày mười sáu dâng hương cúng Phật. Ngày mười bảy thọ giới Bồ Tát. Ngày mười tám thì viên mãn công đức. Lễ sám chân thành khẩn thiết, nếu thấy hảo tướng tức là đắc giới. Sau đó, thỉnh chư trưởng lão thượng nhân chứng minh, hứa khả cho giới tử đàn tràng, chiếu phát giới điệp. Phải nên tự học tập hành trì quy củ

phép tắc, oai nghi tế hạnh trong luật Tỳ Ni. Hôm nay, vì quý vị khai mở phương tiện truyền giới, chỉ vì bất đắc dĩ mới hành.

Người xưa bảo:

- Thà thân đọa xuống địa ngục, chớ đem Phật pháp hành theo tình người ở thế gian.

Hôm nay, Hư Vân tôi làm những việc như vầy, chắc phải đọa địa ngục. Song, tôi muốn nhắn nhủ rằng nếu quý vị không lưu tâm, không hành trì đúng giới pháp, lạm dụng ăn cắp hình tướng oai nghi Phật, vọng xưng Thích Tử, chỉ có tấm giấy giới điệp, chỉ đeo quảy hư danh trống rỗng, thì đến ngày cuối gặt quả báo, cực khổ không lường. Hãy lưu tâm cẩn trọng.

4/ Y bát [^]

Y bát là chánh duyên thọ giới. Nay lược thuyết danh tướng của y bát cho quý vị nghe. Bảy chúng xuất gia, thọ y bát không đồng. Tổng quát, có mạn y và ba loại y của tăng chúng. Mạn y, tiếng Phạn gọi là Bát Tra. Mạn tức là tản mạn, thông mạn, tức y tướng không có sọc điều. Đây là y lễ sám, tức y của Sa Di, Sa Di Ni. Nếu là ưu bà tắc, ưu bà di, đã thọ tam quy ngũ giới hay Bồ Tát giới, thì có thể đắp y này khi làm Phật sự, lễ bái tụng kinh tại am tranh, chùa chiền. Nếu ở nhà, ra vào tới lui, đều không được đắp, mà phải để y nơi thanh tịnh.

Ba y, tức là y năm điều, bảy điều, và đại y. Luật chế tỳ kheo, tỳ kheo ny, phải có đủ ba y hoại sắc, may cắt dài ngắn tùy theo kích thước để thúc liễm thân tâm, như đắp bờ ruộng, giữ nước trưởng dưỡng lúa mạ. Ruộng y biểu hiện pháp, thấm nhuần bốn loại nước lợi ích, tăng trưởng ba loại lúa mạ lành thiện, nuôi dưỡng pháp thân, tích tụ huệ mạng. Thế nên, chư tăng được gọi là phước điền tăng. Y cũng được gọi

là y phước điền. Y năm điều, tiếng Phạn gọi là y An Đà Hội, hạ y, y nhiễm tác, tức y để làm việc chấp tác.

Y năm điều, một dài một ngắn, cắt nối làm thành. Đây là y mà tỳ kheo, tỳ kheo ny, thường mặc để chấp tác lao động, ra vào đến đi.

Y bảy điều, tiếng Phạn gọi là Huất Đa La Tăng, tức y nhập chúng, hay thượng y. Bảy điều, tức hai mảnh dài, một mảnh ngắn, may cắt thành. Đây là y mà tỳ kheo, tỳ kheo ny thường đắp lúc lễ Phật, sám hối tụng kinh, tọa thiền, thọ trai, nghe giảng kinh, kiết hạ an cư, tác tụ tứ, cùng họp tăng, nhóm chúng.

Đại y, tiếng Phạn gọi là Tăng Già Lê, và tiếng Tàu gọi là y Tán Toái, tức dùng các miếng vải nhỏ mà may kết thành. Đây là y có nhiều điều và lớn nhất của chư tỳ kheo, nên gọi là đại y. Lúc đăng đàn thuyết pháp, nửa tháng tụng giới Bố Tát, thường đắp y này. Đại y có nhiều loại, như thượng trung hạ phẩm. Hạ phẩm có ba loại. Hạ hạ phẩm là y chín điều. Hạ trung phẩm là y mười một điều. Hạ thượng phẩm là y mười ba điều. Ba phẩm y này có hai miếng dài, một miếng ngắn, may cắt lại thành. Trung có ba phẩm. Trung hạ phẩm có mười lăm điều. Trung trung phẩm có mười bảy điều. Trung thượng phẩm có mười chín điều. Ba phẩm y này có ba miếng dài một miếng ngắn, cắt may lại thành. Thượng phẩm có ba loại. Thượng hạ phẩm có hai mươi mốt điều. Thượng trung phẩm có hai mươi ba điều. Thượng thượng phẩm có hai mươi lăm điều. Ba phẩm y này có bốn miếng dài, một miếng ngắn, cắt may hợp thành. Những loại y này phải dùng vải bố thô may thành, chứ không thể may bằng vải tơ lụa mỏng thưa. Lại nữa, không thể thêu may tượng ngàn vị Phật lên trên y. Có người thêu may hình Phật lên trên y, rồi gọi đó là y ngàn vị Phật. Là đệ tử Phật, phải nên tôn kính đảnh lễ hình tượng Phật. Sao lại điên đảo thêu may hình tượng Phật lên thân? Thậm chí có người lại may hình Phật bên dưới bắp đùi.

Thiên Phật y là chỉ cho ba loại y bên trên. Chư Như Lai đạo đồng, ngàn Phật tương truyền, đều giống như nhau, chứ chẳng phải thêu ngàn Phật trên y mà gọi là Thiên Phật y.

Lại nữa, do khí hậu ở Ấn Độ rất nóng, nên tỳ kheo chỉ đắp ba y và mặc một cái khố, chứ không có y phục nào khác. Thế nên, ba y này thường không rời thân. Ngủ cũng mặc, và chết cũng không rời bỏ. Khí hậu ở Tàu rất lạnh, nên trong mình chư tỳ kheo còn đắp thêm những đồ ấm khác. Lúc làm Phật sự, mới đắp y ca sa. Vì vậy, những y ca sa này không thường được đắp. Nếu ra ngoài hành cước, phải mang theo, vì rời ba y này tức phạm giới.

Bàn đến y phục của Sa Di, Sa Di Ni, quyển Án Tát Bà Da, tức luận Tỳ Bà Sa, viết: "Sa Di được mặc thượng y và hạ y, tức là y An Đà Hội và y Huất Đa La Tăng, khiến được thanh tịnh nhập chúng, và đi đứng được thuận tiện".

Bộ luận Căn Bổn bảo: "Sa Di thọ y Mạn Điều. Nếu đủ hai mươi tuổi, có thể thọ giới Cụ Túc, cầu ba y, bình bát tọa cụ".

Lời bàn của luận Tỳ Bà Sa về y Sa Di ở trên, không đồng với y năm điều của tỳ kheo. Năm điều tức một dài một ngắn. Bảy điều tức hai dài một ngắn. Cắt may thành hình thửa ruộng. Mượn tên năm điều hay bảy điều, nhưng lúc cắt may thì không dùng tướng y năm điều hay bảy điều. Y không có điều tức gọi là mạn y.

Mạn y không có điều. Gần đến khi thọ giới cụ túc, thì mới may cắt thành tướng y có điều. Trong thời gian đó, có thể lập phương tiện. Theo giới luật, Sa Di có ba loại: Thứ nhất, từ bảy tuổi đến mười ba tuổi, gọi là Sa Di đuổi quạ. Nhỏ tuổi cầu xuất gia, ngài A Nan không dám độ. Phật bảo rằng nếu đuổi được quạ thì cho phép xuất gia. Thứ hai, từ mười bốn tuổi đến mười chín tuổi, gọi là Sa Di Ứng Pháp, tức chân chánh hợp với địa vị của Sa Di. Hạng này phải theo thầy học năm năm, để

được huấn luyện thuần thục. Nếu kham khổ nổi, thì tiến thêm một bước, thọ giới cụ túc, nên gọi là Sa Di Ứng Pháp. Thứ ba, từ hai mươi tuổi đến bảy mươi tuổi, gọi là Sa Di Danh Tự. Người này vốn hợp địa vị tăng sĩ, nhưng vì nhân duyên chưa đủ, nên chỉ làm Sa Di trên danh tự. Sa Di đuổi quạ, Sa Di Ứng Pháp, chỉ được đắp y không có điều, vì chưa thuộc địa vị tăng sĩ. Đối với Sa Di Danh Tự, nếu đã hơn hai mươi tuổi, mà quyết chí sẽ đăng đàn thọ giới cụ túc, thì không chỉ hạn cuộc hành trì pháp thức Sa Di, mà có thể dần dần thăng tiến, nhưng không thể nhảy cấp bậc được. Hạng Sa Di này, được hứa khả y tướng phước điền tức y năm điều, nhưng không thể mặc y Tăng Già Lê.

Bàn luận thêm đôi chút, muốn thọ giới tỳ kheo phải đủ hai mươi tuổi. Nhưng nếu chưa đủ tuổi, Phật chế rằng từ ngày ra đời cho đến hiện tại, dùng năm nhuận, lấy ra một tháng nhiều ngày nhất, rồi trong tháng đó, rút ra một ngày, bổ túc vào. Nếu tính đủ tuổi thì có thể thọ giới cụ túc. Song, mọi việc đều phải tính vào nhân cách, chớ quá câu chấp. Chư đại tổ sư xưa kia, xuất gia thọ giới tỳ kheo, chưa đủ tuổi tác, cũng không ít.

Tọa cụ, tiếng Phạn gọi là Ni Sư Đàn, tức y tùy tọa, y phu tọa, y sấn túc. Y này giống như nền tháp. Thân người thọ giới tức là tháp của năm phần pháp thân. Do từ năm phần pháp thân mà giới thể phát sanh. Tọa cụ này, bảy chúng xuất gia đều có thể thọ trì.

Bình bát, tiếng Phạn gọi là Bát Đa La, nghĩa là Ứng Lượng Khí, tức đầy đủ ba pháp: Thể, Sắc, Lượng. Thể tức là thể thức phép tắc, chỉ được dùng hai vật thiếc sắt, ngói vôi, mà không được dùng đồng hay gỗ chế tạo thành. Sắc tức là dùng hột Ma Tử Hanh, dầm nhuyễn rồi bôi trong ngoài. Dùng tre hun khói thành màu đen. Vẽ hình chim Cưu Linh Khổng Tước ngoài bình. Nung thành màu đen vì vào mùa hè, trong bình bát nếu chứa nhiều thức ăn thì không bị lên men, và cặn cáu không

đóng. Bàn về lượng, thượng bát có thể chứa một đấu rưởi. Trung bát chứa một đấu. Hạ bát chứa năm thặng. Theo tiêu chuẩn, thượng bát chứa một đấu. Trung bát chứa bảy thặng rưởi. Hạ bát chứa năm thặng. Những loại bình bát này, chỉ có hai chúng xuất gia mới được dùng.

Ba y, một tọa cụ, một bình bát là chánh duyên thọ giới của hai chúng xuất gia. Phải luôn giữ gìn bên thân. Nếu vay mượn hoặc không có, tức là phi pháp. Y chuẩn theo giới luật thì không thể đắc pháp.

5/ Giới luật là nền tảng căn bản của Phật pháp [^]

Bên trên đã lược bàn về danh tướng của y bát. Nay nói sơ lược về ý nghĩa thọ giới. Quý vị phải chú ý lắng nghe. Bí yếu của Phật pháp nằm nơi ba pháp vô lậu học, tức giới định huệ. Trong ba pháp này, giới luật là nền tảng căn bản. Nhờ giới luật mà sanh định. Do định mà sanh huệ. Nếu trì giới thanh tịnh thì định huệ tự nhiên sẽ được viên thành. Thể theo ngôn từ, Phật chế giới luật, vốn có ba hạng: Thứ nhất là giới tại gia; giới này bao gồm năm giới và tám giới. Thứ hai là giới xuất gia; giới này bao gồm mười giới của Sa Di và Sa Di Ni, cùng giới Cụ Túc của tỳ kheo và tỳ kheo ny. Thứ ba là giới chung cho tu sĩ và cư sĩ (đạo tục thông hành giới), tức là tam tụ tịnh giới Bồ Tát.

Hôm nay, quý vị cầu thọ giới, tức là phát hạnh nguyện quan trọng, cao cả bậc nhất. Hạnh nghĩa là hành trì, tức y theo giới luật mà tu hành. Nguyện nghĩa là phát nguyện, tức phát bốn hoằng thệ nguyện. Hạnh nguyện nếu tương dung đầy đủ thì sẽ thành diệu dụng. Phật chế giới luật, không ngoài việc khiến cho chúng sanh đoạn trừ thói quen tật xấu, ngưng ác hành thiện, bỏ trần lao, hợp với tánh giác. Kinh Hoa Nghiêm thuyết:" Giới là nền tảng căn bản của đạo quả Bồ Đề vô thượng. Phải nên hành trì tịnh giới đầy đủ".

Nhờ giới mà Phật pháp mới trụ thế dài lâu. Tăng già nương vào giới mà trường tồn, phát triển.

6/ Giới pháp, giới thể, giới hạnh, giới tướng [^]

Giới được phân thành bốn loại: Giới pháp, giới thể, giới hạnh, giới tướng.

A/ Giới pháp: Phật chế năm giới, tám giới cho ưu bà tắc và ưu bà di, chế sáu giới cho thức xoa ma noa, chế mười giới cho sa di và sa di ni, và chế giới cụ túc cho tỳ kheo và tỳ kheo ny. Năm chúng Bồ Tát xuất gia, thọ mười giới trọng, bốn mươi tám giới khinh. Hai chúng Bồ Tát tại gia, thọ sáu giới trọng, hai mươi tám giới khinh. Một trăm tám mươi bốn loại yết ma, ba ngàn oai nghi, tám muôn tế hạnh, cùng vô lượng luật nghi, được gọi là giới pháp.

B/ Giới thể: Tức là lúc thọ giới, lãnh nạp giới pháp nơi thân tâm, khiến phát sanh một loại giới thể. Giới thể này, tuy phàm phu không thể nghe thấy biết đến, nhưng suốt đời hằng thường tương tục, có công năng phòng việc xấu ngưng việc ác. Được giới thể bậc ưu hay liệt, tùy theo sự phát tâm cao thấp trong lúc thọ giới. Người cầu giới, đầu tiên phải biết phát tâm. Phát tâm có ba phẩm vị thượng trung hạ.

Thứ nhất, phát tâm hạ phẩm, tức ngay lúc thọ giới, trí huệ mờ mịt, hạ liệt, thệ nguyện không rộng, hoặc tâm tán loạn, duyên cảnh không chu toàn. Tuy thủ trì giới tướng, nhưng không thể phát khởi công dụng của giới thể, tức phát tâm hạ phẩm, tức chỉ được giới thể hạ phẩm.

Thứ hai, phát tâm trung phẩm, tức ngay khi thọ giới, tâm duyên đến tất cả cảnh giới tình cùng vô tình. Song, tại những cảnh duyên này, có phát khởi phần đoạn các việc ác, phần tu các việc thiện, lại chỉ muốn tự giải thoát sanh tử, mà hoàn toàn không có thệ nguyện độ khắp chúng sanh, tức phát tâm trung phẩm, tức đắc giới thể bậc trung.

Thứ ba, phát tâm thượng phẩm, tức ngay nơi thọ giới, tâm tâm tương tục, thấy cảnh sáng trong thanh tịnh, duyên đến tất cả cảnh giới hữu tình lẫn vô tình. Ngay nơi cảnh duyên này, có thể quyết định phát đại thệ nguyện, tức nguyện đoạn tất cả ác, nguyện tu tất cả thiện, nguyện độ tất cả chúng sanh. Đó là phát tâm bậc thượng,

tức đắc giới thể bậc thượng. Vì vậy, nếu muốn đắc được giới thể thượng phẩm, phải nên phát tâm thượng phẩm.

Do đó, trước khi thọ giới, phải khai mở tâm rộng rãi, kế đến lập chí cao viễn, thì khi thấy các tướng liền hiểu rõ. Nếu không chuẩn bị kỸ càng, chỉ mơ hồ về pháp tướng, thì làm sao đắc được giới thể thượng phẩm? Hoặc giả, hoàn toàn không phát khởi tâm cầu giới, chỉ được danh thọ giới trống rỗng, thật uổng công sức thọ giới, cùng lãng phí một đời tu. Quý vị hãy thận trọng lưu ý.

Cảnh duyên tuy nhiều, nhưng không ngoài hai loại hữu tình và vô tình. Cảnh duyên loài hữu tình tức là tất cả động vật có sanh mạng như loài người, cá, chim, trùng, thú, v.v... Cảnh duyên vô tình tức là tất cả loài không có sanh mạng như thực vật, khoáng vật, đất đai, núi sông, mặt trăng, mặt trời, tinh sao, cỏ cây, nhà cửa, dụng cụ, thuốc men, v.v...

Chúng sanh tạo nghiệp ác, do mê lầm cảnh duyên trước mắt, như vừa thấy tiền tài, liền khởi tâm muốn ăn cắp; vừa thấy sắc đẹp liền khởi niệm dâm dục. Song, nghiệp ác vốn do cảnh khởi, và nghiệp thiện cũng từ cảnh mà sanh. Cảnh là nơi nương tựa của sự chế giới, cũng chính là nền tảng căn bản phát khởi giới luật. Ví như giới cấm giết hại và dâm dục, do cảnh hữu tình phát khởi mà chế giới. Những giới này, cũng y theo cảnh mà sanh. Giới cấm ăn cắp và nói láo, do cảnh hữu tình và vô tình phát khởi mà chế giới. Thế nên, cảnh của rừng cây thâm thẩm đều là gốc của sự chế giới, và là nhân của sự phát khởi giới. Nếu hưng khởi được tâm từ quảng đại, duyên cảnh hữu tình và vô tình, rồi phát khởi ba thệ nguyện rộng lớn, tương ưng cùng giới pháp, lãnh nạp vào thân, hộ trì suốt đời, tức đắc giới thể thượng phẩm.

C/ Giới hạnh: Tức là sau khi đắc giới thể, trong cuộc sống hằng ngày, hành vi động tĩnh, ung dung tự tại, ngừng các việc ác, tu các điều thiện, thuận trì theo giới đã

thọ, không vượt ngoài luật Tỳ Ni. Nơi pháp thế gian hay pháp xuất thế gian, cùng tất cả pháp môn tu hành, đều không vượt ngoài giới hạnh, lại chẳng rời tất cả ngoại hạnh, nên đặc biệt gọi là giới hạnh.

D/ Giới tướng: Tức là những giới do Phật chế. Nơi mỗi giới, có những phần thọ trì mà phạm và không phạm, lại có phân biệt nặng nhẹ và khai giá. Trì tức là thuận theo giới thể đã thọ mà lập danh, và được phân thành hai phần, chỉ trì cùng tác trì. Phạm tức là do vi phạm giới thể đã thọ mà lập danh, và được phân làm chỉ phạm cùng tác phạm.

Chỉ trì, tức là phương tiện chánh niệm, hộ trì giới thể đã thọ, ngăn ngừa cấm chỉ thân tâm, không tạo việc ác, nên gọi là chỉ. Chỉ mà không vi phạm, thuận theo giới đã thọ, khiến giới thể sáng trong tinh khiết, nên gọi là trì. Trì do chỉ mà thành, tức đối với các việc phi pháp ác nghiệp, không nên làm mà chẳng hề làm, đó là chỉ trì.

Tác trì, nghĩa là chuyên cần thúc liễm ba nghiệp thân miệng ý, tu tập giới hạnh, tức có việc thiện phát khởi thì phải hộ trì, nên gọi là tác. Tác đúng như pháp; thuận theo giới thể đã thọ, nên gọi là trì. Trì do tác mà thành, tức đối với những việc đúng như chánh pháp cùng nghiệp thiện, nên làm thì phải cố làm, đó là tác trì.

Chỉ phạm, tức do tâm ngu si giải đãi, ngã mạn, khiến hành ngược với giới thể đã thọ. Nơi các nghiệp thiện thù thắng, chẳng muốn tu học, nên gọi là chỉ. Chỉ mà có vi phạm, tức phản lại lời nguyện thọ giới, nghĩa là phạm. Phạm do chỉ mà thành, tức ngay nơi nghiệp thiện thù thắng phải nên làm mà không chịu làm, đó là chỉ phạm.

Tác phạm, tức là trong tâm đầy dẫy những chất độc tham sân, si, mạn, nghi, ác kiến. Tâm kích thích thân miệng, tạo cảnh vi phạm luân lý, đó gọi là tác. Tác mà

có vi phạm, tức ô nhiễm giới thể đã thọ, nên gọi là phạm. Phạm do tác mà thành, tức nơi nghiệp ác phi pháp không nên làm mà lại cố làm, đó là tác phạm.

Đối với những giới khinh trọng, khai giá trong tạng luật, quý vị phải nghiên cứu tu học kỸ càng. Hiện tại, không thể giảng thuyết tường tận. Những danh tự như thế, được gọi là giới tướng.

Bên trên, tuy phân làm bốn loại, nhưng thật ra chỉ là một. Chuyển phàm thành thánh, gọi là giới pháp. Tổng nhiếp nguồn tâm, gọi là giới thể. Tu tạo ba nghiệp, gọi là giới hạnh. Quán sát thấy khác mà phân biệt, gọi là giới tướng. Do pháp mà thành thể. Nhân thể mà khởi hạnh. Có hạnh tất y cứ vào tướng. Giới tướng tức là tướng của giới pháp, cũng là tướng của giới thể, và là tướng của giới hạnh. Pháp chẳng khác pháp, tức tướng là pháp. Thể chẳng khác thể, tức tổng tướng là thể. Hạnh chẳng khác hạnh, tức ngay nơi tướng mà thành hạnh.

Thế nên, người tu hành phải nghiên cứu tường tận giới tướng. Gọi là giới tướng, tức những tướng trì phạm mà trong luật đã nói rõ ràng. Những tướng trì phạm tuy nhiều, nhưng không ngoài tâm cảnh. Nghiệp ác do cảnh mà phát khởi, và không ngoài tâm mà thành. Giới thiện cũng không vượt ngoài cảnh mà phát, và không ngoài tâm mà sanh. Vì vậy, Nam Sơn luật sư Đạo Tuyên bảo:

- Trước khi chưa thọ giới, tội ác đầy khắp pháp giới. Nay muốn thọ giới, liền vượt qua cảnh ác, khởi thiện tâm. Đó là nhân phát khởi giới, khiến giới thể biến khắp pháp giới.

Thế nên, người đắc giới thể, tức vượt qua muôn duyên ác từ bao đời vô thủy, khiến đầy đủ giới thiện, chuyển hóa báo nghiệp khổ hữu lậu, trở thành pháp thân thanh tịnh. Quý vị phát tâm thọ giới, phải nên dụng tâm lành thiện.

7/ Những điểm giống nhau và khác nhau giữa giới luật Đại Thừa và Tiểu Thừa [^]

Giới vốn phân chia làm hai phần, giới đại thừa và tiểu thừa. Giới Bồ Tát gồm có mười giới trọng và bốn mươi tám giới khinh. Đây là giới Đại Thừa. Mười giới của sa di và sa di ny, cùng giới cụ túc của tỳ kheo và tỳ kheo ny, là giới Tiểu Thừa. Tuy là giới Tiểu Thừa, nhưng nếu người thọ giới phát tâm thượng phẩm thì đắc được giới thể thượng phẩm. Giới thể thượng phẩm này tương đồng với giới thể Bồ Tát, tức tam tụ tịnh giới của đại thừa. Nghiêm trì giới, cấm ngăn việc ác khởi lên, tức nhiếp luật nghi giới. Dùng trí huệ quán sát, tức nhiếp thiện pháp giới. Chẳng ngoài việc hộ trì giới, tức là nhiếp chúng sanh giới. Vì thế, ngay nơi đây, giới Tiểu Thừa tương đồng với giới Đại Thừa. Thế nên bảo rằng trong tu mật hạnh Bồ Tát, ngoài hiện tướng Thanh Văn.

Song, giới Thanh Văn vốn chế phục thân không phạm. Giới Bồ Tát chế phục tâm không khởi phạm. Vì vậy, việc kết giới và phạm giới giữa Tiểu Thừa và Đại Thừa không đồng. Trong bộ luật Thập Tụng, kết giới phạm giới không ước định nơi tâm, chỉ khi thân miệng động thì mới thành phạm; đây chính là giới Tiểu Thừa. Trong bộ luật Tứ Phần, kết giới và phạm giới ước định tại tâm. Nếu dùng niệm sau liên tục truy đuổi niệm trước, tức trở thành phạm giới; đây là thông giới Đại Thừa. Giới Bồ Tát kết phạm tối trọng, ước định tại tâm. Vọng tâm khởi lên, tức đã phạm giới. Đây chính là giới Đại Thừa. Tóm lại, chiếu theo giới luật Tứ Phần của Đại Thừa thì vừa khởi niệm là đã phạm. Chiếu theo luật Thập Tụng thì khi khởi động thân miệng, mới tính là phạm giới. Giới Đại Thừa và Tiểu Thừa, phân biệt rõ ràng như thế, phải nên nhận biết.

8/ Tam quy y, ngũ giới [^]

Không luận giới Tiểu Thừa hay Đại Thừa, tam quy y và ngũ giới là nền tảng căn bản. Đối với người tại gia hay xuất gia, tam quy y và ngũ giới là hai việc quan trọng tối cực. (Người tại gia chỉ giữ giới không tà dâm. Người xuất gia giữ giới hoàn toàn không dâm dục.)

Tam quy y, tức là quy y Phật, quy y pháp, quy y tăng.

Thứ nhất là quy y Phật. Chữ Phật, tiếng Phạn gọi cho đủ là Phật Đà; Tàu dịch là bậc Giác Giả. Gọi bậc Giác Giả vì Ngài đã giác ngộ hết tất cả sự việc, tức những việc quan hệ với nhân quả tương sanh tương diệt, mà không hạn cuộc vào các loại sự tướng nhân quả, cùng phát hiện sự trật tự tất nhiên của lý nhân quả. Thật thế, Ngài phát hiện những thứ tự của mười hai nhân duyên, như vô minh duyên hành, cho đến sanh duyên già bịnh chết. Từ đó, Ngài chứng ngộ được chân tướng sự và lý của vũ trụ. Vì thương xót chúng sanh chưa hiểu rõ chân tướng này, và đang bị trầm luân trong biển khổ sanh tử, nên Ngài dùng vô số phương tiện, dạy dỗ giáo hóa. Người thuận theo lý này thì tất nhiên sẽ cải thiện cuộc sống, nhiếp thu tư tưởng hành vi quay về nẻo chánh, khiến xa rời mọi khổ não, đạt đến sự an lạc.

Đó gọi là bậc Giác Giả. Phật Đà giác ngộ chân lý gì? Đạo giác ngộ vô thượng, không thể dùng lời nói mà hình dung được, chỉ đơn cử nghĩa lý để thuyết minh.

Các pháp đều do duyên khởi; tánh của chúng đều là không. Các pháp tức là tất cả sự vật. Duyên, tức là bao gồm cả nhân thân thuộc và duyên hỗ trợ. Duyên khởi tức khi các pháp sanh khởi, đều do nhiều nhân duyên giả hợp tạo thành. Ví như lúa là hạt giống, rồi do ruộng đất, mưa gió, ánh sáng, vật liệu, nhân công, cùng các loại duyên khác hợp lại, khiến sanh ra thóc. Tánh, được gọi là thể, tức thể tánh của các pháp, mà mỗi mỗi đều vốn tự như thế, vĩnh hằng bất biến, không do các loại duyên hợp thành. Tánh Không, vốn chỉ là lời nói, chớ ngộ lầm với việc không có chi hết.

Bất cứ sự vật nào sanh khởi, phải do các duyên hòa hợp tạo nên. Chúng vốn không được gọi là thể tánh cố định vĩnh hằng bất biến. Thể tánh không cố định vĩnh hằng bất biến, mà nhà Phật gọi là tánh Không. Do đó, tổ thứ mười bốn ở Ấn Độ, tức Bồ Tát Long Thọ, bảo:

- Nhân duyên sanh ra các pháp, tức vốn vô tự tánh. Pháp do nhân duyên sanh, Ta bảo chúng là "Không", cũng gọi là giả danh, cũng là nghĩa trung đạo. Chưa từng có một pháp, không từ nhân duyên sanh. Thế nên, tất cả pháp vốn là không.

Phật thuyết tánh Không, chẳng phải bảo rằng tất cả sự vật đều không có, mà thể tánh của chúng vốn không vĩnh hằng bất biến. Vì vậy, Phật Đà không phải là đấng chúa tể tạo ra muôn vật, mà Ngài là bậc triết nhân phát hiện ra chân lý sanh diệt liên tục của tất cả sự vật. Tuy chẳng phải là thần, nhưng vì lòng từ bi bao la, thương xót chúng sanh khổ nạn, nên Ngài dùng thần thông vô ngã để cứu hộ. Ngài là bậc vĩ nhân mang phước lạc đến cho chúng sanh. Suốt đời, chưa từng nghỉ ngơi, Ngài luôn giáo hóa và dẫn dắt kẻ ngu, phá trừ mê tín, khiến họ thoát khỏi bùn lầy ô nhiễm, quay về nơi thanh tịnh, tức xả si mê quy nơi bờ giác.

Thứ hai là quy y pháp. Pháp tức là lời lược thuyết của Phật, chỉ rõ chân tướng của sự vật cùng các hành vi chân chánh. Sự biểu hiện của hành vi cá nhân, quan hệ với đạo đức của nhân loại. Hành vi phân rõ tà chánh, thiện ác. Song, việc phê phán thiện ác, quan điểm và lập trường của mỗi người đều không đồng. Nếu muốn biết tiêu chuẩn xác thật, phải dùng đạo lý tự nhiên về sự tướng của nhân quả mà xem xét, và cũng phải y theo cách nhìn khách quan về sự phát triển hiện thực của quy luật tự nhiên, để phán đoán đúng sai.

Xưa kia, xã hội Ấn Độ phân thành bốn chủng tộc: Bà La Môn (tức Phạm Chí), Sát Đế Lợi (tức vua chúa), Phệ Xá (tức thương nhân), Thủ Đà La (tức người hạ liệt).

Những giai cấp tánh tộc này phân biệt rất nghiêm ngặt. Đại chúng bần khổ bị áp bức thống thiết mà không dám kêu ca. Cuộc sống khổ cực còn hơn loài vật. Song, đại chúng bần khổ kia lại nhận lầm rằng đó là do mệnh trời sắp đặt, tức đã được chủ định, không thể cải biến. Sau khi thành đạo nơi núi Tuyết Sơn, Phật Thích Ca Mâu Ni tự ta thán ba lần:

- Lạ thay! Tất cả chúng sanh đều có đầy đủ trí huệ đức tướng của Như Lai, và có khả năng hiểu rõ các pháp đều do duyên khởi, tánh vốn không. Tất cả chúng sanh, loài hữu tình và vô tình, đều có thể thành Phật.

Ngài kết luận rằng bốn chủng tộc trên đều xác thật bình đẳng, như các dòng sông đồng chảy về biển cả, mà không có tên con sông này, con sông nọ. Do đó, Ngài cực lực nhấn mạnh và chủ trương sự bình đẳng, đả phá phân chia giai cấp. Đây là dùng chân tướng của sự lý mà làm lệ chứng tiêu chuẩn đạo đức.

Thứ ba là quy y tăng. Chữ Tăng, tiếng Phạn gọi là Tăng Già; Tàu dịch là Chúng Hòa Hợp. Nhiều người cùng nhau sống chung một chỗ, hòa thuận, chí đồng đạo hợp, cùng tu hạnh tự lợi lợi tha.

Năm giới tức là giới không giết hại, ăn cắp, tà dâm, nói láo, và uống rượu.

9/ Mười giới, cụ túc giới, tam tụ tịnh giới [^]

Bên trên đã lược thuyết tam quy y ngũ giới. Nay bàn về mười giới của sa di, sa di ny, giới cụ túc của tỳ kheo, tỳ kheo ny, cùng Bồ Tát tam tụ tịnh giới. Mười giới và giới cụ túc đều nhắm vào việc tự lợi; nghĩa là cầu tự giải thoát cho chính mình, nên chỉ là hương thơm biểu thị. Giới Bồ Tát đa phần nhắm vào việc lợi người, tức tự rèn luyện thân tâm, để chuẩn bị xả thân cứu thế; tất nhiên là hương thơm cúng dường chư Phật. Người xuất gia, tức sa di và sa di ny, đều được dự vào giới phẩm

Cụ Túc; bên trong phải tu từ bi hòa nhã; bên ngoài phải đắp y khác người thế tục; cử chỉ hành động đều luôn theo oai nghi phép tắc; chuyên cần học tập luật nghi về giới sa di và sa di ni; cẩn trọng, chớ phóng dật. Tỳ kheo phải thường hành hai trăm năm mươi giới. Tỳ kheo ny phải hành ba trăm bốn mươi tám giới. Phòng cấm ba độc, điều phục bảy chi, đầy đủ ba ngàn oai nghi, tám muôn tế hạnh. Ba độc tức là tham, sân, si. Bảy chi tức là bảy chi phần của thân miệng. Thân có ba chi, khiến phạm giới giết hại, ăn cắp, dâm dục. Miệng có bốn chi, khiến phạm giới nói láo, nói lời thêu dệt, nói lưỡi hai chiều, nói lời ác độc. Nơi bốn oai nghi đi đứng nằm ngồi, đều đầy đủ hai trăm năm mươi giới, cộng thành một ngàn. Thời quá khứ, hiện tại, vị lai đều đầy đủ, nên cộng thành ba ngàn oai nghi. Nơi bảy chi của thân miệng, đều đầy đủ ba ngàn oai nghi, cộng thành hai mươi mốt ngàn. Nơi tham sân si cùng các đẳng phần, (khi tham khởi lên thì sân và si cũng theo nó mà khởi, nên gọi là đẳng phần) tức là trong bốn loại phiền não, nếu đều thanh tịnh không hủy phạm, tức là tám mươi bốn ngàn tế hạnh. Tám mươi bốn ngàn cũng chỉ cho con số lớn.

Trong giới luật, có một điều rất quan trọng, nay muốn nói rõ cho quý vị nghe. Trong giới bổn có cấm tỳ kheo tự tay đào đất, dệt vải. Hiện tại, chúng ta đang làm ruộng, dệt vải, vậy có phạm giới không? Chúng ta phải biết, việc chế giới luật của Phật, có hai loại tánh giới và giá giới. Thiên đầu là tội ba la di, tức tánh giới, cũng là giới căn bản; nếu phạm thì không thể sám hối được. Những giới khác, đều là giá giới; nếu phạm thì có thể sám hối. Người nghiên cứu kinh tạng, luật tạng, phải nên hiểu rõ tường tận về sự khác biệt giữa các giới khinh, trọng, khai, giá.

Đối với tánh giới, nếu làm thì vi phạm lý thể. Vô luận Phật có chế hay không chế, nếu làm thì phạm tội, như giết hại, ăn cắp, tà dâm, v.v... Giá giới, tức là lúc Phật chưa chế giới mà làm thì không có tội. Từ khi Phật chế giới ra, nếu làm thì thành tội, như giới đào đất dệt vải. Phật chế ra giá giới vì có nhiều nguyên nhân, như địa

thế, sự việc, thời tiết. Ví như lập ra giới không được đào đất và dệt vải, là vì muốn tránh sự hiềm nghi của người đời. Xã hội Ấn Độ thời xưa, hành khất thức ăn y phục, vốn là việc của người xuất gia. Nếu tự mưu tính việc ăn mặc, thì bị người đời hiềm nghi. Vì vậy, Phật phải chế ra giới này. Song, xã hội và phong tục tập quán các nơi không đồng; phải thuận theo địa thế, sự việc thời tiết mà chế giới. Do đó, không thể giữ giới cứng chắc. Trong luật Ngũ Phần, Phật nói:

- Tuy Ta chế giới như thế, nếu tại các nơi khác, không thể hành thanh tịnh, thì không nên ứng dụng. Tuy Ta chẳng chế giới, nhưng tại các nơi khác, nếu nên hành ở các nơi khác để sự tu hành được thanh tịnh, thì phải hành theo.

Do đó, xưa kia tổ Bá Trượng thấy hoàn cảnh nước Tàu và Ấn Độ không đồng, nên cử ra giới: "Ngày nào không làm thì ngày đó không ăn". Nếu Phật giáng sanh nơi xứ này, thì quyết chắc sẽ không chế giới đào đất, dệt vải. Thế nên, chúng ta làm ruộng dệt vải, chẳng phải phạm giới luật. Hy vọng trong khi tu trì, quý vị chớ nên bỏ phế việc lao động. Trong lúc lao động, cũng không nên quên việc tu trì. Cả hai việc đều có thể làm cùng một lúc. Đối với việc thọ trì giá giới, quý tại tuân thủ bổn ý chế giới của Như Lai, chớ nên tử thủ chấp chặt giới điều. Nếu hiểu được ý Phật, tuy tương phản điều văn, nhưng cũng gọi là trì giới. Nếu không hiểu được ý Phật, tuy tôn thủ giới điều, nhưng cũng thành phạm giới. Song, không thể vay mượn lời tôi, mà phá giới luật Phật chế. Muốn hiểu chi tiết, quý vị phải nghiên cứu và thâm nhập sâu vào tạng luật.

Giới Bồ Tát nhiếp hết ba tụ: Nhiếp luật nghi giới, nhiếp thiện pháp giới, nhiếp chúng sanh giới.

Thứ nhất, nhiếp luật nghi giới, tức là xa rời tất cả việc ác. Trong tụ giới này, chỉ tức là trì, và tác tức là phạm; phải thuận theo luật giáo mà hộ trì nghiêm túc, cẩn trọng chớ phạm.

Thứ hai, nhiếp thiện pháp giới, tức là tích tụ tất cả việc lành. Thân miệng ý đều lành; ba huệ văn tư tu, mười ba la mật, tám muôn bốn ngàn pháp trợ đạo, đều tu hành đến cứu cánh cùng cực. Nơi tụ này, tác tức là trì, chỉ tức là phạm; phải thuận theo giáo pháp mà hành, chớ hối hận, thối tâm.

Thứ ba, nhiếp chúng sanh giới, cũng gọi là nhiêu ích hữu tình giới, tức độ tận hết tất cả chúng sanh; dùng bốn môn vô lượng làm tâm, và dùng bốn nhiếp pháp làm hạnh. Bốn môn tâm vô lượng tức là từ, bi, hỶ, xả. Từ là ban vui. Bi là cứu khổ. HỶ là hoan hỶ vui mừng khi chúng sanh thoát rời mọi khổ não, và đắc pháp lạc sung túc. Xả là khiến chúng sanh hành hạnh Phật, đến nơi Phật địa, rồi khởi tâm xả bỏ.

Bốn nhiếp pháp, tức là bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự. Thứ nhất bố thí, tức là nếu có chúng sanh thích muốn tiền tài thì bố thí tiền tài; nếu thích nghe pháp thì bố thí pháp; nếu sợ hãi thì sẽ an ủi che chở, khiến họ sanh tâm thân ái, y theo mình mà thọ giáo học đạo. Thứ hai ái ngữ, tức là tùy theo chúng sanh lợi căn và độn căn mà dùng lời lành thiện khuyên lơn an ủi, khiến họ sanh tâm thân thiết, y theo mình mà học đạo. Thứ ba lợi hành, tức là khởi hành động lành thiện từ thân miệng ý, làm lợi ích chúng sanh, khiến họ sanh tâm thân mến mà thọ đạo. Thứ tư đồng sự, tức là dùng pháp nhãn quán sát căn tánh của chúng sanh, tùy theo ý thích mà thị hiện; lại nữa, cùng làm việc, tạo ích lợi, khiến họ thọ đạo. Nơi tụ này, tác tức là trì, chỉ tức là phạm.

Ngoài ra, lúc Bồ Tát phát tâm, phải phát bốn hoằng thệ nguyện:

Thứ nhất, chúng sanh vô biên thệ nguyện độ, tức là phát tâm Bồ Tát, hành đạo Bồ Tát, y theo giáo pháp, đoạn trừ ngã ái, hy sinh thân mình cho người, lấy tâm chúng sanh làm tâm mình, lấy khổ chúng sanh làm khổ của mình, thường hành bố thí bình đẳng độ khắp chúng sanh. Bồ Tát Địa Tạng bảo:

- Chúng sanh độ tận hết thì Ta mới thành Bồ Đề. Địa ngục chưa trống không, Ta thệ không thành Phật.

Thứ hai, phiền não vô tận thệ nguyện đoạn. Chúng sanh từ vô lượng kiếp đến nay, lưu lạc trong sanh tử, đều do chưa đoạn được phiền não. Phiền não do cội gốc sáu độc phát ra chi nhánh, tầng tầng lớp lớp vô tận. Cội gốc sáu độc tức là tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến. Từ đó, sanh ra giải đãi, làm biếng, phóng dật, đố kỴ, chướng ngại, hôn trầm, tán loạn, xiểm khúc, cuồng vọng, không biết xấu hổ, cùng vô số chi nhánh. Tuy phiền não rất nhiều, nhưng tổng quát không vượt ngoài hai sự chấp trước, tức là chấp ngã và chấp pháp. Chúng sanh vì chưa đạt được ý nghĩa đạo lý duyên khởi tánh không, nên vọng chấp thân tâm này là thật ngã, cùng phân biệt các pháp là pháp thật. Vì dùng chúng làm nhân, nên vọng lầm, khiến thọ quả khổ sanh tử. Thế nên, đức Thế Tôn thiết giáo phương tiện, tùy theo bịnh mà cho thuốc. Ngài thuyết ra vô lượng pháp môn, để trị vô tận phiền não của chúng sanh. Chúng ta phải y theo giáo mà phụng hành, thệ nguyện đoạn tận hết phiền não.

Thứ ba, pháp môn vô lượng thệ nguyện học. Bồ Tát vì muốn lợi ích khắp muôn loài hữu tình, nên nơi vô lượng pháp thế gian, xuất thế gian, đều tùy thuận tu học. Vì vậy, Bồ Tát luôn cầu học pháp ngũ minh. Một là thanh minh, tức hiểu rõ ngôn từ văn tự. Hai là công xảo minh, tức hiểu rõ tất cả công nghệ, chi thuật, toán số v.v... Ba là dược phương minh, tức hiểu rõ y thuật. Bốn là nhân minh, tức học về luân lý, để định quyết chánh tà, hoạch kiểm pháp chân ngụy. Năm là nội minh, tức

hiểu rõ tông chỉ của Phật. Vô luận pháp thế gian hay pháp xuất thế gian, khoa học, triết học, Bồ Tát phải đều học. Lục Tổ bảo:

- Phật pháp tại thế gian, không rời sự giác ngộ trong thế gian. Nếu rời pháp thế gian mà cầu Bồ Đề, thì như tìm lông rùa sừng thỏ.

Vì vậy, không phải chỉ nhắm mắt, ngồi xếp bằng, mà tính là tu hành. Gánh nước, chặt củi, cuốc đất, trồng rau, cho đến ăn cơm, mặc áo, đi đại tiểu tiện, đều là tu hành Phật pháp. Người xuất gia chớ nên đóng cửa làm xe, tử thủ một pháp.

Thứ tư, Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành. Phật đạo, tiếng Phạn gọi là Bồ Đề; Tàu dịch là giác. Giác tức là tự tánh linh giác. Giác tánh này nơi Thánh không tăng, nơi phàm không giảm, vốn tự viên thành, ai ai cũng có. Chư Phật thánh nhân, thị hiện thế gian, làm bậc đạo sư cho trời người, làm mô phạm cho đời hậu thế. Các ngài lại chỉ dạy chúng sanh rằng nếu rời vọng tưởng chấp trước, tức có khả năng thành Phật.

Lục Tổ bảo:

- Phải hướng vào trong tự tánh mà tìm Phật, chớ nên hướng ngoại truy cầu. Tự tánh ngu mê, tức là chúng sanh. Tự tánh giác ngộ, tức là Phật.

Chúng ta phải xả mê quay về giác, và thệ nguyện thành Phật đạo. Hoằng tức là thâm sâu và rộng rãi; nghĩa là thâm sâu đến tận cùng ba cõi, và rộng rãi biến khắp mười phương. Thệ tức là tự chế phục tâm mình. Nguyện tức là chí cầu đầy đủ. Bồ Tát phải phát những thệ nguyện như thế; chớ sợ, chớ thối tâm, chớ dao động, mãi đến tận đời vị lai, luôn dũng mãnh chuyên cần tu tập.

Hư Vân tôi bất quá chỉ thuyết lại những lời của Phật, để nhắc nhở kẻ hậu lai. Đức giáo chủ cõi Ta Bà, Phật Thích Ca Mâu Ni, là hòa thượng bổn sư của quý vị. Bồ

Tát Đại Trí Văn Thù là hòa thượng Yết Ma A Xà Lê. Bồ Tát Di Lặc, nhất sanh bổ xứ, là hòa thượng giáo thọ A Xà Lê. Bảy vị Phật trong đời quá khứ và mười phương chư Phật, là những bậc tôn chứng. Mười phương Bồ Tát là các bậc thầy dẫn lễ, cùng là pháp lữ đồng học của quý vị. Tuy tôi thọ thỉnh, nhưng chỉ là pháp sư giáo giới của quý vị, được gọi là hòa thượng Bỉnh Giới.

10/ Kết khuyến [^]

Lúc lên đàn thọ giới, quý vị mỗi người phải thành tâm khẩn thiết, lễ bái cầu thỉnh chư Phật, chư Bồ Tát từ bi gia hộ. Lại nữa, phải thỉnh mời chư thiên, long thần, tám bộ quỶ thần, đồng lâm đến đàn tràng hộ giới. Tôi sẽ vì quý vị mà tác pháp hồi hướng. Quý vị mỗi người tại nơi bổn xứ, phải thanh tịnh ba nghiệp, chăm chú nhất tâm; trong mười hai thời, y theo pháp mà lễ sám. Phải nên dũng mãnh tinh tấn, chớ tham ăn ngủ, khiến tự mất lợi ích. Song, không nên khổ nhọc quá mức, đến nỗi phải sanh bịnh. Khi tĩnh tọa, phải điều hòa thân thể: "Ngồi thẳng niệm nhớ thật tướng". Thật tướng tức là bổn tâm. Bổn tâm tức là Phật. Nếu vọng tưởng không sanh thì đắc tịnh giới. Nếu giới thanh tịnh thì đắc định. Định sanh tức phát huệ.

Phật thuyết đại tạng giáo, tức là giới, định, huệ. Nếu đắc được bổn tâm này, thì cành nhánh không bị hư hoại. Nếu luôn y theo đó mà hành trì, thì không uổng là giới tử của đàn tràng, lại cũng không phụ niềm hy vọng của tôi. Xin đại chúng, hãy cùng nhau phấn tấn. Những vị bên ngoài vào núi, ngày mai nên hoan hỶ trở về quê quán. Mỗi người phải tự hành trì.

XXIV. Thiền tông cùng Tịnh Độ tông [^]

(Vào năm 1955, cư sĩ Lương Hàn Chiêu vào núi, cung thỉnh Ngài giải thích nguyên nhân phát khởi sự tranh luận giữa Thiền Tông và Tịnh Độ tông. Dưới đây là lời giải thích về tông chỉ không hai khác của Thiền Tông và Tịnh Độ tông.)

Hỏi: Khi hỏi rằng tham thiền có bằng niệm Phật không, thì thiền sư Vĩnh Minh Diên Thọ đáp:

- Có thiền không Tịnh Độ, mười người tu, chín người lạc. Điển hình là Giới thiền sư, hậu thân làm Tô Đông Pha, cho đến Nhạc Đàng Tăng làm Thần Thị Tử Hội, v.v...

Đáp: Trong kinh Lăng Nghiêm, Bồ Tát Văn Thù sau khi chọn lựa pháp môn viên thông, liền thuyết kệ:

- Xoay về nguồn tánh vốn không hai, nhưng phương tiện lại có nhiều pháp môn. Thánh tánh không thể chẳng thông. Thuận nghịch chỉ là phương tiện.

Từ trong các pháp môn, Bồ Tát Văn Thù định ra nhĩ căn viên thông:

- Đây là phương tiện chân thật của giáo thể ở phương này, vốn được thanh tịnh tại âm thanh. Nếu muốn đạt tam ma đề (chánh định), phải dùng tánh nghe mà nhập vào.

Lại chỉ ra:

- Những phương tiện khác, đều do thần thông ứng hóa của Phật cảm nên. Hiểu sự liền bỏ trần lao, chẳng phải chỗ thường tu học.

Đối với niệm Phật tam muội, ngài Văn Thù bảo:

- Chư hành vốn vô thường, tánh chất của vọng niệm nguyên là sanh diệt, nay cảm thọ nhân quả sai biệt, sao được viên thông!

Trong quyển Tứ Liệu Giản, thiền su Vĩnh Minh viết: "Có Thiền không Tịnh Độ, mười người tu, lạc hết chín. Ấm cảnh hiện tiền, chớp mắt liền tùy nghiệp chuyển

sanh. Không Thiền có Tịnh Độ, muôn người tu, muôn người vãng sanh. Thấy Phật A Di Đà, sao lo không khai ngộ! Có Thiền có Tịnh Độ, ví như hổ thêm sừng; đời này làm thầy người, đời vị lai làm Phật Tổ. Không Thiền không Tịnh Độ, giường đồng cùng trụ sắt, muôn kiếp và ngàn đời, chẳng có nơi nương tựa".

Gần đây, người tu Tịnh Độ đa số đều cố chấp vào quyển Tứ Liệu Giản này, mà thật ít có ai nghiên cứu Kệ Viên Thông, để đối chiếu, nên họ đều hiểu lầm ngộ giải, khiến chẳng những phụ bạc Bồ Tát Văn Thù lại còn làm lụy đến thiền sư Vĩnh Minh. Tựu chung, đối với những pháp môn quyền thật, họ không thể dung hội quán thông, nên thấy pháp Thiền và Tịnh, như lửa với nước, và băng với than. Bàn về việc này, Hư Vân tôi không thể lặng thinh. Kiểm lại thì thấy rằng tổ Vĩnh Minh Diên Thọ sanh vào đời Tống, là con cháu của Dư Hàng Vương. Ngài là một trong ba vị tổ, có rất nhiều trước tác nhất ở Tàu. Trong cuốn Phật Tổ Thống Ký, quyển thứ hai mươi sáu viết: "Thời Ngô Việt Tiễn, Ngài làm quan thuế, nhưng thường dùng tiền của công khố, mua cua cá phóng sanh. Việc này bại lộ, nên bị bắt nhốt xử trảm. Ngô Việt Vương bảo quan quân:

- Nếu thấy sắc mặt của ông ta biến đổi thì hãy chém, bằng ngược lại hãy thả.

Khi sắp bị chém, sắc mặt Ngài vẫn bình thường, nên được tha mạng. Sau đó, Ngài theo thiền sư Tứ Minh Thúy Nham xuất gia. Ngài không đắp y phục tơ lụa, ăn không trọng mùi vị. Sau này, đến tham thiền với Thiệu quốc sư mà phát minh tâm địa... Kế đến, Ngài lên núi Trí Giả Nham, bốc thăm hai thẻ. Thẻ thứ nhất viết: "Suốt đời tu thiền định." Thẻ thứ hai viết: "Tụng kinh, hành muôn việc thiện, trang nghiêm Tịnh Độ".

Ngài lại thành tâm cầu khẩn, rồi bốc được thẻ "tụng kinh, hành muôn việc thiện, trang nghiêm Tịnh Độ", cho đến bảy lần.

Ngài là một vị thiền sư, đệ tử đời thứ ba của thiền sư Pháp Nhãn. Trước tác của Ngài có rất nhiều. Bài "Tâm Phú" và bài "Tâm Phú Lạc" giảng giải về việc minh tâm kiến tánh. Bài "Vạn Sự Đồng Quy" giảng giải về sự viên dung vô ngại của các pháp. Một trăm quyển "Tông Cảnh Lục", hoằng dương xiển lý "dâng cành hoa ngộ tông chỉ" của Thiền tông, cùng dung hợp giáo lý các tông pháp, quy về nguồn tâm.

Ở Nhật Bản, có mười ba tông phái. Ở Tàu, có mười tông phái. Bộ Tông Cảnh Lục lấy tâm làm tông, và lấy việc ngộ đạo làm pháp tắc. Lời lẽ tuy có sâu cạn, nhưng muôn pháp đều cùng phát xuất từ một cội nguồn. Những điểm vi tế đều phát xuất từ tâm. Dẹp tà trợ chánh, khiến người sau không đi lầm lạc.

Suốt đời, Ngài giảng thuyết rất nhiều, nhưng chưa từng bảo tu Thiền là dở. Ngài ngộ đạo từ Thiền tông, sao lại đi hoằng dương Tịnh Độ? Đối với người đại ngộ, pháp pháp đều dung thông; tham Thiền là tu đạo; niệm Phật cũng là tu đạo. Chúng ta lao động cuốc đất ở đây, cũng là tu đạo. Vì muốn cứu độ những người độn căn hạ liệt trong đời mạt pháp, nên cả đời Ngài hoằng dương pháp môn niệm Phật, và được người người tôn vinh là vị tổ thứ sáu của tông Tịnh Độ. Nơi chùa Tịnh Từ, tăng chúng kiến lập tháp kỶ niệm tôn thờ Ngài. Trong quyển Phật Tổ Thống Ký, viết: "Có vị tăng từ Lâm Xuyên đến, kể rằng lúc bị bịnh nặng, hồn nhập xuống cõi u minh, thấy vua Diêm La đảnh lễ trước tôn tượng của một vị

thánh tăng. Hỏi ra thì biết là vua Diêm La đang đảnh lễ tôn tượng thiền sư Vĩnh Minh Diên Thọ ở Hàng Châu. Ngài đã được vãng sanh vào hàng thượng phẩm thượng sanh ở cõi Tây Phương".

Phật tử Tàu lấy ngày mười bảy tháng chạp làm ngày vía Phật A Di Đà. Vậy họ y cứ theo kinh điển nào? Kinh A Di Đà thuyết: "Qua mười muôn ức cõi Phật về phía tây, có Phật hiệu là A Di Đà".

Vậy ai biết được mười bảy tháng chạp là ngày vía của Phật A Di Đà? Ngày này, vốn là ngày sanh nhật của thiền sư Vĩnh Minh, vì Ngài chính là Phật A Di Đà thừa nguyện hóa thân trở lại cõi Ta Bà.

Tứ Liệu Giản vừa viết ra, hai tông Thiền Tịnh liền khởi tranh luận. Người tu Tịnh Độ bảo:

- Có Thiền, không Tịnh Độ, mười người tu, chín người lạc.

Nếu chỉ tu theo Thiền tông thì không thể giải thoát khỏi sanh tử. Nếu chỉ tu theo tông Tịnh Độ thì "muôn người tu, muôn người được vãng sanh". Vừa tham Thiền vừa niệm Phật thì như "hổ mọc sừng". "Không Thiền không Tịnh Độ", là kẻ ác trong thế gian.

Người tu Tịnh Độ phê bình Thiền tông như thế. Ngày nay, họ vẫn còn náo nhộn không ngừng, tức thường bảo rằng tham Thiền là việc xấu. Họ lại dẫn chứng:

- Giới thiền sư, hậu thân làm Tô Đông Pha. Thanh Tảo Đường, hậu thân làm Tăng Lỗ Công. Tôn Trưởng Lão, hậu thân làm Lý Thị Lang. Nam Am Chủ, hậu thân làm Trần Trung Túc. Trí Tạng Mỗ, hậu thân làm Trương Văn Định. Nghiêm Thủ Tọa, hậu thân làm Vương Quy Linh. Thiền sư Tắc Thừa, hậu thân làm Hàn Thị Tử. Kính Tự Tăng, hậu thân làm Kỳ Phu Tử. Thiện Mân, hậu thân làm Đổng Ty Hộ Nữ. Hải Ấn, hậu thân làm Chu Phòng. Nhạn Đàng Tăng, hậu thân làm Tần Thị Tử Cối, do dựa quyền thế mà tạo các nghiệp ác. Những vị này, nếu xưa kia phát tâm cần cầu vãng sanh cõi Tịnh Độ, thì chắc sẽ không bị triển chuyển như vầy... Làm dân thường, làm người nữ, làm kẻ ác, hoặc chuyển thân làm quan thần, văn võ danh tiếng, nhiều không thể tính được. Ai ơi! Hãy nên vãng sanh qua cõi Tây Phương!

Theo tôi nhận thấy, hậu thân của người tu hành, bị "triển chuyển hạ liệt" do người chớ chẳng phải do pháp. Thời vua Đường Hy Tông, có cô kỲ nữ tại Đĩnh Châu, nơi miệng thường thoát ra mùi hương hoa sen. Một vị tăng nước Thục bảo:

- Cô này đời trước làm ni, thường tụng Pháp Hoa hơn hai mươi năm.

Tụng kinh Pháp Hoa mà triển chuyển làm thân kỲ nữ, không thể đổ lỗi cho kinh Pháp Hoa. Cũng vậy, hậu thân của các vị thiền sư làm thường dân, người nữ, kẻ ác, v.v... không thể đổ lỗi cho Thiền tông được. Ba mươi hai ứng thân của Bồ Tát Quán Thế Âm, tùy theo sở nguyện của chúng sanh mà hóa độ, hiện thân thuyết pháp. Vậy có thể nào bảo rằng ứng thân của Bồ Tát Quán Thế Âm cũng bị "triển chuyển hạ liệt" được không? Phật A Di Đà hóa thân làm thiền sư Vĩnh Minh. Hậu thân thiền sư Vĩnh Minh làm tổ sư Thiện Kế. Hậu thân của tổ sư Thiện Kế làm cư sĩ Vô Tướng Tống Liêm. Tổ sư Thiện Kế tại chùa Bán Dong Thọ Thánh, ngoài thành Sương Môn, ở Tô Châu, viết nguyên bộ kinh Hoa Nghiêm bằng máu. Sự nghiệp hoằng pháp của Ngài chỉ bằng phân nửa sự nghiệp của thiền sư Vĩnh Minh. Lúc làm quan, Tống Liêm ít khi hành việc thiện, nên không thể sánh bằng tổ sư Thiện Kế. Như vậy, có thể bảo rằng Phật A Di Đà cũng "triển chuyển hạ liệt" được không? Tần Thủ Tọa tu thiền, đốt một cây hương liền ngồi tịch mất, nên không được hứa khả nơi núi Cửu Phong. Đề Y Đạo Giả đến đi tự tại, nhưng núi Tào Sơn cũng không thừa nhận. Do những câu chuyện này, người tu hành tông Tịnh Độ thường phê phán tu theo Thiền tông là sai, mà chẳng chịu tìm hiểu kỸ càng. Núi Cửu Phong và núi Tào Sơn vốn là những nơi xuất sanh chư thiện tri thức chánh tri chánh kiến của Thiền tông. Phải nên chú tâm đến Thiền tông, chứ sao lại đánh giá thấp như thế! Hiện tại, có ai trong chúng ta, ngồi thiền mà thị tịch không? Chúng ta chưa sánh bằng Tần Thủ Tọa, Đề Y Đạo Giả, sao lại dám khinh mạt Thiền tông? Thật ra, tông môn có sâu cạn. Pháp môn Hiển giáo và Mật giáo cũng có đốn tiệm tà chánh. Pháp môn niệm Phật cũng lại như thế.

Bàn về sự khác biệt, có nhiều loại thiền định, như thiền ngoại đạo, thiền phàm phu, thiền Tiểu Thừa, thiền Trung Thừa, thiền Đại Thừa. Thiền tông ở Tàu là tổ sư thiền, hay thiền tối thượng, tức không đồng với các loại thiền khác. Song, người tu thiền trong đời mạt pháp, thật sự có tu lầm lạc, nên không lạ gì bị thiền sư Vĩnh Minh chê trách trong quyển Tứ Liệu Giản.

Vì quyển Tứ Liệu Giản này được lưu truyền trong thiên hạ rất lâu, nên khi xem qua, tôi không dám phê bình là sai lầm. Mắng trách "có Thiền, không Tịnh Độ, mười người tu, chín người lạc", có phải là Ngài phân Thiền Tịnh làm hai không? Người niệm Phật, nếu tâm tịnh thì cõi Phật thanh tịnh, tức thấy tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ. Thiền tông cùng Tịnh Độ tông vốn không hai. Song, người đời nay chỉ giới hạn, bảo rằng niệm Phật là tu Tịnh Độ, còn tham thiền là tu thiền.

Xưa kia, đức Phật vượt thành xuất gia, vào núi Đan Đặc tu đạo. Đầu tiên, Ngài tu theo ông A Lam Ca Lam ba năm, học thiền định bất dụng xứ, nhưng nhận biết đó chẳng phải là pháp cứu cánh. Kế tiếp, Ngài đến tu với ông Uất Đầu Lam Phất ba năm, học thiền định phi phi tưởng xứ, và cũng biết định này chẳng phải là tối thượng. Ngài lại đến núi Hương Tượng, cùng tu với ngoại đạo; ngày ăn một hạt mè, trải qua sáu năm... Kế đến, Ngài tới dưới cội cây Bồ Đề ngồi thiền trong suốt bốn mươi chín ngày đêm. Rạng ngày mồng tám tháng chạp, khi sao mai vừa chớp sáng, Ngài liền đại ngộ, thành đẳng chánh giác, rồi ta thán:

- Lạ thay! Tất cả chúng sanh đều có đầy đủ đức tướng trí huệ Như Lai. Vì vọng tưởng chấp trước, nên không thể chứng đắc.

Khi ấy, Thiền với Tịnh Độ xuất phát từ chỗ nào? Thuyết pháp trong bốn mươi chín năm trường, Ngài vẫn chưa cho đó là cứu cánh. Khi đưa cành hoa lên, mỉm cười phó chúc cho tôn giả Ca Diếp, Ngài cũng chưa từng nói một chữ "Thiền". Thiền

vốn là pháp môn tối thượng. Ví như sữa bò, ngày ngày bị pha trộn với nước, khiến dần dần mất chất tinh khiết. Người học Phật cũng như người thêm nước vào sữa. Thiền sư Vĩnh Minh thấy sữa Thiền đã bị nước thế tục hòa tan, nên bảo "có Thiền không Tịnh Độ, mười người tu, chín người lạc", chứ không phải nói rằng sữa Thiền sai lạc. Thiền sư Vĩnh Minh lên đảnh núi Trí Giả, bốc thăm giữa Thiền và Tịnh, rồi cầu được quẻ tu Tịnh Độ bảy lần. Nếu Thiền không hay, Ngài quyết không bốc thăm như thế. Nếu ưa chuộng pháp môn Tịnh Độ, thì Ngài đâu cần bốc thăm đến bảy lần mới quyết chắc. Điều này chứng minh rằng Ngài vốn ngưỡng mộ Thiền tông. Vả lại, Ngài xuất thân từ Thiền tông và là bậc pháp nhãn trong tông môn, có lý nào đi nói xấu Thiền tông?

Pháp tham thiền, phải nên quán chiếu xem bổn lai diện mục của mình trước khi cha mẹ sanh ra như thế nào. Mục đích chỉ cầu minh tâm kiến tánh. Người sau tu thiền sai khác với phương pháp này. Vừa đắc được vài cảnh giới thanh tịnh, hay thân thể được nhẹ nhàng, thì tự bảo rằng mình đã có công phu. Thật ra, đã bị dính nơi ấm cảnh. Họ nào biết rằng một niệm do duyên khởi, tức vốn vô sanh; nơi cột trụ trăm thước, phải nên tiến thêm một bước. Vì thế, ngài Vĩnh Minh bảo:

- Ấm cảnh hiện tiền, liền tùy nghiệp vãng sanh.

Ngược lại, niệm Phật vốn có nơi nương tựa. Song, Ngài không bảo rằng chẳng cần niệm Phật mà vẫn có thể "muôn người niệm, muôn người được vãng sanh", mà là phải chân thật tu hành pháp môn Tịnh Độ thì mới có thể thấy Phật A Di Đà. Nếu dùng câu "lúc thấy Phật A Di Đà, sao lo không khai ngộ", làm chỗ nương tựa, thì đây cũng là vọng tưởng sai lầm.

Trong kinh Lăng Nghiêm, ngài A Nan bạch Phật:

- Từ lúc theo Phật phát tâm xuất gia, con thường tự suy nghĩ rằng không cần tu hành mệt nhọc, chỉ nương oai thần của Phật, nhờ Như Lai ban ân huệ, sẽ cho thiền định tam muội. Nào biết rằng thân tâm vốn không thể tu thế được, nên khiến quên mất bản tâm của mình.

Phật Thích Ca không thể dùng oai thần lực mà ban ân huệ thiền định tam muội cho ngài A Nan được. Như vậy, Phật A Di Đà làm sao ban ân huệ thiền định tam muội cho mình được?

So sánh với vọng tưởng, ba độc, năm dục, thì chắc chắn niệm Phật là hay hơn. Như lúc mộng, nếu mơ thấy điềm lành, thì khi tỉnh dậy, tinh thần sảng khoái. Nếu mơ thấy ác mộng, thì khi tỉnh dậy, tâm tư bồn chồn sợ hãi mờ mịt. Thế nên, đui mù khởi vọng tưởng, không bằng nhất tâm niệm Phật. Nếu đạt đến pháp pháp đều dung thông, tức tu hành pháp cao tột "có Thiền có Tịnh Độ", thì như hổ vốn có oai thế, mà nay lại thêm sừng, càng gia tăng oai mãnh, khiến làm Phật Tổ dễ dàng. Lý này là lẽ đương nhiên.

Đối với người không có căn lành, tức không tin Thiền cũng không tin Tịnh Độ, chỉ hàm đồ mê mờ, thì "muôn kiếp cùng ngàn đời, chẳng có nơi nương tựa".

Suốt đời, tôi luôn khuyên người người nên niệm Phật. Song, tôi thật bất mãn những vị thường khuyên người chớ nên tu thiền. Mỗi lần nhớ lại kinh Lăng Nghiêm nói "tà sư thuyết pháp, như số cát sông Hằng", khiến tâm tư đau nhức. Nay tôi đem quyển Tứ Liệu Giản ra để lược bày. Hy vọng tất cả người tu hành, chớ nên thiên chấp vào văn cú của quyển Tứ Liệu Giản này, khiến vọng sanh phân biệt cao thấp giữa Thiền và Tịnh, thì mới không phụ lòng thiền sư Vĩnh Minh.

XXV. Phương tiện khai thị thuyết pháp vào ngày 19-10-1958 [^]

Cổ nhân bảo:

- Chớ đến những nơi chợ búa lợi danh. Ngủ trong núi cũng là vi diệu.

Người trên thế gian luôn bị danh lợi ràng buộc, triền phược tầng tầng lớp lớp. Bỏ được một tầng thì vẫn còn tầng khác. Tập khí xấu xa, giam cầm thân tâm, không thể nào xoay chuyển được. Người có giác chiếu thì không chạy theo lợi danh. Kẻ không giác chiếu, luôn chạy đuổi theo chúng. Vì vậy, con người có biết bao khó khăn hoạn nạn. Chư cổ đức thường nhắc nhở những vị tu hành:

- Tỳ kheo thường trụ nơi núi rừng thì Phật hoan hỶ. Ngược lại, tỳ kheo thường trú tại nơi ồn ào náo nhiệt thì Phật rất ưu sầu.

Thật vậy, chư tỳ kheo phải thường trú nơi A Lan Nhã. Sớ kinh Đại Nhật viết: "A Lan Nhã được gọi là nơi 'Ý Lạc', tức là nơi an lạc của hành giả không tịch. Bên ngoài chùa cất những am tranh theo hạn lượng, để ở một mình hay cùng vài ba người mà trú. Những am tranh đó, có thể do các thí chủ xây cất. Hành giả lại có thể ngồi bên dưới các gốc cây cổ thụ, tại những khoảnh đất trống".

Chư tỳ kheo thường trú nơi A Lan Nhã, chớ nên trú ở bên ngoài tự viện. Đó là hạnh bậc nhất trong mười hai hạnh Đầu Đà. Thành ấp chợ búa vốn là nơi trao đổi lừa ngựa, và là chốn của hai chữ danh lợi, khiến con người thường bị trần lao triền phược trói buộc; suốt ngày chỉ bận rộn trong thị phi khổ não.

Vì vậy, chư Tổ Sư xưa nay, phần lớn là cư trú nơi núi rừng. Thích Ca Thế Tôn xuất gia tu đạo, nơi Tuyết Sơn tu khổ hạnh trong sáu năm trường. Tại nhà hay tại thành thị chẳng phải là nơi tu hành sao, hà tất phải đến núi tuyết tu hành? Tháng chạp tuyết rơi, băng giá lạnh lẽo, vốn là lúc vạn vật thu mình. Núi sông đất đai đều biến thành thế giới kim ngân lưu ly, khiến muôn vạn màu sắc đều tan mất. Đó vốn là

cảnh giới của các bậc đạo nhân. Thật vậy, nơi Tuyết Sơn băng giá lạnh lẽo, khiến muôn niệm đều tan, nên không bị cảnh chuyển. Không trụ tại thế gian, nên gọi là xuất gia. Không khởi vọng tưởng, tức gọi là xuống tóc tu đạo. Thuở xưa, chư Phật đều đến núi tuyết để ẩn cư tu hành. Phàm phu chúng ta sao lại dám sống qua ngày tại thành ấp chợ búa nhộn nhịp. Chư cổ đức một khi đã trụ tại thâm sơn, thì không còn nhiễm duyên trần. Dẫu có ông hoàng đế nào đến thỉnh mời, các ngài cũng chẳng màng xuống núi.

Xưa kia, thiền sư Vô Nghiệp tại Phần Châu thường bảo rằng chỗ đắc chí bậc nhất của chư cổ đức là nơi am tranh thạch đá. Ngài thường dùng nồi đá nấu cơm rau đạm bạc. Trải qua ba mươi năm, Ngài chẳng đoái hoài đến danh lợi; niệm niệm chẳng còn nghĩ về tiền tài vật báu; quên hẳn người đời, thường ẩn tích nơi rừng sâu núi thẳm. Quân vương dầu có xuống chiếu thỉnh mời vào kinh đô, mà Ngài vẫn dửng dưng, không màng đi. Chư hầu thỉnh mời mà chẳng màng đến. Nào như chúng ta, mãi tham danh ái lợi, mờ mịt trên đường đời, như những thương buôn! Ngài nói được và làm được những điều này. Vua Đường Huệ Tông xuống chiếu triệu Ngài vào kinh đô, mà Ngài chối từ, lấy cớ là già bịnh. Khi Đường Mục Tông lên ngôi, vì ngưỡng mộ đạo cao đức trọng của Ngài, nên sai hai vị tăng lục là Linh Phụ và Đẳng Tê đến núi cung ngưỡng thỉnh mời vào kinh. Hai vị tăng lục đến, thưa:

- Hoàng Thượng lần này ân cần cung thỉnh hòa thượng vào kinh, chẳng khác bình thời. Xin Ngài hãy thuận theo thiên ý, chớ từ chối vì lý do bịnh hoạn.

Nghe thế, Ngài chúm chím cười, bảo:

- Bần đạo có đức độ gì mà phải lụy phiền đến thánh chúa. Xin mời quý vị hãy đi trước. Bần đạo sẽ theo sau.

Nói xong, Ngài đi tắm rửa cạo đầu. Đến tối, Ngài gọi các đệ tử như Huệ Âm, v.v..., bảo:

- Tánh thấy, nghe, hiểu, biết của các ngươi, thọ lượng đồng thái dương hư không, vốn không sanh không diệt. Tất cả cảnh giới, đều vốn tự Không-tịch. Không có pháp nào để chứng đắc. Kẻ ngu không liễu đạt, do cảnh làm mê hoặc. Một khi bị cảnh mê hoặc, thì lưu chuyển không cùng tận. Các ngươi nên biết, tâm tánh vốn tự có, chớ chẳng do tạo tác, ví như kim cương, không thể bị phá hoại. Tất cả các pháp, như bóng như âm hưởng, không có chi là thật cả. Kinh thuyết: "Chỉ có một sự thật. Còn hai tức chẳng phải chân. Thường hiểu tất cả đều là không, thì chẳng lụy tình đến vật chi". Đây là nơi dụng tâm của chư Phật. Các ngươi phải tinh cần hành theo.

Nói xong, Ngài ngồi xếp bằng mà thị tịch. Ngày làm lễ trà tỳ, mây ngũ sắc hóa hiện, mùi hương lạ vi diệu bay khắp bốn phương. Xá lợi của Ngài, sáng chói như châu ngọc. Vì không thích đến những nơi chợ búa lợi danh, mà tâm hoàn toàn tại đạo, nên Ngài đến đi tự do tự tại, chẳng hề bị sanh tử xoay chuyển. Người đời thì khác biệt.

Đời tôi rất khổ đau, nhiều nạn nhiều chướng, nhiều quỶ nhiều bịnh. Bao năm lừa lẫn ăn uống nơi cửa Không. Vào nam ra bắc, nên nay tâm rất hổ thẹn. Khi vừa sanh ra, mẹ tôi liền tạ thế. Tôi bất hiếu như thế; e sợ thiên lôi đánh chết, nên phát tâm vì mẹ mình mà tạo công đức, bằng cách lễ bái xá lợi Phật, triều bái núi Ngũ Đài để cầu ngài Văn Thù Sư Lợi gia hộ cho mẹ hiền. Tuy những việc đó chỉ là hướng ngoại truy cầu, nhưng cũng có đôi phần tốt. Lần thứ hai trở lại triều bái núi Ngũ Đài, tôi gặp quân Nghĩa Hòa Đoàn khởi nghĩa, vào năm 1900.

Lúc đó, tôi muốn đến Xiểm Tây, nhưng không được. Vừa trở lại Bắc Kinh thì gặp nạn liên quân tám nước vây đánh kinh thành, khiến Hoàng Đế, Hoàng Thái Hậu, cùng hoàng gia trong triều nội phải chạy lánh nạn. Mỗi ngày họ phải chạy bộ cả chục dặm, mà không có kiệu cán. Lúc đến huyện Phụ Bình, liền gặp tướng ở Cam Phiên là Sầm Xuân Huyên, dẫn ba ngàn quân đến hộ giá. Khi đó, tôi theo đoàn hộ giá đến ải Ngọc Môn, rồi qua Nhạn Môn. Nếu là thời bình, thì Hoàng Đế oai nghiêm lẫm liệt. Mỗi lần Hoàng Đế ra khỏi hoàng cung, thì pháo nổ báo hiệu chín lần. Đi trên đường, đều có quân hầu cận. Đường ra vào, không ai dám đi. Người người đều cung kính, mà không dám nhìn mặt vua. Lúc chạy tị nạn, Hoàng Đế lăng xăng vội vã, không còn ra vẻ oai nghi lẫm liệt, lại không có kiệu để ngồi; ăn khổ cực cũng được; ai gặp mặt cũng được; thường dân nói chuyện vãn cũng được. Chẳng có gì là tôn quý. Tất cả mọi việc đều xả bỏ được. Sầm Xuân Huyên vốn là quan tuần phủ của tỉnh Xiểm Tây. Khi đó, tại Bắc Kinh, Lý Hồng Chương nghị hòa với liên quân tám nước. Tại cửa Tây Hoa Môn, lập đài kỶ niệm đại sứ người Đức (bị phục kích chết). Liên quân lại yêu cầu phải để tám cái đầu người Tàu tại mộ phần của ông đại sứ người Đức. Sắp xếp mọi việc xong, Lý Hồng Chương liền thỉnh Hoàng Đế trở về Bắc Kinh.

Lúc ấy, tôi đang ở tại Xiểm Tây, trú nơi chùa Ngọa Long. Từ sáng đến tối, qua lại với quan lại tể tướng, phiêu bạc trong danh lợi, phiền phiền não não. Công phu có khi được thọ dụng, nhưng cũng có lúc đi đứng nằm ngồi lại bất an. Thường lo sợ vì nếu lỡ nói sai lời thì đầu lìa xác. Quý vị thấy không! Nơi danh lợi, có chi là tốt đẹp! Vì sợ lụy phiền não, nên phải vào núi Chung Nam, tu hành ẩn danh. Song, ẩn không được, lại phải vào núi Thái Bạch. Núi cao một trăm tám mươi dặm. Trèo lên núi đó, vẫn gặp người khác, nên tôi không thể trụ được, rồi lại chạy đến Vân Nam, muốn làm người vô sự. Chẳng bao lâu, thị phi phiền não lại đến. Thiên hạ chiếm đoạt tài sản tự viện, nên đại chúng thúc tôi lên Bắc Kinh bày tỏ sự tình. Lại thỉnh

Kinh Tạng, khiến thêm nhiều thị phi. Nhân vì nhớ tình hộ giá lánh nạn lúc xưa, Hoàng Đế lại ban phát tặng phẩm, khiến tôi phải lọt vào hố danh lợi nữa. Vì có liên hệ mật thiết với triều Mãn Thanh, nên lúc chánh phủ Dân Quốc vừa thành lập, tôi trở thành kẻ cừu địch. Tướng Lý Căn Nguyên phái quân vào núi tìm tôi. Trên núi, tổ sư Ca Diếp hiển hiện điềm linh ứng, nên thoát được đại nạn. Sau này, tại Thượng Hải tôi thành lập Tổng Hội Phật Giáo, thiết lập pháp hội Cầu Thế Giới Hòa Bình, Tiêu Tai Miễn Nạn, rồi lại vào kinh đô để gặp Tôn Trung Sơn, Vương Thế Khải. Kế đến, tôi thiết lập phân hội Phật giáo tại vùng Quý Châu, Vân Nam, Tây Tạng. Điên ba đảo bốn, chánh phủ cũ tan rã, chánh quyền mới lên chấp chính. Họ lại nghi tôi là đảng viên của chánh phủ cũ, vì lúc xưa thường qua lại với đảng Quốc Dân tại Trùng Khánh và chủ tịch Lâm Sâm. Sau ba mươi năm, hiệp ước bất bình đẳng ký kết với liên quân tám nước được hủy bỏ. Quân Nhật vừa đầu hàng, Trung Quốc chiến thắng. Lý Nhậm Triều làm tướng đóng doanh trại tại Quế Lâm. Tôi lại vào nơi danh lợi, rối rắm mù mịt, nên dẫn đến hoạn nạn tại Vân Môn. Tại Hồ Bắc tôi lại phải xuất đầu, rồi ra bắc vào kinh đô dâng kiến nghị. Vừa rời Bắc Kinh, chánh phủ lại bảo tôi phải trở lại kinh đô. Ngồi trên lưng cọp, chẳng biết nước cờ chết. Hiện tại, họ lại bảo tôi vào kinh nữa. Bộ nội vụ phái người đến mời, mà tôi không đi. Vì họ yêu cầu, nên nhờ hai vị là Từ Tạng và Tánh Phước, đại biểu tôi để ra bắc. Song, hai vị này lại chẳng chịu đi; hôm qua họ gởi thơ đến khước từ. Tâm tôi chán chường. Nhớ lại lời người xưa thường nhắc nhở là chớ chạy vào chốn danh lợi; dẫu ngủ trong núi cũng là điều vi diệu lắm rồi. Song, dầu có hối hận nhưng đầu đã lộ, thì thật vô ích. Người người ai cũng muốn kết giao qua lại với những nhà quyền quý, nhưng họ nào biết phước họa thường đi đôi, như hình với bóng. Xin khuyên quý vị trẻ tuổi, phải nên sớm nỗ lực dụng công, đạo tâm kiên cố, chớ nhiễm thế pháp, cùng nơi trường danh lợi.

Làm người trên thế gian thật không phải chuyện dễ. Xưa kia, thiền sư Khuê Phong Tông Mật, vốn là đệ tử đời thứ tư của ngài Thần Hội. Ngài có duyên lành với tông Hoa Nghiêm. Vừa xem qua sớ sao của quốc sư Thanh Lương liền tôn sùng trì phụng. Sau này, Ngài làm môn đệ của quốc sư Thanh Lương, rồi trở thành tổ thứ năm của tông Hoa Nghiêm. Khi ấy, quốc gia tôn sùng Phật pháp. Vì ngài Thanh Lương làm quốc sư, nên ngài Khuê Phong cũng được trọng vọng. Do đó, ngài Khuê Phong thường qua lại với các nhân sĩ đại phu. Đương thời, Lý Phác Mạc tạo phản với triều đình, nhưng thất bại, nên chạy đến chùa của ngài Khuê Phong lánh nạn. Vì nghĩ tình thân hữu xưa kia, nên ngài Khuê Phong muốn cho ông ta lưu lại để lánh nạn, nhưng đại chúng trong chùa lại không chuẩn y. Vì vậy, ông Lý Phác Mạc phải rời chùa, nhưng khi đến Phượng Tường lại bị bắt chém. Về sau, Khuê Phong cũng bị bắt vì án quan bảo rằng Ngài qua lại với nghịch thần. Nơi phán đường, ngài Khuê Phong chẳng run sợ, bảo:

- Đối với oán thân, nhà Phật đều xem bình đẳng. Hễ thấy người bị nạn thì phải ra tay cứu giúp. Hôm nay, tôi thật có tội. Vậy hãy y theo pháp luật mà trừng phạt.

Đại trượng phu luôn có tinh thần vô úy. Có việc gì thì nói rõ việc đó. Khi phạm tội, không chạy trốn hình phạt. Vua quan thấy việc khó xử, nên tha cho Ngài. Sau này, các Phật tử có thành kiến, nên không thích Ngài. Song, cũng có người bảo rằng việc làm và sự đến đi của Ngài phân minh rõ ràng. Chúng ta không có công phu, chí hướng, và lòng can đảm như Ngài. Đời tôi đã từng trải qua bao hiểm nạn gian nguy. Quân lính liên quân tám nước đã từng chĩa súng vào đầu tôi. Khi Lý Căn Nguyên dẫn binh lính vào núi tìm tôi, bảy tám trăm người xuất gia đều bỏ chạy trốn, chỉ còn lại một mình. Tướng quân thổ phỉ là Dương Thiên Phúc và Ngô Học Hiển gặp tôi liền tra khảo đánh đập. Sau này, Đường Kế Phiêu cùng Long Vân khởi chiến sự. Tăng chúng chùa Vân Môn bị bắt bớ, nên trách tôi không phân biệt cừu địch hay bạn hữu. Người Dân Quốc trách tôi thường qua lại với Hoàng Đế,

quan lại đại thần của triều Mãn Thanh. Làm sao tôi phân rõ ai là bạn, ai là giặc? Họ có phân chia cách nào cũng đúng. Cuối cùng, họ lại tha tội cho tôi. Lần này, tôi không muốn vào kinh đô, nhưng các đệ tử ở khắp nơi gởi thư đến trách rằng tôi không biết thời cuộc, và không đoái hoài gì đến Phật pháp. Nghĩ đến những việc lộn xộn những khi vào kinh đô thuở xưa, nên tôi không muốn đi. Song, dầu không muốn vào kinh cũng chẳng được. Hiện tại mọi việc đã được an bày. Chiếc đại y vẫn được bảo tồn. Quy củ giới luật tại các tùng lâm vẫn còn gìn giữ. Tôi không muốn đi ra bắc nữa, vì tuổi già sức yếu lại thường bịnh hoạn, thân thể đang rã rời. Xin quý vị hãy cẩn trọng!

(Phụ chú: Xin xem lại tiểu sử và cuộc đời tu hành của ngài Hư Vân trong quyển 'Đường Mây Trên Đất Hoa').

XXVI. Biểu tướng của Tăng Đồ trong đời mạt pháp [^]

Người thế tục có câu:

- Tú tài là tội nhân của Khổng Tử. Tăng sĩ là tội nhân của Phật đà.

Lời của người xưa thật rất thâm thúy. Làm mất sáu nước là do người của sáu nước, chứ chẳng phải do người nước Tần. Làm nước Tần tan rã là do thân tộc nhà Tần, chứ chẳng do thiên hạ. Diệt Phật pháp là do tăng sĩ. Hôm nay, để bày tỏ nỗi lòng uẩn khúc, tôi tự hỏi tự đáp những lời như sau.

Hỏi: Hiện tại có thể sửa đổi năm tháng Phật lịch, tức không dùng mồng tám tháng tư là ngày làm lễ Phật đản sinh được không?

Đáp: Vận pháp của Phật Thích Ca có ba thời kỳ là chánh pháp, tượng pháp, và mạt pháp. Đời chánh pháp có một ngàn năm, và đời tượng pháp cũng có một ngàn năm. Mạt pháp có mười ngàn năm. Đời chánh pháp và tượng pháp đã qua. Hiện nay là

đời mạt pháp và đã qua chín trăm năm tám mươi hai năm. Thật ra, không có mạt, vì pháp làm sao mạt được? Nếu thường được nhiều người ủng hộ, thì Phật pháp trường tồn muôn năm. Sự tướng có phân biệt là chánh pháp, tượng pháp, và mạt pháp. Song, nếu con người chân chánh thì thời mạt pháp cũng là chánh pháp. Nếu tự sanh thối thất, thì tuy là đời chánh pháp, nhưng đã trở thành mạt pháp.

Kinh Mạt Pháp thuyết rất nhiều biểu tướng suy vi, mà hiện nay đã xuất hiện: Tăng cưới vợ; ni lấy chồng; sắc y ca sa biến thành màu trắng. Người bạch y (cư sĩ) ngồi trên tòa, còn tỳ kheo ngồi dưới tòa. Lúc con người thọ mạng khoảng ba mươi tuổi, thì pháp Đại Thừa sẽ bị diệt mất. Lúc con người thọ mạng chỉ còn hai mươi tuổi, pháp tiểu thừa cũng bị diệt luôn. Lúc thọ mạng của con người là mười tuổi, thì chỉ còn sáu chữ "Nam Mô A Di Đà Phật". Trong đời mạt pháp, tất cả pháp của Phật thuyết ra, đều bị hoại diệt, mà đầu tiên là kinh Lăng Nghiêm, rồi đến kinh Ban Chu Tam Muội. Ví như ông Âu Dương Cảnh Vô dùng kiến giải của mình, viết trăm lời ngụy thuyết, để phản đối bộ kinh Lăng Nghiêm. Tại Hồng Kông, có ông pháp sư nọ, bảo rằng kinh Hoa Nghiêm, Viên Giác, Pháp Hoa, Đại Thừa Khởi Tín Luận, v.v... đều là ngụy giả. Đây là biểu tướng của đời mạt pháp.

Đời quá khứ, Phật Ca Diếp vừa nhập diệt, chư thiên liền thu góp ba tạng thánh giáo của Ngài, mà kết thành tam tạng kinh điển, rồi lập tháp cúng dường. Trong đời Đường, chư thiên xuống mách bảo luật sư Đạo Tuyên là thánh giáo tam tạng cùng kinh tượng của Phật Ca Diếp vẫn còn lưu giữ tại kho tàng thánh tích ở núi Chung Nam, tức Nam Cao Tứ Đài. Hiện tại, có mười ba vị Bồ Tát hàng Viên Giác, đang thủ hộ trong đó. Ngày nay, vào mỗi tháng chạp, dân chúng địa phương thường nghe tiếng chuông khánh vang dội trên hư không.

Lúc trước, liên hội Phật Giáo Trung Quốc vừa được thành lập. Trong những lần luận nghị, có người bảo Phật pháp đã diệt tận. Thật ra, đó là người Phật tử tự diệt.

Chánh phủ không màng Phật tử đã diệt hay không, chỉ phái người đến làm chủ tọa các buổi thảo luận. Trong những buổi thảo luận, có các Phật tử phân vân rối rít bàn tán rằng trong kinh giáo, có các bộ kinh hại chết rất nhiều thanh niên nam nữ như kinh Phạm Võng, Tứ Phần Luật, Bá Trượng Thanh Quy, nên phải hủy diệt thủ tiêu. Họ lại bảo rằng ba y ca sa, vốn là áo quần của dân chúng đời Hán, chứ chẳng phải là tăng y. Hiện tại, tăng sĩ nên cải cách, chẳng cần đắp ba bộ ca sa. Nếu vẫn còn đắp mặc, tức là bảo thủ phong kiến, chống đối lại chế độ mới. Họ lại bảo rằng vì tín giáo tự do, nên tăng ni có quyền tự do lập gia đình, ăn thịt uống rượu. Vừa nghe qua những lời ngược ngạo, tà tri tà kiến, tôi phản đối dữ dội, chẳng nệ hà họ là người gì. Họ lại không thừa nhận ngày Phật đản sinh là mồng tám tháng tư. Tôi liền căn cứ theo bổn pháp nội truyền, cùng những lời đối đáp giữa pháp sư Ma Thắng và vua Minh Đế để cải chánh như sau:

- Phật Thích Ca Mâu Ni giáng sanh vào mồng tám tháng tư, thuộc năm giáp dần, tức nhằm đời Chu Chiêu Vương thứ hai mươi bốn tại Trung Thổ.

Theo sách vở đời Ngụy, sa môn Đàm Mô Tối bảo:

- Phật giáng sanh vào mồng tám tháng tư năm thứ hai mươi bốn của triều vua Chu Chiêu Vương, và nhập diệt vào ngày mười lăm tháng hai năm thứ năm mươi hai của triều vua Mục Vương. Năm tháng Phật đản sanh và nhập Niết Bàn, hầu hết các triều đại quân chủ đều tuân phụng như nhau mà không sửa đổi.

Đời vua Chu Chiêu Vương, năm Giáp Dần, cách ngày nay (1952) khoảng hai ngàn chín trăm tám mươi hai năm. Hiện tại, họ muốn sửa thành hai ngàn năm trăm lẻ hai năm. Ông Khổng Tử vốn sanh sau Phật, nhưng họ lại muốn sắp đặt ngày sanh của Khổng Tử trước Phật. Trong buổi hội nghị đó, tôi cùng họ tranh luận về giới luật, niên hiệu, tăng y và bảo rằng không thể hủy hoại. Hai tôn giả Mã Thắng và Trúc

Pháp Lan đem giáo lý của Phật đà từ Thiên Trúc sang Trung Thổ. Khi đó, Phật mới vừa diệt độ. Đương thời, phía đông chùa Bạch Mã có ánh sáng lạ kỳ chiếu vào ban đêm. Tôn giả Mã Thắng bảo rằng xưa kia vua A Dục đã từng sai người mang xá lợi của Phật đặt để nơi đó. Nghe điều này, vua Minh Đế liền sai người dựng tháp cúng dường. Bấy giờ tăng sĩ cùng đạo sĩ thi thiết pháp thuật. Tôn giả Mã Thắng hiện thần thông biến hóa quảng đại, phi thân trên không trung. Ngài Trúc Pháp Lan xuất đại pháp âm, tuyên dương Phật pháp. Thần thông trí huệ diệu dụng của hai tôn giả, dầu kể suốt bao năm tháng cũng không thể hết. Chư cao tăng sau này như ngài Cưu Ma La Thập, Huyền Trang, Đạo Tuyên, v.v... tuy thuyết pháp bao ngôn từ, mà không bao giờ xác quyết sửa đổi cải biến ngày Phật đản sinh. Vào năm Dân Quốc thứ hai, cư sĩ Chương Thái Đàm cùng các vị khác, chiêu tập khai mở đại pháp hội Vô Giá tại chùa Pháp Nguyên, Bắc Kinh. Trong lần đó, họ cũng thảo luận về ngày Phật đản sinh, và đồng nghị quyết rằng mồng tám tháng tư là ngày Phật đản sinh. Hiện tại, hầu hết các quốc gia trên thế giới đều dùng dương lịch. Song, chánh phủ cũng chưa bảo rằng Phật giáo đồ nên sửa đổi từ âm lịch sang dương lịch. Tôi chủ trương là chúng ta phải ứng dụng theo Phật Lịch, vậy có được hay không? Đó là tôn kính giới luật và giáo pháp của bậc cổ nhân, mà không thể sửa đổi. Họ lại ương ngạnh bảo rằng mồng tám tháng hai, mồng tám tháng tư, ngày mười lăm tháng hai, vốn là ngày kỶ niệm tổ tiên. Họ muốn đổi ngày Phật đản sinh từ mồng tám tháng tư qua rằm tháng tư. Kinh Phạm Võng thuộc thời Hoa Nghiêm và Tứ Phần luật thuộc thời A Hàm. Họ đều muốn hủy bỏ. Thanh Quy của Tổ Bá Trượng, từ đời Đường cho đến ngày nay, thiên hạ đều phụng hành, mà họ lại muốn sửa đổi. Tăng y ca sa từ đời Hán đến nay, họ cũng muốn cải đổi. Quý vị xem coi, có phải là đời mạt pháp không? Vì vậy, tôi phải tranh luận với họ, mà bảo rằng nếu các ông muốn cải đổi thì phải tự cải đổi chính mình.

Phật đà vốn là người Ấn Độ. Ở Ấn Độ, một năm chia làm ba quý. Mỗi quý là bốn tháng. Nước Tàu mỗi năm chia làm bốn quý. Mỗi quý chia làm ba tháng. Nước Tàu có phân hiệu niên giáp, mà nước Ấn Độ lại không có. Vì vậy, chớ nên hàm đồ thay triều đổi niên đại không rõ ràng. Ngài Huyền Trang ở Ấn Độ mười tám năm, mà chưa từng xác định niên đại. Trải qua hơn hai ngàn năm, người xưa thường cử hành lễ Phật đản vào mồng tám tháng tư. Nếu sửa đổi thì rất bất tiện. Chúng ta là ai, mà lại dám tự sửa đổi?

Tôi bàn luận với Lý Nhậm Triêu là những Phật tử xấu xa này, muốn cải đổi giáo chế của Phật đà. Nếu chánh phủ không tự chủ, dung túng những kẻ này, tạo những việc xằng bậy, thì Phật tử quốc tế sẽ sanh tâm hồ nghi.

Đối với những kẻ manh tâm xằng bậy cải đổi quy chế giới luật Phật giáo, Lý Nhậm Triêu cùng các người khác khuyên tôi hãy nên nhẫn nhục với họ. Chánh phủ thấy việc tranh cãi lộn xộn, liền hỏi han về lý do muốn sửa đổi giới luật quy chế Phật giáo. Có người bảo rằng tăng ni phải nên mặc y hoại sắc. Chánh phủ hỏi rằng y hoại sắc là như thế nào? Năng pháp sư đáp rằng ca sa vốn là y hoại sắc, còn những y phục khác thì không phải. Mọi người nghe lời phân trần rõ ràng này, quyết định giữ lại y ca sa hoại sắc, hủy bỏ ý kiến của những kẻ muốn cải đổi tăng bào. Tôi bảo rằng lời nói của Năng pháp sư là không sai. Tiếng Phạn gọi là Ca Sa. Tiếng Tàu gọi là y hoại sắc. Y ca sa có ba loại là y năm điều, y bảy điều, và đại y. Lại có một khỏa y và một cái quần. Chư tăng Ấn Độ dùng ba y và một cái quần tức là y khố chúng ta đang mặc ở nước Tàu. Những y ca sa và quần này luôn luôn mặc trên thân. Ngủ cũng mặc, mà chết cũng không rời. Tại Ấn Độ khí hậu nóng nực nên chỉ cần có ba y ca sa là đủ. Tại Tàu khí hậu lạnh lẽo, nên trong mình còn phải mặc thêm y phục thế tục, nhưng không được mặc y phục có nhiều màu sắc rực rỡ, mà phải nhuộm thành y hoại sắc. Nếu đi ra ngoài làm việc Phật sự thì phải đắp y ca sa. Y ca sa không thường đắp, nên khiến người nhìn khởi tâm tôn kính. Các triều đại

như Tống, Kim, Nguyên đều sửa đổi y phục khác với đời Hán. Tăng nhân đến hôm nay vẫn chưa từng sửa đổi, tức dùng y ca sa đời Hán làm tăng y. Đó gọi là đại y ca sa, cũng là y hoại sắc. Nếu cho rằng mặc loại y ca sa này khiến đi đứng bị hạn chế, thì không nên cải đổi. Nếu cải đổi tăng y thì ranh giới giữa tăng nhân kẻ tục khó phân định. Nghe những lời tôi phân trần, chánh phủ đồng ý tán trợ, và lại bảo rằng Phật luật Tổ quy không thể sửa đổi, mà phải giữ gìn bảo hộ.

Sau đó, chánh phủ gọi tôi vào kinh đô, tiếp đãi các thân hữu Phật giáo quốc tế.

Tạm cáo kết cuộc. Quý vị thấy không, có phải là tăng sĩ tự hủy hoại Phật pháp chăng? Lão già Hư Vân này vô lực khuông phò Phật pháp. Ngưỡng vọng đoàn thể tăng già chánh tri kiến, đồng tránh khỏi những phong ba bão táp, thì Phật pháp mới không bị hủy diệt.

XXVII. Mười hai bài kệ tham thiền [^]

"Tham thiền chẳng huyền bí "Tham thiền không học vấn
Thể hội tận căn nguyên Học vấn tăng thấy nghe
Ngoài tâm chẳng có pháp Ảnh hưởng không kham truyền
Sao bảo trời ngoài trời". Ngộ đến dư là thừa".
"Tham thiền không nghe nhiều "Tham thiền chớ nói rỗng
Nghe nhiều thành thiền bịnh Người nói khách ngoài cửa
Thương thay Quán Thế Âm Nhiều vị bảo đạt thiền
Nghe lại tự tánh mình". Chứng rùa thành ba ba".
"Tham thiền không nên nói "Tham thiền tham tự tánh
Lúc nói không chỗ che Nơi nơi thường tùy thuận
Lúc chứng bằng hư không Lại chẳng giả mài giũa
Nói bụi cùng thuyết trần". Gốc vốn thường thanh tịnh".

"Tham thiền như tìm báu "Tham thiền pháp thức tu
Lúc vào núi nhà tìm Bảo quyết khỏi sanh tử
Gặp kho hiện trước mặt Tử tế đưa lên xem
Nhất định sẽ liễu đạo". Cười ngã lão Hàn Sơn".
"Tham thiền phải nghi nhiều "Tham thiền không nói thiền
Nghi lớn tuyệt đường rẽ Chỉ mê mới thuyết thiền
Đạp đổ Diệu Cao Phong Tâm này nếu chưa ngộ
Thì trời bay đất đổ". Phải gấp mau tham thiền".
"Tham thiền không thân sơ "Tham thiền không giai cấp
Mới là trân gia bảo Mau siêu lên đất Phật
Mắt tai thân mũi lưỡi Tích trượng vừa đưa lên
Diệu dụng thật khó bàn" Liền thấy nghĩa đệ nhất".

XXVIII. Bài ca đi, đứng, nằm, ngồi [^]

Đi trên núi,
Đạp nát đảnh đầu mây.
Hồi quang phản chiếu,
Đại địa chẳng có tấc bụi.
Đứng trên núi,
Cắt đoạn đường sanh tử.
Trọn mắt mà nhìn,
Ngàn thánh chẳng thèm ngó.
Ngồi trên núi,
Suốt ngày chỉ như thế.
Ngồi nát bồ đoàn,
Không dạy trẻ con đọa.
Nằm trên núi,

Cỡi lừa cỡi ngựa qua.
Ta chủ nhân ông,
Không mộng vẫn sáng soi".

Phụ chú [^]

1/ Đại lão HT. Hư Vân tiếp nối mạch nguồn năm phái Thiền [^]

Vào mùa hè năm giáp tuất, có các trưởng lão và cư sĩ từ núi Quy Sơn đến gặp Ngài ở tại chùa Nam Hoa, như trưởng lão Nam Ngạc Bảo Sanh, thủ tọa Cửu Thành Liễu Chiếu, cư sĩ Tế Khoan Huệ ở thành Trường Sa, v.v... Họ là những vị tuổi cao lạp lớn, được chư sơn trưởng lão cung kính tín nhiệm. Vì thấy tông môn không có người thừa kế, tổ đình xiêu sụp, hoang tàn, họ đồng quyết định, đến thỉnh mời Ngài qua núi Quy Sơn để trùng tu tự viện, cùng kế thừa và phục hồi tông Quy Ngưỡng, hầu mong mạch pháp năm tông phái của Thiền tông được nối tiếp dài lâu. Vì thật khó từ chối, nên Ngài phải nhận lời. Tra cứu kỸ càng, nhận biết tông này do tổ Linh Hựu khai sáng, rồi truyền đến đời thứ tư, thiền sư Tư Phúc Như Bảo. Từ đó, tận hết hai mươi chữ truyền tông Quy Ngưỡng. Cuối cùng là chữ "Diệu", rồi không còn chữ nào tiếp dòng truyền. Song, theo sử sách thì dòng Quy Ngưỡng vẫn còn truyền đến hai ngài Tam Ngư Chí Khiêm và Hưng Dương Từ Đạt thuộc đời Tống, thì ngừng. Có thuyết nói rằng hai ngài là anh em, đồng thừa kế mạch phái từ thiền sư Báo Từ Đức Thiều, làm tổ thứ sáu của dòng Quy Ngưỡng. Có thuyết nói rằng thiền sư Chí Khiêm làm vị tổ thứ sáu, còn thiền sư Từ Đạt thì làm tổ thứ bảy. Hệ phái Quy Ngưỡng truyền thừa rất ít. Vì vậy, sau này không có chỗ căn cứ để kiểm nghiệm. Song, Ngài ghép nối pháp danh của thiền sư Từ Đạt với mình để trích diễn ra năm mươi chữ truyền tông phái, hầu mong hậu hiền tiếp nối không đứt đoạn. Kệ viết:

"Từ đức tuyên diễn đạo đại hưng
Giới đỉnh hình biến ngũ phân tân
Huệ diễm di bố châu sa giới
Hương vân phổ ấm xán cổ kim
Từ bi tế thế nguyện vô tận
Quang siêu nhật nguyệt lãng thái thanh
Chấn khai điểm hoa hoằng quy thượng
Viên tướng tâm đăng vĩnh xương minh".

Dịch:

"Từ đức tuyên diễn hưng đại đạo
Hương giới tràn đầy khắp năm phần
Đuốc huệ chiếu soi khắp pháp giới
Mây hương bao trùm sáng cổ kim
Từ bi cứu thế nguyện vô tận
Sáng hơn nhật nguyệt trong xanh thẳm
Cầm hoa chấn khai, hoằng Quy Ngưỡng
Đuốc tâm tròn đầy mãi sáng soi".

Lại nữa, khi ở chùa Nam Hoa, Ngài biết chốn tổ đình dòng Vân Môn, hương khói vô định, tức có lúc nối tiếp có lúc ngừng. Vì vậy, Ngài quyết tâm khôi phục lại dòng thiền Vân Môn. Kiểm lại dòng Vân Môn thì thấy rằng tông này phát khởi từ thiền sư Văn Yển, rồi truyền được mười một đời, cho đến thiền sư KỶ Am Thâm Tịnh tại chùa Quang Hiếu, tỉnh Ôn Châu, thuộc triều Tống thì dừng. Dòng kệ từ tổ Văn Yển truyền đến đời thứ tám là Ưu Hồng Tăng, có hai mươi chữ. Sau này, không biết ai lại thêm vào hai mươi chữ truyền hệ phái. Vì vậy, cổ phái lại phân thành ba. Nay muốn kế tục hoằng truyền, nhưng Ngài lại không biết phải bắt đầu

từ chữ nào. Do đó, phải dùng pháp danh của Ngài, ghép với thiền sư Thâm Tịnh, để viết ra năm mươi sáu chữ, hầu mong các bậc hiền sĩ đời sau tấn bước, truyền đăng vô tận. Kệ viết:

"Thâm diễn diệu minh diệu càn khôn
Trạm tịch hư hoài hải ấn dung
Thanh tịnh giác viên huyền trí cảnh
Huệ giám tinh chân đạo đức dung
Từ bi hỶ xả xương phổ hóa
Hoằng khai điểm hoa tích truyền đăng
Kế chấn Vân Môn quan nhất chỉ
Huệ trạch thương sanh pháp vũ long".

Dịch:

"Thâm diễn diệu minh, sáng càn khôn
Lặng lẽ u hoài, hình hải ấn
Thanh tịnh viên giác, kính trí treo
Huệ giám tinh chân, dung đạo đức
Từ bi hỶ xả, xướng độ khắp
Cầm hoa hoằng khai, tiếp truyền đăng
Chấn thừa Vân Môn, chỉ nhất ải
Nguồn huệ dồi dào, mưa pháp tràn".

Mùa xuân năm Quý Dậu, thiền sư Minh Trạm từ Trường Đinh đến Nam Hoa, bảo rằng vừa sáng lập núi Bát Bảo tại Trường Đinh, chí nguyện muốn tiếp nối dòng Pháp Nhãn. Không biết lý do gì, thiền sư Minh Trạm lại khẩn thỉnh Ngài cứu vãn dòng hệ Pháp Nhãn. Đáp lời của thiền sư Minh Trạm, Ngài nói:

- Tông này xuất phát tại núi Thanh Lương ở Kim Lăng, và bị thất truyền đã lâu, nên không dễ dàng mà khôi phục lại. Kể từ đời Tống, Nguyên, tiếp nối lưu truyền. Tra trong bộ điển tịch, thiền sư Văn-ích khai mở hệ phái, truyền được bảy đời, cho đến thiền sư Tường Phù Lương Khánh thì ngưng, nên không thể kiểm duyệt hệ phái được nữa. Từ thiền sư Văn-ích truyền đến thiền sư họ Quang đời thứ sáu, có hai mươi chữ. Sau này, không biết người nào lại thêm bốn mươi chữ. Tuy có hai phái, nhưng con cháu lại ngưng truyền. Tra lại hệ phái thì thấy rằng thiền sư Văn-ích xuất sanh ra quốc sư Đức Thiều ở núi Thiên Thai cùng thiền sư Thái Khâm tại núi Thanh Lương. Điều tra hệ phái thì có hai thuyết: Một là quốc sư Đức Thiều truyền xuống cho thiền sư Lương Khánh. Một là thiền sư Thái Khâm truyền pháp xuống thiền sư Lương Khánh. Có nơi ghi bảy đời: "Ích, Thiều, Thọ, Thắng, Nguyên, Huệ, Lương".

Có nơi ghi: "Ích, Khâm, Tề, Chiếu, Nguyên, Huệ, Lương".

Nay muốn tiếp nối kế thừa, thật khó mà khảo chứng. Vì vậy, phải chọn ra hệ phái từ quốc sư Đức Thiều, rồi ghép pháp danh của Ngài cùng thiền sư Lương Khánh, mà viết ra dòng chữ hệ phái, để hậu hiền mãi mãi tiếp tục tương truyền huệ đăng.

Kệ viết:

"Lương hư bổn tịch thể vô lượng
Pháp giới thông dung quảng hàm tàng
Biến ấn xum la viên tự tại
Tắc không tình khí tổng chân thường
Duy tư thắng đức chiêu nhật nguyệt
Huệ đăng phổ chiếu động âm dương
Truyền tông Pháp Nhãn đại tương nghĩa

Quang huy địa cửu cố thiên trường".

Dịch:

"Hư không lặng lẽ, thể không cùng
Pháp giới dung thông, chứa đầy tràn
Ấn khắp xum la, tròn tự tại
Tình khí lấp không, thảy chân thường
Duy mình thắng đức, sáng nhật nguyệt
Đuốc huệ chiếu khắp, thấu âm dương
Truyền tông Pháp Nhãn, tương nghĩa lớn
Rạng ngời khắp nơi, mãi dài lâu".

Đại lão hòa thượng Hư Vân xuất gia tại núi Cổ Sơn. Từ đời Minh đến thời cận đại, hai tông Lâm Tế và Tào Động được tiếp nối tương truyền tại núi Cổ Sơn. Hòa thượng Diệu Liên dĩ nhiên là vị tiếp thừa hai tông Lâm Tế và Tào Động. Hòa thượng Diệu Liên truyền mạch pháp của hai tông này lại cho ngài Hư Vân.

Do đó, ngài Hư Vân làm vị tổ dòng Lâm Tế, đời thứ bốn mươi ba, và tổ dòng Tào Động, đời thứ bốn mươi bảy.

Dòng Quy Ngưỡng gần mấy trăm năm, không ai kế thừa. Do hòa thượng Bảo Sanh cùng chư sơn trưởng lão khẩn thỉnh, ngài Hư Vân làm vị tổ thứ tám, tính từ tổ khai sơn Quy Sơn Linh Hựu. Sau này, đại lão hòa thượng Hư Vân truyền lại cho đệ tử đắc pháp là ngài Độ Luân Tuyên Hóa (1918-1995), vị khai sơn chùa Vạn Phật Thánh Thành ở MỸ Quốc.

Dòng Pháp Nhãn đã bị thất truyền rất lâu. Do hòa thượng Thanh Trì và thiền sư Minh Trạm ở núi Bát Bảo khẩn thỉnh, ngài Hư Vân tiếp nối mạch pháp của thiền sư Lương Khánh, tức làm tổ sư dòng Pháp Nhãn, đời thứ tám.

Dòng Vân Môn cũng bị thất truyền đã lâu. Từ tổ khai sơn Văn Yển, truyền đến đời thứ mười một là thiền sư KỶ Am Thâm Tịnh. Vì muốn trùng hưng mạch phái Vân Môn, ngài Hư Vân tiếp thừa tông phái, làm tổ thứ mười hai, sau thiền sư KỶ Am Thâm Tịnh.

2/ Nhân duyên của quyển Tăng Đính Phật Tổ Đạo Ảnh [^]

Truy cứu từ đời Minh, bốn quyển Phật Tổ Đạo Ảnh do hai thầy Chân Tịch và Vân Phúc phát tâm sưu tập tất cả hình ảnh, pháp tướng, kệ cú của chư thánh tăng Ấn Độ và Trung Quốc, gồm có hai trăm bốn mươi tôn tượng, được lưu trữ tại tự viện núi Ngưu Thủ. Sau này, đại sư Hám Sơn tuyển chọn truyện tán; ngài Tử Bá khắc bản lưu truyền. Đời Thanh, niên hiệu Sùng Trinh, hòa thượng Vĩnh Giác tại chùa Dõng Tuyền, núi Cổ Sơn lại sưu tập thêm hơn một trăm ba mươi pháp tướng và kệ cú của chư Tổ Sư, rồi khắc bản lưu truyền, nhưng lâu ngày lại bị lạc mất hết. Niên hiệu Khang Hy, năm thứ tư, thầy Vi Lâm gom nhóm và bổ khuyết lại. Tất cả được một trăm hai mươi hai tôn tượng và kệ cú. Sau này được khắc in, gọi là bản Phật Tổ Đạo Ảnh.

Thời cận đại, khi trụ trì tại chùa Dõng Tuyền, ngài Hư Vân phát hiện bản trân bảo này. Nhận thấy bản Phật Tổ Đạo Ảnh rất có giá trị về lịch sử Thiền tông, nên Ngài trùng tân chỉnh lý. Ngài lại đi khắp nơi sưu tập các tư liệu về tông phái của chư Tổ Sư, thánh tăng Ấn Độ và Trung Quốc. Cộng chung với bản cũ và tư liệu sưu tập, tất cả hơn ba trăm ba mươi vị Tổ Sư. Do đó, Ngài thêm truyện kệ cú tán, rồi xuất bản thành bốn quyển, được gọi là Tăng Đính Phật Tổ Đạo Ảnh Truyện Tán.

Hiện nay, bốn quyển này được cố hòa thượng Tuyên Hóa, đệ tử truyền tâm ấn của đại lão hòa thượng Hư Vân, xuất bản tại chùa Vạn Phật Thánh Thành.